NGUYÊN PHONG



Muôn Kiếp Nhân Sinh



MANY LIVES - MANY TIMES



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

First News
Where there's a will - there's a way

NGUYÊN PHONG

MUÔN KIẾP NHÂN SINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: Trần Thị Ly

Sửa bản in: Sơn Ca

Bìa & Trình bày: First News

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP. HCM

ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225

Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn

Sách điện tử: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. HCM

ĐT: (028) 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86-88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP. HCM

ĐT: (028) 39 433 868

GIAN HÀNG MỚI - ĐƯỜNG SÁCH TP. HCM

Đường Nguyễn Văn Bình, Q. 1, TP. HCM

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT

(First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

In 10.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại công ty TNHH

MTV ITAXA (126 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP. HCM). XNĐKXB số 648-202 l/CXBIPH/06-43/THTPHCM ngày 26/02/2021 - QĐXB số 263/QĐ-THTPHCM-2021 cấp ngày 07/05/2021. In xong và nộp lưu chiểu quý 11/2021. ISBN: 978-604-312-800-0.

Lời giới thiệu

CUỐN SÁCH CỦA NHỮNG CÁNH BƯỚM RUNG ĐỘNG

Tác phẩm **Muôn Kiếp Nhân sinh** tập 1 của tác giả Nguyên Phong xuất bản giữa tâm điểm của đại dịch đã thực sự tạo nên một hiện tượng xuất bản hiếm có ở Việt Nam. Cuốn sách đã khơi dậy những trực cảm tiềm ẩn của con người, làm thay đổi góc nhìn cuộc sống và thức tỉnh nhận thức của chúng ta giữa một thế giới đang ngày càng bất ổn và đầy biến động. Ngoài việc phát hành hơn 200.000 bản trong 6 tháng, chưa kể lượng phát hành Ebook và Audio Book qua Voiz- FM, First News còn nhận được hàng ngàn tin nhắn, email chuyển lời cảm ơn đến tác giả Nguyên Phong. Điều này chứng tỏ sức lan tỏa của cuốn sách đã tạo nên một hiện tượng trong văn hóa đọc của năm 2020.

Khởi duyên cuốn sách **Muôn Kiếp Nhân Sinh** là cuộc điện thoại lúc đêm khuya từ Việt Nam qua Mỹ vào cuối năm 2016. Khi cảm nhận thế giới xung quanh còn quá nhiều áp bức, bất công và điều ác đang diễn ra, tôi đã đề nghị tác giả Nguyên Phong viết một cuốn sách về Nhân quả để cảnh báo và thức tỉnh con người (tác phẩm *Hành Trình về Phương Đông* do ông viết phóng tác gần năm mươi năm trước đã làm nhiều thế hệ người Việt Nam thay đổi tâm thức và được yêu thích cho đến giờ).

Lúc đó, tác giả Nguyên Phong đã kể tôi nghe về câu chuyện nhân quả và tiền kiếp đặc biệt kỳ lạ của Thomas - một doanh nhân thành đạt ở New York và cũng là người bạn tâm giao mà ông đã từng gặp ở Đại học Đài Bắc năm 2008. Sau cuộc điện thoại đêm khuya đó, ông đã lẳng lặng bay đến New York gặp Thomas và đề nghị được viết những câu chuyện lạ thường của Thomas thành sách.

Và bất ngờ - Thomas đã đồng ý.

Muôn Kiếp Nhân sinh đã ra đời một cách kỳ lạ như cuốn sách của nhân duyên và có một sứ mệnh đặc biệt. Tôi và nhiều độc giả Việt Nam đã thực sự lay động và đồng cảm sâu sắc với những lời chia sẻ tâm huyết của Thomas ở những trang sách cuối tập 1: *"Tôi mong chúng ta - những cánh bướm bé nhỏ rung động mong manh - cũng có thể tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh mọi người"*.

Tiếp nối các kiếp sống kỳ lạ của Thomas ở nền văn minh Atlantis và Ai Cập hùng mạnh ở tập 1, **Muôn Kiếp Nhân Sinh** tập 2 là cuộc hành trình vô tiền khoáng hậu tiếp theo của Thomas trên chuyến tàu xuyên thời gian - không gian trải dài từ nước Mỹ đương đại, ngược về vùng sa mạc Lưỡng Hà Assyria cho đến Hy Lạp, Ba Tư, Ấn Độ cổ đại qua những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế. Những ký ức về chiến binh kiêu hùng Achilles trong trận công thành Troy huyền thoại và sự thức tỉnh bất ngờ của vị đại đệ bất bại khi chinh phục quốc gia huyền bí đã vẽ nên bức tranh kỳ vĩ về thân phận con người luôn phải xoay vần không ngừng trong bão tố Nhân quả của tham vọng, chiến tranh, hận thù và tình yêu trong suốt chiều dài lịch sử thế giới.

Không chỉ là những bài học sâu sắc về Nhân quả của Thomas, **Muôn Kiếp Nhân sinh** tập 2 còn vén bức màn bí ẩn và khám phá hành trình bất tận của những linh hồn qua các tầng cõi, trạm trung chuyển trong muôn vàn kiếp sống... Tất cả được đúc kết, xâu chuỗi lại một cách logic bằng góc nhìn hài hòa giữa tâm linh, khoa học, triết học và lịch sử các nền văn minh từ Đông sang Tây, từ cổ đại đến hiện đại.

Thông qua những cuộc trò chuyện đầy tính minh triết, tác phẩm **Muôn Kiếp Nhân Sinh** tập 2 cũng đưa ra cách chuyển hóa nghiệp quả, đồng thời cảnh báo về những hiểm họa, biến động lớn trong tương lai của nhân loại cũng như gửi gắm những thông điệp chữa lành. Đây sẽ là khởi đầu một kỷ nguyên mới với cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức và cũng là con đường minh triết nhất để thức tỉnh, cứu mỗi người, cứu lấy sự sống trái đất đang bên bờ của những khủng hoảng, hiểm họa khó lường.

Các nhà hiền triết đã chỉ rõ quá trình thức tỉnh bắt đầu từ chính mỗi người. Và đó sẽ không phải là hành trình vô vọng nếu chúng ta cùng thật sự ý thức được ý nghĩa sống và sứ mệnh của mình. Tương lai chúng ta có trở nên tốt đẹp hơn hay không là do năng lượng từ chính những suy nghĩ, hành động của chúng ta ngày hôm nay.

Khi tâm huyết viết **Muôn Kiếp Nhân Sinh**, tác giả Nguyên Phong mong muốn truyền tải những thông điệp thức tỉnh cùng những lời cảnh báo đầy trách nhiệm với một trái tim giàu lòng trắc ẩn, yêu thương để mọi người cùng nhận thức, chuyển đổi - như những cánh bướm rung động mãnh liệt lan tỏa đến với nhiều người. Bởi tận cùng của những rung động lan tỏa đó sẽ tạo ra sự chuyển đổi tâm thức để tạo nên một tương lai tốt đẹp hơn cho mỗi người và cho nhân loại.

Ngoài ra không còn bất kỳ lý do nào khác.

Bôn ba muôn nẻo nhân sinh.

Không ai mang theo được thứ gì khi rời xa thế giới này - trừ công và tội.

Chính bạn mới có thể chuyển hóa được nghiệp quả của mình - không phải bất kỳ một ai khác.

Nhân quả đừng đợi thấy mới tin. Nhân quả là bảng chỉ đường, giúp con người tìm về thiện lương.

- **Nguyễn Văn Phước**
Sáng lập First News - Trí Việt

Phần một

KHỞI HÀNH: MỘT THẾ GIỚI KHÔNG CÒN NHƯ TRƯỚC

Tôi đã gọi điện cho Thomas nhiều lần nhưng không có ai trả lời. Đây là điều hiếm khi xảy ra, vì ngay cả khi bận rộn thì Thomas cũng sẽ gọi lại cho tôi ngay sau đó. Tôi gửi email, nhắn tin qua các ứng dụng cũng không thấy phản hồi, không có dấu hiệu đã xem tin nhắn. Điều này làm tôi cảm thấy lo lắng và bất an, không hiểu chuyện gì đã xảy ra với người bạn của mình.

Một buổi tối muộn, lúc đó đã gần nửa đêm, bất ngờ tôi giật mình vì tiếng chuông điện thoại khi đang viết bản thảo cho tập sách tiếp theo. Thường thì rất ít khi có ai gọi cho tôi vào lúc đêm khuya như thế này. Tôi cầm điện thoại, bên kia đầu dây là Thomas:

- Rất xin lỗi anh, mấy hôm nay tôi không sử dụng điện thoại vì một số lý do. Những ngày qua chắc hẳn anh đã chứng kiến những biến động bất ngờ đang lan rộng. Tuy nhiên, không chỉ New York, hay nước Mỹ mà gần như cả thế giới đang đi qua những khủng hoảng chưa từng có. Tôi cũng vừa trải qua những xáo trộn và sự chuyển đổi tâm thức kỳ lạ. Linh cảm báo cho tôi biết những điều ông Kris lo lắng cảnh báo đang xảy ra. Tôi đã không liên lạc được với ông Kris. Do đó, tôi thật sự muốn nói chuyện với anh. Tôi có nhiều bạn bè nhưng không phải với ai tôi cũng có thể chia sẻ những điều này được. Biến động sẽ còn lan rộng phức tạp hơn thế nhiều, nhưng đó chỉ là sự khởi đầu cho một kỷ nguyên mới đầy những thách thức và có thể làm biến chuyển thế giới. Tôi tin rằng mọi thứ sắp xảy ra trên toàn cầu sẽ còn tồi tệ hơn và sẽ không giống như những dự báo mà mọi người đang đọc trên những dòng tin. Hầu như mọi người vẫn chưa hiểu hết nguồn gốc thực sự và sâu xa của những điều đang diễn ra...

Tôi chợt cảm thấy bồn chồn nên ngắt lời Thomas:

- Tôi cũng có theo dõi tình hình đang diễn ra. vậy cảm nhận riêng của ông thế nào?

- Anh còn nhớ vào lần gặp trước ở Colorado, tôi đã chia sẻ với anh tiên đoán

của ông Kris về những điều quan trọng sẽ xảy ra trên thế giới này không? Nó đã và đang đến rất nhanh! Có lẽ loài người đã đến lúc phải nhận lãnh hậu quả từ những gì mình gây ra. Một số quốc gia lớn đã đi vào chu kỳ "hoại" của vũ trụ. Ngay cả nước Mỹ tiên tiến với hơn ba trăm triệu người và thế giới rộng lớn hơn bảy tỷ người đã mấy ai thấu hiểu rõ luật Nhân quả của vũ trụ đâu?

- Tôi vẫn nhớ những dự ngôn sâu sắc đó của ông Kris.

Tôi vừa đáp vừa hồi tưởng lại những gì Thomas đã nói trong lần gặp cuối cùng trước lúc chia tay.

Giọng Thomas chợt trở nên xa xăm:

- Thế nhưng, con người trong thế giới này còn rất chủ quan. Họ đang sống và chạy theo quán tính hơn là thức tỉnh. Họ không phải không có thời giờ mà là không có cơ duyên để thức tỉnh, có lẽ con người cần phải học bài học của mình rồi! Không có cách nào khác. Anh cũng biết rằng thức tỉnh một kẻ phá sản, thất nghiệp hay cơ hàn còn dễ hơn là thức tỉnh những kẻ đang ngạo nghễ với nhiều lớp vỏ bọc bên ngoài dày cộp - nào là giàu có, tiếng tăm, địa vị, chức tước, bằng cấp... nhưng những giá trị bên trong như lòng trắc ẩn, tình yêu thương và sự hiểu biết tâm linh của họ lại hầu như rỗng tuếch hoặc quá nghèo nàn.

Dừng lại một chút, Thomas hạ giọng:

- Đừng mất thời giờ nữa. Ngày mai, anh hãy bay ngay đến New York gặp tôi. Chúng ta cần tiếp tục trao đổi những câu chuyện quan trọng còn dang dở. Tôi đã thu xếp mọi thứ để anh có thể yên tĩnh viết và nghỉ lại. Anh hãy đặt vé chuyến bay sớm nhất có thể. Nhớ cho tôi biết giờ bay, tôi sẽ đón anh ở sân bay. Hẹn gặp anh vào ngày mai.

Tôi để điện thoại xuống và lặng đi vài phút. Giọng Thomas chưa bao giờ khẩn thiết đến như vậy.

Mới cách đây không lâu, trước khi chuông điện thoại reo, tôi đã cầm cuốn tạp chí *The New Yorker* với tấm ảnh bìa lịch sử là người đàn ông chơi vĩ cầm đơn độc trên nóc nhà cao vắng lặng. Tôi vừa nhìn khá lâu vào tấm ảnh bìa đó vừa có những dự cảm không hay thì cuộc gọi kỳ lạ của Thomas không ngờ lại trùng khớp hoàn toàn với những cảm giác bất an của tôi lúc đó.

Tôi đặt vé cho chuyến bay sớm nhất đi New York, thu dọn một số hành lý cần thiết, máy ghi âm và đồ dùng thiết yếu cho chuyến đi không ngắn ngày.

Tôi chợt cảm nhận sự thanh tĩnh lạ thường. Cuộc đời tôi cũng không ít lần có những chuyến bay gấp như thế này. Tôi là người làm khoa học nên mọi thứ cần phải được lên kế hoạch trước, nhưng với Thomas và trong hoàn cảnh này thì khác. Đây không phải chuyến bay công việc bình thường. Tôi biết cuộc gặp gỡ với Thomas ngày mai quan trọng không chỉ với riêng tôi.

Dường như sâu thẳm trong tâm thức tôi có sự lay động về một sứ mệnh thiêng liêng vừa chợt tới. Sứ mệnh đó không chỉ của riêng tôi mà là của tất cả chúng ta đối với tương lai thế giới này.

New York

KHỞI ĐẦU MỘT KỶ NGUYÊN MỚI

Sân bay John F. Kennedy buổi chiều hôm đó vắng vẻ lạ thường, khác hẳn khung cảnh đông đúc thường ngày. Chuyến bay của tôi cũng vắng khách và khi đáp xuống ai cũng vội vã rời sân bay. Thomas đã đợi tôi ở cổng. Ông niềm nở đón tôi về nhà cất hành lý và dùng bữa tối đã được chuẩn bị sẵn ở sân vườn nhà ông tại Manhattan.

Sau khi hoàn thành phần ghi chép về các câu chuyện tiền kiếp trong những cuộc gặp gỡ giữa tôi và Thomas trước đó, tôi đã có ý định đến New York thăm ông để nhờ ông duyệt lại và tiếp tục những câu chuyện còn dang dở.

Tôi chưa kịp mở lời để hẹn với Thomas thì ông đã chủ động mời tôi đến nhà.

Thomas đón tiếp tôi nồng nhiệt, như thể đã chờ cuộc gặp này từ lâu. Trong bữa tối ngoài khu vườn yên tĩnh, Thomas hỏi thăm tôi về tình hình sức khỏe, công việc và cho biết ông cũng đang nóng lòng chờ đợi tập bản thảo của tôi. Sau đó, ông kể cho tôi nghe những điều kỳ lạ vừa trải nghiệm trong những ngày tháng vừa qua mà trong điện thoại ông không nói hết được. Tôi chăm chú lắng nghe

từng lời Thomas kể, đôi lúc dừng lại để ghi chép. Ông phân tích nguồn gốc sâu xa của những biến động chưa từng có đang diễn ra và khẳng định:

- Tất cả mới chỉ bắt đầu.

Thomas trầm ngầm trong giây lát rồi nói tiếp:

- Việc này đến nhanh hơn chúng ta nghĩ. Thế giới này có lẽ sẽ không trở về như xưa được nữa. Những lá phổi của hành tinh này đang bị hủy hoại, dịch bệnh chết người kỳ lạ đang lan rộng, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt hơn và nguy cơ chiến tranh lại chực chờ với những mâu thuẫn ngầm nhiều năm sắp bùng phát... Tất cả những điều chúng ta đang chứng kiến chỉ là những cú rung lắc khởi đầu cho những cơn địa chấn thực sự.

Bất ngờ Thomas nhìn tôi và hỏi:

- Anh có biết ai đã kích hoạt tất cả những điều đó không?

Tôi trả lời:

- Thông qua lịch sử, chúng ta đều biết các xu hướng chính trị, kinh tế, văn hóa đều có tính chu kỳ. Chúng sẽ phát triển cực thịnh, rồi bị đào thải, hủy diệt và tái sinh... Sự biến đổi thế giới hay đời người cũng như những vòng tròn bất tận mà trong lần trao đổi trước, chúng ta đã biết nó được gọi là *Chu kỳ*. Chúng ta đã biết về *động lực* và *phản lực*, cái mà hành tinh này đang trải qua chính là giai đoạn chịu ảnh hưởng của phản lực. Còn động lực, chính là những hành động của con người. Chúng ta dường như đang đi vào giai đoạn đặc biệt của hành tinh và có thể sẽ chứng kiến sự khởi đầu một kỷ nguyên mới.

Thomas gật đầu:

- Đúng vậy, tất cả hành vi con người chính là nguồn gốc kích hoạt những hiện tượng này. Đúng như anh nói, một kỷ nguyên mới sắp bắt đầu nhưng trước khi đến được đó, thế giới sẽ trải qua nhiều khủng hoảng, chuyển đổi và có cả hủy diệt. Chúng ta đang bước vào một thời kỳ bất ổn, biến động và hiện giờ khó ai có thể nói chính xác chi tiết về viễn cảnh thế giới trong tương lai. Nền khoa học tưởng như kiệt xuất của con người chỉ có thể chạy theo các sự kiện mới liên tục xảy ra. Nhưng tương lai không nhất thiết diễn ra theo hướng tồi tệ, vì chúng ta vẫn có thể tác động để làm cho tương lai tốt đẹp hơn.

Tôi đồng tình với Thomas:

- Tôi biết không có điều gì tuyệt đối đúng và không có điều gì là không thể thay đổi. Rõ ràng nhất là các quan niệm khoa học mỗi thời kỳ lại mỗi khác. Ở một góc độ nào đó, tôi vẫn tin rằng mỗi người vẫn có thể chuyển đổi số phận của mình.

Thomas lắng nghe và gật đầu:

- Điều anh nói đúng với từng cá nhân đơn lẻ và cũng có thể áp dụng với toàn thể. Chúng ta đang chứng kiến một thời điểm lạ thường của thế giới, khi quy luật vũ trụ và tự nhiên đang xoay vần ở phạm vi rộng lớn, bao hàm mọi thứ trong vòng tròn nhân quả. Nếu chúng ta không biết ngọn nguồn của những tai ương mà thế giới đang đối mặt thì không thể làm gì để thay đổi nó. Ngạn ngữ cổ có câu: *"Tất cả tai họa đều bắt nguồn từ chính suy nghĩ và hành động của chúng ta"*. Nhân đã gieo thì sớm muộn cũng trổ quả, bất kể ta có chạy thật nhanh về hướng tương lai, tảng lờ những sai lầm quá khứ, lấy cái này khỏa lấp cái khác, thì sớm muộn gì ta cũng phải đối mặt với những hậu quả từ những việc làm của quá khứ. Con người đã hủy diệt hành tinh xanh này nhanh chưa từng thấy, chỉ trong vài chục năm ngắn ngủi, địa cầu đã bắt đầu bước vào đợt tuyệt chủng thứ sáu.

Thiên tai, dịch bệnh sẽ ngày càng trở nên khủng khiếp và xảy ra thường xuyên hơn, đe dọa mạng sống con người. Tương lai sẽ còn những tai ương khó lường, mực nước biển dâng cao khi những tảng băng khổng lồ ở hai đầu cực tan nhanh, có thể giải phóng ra rất nhiều mầm bệnh lạ đã chôn vùi hàng triệu năm...

Tôi trầm ngâm trước những điều Thomas nói:

- Không lẽ, các quốc gia lớn không hợp lực lại tìm giải pháp được sao? Theo ông, giải pháp nào là hữu hiệu nhất lúc này?

Thomas cười:

- Anh có thể thấy rõ, xuyên suốt lịch sử, các cường quốc lớn chưa bao giờ thực sự đoàn kết, cùng ngồi lại với nhau để tìm ra hướng đi chung. Có những quốc gia đang gia tăng ảnh hưởng, tham vọng và mưu đồ, còn các quốc gia nhỏ khác thì cũng đang vất vả tư lo liệu.

Là một nhà khoa học nghiên cứu về công nghệ, anh cũng biết rằng các phát kiến của khoa học kỹ thuật luôn có hai mặt, tốt và xấu, tích cực và tiêu cực. Sự phát triển của kỹ thuật, công nghệ và các ngành thương mại khác luôn đi cùng với sự hao tổn tài nguyên thiên nhiên. Tôi có cơ duyên học hỏi để nhìn nhận mọi việc rõ ràng hơn sau những điều sâu sắc ông Kris từng chia sẻ. Việc chúng ta gặp nhau, trao đổi những trải nghiệm, những suy nghĩ tâm đắc, dẫn đến việc anh viết chúng thành sách đều không phải là ngẫu nhiên, mà cũng là một nhân duyên đặc biệt được sắp đặt. Câu chuyện mà tôi muốn chia sẻ với anh tiếp sau đây sẽ khá dài, chúng ta có thể bắt đầu triển khai câu chuyện này từ góc nhìn của khoa học - trong một thế giới hữu hình xen lẫn vô hình. Rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, chưa giải thích được hoặc không thể nhìn thấy không có nghĩa là nó không tồn tại.

Chúng tôi dùng bữa xong thì trời cũng đã tối và bắt đầu trở lạnh. Từng luồng gió từ biển thổi vào. Thomas mời tôi vào phòng làm việc của ông, cẩn thận đóng cửa để tránh bị làm phiền. Thomas pha một ấm trà nóng mời tôi. Tôi để ý một bức tranh vẽ cảnh Hy Lạp cổ đại rất đẹp ở mảng tường chính của phòng làm việc được ánh đèn vàng nhẹ hắt chiếu vào, bên cạnh là chiếc kính viễn vọng đầu tiên do Chester Moore Hall chế tạo vào năm 1758 mà thường chỉ nhìn thấy ở các viện bảo tàng. Trên bàn làm việc lớn có một tờ báo mở sẵn bài viết liên quan đến hiện tượng vật thể bay không xác định trong không gian UFO.

Nhận thấy sự chú ý của tôi, Thomas chỉ vào bài báo và hỏi:

- Anh nghĩ thế nào về hiện tượng UFO?

Hơi bất ngờ về việc Thomas chuyển chủ đề, tôi trả lời:

- Tôi không mấy khi để ý đến những việc như thế này. Nhiều người tin rằng đã có những sinh vật ngoài không gian thăm viếng địa cầu. Người khác lại cho rằng đó chỉ là sự tưởng tượng được phóng đại do ảnh hưởng của các tiểu thuyết khoa học giả tưởng.

Thomas mỉm cười, thong thả nói:

- Phi hành gia Edgar Mitchell, bạn thân của tôi, anh đã gặp ông ấy ở Đại học Đài Bắc, chắc anh vẫn còn nhớ, ông ấy từng nói với tôi rất nhiều về đề tài UFO. Edgar tin UFO là có thật nhưng chính phủ Hoa Kỳ đã giấu nhẹm chuyện này đi. Là nhà khoa học của cơ quan nghiên cứu vũ trụ NASA và là một trong sáu phi

hành gia đã đặt chân lên mặt trăng trên Phi thuyền Apollo 14, Edgar khẳng định rằng trong vũ trụ còn có rất nhiều hành tinh khác, với các sinh vật sinh sống trên đó. Những sinh vật này có lẽ không giống loài người, vì điều kiện sinh sống ở các hành tinh kia khác với địa cầu và một số sinh vật trong số đó có thể đã du hành không gian đến hành tinh của chúng ta.

Tôi ngạc nhiên khi nghe ông nói vậy, liền hỏi lại:

- Edgar đã khẳng định thế sao? Ông ấy có chia sẻ gì thêm với ông không?

Thomas trả lời:

- Theo Edgar, trái đất này không phải là hành tinh duy nhất có sự sống. Trước đây, mặc dù có nhiều báo cáo và hình ảnh về vật thể bay không xác định từ nhiều nơi trên thế giới, nhưng phần lớn là dàn dựng, ngụy tạo. Tuy vậy, cũng có vài trường hợp rất đáng tin cậy. Ví dụ như việc một chiếc đĩa bay của người ngoài hành tinh rơi xuống vùng Roswell, tiểu bang New Mexico vào năm 1947, có hình ảnh rõ ràng. Dĩ nhiên, chính phủ Hoa Kỳ sau đó đã phong tỏa nghiêm ngặt toàn bộ khu vực này. Mọi tài liệu, hình ảnh thu nhận đều đóng dấu tối mật nên không ai có thể kiểm tra hay xác minh, với thâm niên làm việc cho cơ quan nghiên cứu vũ trụ NASA, Edgar đã được xem những tài liệu mà ít ai được biết. Ông ấy nói rằng một số khoa học gia khác cũng được xem nhưng vì không muốn gặp rắc rối nên không ai muốn đề cập gì về chuyện đó.

Tôi thấy rất thú vị, hỏi thêm:

- Vậy Edgar đã kể gì với ông về những việc diễn ra sau đó?

Thomas chậm rãi trả lời:

- Việc đề cập đến sự hiện hữu của sinh vật ngoài hành tinh từ một người có uy tín như phi hành gia Edgar Mitchell đã làm cho NASA lúc ấy rất khó xử. Sau đó, phát ngôn viên của cơ quan này phải tuyên bố rằng NASA là cơ quan nghiên cứu khoa học chứ không phải nơi theo dõi các hiện tượng lạ trên hành tinh này. Họ không xác nhận hay phủ nhận sự tồn tại của sinh vật ở các hành tinh khác, vì việc này không nằm trong đối tượng nghiên cứu của họ. Mục tiêu chính lúc đó của NASA là làm sao để đưa con người lên không gian mà thôi.

Thomas suy nghĩ một lúc, rồi tiếp tục:

- Edgar cho tôi biết ông ấy đã đề cập chi tiết về việc chiếc đĩa bay rơi ở Roswell với các viên chức thuộc Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ. Họ nói với ông rằng có những việc cần được giữ bí mật, vì từ chiếc đĩa bay đó, họ đã khám phá nhiều kỹ thuật tối tân, tiên tiến vượt bậc, không thể để lọt bí mật này vào tay bất kỳ quốc gia nào khác. Anh biết đó, lúc bấy giờ cuộc chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên xô đang vào giai đoạn căng thẳng nhất. Bộ Quốc phòng đã chính thức yêu cầu Edgar không được nói gì thêm về đề tài vật thể bay không xác định.

Đến đây thì tôi thật sự thấy hứng thú với chủ đề, tôi hỏi tiếp:

- Nhưng Edgar có bao giờ thật sự nhìn thấy UFO chưa?

Thomas lắc đầu:

- Mặc dù là phi hành gia và đã bay nhiều chuyến trong không gian, cũng đã từng đặt chân lên mặt trăng, nhưng Edgar chưa từng tận mắt nhìn thấy một vật thể bay lạ nào. Tuy nhiên, ông ấy tin rằng chiếc đĩa bay bị rơi ở Roswell thật sự thuộc về một nền văn minh ngoài trái đất đang bí mật theo dõi sự phát triển của hành tinh chúng ta. Khu vực chiếc đĩa bay rơi ở Roswell là một làng nhỏ nằm gần white Sand, hiện nay vẫn đang là khu vực phong tỏa quân sự tối mật của Hoa Kỳ, được gọi là vùng cấm số 51 *(Prohibited Area 51)*.

Thomas im lặng suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Edgar Mitchell là người rất thông minh nhưng trực tính, ông ấy có tư duy tiến bộ, muốn chia sẻ kiến thức với mọi người, muốn mở rộng nghiên cứu khoa học đến những chân trời mới, khám phá những điều mới lạ mà loài người chưa từng được biết. Tuy nhiên, ông ấy cũng đã khiến nhiều nhà khoa học nổi tiếng lúc đó không lấy gì làm vui vẻ bởi những tuyên bố của mình, và ông cũng hứng chịu nhiều búa rìu dư luận, từng bị quy là “phản khoa học”. Thật ra ít ai trên đời này có thể hiểu được đầu óc của những thiên tài, vì sự suy nghĩ của họ vượt xa chúng ta rất nhiều.

Tôi im lặng một chút rồi chợt nhớ lại chuyện trước đây:

- Trong buổi nói chuyện tại Đài Bắc với giáo sư Raymond Yeh, phi hành gia Mitchell đã đề cập đến việc cuộc cách mạng khoa học có thể lật đổ những quan niệm cũ, tồn tại từ trước đến giờ. Lúc đó, tôi và giáo sư Yeh không nghĩ rằng

điều đó có thể sớm xảy ra. Edgar có nói thêm gì về việc này không?

Thomas gật đầu xác nhận:

- Tôi nhớ lúc đó phi hành gia Edgar không nói gì thêm, sau đó chúng tôi cũng chưa có dịp đi sâu vào vấn đề này. Tuy nhiên, ông ấy vẫn tin rằng đã đến lúc chúng ta phải xem xét nghiêm túc lại những hậu quả không mong muốn mà khoa học kỹ thuật đã tạo ra. Ông ấy tin rằng với những khám phá và dữ liệu khoa học mới, người ta có thể thay đổi nền tảng của khoa học thực nghiệm đã được thiết lập từ hàng trăm năm nay. Từ trước đến nay, chúng ta mặc nhiên chấp nhận một số kiến thức và ứng dụng khoa học mà không hề đặt câu hỏi về giá trị thật và tác dụng không mong muốn của chúng, có thể những kiến thức khoa học này thật sự hữu ích vào thời điểm chúng được khám phá ra, nhưng hiện nay thế giới đã dần đổi khác, chúng ta cần những kiến thức mới, thích hợp với tình trạng thực tế ngày nay hơn. Đã đến lúc cần đặt câu hỏi rằng liệu chúng ta có thể tuyệt đối tin tưởng những gì chúng ta đã từng chấp nhận trước đây không? Dĩ nhiên, một số người vẫn tin vào những kiến thức này, vì nền tảng khoa học cũng như lý thuyết về kinh tế, xã hội, nhân văn đều được xây dựng trên đó. Nhưng Edgar cho rằng trong tương lai sẽ có những nghiên cứu và dữ kiện mới được khám phá, chứng minh rằng các giá trị mà chúng ta vẫn tin tưởng không còn thích hợp nữa và một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu.

Tôi hỏi tiếp:

- Nhưng liệu Edgar có tin rằng những kiến thức khoa học ngày nay có thể sụp đổ không?

Thomas trả lời:

- Edgar cho biết, ông nghĩ rằng con người thường có khuynh hướng quan tâm đến những việc xảy ra trong tương lai mà hiếm khi nào quay lại kiểm chứng những niềm tin cũ. Có biết bao nhiêu thứ được coi là "Đúng" của thế kỷ thứ 19 mà nay đã được chứng minh là hoàn toàn "Sai". Ngày nay, nhìn lại một số lý thuyết khoa học của thế kỷ 20, chúng ta đã thấy có những lỗ hổng từ căn bản. Có thể những lý thuyết này không hoàn toàn sai nhưng chưa hoàn chỉnh, còn thiếu sót, cần bổ túc thêm. Chúng ta sống trên trái đất nên tầm nhìn thường bị giới hạn vào một nơi chốn, một thành phố hay một quốc gia, nhưng khi bước ra ngoài không gian thì mọi thứ đều đổi khác. Khi lơ lửng trong không gian bao la vô tận đó, ta thấy toàn thể trái đất mới thật sự là quê hương thân thương của mình. Từ đó, mọi quan

niệm phân biệt về quốc gia, chủng tộc, chính trị, tôn giáo, văn hóa, xã hội đều thay đổi. Không ai chứng kiến sự vĩ đại của vũ trụ và sự nhỏ bé của trái đất mà không khỏi giật mình vì những điều chúng ta đã gây ra cho trái đất thân yêu của mình. Edgar nói rất rõ: *"Không một ai bước ra ngoài không gian mà không thay đổi. Không người nào đã mở rộng tầm mắt lại chấp nhận chui trở lại vào cái vỏ ốc đã giam hãm mình từ bao năm qua"*. Buổi nói chuyện với Hòa thượng Thánh Nghiêm đã khiến cho Edgar nghĩ nhiều về mối tương quan giữa con người và vũ trụ. Điều đó đã giúp ông ấy có động lực mạnh dạn đi theo con đường mà ông ấy đề xướng, rằng sẽ có một cuộc cách mạng khoa học và thay đổi xảy ra trong tương lai gần. Anh có biết tại sao Edgar nghĩ như thế không?

Tôi lắc đầu, Thomas nói tiếp:

- Vì tất cả nền tảng của khoa học thực nghiệm đều dựa trên những giác quan của con người. Họ phải nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy và phải sử dụng dụng cụ khoa học, máy móc để đo lường và kiểm chứng. Máy móc càng tối tân, dữ kiện càng chính xác, thì những lý thuyết đặt ra càng được công nhận. Tuy nhiên, giác quan của chúng ta có giới hạn, do đó mọi quan niệm, mọi lý thuyết, mọi suy nghĩ của chúng ta đều bất toàn. Qua trải nghiệm về cảm giác hòa nhập với vạn vật, Edgar ý thức rõ sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Khi trở về, ông đã đặt câu hỏi rồi ngạc nhiên về sự giới hạn của nền khoa học thực nghiệm mà ông đã theo đuổi từ bao lâu nay. Sau buổi nói chuyện với Hòa thượng Thánh Nghiêm về kinh *Hoa Nghiêm*, về sự tương quan và tương nhập của vạn vật trên thế gian, Edgar nói với tôi rằng ông ấy đã mở rộng tầm mắt đến những chân trời mới lạ mà ít nhà khoa học nào để ý đến. Ông ấy không ngờ từ lâu các nhà hiền triết phương Đông đã biết cách phát triển những giác quan siêu việt để phá vỡ những giới hạn mà khoa học hiện nay chưa thể vượt qua. Đó là những giác quan nội tại mà một khi được khám phá có thể đánh đổ nhiều quan niệm thiếu sót hay sai lầm mà hiện nay chúng ta tin tưởng. Đó là lý do ông ấy quyết tâm thúc đẩy các cuộc nghiên cứu về mối liên hệ giữa khoa học và trải nghiệm nội tại. Hiện nay, các cuộc nghiên cứu này vẫn đang được tiếp tục tại *Viện Khoa học Tinh thần (The Institute of Noetic Sciences)* mà Edgar thành lập tại California.

Tôi hỏi thêm:

- Việc nghiên cứu này hiện tiến triển ra sao rồi?

Thomas mỉm cười:

- Thời gian đầu tôi cũng thường đến thăm Edgar Mitchell và theo dõi các cuộc nghiên cứu này. Hiện nay, tôi không mấy để ý đến việc này nữa. Tôi muốn dành thời gian cho những điều mình quan tâm nhiều hơn.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng chẳng phải ông là một trong những người đã hỗ trợ thành lập viện nghiên cứu cũng như đã tài trợ cho các cuộc nghiên cứu này sao?

Thomas im lặng một lúc rồi nói:

- Đúng vậy, nhưng các nghiên cứu này sẽ khó có được kết quả khi mà mọi người vẫn đi tìm giải pháp thông qua những thí nghiệm khoa học bên ngoài thay vì đi vào những nguyên nhân cốt lõi bên trong. Điều này cũng giống như khi có bệnh, ta chỉ uống thuốc làm giảm đau, trị các triệu chứng chứ không đi tìm căn nguyên đã gây nên căn bệnh đó và trị tận gốc.

Tôi hỏi lại:

- Tại sao ông lại nghĩ như thế?

Thomas chăm chú nhìn tôi rồi trả lời:

- Trong một buổi nói chuyện với ông Kris, tôi vô tình hỏi về sự hiện hữu của các sinh vật từ các hành tinh khác. Ông Kris cho rằng chúng ta không nên bận tâm nhiều đến việc đó. Hiện nay, ngay trên trái đất này còn bao nhiêu sinh vật mà người ta chưa biết đến, bao nhiêu số phận bi thương không được ai quan tâm, bảo vệ thì để tâm đến những sinh vật từ các hành tinh xa xôi để làm gì? Lúc đó, lòng tự ái của tôi trỗi dậy, nên tôi đã phản bác, rằng trái đất còn gì nữa mà con người chưa biết? Từ nhiều thế kỷ nay, con người đã khám phá tất cả những gì có thể khám phá, đã nghiên cứu tường tận về mọi sinh vật, mọi điều kiện sống, chẳng còn gì để phải tìm hiểu thêm nữa. Đây là lúc phải đi ra ngoài vũ trụ để nghiên cứu. Khi đó, ông Kris đã bật cười. Ông ấy nói: "Cách đây hàng ngàn năm, nhà hiền triết Socrates đã dạy các học trò của mình: *"Các con đừng đi tìm gì đâu xa, hãy tự hiểu biết mình, vì tự hiểu mình sẽ hiểu biết được vũ trụ"*. Một lời khuyên đầy minh triết mà chúng ta vẫn có thể áp dụng cho ngày nay được. Như ông cũng biết, vũ trụ rộng lớn bao la, có hàng triệu hành tinh, hàng triệu Thái Dương hệ, hàng triệu Tinh vân*(Nebula)*, tất cả đều không ngừng quay, không ngừng biến chuyển, cái thì sinh ra, cái thì mất đi, sinh sinh, diệt diệt,

không bao giờ chấm dứt. Tuy nhiên, nếu quay vào bên trong, tu tập nội tâm, ông cũng sẽ thấy có hàng triệu tư tưởng nảy sinh trong tâm trí mình, tất cả cũng không ngừng quay cuồng, biến chuyển, lúc thì sinh ra, khi thì mất đi, sinh sinh, diệt diệt, cũng không hề chấm dứt. Tóm lại tâm của ta có khác gì vũ trụ đâu? Do đó nếu biết mình, biết sự thay đổi trong tâm mình, thì cũng có thể biết được những sự kiện muôn màu muôn vẻ bên ngoài vũ trụ".

Sau khi đi qua những trải nghiệm kỳ lạ và hành trình thức tỉnh của riêng mình, tôi ngày càng tâm đắc với câu nói đã được nghe nhiều năm trước: *"Xin đừng ngắm các vì sao khi mặt đất còn nhiều điều chưa hiểu hết"*.

Vào đầu cuộc nói chuyện chiều nay, tôi đã chia sẻ với anh những khủng hoảng, biến động chưa từng có của thế giới đang diễn ra. Và để hiểu hết cội nguồn, nguyên nhân, chúng ta không thể đi lên mặt trăng, sao Hỏa hay sao Kim đi tìm lời giải cho loài người đang sống dưới trái đất này được. Lời giải phải đến từ bên trong chúng ta.

Rất nhiều điều vô hình mà chúng ta chưa thấu hiểu hết được lại vô cùng quan trọng. Chính nghiệp báo đang tác động, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống chúng ta và những biến cố lớn đang diễn ra ngoài kia sẽ không dừng lại.

Bây giờ tôi sẽ kể anh nghe những câu chuyện ông Kris đã chia sẻ gần đây mà theo tôi là quan trọng. Những câu chuyện này khá dài và liên tục nên tôi phải trực tiếp gặp anh chứ không thể nói chuyện qua điện thoại hay email được. Đó là lý do tôi muốn mời anh đến đây với tôi vài ngày. Và tôi không chỉ đơn giản chỉ kể lại cho anh nghe, mà từ đó chúng ta sẽ cùng đi tìm giải pháp cho những vấn đề của hiện tại và tương lai. Anh và tôi sẽ bước vào một cuộc hành trình, một sứ mệnh để góp phần chia sẻ, lan tỏa những giá trị hữu ích đến với mọi người - càng nhanh càng tốt. Chúng ta không còn nhiều thời gian nữa!

Tuy chuyến bay cũng khiến tôi khá mệt, nhưng tôi vẫn muốn bắt đầu câu chuyện và ghi chép ngay.

Sau đây là những cuộc đối thoại thú vị, đầy minh triết giữa ông Kris và Thomas, cùng với hành trình thức tỉnh tâm linh của Thomas.

Phần hai

BÍ ẨN NHỮNG CÕI GIỚI KHÁC: HÀNH TRÌNH CỦA NHỮNG LINH HỒN

Trong một lần gặp ông Kris, tôi có hỏi Kris một cách khôi hài rằng, nếu quay vào bên trong thì con người sẽ khám phá được những gì? Liệu chúng ta có thể giải đáp câu hỏi con người từ đâu đến hay chết đi sẽ về đâu hay không? Liệu sau khi hướng vào bên trong, chúng ta có được tăng lương thêm không? Kinh doanh có được tốt hơn không? Có tìm ra được những giải pháp cho các vấn đề cuộc sống quá phức tạp, ngổn ngang hay không?

Ông Kris không để ý đến hàm ý trêu đùa của tôi, ông nhìn thẳng vào tôi, nghiêm nghị trả lời:

- Câu hỏi của ông là vấn đề rất nghiêm túc và thú vị, đồng thời cũng là câu hỏi của rất nhiều người. Con người luôn có tính tò mò, cái gì cũng muốn biết, muốn hiểu. Nhưng biết để làm gì? Cho dù tôi nói thế nào cũng không thể thỏa mãn được tất cả mọi người. Nếu tôi nói rằng con người xuất phát từ hành tinh nào đó đến đây thì các nhà khoa học sẽ đòi hỏi bằng chứng xác thực. Nếu tôi nói rằng con người từ vật chất cấp thấp tiến hóa thành sinh vật, rồi thành người thì các tôn giáo cũng không chấp nhận. Nếu tôi nói con người do một đấng nào đó sinh ra thì có người sẽ đặt câu hỏi vậy ai đã sinh ra đấng đó. Nếu tôi khẳng định có một thế giới của những vong linh sau khi con người chết, có cả cõi giới của ma quỷ đang tồn tại song hành cùng chúng ta mọi người sẽ bắt tôi chụp ảnh vong linh hay dẫn một con ma đến để các nhà báo chụp ảnh, phỏng vấn thì mới tin. Tóm lại tất cả những câu trả lời đều không làm hài lòng mọi người. Muốn thấu hiểu chỉ có cách duy nhất là quay vào bên trong, tự khám phá, tự tìm kiếm câu trả lời thông qua việc tu tập, quán chiếu, để hiểu sự vận hành của tâm thức và thế giới, có điều, đó là câu trả lời mà chỉ có ai từng thực sự trải nghiệm mới hiểu, *"như người uống nước tự biết nóng lạnh"*, chứ chỉ nói suông không có ích gì. Hiện nay, phần lớn con người chỉ biết quay ra bên ngoài, đuổi theo những điều phù phiếm chứ không thấu hiểu các động lực bên trong đang chi phối đời sống của họ. Đa số mọi người chỉ chạy theo những ảo ảnh xa vời, càng ngày càng đi xa, càng lạc lõng, càng mất phương hướng, không quay về ngôi nhà nội tâm của mình được. Tất cả những gì hướng ra bên ngoài đều không mang lại kết

quả lâu dài được - bởi vì hiểu biết thật sự phải đến từ bên trong. Khi thế giới bên ngoài biến động lớn đến mức không còn điểm tựa nào nữa thì chính là đến lúc chúng ta buộc phải quay vào bên trong.

Tôi chăm chú lắng nghe, cảm nhận những điều ông nói rất thú vị nhưng vẫn không giấu được vẻ hoài nghi. Bởi cho đến lúc đó, tôi vẫn còn là con người của tư duy khoa học, dẫu đã bắt đầu có những trực giác nhất định về thế giới tinh thần. Dường như đọc được những suy nghĩ của tôi, ông Kris chậm rãi nói tiếp:

- Những điều tôi nói trên đây là dựa vào những trải nghiệm và sự hiểu biết của tôi. Tất nhiên, trải nghiệm của tôi không thể là của ông, hiểu biết của tôi cũng chưa thể là của ông, nên sự hoài nghi xuất hiện trong ông là điều tất nhiên. Ông không cần phải tin những điều tôi nói mà nên tự trải nghiệm, tự suy ngẫm để tìm ra lời giải đáp của riêng mình. Vũ trụ không chỉ đơn giản chỉ là không gian rỗng với các hành tinh xoay chuyển mà còn có những luồng năng lượng biến chuyển liên tục theo những định luật phức tạp, tương quan vô cùng chặt chẽ với nhau. Hiện nay các nhà khoa học cho rằng mọi sự xảy ra trong vũ trụ chỉ là những hiện tượng vật lý và hóa học, như vậy là còn nhiều thiếu sót. Tương tự, con người không phải chỉ là cái thân xác vật chất mà bên trong còn có những nguồn năng lượng vô hình luôn biến chuyển, tác động tương hỗ qua lại liên tục giữa người này với người khác, dưới sự ảnh hưởng của các quy luật của vũ trụ, luật Nhân quả và Luân hồi.

Tôi lắng nghe chăm chú, đôi chút ngạc nhiên vì ông có thể biết được

điều tôi đang nghĩ. Tôi suy ngẫm những điều vừa nghe, rồi hỏi:

- Vậy các sinh vật sống ở hành tinh khác thì thế nào? Liệu chúng có bị chi phối bởi những luật này không?

Ông Kris bật cười, trả lời:

- Vũ trụ rộng lớn bao la với hàng triệu hành tinh, đời sống tại những nơi đó ra sao thì tôi không thể biết được. Tuy nhiên, theo sự nghiên cứu của tôi thì tất cả mọi sự, mọi vật trong vũ trụ này đều chịu sự chi phối của luật Luân hồi và Nhân quả. Ngay trên trái đất này, ngoài thế giới của loài người và loài vật còn có cõi giới của các sinh vật khác mà hầu như mọi người còn chưa biết, việc gì phải đi tìm kiếm đâu xa?

Tôi hết sức ngạc nhiên, lập tức hồi lại:

- Ông vừa nói còn có những cõi giới khác nữa sao?

Ông Kris gật đầu, xác nhận:

- Cõi giới *(Realm)* là những vùng cấu tạo bởi các nguyên tử có sự rung động đặc biệt tương thích với các sinh vật sống trong không gian đó. Tùy sự cấu tạo và rung động của nguyên tử mà hình hài, thể chất các sinh vật cũng biến đổi theo hoàn cảnh của cõi giới đó. Cõi giới hiện nay của chúng ta cấu tạo bởi các nguyên tử có sự rung động chậm và thô, nên thích hợp với cơ thể vật chất, là thế giới chúng ta nhìn thấy mỗi ngày đây. Các cõi khác thì nguyên tử rung động thanh và nhẹ nên giác quan vật chất của chúng ta không thể nhận biết, nghe hay nhìn thấy được. Những cõi này đều có những sinh vật sống tại đó, chỉ là chúng ta không thể nhìn thấy đó thôi, nhưng không nhìn thấy không có nghĩa là chúng không hiện hữu.

Tất cả những gì hướng ra bên ngoài đều không mang lại kết quả lâu dài được - bởi vì hiểu biết thật sự phải đến từ bên trong. Khi thế giới bên ngoài biến động lớn đến mức không còn điểm tựa nào nữa thì chính là đến lúc chúng ta buộc phải quay vào bên trong.

Tôi buột miệng hỏi:

- Phải chăng ông đang muốn nói về ma quỷ? Ông cho rằng ma quỷ là có thật hay sao?

Ông Kris nhìn thẳng vào mắt tôi, nói rất chậm:

- Không những ma quỷ là có thật mà còn có rất nhiều thực thể được phân cấp bậc sống ở các cõi giới khác nữa. Đối với đa số mọi người, ma quỷ là một khái niệm được cho là mơ hồ, có người tin và có nhiều người không tin. Nếu ông tin là có ma quỷ, thì ma quỷ sẽ hiện hữu, còn ông không tin là có ma quỷ thì ma quỷ cũng vẫn cứ hiện hữu. Nếu tôi nói với ông dưới lòng đất có dầu hỏa thì dù ông có tin hay không, mỏ dầu hỏa vẫn ở dưới đó. Người có kiến thức về địa chất sẽ khai thác mỏ lấy dầu, người thiếu kiến thức thì bỏ lỡ cơ hội. Trong phạm vi Thái Dương hệ của chúng ta hiện nay, có nhiều cõi giới khác nhau. Ma quỷ (*Spirits*) có cõi riêng. Thần linh (*Deva*) có cõi giới riêng. Thánh nhân *(Sages)* cũng có cõi giới riêng của họ. Ngoài ra còn có các loài sinh vật lạ lùng với cõi

giới riêng của chúng nữa. Những cõi này bao trùm lên nhau, tùy theo sự rung động của nguyên tử khác nhau mà tạo ra các "chiều không gian" (*Dimension*) riêng biệt.

Thấy tôi chăm chú lắng nghe, ông giải thích tiếp:

- Hiện nay, hầu hết mọi người không tin có cõi giới nào khác ngoài cõi giới của loài người, vì giác quan của họ không nhận thức được các cõi kia. Nhưng không nhận thức được không có nghĩa là chúng không hiện hữu. Hiện nay trên không trung có vô số làn sóng điện của radio, tivi hay điện thoại mà ông đâu nhìn thấy, nghe thấy hay sờ thấy được, nhưng ông vẫn biết chúng hiện hữu vì có thể sử dụng điện thoại, tivi, radio, radar để bắt những làn sóng đó. Nhờ sóng truyền hình, ông có thể thấy được hình ảnh chương trình trên các kênh tivi. Cũng như thế, khi tu tập nội tâm, phát triển định lực, nhận thức trở nên tinh tế hơn, thì ông có thể bắt được các rung động từ các chiều không gian kia, rồi biết được sự sinh hoạt của các cõi khác.

Tôi đã bị thuyết phục phần nào trước sự phân tích chặt chẽ, nhưng vẫn im lặng, ông Kris nói tiếp:

- Đa số mọi người ngày nay có tính hồ nghi, chỉ thích nghe những gì muốn nghe, và bỏ qua những việc không thích, do đó rất khó có thể nói cho họ biết về những cõi giới kia. Dù có nói ra, họ cũng đòi phải có bằng chứng, phải chứng minh được thì mới chịu tin. Do đó, việc nói về các cõi giới khác không có ích gì trong lúc này.

Tôi suy nghĩ thêm, rồi hỏi:

- Vậy thì các cõi giới đó liên hệ và tác động tới cõi giới của chúng ta như thế nào? Trước giờ tôi chưa từng nhận biết được sự tồn tại của cõi giới nào khác cả.

Ông Kris nhìn tôi, vẻ thú vị với câu hỏi, rồi điềm tĩnh giải thích:

- Cõi giới loài người bị giới hạn bởi các yếu tố vật chất, còn cõi giới của các thực thể khác như ma quỷ, thiên thần, hay thánh nhân thì rộng lớn hơn, bao trùm lên cõi giới loài người. Ngoài ra còn có những cõi giới khác lớn hơn nữa, bao trùm lên các hành tinh, Thái Dương hệ, các thiên hà, vượt ngoài sự hiểu biết của tôi. Như ông đã biết, sự rung động chậm và thô sinh ra các yếu tố vật chất, với

sự rung động thanh, nhẹ thì vật chất chuyển thành năng lượng. Tại các cõi giới có nguyên tử rung động thanh, nhẹ thì không có yếu tố vật chất, tất cả chỉ là năng lượng hay tư tưởng thôi, vì là cõi tư tưởng nên các thực thể thuộc những cõi này có thể biết được tư tưởng của con người, còn con người thuộc cõi vật chất không thể biết được các cõi giới khác và các tư tưởng thuộc cõi giới đó.

Tôi giật mình, lập tức hỏi lại:

- Ông nói rằng ma quỷ, thần thánh có thể hiểu được chúng ta đang nghĩ gì hay sao?

Ông Kris bật cười:

- Dĩ nhiên là có thể. Không những ma quỷ, mà các thực thể thuộc các cõi khác cũng có thể biết được tư tưởng, suy nghĩ, ý định, hành động của con người một cách dễ dàng. Để tôi lấy ví dụ cho ông dễ hiểu. Chúng ta lớn hơn côn trùng nên có tầm nhìn rộng lớn hơn chúng. Nếu quan sát con kiến tìm mồi dưới đất và ta thấy cách đó không xa có một hạt gạo, mà nếu con kiến tiếp tục đi nó sẽ gặp hạt gạo đó. Vì con kiến không thể nhìn xa, nên khi chưa đến chỗ đó, nó không biết gì về hạt gạo kia. Còn chúng ta, vì có tầm nhìn bao quát hơn, chúng ta có thể thấy trước được việc này và biết con kiến sẽ tìm được hạt gạo. Tương tự như vậy, cõi giới cao hơn có tầm nhìn lớn hơn nên thực thể ở cõi đó có thể nhận biết hay nhìn thấy trước một số sự kiện chưa xảy ra ở thế giới này.

Ông Kris dừng lại để cho tôi suy ngẫm về những điều vừa nói, rồi tiếp tục:

- Một số người, qua công phu tu luyện, hay có một khả năng đặc biệt nào đó, được mở rộng nhãn quan, có thể tiên đoán được một số sự việc xảy ra cả vài thập kỷ thậm chí cả thế kỷ sau đó. Họ thường được gọi là những nhà tiên tri. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm là những tiên đoán này không phải lúc nào cũng chính xác. Bởi vì tương lai không bao giờ cố định mà luôn thay đổi tùy theo biến chuyển tâm thức của nhân loại.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy những lời tiên tri có thể ứng nghiệm hay không ứng nghiệm như thế nào?

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Không ai có thể bảo đảm mọi việc sẽ xảy ra tuyệt đối chính xác theo một kịch bản nào đó được. Những nhà tiên tri chân chính không bao giờ nói thẳng mà thường chỉ sử dụng ẩn dụ, hoặc những câu thơ bóng bẩy, lời nói hàm ý để cảnh báo nhân loại. Họ biết mọi sự xảy ra trên đời đều do nhân quả thu xếp, nhưng còn tùy năng lực chiêu cảm của nhân loại mà thời gian có thể thay đổi, có khi đến sớm, có khi đến muộn, cả mức độ xảy ra cũng không cố định, có khi nặng, có khi nhẹ. Bất cứ ai một khi đã gây nhân ắt sẽ có quả nhưng khi nào nhân trổ quả thì còn tùy vào lực chiêu cảm, hành vi tiếp theo và công đức của mỗi người. Chính vì vậy, số mệnh con người không bao giờ cố định mà luôn luôn thay đổi tùy theo tâm thức và sự thức tỉnh của người đó. Người xem tử vi dựa trên ngày tháng, sự vận hành của các vì tinh tú, chỉ có thể nói một cách tổng quát, đại cương thôi, vì mọi sự vẫn còn có thể thay đổi.

Số mệnh được định sẵn khi con người sinh ra chỉ là cái khung sườn (Framework), còn các chi tiết bên trong có thể thay đổi tùy lực chiêu cảm của tâm thức con người. Khi con người có thêm hiểu biết, có nhận thức mới và quyết tâm thay đổi từ tâm thức, thay đổi suy nghĩ, lời nói và hành động, thì khi đó con người mới có thể cải biến được số mệnh.

Tôi chăm chú lắng nghe, vỡ ra nhiều điều. Im lặng một lúc, tôi hỏi thêm:

- Thế sự thay đổi từ bên trong đó diễn ra như thế nào?

Ông Kris giải thích nhẹ nhàng:

- Kinh sách Ấn Độ có câu chuyện như sau: *"Một ông vua khi lên ngôi thấy cung điện của mình cũ kỹ, nhỏ bé, xấu xí, ông đã chi rất nhiều tiền của, tuyển các nghệ nhân nổi tiếng trong vương quốc đến để xây mới lại cung điện của mình huy hoàng, tráng lệ hơn, mặc dù năm ấy nạn đói hoành hành khắp nơi, người dân không có đủ lương thực để ăn. Ngày nào nhà vua cũng đốc thúc các thợ thuyền dồn sức làm việc ngày đêm, làm sao cho cung điện phải thật sang trọng nguy nga. Ông muốn có một chiếc ngai bằng vàng ròng, bồn tắm bằng ngọc, phòng ốc được trang hoàng cầu kỳ bằng đá quý với các chi tiết chạm trổ hết sức kỳ công. Ít lâu sau, nhà vua mắc một căn bệnh nan y. Các y sĩ giỏi trong vương quốc dù đã cố gắng hết sức cũng đều phải bó tay, không thể cứu chữa. Các nhà chiêm tinh nổi tiếng trong nước được triệu tới để đoán vận mệnh cho nhà vua. Các nhà chiêm tinh sau khi xem xét kỹ đều nói rằng nhà vua cùng lắm chỉ sống được một tháng nữa, vì số mạng của nhà vua đến đó đã là số tận. Nhà vua trong tuyệt vọng vẫn suy tính: Nếu chết, ta làm sao để*

có thể mang của cải, cung vàng điện ngọc theo được đây? Cuối buổi, khi mọi người ra về hết, một vị chiêm tinh già rất có uy tín nán lại, tiến đến nói nhỏ một câu gì đó chỉ đủ cho nhà vua nghe. Nhà vua bỗng biến sắc, lặng người suy nghĩ. Nửa đêm hôm đó, cả triều đình bất ngờ khi nhà vua đột nhiên ra lệnh hủy bỏ ngay lập tức việc xây cất cung điện, mang tất cả của cải, vàng bạc bố thí cho dân nghèo trong cả vương quốc. Nhà vua đã chấp nhận số phận của mình.

Nhưng thật kỳ lạ, sau khi từ bỏ việc xây cất cung điện và tiến hành phát chẩn cứu đói, sức khỏe nhà vua mau chóng hồi phục trước sự kinh ngạc của tất cả triều thần. Nhà vua cho gọi vị quan chiêm tinh đó đến để hỏi chuyên. Vị chiêm tinh già nhìn nhà vua một lúc rồi chậm rãi giải thích: "Theo lá số chiêm tinh, mệnh của nhà vua thật ra đã hết, nhưng hành động bố thí lớn lao vừa rồi đã chiêu cảm được những điều tốt lành, may mắn và chuyển hóa được nghiệp báo nên nhà vua sẽ không phải chết nữa".

Trong khi tôi còn đang bàng hoàng về câu chuyện thì ông Kris chậm rãi khẳng định:

Bất cứ ai một khi đã gây nhân ắt sẽ có quả nhưng khi nào nhân trổ quả thì còn tùy vào lực chiêu cảm, hành vi tiếp theo và công đức của mỗi người, chính vì vậy, số mệnh con người không bao giờ cố định mà luôn luôn thay đổi tùy theo tâm thức và sự thức tỉnh của người đó. Khi con người có thêm hiểu biết, có nhận thức mới và quyết tâm thay đổi từ tâm thức, thay đổi suy nghĩ, lời nói và hành động, thì khi đó con người mới có thể cải biến được số mệnh.

- Đó chính là nguyên lý "*Hoán cải số mệnh - Đức năng thắng số*" mà ông đã từng nghe. Thật ra, gần như ai cũng biết đến nguyên lý này nhưng ít người thực hiện được, vì tâm họ còn nhiều tham sân si, ích kỷ, thường chỉ biết nghĩ cho riêng mình mà không nghĩ đến thiên hạ, chúng sinh. Nhất là những người có nhiều của cải, quyền lực thường có tư tưởng bám chấp rất lớn, dù họ biết chết đi không mang theo được gì cả. Ở phạm vi lớn hơn, các quốc gia chịu ảnh hưởng lớn từ sự chuyển đổi tâm thức, hướng thiện từ những người giữ vị trí cao nhất, rồi đến sự thức tỉnh của đa phần những người dân sống trong quốc gia đó. Tuy nhiên, ông cũng lưu ý rằng bố thí, làm việc thiện không thể là hành vi có mục đích riêng, nhằm cứu vãn một tai họa nào đó cho bản thân. Đó phải là sự giác ngộ, thức tỉnh trong tâm để chuyển hóa thành hành vi thiện nguyện, là việc thiện chỉ vì lòng thiện chứ không thể vì bất kỳ động cơ nào khác. Từ đó, mới chiêu

cảm được những điều tốt lành và số mệnh mới có thể chuyển biến, ông cần nhớ rằng làm việc thiện phải từ tâm, không cần hồi báo. Chúng ta làm điều tốt vì đó là điều đúng đắn nên làm chứ không phải vì mong muốn nhận lại được điều tốt cho bản thân.

Tôi gật đầu và nói:

- Tôi hiểu rồi. Việc "cải mệnh” hóa ra có vẻ đơn giản nhưng lại không hề đơn giản. Không phải cứ mặc sức làm điều độc ác, hại người lợi mình, rồi sau đó vì sợ sự trừng phạt của nhân quả nên vội vàng bỏ tiền bỏ của ra làm những việc công đức nặng tính hình thức là có thể xóa đi nghiệp ác hay báo ứng được. Nếu không thực sự xuất phát từ suy nghĩ, hành động thiện tâm thì không một ai trên đời có thể thay đổi được nghiệp quả.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi với vẻ thú vị:

- Vị vua trong câu chuyện trên có thể cải số vì đó là sự thức tỉnh từ việc lắng nghe lời khuyên của vị chiêm tinh già, nhưng đó cũng là sự giác ngộ thật sự. Từ sự giác ngộ đó, ông phát tâm từ bi bố thí cho dân, việc trước giờ ông chưa bao giờ làm, và ông cũng không mong cầu gì nên đã tạo công đức lớn. Những việc làm thiện có tính toán thiệt hơn vẫn gieo được nhân tốt nhưng phần công đức tích được bị trừ đi, còn lại rất ít.

Ông vua trong câu chuyện trên là một vị vua hiếm hoi có thể thức tỉnh rằng cung vàng điện ngọc và quyền lực của kiếp người chỉ là hư vô, chết rồi sẽ không mang theo được. Nhưng có mấy vị vua nghĩ được như thế, đa số họ còn ra lệnh đòi mang theo vàng bạc, châu báu, binh tướng, cung nữ chôn theo mình. Nhìn vào lịch sử cổ đại, ông có thể thấy rằng từ rất sớm, các vị vua, đặc biệt là ở Ai Cập, Trung Hoa, đã bắt đầu xây lăng mộ xa hoa, thậm chí bắt người hầu, cung nữ và những đội quân chôn theo để vẫn có thể hưởng thụ quyền lực sau khi chết. Chưa kể hàng trăm, hàng ngàn người phu xây lăng mộ vua chúa đều bị chôn sống theo mộ để giữ bí mật vị trí lăng mộ. Tất cả đều là nghiệp dữ. Con cháu của những vị vua đó đương nhiên sẽ bị quả báo, gặp họa sát thân, triều đại cũng sớm bị tiêu vong. Những hoàng đế Trung Hoa thường mời những pháp sư, nhà phong thủy giỏi nhất tính toán vị trí long huyệt để xây lăng mộ cho mình, nhằm toan tính cho triều đại và con cháu của mình sẽ cai trị mãi mãi. Nhưng cuối cùng, có triều đại nào là vĩnh viễn đâu? Vị vua tốt biết lo cho dân cho nước sẽ tạo nền tảng tốt cho triều đại và quốc gia thêm vững bền. Không có long huyệt phong thủy nào có thể cứu văn được sự tàn ác và thất đức. Tần Thủy Hoàng quyền uy một

cõi, nhất thống thiên hạ, từng lập nên một triều đại vẻ vang nhưng đồng thời gây ra rất nhiều tội ác, làm bao người chết oan ức, muôn dân lầm than, ông ta muốn bất tử để có thể làm hoàng đế vĩnh viễn nên tin dùng những đạo sĩ để truy tìm thuốc tiên, rồi xây lăng mộ vĩ đại cho bản thân để mong tiếp tục làm hoàng đế sau khi chết. Ông hãy nhìn các báo cáo về việc khai quật lăng mộ Tần Thủy Hoàng, nhìn những đội quân đất nung hàng chục ngàn người cùng một phần lăng mộ đã được khai quật này là có thể thấy tham vọng điên cuồng của ông ta. *Sử ký Tư Mã Thiên* đã ghi chép lại Tần Thủy Hoàng đã ra lệnh cho hơn 700.000 người ngày đêm xây lăng mộ cho mình nằm sâu dưới một ngọn đồi, bao quanh bởi hào sâu được đổ đầy hàng trăm tấn thủy ngân cực độc, chưa kể các cạm bẫy chết người cùng vô số lời nguyền, bùa chú trấn yểm nhằm ngăn chặn kẻ khác đột nhập lăng mộ để chiếm đoạt vàng bạc châu báu.

Tôi mỉm cười nói:

- Đúng là không có giới hạn nào cho lòng tham của con người một khi họ đã trầm mê trong quyền lực. Vậy ngôi mộ này có thực sự huyền bí như người ta đã đồn đại?

Ông Kris mỉm cười rồi nói tiếp:

- Trước cửa mộ Tần Thủy Hoàng có đặt một tấm bia đá, ghi khắc rất rõ tất cả những gì có trong mộ và ngay cả bản đồ kiến trúc ra sao (mộ chính, các dòng sông thủy ngân, các tinh tú vũ trụ trên vách cùng bốn đoàn quân đất nung canh mộ với đầy đủ binh mã, chiến xa...). Tuy nhiên, có một chi tiết là dòng chữ cuối trên tấm bia đá ghi rõ đây là long mạch Trung Hoa, nếu mở mộ này thì Trung Hoa sẽ tan rã trở lại, chia năm xẻ bảy như thời chiến quốc, rơi vào cảnh phân tranh hỗn loạn. Lời nguyền đe dọa này khiên Hán Cao Tổ sau này dù muốn đập phá mộ để trả thù thì cuối cùng cũng phải hạ lệnh cho quân sĩ đổ đất đá lấp kín lăng mộ và bồi đắp cao như một ngọn núi để đời sau không ai biết nơi này là mộ Tần Thủy Hoàng nữa. Ông ta còn để lại di chúc cho con cháu đời sau xây mồ mả xung quanh khu vực long mạch này để giữ cho đất nước được thống nhất, thịnh trị. Hiện nay, quanh mộ Tần Thủy Hoàng còn vài chục ngôi mộ lớn nhỏ của các vị vua nhà Hán. Nhiều triều đại sau đó như Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh... không một hoàng đế nào dám đụng đến vùng lăng mộ đó vì sợ chạm vào long mạch. Những bí mật và vị trí ngôi mộ Tần Thủy Hoàng bị chôn vùi qua bao đời. Mãi đến sau này vài thập kỷ gần đây, một số nông dân khi đào tình cờ phát hiện ra một cửa vào ngôi mộ, chính quyền Trung Quốc lập tức tập trung cho khai quật di chỉ khảo cổ này ngay, nhưng khi khai quật sâu vào trong và nhìn thấy tấm

bia đó, họ đã không tiếp tục đào mở cửa mộ. Tuy có bốn đội quân đất nung, nhưng chính quyền chỉ cho đào đội quân phía Nam để người dân tham quan. Ba đội quân kia, dù đã biết vị trí, nhưng họ không cho phép khai quật nữa. Phần mộ chính quanh núi đều có quân đội canh gác nghiêm ngặt ngày đêm.

Đến tận ngày hôm nay, người ta vẫn chỉ công bố là không đủ công cụ khoa học để mở cửa chính của lăng mộ Tần Thủy Hoàng vì sợ hủy hoại di vật lịch sử. Nhưng ở một đất nước tin phong thủy như Trung Quốc, truyền thuyết về lăng mộ Tần Thủy Hoàng lại càng được người dân đồn đại theo màu sắc huyền bí. Nhiều chuyên gia hiểu về phong thủy địa mạch cũng cho rằng nếu chạm vào huyệt mộ Tần Thủy Hoàng thì sẽ tổn hại đến long mạch quốc gia, khiến đại lục tan rã. Lời nguyền từ vị bạo chúa để lại cho hậu thế có nhiều cách hiểu nhưng chắc chắn ông ta mong muốn duy trì triều đại nhà Tần đến thiên thu vạn đại. Nhưng, nghiệp dữ đã gây ra thì phải trả, không có một thế lực nào của loài người đủ vĩ đại để kháng cự lại luật Nhân quả.

Tôi hỏi:

- Vậy, chính sự tàn ác của triều đại Tần Thủy Hoàng là nguyên nhân khiến triều đại này vắn số?

- Đúng vậy. Mặc dù Tần Thủy Hoàng muốn sống đời đời để cai trị đất nước của mình nhưng ông ta chỉ làm hoàng đế được mười hai năm rồi lâm bệnh chết vào năm bốn mươi chín tuổi. Dù lăng mộ Tần Thủy Hoàng đã được tính toán đặt ở long huyệt với những sắp xếp phong thủy cao thâm, nhưng sau khi ông ta chết, triều đại vĩ đại của ông ta chỉ kéo dài thêm vỏn vẹn được có bốn mươi sáu ngày nữa. Các con ông ta người thì tự sát, người thì sau khi đăng cơ đã lập tức ra lệnh giết sạch những người con còn lại của Tần Thủy Hoàng và rồi cuối cùng cũng tuyệt mệnh cùng triều đại nhà Tần. Tần Thủy Hoàng khi tại thế rất muốn chống lại thiên mệnh nhưng không cách nào thắng được nghiệp báo từ những việc tàn ác mà ông ta đã làm.

Tôi thắc mắc:

- Vậy tại sao có những nghiệp quả đến nhanh và có những nghiệp quả đến chậm?

Ông Kris trả lời:

- Số mệnh con người, cũng như tất cả mọi sự xảy ra đều do những nhân đã gây ra từ trước. Bệnh tật cũng thế, phần lớn những bệnh hiểm nghèo cũng đều do những nhân và nghiệp đã tạo ra khi xưa. Sinh mệnh dài hay ngắn đều được sắp đặt bởi luật Nhân quả, nhưng tùy năng lực chiêu cảm của mỗi người mà việc trả quả sẽ xảy ra lúc này hay lúc khác, lúc nhanh, lúc chậm. Do đó, nếu hiểu biết, người ta có thể thay đổi được số mệnh, cũng như tránh được tật bệnh, bởi vì mệnh số thật ra không cố định. Vận mệnh, tốt hay xấu, may hay rủi, đều không cố định, sinh tử cũng không cố định, ông cũng biết, ngay trong tâm của chúng ta có đủ các loại hạt giống, hay còn gọi là chủng tử, tốt cũng như xấu, đã tích tụ từ muôn ngàn kiếp trước. Tại sao có người luôn gặp chuyện chẳng lành? Vì lúc nào họ cũng tính toán, cũng mang suy nghĩ ghen tức, xấu xa, nên chiêu cảm các hạt giống xấu ẩn trong tâm họ được kích hoạt. Nếu con người biết ngăn chặn những ý nghĩ xấu, chỉ suy nghĩ đến điều tốt, làm việc thiện, thì sẽ chiêu cảm những hạt giống lành sẵn có trong tâm nảy sinh, ngăn chặn ảnh hưởng của các hạt giống xấu, không cho chúng khởi phát lên - từ đó mới chuyển đổi được số mệnh, càng nhiều hạt giống thiện được sinh sôi thì càng ít hạt giống xấu nảy mầm. Càng làm nhiều việc thiện thì sẽ chuyển đổi được càng nhiều nghiệp quả xấu thành tốt. Cũng giống như người trồng rau, nếu biết bón phân, chăm sóc cẩn thận thì rau sẽ mọc lên tươi tốt, nếu không làm gì thì cỏ dại sẽ mọc lấn át rau trái. Hiện nay, không mấy ai để ý đến việc này. Khi sung sướng, giàu sang, người ta có thể không biết suy nghĩ sâu xa mà cho rằng mình tài giỏi nên có quyền được hưởng những tiện nghi đó. Thật ra, những điều họ có được ngày nay đều do những nhân lành đã gieo từ trước mà hiện nay trổ quả, gọi là phước báu. Có người hưởng phước lớn, có người hưởng phước nhỏ, tùy theo nhân đã tạo. Tuy nhiên phước cũng giống như tiền bỏ vào ngân hàng, nếu cứ tiêu ra mà không bỏ thêm vào thì trước sau cũng hết. Mấy ai đã biết hỏi khi một người hết phước đức thì chuyện gì xảy ra với mình?

Ông Kris dừng lại một lúc cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Con người ngày nay đa số đều có tính tham lam, ích kỷ không biết đến làm việc thiện, bố thí hay nhân quả của làm việc thiện, bố thí là gì. Họ chỉ biết chiếm đoạt, tích trữ của cải cho thật nhiều, nghĩ rằng mình có thể hưởng thụ mãi mãi. Họ không biết rằng ngay lúc sung sướng đã có bất hạnh rình rập. Nhiều người không bao giờ cho ai một thứ gì mà chỉ biết lấy đi của người khác, lấy được càng nhiều càng tốt, bất kể hậu quả và không bao giờ biết đủ. Những người ấy không những đã tự mình gieo nhân xấu mà còn khuyến khích người khác làm như mình, khiến cho vô số người cũng bị sa vào con đường lầm lạc. Họ không biết gì về nhân quả hay sự quân bình của luật tự nhiên. Khi lấy ra mà không bù lại

chính là làm mất quân bình, do đó tự nhiên phải tạo ra động lực khác để lập lại sự quân bình vốn có. Nếu để ý, ông sẽ thấy phần lớn những người tham lam, ích kỷ, làm mọi thứ chỉ để tích trữ của cải cho nhiều, nếu không gặp các tai nạn bất thường thì cũng mắc các chứng nan y. Đó là họ đang phải trả lại những gì đã lấy qua hình thức chi phí chữa bệnh hoặc đau đớn và lo âu. Những người sử dụng địa vị, quyền thế, chiếm đoạt tài sản người khác thường gặp việc không may, thậm chí tán gia bại sản và tù tội. Không những thế, động lực tự nhiên thường rút bớt sự sống của những người này. Khi chết họ bị nghiệp lực dẫn dắt vào cõi giới ngạ quỷ, chịu đói khát, khổ sở để học bài học về cái giá phải trả của sự độc ác, tham lam.

Tôi hỏi thêm:

- Thế giới ngạ quỷ sinh hoạt như thế nào?

Ông Kris giải thích:

- Cũng như loài người, ma quỷ có loài tốt, loài xấu. Có loài giúp người, có loài hại người, có loài có quyền năng, có loài vô tri, u mê, không biết gì hết. Loài người có các chủng người khác nhau, cư ngụ tại địa phương khác nhau thì ma quỷ cũng có chủng loại khác nhau, sống ở những nơi khác nhau. Ma quỷ cũng sinh sản, tăng trưởng, rồi chết đi như chúng ta vậy. Thời gian và kiếp sống của ma quỷ không giống nhau, có loài sống rất lâu, có loài có kiếp sống còn ngắn hơn chúng ta nữa. Tùy theo nghiệp lực, có khi ma quỷ cũng chuyển kiếp thành người, thành súc vật hay các sinh vật khác.

Nếu con người biết ngăn chặn những ý nghĩ xấu, chỉ suy nghĩ đến điều tốt, làm việc thiện, thì sẽ chiêu cảm những hạt giống lành sẵn có trong tâm này sinh, ngăn chặn ảnh hưởng của các hạt giống xấu, không cho chúng khởi phát lên - từ đó mới chuyển đổi được số mệnh. Càng nhiều hạt giống thiện được sinh sôi thì càng ít hạt giống xấu nảy mầm. Càng làm nhiều việc thiện thì sẽ chuyển đổi được càng nhiều nghiệp quả xấu thành tốt.

Tôi ngạc nhiên:

- Ông nói thêm về việc ma quỷ chuyển kiếp thành người được không? Vì sao từ ma quỷ lại lên làm người?

Ông Kris mỉm cười, chậm rãi nói:

- Trong vòng luân hồi, mọi sinh vật đều chuyển kiếp qua những cõi giới khác nhau, tùy theo sự thu xếp của nhân quả. Con người khi chết có thể chuyển kiếp thành ma, âm linh. Tương tự như thế, ma quỷ khi chết cũng có thể chuyển kiếp thành người. Nếu để ý, ông sẽ thấy hiện nay trên thế giới có những nơi mà đa số dân chúng có lòng oán thù, sân hận rất cao nên chiêu cảm các loài ma quỷ hung ác chuyển kiếp đến đó làm người. Chúng khuyến khích mọi người thù hận, chém giết lẫn nhau, gây ra chiến tranh. Điều này dễ hiểu vì những loài ma quái hung dữ đều thích tìm đến những nơi chốn thích hợp với tâm địa tàn ác của chúng để hoạt động. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao có những quốc gia lúc nào cũng lâm cảnh chiến tranh, giết chóc không ngừng? Tại sao mọi giải pháp hòa bình đều vô hiệu? Phải chăng vì lòng thù hằn và tâm sân hận nơi đó quá cao, không thể dập tắt? Nếu nhìn bằng cặp mắt tinh thần, ông sẽ thấy chính sự thù hận, tham lam, giận dữ đã kêu gọi những loài ma quái hung dữ tìm đến. Ngoài ra, những người tâm địa xấu xa, tàn ác khi chết thường trở thành ma quỷ đi khắp nơi gieo rắc điều ác. Ngay cả những người bình thường lúc gần chết, thần thức u mê không sáng suốt cũng bị những loài ma dữ đến dụ dỗ, dẫn dắt họ vào cõi giới tăm tối của ma quỷ. Chúng thường biến ra hình dáng người thân như cha mẹ, anh em, bạn bè đến đón, khiến người kia bị lừa gạt theo chúng. Hầu hết những kẻ ích kỷ, tham lam, cướp của, giết người, cưỡng đoạt tài sản người khác đều bị thu hút vào cõi giới ma quỷ, như nam châm hút sắt, khó thoát ra được. Đó là vì tư tưởng, hành động của họ thích hợp với cõi giới đó. *"Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu"* chính là như vậy.

Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao ma quỷ phải dẫn dụ, lôi kéo con người như thế?

Ông Kris bật cười:

- Ma quỷ cũng thích kéo bè kết đảng, nên càng đông người theo thì chúng càng có nhiều thuộc hạ. Tại sao con người bị dẫn dụ theo chúng? Nhiều người không có tính tự chủ mà thường bị hoàn cảnh xung quanh lôi cuốn. Nếu có bạn xấu rủ họ đi vào con đường rượu chè, cờ bạc, sa đọa thì nghe thuyết phục mãi họ cũng xiêu lòng nên mắc vào các thói xấu đó. Dù không thích uống rượu hay sử dụng ma túy nhưng hàng ngày giao du với người thích nhậu nhẹt, hút xách thì theo thời gian cũng bị tiêm nhiễm lúc nào không hay. Đó là hậu quả của việc kết giao với bạn xấu. Tuy nhiên, cũng cần nhớ rằng sự lười nhác, dễ dãi, buông thả là những

điều dễ chọn lựa hơn là chăm chỉ, kỷ luật, thiền định, làm phúc... Thế nên, nhiều người tu tập nhiều năm nhưng chỉ vài phút buông thả thân tâm là toàn bộ công quả tu hành sẽ tan theo bọt nước. Chính sự ham muốn hưởng lạc, lòng tham, sân si với danh lợi, dục vọng là ma lực chiêu cảm ma quỷ đến thao túng. Đó gọi là tâm ma và ai trong chúng ta cũng có tâm ma. Cũng như thế, do những đam mê, ham muốn của con người nên khi họ qua đời, thần thức u mê không tự chủ lại gặp ma quỷ đến rủ rê thì các tính tham lam vốn có nổi lên, cộng thêm lòng tò mò hiếu kỳ, nghe lời hứa hẹn hão huyền, muốn có được những điều mê cuồng, hào nhoáng, nên họ dễ bị đưa đến cõi giới tăm tối mà đáng lẽ ra họ không phải đến.

Tôi hỏi tiếp:

- Nếu bị đưa vào cõi giới đó, họ sẽ ra sao?

Ông Kris

- Những người bị dẫn dụ sẽ phải sống tại cõi giới ma quỷ rất lâu. Họ vô cùng khổ sở, vì ở đó phần lớn là những kẻ hung ác, dã man, đối xử với nhau vô cùng tàn bạo. Cõi giới ma quỷ cũng có cảnh ma lớn hiếp đáp ma nhỏ, quỷ cũ bắt nạt quỷ mới, bắt họ phải phục dịch và làm việc theo sự sai khiến của chúng. Trong cõi giới của loài người thì con người còn biết phẫn biệt tốt xấu, đúng sai và có thể lựa chọn làm việc tốt hay xấu, nhưng ở cõi giới ma quỷ, phần lớn toàn là những chuyện xấu xa, độc ác vì ma quỷ có đầu óc u mê, điên cuồng sân hận, không còn phân biệt phải trái nữa. Cõi giới ma quỷ ghê rợn, khủng khiếp không thể nói cho hết được. Một khi đã vào cõi này thì rất khó thoát ra vì đầu óc đã điên đảo, u mê theo, không còn khả năng tự chủ, không còn biết đúng sai, nên đành cam chịu làm thủ hạ cho các loài ma quỷ, đi gieo rắc các điều xấu xa. So với loài người thì ma quỷ đông hơn rất nhiều và càng ngày con số này càng gia tăng. Do đó, làm người đã khó, một khi sa đọa cõi u tối thì để trở lại làm người càng khó hơn, phải trải qua quá trình tu tập rất dài. Làm ma quỷ thì dễ hơn, vì ma quỷ không phân biệt tốt xấu, chúng chỉ làm mọi thứ chúng muốn làm. Tuy nhiên, dù là ma hay quỷ thì khi tạo nghiệp cũng sẽ phải trả nghiệp, khi đã gieo nhân thì phải gặt quả, từ luật Nhân quả áp dụng cho mọi sinh vật, dù vô hình hay hữu hình.

Tôi thắc mắc:

- Ông có nhắc đến việc ma quỷ cũng có lúc chết đi phải không? Ông có thể giải thích rõ hơn không?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, khi kiếp ma quỷ chấm dứt, tùy nhân quả thu xếp mà một số ma quỷ sẽ chuyển kiếp xuống cõi giới ghê rợn hơn như địa ngục, hay trở lại cõi trần này dưới xác thân loài vật hung dữ để tiếp tục giết chóc, cắn xé và gây đau đớn cho loài vật khác. Một số cũng chuyển kiếp thành người nhưng thường sinh vào hạng người ngu si, bần cùng, hạ tiện phải làm tôi tớ cho kẻ khác, bị đánh đập, hành hạ. Một số trở thành nạn nhân bị hãm hại, bị giết để họ trải nghiệm sự đau đớn, khổ sở mà khi xưa họ đã gây ra cho người khác. Nhưng vì những người này vẫn mang trong tâm thức những hạt giống của kiếp ma quỷ, nên lại không ngừng gây điều ác, tạo thêm nghiệp ác. Hận thù tiếp tục chồng chất trong vòng sân hận, luẩn quẩn cũng là nguyên nhân sâu xa khiến nhiều nơi trên thế giới hiện nay cứ gặp chiến tranh liên tiếp, không bao giờ yên.

Tôi hỏi:

- Nói vậy là có một nơi như địa ngục thật sao?

Ông Kris xác nhận:

- Theo sự hiểu biết của tôi thì địa ngục là cõi giới có thật. Đó là một cõi đặc biệt với những rung động của nguyên tử cực kỳ phức tạp. Dù phát triển định lực đến mức nào cũng không thể đến đó được. Tôi chỉ biết là tùy vào nghiệp lực dẫn dắt mà một số sinh vật phải sống tại đó thôi.

Tôi thắc mắc:

- Nếu thế khi chết con người đi đâu?

Ông Kris thong thả trả lời:

- Khi chết con người bước vào cõi âm, hay gọi là Trung giới. Đây là nơi sau khi từ trần, các vong linh tạm trú trước khi chuyển kiếp. Trung giới không phải là cõi của ma quỷ. Ma quỷ có cõi riêng. Vong linh sẽ ở cõi Trung giới trước khi chuyển qua nơi khác như vào cõi ma quỷ, trở lại làm người hay chuyển kiếp thành súc vật, tùy vào nghiệp lực. Cũng có khi vong linh chuyển qua cõi của các sinh vật khác nữa hay vào cõi của các bậc thánh nhân. Thời gian ở cõi âm không nhất định, có khi vong linh ở đây một thời gian ngắn rồi chuyển kiếp, nhưng cũng

có khi vong linh ở đây rất lâu, cả trăm năm, không chừng còn hơn nữa. Những vong linh có lòng quyến luyến vật chất thường lang thang, vật vờ ở cõi này, không thể siêu thoát. Vong linh tồn tại trong trạng thái u mê vì sự tham lam, quyến luyến hay hận thù quá nặng, không ý thức được mình đã chết, hoặc cứ bám víu lấy những tài sản vật chất như nhà cửa, đồ đạc... Ông có thể thấy hiện tượng này ở những căn nhà bị ám hay những món đồ trang sức mang lại điều bất thường cho người đeo vì những từ lực của người chủ cũ. Ngoài ra, những người tự tìm lấy cái chết, chết bất đắc kỳ tử khi số mạng chưa hết, thường ở đây một thời gian khá lâu.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao lại thế?

Ông Kris giải thích:

- Số mệnh con người được định sẵn bởi luật Luân hồi nhưng khi thọ mệnh chưa hết mà người đó tự tìm lấy cái chết, hoặc chết bất đắc kỳ tử vì tai nạn, hay là nạn nhân của sự giết chóc, thì họ ở trong tình trạng đặc biệt, không thể siêu thoát được, vì thân xác họ tuy đã mất nhưng sinh lực vẫn còn nên họ chưa thể chuyển kiếp. Do đó, họ "mắc kẹt” giữa hai cõi. Những vong linh chết oan, bị giết hay chết vì tai nạn thường đau khổ, đôi khi oán hận, tìm cách trả thù. Điều này có thể giải thích cho hiện tượng những quãng đường từng xảy ra tai nạn chết người thường có nhiều tai nạn xảy ra sau đó nữa. Những ngôi nhà xảy ra án mạng, có người bị giết thường có sự không may xảy ra. Linh hồn những người tự sát cũng thường đọa lạc trong đau đớn. Nếu đến gần nghĩa địa, chiến trường, nơi có nhiều người chết, chúng ta đều có cảm giác rùng mình sợ hãi, đó là vì âm khí của những vong linh chưa siêu thoát vẫn còn lảng vảng quanh đó.

Từ trước đến nay, hầu hết các tôn giáo đều đề cập đến vong linh, linh hồn và cả ma quỷ nhưng không mấy người tin mà chỉ xem đó là một kiểu hù dọa hay niềm tin mù quáng. Bất kỳ việc gì khoa học cũng đòi phải có bằng chứng thì mới công nhận, trong khi giác quan chúng ta rất giới hạn, không thể nhận thức được mọi sự. So sánh giác quan của loài người và loài chó, ta sẽ thấy loài chó tuy không thể nhìn xa như người nhưng có thể nhìn được nhiều thứ mà người không thấy. Loài chó nghe được nhiều âm thanh mà chúng ta không thể nghe, ngửi được nhiều thứ mà chúng ta khó lòng nhận biết. Dĩ nhiên giác quan loài chó khác loài người nên chúng có nhận thức khác chúng ta. Do đó, không nên kết luận một thứ gì đó không tồn tại chỉ vì giác quan chúng ta không nhận thức được.

Ông Kris dừng lại một lúc cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Nhiều người lầm tưởng Trung giới là địa ngục và cho rằng đó là nơi tối tăm, ghê rợn. Thật ra đó là hai cõi hoàn toàn khác nhau. Cõi Trung giới sáng sủa nên được gọi là "Cõi sáng" (*Astral Plane*), là nơi có rất nhiều màu sắc biến ảo lạ lùng, kể cả những màu mà chúng ta không nhìn thấy như tử ngoại (*Ultraviolet*) hay hồng ngoại (*Infra-red*). Sự sinh hoạt tại đây rất linh động vì các nguyên tử rung động không những thanh nhẹ, mà còn xoay chuyển rất nhanh, do đó các hình hài, sắc tướng biến đổi dễ dàng. Vì cấu tạo bởi nguyên tử thanh nhẹ nên các thực thể di chuyển như lướt đi, xuyên qua mọi vật, chứ không có sự đụng chạm. Điều đặc biệt của cõi giới này là quan niệm về thời gian và không gian hoàn toàn khác cõi trần nên khó có thể ước định thời gian vong linh tạm trú nơi đây.

Ông Kris trầm ngâm một lúc rồi nói thêm:

- Những điều tôi nói đây chỉ là sự hiểu biết của tôi qua công phu tu tập trong nhiều kiếp sống. Tôi biết nói ra lúc này có thể ông không tin. Tuy nhiên, ông và tôi đã là bạn, tu tập với nhau trong nhiều kiếp, tôi chỉ nhắc lại điều ông đã biết thôi. Vũ trụ có nhiều năng lượng uyên nguyên, năng lượng này thấm nhuần vào mọi vật và tạo ra sự sống. Một số năng lượng bị ô nhiễm bởi những tư tưởng xấu xa hay dục vọng nên biến thành một loại ma lực mà người ta có thể sử dụng nếu biết cách. Ma quái thường sử dụng những ma lực này vào việc riêng của chúng. Một sô phù thủy cũng biết cách sử dụng ma lực làm bùa chú, thư phù.

Ông Kris dừng lại, chăm chú nhìn tôi, rồi nói tiếp:

- Khi xưa người xứ Og của Atlantis đã sử dụng nghi thức cúng tế bằng huyết nhục cho các loài ma quái, nhờ chúng rút đi sinh lực con người, khiến họ mất khả năng suy nghĩ, trở nên khờ khạo, thụ động, dễ sai bảo. Khi Atlantis chìm xuống biển, dân xứ này trôi dạt nhiều nơi, bắt đầu tạo dựng các nền văn minh khác nhau trên thế giới, xứ Og nằm gần châu Mỹ nên người xứ này đã đến Nam Mỹ, xây dựng văn minh Inca, Maya và Aztec. Đó là những nền văn minh huy hoàng, tiến bộ không thua gì Ai Cập, với nhiều đền đài, kim tự tháp vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Vì ảnh hưởng tính hung ác của văn hóa xứ Og, nên lịch sử của những nền văn minh này ghi nhận nhiều cuộc chiến tàn bạo giữa các bộ lạc và kẻ thắng trận sẽ luôn thẳng tay tàn sát kẻ thua trận. Các tù binh chiến tranh đều bị móc ruột, moi tim trong những nghi thức tế thần bằng huyết thịt.

Ông Kris giải thích thêm:

- Năng lượng của vũ trụ tạo ra sự sống thì vô hình, thường biểu hiện dưới dạng nguyên tử, khi bị ô nhiễm bởi dục vọng thì chuyển thành ma lực. Nói rõ hơn, ma lực là những hạt nguyên tử bị bọc lại trong những bọt khí của dục vọng nên trở thành ô nhiễm. Trong vũ trụ, những tư tưởng có tính chất tham lam, ích kỷ, dâm dục, hung bạo, thường tạo ra bọt khí dục vọng, quay cuồng trong không gian một lúc rồi tan ra. Một số bọt khí bám được vào những hạt nguyên tử để duy trì sự sống, trở thành ma lực có thể kéo dài sự sống. Kẻ hung ác, lúc nào cũng nghĩ đến việc ích kỷ, hại nhân thường tạo quanh mình một thứ ma lực cá nhân. Nhiều kẻ hung ác sẽ tạo ra ma lực có ảnh hưởng lớn hơn. Một số ma quỷ có thể chuyển kiếp thành những tư tưởng gia, chính trị gia chuyên đề xướng các lý thuyết phi nhân, xúi giục con người hận thù, gieo rắc các điều ác. Một số thành các bạo chúa, hay nhà độc tài có quyền lực rất lớn, gây chiến tranh khắp nơi. Đôi khi chúng chuyển kiếp thành giáo chủ những tà giáo, kêu gọi sự trợ giúp của các loại ma quỷ thiên về dục vọng, tạo ảnh hưởng lên xã hội. Càng nhiều người có tư tưởng thiên về dục vọng sẽ càng kêu gọi được các động lực ma quái đến, tăng sức mạnh cho chúng, ảnh hưởng đến mọi người vào lúc họ thiếu tự chủ. Những ma lực này thường tác động vào đầu óc những người trẻ, chưa biết kiểm soát tư tưởng hay những người chịu ảnh hưởng các chất tác động thần kinh như rượu hay ma túy, dẫn họ vào những con đường tội lỗi như cướp của, giết người hay những phong trào cổ xúy bạo lực, sự tà ác, tư tưởng thanh tẩy thế giới, làm đảo lộn trật tự xã hội.

Ông Kris dừng lại một chút, rồi cất lời với vẻ ưu tư:

- Chắc ông cũng thấy, thời gian gần đây có rất nhiều tà phái nổi lên, với những người lãnh đạo có ma lực hết sức ghê gớm. Họ tự xưng là đấng này đấng nọ, dạy dỗ những điều người ta thích nghe hoặc những điều kích thích trí tò mò. Họ có lối thuyết giảng hấp dẫn nhưng thật ra chỉ là hình thức thôi miên tâm trí. Một số người còn sử dụng bùa chú kêu gọi những động lực ma quái đến trợ giúp. Họ biết rõ thị hiếu tham lam của quần chúng và cổ xúy những phương pháp hưởng thụ khoái lạc, thỏa mãn dục tính, dẫn dắt những người theo họ vào con đường lầm lạc. Khi sinh lực suy kiệt, đầu óc mê muội, không còn khả năng suy nghĩ thì người ta rất dễ bị sai khiến. Khi những tà phái này ngày một đông, ảnh hưởng của ma lực ngày một mạnh, thì sẽ tạo ra được thành kiến có thể ảnh hưởng tới cộng đồng, xã hội. Dần dần người ta dễ dàng chấp nhận các hành vi ích kỷ, tham lam, dâm ô, vô cảm, luyến ái bệnh hoạn như lẽ bình thường. Khi giá trị đạo đức suy đồi, ảnh hưởng của ma lực không thể khống chế, thì loài người có thể đi

đến chỗ diệt vong. Hiện nay rất nhiều người đã bị những ma lực này ảnh hưởng khiến họ điên đảo, quay cuồng không còn khả năng phân biệt phải trái, đúng sai nữa. Tại một số nơi, không ai còn tin tưởng vào những giá trị luân lý, đạo đức mà chỉ biết chạy theo tiếng gọi của tiền bạc, danh vọng, địa vị hay quyền lực. Ông có thể thấy, tại những nơi đó, con người sống trong sự tham lam, giận dữ, hung bạo, hận thù, tất cả chỉ chò dịp bùng nổ. Từ sáng đến tối, họ chỉ tìm cách cướp đoạt, chiếm hữu mọi thứ cho kỳ được, bất chấp hậu quả của luân lý, đạo đức hay pháp luật. Các tư tưởng xấu này hiện diện khắp nơi, khiến người hiền lành cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Hiện nay, ông đang sống tại nơi tương đối thanh bình nhưng nhìn ra thế giới, vẫn còn những cảnh chém giết, chiếm đoạt, quốc gia này xâm chiếm quốc gia khác, dân tộc này chém giết dân tộc kia, giành nhau từng mảnh đất, từng mối lợi. Xã hội đầy những chuyện cướp bóc, gia đình cũng đầy những chuyện lừa lọc, tranh đoạt tài sản, nếu không sớm thay đổi thì khó có thể tránh khỏi những tai họa ghê gớm sắp xảy ra.

Ánh mắt ông Kris toát lên vẻ nghiêm nghị khi ông nói tiếp những lời này:

- Những điều này đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ. Khi con người mất nhân tính, hành động theo thú tính, tạo ra hỗn loạn, thì tự nhiên phải tạo ra biến động để lập lại trật tự. Do đó mà có nạn động đất, núi lửa, lụt lội, hạn hán - lúc đầu nhẹ để cảnh cáo, sau nặng dần và đến chỗ hủy diệt tất cả. Ông đã trải qua biến động này trong kiếp sống tại Atlantis và cũng đã thấy rõ ảnh hưởng của những ma lực này ghê gớm như thế nào qua những trận chiến khốc liệt, khi con người điên cuồng, hung bạo, không còn nhân tính. Ông cũng đã chứng kiến một xã hội vô cảm, người thuộc giai cấp cao thẳng tay đàn áp, bóc lột không thương tiếc những người thuộc giai cấp thấp, sự chiếm đoạt thân xác người khác để thỏa mãn dục tính là việc xảy ra bình thường trong xã hội đó. Chuyện gì xảy ra sau đó thì ông cũng đã biết.

Tôi lên tiếng, đầy suy tư:

- Ông có nghĩ những việc này sẽ xảy ra nữa không?

Ông Kris trầm giọng:

- Hiện nay, ông đã thấy có đủ hiện tượng kỳ lạ xuất hiện khắp nơi như thiên tai, lụt lội, hạn hán, động đất, cháy rừng, núi lửa phun trào, bệnh dịch toàn cầu, nạn đói, châu chấu phá mùa màng... Tất cả như một lời cảnh cáo đối với nhẫn loại, vấn đề là, nếu tai họa xảy ra ở "nơi nào đó" xa xôi thì người ta chẳng quan tâm.

Con người chỉ biết sợ khi những tai họa này xảy đến cho chính họ. Tuy nhiên, đến lúc tai họa gõ cửa tận nhà thì họ cũng hoảng loạn, bó tay, không biết làm gì. Ít ai hiểu rằng nguyên nhân sâu xa của tai họa là do những tư tưởng mang tính dục vọng của con người. Khi con người mất đi bản chất người, mất hết lương tri, chỉ biết tham lam, ích kỷ thì sẽ chiêu cảm những ma lực ghê gớm đến, nên những hiện tượng bất thường mối xảy ra.

Ông Kris dừng lại như chờ xem phản ứng của tôi. Thấy tôi im lặng, ông giải thích thêm:

- Điều tôi sắp nói đây chắc chắn nhiều người sẽ không tin. Các thiên tai xảy ra đều do nhân quả. Nếu nhìn bằng con mắt khoa học thì những thiên tai đều có nguyên nhân vật chất, ví dụ, sự chuyển động của các mảng kiến tạo (*Tectonic Plates*) tạo ra động đất. Áp lực dưới lòng đất khiến núi lửa phim trào hay xảy ra sóng thần; và vi trùng, vi-rút thì gây ra dịch bệnh. Tuy nhiên, nếu nhìn bằng con mắt tinh thần thì những hiện tượng này đều có nguyên nhân xuất phát từ các tư tưởng điên đảo, tham lam, sân hận và cả những hành vi phá hoại tự nhiên của con người, tất cả cộng lại tạo thành ma lực có thể dời núi, lấp biển. Nguyên nhân khởi đầu của những hiện tượng này xuất phát từ cõi vô hình rồi sau mới chuyển qua cõi vật chất. Một số nhà tiên tri nhờ công năng đặc biệt thấy trước được việc này từ cõi vô hình và đưa ra lời cảnh cáo, nhưng có mấy ai tin.

Ông Kris dừng lại một chút rồi từ tốn nói tiếp:

- Tư tưởng vốn dĩ chỉ là một hình thức của năng lượng. Những năng lượng này khi tích tụ đến một cường độ mạnh mẽ nào đó, có thể chuyển từ cõi tinh thần qua cõi vật chất. Các tư tưởng tham lam, sân hận, bạo lực, giết chóc có thể chuyển qua cõi vật chất tạo ra các hiện tượng như bão tố, thiên tai, dịch bệnh... Khi quán chiếu nội tâm, ông có thể thấy rõ nguyên nhân và diễn tiến của quá trình này. Thật ra, ông từng làm việc này trước đây rồi nhưng nay ông đã quên. Con người không cần phải đi tìm hiểu vũ trụ xa xôi bên ngoài mà chỉ cần quay vào bên trong cũng có thể biết được nhiều điều.

Một lần nữa, ông Kris lại nói về một kiếp sống xa xưa nào đó mà tôi đã từng phát triển khả năng này. Tôi suy nghĩ về điều đó nhưng thấy không phải là lúc thích hợp để hỏi thêm nên cũng chỉ im lặng. Thấy vậy, ông Kris nói tiếp:

- Hiện nay, ít ai hiểu rõ về sức mạnh của tư tưởng. Nếu quay vào bên trong, ông sẽ thấy tư tưởng con người xoay chuyển rất nhanh, tư tưởng này vừa nảy sinh

lại có tư tưởng khác ra đời, liên tục như sóng thủy triều, cũng vì thế nên ít ai có thể kiểm soát được tư tưởng. Trong thế giới quay cuồng hiện nay, con người ngày càng mất tự chủ và để những lực ảnh hưởng bên ngoài chi phối. Bên cạnh những mặt tích cực thì những phát minh công nghệ như internet và các sản phẩm kèm theo, chẳng hạn trò chơi điện tử hay mạng xã hội, cũng đã phát tán những thông tin sai lệch, những hình ảnh dâm dục, kích động bạo lực, ganh ghét, hận thù đi khắp nơi. Tất cả những điều độc hại đó tác động vào tâm trí con người, khiến họ dần trở nên mê muội và rồi thụ động để cho chúng xâm nhập, thẩm thấu vào bản thân từ ngày này qua ngày khác. Dần dần, họ trở nên vô cảm và vô trách nhiệm, không biết phân biệt đúng sai, bởi đầu óc của họ đã điên đảo lúc nào không hay.

Ông Kris trầm ngâm rồi nói thêm:

- Hiện nay, ông đã thấy xã hội nảy sinh ra một thế hệ "nghiện công nghệ" như một bệnh khó chữa, suốt ngày chỉ lướt mạng xã hội, sống trong thế giới ảo của game online. Họ kết bạn khắp nơi qua các trò chơi, rồi lệ thuộc, sống hẳn trong thế giới ảo đó, hoàn toàn vô cảm với mọi thứ xảy ra xung quanh. Dần dần họ trở nên lãnh đạm, không tha thiết hay quan tâm tới cuộc sống đang diễn ra, không thể nói chuyện với người thân trong gia đình, không còn khả năng giao tiếp với xã hội. Từ sáng đến tối, họ ở trong trạng thái ngây ngất như kẻ nghiện thuốc phiện. Họ sống thẫn thờ, mơ màng, không cảm xúc, vô trách nhiệm vì đã mất hết sinh lực, mất hết tinh thần, nhân tính, ý chí.

Tôi có chút nghi ngờ hỏi lại:

- Có phải ông hơi nói quá không vậy? Đến mức như vậy sao?

Kris nhìn tôi rồi trả lời từ tốn:

- Điều này hiện đã xảy ra ở hầu hết các quốc gia, dần dần đe dọa những nền tảng tinh thần và đạo đức của toàn thể nhân loại. Không quốc gia nào có thể tránh được thảm họa của thứ ma lực này. Để tôi giải thích một cách khoa học thì có lẽ dễ hiểu hơn. Căn nguyên là từ những sóng điện phát sinh từ tư tưởng con người.

Tư tưởng con người là luồng sóng điện phát ra với một tần số nào đó. Nếu đầu óc của hai người nào đó có rung động tương tự, có thể đáp ứng tần số của nhau, thì họ sẽ hiểu hay dễ cảm thông cho nhau hơn. Nếu rung động không đồng nhịp

thì không thể hiểu nhau được. Những người đang yêu nhau, tư tưởng của họ rung động đồng nhịp, nên họ thông cảm và hiểu nhau một cách dễ dàng. Một người mẹ, khi đứa con gặp chuyện khó khăn, dù ở xa đến đâu cũng cảm thấy nóng ruột, biết ngay là có chuyện, cũng nhờ tần số rung động đồng nhịp này. Những người có tâm trí bình thản có khả năng bắt được những làn sóng rung động tinh tế, nên dễ cảm thông với người khác hơn những người có tâm trí náo động. Cũng như thế, khi có định lực sâu xa, ông có thể đọc được tư tưởng người khác vì đầu óc của ông có thể bắt được tần số sóng của tư tưởng phát ra từ người kia. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao khi đến gần người hung dữ, độc ác ông liền cảm thấy khó chịu không? Vì tư tưởng người đó có rung động không thích hợp với ông. Cũng như thế, phải chăng ông có cảm giác bình yên khi đến gần các tu sĩ thánh thiện vì tư tưởng của họ phản ánh sự bình an, thanh khiết?

Ông Kris dừng lại như để cho tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Vấn đề hiện nay là thế giới chịu ảnh hưởng của công nghệ quá nhiều. Các sản phẩm công nghệ hoạt động liên tục ngày đêm, hai mươi bốn giờ mỗi ngày, bảy ngày mỗi tuần, nên những luồng sóng tư tưởng của dục vọng, tham lam, ích kỷ lan tràn khắp nơi trên các phương tiện đại chúng, gây ảnh hưởng, xáo trộn đầu óc con người mà không mấy ai để ý. Những ai không làm chủ được tư tưởng, để đầu óc tiếp xúc với luồng sóng kia, dù lúc đầu không đồng nhịp thì theo thời gian cũng sẽ bị cộng hưởng, rồi rung động theo nó và chịu sự chi phối của nó. Khi số người chịu những ảnh hưởng này tăng lên thì sức mạnh của ma lực này cũng gia tăng theo. Người bình thường xem hình ảnh bạo lực, khiêu dâm có thể thấy khó chịu lúc đầu nhưng nếu cứ tiếp tục xem mãi thì hình ảnh này sẽ tạo ra các rung động lên đầu óc của họ, dần dần họ bị tác động và xem đó là chuyện bình thường. Người chơi các trò video game cũng thế, lúc đầu chỉ là trò giải trí lôi cuốn dường như vô hại, nhưng một khi tiếp tục chơi thì phải sống hẳn trong cái thế giới ảo đó để trở thành tay chơi chuyên nghiệp. Theo thời gian, đầu óc của họ chỉ còn lưu tâm những sự kiện của thế giới ảo, quên đi thực tại, giảm mất khả năng giao tiếp hay nhận thức về thực tại. Họ chỉ có thể nói chuyện với những người cùng chơi video game trong thế giới ảo giống như họ, trong khi khó có thể tiếp xúc một cách tỉnh táo với con người ngoài xã hội, và họ cũng không có nhu cầu giao tiếp. Họ trở thành dạng người không còn cảm xúc, không biết yêu thương, không thể tự lập hay đóng góp gì cho xã hội nữa. Đó là thảm cảnh của mặt trái công nghệ mà ban đầu ít ai nhận ra.

Tôi gật đầu tán thành với những phân tích mang tính khoa học này, rồi chia sẻ thêm:

- Tôi có biết về hiện tượng trẻ em nghiện internet hay video game, tôi cũng cho rằng đó là vấn đề thật sự đáng báo động. Nhưng ông có nghĩ rằng khi lớn lên chúng sẽ đổi khác được không?

Ông Kris lắc đầu:

- Không đâu, một khi đã bị thứ ma lực này lôi cuốn thì khó có thể dứt ra được, vì đầu óc đã mất khả năng suy nghĩ độc lập rồi. Khi còn nhỏ đã quen sống trong thế giới ảo thì lúc lớn khó mà từ bỏ được. Khi đầu óc đã vô cảm, không còn ý thức, trở thành người vô trách nhiệm thì làm sao có thể trưởng thành được. Dù có chuyện gì xảy ra họ cũng không quan tâm. Thiên tai, tai nạn, dịch bệnh, người chết hàng loạt diễn ra thì sao? Họ cũng không để ý đến. Vì đó đâu phải là thế giới của họ nữa. Thể xác họ vẫn ở đó nhưng đầu óc của họ lại ở một thế giới khác. Tuy nhiên, nếu internet bị cắt, máy tính bị hỏng hay điện thoại bị mất thì họ sẽ cảm thấy rất khó chịu và phản ứng thái quá ngay, có nhiều người trở nên giận dữ, mất đi lý trí vì sự xáo trộn trong thế giới ảo của họ. Những người này có thể nhịn ăn, nhịn mặc, không cần người thân, không cần lập gia đình nhưng không thể sống mà thiếu video game hay internet được. Ma lực này vô cùng ghê gớm, có thể làm suy kiệt cả một thế hệ, phá hoại nền tảng gia đình, đảo lộn trật tự xã hội. Đây là thảm họa đang đe dọa nhân loại những vẫn chưa được lưu tâm đúng mức.

Ông Kris dừng lại để cho tôi suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Ngày nay, quảng cáo thương mại xuất hiện nhan nhản khắp nơi, tạo ra đủ loại nhu cầu và khiến cho người ta trở nên tham lam hơn trước, ví dụ ông không thích món ăn nào đó, nhưng hàng ngày cứ thấy quảng cáo về món ăn đó vối những hình ảnh cám dỗ, thì ít lâu sau, tự nhiên ông lại cảm thấy muốn ăn thử. Quảng cáo là nghệ thuật lặp đi lặp lại, tạo ra ham muốn, nhắc nhở người ta phải sở hữu, phải mua sắm, phải tiêu thụ. Người có nhiều tiền thì không nói làm gì, nhưng người không có nhiều tiền cũng dốc hết hầu bao mua cho bằng được, vì quảng cáo cũng tạo ra tâm lý ganh đua: Anh có thứ đó thì tôi cũng phải có thứ đó. Tóm lại chỉ người sản xuất là được hưởng lợi. Hiện nay, đa số nhân loại không còn sống thoải mái, hồn nhiên như xưa mà vì chịu ảnh hưởng của những ma lực này nên ngày càng trở nên ích kỷ, tham lam, và đôi khi tàn nhẫn với người khác. Các nền tảng của đạo đức truyền thống đã mất đi, không mấy ai còn sáng suốt để nhận định nữa mà cứ để hoàn cảnh xung quanh lôi cuốn. Ngày nay, một số sản phẩm công nghệ còn xúi giục con người bằng các phim ảnh dâm ô, đồi trụy, bạo lực khiến cho những người còn bận tâm về đạo đức, sự thanh cao cũng ngày một ít

đi. Các trò video game dẫn dắt con người, khiến họ u mê trong thế giới ảo, làm cho tâm trí họ trở nên điên đảo. Các quảng cáo dẫn dụ con người mua sắm, tiêu thụ, có thứ này lại phải mua thêm thứ khác, không bao giờ biết đủ. Các phim ảnh trụy lạc, dâm ô khuyến khích con người hành động theo dục tính, phá hoại truyền thống gia đình, nam nữ tự do luyến ái, bất chấp hậu quả. Trong tương lai, có nguy cơ xã hội sẽ mất đi truyền thống hôn nhân hay nền tảng gia đình, chỉ còn là những sự trao đổi xác thân, tình yêu bị thay thế bởi tình dục. Không có nền tảng gia đình, không có tình nghĩa vợ chồng, con người sẽ bơ vơ, lạc lõng, không nơi nương tựa, như cái cây bị mất gốc, và rồi dễ bị dẫn dắt vào một thế giới điên đảo, quay cuồng không lối thoát. Thế mà đa số vẫn cho lối sống đó là văn minh tiến bộ. Khi con người sống tham lam, ích kỷ, vô cảm hay sân hận thì sẽ gây ra tình trạng chiếm đoạt, cướp bóc, thậm chí có thể đi đến sự giết chóc để thỏa mãn lòng tham, gây xáo trộn xã hội và tự nhiên. Thế giới có chiến tranh là vì đâu? Phải chăng vì sự tham lam, sân hận, oán thù giữa người với người, giữa quốc gia này với quốc gia khác?

Ông Kris suy nghĩ một lúc, rồi tiếp tục, giọng trầm xuống:

- Hiện nay các loại dịch bệnh ghê gớm đang xuất hiện ngày một nhiều hơn, để lại hậu quả ngày một khủng khiếp hơn. Nếu nhìn lại lịch sử, ông sẽ thấy có những sự trùng hợp xảy ra. Hầu hết dịch bệnh đều xuất hiện sau những trận chiến tranh, trong triều đại vua chúa tàn ác hay trong một xã hội mà con người sống điên đảo, bất phân thị phi. Trong suốt lịch sử nhân loại, đã biết bao lần con người trên trái đất này phải đối phó với các loại dịch bệnh hoành hành, gây muôn cảnh tang thương, nhưng một khi qua khỏi, họ lại tiếp tục những thói quen từ trước mà không chịu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến thảm cảnh vừa qua. Trong thời buổi khoa học thì người ta chỉ quy lỗi cho vi trùng, vi-rút, không mấy ai biết tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa, gốc rễ khác.

Tôi thật sự quan tâm đến vấn đề này, nên tiếp tục hỏi tới:

- Vậy ông nghĩ rằng nguyên nhân của dịch bệnh đều do chiến tranh, sự tàn ác, vô cảm và thói giết chóc của con người gây ra sao?

Ông Kris lắc đầu:

- Không hẳn thế, có những dịch bệnh bắt nguồn từ sự giết chóc như bệnh dịch hạch, bệnh đậu mùa... Nhưng cũng có dịch bệnh phát xuất từ sự luyến ái bừa bãi như bệnh giang mai, hoa liễu hay từ sự trụy lạc vô độ như bệnh AIDS. Tương tự

như thể, dịch bệnh Ebola hay SARS gần đây, đều là sự cảnh cáo về thói tham lam quá độ của con người, chiếm đoạt thiên nhiên, phá rừng, xẻ núi, bắt giết thú hoang phục vụ cho thú ẩm thực. Thiên nhiên đã phản ứng lại bằng các loài vi khuẩn, vi-rút sống trên thân thể sinh vật, rồi truyền nhiễm vào con người, tạo ra các dịch bệnh kỳ lạ. Có lẽ thời tiền sử cũng có dịch bệnh từ trâu bò, gà vịt lây qua người, nhưng theo thời gian, con người tạo được hệ thống miễn dịch nên ngày nay chúng ta ăn thịt các sinh vật này mà không bị ảnh hưởng, trong điều kiện chúng được chăn nuôi hợp vệ sinh. Tuy nhiên các động vật hoang dã thì khác, chúng có thể mang những loại vi-rút, vi trùng mà chúng ta chưa có sức đề kháng. Theo tôi biết, nguyên nhân sâu xa của bệnh dịch Ebola bắt nguồn từ sự giết chóc trong các cuộc chiến giữa các nhóm phiến quân châu Phi, đó là nghiệp giết chóc (*Killing Karma*).

Nguyên nhân sâu xa của dịch bệnh SARS là sự tham lam vô độ của con người, hay là nghiệp tham lam (*Creed Karma*). Nếu chúng ta không biết rút kinh nghiệm từ những thảm họa này, tương lai sẽ có những bệnh dịch ghê gớm hơn nữa. Khi dịch bệnh phát tán, trở thành đại dịch của nhân loại, lém ra không khí, truyền khắp thế giới, giết hại phần lớn nhân loại, thì không ai còn có thể ngăn chặn được nữa.

Ông Kris kết luận:

- Dĩ nhiên là các nhà khoa học sẽ tìm cách chữa trị nhưng làm sao có thể chữa đến tuyệt căn? Hết dịch bệnh này sẽ có dịch bệnh khác, vì nguyên nhân thật sự gây ra bệnh vẫn còn đó - con người vẫn gây ác, vẫn tạo nghiệp. Để chữa tận gốc, chúng ta cần phải đi sâu vào các nguyên nhân và thay đổi chúng từ gốc rễ. Như tôi đã trình bày, những tư tưởng tham lam, ích kỷ, tàn bạo, vô cảm tạo ra bọt khí ô nhiễm của dục vọng rồi chuyển biến thành các ma lực ghê gớm. Trải qua năm tháng, ma lực này lan tỏa, ảnh hưởng khắp nơi, tạo thành những thành kiến, những thói quen không dễ gì thay đổi. Rễ của nó đã bám chặt trong tư tưởng con người dưới dạng những tà thuyết mà mọi người tin tưởng, không dễ gì nhổ bỏ được. Mọi hành động hay ý nghĩ của con người đều gây ra nhân, và đã có nhân thì phải có quả. Khi con người làm những việc trái với luân thường đạo lý, trái luật thiên nhiên, làm mất cân bằng vũ trụ thì các tai ương hay tật bệnh chắc chắn sẽ xảy ra.

Tôi lo lắng:

- Nói như thế thì không có cách gì ngăn ngừa, chữa trị được những dịch bệnh này

rồi.

Ông Kris mỉm cười, đáp lại:

- Có chứ, tất cả ma lực đều có nguyên nhân phát xuất từ tư tưởng của con người. Nếu chúng ta có thể cùng nhau chuyển hóa những tư tưởng thù hận, tham lam, ích kỷ bằng những tư tưởng cao thượng, tốt lành, chuyển hóa các hành động độc ác, giết chóc bằng tình thương yêu rộng lớn thì tất cả mọi việc đều có thể thay đổi. Một khi mỗi cá nhân có thể sửa đổi nghiệp quả của mình bằng cách làm việc thiện lành thì một tổ chức hay một quốc gia cũng có thể làm như vậy để chuyển nghiệp và có sự thay đổi tốt đẹp hơn. Thay đổi cộng nghiệp nhân loại là việc nói thì dễ nhưng làm rất khó, không một cá nhân, đoàn thể hay quốc gia nào có thể riêng lẻ mà thực hiện được. Mọi người phải làm việc cùng nhau, vì đây là tương lai chung của nhân loại chứ không phải riêng quốc gia nào. Câu hỏi đặt ra là hiện nay mọi người có thể làm việc cùng nhau không? Các quốc gia có thể hợp tác với nhau không?

*

Nếu chúng ta có thể cùng nhau chuyển hóa những tư tưởng thù hận, tham lam, ích kỷ bằng những tư tưởng cao thượng, tốt lành, chuyển hóa các hành động độc ác, giết chóc bằng tình thương yêu rộng lớn thì tất cả mọi việc đều có thể thay đổi. Một khi mỗi cá nhân có thể sửa đổi nghiệp quả của mình bằng cách làm việc thiện lành thì một tổ chức hay một quốc gia cũng có thể làm như vậy để chuyển nghiệp và có sự thay đổi tốt đẹp hơn.

Buổi nói chuyện này của Thomas và ông Kris diễn ra vào giữa năm 2017. Thomas lưu ý tôi rằng đây là vấn đề chỉ nên được viết ngắn gọn, không nên đi vào quá chi tiết, nên tránh nói nhiều về những điều chưa xảy đến, nhưng một sự cảnh báo để nhiều người thức tỉnh để thay đổi cũng là điều cần thiết.

Mọi việc xảy ra đều theo quy luật Nhân quả. Dĩ nhiên đã có nhân thì sẽ đến lúc nhận quả, nhưng thời gian có thể không cố định do sự thay đổi tư duy và hành động của con người. Nếu mọi người sống hòa thuận với thiên nhiên, không còn giết chóc, bỏ thói tham lam, tiêu trừ sự ích kỷ, kiêu căng thì có thể tạo ra các năng lượng chuyển hóa lan tỏa mạnh mẽ. Thomas cũng nói thêm rằng các dịch bệnh hiện nay chính là những dấu hiệu cảnh cáo nhân loại rằng đã đến lúc phải thay đổi. Nếu để ý, chúng ta có thể thấy các loại bệnh tật ngày càng dữ dội và càng lây lan nhanh hơn. Những tai ương này sẽ để lại hậu quả, tạo ra nhiều thay

đổi mà không ai lường trước được. Điều quan trọng nhất là mọi người cần nhận thức được đây là cộng nghiệp chung của nhân loại, tất cả chúng ta đều là nguyên nhân gây ra tình trạng này và mỗi cá nhân vẫn có thể thay đổi số mệnh bằng cách thay đổi chính mình.

Cả ông Kris và Thomas đều cho rằng vai trò của những người hiểu biết về việc này rất quan trọng, vì họ có thể truyền cảm hứng và tạo ra những tư tưởng đạo đức chân chính, đẩy lùi được những ma lực kia. Tư tưởng của thế giới là tổng hòa tư tưởng của các quốc gia và tư tưởng của một quốc gia là sự tổng hòa tư tưởng của những con người sống trong đó. Nếu mọi người biết thay đổi các tư tưởng hận thù, oán ghét, ích kỷ, tham lam, sợ hãi, nghi ngờ của mình, thì mọi sự có thể đổi khác. Nếu một cá nhân có thể thay đổi số mệnh, tác động được đến nhiều người xung quanh thì một xã hội hay một quốc gia cũng có thể làm được như thế. Chỉ cần những người sống trong xã hội, quốc gia đó ý thức rõ về hậu quả khôn lường của những tư tưởng xấu, những hành động tàn ác, biết hồi tâm hướng thiện, thì sẽ có thể thay đổi được nghiệp lực chung của một dân tộc.

Phần ba

NGHIỆP BÁO VÀ TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI: BÍ ẨN NGÔI NHÀ CỔ

Khi mới bước chân vào lĩnh vực đầu tư tài chính, tôi làm cho JPMorgan Chase & Co., một trong những tập đoàn tài chính lâu đời nhất thế giới, dưới quyền của một người quản lý tên Don C. Ông là một chuyên gia đầu tư với nhiều năm kinh nghiệm và đã hướng dẫn tôi rất nhiều từ lúc tôi mới vào nghề. Sau hơn mười năm làm việc, tôi thành lập công ty riêng và mời Don tham gia cùng tôi với vai trò đối tác. Nhưng ở thời điểm đó, việc có chân trong một công ty khởi nghiệp không phải là ưu tiên của ông, vì vậy ông chỉ đồng ý tham gia với vai trò cố vấn trong giai đoạn đầu thành lập công ty. Chúng tôi đã giữ mối quan hệ bạn bè thân thiết suốt nhiều năm kể từ đó.

Năm ngoái, Don về hưu. Ông mua một căn nhà gần bờ biển tại Hyannis Port, thuộc tiểu bang Massachusetts, Mỹ, cùng vợ ông là Susan dọn về đấy để nghỉ ngơi, an hưởng tuổi già. Gần đây, ông mời vợ chồng chúng tôi đến chơi. Có dịp gặp lại người bạn lâu năm, dĩ nhiên là chúng tôi không thể chối từ.

Chúng tôi đến thăm vợ chồng Don vào một ngày cuối tuần. Ngôi nhà của hai vợ chồng tọa lạc tại một khu đất thoáng rộng, cạnh bờ biển. Đó là một ngôi nhà đẹp theo lối kiến trúc cổ kính, với những đường nét hài hòa, tạo cảm giác ấm cúng và yên bình. Theo lời ông Don thì ngôi nhà này được xây từ đầu thế kỷ 20. Quanh nhà còn có khu vườn rất rộng, lại thêm ở gần biển nên không khí trong nhà luôn thoáng mát, trong lành. Don đưa chúng tôi đi tham quan một vòng quanh nhà, ông nói với vẻ hài lòng:

- Phần lớn những ngôi nhà quanh đây đều đã được tân trang lại cho hợp thời và tiện nghi hơn, nhưng tôi thì thích kiến trúc cổ kính nên từ lúc chọn mua ngôi nhà này, tôi hầu như đã giữ nguyên mọi thứ. Đây là lối kiến trúc tân cổ điển thịnh hành đầu thế kỷ 20. Nhìn những đường nét tì mỉ của ngôi nhà có thể hình dung sự khéo léo và tận tâm của những người thợ lành nghề. Hiện nay không còn nhiều ngôi nhà như thế này nữa.

Don chỉ vào chiếc lò sưởi đang có những thanh củi rực cháy, phát ra tiếng kêu

lép bép:

- Đa số gia đình ngày nay đều dùng lò sưởi điện rồi, nhưng tôi vẫn thích cảm giác ấm cúng của lò sưởi dùng củi như thế này. Nó gợi lại cho tôi về sự giản dị, êm đềm của đời sống xưa cũ.

Don tiếp tục dẫn chúng tôi lên lầu, chỉ vào cầu thang gỗ dưới chân, ông hào hứng:

- Căn nhà này xây cả một trăm năm rồi mà còn vững chắc lắm. Ông thấy không, cầu thang này bằng gỗ nhưng không hề phát ra tiếng cọt kẹt khi bước đi. Nhiều công trình bây giờ sử dụng các vật liệu nhân tạo không làm được như thế đâu.

Bước lên hết cầu thang là căn phòng có cửa sổ lớn nhìn ra vườn, trong phòng cũng có một lò sưởi nhỏ và ở góc phòng có kê một chiếc bàn gỗ rất lớn. Don nói, không giấu giếm vẻ hãnh diện:

- Ông xem này, chiếc bàn tuyệt đẹp này được làm từ thân cây cổ thụ, có lẽ cũng phải đến trăm năm tuổi. Nhìn những đường nét vân gỗ này xem, như một bức tranh vậy. Tôi được biết, người làm ra nó là một thợ mộc nổi tiếng. Ông hãy nhìn kỹ từng chi tiết này, tất cả bộ phận được ráp vào nhau khéo léo bởi những mộng gỗ chắc chắn chứ không đóng đinh như bàn ghế ngày nay.

Tôi chắc là hiện nay không còn mấy người sản xuất theo kiểu thủ công tinh xảo như thế này nữa.

Tôi gật đầu, tán thưởng thiết kế độc đáo của chiếc bàn. Don nói tiếp:

- Tôi nghĩ nó được làm cùng lúc với căn nhà, vì nó lớn thế này người ta không thể khuân nó qua khung cửa hẹp kia được. Dù đã về hưu và không mấy khi dùng đến bàn làm việc nữa, nhưng tôi đặc biệt rất thích chiếc bàn này.

Sau khi tham quan khắp căn nhà, thưởng lãm và trầm trồ những món đồ trang trí trang nhã mà vợ chồng Don đã chọn bài trí cho phù hợp với phong cách cổ kính nơi đây, Angie cùng Susan vào bếp chuẩn bị bữa ăn tôi. Tôi xin phép ra vườn dạo một chút. Khu vườn rộng và rất mát mẻ với cây cối xanh tươi, được chăm sóc cẩn thận. Tôi dạo bước dưới bóng mát của những hàng cây, một làn gió lạnh lùa qua khiến tôi rùng mình, đưa tay kéo áo khoác trùm kín cổ. Sự tĩnh lặng dưới hàng cây vừa tạo cảm giác thanh bình, vừa có chút gì rờn rợn. Tôi nhắm mắt, hít

một hơi thật sâu thứ mùi nồng nồng của rêu trên những thân cây cổ thụ, lẫn với mùi biển mát lành. Khi mở mắt ra, tôi nhìn thấy dưới một gốc cây to cạnh hàng hiên có một ông lão đang ngồi trên băng ghế đọc sách, ông lão cũng nhìn thấy tôi, ông quan sát tôi một lúc rồi khẽ gật đầu chào. Tôi gật đầu đáp lại, ông lão có vẻ ngạc nhiên. Tôi thầm nghĩ có lẽ đây là người nhà của Don. Tôi định bước về phía ông chào hỏi thì chợt nghe tiếng Don sau lưng, ông ra vườn tìm tôi, tay cầm hai ly rượu. Tôi nói cảm ơn, nhận ly rượu từ tay Don và quay người lại phía băng ghế nhưng đã không còn thấy ông lão lúc nãy ở đó. Tôi nhìn quanh cũng không thấy người đâu, bèn quay lại hỏi Don:

- Hình như còn có người thân của ông ở đây phải không? Lúc nãy tôi gặp một người đàn ông ở đây, chưa kịp chào hỏi thì đã không thấy ông ấy đâu nữa.

Don giật mình, tỏ vẻ kinh ngạc:

- Ông thực sự nhìn thấy ông ấy ư? Vậy là cảm giác trước đây của tôi đúng rồi...

Tôi trả lời, cũng không giấu vẻ ngạc nhiên:

- Tôi thấy chứ sao không? Ông ấy ngồi ngay kia mà, ông ấy còn gật đầu chào tôi. Có phải người thân của ông không? Tôi chưa kịp chào hỏi gì cả. Don xua xua tay, giọng hơi căng thẳng:

- Không đâu, nhà này chỉ có hai vợ chồng chúng tôi thôi. Nhưng tôi đã luôn có cảm giác rõ rệt ở đây còn một ai đó khác... Nhưng dẫu sao thì xin ông đừng nói gì về việc này với nhà tôi nhé. Tôi không muốn bà ấy lo lắng.

Vẻ ngập ngừng của Don càng khiến tôi thấy khó hiểu. Tuy vậy, tôi cũng gật đầu:

- Được rồi, nếu đó là việc riêng của gia đình ông thì tất nhiên tôi sẽ không nhắc đến nữa.

Don im lặng, do dự một lúc rồi tiến lại gần tôi, nói nhỏ:

- Có thể ông cảm thấy chuyện này hơi hoang đường, nhưng người mà ông vừa gặp... có lẽ không phải là người, mà là một hồn ma. Vợ chồng tôi dọn về đây không bao lâu thì tôi bắt đầu cảm giác được sự hiện diện của một ai đó trong nhà. Có lần tôi giật mình thức dậy vì nghe thấy tiếng bước chân ngoài hành lang. Lúc đó, tôi cố gắng đè nén nỗi sợ hãi, nhẹ nhàng mở ngăn kéo lấy khẩu súng,

cầm chặt và im lặng chờ đợi. Tôi không dám làm điều gì sơ suất. Tuy nhiên, tiếng bước chân đã hoàn toàn biến mất, cũng may lúc đó, vợ tôi vẫn say ngủ. Tôi khẽ mở cửa đi ra. Mặc dù giữa mùa hè nhưng tôi chợt cảm thấy một cơn ớn lạnh rùng mình. Tôi mở công tắc đèn quan sát mọi nơi. Ngôi nhà không có dấu hiệu của sự xâm nhập bất hợp pháp. Tôi tự an ủi mình thần hồn nát thần tính nhưng vẫn cảm thấy bất an. Một lần khác khi làm việc khuya ở phòng khách dưới nhà, tôi nghe thấy tiếng lịch kịch, dường như là tiếng mở ngăn kéo chiếc bàn lớn trên lầu. Tôi mở điện thoại và sẵn sàng gọi cho 911, đúng lúc đó thì vợ tôi mở cửa vào nhà, cô ấy vừa đi dự tiệc sinh nhật một người bạn cũ. Tôi vội ra hiệu cho vợ im lặng, và chỉ lên lầu ra dấu cho vợ tôi biết là có người đột nhập, vợ tôi hốt hoảng lắm. Cô ấy ra hiệu cho tôi gọi cho cảnh sát, nhưng đúng lúc đó, tôi lại nghe thấy tiếng bước chân ô hành lang trên lầu đi về hướng chúng tôi. Theo phản xạ tôi nhìn lên trên nhưng hành lang không một bóng người, tiếng bước chân cũng không còn. Tôi cầm lấy cây gậy đánh golf, ra hiệu cho vợ tôi đi ra ngoài vườn trước rồi tôi la lên: "Chúng tôi có súng, dù anh là ai hãy rời khỏi đây! Tôi đã gọi cảnh sát và họ sẽ đến ngay".

Tôi cũng bị cuốn vào câu chuyện và hỏi:

- Rồi mọi chuyện sau đó thế nào?

Don khẽ lắc đầu:

- Đáp lại tiếng quát của tôi là sự tĩnh lặng đáng sợ. Đợi thêm một lúc, tôi lấy hết can đảm đi lên cầu thang. Đôi tay cầm gậy golf của tôi ướt đẫm mồ hôi. Hành lang hoàn toàn im ắng, thậm chí, cánh cửa phòng phát ra tiếng động lịch kịch mà tôi nghe thấy cũng đóng kín, không có vẻ như có ai vừa đi ra từ căn phòng đó. Tôi mã toàn bộ đèn hành lang nhưng không thấy ai. Tôi xuống nhà và gọi vợ tôi vào nhà. Tôi hỏi cô ấy rằng lúc mới vào nhà có nghe thấy tiếng bước chân trên hành lang không thì cô ấy bảo: "Em chỉ thấy anh ra dấu cho em yên lặng, sau đó, anh ra hiệu cho em đi ra vườn, em không hề nghe thấy tiếng bước chân nào. Có khi nào anh làm việc khuya quá, tinh thần mỏi mệt nên sinh ra ảo giác không?".

Những ngày sau, tôi vẫn không cho rằng đây là chuyện ma quỷ gì, chỉ nghĩ là người lạ xâm nhập, nên đã lắp thêm hệ thống báo động quanh nhà. Vậy mà tôi vẫn nghe thấy những tiếng động lạ trong nhà, dù cửa thì vẫn khóa kỹ, chuông báo động cũng không kêu. Kỳ lạ hơn, chỉ mình tôi nghe thấy còn vợ tôi hoàn toàn không cảm nhận được có sự khác thường nào. Chuyện này chính tôi cũng không giải thích được nên cũng chẳng kể với ai ngoài vợ tôi. Vợ tôi nghe kể thì cũng

hơi chột dạ, muốn bán căn nhà này đi, nhưng tôi không nỡ. Ông thấy đó, ở đây gần biển, không khí trong lành, không gian yên tĩnh và chỉ mấy mươi phút là có thể đến Bayberry Hills Golf Course để chơi golf...

Don ngừng lại, nhìn tôi như thăm dò, rồi nói tiếp:

Có nhiều khi, nếu chuyện không xảy ra với mình thì mình vẫn không tin là có thật. Từng tuổi này rồi, tôi cũng trải qua nhiều, cũng không còn cố chấp giới hạn niềm tin của mình nữa. Qua một thời gian, tôi cảm nhận được rằng nếu thật sự có một linh hồn ở nơi này thì họ cũng không làm hại gì chúng tôi. Dần dần, chúng tôi cũng không quá căng thẳng nữa. Cũng lạ là gần đây tôi không còn nghe thấy những tiếng động lạ đó nữa. Vừa nãy nghe ông kể chuyện nhìn thấy người đàn ông lạ mặt trong vườn một cách rõ ràng tôi mới giật mình. Nhưng nếu đó là linh hồn thì sao ông lại nhìn thấy rõ ràng, thật kỳ lạ...

Tôi im lặng, vừa ngạc nhiên vừa bối rối trước câu chuyện vừa nghe. Mãi sau, tôi mới lên tiếng:
- Sau những trải nghiệm mà tôi từng đi qua, tôi không quá bất ngờ về những linh hồn vẫn tồn tại quanh chúng ta, nhưng tôi không biết tại sao tôi lại có thể nhìn thấy ông ấy rõ ràng đến vậy...
Don lắc đầu:
- Thỉnh thoảng tôi cảm nhận được lờ mờ sự hiện diện của ông ấy, còn thấy rõ thì chưa bao giờ. Còn nếu người đàn ông mà ông vừa thấy là người thì hệ thống chuông báo động tinh vi mà tôi lắp đặt đã phải kêu rồi.
Tôi vừa định nói thêm thì nghe tiếng gọi từ trong nhà, Susan và Angie đã chuẩn bị xong bữa ăn tối. Chúng tôi vừa ăn vừa trò chuyện thân mật trong tiếng nhạc của Frank Sinatra, một tuyển tập kinh điển mà chúng tôi đều cùng yêu thích từ thời còn thanh niên. Sau bữa ăn, Susan đề nghị chúng tôi cùng đi dạo bờ biển vì hoàng hôn ở đây rất đẹp. Trong khi Angie và Susan vào phòng lấy thêm áo khoác vì không khí đã bắt đầu chuyển lạnh thì tôi bước ra khu vườn. Trong bóng chiều nhập nhoạng, tôi lại nhìn thấy ông lão kia, người mà giờ đây tôi đã biết có thể không phải là con người bằng xương bằng thịt giống như mình. Ông lão ngồi trên ghế, tay cầm một quyển sách, nhìn tôi với vẻ quan sát. Tôi do dự một chút, nhưng rồi thấy ông không hề có vẻ gì ác ý, tôi bèn lên tiếng:
- Xin chào ông. Tôi là Thomas.
Ông lão hơi giật mình, ông tiếp tục quan sát tôi một lúc, rồi ngập ngừng:

- Chào ông! Tôi... Đã lâu rồi tôi chưa nói chuyện với ai. Ông là người đầu tiên mà tôi có thể nói chuyện, kể từ khi...

Tôi nghe ra trong giọng nói của ông một sự thiết tha, bỗng có chút mủi lòng. Ông nhìn tôi với vẻ khẩn khoản, như có điều gì muốn chia sẻ. Tôi lên tiếng hỏi:

- Có phải ông có việc gì cần không? Xin hỏi tôi có thể giúp được gì cho ông?

Ông lão đứng dậy, tiến một chút về phía tôi, sau vài giây lưỡng lự, ông nói:

- Thật cảm ơn ông. Đúng là tôi có chút chuyện cần được giúp đỡ. Chúng ta có thể nói chuyện một chút được không?

Tôi gật đầu:

- Được chứ. Nhưng bây giờ chúng tôi chuẩn bị ra ngoài. Khi trở về tôi sẽ gặp ông ở đây, được không?

Ông lão gật đầu, tỏ vẻ cảm kích:

- Cảm ơn ông rất nhiều. Tôi sẽ đợi.

Tôi gật đầu chào ông lão rồi trở vào phòng khách, nơi mọi người đang chờ. Chúng tôi đi dạo quanh bờ biển, vừa nhìn ngắm khung cảnh thanh bình nơi đây vừa trò chuyện vui vẻ, đến tối muộn mới trở về nhà. Susan pha một bình trà nóng và chúng tôi ngồi ở phòng khách tiếp tục trò chuyện. Susan và Angie hào hứng trao đổi những bí quyết nấu ăn. Được một lúc, tôi xin phép ra ngoài hiên hóng gió. Don hỏi với theo:

- Có cần tôi đi cùng ông không?

Tôi lắc đầu:

- Ồ, không cần đâu. Tôi muốn ở một mình. Sự yên tĩnh nơi đây thật tuyệt vời, tôi muốn cảm nhận một chút.

Tôi khép cửa, bước ra khu vườn, dù trời tối, tôi vẫn nhìn thấy ông lão đã ngồi đợi sẵn trên băng ghế. Tôi gật đầu chào ông, lần này đã bớt đi sự dè chừng. Ông lão cũng gật đầu chào đáp lại tôi. Ông lên tiếng trước:

- Cảm ơn ông đã quay lại gặp tôi. Tôi đã ở đây lâu lắm rồi, đã cố thử cho người

khác biết về sự hiện diện của mình và cố gắng giao tiếp với họ nhưng không thể. Người bạn của ông cũng là người khá đặc biệt, ông ấy có thể cảm nhận sự hiện diện của tôi, nhưng có đôi lần tôi thử nói chuyện thì ông ấy không nghe được, ông là người đầu tiên vừa nhìn thấy tôi vừa nghe được lời tôi nói.

Tôi hỏi:

- Nhưng ông là ai?

Ông lão tiến lại gần hơn một chút, hơi cúi người về phía trước, tự giới thiệu:

- Tôi tên là James G., là kế toán riêng cho một gia đình giàu có và nổi tiếng ở vùng này. Đây là nhà của tôi, đích thân tôi đã mời về những người thợ giỏi nhất, và chứng kiến họ cẩn thận thêm từng viên gạch, từng khúc gỗ để xây nên ngôi nhà. Ngôi nhà này chứa đựng rất nhiều kỷ niệm của tôi và gia đình, đồng thời chứa cả bí mật nữa. Tôi là người lo liệu sổ sách kế toán cho ông chủ, tôi giữ tất cả giấy tờ, tài liệu về tiền bạc của chủ tôi trong một hồ sơ chính thức để khai thuế. Nhưng có lẽ ông cũng biết, trong việc kinh doanh, không phải lúc nào tiền bạc đều rõ ràng, minh bạch. Ông chủ tôi có những chi tiêu vào việc riêng, không được công khai và tôi giữ những giấy tờ liên quan trong một hồ sơ bí mật mà chỉ có tôi và ông chủ biết thôi. Đây là những món chi tiêu có liên quan đến nhiều người, các cơ quan chính quyền và có thể ảnh hưởng đến danh dự của ông chủ tôi và dòng họ, cũng như những người có liên quan.

Ông lão dừng lại một lúc như để cẩn thận lựa chọn ngôn từ, rồi nói tiếp:

- Trong hồ sơ bí mật đó có một quyển sổ kế toán ghi rõ các khoản thu chi cho từng người, theo từng thời gian cụ thể, với các con số chi tiết. Rất nhiều thông tin riêng tư cần được giữ kín. Dù đã là chuyện hơn tám mươi năm trước rồi và ông chủ tôi cũng đã qua đời, nhưng nếu sự việc bị tiết lộ vẫn có thể gây hại cho nhiều người và hơn hết là ảnh hưởng đến danh dự của ông chủ tôi. Đáng lẽ ra tôi đã phải tiêu hủy cuốn sổ đó, nhưng chưa kịp thực hiện thì tôi bất ngờ qua đời vì xuất huyết não. Đã hơn tám mươi năm rồi, tôi vẫn canh cánh điều đó trong lòng và chưa bao giờ dám rời khỏi ngôi nhà này. Tôi phải ở đây để giữ cuốn sổ, tránh nó rơi vào tay người khác. Tôi chịu ơn ông chủ rất nhiều, thế nên, việc quan trọng đã hứa với ông chủ nhưng chưa hoàn thành khiến tôi cứ day dứt không yên.

Ông lão nhìn tôi bằng ánh mắt khẩn nài, nói tiếp:

- Thưa ông, hơn tám mươi năm rồi, tôi đã chờ đợi một người có thể giúp được tôi. Nay tôi may mắn gặp được ông, tôi có thể nhờ ông giúp tôi tiêu hủy tập hồ sơ đó được không? Chỉ khi nào thực hiện được tâm nguyện cuối cùng này, tôi mới yên lòng rời khỏi đây.

Tôi nhìn ông lão, cảm động trước lòng trung thành của ông, sau vài giây suy nghĩ, tôi trả lời:

- Được, tôi sẵn lòng giúp ông.

Ông lão cúi người về phía tôi, giọng xen lẫn giữa cảm kích và xúc động:

- Cảm ơn ông! Cảm ơn ông rất nhiều! Thưa ông, cuốn sổ đó đang nằm trong một ngăn kéo bí mật trong chiếc bàn gỗ lớn tại phòng làm việc trên lầu, tôi thấy ông đã đến chỗ đó rồi. Đó là chiếc bàn được thiết kế đặc biệt theo yêu cầu của tôi. Ngoài tôi ra, không ai biết đến ngăn kéo đó, càng không biết về những gì cất giữ bên trong. Ngay cả vợ và con tôi cũng không biết gì về việc này. Sau khi tôi chết, vợ tôi đã sống ở đây cho đến khi qua đời. Sau đó con trai tôi tiếp tục sống ở đây, nhưng không đụng chạm gì đến cái bàn đó hết. Năm ngoái, vì công việc, nó đã dọn đi California nên mới rao bán căn nhà này. Người chủ mới rất thích sự cổ kính của ngôi nhà nên không sửa sang gì và cũng ít khi sử dụng phòng làm việc, nhờ vậy chiếc bàn vẫn còn nguyên ở đó. Giờ tôi sẽ chỉ cho ông cách mở ngăn kéo bí mật đó, nhờ ông giúp tôi đem cuốn sổ đó đốt đi, không để lọt vào tay ai, có được không ông?

Tôi gật đầu:

- Được rồi, ông chỉ cho tôi cách lấy tập hồ sơ. Tôi sẽ giúp ông.

Ông lão lại cúi gập người, bày tỏ lòng cảm kích:

- Xin cảm ơn ông.

Tôi trở vào nhà, mọi người vẫn đang trò chuyện vui vẻ. Tôi nói với Don rằng mình hơi mệt, xin phép sử dụng phòng tắm trên lầu rồi sẽ xuống tiếp tục trò chuyện cùng mọi người. Khi tôi lên lầu, bước vào phòng làm việc và chốt cửa lại, đã thấy ông lão chờ sẵn trong phòng. Ông chỉ cho tôi cách mở ngăn kéo bí mật. Ngăn kéo đó được thiết kế nằm phía dưới một ngăn kéo khác, rất khó nhìn

thấy và phải mở bằng chốt đặc biệt, cố gắng không gây ra tiếng động nào khi mở ngăn kéo bí mật ra, tôi tìm thấy trong đó một quyển sổ đã bạc màu cùng một số giấy tờ khác đã ố vàng. Tôi cầm cuốn sổ và tập hồ sơ đến lò sưởi và châm lửa đốt. Khi mảnh giấy cuối cùng đã cháy hết, tôi cẩn thận cào lớp tro để không lưu lại dấu vết. Xong việc, tôi quay người lại thì đã không thấy ông lão đâu nữa.

Khi tôi trở xuống nhà, Angie và Susan vẫn đang trò chuyện. Don đang ở hàng hiên hóng mát với ly rượu vang trên tay. Don đang chờ tôi. Tôi bước ra hàng hiên, cầm ly rượu, cụng ly với người bạn của mình và nói nhỏ:

- Từ hôm nay, có lẽ ông sẽ không còn nhìn thấy ông lão kia nữa đâu.

Don không tỏ vẻ ngạc nhiên lắm, có lẽ ông đã linh cảm được chuyện gì, ông chỉ hỏi đơn giản:

- Nhưng ông đã làm gì?

Tôi mỉm cười, trả lời:

- Tôi đã yêu cầu ông lão đi nơi khác.

Don có hơi bất ngờ:

- Ông nói chuyện được với ông lão ấy ư? Ông có thể giao tiếp với họ ư? Tôi mỉm cười:

- Cho phép tôi không kể điều này. Dù sao thì tôi đã đề nghị ông ấy đi nơi khác, không làm phiền gia đình ông nữa, và ông ấy đồng ý. Từ nay ông và Susan có thể yên tâm.

Don nhìn tôi, mỉm cười ý nhị:

- Tôi biết chuyện không đơn giản như thế đâu. Chúng tôi có phòng tắm dưới nhà nhưng ông cố ý dùng phòng tắm trên lầu... Nhưng không sao, theo lời ông nói thì mọi chuyện tốt đẹp cả rồi. Tôi phải cảm ơn ông.

Tôi mỉm cười đáp lại:

- Phải, mọi việc đều tốt đẹp cả. Giờ ông bà có thể yên lòng ở ngôi nhà này,

không cần lo lắng gì nữa.

Chúng tôi cụng ly, trò chuyện sang chủ đề khác. Làn gió biển thổi vào, mang theo cảm giác nhẹ nhàng, thanh mát.

*

Mấy tháng sau, tôi cùng Angie đến căn nhà tại Colorado để nghỉ cuối tuần. Tôi ghé thăm ông Kris và trong lúc trò chuyện, tôi cũng kể cho ông nghe câu chuyện diễn ra ở nhà Don. Kể xong, tôi hỏi:

- Trước đây ông có nói về cõi giới vô hình và cho tôi biết rằng đó là một cõi giới riêng biệt khác hẳn cõi trần, vậy người chết đã đi qua cõi đó, tại sao vẫn có thể trở về liên lạc với người sống?

Ông Kris thong thả đáp lời:

- Chúng ta hãy bắt đầu với những gì con người trải qua sau khi chết. Khi qua đời, con người rời bỏ xác thân vật chất và hiện hữu dưới hình thức khác gọi là thân trung ấm (*Bardo*) hay vong linh (*Spirit*). Đây là trạng thái trung gian giữa cái chết và lần tái sinh tiếp theo. Nhiều người gọi đó là ma, nhưng gọi như vậy là nhầm lẫn, vì ma quỷ là những thực thể sống ở cõi riêng của chúng. Danh từ thường gọi khác là linh hồn (***Soul***) cũng không chính xác, vì quan niệm đó cho rằng linh hồn là bất diệt, không thay đổi và chỉ di chuyển từ kiếp này qua kiếp khác. Do đó, theo quan niệm ấy, đã làm người thì làm người mãi, dù trong kiếp người đó có làm việc gì, bất kể tốt xấu, vẫn trở lại làm người. Tương tự, đã làm súc vật thì mãi làm súc vật, trải qua bao nhiêu kiếp cũng không thay đổi. Quay lại điều mà tôi đã nói với ông trước đây, cái duy nhất thật sự hiện hữu là tàng thức (*A lại da thức)*, nó là căn bản của sự tồn tại, là nền móng của mọi tâm thức. Tàng thức có thể coi như cái kho chứa rất nhiều chủng tử (*hạt giống*). Mọi tư tưởng, lời nói, hành động trong một kiếp sống, dù tốt hay xấu, đều tạo ra nhân, hay chủng tử, được lưu trữ trong tàng thức, không bao giờ mất đi. Tùy vào sự thu xếp của luật Nhân quả mà một số chủng tử sẽ phát khởi, biểu hiện thành tâm thức trong mỗi kiếp sống. Do đó, tâm thức luôn luôn biến đổi, luân chuyển qua nhiều kiếp khác nhau, lúc làm người, lúc làm thú vật, lúc làm bậc tiên thánh ở cõi giới tâm thức cao hay ma quỷ. Có thể hình dung việc này như một người làm vườn vào kho lấy ra một số hạt giống để gieo trồng, tùy điều kiện đất đai, thời tiết hay tưới bón mà những hạt giống được chọn này sẽ mọc thành cây rồi trổ quả. Kiếp người cũng thế, tùy sự sắp đặt của luật Nhân quả mà người ta sinh ra tại một nơi chốn

nhất định, với hoàn cảnh và tính tình riêng, không ai giống ai. Có người sung sướng, có người khổ đau, có người rất thông minh và có người lại khờ dại. Tất cả tính tình của một người đều chỉ là những chủng tử đã có sẵn trong tàng thức và được biểu hiện trong kiếp sống đó mà thôi.

Ông Kris dừng lại để tôi suy nghĩ, rồi tiếp tục:

- Trải qua vô lượng kiếp, chủng tử chứa trong tàng thức thì rất nhiều nhưng tùy nhân quả sắp đặt, hay nghiệp lực, mà chỉ một số nhỏ chủng tử được lấy ra cho mỗi kiếp sống thôi. Tùy hành xử cá nhân, tức *thân - khẩu - ý* trong mỗi kiếp sống mà chúng ta tiếp tục tạo thêm những cái nhân, lưu trữ vào trong tàng thức dưới dạng chủng tử. Do đó tàng thức là cái kho không bao giờ cạn, và chủng tử phát khởi là không bao giờ có hồi kết. Đó là lý do con người tiếp tục lưu chuyển mãi trong vòng sinh tử luân hồi, khi thì làm người, lúc thì làm thú vật, ma quỷ hay các bậc cao hơn. Khi chuyển kiếp làm người thì tâm thức (tức tàng thức) đến trước rồi các yếu tố vật chất cấu kết trong bào thai đến sau. Đên khi chết, các yếu tố vật chất tan rã trước, tâm thức là cái cuối cùng ra đi. Khi qua cõi âm, tâm thức chuyển thành một dạng của năng lượng, lưu lại đây một thời gian để chuẩn bị chuyển kiếp, cũng chính là giai đoạn thân trung ấm mà tôi vừa nhắc. Tuy nhiên, có những trường hợp đặc biệt khi vong linh còn ước nguyện chưa thành ở cõi trần, thì sẽ quanh quẩn tại đây, không chịu siêu thoát. Đó là trường hợp mà ông đã gặp tại Hyannis Port. Tuy nhiên, không phải cứ muốn là vong linh có thể liên hệ được với cõi trần. Nói đến chuyện người đã qua đời có thể liên hệ với người sống ở thế gian, đa số sẽ cho là chuyện tưởng tượng hoang đường, bởi không phải ai cũng thấy hay nghe được người đã khuất, vì giác quan và lý trí con người bị giới hạn trong thân xác nên phải cần đến trực giác mới có thể giao tiếp được với thế giới bên ngoài thế giới vật chất. Trường hợp của ông, chính trực giác đã giúp ông trò chuyện với người kia. Khi hai người trò chuyện, ông không nghe bằng âm thanh, bởi vong linh đó đâu còn giác quan vật chất để phát ra tiếng nói nữa. Chính trực giác đã giúp ông nghe được tiếng nói người đó bằng tâm thức, rồi chính trực giác giúp ông đáp lời ông ta trong tâm thức, từ đó giúp ông ta hoàn tất tâm nguyện để có thể siêu thoát.

Tôi hết sức ngạc nhiên trước những điều vừa nghe:

- Thật vậy ư? Tôi không ngờ sự việc diễn ra như thế. Vì khi trò chuyện với ông ấy, tôi hoàn toàn không ý thức được mình đang nghe và nói bằng trực giác. Tôi hiểu mọi thứ ông ấy nói rõ ràng như một cuộc trò chuyện bình thường. Nhưng tôi vẫn thắc mắc lắm, khi vong linh qua cõi bên kia sẽ như thế nào?

Ông Kris từ tốn giải thích:

- Bởi vì tâm thức mỗi người là khác nhau nên khi qua đời, mỗi người sẽ có một trải nghiệm khác nhau. Thế giới bên kia thuộc về phạm vi tinh thần nên những người duy vật, những người tin rằng chết là hết, khi qua đây sẽ không nhận thức được gì mà cứ ở trong trạng thái như người ngủ say. Đó là nghiệp quả của sự phủ nhận mù quáng. Phải mất nhiều năm, có khi cả thế kỷ, họ mới ý thức mình đã qua cõi khác.

Tôi ngạc nhiên:

- Người ta có thể không biết rằng mình đã chết sao? Tại sao lại như vậy? Ông Kris giải thích:

Người duy vật không tin vào những gì không thể nhận thức được bằng giác quan vật chất. Họ xem đời sống ở cõi trần là sự hiện hữu duy nhất và chết là hết, không còn điều gì tồn tại sau cái chết nữa. Niềm tin này trở thành điểm mù trong tâm thức của họ. Vì không chấp nhận sự tồn tại của một cõi giới nào khác nên sau khi chết, họ cứ mê man, bất động dù đã bước vào cõi tinh thần. Sau thời gian rất lâu, sự cố chấp của tâm thức tan dần, họ tỉnh dậy trong sự bỡ ngỡ, hốt hoảng, xúc động, mọi niềm tin trước đó đều đảo lộn và họ không biết bám víu vào đâu. Trong lúc hoang mang bối rối này, họ dễ bị những vong linh xấu lôi kéo hay bị các loài ma quỷ dẫn dụ vào những nơi mà đáng lẽ họ không phải đến.

Tôi hỏi:

- Nhưng làm sao người ta có thể biết về thế giới bên kia nếu chưa chết? Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Một người tu tập có định lực, khai mở được những giác quan đặc biệt thì có thể chuyển tâm thức qua cõi giới khác để quan sát và học hỏi. Trong thời buổi khoa học này, bất cứ ai nói về cõi giới bên kia cũng đều bị coi là hoang tưởng, nói xằng nói bậy, vì người ta đòi hỏi mọi thứ phải theo khoa học, phải có bằng chứng, được xác nhận bởi những nhà khoa học uy tín. Dĩ nhiên, những điều mắt ta không thể nhìn thấy thì ta không tin cũng là hợp lẽ. Nhưng con người chúng ta nhận thức mọi sự bằng giác quan và ít ai ý thức được rằng các giác quan này chỉ giới hạn trong một phạm vi nhỏ hẹp trong khi chúng ta sống trong một vũ trụ bao la. Ngày nay, khoa học đã chứng minh được sự tồn tại của thế giới vi sinh vật

mà mắt thường không thể thấy, từ đó cho thấy quan niệm cho rằng cái gì không nhìn thấy được thì không tồn tại là còn thiếu sót. Ví dụ đơn giản nhất là không khí bao quanh chúng ta: Nó ở đó, nhưng chúng ta nào có thấy, và còn có bao nhiêu khí lực vô hình khác quanh ta mà các giác quan thông thường không thể nhận biết được, chúng ta giống như đang sống trong một phòng kín với ô cửa sổ rất nhỏ, nên chỉ có thể nhìn mọi vật qua ô cửa sổ đó thôi, không biết gì về thế giới rộng lớn bên ngoài. Con người, ngoài các giác quan thông thường của cơ thể vật lý, còn có những giác quan khác có thể giúp chúng ta nhận biết mọi sự, mọi nơi, mọi cõi, chỉ là không phải ai cũng biết cách sử dụng.

Ngay như các giáo sĩ, những người theo các tôn giáo, cũng chỉ nói rất sơ lược về các cõi giới bên kia, vì họ chỉ biết kinh sách đã dạy như thế chứ chưa từng đến đó trải nghiệm để có thể về trình bày lại. Tuy nhiên, vẫn có người nhờ khai mở những giác quan tinh nhuệ, có thể chuyển tâm thức đến những cõi giới kia, chứng kiến và thuật lại. Đây không phải điều gì đặc biệt khác thường, vì thật ra mọi người đều có những giác quan này nhưng không biết sử dụng đó thôi.

Tôi ngạc nhiên:

- Thật vậy sao? Mọi người đều sở hữu những giác quan đó sao?

Ông Kris gật đầu, xác nhận:

- Đúng thế, mọi người đều có những giác quan này nhưng muốn sử dụng thì cần phải có công phu tu luyện và định lực thâm sâu thì mới có thể chuyển tâm thức đến những cõi giới khác. Tôi có thể làm được việc này, nhưng dĩ nhiên ông không nhất thiết tin những gì tôi nói. Tự ông có thể suy xét, tìm hiểu, phân tích cẩn thận rồi hãy quyết định có nên tin hay không. Thật ra, ông và tôi đã từng làm việc này ở kiếp sống khác rồi, nhưng nay ông đã quên.

Một lần nữa, ông Kris lại nói về tiền kiếp của tôi, khiến tôi không thể không tự hỏi nếu mình đã có sự hiểu biết như thế thì tại sao quên? Chưa kịp nói ra thắc mắc của mình, thì ông Kris như đọc được ý nghĩ của tôi, đã mỉm cười nói thêm:

- Chúng ta đã từng tu tập cùng nhau trong nhiều năm, nhiều kiếp, nhưng con đường của chúng ta đi không giống nhau. Chúng ta đều có những ngã rẽ riêng, bài học riêng và nhân quả riêng phải trả, do đó ông và tôi có những trải nghiệm khác nhau nhưng tình bạn chúng ta vẫn như cũ, được nối tiếp từ những kiếp sống xưa. Vì vậy, tôi và ông mới có thể gặp lại nhau ở kiếp này để hoàn tất lời hẹn và sứ

mệnh khi xưa.

Ông Kris nhìn tôi một cách thân ái rồi nói thêm:

- Cái chết chỉ là sự từ bỏ xác thân vật chất, còn tâm thức thì vẫn hoạt động nên khi qua cõi âm, vong linh vẫn có thể ý thức được những gì xảy ra nơi đây. Dĩ nhiên, lúc đầu ai cũng trải qua trạng thái bỡ ngỡ, lạc lõng, hay hoảng hốt một thời gian. Sau khi vượt qua điều đó, vong linh sẽ trải nghiệm trạng thái gọi là hồi quang phản chiếu (*Terminal Lucidity*), tất cả mọi việc đã trải qua trong kiếp sống vừa qua sẽ hiện rõ trong tâm thức, vì không còn bị trói buộc trong thân xác vật lý nên vong linh có thể nhận xét mọi việc một cách khách quan hơn. Tùy vào những gì tâm thức nhìn lại được trong lúc này mà vong linh có thể trải qua cảm giác tiếc nuối, buồn rầu, giận dữ hay hối hận và điều này sẽ ảnh hưởng đến kiếp sống về sau. Khi các gánh nặng của xác thân vật lý như bệnh tật hay áp lực của đời sống không còn, vong linh có thể suy nghĩ khách quan, rõ ràng, minh bạch hơn, không bị thành kiến chi phối nữa. Vì có thể nhìn mọi việc đúng như nó đã xảy ra, một số vong linh sẽ biết hối hận, biết nhận lỗi và tự trách mình đã làm những việc sai trái, rồi nảy sinh ước vọng hoàn thành việc gì đó để chuộc lỗi. Đây là giai đoạn rất quan trọng, vì khi đó tâm thức sẽ phối hợp với luật Nhân quả, khởi động một số chủng tử chứa trong tàng thức, chuyển thành nghiệp lực, thu xếp cho họ cơ hội học hỏi những gì họ cần học ở kiếp sau. Do đó, mỗi kiếp người được quyết định một phần nhờ luật Nhân quả và phần khác là nhờ tâm thức cá nhân, nhờ sự thức tỉnh sau trải nghiệm của từng kiếp sống, cả hai phối hợp với nhau quyết định hướng đi cho kiếp sống sau, cũng tức là bài học mà người ta phải học, mục đích mà họ muốn đạt được ở kiếp sau. Khi sinh ra, mỗi người đều có sẵn những mục đích được xây dựng trên tâm thức, và được nghiệp lực dẫn dắt để học bài học mà họ cần. Vấn đề là khi tái sinh làm người, người ta có nhận thức được điều đó không, có biết mục đích cuộc đời mình là gì không, có ý thức được điều họ cần học trong kiếp sống đó hay không. Nhiều người để cho dục vọng hay hoàn cảnh xung quanh lôi kéo, không tự biết mình, không biết mục đích của mình, rồi lạc lối vào con đường khác, nên không thể hoàn tất bài học và phải học đi học lại. Vòng luân hồi là như thế đó. Vì không tỉnh thức, cứ u mê, điên đảo, để hoàn cảnh xung quanh ảnh hưởng, người ta tiếp tục gieo nhân rồi phải trả quả. Nhân quả nối tiếp nhau không ngừng nên có khi vong linh chuyển kiếp làm người, có khi làm thú vật, hoặc đi đến cõi giới của ma quỷ.

Ông Kris dừng lại cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Cõi giới của loài người là môi trường thuận tiện nhất để học và áp dụng những bài học vì con người được lựa chọn sống như thế nào, làm những việc gì. Do đó, khi được chuyển sinh làm người, việc tự biết mình, tìm ra mục đích của đời mình là điều quan trọng. Nếu đọa lạc vào các cõi khác như súc sinh, hay ma quỷ thì rất khó có thể học được gì. Được sinh làm người là cơ hội rất quý báu, và nếu sống không mục đích, chỉ vật vờ trôi dạt theo hoàn cảnh xung quanh, để dục vọng lôi cuốn thì vô cùng đáng tiếc. Bởi vì một khi mất đi kiếp người thì sẽ trải qua thời gian rất lâu, qua rất nhiều sự tu tập mới có thể trở lại làm người.

Vì biết được rằng tâm thức con người lúc chết ảnh hưởng rất lớn đến kiếp sống về sau nên các tôn giáo đều khuyên con người hãy chuẩn bị cẩn thận cho sự chết. Tuy nhiên, không ai có thể biết mình sẽ chết lúc nào hay cần chuẩn bị ra sao. Một số tôn giáo đã đề cao thái quá sự chuẩn bị này qua việc tổ chức các nghi thức cần thiết trước khi từ trần. Nếu tin vào các nghi thức đó, người ta sẽ cảm thấy được cứu rỗi, vui vẻ ra đi khi được thực hiện nghi thức. Nhưng nếu không thực hiện được nghi thức đó thì sao? Chính niềm tin đó sẽ tạo ra sự sợ hãi vô ích. Đâu phải ai cũng chết già hay chết trên giường bệnh, đâu phải ai cũng có được các nghi thức trên. Nếu gặp tai nạn, chết bất thình lình thì sao? Nếu không có ai thực hiện nghi thức đó cho họ thì sao?

Ông Kris dừng lại để tôi suy ngẫm về câu hỏi trên, rồi nói tiếp:

- Thật ra trạng thái tâm thức của con người khi chết hoàn toàn phụ thuộc vào cách sống của họ ở kiếp sống đó. Sự chuẩn bị tốt nhất cho cái chết chính là sống một cuộc đời thanh cao, biết nhìn những biến cố cuộc đời - tốt cũng như xấu, vui cũng như buồn - một cách điềm đạm như đang đến lớp để học những bài học cần thiết, và chấp nhận sự chết như là việc đi qua lớp học khác. Nếu biết học bài học cần phải học, làm những việc cần phải làm, sống với mục đích rõ ràng thì trạng thái tâm thức khi chết không quan trọng nhiều. Trái lại, nếu sống một cuộc đời chỉ toàn là những toan tính, tranh chấp, tham lam, bạo lực hay hận thù, thì khi chết tâm thức không thể tránh khỏi u mê, lạc lối.

Tôi hỏi:

- Ông nói rằng ông có thể chuyển tâm thức sang cõi âm, vậy đời sống ở cõi đó ra sao?

Ông Kris giải thích:

- Bên kia cửa tử là cõi giới của tư tưởng, vì vậy nó luôn luôn biến đổi, tùy theo tâm thức của vong linh mà nó biến hiện thành các ảo ảnh khác nhau, vì không còn vật chất nên tâm thức con người lúc này rất nhạy cảm, bất cứ tư tưởng nào khởi lên đều có thể tạo ra các mãnh lực biến ý tưởng thành thực tại. Đa số vong linh đến đây vẫn còn giữ ý tưởng về cõi trần nên cõi âm này cũng hiện ra những nhà cửa, đồ đạc, phong cảnh tương tự như cõi trần. Khi quan sát cõi này, tôi thấy mọi hình ảnh đều mập mờ, rung động vì nó được tạo ra bởi tâm thức chứ không phải vật chất. Vong linh ở cõi này cảm thấy ở đó giống như cõi trần, không khác bao nhiêu, do đó họ thường không biết rằng mình đã chết. Vong linh vẫn nhìn thấy thân nhân, vợ con, bạn bè và mọi sự như cũ dù không tiếp xúc được nữa. Vong linh không bị giam kín trong quan tài mà thường trở về nhà hay những nơi quen thuộc, và dù rất cố gắng nhưng họ không thể liên lạc với người thân được, nên họ đâm ra bối rối, đau khổ hay tức giận. Trường hợp ở Hyannis Port theo tôi là khá hy hữu. Tôi không biết tại sao vong linh đó có thể hiện hình rõ ràng như người sống, có thể bởi vong linh quá tha thiết với tâm nguyện chưa hoàn thành nên sự gắn bó với cõi trần đặc biệt mạnh mẽ hơn. Cũng có thể ông đã có mối liên hệ nhân quả gì đó với vong linh này nên ông được sắp xếp để hoàn thành tâm nguyện của người đó. Cũng có thể người đó nhận ra ông có khả năng nên tìm cách liên lạc với ông. Và cũng có thể vì ông là một người đặc biệt, căn cơ tu tập sâu dày trong nhiều kiếp và kiếp này, ông đang dần thức tỉnh. Trong đời sống, có rất nhiều nhân duyên lạ lùng xảy ra mà chúng ta không hiểu hết được.

Khi chúng ta suy nghĩ điều gì thì tư tưởng đó hiện ra trong cõi tư tưởng. Vì sống bằng tâm thức nên vong linh cõi âm có thể biết được tư tưởng của người sống và họ cũng biết được những việc xảy ra sau khi mình qua đời. Giai đoạn này, những gì xảy ra ở cõi trần rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến tâm thức của vong linh ở cõi bên kia. Nếu chứng kiến những điều không mong muốn thì vong linh có thể rơi vào trạng thái tiêu cực như tức giận, oán hận hay buồn bực. Nếu người cha để lại gia tài cho con cái khi qua đời nhưng các con lại tranh giành, cãi cọ, kiện tụng vì số tài sản đó thì vong linh sẽ cảm thấy thế nào? Nếu vong linh người vợ thấy chồng ân ái với người khác khi mình vừa qua đời thì sẽ cảm giác ra sao? Vong linh của những vua chúa có quyền lực lớn chứng kiến mọi công lao xây dựng lại bị người đời sau thay đổi, phá hủy thì sẽ khổ sở như thế nào? Những trường hợp này hẳn cũng dễ hình dung. Ngoài ra, những người khi còn sống quá chú trọng thân xác, lo lắng săn sóc cho tấm thân bề ngoài thái quá, thì khi chết đi họ thường quyến luyến bên cái xác, không chịu đi đâu, cho đến khi nó rữa nát, tiêu vong. Việc này có thể kéo dài vài chục năm hay vài trăm năm tùy theo sự hủy hoại của vật chất. Ngày nay, nhiều xác chết được nhà quàn tiêm thuốc bảo quản để giữ cho thân xác được nguyên vẹn cho tang lễ, vô tình khiến

cái xác khó tan rã và vong linh khó siêu thoát. Đó là lý do một số nơi chủ trương thiêu xác giúp cho vong linh siêu thoát nhanh hơn, vì khi đó vong linh không còn gì để quyến luyến nữa.

Tôi hỏi thêm:

- Ngoài những việc đó ra, khi chuyển tâm thức qua cõi âm, ông còn thấy gì nữa?

Ông Kris trả lời:

- Tôi đã thấy nhiều vong linh quanh quẩn bên ngôi nhà cũ của mình, không chịu rời bỏ và vô cùng đau khổ vì căn nhà đó bây giờ đã thuộc về người khác. Tôi đã gặp những vong linh bởi vì khi sống quen vui chơi với bạn bè nên sau khi chết cảm thấy buồn tủi vì không ai để chuyện trò. Những vong linh ham ăn uống còn bi đát hơn, phải quanh quẩn gần trà đình tửu quán, nhìn mọi người ăn uống, thèm muốn vô cùng nhưng không thể ăn gì được. Những vong linh ham thích nhục dục còn khổ hơn nữa vì nay không thể thỏa mãn nhu cầu xác thân. Những vong linh này thường tụ tập rất đông quanh những nhà hàng ăn uống hay thanh lâu kỹ viện. Những người say rượu hay sử dụng ma túy thường bị những vong linh này tìm cách nhập vào để hưởng dư vị của tâm thức khoái lạc và dần bị rút đi sinh lực. Nhiều người còn sống không hiểu biết về sinh lực nên thường phung phí vào những việc vô ích, trong khi sinh lực là thứ rất quý với các vong linh thiên về dục vọng. Chúng tìm đủ mọi cách để xúi giục mọi người si mê mù quáng, trụy lạc vào rượu chè hay ma túy, rồi nhập vào rút dần sinh lực của họ. Người nghiện rượu hay ma túy thường không thể bỏ những thứ này, một phần vì tính chất gây nghiện của chúng nhưng một phần cũng do mất kiểm soát ý chí, để những thế lực ở cõi âm xúi giục. Những người có tính nóng giận, hung bạo cũng dễ mất kiểm soát, bị những vong linh thiên về bạo lực nhập vào, xui họ làm những việc bạo động, như đánh đập, tra tấn, hành hạ người khác hay giết người một cách dã man. Và ông cứ nghĩ mà xem, những người mà khi còn sống đã bị những thế lực quái ác ảnh hưởng thì khi chết đi sẽ bị dẫn dắt đi đến đâu, làm những việc tồi tệ gì nữa. Ngoài ra nếu để ý, ông sẽ thấy hiện nay trên thế giới, số người sinh ra bị thiểu năng trí tuệ ngày càng tăng lên. Tại sao như vậy? Một số trong đó chính là những người từng sử dụng ma túy hay rượu, tự phá hoại đầu óc, trí tuệ của mình, nên kiếp này đầu óc không còn minh mẫn nữa.

Nói đến đây, giọng ông Kris chợt chậm lại:

- Hiển nhiên, khi từ trần, nếu vong linh mang tâm thức quyến luyến, tiếc nuối,

buồn rầu, giận dữ thì rất có hại. Do đó, làm sao để cho vong linh có thể ra đi thanh thản, không buồn rầu, không luyến tiếc là rất quan trọng. Cách tốt nhất là đọc kinh cầu nguyện hay gửi những tư tưởng tốt lành cho người vừa ra đi để cho họ yên tâm, không quyến luyến. Khi rời bỏ xác thân, mọi giác quan đều ngừng hoạt động, tất cả mọi thứ vật chất như tiền bạc, tài sản, địa vị, danh vọng đều không thể mang theo được. Ngay những người thân yêu, như gia đình, vợ con, bạn bè cũng không thể ở bên cạnh nữa, thứ duy nhất hiện hữu chỉ có tâm thức và chính tình trạng của tâm thức trong giai đoạn đó sẽ quyết định kiếp sống tiếp theo, quyết định người ta đi về đâu, đến chỗ nào và học hỏi những gì. Dĩ nhiên, người có đời sống tinh thần lành mạnh thì khi chết thường sáng suốt. Tuy họ vẫn biết được những việc xảy ra ở cõi trần sau khi họ ra đi, nhưng họ cũng hiểu rằng sợi dây thân ái kia chỉ là nhân quả, rằng mọi quan hệ cũng do nhân duyên nên không còn quyến luyến và biết sử dụng thời gian này để chuẩn bị cho kiếp sống tương lai.

Nếu hiểu biết những điều này, chúng ta sẽ thấy việc khóc than, quyến luyến vào lúc đó không có ích lợi gì. Những điều người ta thêu dệt, bày vẽ như phải mặc quần áo thế này, phải tổ chức các đám tang to lớn, ăn uống linh đình tiễn đưa người chết thế kia, tất cả chỉ là quan niệm của những người thiếu hiểu biết. Tất cả mọi sự khóc than, buồn khổ chỉ làm hại cho người chết mà thôi. Khi vừa qua đời, vong linh sẽ trải qua trạng thái mê man vô thức trong thời gian ngắn, đó là lúc các giác quan vật chất bắt đầu tiêu vong còn các giác quan tinh thần được thúc động. Sau đó họ sẽ thức tỉnh ở cõi bên kia và tâm thức bắt đầu hoạt động. Nếu tang quyến khóc lóc, kể lể, kêu than, có thể khiến vong linh khó chịu, bực bội hay lo lắng, trong trạng thái đó làm sao họ bình tĩnh yên tâm để ra đi được?

Tôi hỏi thêm:

- Vậy vong linh sẽ ở cõi âm bao lâu trước khi chuyển kiếp?

Ông Kris từ tốn đáp:

- Thời gian ở cõi âm không có tiêu chuẩn nhất định, có vong linh ở đây rất lâu nhưng cũng có vong linh chỉ ở một thời gian ngắn. Điều đó tùy vào các yếu tố như thói quen từ kiếp sống trước và từ sự thu xếp của luật Nhân quả. Khi còn sống, con người có những thói quen gì thì khi chết những thói quen đó sẽ ảnh hưởng lên tâm thức của họ. Nếu con người không biết cách kiểm soát tư tưởng lúc còn sống thì khi chết làm sao họ có thể kiểm soát được nữa? Những người khi chết mà lòng vẫn còn đầy tư tưởng hận thù, xấu xa, oán trách sẽ khích động

những chủng tử xấu trong tàng thức phát động, tạo thành nghiệp lực, đẩy họ đến những hoàn cảnh tồi tệ. Cũng như thế, những người có tư tưởng thánh thiện, thường làm việc lành, sẽ được sinh về những nơi tốt đẹp.

Không ai biết mình sẽ chết lúc nào nên việc chuẩn bị một tâm thức thanh cao ngay trong cuộc sống hàng ngày là cần thiết để không phải đọa lạc vào những nơi tồi tệ dễ vào khó ra. Theo sự hiểu biết của tôi, đa số vong linh chỉ lưu lại cõi âm khoảng vài chục ngày rồi chuyển kiếp. Những vong linh có nhiều quyến luyến sẽ ở lại đây lâu hơn cho đến khi những ràng buộc tiêu tan, rồi cũng chuyên kiếp. Những người có đời sống tâm linh tu luyện đến trình độ cao thường chuyển tâm thức để tái sinh làm người hay đi đến các cõi giới cao hơn ngay lúc vừa qua đời, nên không trải qua thời gian nào ở cõi âm. Những người quá mức hung ác, tham lam, ích kỷ thì bị sức mạnh của nghiệp lực lôi kéo nên chuyển kiếp thành súc sinh, hay ma quỷ ngay lập tức, nên cũng không lưu lại cõi âm.

Ông Kris dừng lại như suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Tuy nhiên, cũng có trường hợp một số vong linh vì tâm thức sân hận, thù oán, tham lam, tiếc nuối quyền lực hay danh vọng quá mạnh nên không thể chuyển kiếp được. Họ trở thành một loại thực thể vô hình quanh quẩn, mắc kẹt nơi đây, không đi đâu được. Thực thể này lang thang tại nơi chốn nào đó, quấy phá hay đôi khi làm hại con người. Bởi vì vong linh chỉ là năng lượng thanh nhẹ, không bị ràng buộc bởi vật chất nên có thể làm được những việc khác người thường như đi xuyên qua tường vách hay vật cứng dễ dàng, vì cõi âm là cõi tư tưởng nên vong linh nghĩ đến đâu là có thể đến ngay chỗ đó chứ không bị yếu tố không gian hay thời gian chi phối. Điều này cũng giống như khi ông nghĩ đến nơi nào mà ông đã đi qua thì hình ảnh đó hiện ra ngay trong đầu ông vậy.

Một số vong linh có khả năng báo mộng cho người thân để khuyên bảo hay nhờ họ làm việc gì đó. Một số vong linh có thể biết trước vài sự kiện tương lai nên có thể nhập vào xác người đồng cốt để tuyên bố. Tuy nhiên không phải dự báo nào của vong linh cũng đúng vì sự hiểu biết của họ rất giới hạn, đôi khi còn hay phóng đại sự thật. Nhiều người khi sống đã nói những chuyện không có thật thì khi chết cũng hay nói khoác, nhập vào xác người đồng cốt chỉ để khoe khoang địa vị họ đạt được, ví dụ đã trở thành thần thánh nào đó. Thật ra con người khi sống thế nào thì khi qua thế giới bên kia cũng thế thôi, không thông minh, tài giỏi gì hơn. Tuy nhiên ở cõi âm, họ có thể đọc được tư tưởng người khác hay nhìn thấy trước một số việc, do đó họ có thể trả lời vài câu hỏi nên nhiều người cho rằng các vong linh là linh thiêng hay có quyền năng nào đó. Theo sự hiểu biết

của tôi, phần lớn những câu trả lời của vong linh đều dựa vào tâm thức hay lòng mong cầu của người hỏi mà thôi. Do đó, những câu trả lời này có khi đúng và có khi sai. Dầu sao, chúng ta cần phải tránh tiếp xúc với các vong linh vì có thể tiềm ẩn nhiều nguy hiểm hay làm chậm trễ việc siêu thoát của họ.

Tôi hỏi thêm:

- Nói vậy thì những nghi lễ cầu hồn, cầu cơ đều không đúng, không đáng tin có phải không?

Ông Kris gật đầu, xác nhận:

- Có nhiều người muốn tiếp xúc với người đã khuất qua trung gian là người đồng cốt hay các nhà ngoại cảm. Thật ra những cuộc tiếp xúc này, nếu có thể xảy ra, đều không có lợi cho người đã khuất mà còn khiến họ thêm quyến luyến, cản trở sự siêu thoát của họ. Ông hãy nghĩ xem, một người sắp chuyển kiếp qua một cảnh giới khác mà cứ bị người thân níu kéo, kêu gọi, cản trở tiến trình tâm linh thì tâm thức của họ sẽ thế nào? Ngoài ra khi liên lạc với vong linh, đâu ai biết được đó là vong linh của người hay là ma quỷ? Cho dù đó đúng là vong linh người thân thì cõi bên kia vẫn thường có ma quỷ bám theo, từ đó theo vào nhà. Khi vong linh chuyển kiếp rồi, thì loài ma quỷ kia có thể tự nhận là vong linh, đưa ra các đòi hỏi cúng tế, bắt người ta giết hại các loài vật để dâng cúng cho chúng. Từ đó sẽ có ảnh hưởng không tốt đến cả gia đình, việc giết hại động vật để cúng tế thần linh là nghi thức của các phù thủy chuyên liên lạc với cõi âm để làm chuyện tà muội, nên tuyệt đối phải tránh. Bất cứ hình thức thờ cúng gì liên quan đến việc giết hại hay sử dụng máu thịt đều là phương pháp kêu gọi các loài ma quái từ cõi giới của chúng đến để tạo ảnh hưởng, gây ra hậu quả tai hại. Ngoài ra, người đồng cốt mê man cho vong linh nhập vào chiếm hữu xác thân cùng là điều vô cùng tai hại. Thế giới bên kia có đủ loại vong linh, tốt cũng như xấu, tệ hơn nữa là các loài ma quái xấu xa, ghê gớm. Một khi người đồng cốt đã mất hết ý chí thì không thể kiểm soát được vong linh nào sẽ chiếm hữu xác thân, sử dụng sinh lực của họ, cũng vì vậy mà dễ gặp nhiều vấn đề trong kiếp sống hiện tại và cả tương lai.

Tôi hỏi tiếp:

- Nói như vậy, chính cách sống của mỗi người mới quyết định sau khi chết họ sẽ đi về đâu, trở thành cái gì. Nhưng nhiều người tin vào quan niệm thiên đàng và địa ngục, họ tin rằng khi chết, chỉ cần trải qua một vài nghi thức thì có thể lên

thiên đàng, nếu không thì sẽ phải vào địa ngục. Ông nghĩ gì về niềm tin này?

Ông Kris lắc đầu, rồi mỉm cười giải thích:

- Đó là một sự hiểu lầm tai hại do một số giáo sĩ thời Trung cổ đã cố tình dựng nên, tạo ra sự sợ hãi để bắt mọi người phải tuân theo một số giáo điều do chính họ đề xướng. Họ nói rằng khi chết con người chỉ có hai con đường để lựa chọn một là lên thiên đàng và hai là xuống địa ngục, và chính những nghi thức tôn giáo sẽ quyết định điều đó. Đó là quan niệm không logic chút nào, bởi nó cho rằng sau khi chết con người có thể thay đổi hoàn toàn. Một người dù xấu xa, tham lam, ích kỷ hay hung ác thế nào chỉ cần trải qua nghi thức nào đó thì tất cả tội lỗi đều được xóa sạch và được sống trên thiên đàng. Hoặc người hiền lành tử tế đến đâu, làm bao nhiêu thiện lành thì cũng mất hết, cũng có thể biến thành ma quỷ sống dưới địa ngục nếu không được thực hiện những nghi thức ấy. Con người ngày nay đã hiểu biết hơn, không còn mấy ai chấp nhận quan niệm phi lý này nữa, nhưng trước đây nó đã từng gây khổ sở cho loài người trong nhiều thế kỷ.

Tôi thắc mắc:

- Lúc nãy ông nói khi chết thì xác thân vật chất tan rã trước và tàng thức ra đi sau cùng nhưng khi chuyển kiếp tái sinh thì tàng thức sẽ đến trước các yếu tố vật chất. Nếu vậy thì khi nào bào thai bắt đầu có sự sống?

Ông Kris trả lời:

- Khi thụ thai thì tàng thức đã có mặt trước khi những yếu tố vật chất thành hình. Khi người nam và người nữ giao hợp, một vong linh có những nhân duyên liên hệ với họ có thể được luật Nhân quả thu xếp đến làm con của họ. Do đó, trên phương diện tâm linh, sự sống đã có mặt ngay từ khi thụ tinh. Tuy nhiên, ngày nay khoa học vẫn còn bàn cãi về việc này, chưa thể đi đến một kết luận rõ ràng, vì khoa học chỉ dựa trên sự phát triển sinh lý của bào thai theo thời gian, chứ không biết gì về các tác động của luật Nhân quả.

Tôi hỏi thêm:

- Như vậy, sự phát triển tâm thức cá nhân và bào thai diễn ra thế nào? Ông Kris giải thích:

- Khi vong linh đến vào lúc thụ thai thì tâm thức của bào thai đã bắt đầu khởi sinh. Theo thời gian và sự cấu tạo vật chất của thai nhi như đầu óc, chân tay và cơ quan nội tạng thì tâm thức cũng biến chuyển, có ý thức về các giác quan như: nghe, nhìn, mùi, vị, xúc chạm và tư duy. Đến khi sinh ra, tiếp xúc với ngoại cảnh thì tâm thức phát khởi thành ý thức và cảm xúc như yêu, ghét, vui, buồn hay giận hờn.

Ông Kris dừng lại, ngẫm nghĩ một chút rồi nói tiếp:

- Quan niệm phổ biến cho rằng việc dạy dỗ con cái chỉ có thể bắt đầu khi đứa trẻ lớn lên một chút, khoảng ba hay bốn tuổi, vì khi đó chúng mới có khả năng hiểu biết. Thật ra điều này không đúng, sự giáo dục có thể ảnh hưởng đến đứa trẻ ngay từ lúc nó còn trong bụng mẹ. Tình cảm giữa mẹ và con không phải chỉ có sau khi đứa trẻ ra đời mà đã bắt đầu từ khi đứa con được thành hình trong bụng mẹ. Do đó, người mẹ có tâm trạng gì thì đứa con đều biết. Nếu người mẹ thông minh, hiểu biết thì bà sẽ biết cách giáo dục đứa con bằng cách nói chuyện với nó ngay từ lúc mang thai, vì tâm thức đứa bé đã có từ lúc thụ thai nên việc liên hệ với nó càng sớm thì càng dễ có sự thông cảm giữa mẹ và con. Không những mẹ mà người cha cũng phải tìm cách nói chuyện với con từ lúc nó còn là bào thai. Điều này sẽ tạo ảnh hưởng tốt đẹp đến đứa trẻ, giúp nó trở nên khôn ngoan, dễ dạy hơn. Nếu cha mẹ thường xuyên ở trong trạng thái giận dữ, hay cãi nhau trong giai đoạn người mẹ mang thai, thì chắc chắn đứa trẻ cũng dễ dàng trở nên nóng tính, hung dữ khi lớn lên. Nếu cha mẹ quá mải mê công việc, tính toán, âm mưu hơn thiệt thì đứa con sau này cũng sẽ cứng đầu, khó dạy, không nghe lời và thường bị bệnh suyễn, hay ngạt thở. Cho nên, thai giáo, hay sự giáo huấn, dạy dỗ trong giai đoạn thai nhi là rất quan trọng. Thật ra quan niệm thai giáo đã có từ xa xưa, từ thời của các nền văn minh cổ. Tiếc thay, ngày nay người ta vẫn tranh cãi chứ không hoàn toàn công nhận việc này, bởi họ cho rằng không có bằng chứng cho thấy bào thai có khả năng học hỏi.

Ông Kris nói tiếp:

- Mọi đứa trẻ sinh ra đều có những liên hệ nhân quả với cha mẹ nó. Luật Nhân quả vô cùng phức tạp, khó lòng biết được đó là nhân duyên, là nợ nần thế nào, nhưng dẫu sao, mỗi đứa trẻ được sinh làm người là để có cơ hội học hỏi những bài học chúng cần học, để chuyển hóa và thăng cấp. Khi sinh ra, mỗi đứa trẻ đều có những mong muốn hay mục đích cùng những tiềm năng sẵn có để hỗ trợ cho việc học hỏi của chúng. Do đó bổn phận của cha mẹ là ý thức việc này để hướng dẫn, giúp cho con mình có được cơ hội học hỏi, phát triển theo ý nguyện

hoặc giúp con tự tìm ra mục đích đời mình. Đa số cha mẹ không hiểu được việc này nên thường ép buộc con cái phải làm việc này việc nọ để đáp ứng những mong muốn của chính họ thay vì của con. Lẽ tất nhiên, cha mẹ nào cũng mong con mình thành công, giàu sang, có danh vọng, địa vị trong xã hội, nhưng liệu kiếm nhiều tiền, mưu cầu danh vọng và vật chất có phải là mục đích mà đứa trẻ đó tìm kiếm khi đến làm con họ không? Theo tôi, bổn phận của người làm cha mẹ là giáo dục con cái nên người, giúp chúng phát triển, trưởng thành, làm con có hiếu trong gia đình, công dân tốt của xã hội. Đó là nhân lành đóng góp tích cực cho cộng nghiệp của quốc gia. Khi đứa con trưởng thành, tự nó sẽ biết tìm ra mục đích của mình để học hỏi và hoàn tất những gì nó cần phải học. Nếu không biết dạy dỗ con, để đứa trẻ trở thành phần tử xấu, gây tai hại cho xã hội thì cha mẹ phải chịu trách nhiệm vì đã không hoàn thành bổn phận của mình.

Ông Kris thở dài:

- Có lẽ ông cũng thấy hiện nay con người đã trở nên phóng khoáng hơn trong quan niệm về tình dục. Người ta không còn bị giới hạn hay cấm đoán bởi các luật lệ, giáo điều, thậm chí còn được khuyến khích bởi phim ảnh, báo chí hay các phương tiện truyền thông, vì vậy mà việc nam nữ kết hợp đã trở nên bừa bãi, vô ý thức, vô trách nhiệm, khác hẳn khi xưa. Một vấn nạn kéo dài nhiều năm nay trên khắp thế giới là việc phá thai, khi mà những thanh thiếu niên chưa trưởng thành, chưa có đủ hiểu biết, chưa sẵn sàng làm cha mẹ nhưng đã có quan hệ tình dục dẫn đến có thai ngoài ý muốn. Các bào thai đều là những vong linh đang chuyển kiếp thành người để hoàn tất bài học hay hoàn thành tâm nguyện gì đó. Nếu cái thai bị phá, không được sinh ra thì tức là vong linh mất quyền được sống. Ông thử nghĩ mà xem, lòng oán thù sân hận của những vong linh này sẽ nặng nề như thế nào? Phá thai là sát nghiệp vô cùng nặng, vì nó không những tiêu diệt một sự sống mà còn phá hoại tình cảm của cả hai người và gia đình có liên quan nữa. Rồi những vong linh thai nhi đó sẽ làm gì? Vì liên hệ nhân quả từ trước mà nó tìm đến để làm con nhưng lại bị giết hại thì hận thù này sẽ phải trả ra sao? Nếu mở được con mắt tinh thần ông sẽ thấy những người phá thai, các bác sĩ hay y tá thực hiện việc phá thai sẽ phải gánh chịu quả báo nặng nề như thế nào. Ông sẽ thấy được rất nhiều sự kiện vô cùng ghê gớm xảy ra cho những người liên quan ngay khi họ còn sống cũng như khi họ qua thế giới bên kia. Vì việc phá thai xảy ra khắp nơi nên số vong linh thai nhi cũng nhiều vô cùng. Lòng oán hận quá lớn, quá mãnh liệt khiến chúng muốn trả thù. Với tâm thức như thế, chúng chỉ có thể chuyển kiếp trở thành những loài ma quỷ hung ác đem tai họa cho nhân loại. Hầu hết các tai họa ngày nay như chiến tranh, thiên tai, bão tố, động đất và các loại dịch bệnh xảy ra đều liên quan đến nghiệp giết chóc của

loài người và một khi chúng xảy ra thì khó có thể dập tắt.

Ông Kris dừng lại để tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Tôi đã giải thích cho ông những gì tôi biết, tin hay không tùy ông. Vì đây là vấn đề phức tạp, khó chứng minh nên nếu nói ra cũng chỉ tạo những tranh cãi vô ích.

Có nhiều cách giải thích khác nhau tùy quan niệm của tôn giáo, cũng như niềm tin của mỗi người. Tôi chỉ giải thích theo luật Nhân quả rằng tùy nghiệp lực dẫn dắt mà một số vong linh trở lại làm người, một số khác chuyển kiếp thành loài vật, hay loài ma quỷ. Tuy nhiên hiện nay so vong linh trở lại thành người không nhiều lắm đâu, vì một khi đã mất nhân thân thì rất khó trở lại mà phải trải qua quá trình tu tập rất dài.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy tại sao hiện nay dân số vẫn tiếp tục gia tăng?

Ông Kris thở dài:

- Ông không biết hiện nay rất nhiều loài thú vật đã chuyển kiếp thành người hay sao? Tệ hơn nữa, nhiều ma quỷ cũng chuyển kiếp thành người. Nghe có vẻ khó tin, nhưng nếu ông ngẫm nghĩ, có thể thấy ngày nay biết bao người không sống đúng nghĩa con người thật sự. Có biết bao người mang thân xác con người nhưng lại hành động như thú vật, biết bao người sống vô cảm, hung ác như loài ma quỷ. Khi chu kỳ của các quốc gia đi vào giai đoạn "Hoại" thì hiện tượng này xảy ra cũng là bình thường. Những "con người" này chuyển kiếp đến để phá hoại, để tiêu diệt, để làm cho những nơi chúng đến phải sụp đổ. Không khó để nhận thấy hiện nay nhiều nơi xảy ra chiến tranh liên miên không dứt, nhiều nhà độc tài tàn ác, không nhân tính đã giết hàng trăm ngàn người, giam cầm hàng triệu người, gieo rắc kinh hoàng khắp nơi, rồi xâm lăng, chiếm đoạt các quốc gia khác, để thỏa mãn giấc mộng làm bá chủ thế giới. Tại sao con người có thể hung ác, vô lương tâm như thế được nếu đó không phải là loài ma quỷ hay ác thú chuyển kiếp làm người? Thật ra giai đoạn này đã diễn ra hơn một trăm năm nay rồi và lúc này các động lực ma quái đang chế ngự thê gian. Các vong linh xuất phát từ những nền văn minh cổ, những nơi tà giáo ngự trị hay những âm binh ma quái bị giam giữ trong các cổ mộ được đào xới lên, được tháo cũi, sổ lồng trở lại gieo rắc sự tà ác, gây xáo trộn, chia rẽ khắp nơi.
Tôi hỏi:

- Nhưng làm sao chứng minh sự hiện diện của các loài ma quỷ quái ác này?
Ông Kris lắc đầu rồi nói:
- Tại sao chúng ta cứ đòi hỏi phải có bằng chứng thì mới chịu tin? Ngay cả khi có bằng chứng thì cũng chưa chắc người ta chấp nhận, nhiều người vẫn sẽ cho rằng bằng chứng chỉ là bịa đặt hay tưởng tượng, còn nếu ông muốn tìm bằng chứng, thì có thể tìm thấy trong hai trận thế chiến vừa qua và những cuộc chiến lớn nhỏ liên tiếp sau đó. Làm sao những cá nhân tầm thường lại có thể trở thành những nhà lãnh đạo tối cao, quyền lực lớn, có thể sai khiến con người làm việc giết chóc dã man ghê gớm như thế được? Ai đã đưa hàng triệu người Do Thái vào các trại tập trung để bị thiêu chết? Ai đã đem hàng triệu dân thiểu số đày đi Siberia để họ chịu chết rét? Trong vòng mấy chục năm nay, có lúc nào thế giới không có chiến tranh đâu, có lúc nào mà chúng ta không chứng kiến sự giết chóc. Hiện nay, nhiều quốc gia đi vào giai đoạn "Hoại" trong chu kỳ, vì vậy số quỷ ma, ác thú đang mang thân người nhiều vô kể. Khắp nơi đầy cảnh bóc lột, đàn áp, bạo động, giết chóc, hận thù chất chồng đến ngút trời. Tại sao thế? Phải chăng vì đa số con người hiện nay sống ích kỷ, vô cảm, tham lam, tàn ác tạo môi trường thuận lợi cho những loài yêu ma quỷ quái tìm đến. Nếu con người không sớm ý thức, bỏ việc ác, làm việc lành, bỏ tật tham lam ích kỷ, phát triển tình thương thì khó tránh được những tai họa không cách gì cứu vãn sắp xảy đến trong tương lai.

Tôi nghĩ đến tình trạng xảy ra trên thế giới ngày nay, bùi ngùi:

- Ông nói đúng, quả thật thế giới đang trải qua giai đoạn vô cùng khó khăn. Liệu chúng ta có hy vọng nào trong việc tìm giải pháp cho tình trạng hiện nay không?

Tưởng đâu ông Kris phải suy nghĩ một lúc rồi mới trả lời câu hỏi trọng đại thế này, nhưng ông đáp ngay, một cách nhẹ nhàng:

- Có chứ! Điều nhân loại đang cần là sự phát triển về phương diện tâm linh, để xoay chiều sự tiến bộ của tri thức. Trong những thế kỷ gần đây, tâm thức nhân loại chỉ phát triển một cách đơn phương trên bình diện tri thức. Tri thức hiện nay là hướng ngoại, là sự suy luận, phân tích, tính toán và phân biệt. Tuy nhiên tâm thức con người không phải chỉ là tri thức mà còn có phần khác, ta tạm gọi là tâm linh. Tâm linh là yếu tố sáng suốt, thanh khiết, mỹ lệ, là phạm trù của thương yêu và sáng tạo vượt ra khỏi điều kiện giới hạn của thời gian và không gian. người ta chỉ có thể nhận diện và phát triển được tâm linh khi tâm thức hướng ngoại được xoay chiều, quay vào bên trong. Đây là giải pháp cần thiết cho tình trạng hiện nay.

Ngày nay, nhờ sự phát triển vượt bậc của tri thức nên tâm thức nhân loại đã hiểu biết được rất nhiều yếu tố bên ngoài, phát minh được nhiều sản phẩm vượt xa các thế kỷ trước. Tuy nhiên, nó vẫn chưa tự biết được nó là gì, cũng như chưa biết mục đích của nó trong vòng sinh hóa của vũ trụ. Vì có tính chất hướng ngoại nên mục đích của tri thức là đi tìm những lạc thú ở bên ngoài, từ đó mà phát sinh ra sự tham lam, ích kỷ. Một khi đã có được gì thì cứ muốn có mãi, càng nhiều càng tốt, rồi nảy ra các tham vọng không có điểm dừng. Đối với một tinh thần hưởng thụ thì thế giới ngày nay hiện ra như một siêu thị đầy sản phẩm mà ai cũng thèm muốn. Đã thế, người ta còn tạo thêm nhiều sản phẩm mới lạ rồi quảng cáo khéo léo nhằm kích thích lòng ham muốn và dục vọng sở hữu của con người. Sự kích thích này xảy ra trên mọi phương diện, từ sở hữu vật chất đến thỏa mãn nhu cầu xác thân. Tinh thần hưởng thụ tạo ra lòng tham và sự ích kỷ, gia tăng cảm giác chia rẽ, nên tâm thức con người ngày càng chìm sâu trong ngoại cảnh. Để thỏa mãn lòng tham, con người lao vào những hoạt động bên ngoài nhằm thu góp mọi thứ họ có thể lấy được, rồi dần đi đến việc chiếm hữu bằng sức mạnh và quyền lực, từ đó gây ra chiến tranh, chiến tranh bắt đầu giữa người với người, sau đến gia đình rồi lan ra xã hội. Hiện nay khắp nơi đều có cảnh tranh giành, chiếm đoạt. Quốc gia này muốn chiếm quốc gia kia để bành trướng lãnh thổ của mình. Nước này gây hấn với nước kia để tranh đoạt quyền lợi rồi tạo ra đủ thứ vũ khí, từ súng ống, bom đạn đến vũ khí hạt nhân và vũ khí sinh học. Nước này đầu độc nước kia bằng chất thải nhà máy và muôn kiểu phá hoại môi trường. Nước kia gieo rắc vi-rút, vi trùng sang nước nọ gây đủ thứ bệnh tật ghê gớm, thậm chí có thể tiêu diệt toàn thể nhân loại.

Tôi lắc đầu:

- Tương lai nhân loại lẽ nào bi thảm đến thế sao?

Ông Kris mỉm cười, nói tiếp:

- Tâm thức nhân loại hoạt động tùy theo các động lực chi phối nó. Hiện nay động lực đó là sự tham lam, ích kỷ, thù hận, say mê quyền lực, bất chấp hậu quả. Tuy nhiên một khi nó nhận thức được các mục đích của tri thức mà nó theo đuổi là sai lầm thì nó sẽ dừng lại và khi đó phần tâm linh từ lâu vẫn bị phủ nhận sẽ hiện ra. Từ chối làm một việc ác cũng chính là thực hiện một việc thiện lành. Khi con người nhận thức được cái gì là xấu thì cũng là lúc họ bắt đầu biết thế nào là đẹp. Khi tri thức nhân loại ngừng hướng đến những dục vọng ích kỷ, thấp hèn thì tự động sẽ hướng đến những điều thiêng liêng, cao quý. Khi đó tri thức

nhân loại sẽ xoay chiều, chuyển hướng vào bên trong, hòa hợp với tâm linh, đem lại sự toàn diện cho tâm thức. Khi tâm thức thay đổi, mọi sự sẽ thay đổi.

Trước một giải pháp giản dị như thế, tôi không khỏi ngạc nhiên và lòng cũng có đôi chút hoài nghi. Tôi nói:

- Điều ông nói chỉ có tính chất lý thuyết. Làm sao thực hiện được mới là vấn đề.

Ông Kris im lặng, vẻ đắm chìm trong suy tư. Một lúc sau, ông lên tiếng:

- Ông có thể coi đó như khái niệm tổng quát về cách thức sự thay đổi diễn ra trong tương lai. Khi nào nó xảy ra hay xảy ra tại đâu thì không phải là điều có thể nói được trong lúc này. Và dù có nói ra cũng không ai tin. Hiện nay con người đã ý thức về sự nguy hiểm của việc leo thang chiến tranh, chỉ một vài hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử hay một loại vi-rút nào đó là cả thế giới có thể tan thành cát bụi. Do đó, đã có những cuộc thương lượng để tìm ra giải pháp. Quốc gia nào cũng có ý kiến về giải pháp cho chiến tranh nhưng không ai tự hỏi ý kiến đó xuất phát từ đâu. Phải chăng nó vẫn xuất phát từ cái tâm thức chưa thay đổi của tri thức hướng ngoại, nghĩa là vẫn tham lam, ích kỷ và tư lợi? Ai cũng cho ý kiến của mình là đúng và không chấp nhận ý kiến người khác. Do đó không thể có giải pháp chung trong lúc này. Hiện nay tâm thức nhân loại vẫn đang quay cuồng trong vòng hư ảo, rồi sẽ đi đến tình trạng cực đoan. Tuy nhiên, trong tương lai sẽ có những biến cố rất lớn xảy ra để buộc tâm thức điên đảo này phải thức tỉnh.

Tôi hỏi:

- Ông muốn nói đến biến cố gì? Có phải là chiến tranh?

Ông Kris lắc đầu, mỉm cười trả lời:

- Khi tâm sân hận và ác nghiệp lên đến mức nào đó sẽ xảy ra chiến tranh. Từ mấy ngàn năm nay, chiến tranh có bao giờ chấm dứt đâu. Tuy nhiên hiện nay với các vũ khí tối tân, có thể tiêu diệt toàn thể nhân loại thì chiến tranh đã chuyển qua hình thức khác. Các cường quốc đều biết nếu có đại chiến xảy ra, họ không thể thắng, nhưng cũng không được phép để thua. Do đó, thay vì đối đầu nhau trên chiến trường, họ chuyển qua xúi giục các nước nhỏ gây chiến với nhau (*chiến tranh ủy nhiệm*) để quốc gia của họ đỡ nguy hiểm hơn. Các cuộc chiến này cũng là nơi để thí nghiệm các loại vũ khí mới, các chiến thuật mới, tạo ra những

ảnh hưởng mới, khiến cho người dân các nước nhỏ này phải gánh chịu hậu quả. Ông có thể thấy các cuộc chiến tranh như thế hiện đang xảy ra khắp thế giới, nhất là ở những đất nước có dân trí còn thấp kém, có nội bộ xáo trộn, tranh giành, tham lam quyền lực, phá hoại đời sống con người.

ông Kris giải thích thêm:

- Nhìn lại thế kỷ vừa qua mà xem, nhân loại đã chịu ảnh hưởng của một số triết gia, những nhà tư tưởng, những nhà lý luận với các quan niệm cực đoan, dẫn đến sự đàn áp và chia rẽ con người. Những người này tin rằng mọi sự đều có thể giải thích bằng lý luận hay chứng minh bằng những thí nghiệm. Phong trào duy lý này đã phân chia thế giới ra thành hai khối chống đối nhau, tạo môi trường thuận lợi cho những động lực ma quái và một số ma quỷ, ác thú chuyển kiếp thành người, gây ra chiến tranh giết chóc khắp nơi. Tại sao lại như thế? Vì những nhà tư tưởng, những nhà lý luận và các lãnh đạo này đều say mê quyền lực và không nhận thức được gì về luật Nhân quả. Họ tin tưởng tuyệt đối vào việc mình làm, bất chấp hậu quả mà những lý thuyết hay quyết định do họ đề xướng có thể mang lại. Họ tin rằng mọi việc đều có thể giải quyết bằng lý luận và sức mạnh vũ lực.

Tôi phản biện:

- Tôi thấy hiện nay mọi việc đã thay đổi rồi. Sự phân chia thành hai khối ý thức chống đối đã không còn.

Ông Kris lắc đầu nói ngay:

- Không được như thế đâu. Khi lý thuyết, túi điều, niềm tin cực đoan không còn hiệu lực nữa thì thế giới chuyển qua giai đoạn khác, ông thử ngẫm lại mà xem, có phải những lý thuyết, tín điều cũ đã bị thay thế bằng giá trị đồng tiền? Lý tưởng về một xã hội bình đẳng đại đồng đã được thay thế bằng lý tưởng làm giàu cá nhân. Ngày nay, những nhà tư tưởng, nhà lý luận đã phải nhường chỗ cho những nhà khoa học, những nhà khởi nghiệp, chuyên gia công nghệ. Tiếc thay, những người này cũng chỉ biết dùng trí thông minh, và tâm sức của họ để phát minh các sản phẩm với mục đích làm giàu, bất chấp hậu quả của việc đó tai hại thế nào. Một số sản phẩm trong số đó có khả năng khiến cho mọi người say mê mù quáng, biến thành thói quen không thể bỏ. Họ trở nên thụ động, không kiểm soát được tâm thức, rồi rơi vào u mê, vô cảm không còn biết phải trái, đúng sai gì nữa. Trên khắp thế giới, con người giờ chỉ biết đến kiếm tiền, tìm

mọi cách làm giàu, rồi thì mặc sức hưởng thụ, rượu chè vui chơi, ăn uống vô độ, tiền bạc phung phí, bất kể ngày mai. Dĩ nhiên, xã hội thì luôn có người giàu người nghèo, nhưng ngày nay người ta chỉ đề cao những người thành công, giàu có, không còn mấy ai lên tiếng đấu tranh cho những người nghèo khổ, bất hạnh, bị bóc lột như trước đây. Ngày xưa, người ta giết nhau bằng vũ khí, súng đạn, thì nay vũ khí lợi hại nhất chính là triệt tiêu nhân tính, phá hoại đầu óc con người, khiến họ trở nên ích kỷ, tham lam và vô cảm. Đây là hệ quả của tri thức phát triển đơn phương, đưa nhân loại đến chỗ cực đoan, máy móc.

Tôi lắng nghe chăm chú và hỏi thêm:

- Nói như vậy, phải chăng tương lai nhân loại là không thể thay đổi?

Ông Kris trầm ngâm một lúc rồi trả lời:

- Trong tương lai, thế giới sẽ không còn chia làm hai khối chống đối nhau như trước mà sẽ phân thành ba khối, ba khối này cạnh tranh nhau nhưng đồng thời cũng hợp tác, liên kết, thỏa hiệp. Tuy nhiên, đến cuối cùng vẫn đi đến chiến tranh. Tại sao lại như thế? Vì các nhà lãnh đạo cũng như đa số dân chúng vẫn chưa hiểu biết về luật Nhân quả. Họ không ý thức được về hậu quả những việc họ làm, những hệ lụy từ các phát minh mà họ đề ra. Họ nghĩ rằng mọi việc đều có thể giải quyết bằng công nghệ, bằng truyền thông, bằng tiến bộ kỹ thuật và trong tương lai có thể để cho các máy móc thông minh phục vụ con người.

Từ chối làm một việc ác cũng chính là thực hiện một việc thiện lành. Khi con người nhận thức được cái gì là xấu thì cũng là lúc họ bắt đầu biết thế nào là đẹp. Khi tri thức nhân loại ngừng hướng đến những dục vọng ích kỷ, thấp hèn thì tự động sẽ hướng đến những điều thiêng liêng, cao quý. Khi đó tri thức nhân loại sẽ xoay chiều, chuyển hướng vào bên trong, hòa hợp với tâm linh, đem lại sự toàn diện cho tâm thức. Khi tâm thức thay đổi, mọi sự sẽ thay đổi.

Tôi thắc mắc:

- Ông vừa nói thế giới sẽ phân thành ba khối, cụ thể là thế nào?

Ông Kris giải thích:

- Tâm thức nhân loại hoạt động theo các động lực chi phối nó. Bao nhiêu năm

nay động lực đó vẫn là tham lam, ích kỷ, hận thù, say mê quyền lực bất chấp hậu quả. Tâm thức nhân loại chưa thể chuyển hóa, nên sẽ đưa đến tình trạng các quốc gia kéo bè kết đảng, lập thành phe phái cạnh tranh với nhau. Thế giới sẽ phân làm ba khối, mỗi khối gồm một số quốc gia có chung mục đích, cạnh tranh với các khối còn lại. Tuy nhiên, vì chưa chuyển hóa nên họ cứ hợp tác rồi lại phản bội, liên kết rồi lại cạnh tranh, thỏa hiệp rồi cũng chống đối. Vì lòng tham lam ích kỷ, ai cũng tìm đủ mọi cách để đoạt phần thắng về phe mình.

Tôi hỏi thêm:

- Sau đó thì sao?

Ông Kris trả lời:

- Nhân loại còn phải trải qua những giai đoạn thảm khốc với rất nhiều thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh lớn nhỏ cho đến khi nào con người nhận thức được sự sai quấy của tri thức đơn phương và bắt đầu ý thức về luật Nhân quả trước tình trạng diệt vong của nhân loại.

Tôi thở dài, cảm thán:

- Việc đó không đơn giản chút nào. Người ta không dễ gì chấp nhận quan niệm về luật Nhân quả đâu, nhất là ở phương Tây này. Như ông đã nói, ở thời đại khoa học lên ngôi, người ta chỉ tin những gì nhìn thấy được, chứng minh được.

Ông Kris gật đầu:

- Đúng như vậy. Hơn nữa, hiện nay người ta vẫn còn cố chấp tin vào sức mạnh của quyền lực cũng như các vũ khí tối tân. Họ sẵn sàng dùng mọi cách, từ âm mưu đến vũ lực, để khống chế người khác nhằm đạt đến mục đích của mình. Khi người lãnh đạo một quốc gia có ý thâu tóm quốc gia khác thì sẽ bắt đầu khơi mào tranh chấp, rồi dẫn đến chiến tranh, vũ khí chiến tranh đã đi từ bom đạn đến các loại chất độc chết người, rồi hiện nay là các loại mầm bệnh truyền nhiễm. Môi trường khắp nơi đều bị hủy hoại, bị nhiễm độc, chẳng còn mấy chốn an toàn. Những biến cố lớn sẽ xảy ra cho toàn nhân loại, không giới hạn riêng nước nào hay vùng nào. Khi số người tử vong lên đến những con số khủng khiếp ở một số nơi, hy vọng mọi người hiểu được rằng ai trồng nhân lành thì gặt quả lành, ai trồng nhân ác thì gặt quả ác. Con người không thể tiếp tục sống với quan niệm “anh móc mắt tôi thì tôi cũng móc mắt anh”, khiến cho tất cả mọi

người đều mù hết được.

Tôi hỏi lại:

- Nhưng theo ông, nhân loại có thể chuyển hóa tâm thức không?

Ông Kris chậm rãi trả lời:

- Điều đó tùy thuộc vào lựa chọn của mọi người. Những người hiểu biết sẽ thay đổi tâm thức và những người u mê, không chịu thức tỉnh thì sẽ gánh chịu những hậu quả do chính họ gây ra. Biệt nghiệp của từng cá nhân sẽ chuyển hóa khi con người có ý thức và biết thay đổi, hành động khác đi. Cộng nghiệp của quốc gia cũng sẽ thay đổi khi đa số người dân của quốc gia đó biết chuyển đổi tâm thức, hồi tâm hướng thiện. Khi người lãnh đạo một quốc gia biết hành xử trung thực, chính nghĩa, công bằng, không thiên vị, không tư lợi thì quốc gia đó sẽ được yên bình. Nhân loại hiện nay vẫn chưa có mấy người tin vào luật Nhân quả, nhưng tin hay không thì nhân quả vẫn xảy ra, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Nhiều quốc gia trên thế giới đang bước vào giai đoạn "Hoại" của chu kỳ, vì vậy mà xã hội ngày càng xáo trộn, kinh tế ngày càng phân hóa, khoảng cách giữa người giàu và nghèo trở nên lớn hơn. Tiếc là đa số con người vẫn sống tham lam, ích kỷ, nên cứ mạnh được yếu thua, coi những bất ổn đó như lẽ thường. Sự bất mãn nào rồi cũng đưa đến rối loạn, phản kháng, rồi bạo động sẽ diễn ra khắp nơi. Nhưng khi rối loạn lên đến cực điểm thì cũng đến lúc trật tự được thiết lập trở lại. Nhưng trật tự này được thiết lập ra sao còn tùy vào sự hiểu biết, chuyển hóa tâm thức của người dân và lãnh đạo của quốc gia đó.

Ông Kris dừng lại, cân nhắc một chút rồi nói tiếp:

- Ngoài ra, đã có một số quốc gia trên thế giới đang đi vào giai đoạn "Diệt" của chu kỳ, nên xã hội ở những nơi đó hoặc là vô cùng loạn lạc, hoặc là vô cùng khổ sở với luật lệ hà khắc, bị kiểm soát, kìm kẹp chặt chẽ. Ở đó, kẻ ác ngự trị, người lành bị đọa đày. Già néo đứt dây, khi sự đàn áp trong một xã hội lên đến cực điểm, cũng là lúc nó sụp đổ hoàn toàn. Biến cố này sẽ không xảy ra từ bên ngoài, do hậu quả của một cuộc chiến tranh hay thiên tai, mà sẽ diễn ra từ bên trong do nghiệp quả đã đến lúc chín muồi. Ông nghĩ xem, nếu năm mươi năm trước có ai đó nói rằng rồi Liên Xô sẽ tan rã, chia thành nhiều nước nhỏ thì có mấy ai tin không? Thế mà sau đó, chỉ trong một thời gian ngắn từ lúc bắt đầu suy yếu, Liên xô đã tan rã hoàn toàn. Nếu bây giờ tôi nói, trong tương lai, một nước

lớn như thế cũng sẽ tan rã, thì người ta cũng giống như năm mươi năm trước, coi đó là chuyện hoang đường. Tại sao ư? Là vì họ không hiểu hoặc không tin vào luật Nhân quả.

Ông Kris giải thích thêm:

- Chỉ cần nhìn lại lịch sử nhân loại ông sẽ thấy những biến chuyển lớn trên thế giới là không thể lường trước được, có lúc nhiều nước nhỏ hợp lại thành một nước lớn và cũng có lúc một nước lớn lại sụp đổ, phân thành nhiều nước nhỏ. Bài học lịch sử đó tiếp diễn hàng ngàn năm, nhưng nhân loại vẫn chưa chịu học. Các đế quốc như Ai Cập, Assyria, Babylon, Hy Lạp, La Mã, Mông cổ đã từng hùng mạnh biết bao, rồi thì đã xảy ra những chuyện gì, sử sách có ghi, hẳn ông cũng biết rõ. Tôi và ông đã cũng trải qua những kiếp sống tại đó, ông hiện đã quên rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ rõ.

Ông Kris lại nói về những kiếp sống trước đây, khi chúng tôi có những liên hệ với nhau. Dù rất tò mò muốn hỏi thêm về chuyện đó, nhưng chủ đề đang thảo luận cũng rất thu hút tôi. Tạm gác lại thôi thúc muốn tìm hiểu thêm về mối quan hệ tiền kiếp giữa tôi và ông Kris, tôi hỏi tiếp:

- Tôi nghĩ, một khi đã đến giai đoạn "Diệt" của chu kỳ thì sẽ phải giống như Atlantis, bị hủy diệt hoàn toàn, vậy nếu không phải do thiên tai thì dễ gì một cường quốc có thể sụp đổ hoàn toàn như thế?

Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Tất cả đều do sự thu xếp của luật Nhân quả. Một lục địa với đa số dân chúng đều hung dữ, độc ác, tích tụ đầy ác nghiệp như Atlantis thì phải chịu hậu quả là bị tiêu diệt. Tuy nhiên, với những quốc gia từ xưa đã có truyền thống văn hóa cao, đời sống tâm linh phát triển thì mặc dù phải sống dưới sự áp chế, đe dọa của các loài ma quỷ, ác thú, sẽ vẫn có một bộ phận dân chúng cố gắng duy trì nếp sống lành thiện, hiểu biết và tin tưởng luật Nhân quả. Nhờ cái nền móng căn bản vững chắc đó mà quốc gia sẽ tránh được nạn bị hủy diệt hoàn toàn, chỉ từ một nước lớn tan vỡ phân thành nhiều nước nhỏ mà thôi. Khi quyền lực đi đến chỗ bạo ngược, cực đoan thì sẽ có những biến cố xảy ra. Vì đã gây ra quá nhiều ác nghiệp nên những người liên can đều phải trả quả báo vô cùng nặng nề. Khi thời điểm đến, việc định công, luận tội, đúng sai, tốt xấu sẽ được phán xét rõ ràng.

Tôi ngẫm nghĩ những gì vừa nghe, rồi nói thêm:

- Những điều ông vừa nói cho tôi thấy ánh sáng cuối đường hầm. Quay lại việc ông nói lúc trước, rằng hiện nay có nhiều ma quỷ và ác thú chuyển kiếp thành người, tàn phá giết chóc khắp nơi. Vậy con người phải đối phó với những động lực ma quái này như thế nào?

Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Tôi đã nói qua với ông về những cõi giới vô hình. Trong đó tôi đã nói về cõi giới của vong linh, cõi giới của ma quỷ nơi những sự tàn ác ghê gớm ngự trị. Tuy nhiên, tôi chưa nói đến cõi giới của các vị thánh nhân, nơi mà những thực thể có tâm thức rất cao đang cư ngụ. Những thực thể này cũng từng là con người như chúng ta, nhờ tu luyện tâm thức, hiểu biết nhân quả, phát triển tình thương và trí tuệ cao thâm nên khi qua đời họ đã chuyển kiếp đến cõi giới cao hơn. Dù ma quỷ có quyền năng đến đâu, dù thú vật chuyển kiếp thành người có hung ác đến đâu thì cũng không thể ra khỏi sự chi phối của nhân quả. Gieo nhân gì thì gặt quả đó, đây là lẽ công bằng. Khi loài ma quỷ hung ác chuyển kiếp thành người gây nhiều nghiệp ác thì cũng sẽ phải trả nghiệp, đó là khi các thực thể cao cả đến thế giới này để hóa giải những động lực ma quái đó.

Tôi thắc mắc:

- Ông muốn nói đến sự ra đời của một thánh nhân sao?

Ông Kris từ tốn trả lời:

- Không phải chỉ một người mà rất đông các bậc thánh nhân có trình độ hiểu biết thâm sâu sẽ chuyển kiếp làm người để giúp đỡ, chuyển đổi tâm thức cho nhân loại. Một số đã đến đây từ nhiều năm nay rồi nhưng làm việc âm thầm nên thế giới không biết họ là ai. Theo thời gian, số người này ngày càng đông hơn trước, tạo ra được những động lực có thể thay đổi xã hội. Tuy nhiên, sự thay đổi này xảy ra rất chậm vì nhiệm vụ của họ chỉ là thúc đẩy nhân loại tự mình chuyển đổi tâm thức để học hỏi và phát triển chứ họ không thể làm thay con người được.

Sự truy cứu đến cùng của luật Nhân quả đối với những hành động bất lương của con người là tất yếu sẽ xảy ra. Có những người từng quyền uy, giàu sang nhưng giờ đã trắng tay, thậm chí có người còn rơi vào vòng lao

lý. Ngẫm lại thì họ đều từng sử dụng thủ đoạn hại người, chiếm đoạt, lừa gạt nhằm mưu lợi cho mình. Luật Nhân quả của vũ trụ luôn vận hành chính xác và nghiêm minh.

Không phải cứ mặc sức làm điều độc ác, hại người lợi mình, rồi sau đó vì sợ sự trừng phạt của nhân quả nên vội vàng bỏ tiền bỏ của ra làm những việc công đức nặng tính hình thức là có thể xóa đi nghiệp ác hay báo ứng được. Nếu không thực sự xuất phát từ suy nghĩ, hành động thiện tâm thì không một ai trên đời có thể thay đổi được nghiệp quả.

Tôi tỏ vẻ hoài nghi:

- Nhưng đã có bằng chứng gì về những người này chưa?

Hiểu được sự nghi ngờ của tôi, ông Kris thong thả giải thích:

- Những câu chuyện thần thoại vẫn vẽ ra chuyện các vị thần với quyền lực vô song xuất hiện để hàng phục các loài ma quái. Nhưng điều này sẽ không thể xảy ra, vì nếu lấy sức mạnh đối phó với sức mạnh chỉ tạo thêm nghiệp ác, lấy oán thù dập tắt oán thù thì oán thù sẽ càng tích tụ. Người hiểu biết nhân quả không thể làm như thế được. Tôi chỉ có thể nói những gì tôi biết, tin hay không tùy nhận định riêng của ông. Tuy nhiên, tôi có thể cho ông biết hiện nay tại nhiều nơi trên thế giới đã có những đứa trẻ được sinh ra với nhiệm vụ hóa giải những động lực ma quái này. Đó là những cá nhân có hiểu biết, có tâm thức đã thức tỉnh, có tình thương lớn, biết thông cảm với những đau khổ, hoạn nạn của người khác. Ngay từ nhỏ, những đứa trẻ này đã tỏ ra thông minh, hiểu biết mau lẹ, đối xử công bằng với mọi người. Khi khôn lớn, họ trở thành những cá nhân có tinh thần hợp tác, sẵn lòng chịu thiệt thòi nếu cần thiết, vì đức hy sinh và lòng nhân ái của những người này rất lớn. Vì sống ở cõi thanh cao đã lâu nên những người này rất nhạy cảm với những rung động xấu xa, thường tỏ ra ghê tởm trước những đồ ăn bằng máu thịt.

Đa số họ không ăn thịt, nếu ăn vào cũng sẽ nôn ra. Hiện tượng đó không phải là dị ứng với thịt như y học hiện đại vẫn nói, mà là dấu hiệu của sự trưởng thành tâm linh, biết xót thương vạn vật. Do đó, nếu người làm cha mẹ nào sinh được những đứa trẻ như thế thì họ nên ý thức về trách nhiệm thiêng liêng của mình là đưa những bậc thánh nhân ấy đến với cõi đời. Hiện nay, trên khắp thế giới có rất nhiều người còn trẻ đã biết ăn chay, tránh sát sinh, tự học hỏi, tìm hiểu về thế giới tâm linh. Trong khi nhiều người trẻ khác vẫn còn mải mê với thú vui vật

chất thì những người này đã biết tìm về cội nguồn tâm linh, đó là vì họ đã từng trải qua kiếp sống ở những cõi giới cao hơn cõi trần.

Tôi gật đầu, tán thành:

- Đúng là tôi có đọc được trên báo chí gần đây, rằng số lượng người ăn chay đã gia tăng lên rất nhiều, khiến doanh thu của các hãng thực phẩm tươi sống, các xưởng giết mổ giảm sút không ít.

Ông Kris bật cười:

- Là nhà đầu tư tài chính như ông thì hẳn biết rõ thị trường chứng khoán của các hãng sản xuất thịt cá hiện đang lên xuống như thế nào. Tương tự như thế, thời đại của các nhà tư tưởng gia, nhà lý luận, cũng như sự phát triển của tri thức cực đoan đã qua rồi. Thời thế của các nhà khoa học, chuyên gia công nghệ cùng sự phát triển của các máy móc thông minh cũng sẽ thay đổi trong một thời gian nữa.

Tôi ngạc nhiên:

- Chuyện đó diễn ra như thế nào? Mọi nghiên cứu đều cho thấy thế kỷ này đang là thời đại của công nghệ, nên chứng khoán các hãng công nghệ, truyền thông, mạng xã hội, trí thông minh nhân tạo, bán hàng trực tuyến đều phát triển rất nhanh.

Ông Kris mỉm cười:

- Rồi ông sẽ thấy, cái gì lên nhanh thì xuống chóng. Hiện nay thế giới đang ở trong giai đoạn biến chuyển, mọi chuyện rất khó nói trước được. Nhiều quốc gia đang bước vào giai đoạn "*Hoại*" và một số thì đã bắt đầu bước vào giai đoạn "*Diệt*", nên chuyện gì cũng có thể xảy ra. Hiện nay sự chia rẽ, bất mãn, sợ hãi và rối loạn trong tâm thức con người đã ảnh hưởng lên sự vận hành của trái đất. Những thiên tai khủng khiếp như động đất, núi lửa phun trào, sóng thần có thể thay đổi mọi cục diện. Khi xảy ra nạn đói hay môi trường bị phá hủy hoặc xuất hiện các loại dịch bệnh nghiêm trọng thì thế giới của khoa học kia liệu có đứng vững không? Đó là chưa kể sự đe dọa chiến tranh đang ngày càng nghiêm trọng, chì một biến cố nhỏ cũng có thể làm bùng nổ một cuộc chiến lớn ở khắp nơi.

Tôi trầm ngâm:

- Theo sự hiểu biết của ông thì tương lai nhân loại rồi sẽ ra sao?

Ông Kris trầm ngâm:

- Tôi biết rằng tương lai sắp đến sẽ là thời của các nhạc sĩ, thi văn sĩ, nghệ sĩ, những người có sức sáng tạo mạnh mẽ trong các lĩnh vực âm nhạc, văn chương, nghệ thuật. Những tác phẩm của họ sẽ phản ánh lòng từ ái, lan tỏa sự hiểu biết, thể hiện sự sáng tạo, tôn vinh những cái đẹp của thiên nhiên và tạo ra ảnh hưởng lên toàn cõi nhân loại trên bình diện tư tưởng và tình cảm. Điều gì phát sinh từ tâm thức thanh cao đều có sức cảm hóa mạnh mẽ, thâm nhập vào tâm hồn con người và tạo ra sự thay đổi. Giai đoạn tiếp theo của nhân loại sẽ được xây dựng trên sự hợp nhất giữa mọi người, mọi quốc gia, mọi tôn giáo, mọi chủng tộc, trên bình diện tâm lý cũng như ngoại cảnh. Khi đó con người sẽ nhận thức được giá trị của sự sống trong vạn vật. Việc hòa hợp giữa hai thành phần tri thức và tâm linh sẽ bắt đầu với sự sáng tạo chân chính và nó sẽ phản chiếu sự huy hoàng của *Chân, Thiện, M*ỹ. Trong thời đại sắp tới này, con người sẽ biết nâng cao tâm thức, vượt khỏi những suy nghĩ nhỏ nhen tầm thường, những ham muốn tham lam, ích kỷ của đời sống hiện nay, để hòa hợp vào tâm thức chung của nhân loại. Mọi việc đều bắt đầu từ tâm thức cá nhân, do đó, giá trị của những thay đổi này phụ thuộc vào tinh thần chuyển đổi của từng con người. Hiểu biết chính mình và hiểu động lực của luật Nhân quả chính là bài học quan trọng trong tương lai và chỉ những người biết chuyển đổi tâm thức và biết thay đổi thì mới xứng đáng được hưởng nền văn hóa tốt đẹp xây dựng từ những bài học đó.

Ông Kris dừng lại ngẫm nghĩ một chút, rồi kết luận:

- Nói trước về những việc chưa xảy ra là điều không nên, vì tương lai luôn luôn biến chuyển, có thể thay đổi chứ không cố định. Tất cả mọi việc xấu hay tốt, lành hay dữ xảy ra ở một nơi nào đó đều đến từ tâm thức của những người sống ở đó. Tôi không muốn nói trước về một viễn cảnh tốt đẹp còn ở rất xa trong lúc mọi người đang lo lắng về sự đe dọa của dịch bệnh, biến động, xung đột và diệt vong, nhưng tôi hy vọng nhờ biết trước những khả năng sẽ diễn ra ở tương lai mà mọi người có thể chuyển đổi tâm thức - bỏ việc ác làm việc lành, biết ban trải tình thương, khiến cho việc xấu thì bớt xấu đi và việc lành thì có thể tốt lành hơn nữa.

***

Điểm đặc biệt trong buổi trò chuyện này với Thomas là ông không ngừng nhắc đi nhắc lại tầm quan trọng của luật Nhân quả. Đối với tôi và hầu hết những người chịu ảnh hưởng của nền văn hóa phương Đông, đây không phải điều gì mới nhưng đối với đa số người phương Tây, đây vẫn là một quan niệm tương đối mới lạ, chưa được hiểu thấu đáo. Hôm đó, tôi có đề cập lại chu kỳ "*Thành, Trụ, Hoại, Diệt*" và Thomas cho biết như sau:

"Vạn vật trên thế gian đều thay đổi theo định luật Chu kỳ, tức là trải qua bốn giai đoạn: Thành, Trụ, Hoại và Diệt. Trong giai đoạn "*Thành*" mọi người đều hăng hái xây dựng, trải qua bao nhiêu khó khăn thử thách gian truân người ta cũng khắc phục vượt qua được. Trong giai đoạn "*Trụ*" mọi người đều cố gắng đi theo nền móng đã xây dựng từ trước và mặc nhiên vô cảm hưởng thụ những gì tiền nhân gây dựng nên. Đến giai đoạn "*Hoại*" mọi người bắt đầu có mưu đồ lập bè phái lợi ích, tranh chấp, đả phá, oán hận triệt hại lẫn nhau. Thế giới hiện nay đang chứng kiến liên tục nào là chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, tai họa, là bởi chúng ta đang đi vào thời kỳ suy tàn của nhân loại. Ngay tại các nước phát triển nhất chúng ta cũng chứng kiến rất nhiều xáo trộn, hỗn loạn, với sự phân hóa giàu nghèo ngày càng trở nên gay gắt. Khi bước vào giai đoạn "*Diệt*" chúng ta sẽ thấy xuất hiện rất nhiều loại vũ khí ghê gớm - trong đó có vũ khí hạt nhân và vũ khí sinh học có thể hủy diệt cả nhân loại.

Tuy nhiên, chu kỳ không diễn tiến đơn giản như thế. Ngay trong giai đoạn "*Thành*" chúng ta đã có thể thấy những dấu hiệu và mầm mống của "*Trụ*" và "*Hoại*", vì ngay trong lúc xây dựng, vẫn có những người chỉ hưởng thụ hay tranh chấp hơn thua, mặc dù số này rất ít. Trong giai đoạn "*Trụ*" cũng thế, mặc dù số người tích cực làm những việc tốt đẹp và được hưởng thụ tiện nghi thì nhiều nhưng cũng bắt đầu có số ít người thích tranh chấp, gây hấn hay chỉ lo thu vén, phá hoại. Tương tự như vậy, đến giai đoạn "*Hoại*" và "*Diệt*", tuy số người thích chiếm đoạt, tranh giành, hận thù, phá hoại chiếm đa số, thì cũng bắt đầu có một số ít người biết cố gắng xây dựng, chuẩn bị cho giai đoạn "*Thành*" sắp đến trong chu kỳ tiếp theo. Nếu những người này có thể giúp những người khác chuyển đổi tâm thức, ban trải tình thương, bỏ việc ác làm việc lành thì có thể rút ngắn giai đoạn "*Hoại*" và "*Diệt*" để đi đến giai đoạn "*Thành*" của chu kỳ mới ít tổn thất nhất.

Đây là một hy vọng lớn. Vì tương lai của đa số mọi nơi, mọi quốc gia, và toàn thế giới này có thể thay đổi, trở nên tốt đẹp hơn, nếu mọi người biết chuyển đổi tâm thức, tin vào luật Nhân quả, thay đổi biệt nghiệp cũng như cộng nghiệp và

sống một cuộc sống công bằng, hòa bình, cao đẹp và ý nghĩa hơn".

Khi qua đời, con người rời hồ xác thân vật chất và hiện hữu dưới hình thức khác gọi là thân trung am (Bardo) hay vong linh (Spirit). Đây là trạng thái trung gian giữa cái chết và lần tái sinh tiếp theo.

Thứ duy nhất thật sự hiện hữu là tàng thức, nó là căn bản của sự tồn tại, là nền móng của mọi tâm thức. Mọi tư tưởng, lời nói, hành động trong một kiếp sống, dù tốt hay xấu, đều tạo ra nhân, hay chủng tử, được lưu trữ trong tàng thức, không bao giờ mất đi.

Phần bốn

CHUYỂN HÓA NGHIỆP QUẢ: CON ĐƯỜNG THỨC TỈNH

Hằng năm vào dịp lễ Giáng sinh, tôi thường tổ chức cho những cộng sự chủ chốt của công ty đi nghỉ cùng nhau để thư giãn sau một năm làm việc mệt nhọc. Ngoài ra, đó cũng là dịp chúng tôi gặp nhau, cùng nhau bàn tính công việc cho năm tới. Hai năm trước, tôi mời mọi người đến căn nhà nghỉ mát mới mua tại Colorado để nghỉ ngơi và có dịp leo núi, trượt tuyết tại núi Vail.

Buổi chiều hôm đó, sau khi trượt tuyết về, chúng tôi ngồi ăn cùng nhau. Angie đã chuẩn bị trước một bữa tiệc thịnh soạn. Mọi người đang dùng bữa thì Connie quay sang tôi, vui vẻ gợi chuyện:

- Tôi nghe Angie nói lúc này anh đang tập thiền, việc này hơi lạ, vì từ trước đến nay, khi tôi và Angie tập Yoga anh vẫn cười chúng tôi mà. Lý do nào đã khiến anh đổi thái độ như thế?

Angie bật cười nói thêm:

- Anh ấy không những tập thiền mà còn có thể ngồi lâu hơn tôi nữa. Khi tập Yoga, tôi chỉ ngồi thiền khoảng mười phút là nhiều, vì dễ buồn ngủ, nhưng anh ấy có thể ngồi hơn nửa giờ mà vẫn tỉnh táo.

Cả bàn ăn rộn ràng lên vì mọi người cùng trêu chọc tôi. Brian cười nói:

- Hình như có lúc anh thiền ngay trong phòng làm việc phải không? Cô thư ký nói có lúc anh đóng cửa không tiếp khách.

Tôi trả lời nhẹ nhàng:

- Đôi khi tôi cần nghỉ ngơi cho đầu óc thoải mái. Lắm lúc suy nghĩ nhiều quá bị căng thẳng, nên cũng cần ngồi yên tĩnh một chút.

Connie mỉm cười ý nhị:

- Ngồi yên để nghỉ ngơi và ngồi thiền khác nhau chứ. Nghe Angie nói là anh học thiền với một ông hàng xóm gần đây. Angie nói rằng ông ấy là người vô cùng hiểu biết và có kiến thức về Karma Yoga. Tôi cũng đang muốn tìm hiểu thêm về Karma Yoga. Liệu tôi có thể gặp ông ấy được không?

Câu chuyện trên bàn ăn chuyển qua đề tài Yoga. Người thì cho rằng đó chỉ là phương pháp thể dục Ấn Độ đang được khai thác trong các phòng tập thể thao. Người khác nói rằng đó là một tôn giáo. Angie hào hứng lên tiếng:

- Theo ông Kris thì lịch sử Yoga kéo dài cả ngàn năm nhưng tinh hoa đã bị thất truyền, chỉ còn lại phương pháp tập luyện thôi, ông Kris là người biết rất rõ về Yoga, tôi chưa gặp ai có thể giải thích rõ ràng về Yoga như thế. Hơn nữa, ông ấy thật sự là người có vốn hiểu biết hiếm có. Nếu các bạn muốn, chúng ta có thể mời ông Kris sang đây để ông nói về Yoga.

Tôi không muốn làm phiền bạn mình, nhưng mọi người đều tò mò muốn làm quen với người láng giềng có kiến thức về Yoga này của tôi. Vì Angie đã kể chi tiết đó nên Connie rất hào hứng, nhất định đòi gặp ông Kris để tìm hiểu về Yoga. Hôm sau, Angie và Connie đến tận nơi mời ông Kris sang nhà tôi dùng cơm. Vừa gặp tôi, ông Kris đã tươi cười nói:

- Tôi không mấy khi rời nhà nhưng không thể từ chối lời mời chân tình của bà đây được. Nghe nói hôm nay bà đây sẽ trổ tài nấu ăn?

Angie vui vẻ:

- Tôi thích nấu ăn và không ngại trổ tài cho người biết thưởng thức, vì biết ông chỉ ăn trái cây nên tôi đã sửa soạn sẵn mấy món ăn bằng trái cây dành riêng cho ông.

Chúng tôi mời ông Kris vào nhà, giới thiệu ông với mọi người. Đồng thời, mọi người cũng tự giới thiệu mình với ông. Sau khi chào hỏi qua một lượt, chúng tôi ngồi vào bàn, vừa ăn uống vừa trò chuyện. Trong lúc mọi người vui vẻ thưởng thức món ăn mới do Angie chuẩn bị, Connie quay sang ông Kris, giọng hào hứng:

- Angie nói rằng ông Kris đây là người thông thái, hiểu biết rất nhiều và cũng biết nhiều về Yoga. Chúng tôi rất hân hạnh được trò chuyện cùng ông. Là người tập Yoga nên tôi muốn tìm hiểu thêm về truyền thống của môn này. Nghe nói

trước đây ông đã có buổi nói chuyện về Karma Yoga ở đây, thật tiếc là tôi không có mặt. Nếu có thể, xin ông nói thêm về môn này.

Ông Kris mỉm cười, vui vẻ giải thích:

- Karma là tiếng Phạn có nghĩa là hành động (*Action*). Một hành động xảy ra có thể vừa đến từ một nguyên nhân trong quá khứ, vừa là nguyên nhân cho những việc sẽ đến trong tương lai. Do đó nhân (*Cause*) và quả (*Effect*) có liên hệ mật thiết trong truyền thống Karma Yoga. Nói một cách khác, Karma chỉ sự liên hệ giữa nhân và quả trong tất cả hành động của con người.

Connie ngạc nhiên:

- Tôi đã tập Yoga với các đạo sư Ấn Độ nhưng không có ai nói gì về nhân quả. Họ chỉ nói Yoga là phương pháp làm cho cơ thể khỏe mạnh, phòng tránh bệnh tật thôi.

Ông Kris giải thích:

- Đúng thế, họ chỉ dạy phương pháp chứ không đi vào tinh hoa, vì họ chỉ tập trung vào việc làm ra tiền. Con người thường muốn khỏe mạnh để hưởng thụ nên chỉ chú trọng vào phương pháp tập luyện để khỏe hơn, mấy ai biết tìm hiểu nguyên nhân thật sự gây bệnh tật. Tại sao những lực sĩ khỏe mạnh vẫn bị đủ thứ bệnh? Tại sao khoa học đã tiến bộ rất xa nhưng bệnh nan y vẫn gia tăng. Nếu chỉ nhìn Yoga như phương pháp thể dục thì quả là một sự thiếu sót rất lớn.

Brian lên tiếng:

- Phải chăng Karma là quan niệm của Ấn Độ giáo?

Kris lắc đầu:

- Không đâu. Mặc dù chữ Karma được sử dụng nhiều trong sách vở của Ấn Độ giáo và Phật giáo, nhưng *Karma là luật của vũ trụ (Universal Law)*. Trong Kinh Thánh cũng nói về vấn đề này, khi Thánh Paul nói với người Galates: “Chớ hề dối mình; Đức chúa Trời không chịu khinh dễ đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy (*).

(*) Galatians VI:7: Do not be deceived: God is not mocked, for whatever one

sows, that will he also reap.

Brian hỏi:

- Vậy luật vũ trụ khác với luật xã hội như thế nào?

Kris nhìn Brian, mỉm cười:

- Ông là luật sư đúng không? Vậy hẳn ông cũng biết luật xã hội là do con người đặt ra. Nó có tính khuôn khổ, bắt buộc người ta phải làm hay phải tránh làm việc gì đó. Luật xã hội ám chỉ sự phán xét và trừng phạt nếu bị vi phạm. Luật này thay đổi tùy hoàn cảnh xã hội, văn hóa và thời đại. Có khi nó được áp dụng ở quốc gia này nhưng không được áp dụng ở nơi khác. Nó có thể hợp lý ở thời điểm này nhưng sẽ không còn dùng được ở thời điểm khác. Bởi luật xã hội là do con người đặt ra nên nó có thể thay đổi. Trái lại, luật vũ trụ thì không bao giờ thay đổi, nó có tính chất bất di bất dịch và bất biến trong mọi không gian hay thời gian. Luật vũ trụ cũng không có những phiên xét xử vì hậu quả là lẽ tất nhiên, không thể tránh. Nếu anh đưa tay vào lửa thì anh sẽ bị bỏng, có thế thôi.

Brian hỏi thêm:

- Nói vậy là, theo ông, con người bất lực trước luật vũ trụ?

Ông Kris

- Không hẳn. Nhờ biết rằng con người sẽ phải chịu trách nhiệm cho mọi việc làm của mình mà người ta có thể chọn những hành động đưa đến cái quả mà họ muốn, đồng thời tránh những gì họ không muốn. Đó chính là sự tự do hoàn hảo nhất. Người biết nhân quả chỉ làm những gì tốt đẹp để mang lại kết quả như ý, và tránh làm những việc sai trái vì biết rõ hậu quả của nó. Trái lại, người không hiểu biết nhân quả thì hành động bừa bãi rồi phải gánh chịu hậu quả cho những việc làm sai trái của mình. Nhưng cũng nhờ đó mà họ sẽ học được bài học mà họ cần. Bài học nhân quả này, không học lúc này thì sẽ học lúc khác, không học ở kiếp này sẽ phải học ở kiếp khác.

Brian tỏ vẻ hoài nghi:

- Nhưng luật Nhân quả mà ông nói phải chăng chỉ là quan niệm của tôn giáo? Bởi khoa học đâu nói gì về luật này.

Ông Kris mỉm cười trả lời:

- Nếu giải thích theo khoa học thì toàn thể vũ trụ này là một khối năng lượng (*Energy*) quán bình tuyệt đối. Năng lượng này có thể vô hình, không nhìn thấy được, cũng có thể biến chuyển thành vật hữu hình mà chúng ta có thể nhìn được bằng mắt. Thái Dương hệ là năng lượng biểu hiện dưới trạng thái hữu hình như Mặt trời, Mặt trăng, Trái đất và các hành tinh khác. Tương tự như thế, tất cả mọi sinh vật như con người, thú vật, cây cỏ... đều là những năng lượng dưới dạng hữu hình, vì tất cả đều được cấu tạo bởi nguyên tử, mà nguyên tử chính là năng lượng đã đông đặc lại. Mọi việc xảy ra trong vũ trụ chỉ là sự chuyển hóa của năng lượng qua nhiều hình thức, có khi rõ ràng và có khi hư ảo. Con người giống như một cỗ máy vận hành năng lượng bằng tư tưởng, lời nói và hành động. Khi suy nghĩ, nói ra điều gì, hay làm gì ta đều phát ra một luồng năng lượng vào không gian, nó va chạm với các năng lượng khác, làm mất đi sự cân bằng vốn có. Do đó, vũ trụ tự động phản ứng ngược lại để tái lập lại sự cân bằng. Nói một cách khác, tư tưởng, lời nói, hay hành động của ta cũng đều là những năng lượng - đó là Nhân, gây mất cân bằng nên sẽ gặp phản lực ngược lại - đó chính là Quả. Do đó, chúng ta phải cẩn thận, vì mọi tư tưởng, lời nói hay hành động, dù xấu hay tốt, đều tạo ra những kết quả ảnh hưởng đến chính ta và những người xung quanh. Một lời nói ân cần, dịu dàng có thể làm chúng ta vui vẻ và những người xung quanh hạnh phúc. Một lời nói gay gắt không những làm tâm ta thêm sân hận mà còn gây thương tổn đến những người khác nữa. Nói tóm lại, luật Nhân quả chỉ là sự thuyết minh cho mọi liên quan giữa nhân và quả khi con người vận hành năng lượng. Đây là điều mọi người cần hiểu rõ.

Con người giống như một cỗ máy vận hành năng lượng bằng tư tưởng, lời nói và hành động. Khi suy nghĩ, nói ra điều gì, hay làm gì ta đều phát ra một luồng năng lượng vào không gian, nó va chạm với các năng lượng khác, làm mất đi sự cân bằng vốn có. Do đó, vũ trụ tự động phản ứng ngược lại để tái lập lại sự cân bằng. Nói một cách khác, tư tưởng, lời nói, hay hành động của ta cũng đều là những năng lượng - đó là Nhân, gây mất cân bằng nên sẽ gặp phản lực ngược lại - đó chinh là Quả.

Ông Kris nhìn dụng cụ trượt tuyết và leo núi để ở cuối phòng rồi nói thêm:

- Hình như các ông vừa đi trượt tuyết hay leo núi về thì phải? Khi sống tại địa hình bình thường như New York, các ông có thể hít thở dễ dàng nhưng khi lên núi cao như Colorado thì không khí loãng khiến các ông hít thở khó khăn hơn, đúng

chứ? Vì biết trước nên các ông đã chuẩn bị để ứng phó với việc này. Khi leo núi chúng ta thường phải mang theo bình dưỡng khí vì lên càng cao không khí càng loãng, phải có bình dưỡng khí hỗ trợ. Nhiều người không hiểu biết việc này nên không chuẩn bị, đến khi leo lên độ cao nào đó thì bị xây xẩm vì thiếu dưỡng khí, không thể tiếp tục được nữa. Sự hiểu biết về độ cao giúp cho người leo núi đạt được kết quả họ mong muốn. Con người đối với luật Nhân quả cũng thế, có hiểu biết về luật Nhân quả giúp chúng ta hành động đúng đắn. Vấn đề hiện nay là nhiều người chỉ hiểu luật này một cách mập mờ, có khi tin cũng có khi không tin. Đôi khi người ta chỉ tin nếu nó xảy ra hợp với điều mà họ muốn. Một số người đã hiểu nhầm lẫn Karma thành số mệnh (*Fate*), là cái gì đó đã được định đoạt trước chứ không hiểu trọn vẹn ý nghĩa của luật này. Khi gặp nghịch cảnh, họ khoanh tay chấp nhận rồi than rằng đó là ý muốn của Đấng Tối cao hay sự an bài của định mệnh, do đó, họ không thể làm gì được nữa. Họ không biết cách thay đổi chính mình và nêu sự việc xảy ra không như ý, họ chỉ đổ lỗi cho số mệnh hay chỉ biết than trời trách đất chứ không hiểu rằng Karma chỉ là hành động, và họ có thể hành động để thay đổi số mệnh mình thông qua luật Nhân quả.

Brian ngạc nhiên, hỏi:

- Nhưng sách vở Yoga định nghĩa Karma là nghiệp, nghĩa là việc xảy ra mà người ta không thể tránh được. Chẳng phải vậy sao?

Ông Kris mỉm cười, lắc đầu:

- Đó là sự giải thích chưa hoàn chỉnh. Gieo nhân gì gặt quả đó là lẽ tất nhiên, nhưng không phải vì thế mà người ta cam chịu không làm gì hết, bởi người ta có thể hành động để chuyển nghiệp. Nếu hút thuốc là nhân, thà bị ung thư là quả, nhưng người ta cũng không thể chấp nhận rồi chẳng làm gì hết đúng không? Khi đau ốm, ông có quyền chạy chữa chứ không buông xuôi chỉ vì nghĩ đó là nghiệp.

Brian thắc mắc:

- Nhưng chính ông vừa nói gây nhân thì phải trả quả mà. Nêu tôi đã lấy trộm tiền của ai thì trước sau tôi phải trả lại cho người đó, làm sao không trả được?

Ông Kris thong thả giải thích:

- Đúng thể, chắc chắn ông sẽ phải trả số tiền đó. Chuyển nghiệp mà tôi đang nói

đến ở đây không có nghĩa là ta tìm cách để không trả nợ, mà là ta có thể có nhiều cách trả nợ khác nhau. Để tôi lấy một ví dụ cho dễ hiểu. Ví dụ, trong kiếp trước ông lấy của ai đó một triệu đô-la. Ông đã gây nhân nên kiếp này nghiệp quả bắt ông phải trả lại số tiền đó cho người ông đã lấy, bằng cách này hay cách khác. Đây là số tiền rất lớn, ông làm vất vả mới có được mà nay phải mất đi nên ông vô cùng đau khổ. Vì không rõ cái nhân mình gây ra từ trước nên ông oán giận người kia, nghĩ họ cướp tiền của mình, oán hận của ông lại tạo ra một nhân nữa. Đã có nhân thì ắt có quả, do đó hai người cứ vay trả, trả vay lẫn nhau, kéo dài qua nhiều kiếp sống không chấm dứt. Đó là sự phức tạp của nhân quả trong vòng luân hồi. Đa số mọi người, vì thiếu hiểu biết về luật Nhân quả nên cứ mắc nợ, đòi nợ, trả nợ, rồi lại mắc nợ, tạo thêm duyên nghiệp chồng chéo với nhau.

Brian không ngăn được thắc mắc, liền ngắt lời ông Kris:

- Nhưng làm sao biết ai nợ ai? Ai là người gây ra nợ trước?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, người ta trải qua biết bao kiếp sống, nhân quả chằng chịt, dễ gì tìm ra cái nhân đầu tiên. Nhưng nếu biết chuyển nghiệp bằng cách làm những điều lành thì có thể chuyển nghiệp, tức chuyển sang cách trả nợ khác và dần dần nghiệp sẽ được hóa giải. Hãy thử tưởng tượng ông nợ ai đó một triệu đô-la và đến lúc phải trả, nhưng vì kiếp này ông làm nhiều việc thiện lành nên ông là tỷ phú, có hàng trăm triệu trong tay thì việc thanh toán món nợ cũ chỉ là việc nhỏ, đâu đáng quan tâm nữa. Do đó, với cái tâm thiện lành, ông vui vẻ trả nợ, không gây thêm nhân và món nợ cũ có thể chấm dứt hoàn toàn, có nợ thì vẫn phải trả nhưng cách trả nợ có thể khác tùy theo sự chuyển nghiệp. Nói theo toán học thì A+B = X, đã có điều kiện A và B thì chắc chắn kết quả phải là X. Tuy nhiên nếu ta thêm vào đó điều kiện mới là C thì A+B+C sẽ cho kết quả khác chứ không còn là X nữa, có đúng không?

Ông Kris mỉm cười, rồi kết luận:

- Tất cả mọi người sống trên đời đều ít nhiều có nợ với nhau, có người nợ ít, có người nợ nhiều, có người nợ tiền, có người nợ tình, có người còn nợ sinh mạng nữa, và khi nào phải trả nợ vẫn là câu hỏi không ai biết. Nhưng nếu biết làm các điều lành thiện, biết bố thí giúp đỡ người khác thì con người có thể giải quyết nợ nần, duyên nghiệp từ xưa dần dần và chuyển được nghiệp.

Brian có vẻ đã bị thuyết phục nên hỏi thêm:

- Nợ tiền có thể trả nhưng nợ sinh mạng thì trả như thế nào? Nếu khi xưa tôi giết người, bây giờ có người đến giết tôi thì tôi phải làm gì?

Ông Kris trả lời:

- NỢ sinh mạng không nhất thiết phải trả bằng sinh mạng, có khi quả báo của việc giết hại sẽ đến bằng bệnh tật, các chứng nan y như ung thư, bại liệt... Bệnh nhân khổ sở, đau đớn quằn quại vì bị bệnh tật hành hạ, nằm dai dẳng rất lâu trên giường bệnh. Những người bị họ làm hại khi xUa, lúc này có thể đến đòi nợ bằng cách khiến họ càng khổ sở hơn, sông không ra sống, chết không ra chết. Tình trạng đó còn đau khổ hơn cả cái chết.

Mọi người quanh bàn ăn đưa mắt nhìn nhau vẻ hoang mang. Angie sợ hãi:

- Ân oán như thê thì ghê gớm quá.

Ông Kris gật đầu, nhìn khắp một lượt quanh bàn và nói tiếp:

- Đó chỉ là trường hợp đòi nợ thông thuồng mà thôi, còn nhiều trường hợp ghê gớm hơn mà tôi không muốn nói đến. Khi gây nhân mấy ai nghĩ đến hậu quả, đến khi trả quả cũng không mấy ai sẵn lòng đối diện. người ta chỉ biết trách tròỉ, trách đất, đổ lỗi cho người này người nọ mà không hiểu cái nhân của mình.

Brian lo lẳng hỏi:

- Vậy con người phải làm những gì để chuyển được nghiệp?

Ông Kris nói:

- Cũng như việc trả nợ về tiền bạc vậy. Nếu người mang nghiệp giết chóc ở kiếp này biết làm những việc thiện lành, thường xuyên bố thí, giúp đỡ người khác thì họ sẽ gieo được nhân lành, khi lâm bệnh họ sẽ gặp thầy giỏi, thuốc hay thì kết quả trả nghiệp sẽ khác. Bởi vì nhân lành mà họ gieo ở kiếp này cũng trả quả lành cho họ, từ đó cân bằng với nhân ác mà họ đã gieo. Nhiều người không hiểu được việc bố thí, giúp người, làm việc thiện có sức mạnh lớn lao chuyển đổi nghiệp ác. Một khi đã biết, họ có thể ra sức hành thiện, từ đó có thể chuyển

đổi nghiệp ác. Chuyển nghiệp là như thế đấy.

Angie thở ra như vừa trút được một mối lo, lên tiếng:

- Nêu tích cực hành thiện, làm việc lành thì mọi sự đều trở nên tốt đẹp, có đúng không?

Ông Kris mỉm cười:

- Như tôi vừa nói, nếu chúng ta biết làm những việc lành, điều thiện, bình thản lấy ân trả oán, thì ta tự nhiên sẽ dần trả được một số nghiệp. Nói cách khác, nhờ biết làm việc lành, ta có thể tránh được nhiều việc không may, vì món nợ đã được trả dần rồi.

Khi sinh ra ai cũng có sẵn tính cách tốt lẫn xấu. Nếu hiểu rằng tính cách này là hệ quả của cách chúng ta sống từ kiếp trước thì ta có thể thay đổi được tính cách bằng nỗ lực cá nhân. Con người có tự do lựa chọn để thay đổi chính mình. Bên cạnh những gì theo ta từ tiền kiếp, thì tính cách còn chịu ảnh hưởng của giáo dục và các trải nghiệm đời sống trong kiếp này của chúng ta. Kinh sách Ấn Độ có câu: *“Con người suy ngẫm điều gì thì trở thành điều đó"*. Do đó, một người vốn xấu nhưng biết tu tập đạo đức, suy ngẫm nhiều về điều hay lẽ phải thì vẫn có thể trở thành người tốt. Người vốn tốt nhưng đọc sách vở đồi trụy hay tiếp xúc với những người có suy nghĩ tham chấp rồi bị tiêm nhiễm thì vẫn có thể trở nên người xấu xa. Nói một cách khác, tính tình nào cũng có thể sửa được nếu biết cách, vấn đề là họ có muốn sửa hay không mà thôi. Ví dụ, một người có tính tình nóng nảy, nếu nhận ra được tính cách đó của mình là không tốt thì người đó vẫn có thể sửa đổi.

Brian bật cười, lên tiếng:

- Thế tôi là người có tính tình nóng nảy. Vậy tôi phải sửa như thế nào? Ông Kris quan sát Brian rồi nói:

- Nêu ông coi đó là tính xấu thì ông có thể thay đổi được. Ông không nên suy nghĩ về sự nóng nảy của mình làm gì mà phải chuyển qua suy nghĩ về sự hòa nhã. Mỗi buổi sáng ông có thể dành vài phút suy gẫm về sự hòa nhã. Ví dụ, ông hãy tập mỉm cười trước sự việc không như ý, ít lâu sau, ông sẽ thấy bản thân đổi khác.

Dĩ nhiên, bởi hiện tại khi sự việc không như ý xảy ra ông liền nổi nóng sau đó mới nghĩ đến sự hòa nhã nên ông mới biết ông đã không làm chủ được mình. Nhưng giờ ông ý thức được mình cần hòa nhã, thì theo thời gian, khi vừa nổi nóng ông liền nghĩ ngay đến việc kiểm soát và trở nên điềm tĩnh hơn. Từ đó, tính tình nóng nảy sẽ giảm dần. Ít lâu sau, ông sẽ có thể giữ sự bình tĩnh, thái độ hòa nhã ngay khi sự việc không như ý xảy đến. Tư tưởng tạo ra tính tình, nếu ông suy nghĩ về điều gì đó mỗi ngày thì theo thời gian ông sẽ đạt thành điều đó. Cũng giống như người thợ xây tường, bắt đầu từ một viên gạch rồi cứ thế tiếp tục hết viên này đến viên khác cho đến khi hoàn thành.

Ông Kris dừng lại nhìn quanh một lượt rồi thong thả nói:

- Nguyên tắc của Karma Yoga là thúc đẩy con người hoạt động. Sự hoạt động sẽ tạo ra hoàn cảnh để cho họ học hỏi và chuyển hóa. Lúc nào cũng vậy, con người ít nhiều đều có ham muốn. Lòng ham muốn liên kết con người với đối tượng ham muốn như nam châm hút sắt. Có người ham tiền, có người ham sắc, có người thích quyền lực. Lòng ham muốn thúc giục con người hành động đến khi được thỏa mãn mới thôi. Nhưng thế nào mới là thỏa mãn? Khi có được những gì họ muốn thì họ lại muốn có thêm thứ khác, vì lòng ham muốn của con người là vô tận. Đôi khi lòng ham muốn tiềm ẩn dưới dạng chủng tử nằm sâu trong tiềm thức cho đến khi đủ duyên sẽ phát động. Karma Yoga nói rằng tư tưởng ham muốn sẽ dẫn dắt con người đến hoàn cảnh khiến họ phải học bài học mà họ cần. Ví dụ, người ham tiền tìm mọi cách để giàu có, đến khi tiền bạc đầy nhà thì lại mắc bệnh nan y, việc đó là để họ học bài học rằng tiền bạc không thể đảm bảo cho sức khỏe và hạnh phúc. Nhân quả trong vũ trụ này phức tạp vô cùng. May cũng như rủi, tốt cũng như xấu, đều nối kết với nhau, được cái này thì mất cái khác. Do đó, càng ham muốn nhiều thì người ta càng đau khổ nhiều. Các ham muốn tiền bạc, danh vọng, quyền lực thường đem lại sự việc không như ý hơn là niềm vui sướng, do đó việc bớt ham muốn chính là điều người ta cần phải học. Tuy nhiên, nói đi cũng phải nói lại, chính vì lòng ham muốn thúc giục con người hoạt động thay vì bất động, mà hoạt động là động lực của Karma Yoga giúp con người học bài học của mình, cho nên, nếu không có lòng ham muốn thì người ta sẽ bất động như gỗ đá, chẳng học được gì. Đôi khi lòng ham muốn sẽ đưa người ta đến với những người có thể đem đến bài học cho họ. Ví dụ, những người bủn xỉn, mê say tiền bạc thì thường gặp phải những người phung phí, kiếm bao nhiêu tiền đều bị họ tiêu hết bấy nhiêu. Những mối quan hệ vợ chồng, con cái đều do nhân quả đưa đến, có khi là tình, có khi là thù, có khi gặp để trả nợ và có khi gặp để đòi nợ.

Angie lên tiếng:

- Nếu tất cả đều do luật Nhân quả thì phải chăng các khổ đau của chúng ta hiện tại chỉ là kết quả của những đau khổ chúng ta đã gây ra cho người khác trước đây? Và mọi hành động làm cho người khác vui buồn lúc này sẽ tạo ra những hoàn cảnh tương tự như thế trong tương lai?

Ông Kris gật đầu:

- Nói giản dị thì chính là như thế. Tuy nhiên, khi trải qua vô lượng kiếp sống, chúng ta khó lòng biết được đâu là nguyên nhân và đâu là hệ quả. Một hoàn cảnh xảy ra đôi khi có thể khiến chúng ta nghĩ rằng nó trái với luật Nhân quả, nhưng thật ra còn những cái nhân sâu xa vốn được tích tụ từ lâu mà chúng ta không biết được, ví dụ, bà có thể chứng kiến những người hung ác, xấu xa, tham lam, ích kỷ lại sống sung sướng trong sự giàu sang tột bực, trong khi người hiền lành, tốt bụng lại chịu nhiều nỗi đau khổ, gian truân. Tại sao thế? Đó là bởi những cái nhân mà họ đã gieo từ nhiều kiếp trước, sự giàu sang của họ trong kiếp này là nhờ những nhân lành mà họ đã gieo từ trước, còn những việc làm xấu xa của họ ở kiếp này thì cũng đến lúc phải trả mà thôi. Không lúc này thì lúc khác, không kiếp này thì kiếp khác. Luật Nhân quả không bao giờ sai đâu.

Ông Kris dừng lại, nhìn khắp lượt, rồi nói tiếp:

- Luật Nhân quả đã thu xếp cho chúng ta sinh vào một tộc người, một quốc gia, hay một hoàn cảnh gia đình cụ thể để trả những nghiệp quả đã gây từ trước và đồng thời cũng tạo cơ hội cho chúng ta học hỏi để hiểu biết và tiếp tục tiến lên đời sống cao cả của các bậc thánh nhân. Trải qua vô lượng kiếp, tất cả chúng ta đều có sẵn một số nghiệp tích tụ, những nhân đã gieo từ kiếp trước và phải trả ở kiếp sau. Những nghiệp tích tụ này rất nhiều, không thể trả hết một lúc, nên chúng ta phải trải qua nhiều kiếp sống để trả dần. Vì nghiệp quả liên hệ đến nhiều người, mà mỗi lần chuyển kiếp thì người sinh ở nơi này, người sinh ở nơi khác, cũng có khi những đối tượng ân nợ của ta vẫn còn làm súc sinh chưa chuyển kiếp thành người, nên chúng ta không thể gặp hết để trả hay đòi trong một kiếp được. Một số nghiệp được thu xếp để trả ở kiếp này, một số trả ở kiếp khác. Tuy nhiên, nghiệp quả không phải là định mệnh, vì chúng ta có thể hành động để chuyển nghiệp được. Nghiệp quả chỉ là những động lực theo thời gian sẽ xảy ra nhưng chúng ta có thể tạo ra các động lực mới để sửa đổi chiều hướng của nó, khiến việc nặng có thể chuyển thành nhẹ.

Connie nãy giờ vẫn im lặng lắng nghe, đến giờ mới lên tiếng:

- Việc chuyển nghiệp mà ông nói là áp dụng cho cá nhân, còn nghiệp quả của số đông thì sao? Làm thế nào để thay đổi?

Ông Kris trả lời:

- Những người được sinh vào cùng một nơi chốn hay quốc gia thường do sự sắp xếp để trả quả chung, mà ta gọi là cộng nghiệp. Do đó, các thiên tai như động đất, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh ở một nơi chốn hay quốc gia nào đều ít nhiều do các nghiệp nhân của những con người tại đây đã gây từ trước mà nay họ phải sinh ra tại nơi này để trả. Tuy nhiên, những thiên tai, dịch bệnh này dù ghê gớm đến đâu thì vẫn có người không hề hấn gì. Có thể vì họ không gây nhân nên không phải trả quả, cũng có thể vì họ đã làm việc lành thiện nên chuyển từ nghiệp nặng thành nhẹ. Mỗi quốc gia có thể xem như một cá nhân trong vòng sinh hóa của trái đất. Tùy hành động vị tha hay ích kỷ mà quốc gia đó trở nên hùng cường hay suy bại. Không một quốc gia nào làm những điều hung ác như xâm lăng, chiếm đoạt, giết chóc mà có thể hưng thịnh lâu dài. Những đế quốc như Hy Lạp, La Mã, Mông Cổ,... chỉ hùng cường một thời gian rồi suy sụp. Cho đến nay, trải qua thời gian dài, những quốc gia này vẫn chưa vãn hồi được sự hưng vượng khi xưa. Con người sinh ra ở xứ nào là để học hỏi các đức tính của dân tộc xứ đó, vì mỗi nơi đều có những đặc thù văn hóa hay điều kiện đặc biệt giúp cho sự phát triển của họ. Một quốc gia phát triển thịnh vượng là nhờ những người tài giỏi được nhân quả thu xếp đến giúp cho quốc gia đó trở nên hùng cường. Một đất nước bị suy vong là do những người xấu xa, thấp kém được nhân quả đưa đến đó để làm cho lụn bại. Nếu một cá nhân có thể học hỏi để chuyển nghiệp thì một quốc gia cũng thế. Khi người dân xứ đó biết ý thức về nhân quả, biết làm điều lành, việc thiện, biết phát triển tình thương, biết giúp đỡ nhau, biết làm việc vì quyền lợi chung, thì xứ đó có thể giảm được rất nhiều tai kiếp.

Andrew im lặng từ đầu buổi, giờ cũng lên tiếng:

- Nói như vậy thì trong đời sống hiện nay, con người vừa trả quả, vừa gây thêm nhân, do đó mọi việc cứ chồng chất, bớt được chỗ này thì lại thêm vào chỗ khác. Mọi nơi, mọi quốc gia đều có người xấu và người tốt. Xã hội nào cũng có người này giúp người kia, nhưng người kia lại hại người nọ, ân oán cứ thế triền miên, có việc tốt cũng có việc xấu, cứ thế tiếp diễn thì làm sao có thể cắt đứt sợi dây nhân quả?

Ông Kris nhìn Andrew mỉm cười:

- Ông nói đúng đó. Sợi dây nhân quả vô cùng phức tạp nhưng nghiệp quả dù nặng đến đâu vẫn có thể giảm bớt nhờ sự hiểu biết, phát triển tình thương. Những người hiểu biết, dù bị đối xử bất công, vẫn biết tha thứ, không trả thù. Những người đã ý thức được nhân quả sẽ biết chấp nhận, không than van oán trách, đồng thời phát triển lòng từ bi hướng đến người xung quanh. Khi một số đông đã hiểu biết, sống đời lành thiện thì có thể tạo ra những động lực mới, thay đổi nghiệp lực cũ, cải thiện số phận quốc gia.

Connie lên tiếng:

- Tôi được biết ngoài Karma Yoga, ông còn dạy thiền nữa phải không? Khi tập Yoga, tôi cũng ngồi thiền khoảng mười phút trước khi tập.

Ông Kris mỉm cười:

- Hiện nay nhiều nơi dạy Yoga hay thể dục cũng hướng dẫn mọi người ngồi yên mười phút để cho đầu óc thoải mái trước khi tập. Nhưng việc đó không dính dáng gì đến thiền định hết.

Connie ngạc nhiên:

- Tại sao thế, tôi tưởng đó chính là thiền định chứ?

Ông Kris giải thích:

- Các phòng tập thể dục hay Yoga có trào lưu thêm thắt vài phương pháp mà họ gọi là thiền định Yoga hay khí công vào bài tập nhằm mục đích quảng cáo hay tạo ra vẻ huyền bí thôi. Không ai có thể ngồi thiền chỉ trong vòng vài phút như thế được. Nếu thực tập thiền định bà phải ngồi ít nhất nửa giờ hay lâu hơn nữa. Việc ngồi yên vài phút rồi đứng lên tập thể thao không dính dáng gì đến thiền định cả. Đó chỉ là một cách để nghỉ ngơi, xả giãn đầu óc trước khi tập thể thao thôi.

Angie quan tâm, muốn hiểu hơn, nên hỏi:

- Nhà tôi nói rằng ông dạy anh ấy phương pháp tĩnh tâm, vậy đó là phương pháp gì thế?

Ông Kris giải thích:

- Ngày nay, đời sống xã hội có rất nhiều việc khiến cho đầu óc người ta quay cuồng bởi những ưu tư, phiền não và bất an, nên ai cũng cần có một nơi ẩn náu để giữ cho đầu óc được cân bằng. Đây không phải là việc trốn tránh thực tại mà là tránh cho đầu óc bị căng thẳng bởi những xáo trộn bên ngoài. Mục đích phương pháp này là tìm về sự an tĩnh nội tâm.

Connie xen vào:

- Nhưng tập thể thao cũng có thể làm cho đầu óc bớt căng thẳng và an tĩnh được chứ.

Ông Kris mỉm cười:

- Khi gặp sự xáo trộn, cảm thấy bất an, đa số người đều tìm cách giải quyết qua những hoạt động bên ngoài nhưng không mấy ai thành công. Bà tập thể thao, trong lúc tập có thể bỏ đi mọi suy tư nhưng tập xong thì đầu óc vẫn xáo trộn, bất an như cũ. Thân thể bà có thể khỏe nhưng đầu óc của bà đâu đã được bình an. Muốn đạt được sự quân bình trong đời sống, chúng ta phải biết cách gác qua một bên những công việc bận rộn hàng ngày để trầm mình trong sự cô liêu, tĩnh mịch, để bồi dưỡng tinh thần, gia tăng sức mạnh nội tâm. Bên trong mỗi người đều có sẵn một năng lực tiềm ẩn mà ít ai biết khai thác. Phương pháp tĩnh tâm giúp cho họ tiến sâu vào nội tâm để tìm ra năng lực tiềm ẩn này. Khi đã tìm được nó rồi thì họ sẽ được trang bị một sức mạnh vô biên, có thể chống với mọi nghịch cảnh. Nên nhớ, sự phục hồi sức mạnh nội tâm này hoàn toàn được thực hiện ở bên trong chứ không phải đâu đó bên ngoài.

Angie đưa một ly nước trái cây cho ông Kris:

- Các bạn hỏi nhiều quá, chúng ta hãy tạm dừng ở đây để ông Kris giải khát.

Ông Kris vui vẻ nhận ly nước trái cây của Angie:

- Cảm ơn bà. Bà có cách pha chế nước rau củ với trái cây thật thơm ngon.

Connie chờ ông Kris uống xong ly nước rồi lên tiếng:

- Tôi được biết ông chỉ ăn trái cây và rau củ, không ăn thịt cá. Như vậy làm sao có đủ chất dinh dưỡng được?

Ông Kris ôn tồn giải thích:

- Từ nhiều năm nay mọi người đều được dạy rằng phải ăn thịt cá mới có đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể khỏe mạnh, có nhiều vấn đề với việc ăn thịt cá, nhưng hôm nay tôi chỉ nói về một thứ thôi. Hiện nay ngành chăn nuôi đã được công nghiệp hóa để gia tăng lợi nhuận. Các nhà chăn nuôi đã trộn thức ăn gia súc với các loại hóa chất để vật nuôi phát triển nhanh hơn. Trung bình một con bò phải mất bốn năm mới đủ lớn để làm thịt nhưng khi cho ăn hóa chất này thì con bò sẽ chỉ cần mười sáu tháng là có thể làm thịt được rồi. Trong hành động này hội đủ các nhân xấu như: lòng tham, sát nghiệp và đi ngược quy luật tự nhiên. Ngày nay, hầu như mọi gia súc, gia cầm như heo, bò, trâu, dê, gà vịt đều được nuôi bằng thức ăn trộn hóa chất. Do đó, ngành công nghiệp chăn nuôi thu lợi rất nhiều, vấn đề là khi ăn thịt của những vật nuôi này, con người cũng gián tiếp tiêu thụ những hóa chất đó và chúng sẽ âm thầm gây bệnh cho con người - đó vừa là một vấn đề có thể giải thích bằng khoa học và cũng có thể lý giải theo hướng tâm linh là "cái quả” mà con người nhận được từ sát nghiệp của mình. Nếu hóa chất làm tế bào con vật phát triển rất nhanh thì nó cũng có thể làm cho tế bào con người phát triển tương tự, có đúng không? Nếu tế bào con người phát triển nhanh hay phát triển bất bình thường thì người ta gọi đó là gì?

Connie nói ngay:

- Ông muốn nói đến bệnh ung thư có phải không?

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế, cái gì phát triển quá nhanh hay bất bình thường đều không tốt. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học về sự liên quan giữa việc tiêu thụ thịt cá quá mức và các loại bệnh tật nhưng chưa được công nhận vì phản ứng của các nhóm lợi ích ngành chăn nuôi. Để tôi kể thêm một bằng chứng khác. Ngày nay, trẻ sơ sinh ít được nuôi bằng sữa mẹ mà thường uống sữa bò, mà hầu hết bò sữa đều được nuôi bằng thực phẩm trộn hóa chất công nghiệp và chúng còn bị tiêm các loại thuốc, hormone để sản xuất nhiều sữa hơn, trái với quy trình tự nhiên của chúng. Chưa nói đến những điều tàn nhẫn khác như lũ bê con bị tách khỏi mẹ khi mới vài ngày tuổi, không được uống dòng sữa của mẹ chúng và số phận của chúng là được cung ứng cho ngành khai thác thịt bê. Còn những bò mẹ thì phải mang một

bầu sữa quá nặng, thậm chí kéo lê trên mặt đất, do khẩu phần ăn công nghiệp để có thể cho sữa nhiều hơn, khiến chúng đau đớn, kiệt quệ, bị khai thác đến mức bầu vú nhiễm trùng, rướm máu lở loét. Những hộp sữa được quảng cáo là giàu vitamin tốt cho con người mà chúng ta đang uống thực chất đến từ sự khai thác tàn nhẫn, đến từ sự đau đán khổ ải của những con bò cái được nuôi nhốt trong điều kiện sống tệ hại.

Nếu để ý, mọi người có thể thấy gần đây xuất hiện triệu chứng dậy thì sớm ở nhiều bé gái. Bình thường, đến tuổi mười ba, mười bốn các bé gái mới bắt đầu dậy thì, nhưng ngày nay, nhiều trường hợp con số này là chín, mười tuổi. Chuyện gì xảy ra khi những đứa bé đầu óc vẫn còn ngây thơ, non dại, chưa trưởng thành nhưng cơ thể đã phát triển đầy đủ như một thiếu nữ? Phải làm sao khi tinh thần, sự hiểu biết, kiến thức vẫn chưa phát triển đầy đủ nhưng đã bắt đầu thể hiện bản năng giới tính? Có lẽ mọi người cũng thấy hiện tượng nhiều trẻ vị thành niên có thai, rồi phá thai đang xảy ra khắp thế giới. Đó là những hành vi đáng thương và đáng trách, những đứa trẻ đó đã gieo một nghiệp ác lớn mà chúng không nhận thức được.

Nói đến đây, ông Kris chợt nhìn tôi và nhắc lại:

- Chắc ông Thomas còn nhớ, tôi đã từng trao đổi với ông về vấn nạn phá thai này trong một cuộc nói chuyện trước đây, lúc đó, tôi nói nhiều về nguyên nhân đến từ văn hóa xã hội. Tuy nhiên, nếu các bạn nhìn rộng ra toàn bộ câu chuyện, nghiệp ác của việc phá thai này cũng có nguyên nhân phần nào từ việc nuôi vật nuôi bằng hóa chất, rồi khai thác thịt, sữa, da của chúng một cách tàn nhẫn. Tức là cái ác, cái tham và sát nghiệp là một vòng tròn nghiệp rất lớn, khi đã gieo xuống là chúng ta phải nhận lãnh cái quả tương ứng. Nhân quả trong chuỗi sự việc mà tôi vừa nói đan xen phức tạp, nhưng khởi nguồn cũng từ cái nhân ban đầu là tàn bạo với loài vật, sau đó có thể dẫn đến những hậu quả tai hại về sức khỏe, thậm chí một nghiệp ác nặng nề như phá thai, tức tàn bạo với sinh mạng con người.

Mọi người đều lặng đi sau những điều ông Kris chia sẻ. Andrew chợt lên tiếng:

- Ông vừa nói một trong những nguyên nhân của ung thư là do ăn thịt loài vật nuôi bằng hóa chất, vậy nếu ăn những sinh vật nuôi tự nhiên hoặc sống ngoài thiên nhiên thì sao?

Ông Kris mỉm cười, giải thích:

- Hiện nay có nhiều nghiên cứu về bệnh ung thư. Một số nghiên cứu kết luận rằng vì ăn quá nhiều thịt cá nên mới có bệnh này. Dĩ nhiên các nhóm lợi ích chăn nuôi không muốn mất nguồn lợi nên đã đưa ra bằng chứng khác để chống lại các kết luận trên. Họ trả tiền cho một số chuyên viên để đưa ra các bằng chứng phản bác lại. Cuộc tranh cãi vẫn tiếp diễn, chưa đi đến kết luận và số người mắc bệnh ung thư vẫn tiếp tục gia tăng. Cũng giống như trước kia, việc hút thuốc được xem là bình thường, cho đến những năm 1920, các nhà khoa học đã tìm được bằng chứng là hút thuốc gây ra ung thư phổi. Tuy nhiên, các hãng sản xuất thuốc lá đã bỏ tiền cho một số nhà khoa học khác phản bác kết luận đó. Cuộc tranh cãi kéo dài cho đến thập niên 1970, gần năm mươi năm sau, mới chấm dứt, khi chính phủ nhiều nước công nhận rằng hút thuốc lá gây ung thư và khuyên cáo mọi người không nên hút thuốc. Mặc dù số người hút thuốc đã giảm nhiều ở các nước tiên tiến nhưng các hãng sản xuất thuốc lá đã chuyển qua các nước chậm tiến khác và tiếp tục quảng cáo mạnh mẽ nên số người mắc bệnh ung thư tại các nước này lại gia tăng.

Trở lại việc ăn thịt cá, hiện nay các tranh luận về vấn đề này vẫn không có hồi kết ở các quốc gia. Nhiều người phương Đông cho rằng: *"Ăn con dưới nước tốt hơn con trên bờ"* hay *"Ăn con hai chân tốt hơn con bốn chân"*, vì họ đã tiếp nhận được thông tin sai lệch là con vật bốn chân có "nhân linh" hơn là con vật có hai chân, và các con vật sống dưới nước ít có khả năng được đầu thai hơn các con vật sống trên bờ... Thế nên, họ sẽ chọn cách ăn sao cho cảm thấy ít có tội lỗi nhất. Thậm chí ngay cả một số người có hiểu biết nhất định về luật Nhân quả cũng biện hộ cho việc ăn thịt rằng người giết thịt con vật mới mang nghiệp nặng, còn người ăn khi nó đã bị giết thì không sao. người tin, người không tin và số đông thì lúc tin, lúc không tin. Nếu có một nghiên cứu tâm linh nghiêm túc thì chắc chắn sẽ bị phản đối mạnh mẽ bởi các công ty, tập đoàn kinh doanh thịt gia súc, thủy hải sản và cả những người không thích ăn chay hoặc cho rằng ăn chay không đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể.

Theo hiểu biết của tôi, bất kỳ con vật nào, dù bốn chân, hai chân hay tôm cá sống dưới nước cũng đều là một kiếp sống trong vòng luân hồi. Nhưng vì có nhiều người sẽ không tin, nên chúng ta có thể xem xét việc này từ một góc độ khác. Khoa học đã chứng minh rằng khi lo lắng, buồn rầu, sợ hãi, thì thân thể sẽ tiết ra những chất độc khiến ta căng thẳng, mất ngủ, khó tiêu, nếu nặng hơn thì nhức đầu, chóng mặt, khó thở. Loài vật cũng như thế, dù nuôi bằng tự nhiên hay thức ăn tăng trọng thì khi con vật bị bắt giết mổ, chúng cũng sợ hãi, tiết ra trong cơ thể chúng những độc tố của sự sợ hãi, giận dữ. Nếu chúng ta ăn vào, tiêu thụ những năng lượng xấu, độc hại này thì cơ thể chúng ta chắc chắn sẽ tích tụ

những năng lượng rất xấu đó và theo thời gian, bệnh tật và các di chứng khác sẽ xuất hiện. Đó là chuyện tất yếu theo khoa học, chưa nói đến các khía cạnh nghiệp quả liên quan đến sát sinh.

Ông Kris nhìn mọi người rồi thong thả nói tiếp:

- Chúng ta vừa nói về Karma và sự liên hệ giữa nhân và quả, ông bà hãy tự nghĩ xem, khi chúng ta giết súc vật, chúng sợ hãi, đau đớn, kêu la, than khóc và sinh lòng oán hận. Tư tưởng oán hận gửi lên vũ trụ này chính là nhân mà sau này chúng ta sẽ phải trả quả. Khi chúng ta đã tạo oán nghiệp thì trước sau cũng phải trả, không bằng cách này cũng bằng cách khác, không ở hình thể này cũng ở hình thể khác, như vi trùng hay vi-rút chẳng hạn. Do đó, ân oán cứ kéo dài liên miên, gây nợ, trả nợ, đòi nợ, rồi lại gây nợ, chẳng chấm dứt được. Hiện nay, mọi quốc gia đều đua nhau phát triển công nghiệp với vô số nhà máy, xí nghiệp mọc lên. Những nhà máy, xí nghiệp này thải nhiều chất ô nhiễm vào không khí hay xuống sông ngòi, ao rạch, vì vậy nước uống và không khí ngày nay đa số đều bị ô nhiễm, có chứa độc tố. Cá sống trong nước có độc cũng nhiễm độc. Thêm nữa, chúng ta dùng nước có độc này để nấu ăn thì độc tố sẽ gia tăng. Khi tiêu thụ những chất độc này, cơ thể của chúng ta sẽ phải chống lại chúng. Khi còn trẻ, cơ thể chúng ta khỏe mạnh, có sức đề kháng tốt, thì chúng ta có thể chưa gặp vấn đề sức khỏe gì, nhưng số độc tố này sẽ tích tụ chờ khi cơ thể suy yếu là bắt đầu phát tán. Kết quả khi bước vào tuổi trung niên, nhiều người bắt đầu gặp đủ thứ bệnh, nhưng lúc đó đã quá trễ rồi.

Ông Kris nhìn quanh bàn ăn rồi nói tiếp:

- Có bao giờ các bạn tự hỏi tại sao các quốc gia văn minh, tân tiến vẫn có tỷ lệ tử vong vì bệnh tật rất cao? Tại sao trình độ y học đã lên đến đỉnh cao như hiện nay mà các bệnh như mập phì, đau tim, cao huyết áp, ung thư, tiểu đường, chẳng những không giảm bớt mà còn gia tăng mãnh liệt? Phải chăng nguyên nhân bắt nguồn từ việc ăn uống?

Brian lên tiếng:

- Nếu không ăn thịt cá thì nên ăn gì? Phải chăng ông khuyến khích mọi người ăn chay?

Ông Kris lắc đầu:

- Tôi chỉ đưa ra một số dữ kiện để giúp các bạn giữ gìn sức khỏe thôi. Vấn đề ăn uống ra sao tùy các bạn quyết định.

Từ trước đến nay, con người vẫn được dạy rằng sức khỏe gắn liền với dinh dưỡng. Tuy nhiên, có nhiều lời khuyên không rõ ràng về một chế độ dinh dưỡng tốt. Đa số được dạy là phải ăn đầy đủ chất bổ, nhưng thế nào là chất bổ? Có cả trăm lời khuyên khác nhau về vấn đề này, nhưng phần lớn đều bị ảnh hưởng bởi quảng cáo của các nhóm lợi ích thuộc ngành công nghiệp chăn nuôi, thực phẩm. Những lời khuyên này hướng chúng ta đến việc phải ăn thịt cá thì mới đủ dưỡng chất. Tuy chúng ta biết phần lớn bệnh tật đều ít nhiều liên quan đến chế độ ăn uống, nhưng không mấy ai thật sự hiểu việc đó diễn ra như thế nào. có nhiều nguyên nhân nhưng hôm nay tôi chỉ nói về một nguyên nhân thôi. Khoa học đã chứng minh rằng trong dạ dày và ruột của con người có khoảng 100 tỷ vi sinh vật (*Microbiome*). Một số vi sinh vật được coi là "tốt” vì chúng giúp cho sự tiêu hóa và tăng cường hệ thống miễn dịch. Một số vi sinh vật được coi là "xấu" vì chúng có thể gây bệnh tật. Ví dụ, những vi trùng xấu chui khỏi màng ruột qua hội chứng rò rỉ ruột (*Leaky Gut Symptoms*), đi thẳng vào máu, đến các cơ quan trong cơ thể và gây ra bệnh. Nếu chúng theo máu lên não thì có thể gây ra bệnh trầm cảm, lo lắng thái quá hay tự kỷ. Nếu chúng ảnh hưởng lên thần kinh thì có thể gây bệnh Parkinson. Nếu chúng phá hoại màng dạ dày thì có thể gây ra bệnh béo phì. Nếu chúng đi đến khớp xương có thể gây ra bệnh viêm khớp. Nếu chúng đi vào da thịt thì có thể gây các chứng mụn nhọt ngoài da, nổi mề đay, ngứa. Đây chỉ là các bệnh thông thường mà nguyên nhân bắt nguồn từ việc ăn uống. Các bạn có thể tìm hiểu thêm về các loại vi sinh vật sống trong dạ dày và ruột này. Khoa học chứng minh được rằng hầu hết các loại men vi sinh có lợi (*Probiotics*) đều tiêu thụ các loại rau củ, trái cây rồi tiết ra các chất giúp chúng ta tiêu hóa dễ dàng, chống lão hóa, tái lập sự cân bằng trong cơ thể. Trong khi đó, phần lớn các vi trùng xấu đều tiêu thụ các chất dầu mỡ, thịt cá, đường và trứng. Do đó, tùy thức ăn mà chúng ta tiêu thụ, chúng ta sẽ nuôi dưỡng các loại vi sinh vật tốt hay xấu trong người. Nếu có nhiều vi sinh vật có lợi trong ruột thì chúng ta sẽ mạnh khỏe, nếu có nhiều loại vi sinh vật gây hại thì chúng ta dễ mắc bệnh. Nếu các bạn bỏ bớt các thức ăn như đường, dầu mỡ, thịt, cá, các bạn sẽ "bỏ đói" các vi sinh vật gây hại này, khiến cho chúng không có gì ăn và số lượng sẽ giảm đi rất nhiều, rồi các bạn sẽ thấy thân thể nhẹ nhàng, thoải mái hơn xưa. Nếu các bạn tiêu thụ nhiều rau củ, trái cây, "tiếp sức” cho các vi sinh vật có lợi tăng trưởng thì các bạn có thể tránh được nhiều thứ bệnh. Việc này đơn giản, ai cũng có thể làm được. Nếu không tin, các bạn hãy thử áp dụng phương pháp dinh dưỡng chỉ ăn rau củ và trái cây này trong vài ngày hay một tuần, xem cơ thể phản ứng ra sao.

Ông Kris nhìn mọi người một lượt rồi thong thả kết luận:

Tri thức hiện nay là hướng ngoại, là sự suy luận, phân tích, tính toán và phân biệt. Tuy nhiên tâm thức con người không phải chỉ là tri thức mà còn có phần khác, ta tạm gọi là tâm linh. Tâm linh là yếu tố sáng suốt, thanh khiết, mỹ lệ, là phạm trù của tình thương yêu và sáng tạo vượt ra khỏi điều kiện giới hạn của thời gian và không gian. Người ta chỉ có thể nhận diện và phát triển được tâm linh khi tâm thức hướng ngoại được xoay chiều, quay vào bên trong.

- Các bạn được tự do lựa chọn thức ăn chứ không ai bắt buộc được các bạn phải ăn gì, nhưng hiểu biết về dinh dưỡng đối với sức khỏe con người là nền tảng cần thiết. Tương tự, khi các bạn hiểu biết rõ các định luật vũ trụ như luật Nhân quả và luật Luân hồi chi phối chúng ta như thế nào thì các bạn sẽ hành động với cái tầm từ bi và giảm bớt những cái nhân xấu. Tinh hoa của Karma Yoga là hành động qua sự hiểu biết chứ không phải chỉ tập luyện những tư thế (Asana) mà thôi. Dĩ nhiên, các tư thế Yoga giúp việc điều hòa sinh lực (Prana) trong cơ thể, giúp sự lưu chuyển hữu hiệu hơn. Nếu biết hít thở đều và sâu thì sẽ gia tăng hiệu quả và cơ thể được khỏe mạnh. Đó là phần nhập môn điều thân và điều khí. Nhưng sẽ là sự thiếu sót lớn nếu không nói đến việc dinh dưỡng đúng cách, vừa đủ, giảm bớt sát nghiệp; và giữ gìn tư tưởng, lời nói, hành động làm sao để không gây ra những kết quả xấu. Hôm nay, tôi chỉ rõ cho các bạn về một số tinh hoa của Karma Yoga để mong các bạn có thể chủ động thay đổi chứ không để mặc cho số mệnh định đoạt.

***

Thomas cho biết các nhân viên và cộng sự của ông hiện nay đều chuyển qua chế độ ăn uống nhiều rau quả, ít thịt cá. Riêng ông và Angie đã ăn chay trường từ nhiều năm nay. Ông cho biết Martha, vợ của Brian bị ung thư vú, đã chữa trị bằng phương pháp hóa học trị liệu, nhưng bác sĩ nói rằng ung thư đã đến giai đoạn thứ ba nên chỉ có thể sống khoảng vài tháng nữa thôi. Năm đó, nhờ sự khuyên bảo của ông Kris qua phương pháp tập Yoga, thay đổi chế độ dinh dưỡng, kiêng các chất như đường, thịt cá, dầu mỡ, sử dụng nước trái cây, ăn rau củ để loại bỏ độc tố trong cơ thể, đồng thời học cách suy ngẫm và chấp nhận mọi sự, không lo lắng buồn phiền, nên đến giữa năm 2020, Martha vẫn khỏe mạnh, bệnh ung thư không còn phát triển nữa. Các xét nghiệm ung thư ở bệnh viện của Martha sau đó khiến các bác sĩ cũng phải ngạc nhiên, bất ngờ.

Thomas cho biết trường hợp đặc biệt của Martha đã khích lệ nhiều người khác quan tâm, chú ý nhiều hơn đến chế độ dinh dưỡng, ăn uống. Người phương Đông có câu “*bệnh cũng từ miệng mà vào - họa cũng từ miệng ra*” cũng có độ đúng đắn, xác thực rất cao.

Phần năm

ASSYRIA: DẤU CHÂN TIỀN KIẾP

Tôi đang chăm chú ngồi đọc sách thì Angie hớn hở bước vào:

- Anh ơi, em vừa làm quen được với một người nổi tiếng ở gần đây. Anh có biết là ai không?

Tôi đặt cuốn sách xuống, lắc đầu. Angie vui vẻ kể:

- Hôm nay, em xuống thị trấn mua thực phẩm. Lúc ra về, em thấy một người phụ nữ lớn tuổi khệ nệ mang những túi đồ ra xe. Bà ấy có vẻ xoay xở khó khăn khi mở cửa xe nên em chạy đến giúp. Khi trò chuyện với bà thì em mới biết bà là một ngôi sao điện ảnh nổi tiếng từ thập niên 1950. Anh thử đoán xem người em vừa gặp là ai?

Chúng tôi đang ở ngôi nhà nghỉ dưỡng ở Colorado và Angie đôi ba ngày phải xuống núi để bổ sung thực phẩm và vật dụng cần thiết, có vẻ hôm nay cô ấy đã có một chuyến đi thú vị. Tôi không biết gì về các ngôi sao điện ảnh nên lại lắc đầu. Angie hào hứng nói tiếp:

- Bà ấy chính là Ginger T, một người đẹp đã làm rung động biết bao con tim khán giả vào thời của bà. Tuy giờ bà đã gần chín mươi, nhưng bà vẫn còn đẹp lắm.

Tôi không nhớ mình đã xem phim gì của người diễn viên này vì cái tên đó không gợi lên cho tôi một ấn tượng nào. Angie ngồi xuống, vui vẻ nói:

- Bà Ginger cũng ở gần đây. Sau khi nói chuyện mới biết chúng ta với bà là hàng xóm. Biết mình mới dọn đến đây nên bà có ý mời chúng ta đến nhà chơi. Anh nghĩ sao?

Angie là người quảng giao, gặp ai cũng dễ nói chuyện làm quen nên tôi không lạ gì về những việc như thế này. Tôi gật đầu qua loa vì còn mải mê với cuốn sách đang đọc. Đến hôm sau, Angie quả thật đã nhận được điện thoại của bà Ginger,

bà mời chúng tôi đến nhà chơi, vậy là chúng tôi đồng ý đến thăm.

Nơi bà Ginger ở là một biệt thự rộng lớn nằm sâu trong một khu vườn trồng rất nhiều hoa, đủ màu đủ sắc. Xe vừa ngừng trước cửa, tôi đã thấy một bà lão tóc bạch kim bước ra đón. Mặc dù đã lớn tuổi nhưng bà vẫn còn phảng phất những nét quyến rũ của thời son trẻ. Vừa nhìn thấy bà, tôi đã có cảm tưởng như từng gặp người này ở đâu rồi. Bà Ginger vui vẻ mời chúng tôi vào căn phòng khách sang trọng, nơi được trang hoàng với rất nhiều ảnh của các tài tử điện ảnh nổi tiếng một thời. Trong lúc bà Ginger và Angie nói chuyện, tôi ngồi im lặng, cố lục lại trí nhớ xem đã gặp người này ở đâu nhưng rốt cuộc vẫn không nhớ được. Tôi nghe Angie hỏi:

- Bà sống ở đây với ai?

Bà Ginger trả lời:

- Tôi sống một mình. Ban ngày có người giúp việc đến giúp đỡ tôi, nhưng ban đêm thì tôi ở một mình. Tôi còn khỏe, chưa cần người phụ việc ở cùng qua đêm.

Sau câu chuyện xã giao, bà Ginger đưa chúng tôi đi quanh phòng, giới thiệu những bức ảnh của bà chụp cùng các diễn viên nổi tiếng của Hollywood. Bà kể cho chúng tôi về những bộ phim bà đóng, rồi đưa chúng tôi đi quanh nhà, nhìn ngắm những căn phòng bày biện sang trọng, đẹp đẽ. Căn nhà rất lớn, lại nhiều phòng, mỗi phòng đều được trang trí theo lối vừa sang trọng vừa thanh lịch. Bà Ginger còn đưa chúng tôi đi xem bộ sưu tập quần áo của bà.

Đó là một căn phòng lớn với hàng chục tủ kệ tinh xảo trưng bày những bộ quần áo thời trang từng xuất hiện trong các bộ phim nổi tiếng của bà. Có nhiều bộ chắc hẳn trị giá hàng chục ngàn đô-la nếu đem đấu giá. Hàng trăm đôi giày, mũ, kính, phụ kiện, trang sức đủ kiểu, đủ màu, được sắp đặt thứ tự trên những dãy kệ bằng kính. Angie vừa tham quan vừa khen cách bài trí nghệ thuật của gian phòng, hai người trò chuyện rất tương đắc. Khi ra về, bà ân cần mời chúng tôi mỗi khi đến đây thì ghé qua thăm bà cho vui.

Buổi tối hôm đó, khi tôi đang tiếp tục đọc cuốn sách của mình thì Angie hỏi:

- Anh nghĩ sao về bà Ginger?

Tôi lắc đầu, không bày tỏ ý kiến gì. Thật ra, tôi không có thói quen để tâm nhiều

đến những chuyện xã giao như thế này. Nhưng Angie thì nói với vẻ đầy ưu tư:

- Em thấy bà ấy thật đáng thương. Phải sống lẻ loi một mình trong căn nhà rộng lớn với bao kỷ niệm huy hoàng của thời quá khứ. Chắc anh không để ý đến câu chuyện em và bà Ginger trao đổi với nhau. Bà đã có ba đời chồng, toàn là triệu phú, nhưng không có con. Bà được thừa hưởng gia tài lớn của người chồng thứ ba để lại nhưng hiện nay bà sống cô đơn, không họ hàng, không bạn bè, không ai thăm hỏi.

Tôi gật đầu nhưng không góp chuyện vì còn mải mê với cuốn sách đang đọc đến đoạn gay cấn. Hôm sau, tôi ghé thăm ông Kris để hỏi ông vài điều thắc mắc khi áp dụng phương pháp tu tập tĩnh tâm mà ông hướng dẫn. Trong cuộc trò chuyện, tôi vô tình kể về cuộc gặp gỡ với bà Ginger.

Ông Kris mỉm cười:

- Tôi biết bà Ginger, bà ấy ở gần đây. Còn ông, ông cảm thấy thế nào khi gặp bà ấy?

Tôi lắc đầu:

- Tôi cảm thấy bà ấy khá quen mặt, cứ ngờ ngợ hình như đã gặp bà ở đâu rồi, nhưng không nhớ được là đã gặp ở đâu. Tôi cũng không nhớ đã xem phim nào của bà ấy. Thật ra tôi không để ý đến phim ảnh.

- Biết đâu ông chưa gặp bà Ginger trong kiếp này, nhưng đã gặp ở kiếp trước thì sao?

Tôi bật cười vì nghĩ ông nói đùa, nhưng nhìn vẻ nghiêm túc trên gương mặt ông tôi bắt đầu bối rối. Tôi hồi:

- Ông nói gì? Tôi và bà Ginger đã quen biết từ trước sao?

Ông Kris thong thả nói:

- Nếu tập trung tư tưởng, ông có thể nhớ lại việc này. Đáng lẽ ra ông phải tự mình khám phá những liên hệ cá nhân của ông để hiểu rõ về luật Nhân quả, Luân hồi.

Tôi ngạc nhiên, hỏi tới:

- Khi tôi gặp bà Ginger, quả thật có cảm giác quen thuộc, nhưng có thật là có liên hệ từ kiếp trước không? Việc này là thế nào?

Ông Kris dùng giọng nghiêm túc trả lời:

- Ông nên biết rằng không phải do tình cờ mà mọi người gặp nhau đâu. Tất cả sự gặp gỡ trong đời của chúng ta đều do nhân duyên được thu xếp từ trước qua luật Nhân quả. Mỗi nhân duyên gặp gỡ ai đó đều chứa những bài học mà con người cần phải học, vì người ta gặp nhau là để học hỏi lẫn nhau. Có khi là bài học về hạnh phúc, có khi là bài học về sự đau khổ. Có khi gặp nhau để trả nợ, có khi gặp nhau để nối lại duyên xưa. Qua những bài học này, con người sẽ học những bài học cần thiết cho mình, biết đâu là điều cần làm để thay đổi, để chuyển hóa, để phát triển lên mức độ hiểu biết cao hơn.

Ông Kris tiếp tục:

- Vì bài học cho nhân loại quá lớn, không ai có thể học hết được trong một đời, nên con người phải trải qua nhiều kiếp sống, đến nhiều quốc gia, trở thành người thuộc nhiều chủng tộc và sống trong nhiều nền văn hóa khác nhau, để học dần dần bài học lớn này. Có khi họ học một mình, có khi học chung với nhiều người, có lúc gặp người thiện chí, có tri thức giúp họ tiến bước, có lúc lại gặp người gây phiền toái, cản trở. Có những người vừa gặp đã thích nhau nhưng có người vừa thấy nhau đã nảy sinh ác cảm. Tất cả những người chúng ta gặp gỡ trong đời đều do những liên hệ nhân quả từ trước, ông nghĩ xem, ông giao thiệp với nhiều người, tại sao có người mới gặp lần đầu, ông đã có thiện cảm mà có người dù gặp nhiều lần ông vẫn dửng dưng?

Tôi bật cười, trả lời:

- Nói chi đến người, ngay cả đồ vật cũng thế. Có thứ tôi vừa nhìn thấy đã thích, có thứ tôi chẳng bao giờ để ý đến.

Ông Kris mỉm cười chỉ lên bức tranh cổ trên tường:

- Có phải lần đầu đến đây ông đã bị thu hút bởi bức tranh kia không? Còn cây gậy ngọc nữa? Đó là bởi chúng nhắc cho ông về một mối liên hệ từ thời xa xưa.

Tôi gật đầu:

- Đồ vật vô tri thật sự có thể có liên hệ với con người, thật kỳ diệu làm sao.

Ông Kris gật gù, nói thêm:

- Một số đồ vật chứa năng lượng từ điện (Magnetic Energy) có thể nhắc nhở đến những liên hệ có từ xa xưa. Thí dụ như cây gậy ngọc đã có liên hệ với ông qua nhiều thế kỷ. Kim thạch là vật ít thay đổi, tăng trưởng chậm, nên giữ được năng lượng rất lâu. Khi đeo đồ trang sức trên người, mọi người đều truyền năng lượng từ điện của mình vào vật đó một cách vô thức. Người nhiều tình cảm khi đeo vật gì cũng sẽ truyền năng lượng tình cảm vào vật đó. Nếu vật đó lọt vào tay người khác thì nó có thể ảnh hưởng đến tình cảm của người kia. Đây cũng là nguyên lý được các phù thủy sử dụng, họ dùng bùa chú bằng cách truyền năng lượng từ điện của họ vào một vật để giúp người hay hại người. Cũng chính nguyên nhân này mà những kẻ đào mồ trộm mả, mua bán đồ cổ, hay người thích đeo trang sức cổ thường gặp hung kiết bất ngờ.

- Khi một người có mối quan hệ tiền kiếp xuất hiện trong đời chúng ta thi thường là dấu hiệu báo trước một vài ân nợ nào đó trong vòng nhân quả đã đến lúc cần giải quyết. Dĩ nhiên, không mấy ai nhận biết được khi việc này xảy đến. Nhưng xét ra, nếu để ý thì ông sẽ thấy cuộc đời có những dấu hiệu chỉ dẫn cho những việc này, để những người có đủ hiểu biết có thể nhận thức và học hỏi. Bình thường khi gặp người đến trả nợ, ai cũng vui mừng đón nhận, nghĩ rằng mình may mắn gặp quý nhân giúp đỡ. Tuy nhiên, khi gặp người đến đòi nợ, hầu như ai cũng bất mãn, trách móc, quy lỗi cho người này người nọ thay vì chấp nhận để học bài học đó.

Tôi thắc mắc:

- Nếu vậy thì tôi và bà Ginger có liên hệ gì với nhau?

Ông Kris im lặng suy nghĩ một lúc rồi gật đầu:

- Như tôi có nói, đáng lẽ ra ông phải tự mình khám phá những liên hệ cá nhân của ông để hiểu về luật Nhân quả và Luân hồi. Nhưng thôi được, để tôi giúp ông thêm lần này.

Cũng như lần trước, tôi ngồi yên một lúc cho đến khi ông Kris nói nhỏ vào tai tôi

một câu với ngôn ngữ lạ lùng, khiến tôi thiếp đi.

***

Tôi thấy minh đang nằm trong một căn lều vải với tâm trạng bực bội. Tôi cố gắng định tâm và biết rằng mình đang ở trong sự hồi tưởng về một kiếp sống đã qua. Tuy nhiên, tôi bất ngờ nhận ra ở kiếp sống này tôi không phải là nam nữa mà đang ở trong tấm thân nữ giới.

Những hình ảnh dần dần hiện ra mỗi lúc một rõ rệt khi tiềm thức của tôi hoạt động, đưa tôi trở lại kiếp sống đó và tôi nhận ra mình đang bực bội vì vừa có một trận cãi vã lớn với gia đình. Tôi tên là Seriram, là con thứ ba trong một gia đình người Assyria sông du mục trên sa mạc. Tôi có người chị lớn tên là Shamuram và người anh tên là Nimurta. Cha tôi là tù trưởng của một bộ lạc sống quanh các ốc đảo nằm giữa trục lộ giao thông của Ashur và Babylon. Đây là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa quan trọng giữa các bộ lạc trong sa mạc. Các đoàn thương buôn đi từ Ashur đến Babylon đều phải ghé ngang các ốc đảo nghỉ ngơi. Do đó, đây là nơi các bộ lạc quanh vùng và các đoàn thương buôn trao đổi hàng hóa, tài vật với nhau, và trong các cuộc giao thương này, họ phải chia cho bộ lạc của cha tôi một phần để được bảo đảm sự công bằng và an ninh khi đổi chác.

Ba chị em chúng tôi tuy là ruột thịt nhưng tính tình không giống nhau. Chị Shamuram xinh đẹp, được cha tôi thương yêu nhất trong các con. Anh Nimurta không thích tập luyện võ nghệ hay săn bắn như các trai tráng khác trong bộ lạc mà chỉ thích âm nhạc. Tôi là đứa con nhỏ nhất trong nhà nhưng giống cha tôi ở chỗ luôn biết lo toan, tính toán cẩn thận cho gia đình.

Mặc dù sống trong sa mạc nhưng cha tôi cũng mời thầy về dạy dỗ cho chúng tôi. Chị Shamuram không bao giờ chú ý đến việc học hành mà chỉ quan tâm đến việc làm đẹp. Chị thích trang điểm, chị thích quần là áo lụa. Anh Nimurta thích học nhạc hơn học chữ và không có điều gì có thể hấp dẫn anh ấy hơn việc chơi đàn. Phần tôi thì ngược lại, tôi học xuất sắc mọi môn, khiến các thầy giáo phải kinh ngạc, cha tôi hãnh diện về điều này nhưng mẹ tôi thì không hài lòng, vì bà quan niệm phụ nữ không cần học nhiều như thế.

Khi lớn lên, chúng tôi thường theo cha tôi kiểm soát hàng hóa của các đoàn buôn lữ hành ghé qua ốc đảo để buôn bán, đổi chác. Chị Shamuram không bao giờ để ý thứ gì ngoài vải vóc, phấn son, nữ trang. Nhiều lần cha tôi phải trách khéo chị về sự cẩu thả khi đếm số gia súc được dùng đổi lấy hiện vật. Anh Nimurta

kiểm soát kỹ lưỡng nhưng có nhược điểm là thường bị lợi dụng. Anh không thể cầm lòng trước những phụ nữ xinh đẹp tháp tùng theo các đoàn thương buôn nên cứ khiến công việc bê trễ.

Tôi thì khác, chỉ cần nhìn qua món hàng tôi biết ngay được giá trị của chúng. Khi đưa con số để trao đổi, không ai có thể qua mặt tôi. Khi tôi đề nghị giá cả thì đến các lái buôn thiện nghệ cũng phải khâm phục.

Khi tôi kiểm soát hàng hóa, những lái buôn gian xảo không dám giở trò. Cha tôi nói, tuy nhỏ tuổi nhưng tôi đã khôn ngoan sắc sảo nên được mọi người tôn trọng.

Hàng năm, cha tôi đều có những chuyên đi xa để lo liệu công việc của bộ lạc. Mỗi chuyến thường kéo dài cả tháng, khi đó ba chị em tôi phải thay phiên nhau kiểm soát mọi việc buôn bán, trao đổi hàng hóa của những đoàn thương buôn. Đây là lúc mà sự đụng chạm, cãi vã giữa chúng tôi xảy ra nhiều nhất.

Khi cha tôi trở về, tôi thường báo cáo những điểm không chính xác trong con số thu nhập cũng như sự vô trách nhiệm của chị và anh tôi. Chị Shamuram không để ý đến lời buộc tội của tôi. Bởi dù có lỗi gì, cha tôi cũng không bao giờ nặng lời với đứa con ông yêu thương nhất. Anh Nimurta khó chịu khi bị bắt quả tang đã sửa đổi con số của những gia súc được dùng trao đổi để làm vui lòng những phụ nữ mà anh qua lại, nhưng chỉ cần mẹ tôi nói vài câu với cha tôi thì mọi việc cũng được giải quyết ổn thỏa. Riêng phần tôi, tôi không thể chịu nổi kiểu làm việc cẩu thả, vô trách nhiệm, không chính xác này.

Hôm đó tôi đã phản đối kịch liệt với cha mẹ tôi và cuộc cãi vã đi đến hồi quyết liệt. Mẹ tôi giận dữ nói với cha tôi:

- Lúc nào nó cũng cho rằng nó đúng và người khác sai. Nó chỉ thích gây gổ với mọi người, có lẽ ông phải tống cổ nó ra khỏi đây thì mọi việc mới yên được.

Tôi hầm hầm bỏ về lều, lòng ngập tràn phẫn hận. Đang bực bội không cách gì người được thì tôi thấy cha bước vào. Ông nói:

- Tại sao con cứ phải cố tìm thấy lỗi của người khác như thế? Việc thu nhập từ sự đổi chác này, nhiều hay ít, lời hay lỗ, cha không quan tâm đâu. Cha không muốn thấy gia đình ta xáo trộn, bất hòa như thế.

Tôi tức giận, nói lớn:

- Cha ơi, chúng ta làm bất cứ việc thì cũng phải rõ ràng, chính xác chứ. Như vậy có gì không đúng? Tại sao những người khác không thể làm được như thế?

Cha tôi thở dài:

- Không phải chị con, anh con không làm được đâu, nhưng mỗi người đều có sở thích riêng, bắt chúng làm việc chúng không thích thì khó có kết quả được. Cha biết con làm việc minh bạch, chính xác và có lúc cha còn muốn con sẽ thay cha trông nom công việc tại đây. Tiếc rằng là phụ nữ, con không làm tù trưởng được.

Tôi khó chịu:

- Tại sao phụ nữ không làm tù trưởng được?

Cha tôi mỉm cười, ôn tồn nói:

- Đó là truyền thông đã có từ ngàn xưa. Phụ nữ không thể làm tù trưởng được vì mọi người sẽ không chịu tuân phục rồi đưa đến những xáo trộn, bất hòa vô ích. Truyền thống đã ghi rõ: người nam có nhiệm vụ của người nam, người nữ có nhiệm vụ của người nữ. Mỗi người có nhiệm vụ riêng, không giống nhau, đó là sự khác biệt giữa nam và nữ.

Tôi tức giận cãi lại:

- Nhưng cha ơi, đó là truyền thông cổ hủ. Cha thấy đó, có những người nam như anh Nimurta, không chịu săn bắn như những trai tráng khác mà chỉ thích âm nhạc để quyến rũ phụ nữ. vậy thì truyền thống có ý nghĩa gì?

Cha tôi lắc đầu:

- Tại sao con cứ phải so sánh như thế? Mỗi người có sở thích riêng, không ai giống ai, vậy nên con đừng phê bình, trách móc làm gì, đó là việc vô ích. Con không thay đổi được ai, cũng như chẳng ai có thể thay đổi được con. Con không sống theo cách của người khác và cũng không bắt người khác sống theo cách của con được. Do đó, cha không muốn con cứ tức giận với mọi người như vậy. Tại sao con không thể sống thoải mái chứ?

Tôi cười lớn:

- Tại vì con giỏi hơn họ. Con có thể làm những việc mà không mấy ai làm được. Cha hãy nhìn xem, quanh sa mạc này có kẻ nào không phục con? Những người buôn bán giỏi nhất đến đây cũng phải e dè với con.

Cha tôi nghiêm giọng:

- Đúng thế, con là người thông minh nhất trong các con của cha. Nhưng chính sự thông minh ấy đã khiến con trở nên kiêu căng, tự phụ. Con cần phải học tính khiêm tốn, vì kiêu căng là điều rất nguy hiểm. Nếu con luôn nghĩ mình đúng, người khác sai thì lúc nào con cũng chỉ nhìn thấy lỗi của người khác chứ không bao giờ thấy lỗi của mình. Đó là một thói xấu, không dễ gì thay đổi, nhưng con ơi, nếu con cứ mãi khư khư rằng mình luôn đúng thì rồi con sẽ đau khổ. Từ nhỏ đến lớn con chỉ sống nơi đây nên không biết đến thế giới bên ngoài, con chưa mở rộng tầm mắt để nhìn thấy những việc không như ý xảy ra trong cuộc sống.

Tôi vẫn cương quyết:

- Dù xảy ra việc gì đi nữa thì con cũng có thể đối phó được. Trước giờ con chưa từng sợ hãi bất cứ thứ gì.

Cha tôi khẽ lắc đầu, cảm thán:

- Được lắm... Rồi con sẽ biết thôi. Con còn phải học nhiều. Không học ở đây thì phải học ở nơi khác.

Tôi ngạc nhiên:

- Cha nói vậy là sao? Con còn phải học gì nữa chứ? Học ở đâu nữa?

Cha tôi thong thả tuyên bố:

- Lần này cha đi Ashur về có mời gia đình một người bạn đến đây. Gia đình này muốn kết thông gia với chúng ta. Cha sẽ chấp thuận cho con hoặc Shamuram làm dâu gia đình này.

Đúng như cha tôi nói, vài hôm sau gia đình Nacharuchem đã đến đây.

Trước giờ chúng tôi không lạ gì với những đoàn thương buôn số lượng trên dưới

khoảng năm chục người, mang theo hàng hóa đến đổi chác, nhưng đoàn người của gia đình này lại kéo đến hơn hai trăm người cùng lừa ngựa, lạc đà chuyên chở rất nhiều vật dụng.

Một buổi tiệc chào mừng được tổ chức tưng bừng, kéo dài nhiều ngày với rất nhiều trò vui do những nhạc sĩ, vũ công từ Babylon tháp tùng đến để giúp vui. Chưa bao giờ bộ lạc chúng tôi được chứng kiến bữa tiệc long trọng như thế.

Ngay từ đầu, Shamuram đã chuẩn bị nữ trang và trang phục để thay đổi liên tục khi dự tiệc. Các vò rượu lớn được mang ra, đầu bếp thì bận rộn chuẩn bị món ăn, mùi thịt nướng tỏa ra khắp nơi. Giữa sân là đống lửa lớn với các vũ công thay phiên nhau múa hát trong tiếng nhạc dập dìu.

Mẹ tôi muốn tôi thay y phục đẹp nhất nhưng tôi nhất quyết chỉ mặc y phục bình thường và cũng không đeo nữ trang, bất chấp lời đe dọa của mẹ. Chúng tôi được lệnh phải ngồi sau cha tôi để cho gia đình Nacharuchem xem mắt, nhưng tôi không để ý đến ai. Tôi thấy trong đám khách ấy người nào cũng giống người nào, không biết ai sẽ là chồng tương lai của chúng tôi.

Chiều hôm sau, cuộc bàn thảo, thương lượng giữa hai gia đình kết thúc, cha tôi gọi tất cả các con vào trong lều để nói chuyện, ông tuyên bố:

- Lần này, ta bất ngờ săn được "hai con sư tử" một lúc. Gia đình Nacharuchem ngỏ ý muôn chọn Shamuram cho Neveni, đứa con trai của họ và xin được cử hành hôn lễ ngay.

Trong lúc chị Shamuram reo lên sung sướng thì cha đưa mắt nhìn tôi và nói tiếp:

- Tuy nhiên, đến cùng với gia đình Nacharuchem còn có một gia đình là bạn của họ. Họ có con trai và xin cưới Seriram. Do đó chúng ta có thể sẽ cử hành hai hôn lễ cùng một lúc.

Mẹ tôi lo lắng:

- Hai đám cưới cùng lúc thì lấy đâu ra hồi môn?

Theo phong tục ở chỗ chúng tôi thì gia đình nhà gái phải bỏ ra một sổ tiền lớn cùng nhiều vật dụng, gia súc để làm hồi môn khi gả con gái.

Cha tôi bật cười, xoa xoa hai tay vào nhau:

- Ta đã thương lượng xong rồi. Hồi môn cho Shamuram phải xứng đáng vì nhà Nacharuchem là gia đình giàu có, có tiếng tăm ở Ashur nên chúng ta không thể bị mất mặt được. Tuy nhiên, gia đình Nabu thì không giàu có gì nên họ cũng không đòi hồi nhiều.

Trong lúc chị Shamuram sung sướng chạy về lều để chuẩn bị y phục và nữ trang cho hôn lễ thì tôi thể hiện sự bất mãn với cha:

- Nếu gia đình Nabu không tương xứng thì tại sao cha gả con cho họ? Cha tôi chưa kịp nói gì thì mẹ tôi đã lên tiếng:

- Mày hung hăng như con trai thì có người lấy đã may rồi. Đi lấy chồng cũng tốt, cứ ở nhà làm loạn cái nhà này mãi sao?

Một lần nữa, hai mẹ con chúng tôi lại to tiếng cãi vã nhưng lần này mẹ tôi chỉ nói vài câu rồi bỏ qua lều của chị Shamuram. Còn lại tôi và cha, cha ôn tồn nói:

- Dù sao năm này con cũng đã mười sáu tuổi rồi, đã đến lúc phải lập gia đình. Có như thế cha mẹ mới yên lòng. Đời sống ở sa mạc đầy bất trắc, hiểm nguy, sống tại Ashur an toàn và bảo đảm hơn.

Tôi vô cùng bất mãn nhưng không nói được gì, vì truyền thống của chúng tôi là tất cả mọi việc lớn nhỏ của con cái, kể cả hôn nhân, đều được quyết định bởi người chủ gia đình. Một khi cuộc thảo luận hôn nhân giữa hai gia đình đã xong, người làm thân con gái như tôi không có cơ hội chọn lựa. Tôi biết cha mẹ nào cũng muốn con gái họ lấy được người chồng vừa ý và sống hạnh phúc, nhưng sự lựa chọn của các bậc cha mẹ thường chỉ dựa vào sự môn đăng hộ đối, vào tài sản, vào sự quen biết hay tương xứng địa vi, chứ đâu biết gì về người con rể mà họ lựa chọn cho con gái mình.

Ở xã hội Assyria, người phụ nữ hầu như không có địa vị hay giá trị nào. Bởi phong tục trọng nam khinh nữ mà ngay từ khi vừa lọt lòng, đứa con gái đã làm cha mẹ nó không vui. Việc nuôi dưỡng con gái ngoài sa mạc không dễ dàng gì, luôn tiềm ẩn nhiều nguy hiểm. Chúng tôi luôn bị đe dọa bởi sự tranh chấp giữa các bộ lạc để kiểm soát các tuyến đường giao thương hay các ốc đảo có nguồn nước. Quanh vùng luôn có nhiều băng cướp sẵn sàng giết người, cướp của, bắt cóc phụ nữ để bán cho các chợ buôn nô lệ.

Một lý do khác mà không gia đình nào muốn có con gái là vì, theo tập tục hôn nhân, gia đình người con gái phải bỏ ra rất nhiều tiền bạc, của cải để làm của hồi môn khi con đi lấy chồng. Việc con gái đi lấy chồng gây tổn thất tài chính rất lớn, đôi khi có thể làm khánh kiệt tài sản gia đình. Ngoài ra, cũng theo tập tục ở đây, khi người con gái đã về nhà chồng thì không bao giờ có thể trở về nhà cha mẹ ruột được nữa. Nếu người con gái đã lấy chồng phạm lỗi gì thì cha mẹ ruột phải liên đới chịu trách nhiệm, do đó, không gia đình nào muốn nhận lại con gái sau khi đã phải trả món hồi môn lớn cho con lập gia đình.

Hôn lễ của chúng tôi được tổ chức hết sức linh đình, kéo dài suốt ba ngày ba đêm. Người trong bộ lạc chúng tôi chưa bao giờ trải qua những ngày vui như thế. Bao nhiêu vò rượu quý được cất giữ lâu năm đều được mang ra đãi khách, nhiều bảo vật quý giá cùng gia súc của bộ lạc đã được đem ra làm của hồi môn cho hai gia đình nhà trai. Toàn bộ khung cảnh hội hè này không khiến tôi mảy may động lòng. Hôn lễ của tôi nhưng tôi như người ngoài cuộc, bởi trong lòng tôi lúc đó chỉ có sự bất mãn và tức giận. Tôi mơ hồ dự cảm rằng những kỳ vọng về hôn nhân của tôi trước đây đang từng bước đổ vỡ.

Đến đêm cuối cùng của những ngày tiệc cưới, khi cuộc vui còn chưa kết thúc, tôi được đưa đi tắm rửa, thay bộ áo cưới truyền thống bằng lụa mềm mại. Những thị nữ theo hầu hào hứng nói với tôi rằng đây là loại lụa nổi tiếng nhất của xứ sở này, vì nó mềm mại đến mức được ví von là loại lụa dệt từ ánh trăng và người ta tin rằng ai mặc nó lên người thì sẽ có được may mắn và hạnh phúc. Tôi hờ hững nhìn bộ trang phục sặc sỡ đi cùng những món trang sức lấp lánh. Sự lạnh lẽo của lớp lụa phủ trên da thịt không khác gì cõi lòng tôi khi đó.

Tôi được đưa đến một căn lều kết hoa được trang trí lộng lẫy cho đêm tân hôn. Cả căn lều thoang thoảng mùi hương hoa hồng Damask danh tiếng vùng Lưỡng Hà, thứ mùi hương thanh khiết đó giờ chỉ khiến tôi có cảm giác ngột ngạt. Tôi ngồi xuống chiếc giường êm ái phủ đầy cánh hoa hồng, bên tai vẫn nghe rõ âm thanh tiệc tùng dội lại từ bên ngoài.

Tôi ngồi bất động trong những cảm xúc khó tả đó không biết bao lâu, cho đến khi một gã đàn ông say xỉn, đi đứng xiêu vẹo bước vào lều. Azhida là một gã đàn ông lực lưỡng, râu ria rậm rạp, khuôn mặt nổi bật với chiếc mũi khoằm hung tợn. Đến tận lúc này tôi mới nhìn rõ gương mặt người được chọn làm chồng mình. Azhida ra dấu cho tôi đến gần hắn, nhưng tôi không động đậy. Ánh mắt hắn ta săm soi khắp người tôi, không giấu giếm vẻ đắc ý, hắn cười đểu giả:

- Trông cũng được đấy. Ta đã nhìn thấy em ngồi sau cha em, tuy em không đẹp như Shamuram, nhưng nhìn kỹ thì cũng không quá tệ.

Tôi mỉa mai:

- Nếu thế tại sao ông không cầu hôn Shamuram đi?

Azhida bật cười:

- Làm sao ta tranh được với Neveni của gia tộc Nacharuchem giàu có. Thôi thì, ta thấy lấy em cũng tạm được!

Vừa dứt lời, hẳn lao đến định ôm chầm lấy tôi. Tôi hoảng hốt xoay người né tránh, nhưng hẳn đã chụp được vạt áo tôi và giật mạnh khiến tôi loạng choạng rồi ngã xuống đất. Tôi vùng vẫy để cố thoát khỏi hắn nhưng hắn đã đè chặt tôi xuống sàn. Tôi vừa la hét vừa cào cấu trong tuyệt vọng nhưng sức tôi không sao bì được với hẳn. Hắn bắt đầu hung hãn xé nát quần áo trên người tôi. Truyền thuyết may mắn và hạnh phúc do thứ lụa kia mang lại đã không ứng nghiệm với cuộc đời tôi. Tôi càng giãy giụa hắn càng ra sức áp chế và rồi hẳn bắt đầu ra tay đánh tôi. Sau cùng, tôi quá kiệt sức nên đành chịu trận. Tôi nguyền rủa hắn thậm tệ. Tôi không bao giờ nghĩ cuộc đời mình lại có lúc rơi vào cảnh phũ phàng như thế, lại còn ngay từ đêm tân hôn. Thân thể bầm dập, tôi ngồi dưới đất cả đêm, kinh tởm nhìn gã đàn ông vũ phu nay đã là chồng mình đang nằm ngủ ngon lành, lòng dấy lên một nỗi căm thù sâu sắc.

Hôm sau, chúng tôi từ giã gia đình để lên đường về nhà chồng ở Ashur. Tôi khoác tấm áo choàng dày, che kín cả người để mọi người không nhìn thấy cặp mắt sưng vù và thân thể đầy những vết bầm tím của mình. Tôi không muốn cha tôi trông thấy tình trạng tồi tệ này của tôi, bởi cha đã phải bỏ ra rất nhiều của cải cho cuộc hôn nhân này. Hơn nữa, nếu có biết, ngoài đau lòng ra ông cũng không thể làm gì được nữa. Trong khi chị Shamuram thay quần áo mới, vui vẻ cười nói chào từ biệt mọi người thì tôi ngồi thẫn thờ trên lưng lạc đà, suy nghĩ về tương lai u ám với gã chồng vũ phu. Tôi không nói năng gì nhưng trong lòng đang nổi lên cơn bão oán hận.

Tại sao cùng là chị em ruột mà Shamuram lúc nào cũng được cha mẹ yêu thương, mặc dù chị chẳng làm được gì nên hồn? Ngay cả chăn dắt gia súc chị cũng để chúng chạy rong bừa bãi, làm lạc hết con này đến con khác khiến tôi luôn phải

mất công đi tìm. Khi buôn bán, chị cũng không bao giờ cẩn thận, thường để thiếu hụt, gây thiệt hại cho bộ lạc mà vẫn không hề bị quy trách, Shamuram còn thích ăn vặt và hay phung phí thức ăn dù biết nguồn thức ăn ở sa mạc chẳng mấy dồi dào. Tôi vẫn thường phải dọn dẹp những thức ăn chị để lại bừa bãi khắp nơi. Suốt ngày chị chỉ biết điểm tô son phấn, quần này áo nọ. Mỗi lần cha tôi có chuyến đi xa, chị đều vòi vĩnh cha mua nào là nữ trang, nào là quần áo, son phấn mới. Một người như thể thì lại được gả cho một gia đình thế gia vọng tộc, giàu có nhất vùng, còn tôi, tôi là người biết lo toan mọi sự trong nhà, biết trông nom gia súc, biết giúp cha tôi cai quản bộ lạc. Khi buôn bán, trao đổi hàng hóa, tôi là người biết tính toán lời lãi đâu ra đấy, không sai một đồng. Thế nhưng, tôi chẳng bao giờ nhận được lời khen nào. Tệ hơn, mẹ tôi còn thường la rầy, mắng nhiếc tôi từ việc lớn đến việc nhỏ, tôi làm gì cũng khiến bà không vừa mắt. Tại sao tôi lại không được ai yêu thương? Tại sao trong gia đình lại có sự đối xử phân biệt đến như thế? Và tại sao giờ đây tôi lại bị gả cho một gã đàn ông hung dữ, tầm thường? Tại sao số phận lại bất công đến thế? Muôn ngàn câu hỏi oán thán nổi sóng trong đầu tôi. Đêm tân hôn của những cô gái khác luôn đầy ắp âu yếm, yêu thương và hạnh phúc, còn tôi lại phải trải qua một cơn ác mộng của bạo lực và hành hạ dã man. Tại sao một người thông minh, đảm đang, giỏi giang như tôi phải gắn bó cuộc đời mình với người chồng vũ phu, hung bạo đến thế? Rồi cuộc đời tôi sẽ ra sao? Ngồi trên lưng lạc đà băng qua sa mạc, tôi căm hận vật lộn với những câu hỏi không có lời giải này cho đến khi tiến vào thành Ashur, nơi tôi sẽ sống tiếp những tháng ngày đen tối của cuộc đời mình.

Ashur là một thành phố lớn, có tường thành bao bọc xung quanh vì trước đây nó là kinh đô của Assyria. Trải qua hàng trăm năm, thành phố đã chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử xứ này, là nơi sinh ra những vị hoàng đế bách chiến, bách thắng đã mở rộng bờ cõi và gây dựng lên nền văn minh Lưỡng Hà (*Mesopotamia*). Từ lâu, người Assyria đã học được nghệ thuật rèn đúc khí giới từ những lái buôn phương Đông theo con đường tơ lụa đến đây để trao đổi hàng hóa. Nhờ có vũ khí lợi hại, người Assyria đã xâm chiếm đất đai của những quốc gia quanh vùng, mở mang bờ cõi rộng lớn, trải dài khắp vùng Lưỡng Hà này. Phía Bắc, họ tiêu diệt và đồng hóa người Hittites và Mitanni. Phía Đông, họ chiếm toàn lãnh thổ của Ai Cập, bắt người dân xứ này làm nô lệ. Phía Nam, họ tiêu diệt các bộ lạc người Kush và Nubia, mở rộng lãnh thổ xuống tận vịnh Ba Tư, và tạo dựng một Đế quốc hùng cường kéo dài suốt mấy trăm năm.

Ashur nằm ở vị trí được bao bọc bởi các rặng núi thấp, tiện lợi cho việc phòng thủ quân sự nhưng bất lợi cho việc giao thương. Trong khi đó, Babylon tọa lạc ở vị trí thuận lợi hơn, nơi hai dòng sông lớn là Euphrates và Tigris hợp lại rồi đổ

vào vịnh Ba Tư. Quanh năm thuyền bè ghé vào buôn bán, trao đổi hàng hóa ở đây, nên dần dần Babylon đã chiếm vị trí thương mại quan trọng hơn Ashur. Khi Đế quốc Assyria trở nên hùng mạnh, không còn lo sợ chiến tranh, triều đình đã chuyển kinh đô về Babylon và các gia đình quý tộc cũng dọn đi nên Ashur trở nên hoang vắng, không còn vẻ huy hoàng như trước.

Từ nhỏ đến lớn tôi chỉ sống tại sa mạc nên khi đến thành Ashur tôi thấy cái gì cũng lạ. Là con dâu mới chân ướt chân ráo về nhà chồng, đây là lúc tôi phải được dạy dỗ để theo nề nếp của họ. Việc đầu tiên mà Garu, mẹ chồng, giao cho tôi là trông nom nhà bếp. Mặc dù trong nhà có nô lệ nhưng tôi sẽ phải lo cho bữa ăn của gia đình, bao gồm nấu nướng và làm tất cả mọi việc nặng nhọc khác trong bếp. Tôi là dân du mục và chưa từng nấu ăn trong bếp, dù chỉ là một bữa. Cuộc sống ngoài sa mạc rất giản dị, săn được con thú nào thì xẻ thịt rồi nướng trên lửa để cả bộ lạc cùng ăn. Ngoài món thịt nướng, bữa ăn có rất ít món ăn phụ, vì trên sa mạc hầu như không có rau củ gì.

Thỉnh thoảng chúng tôi mới có ít quả chà là ăn tráng miệng mà thôi. Không những thế, khi bộ lạc chúng tôi quây quần quanh bếp lửa thì mạnh ai nấy xẻ thịt nướng, vừa ăn, vừa ca hát. Khi ăn xong thì tất cả trở về lều và tảng thịt còn lại vẫn để trên than hồng, bất cứ ai muốn ăn đều có thể lấy ăn, nó không của riêng ai và chúng tôi cũng không cần tuân theo thứ tự ưu tiên nào cả.

Ngược lại, Ashur vốn là cựu kinh đô của Assyria nên đời sống các gia đình tại đây có nhiều truyền thống và nghi thức rườm rà. Người ta bày vẽ ra những món ăn mà tôi chưa từng biết, có những loại rau củ, gia vị mà tôi chưa bao giờ ăn. Lúc đầu, tôi vô cùng lúng túng, không biết xử lý việc bếp núc này ra sao. Ngay cả nồi niêu xoong chảo và bát đĩa cũng có những hình thù rất lạ lùng với tôi, những đồ vật trong bếp đều là thứ tôi chưa bao giờ sử dụng. Tôi phải liên tục hỏi các nô lệ rằng cái này, cái kia là gì, dùng để làm gì và đã gây ra không ít trò cười vì hình ảnh cô dâu mới vừa ngu ngơ, vừa quê mùa của mình. Đang là con một tù trưởng oai phong, trong tay kiểm soát mọi việc lớn nhỏ, bỗng nhiên tôi trở thành người có địa vị thấp kém nhất trong gia đình nhà chồng. Quả là một bước ngoặt bất ngờ và vô cùng cay đắng cho tôi. Tôi chạnh lòng nhìn lại cuộc đời đã qua của mình.

Tôi tự biết tính cách mình nhiều phần giống nam giới, nhưng tôi vẫn là một người con gái và cũng như những cô gái khác, tôi lớn lên với mơ mộng thầm kín về một người yêu lý tưởng cho mình. Những ánh mắt lén của những trai tráng trong bộ lạc hướng về tôi mỗi khi tôi xuất hiện cũng từng khiến tôi xao động.

Những lúc cả bộ lạc ngồi bên đống lửa vui vẻ hát ca cũng khiến tôi thấy ngây ngất vì có giọng nam cao của ai đó hòa điệu cùng mình. Tôi biết mình không xinh đẹp, không duyên dáng như chị Shamuram và cũng không được để ý nhiều như chị. Thỉnh thoảng tôi cũng nghĩ nếu mình xinh đẹp như chi thì biết đâu mọi chuyện sẽ khác đi rất nhiều. Nhưng đó chỉ là ý nghĩ thoáng qua, bởi điều tôi tự hào về mình là sự thông minh và tháo vát. Tôi không thích trang điểm hay làm đẹp bởi tôi nghĩ rằng chạy theo vẻ đẹp bề ngoài sẽ làm giảm giá trị của mình. Giá trị của tôi là trí tuệ, sự tháo vát, ý chí sắt đá, tính cách cương cường, tinh thần không dễ khuất phục. Tôi thường nhìn chị tôi với ánh mắt coi thường khi thấy chị thẹn thùng, tỏ vẻ nhút nhát, nhu mì, e lệ trước mặt các trai tráng trong bộ lạc. Với những phụ nữ khác trong bộ lạc, nhìn họ khổ sở khi thai nghén, trắc trở khi sinh nở, tôi thường cảm thấy thương hại hơn là thông cảm. Trong đầu tôi lúc nào cũng là những suy nghĩ tính toán về lời lỗ trong thu chi, về việc kiểm soát mọi việc trong bộ lạc. Những lời nói bóng gió, những nụ cười, cử chỉ tình ý của trai tráng trong bộ lạc không mấy khi khiến tôi bận lòng, bởi tôi luôn tin rằng tôi sẽ gặp được một người đàn ông danh giá, xứng đáng với mình. Đó phải là một người chồng thông minh, khỏe mạnh, biết đảm đương, chăm lo cho gia đình và tôi cũng sẽ chăm lo cho người đó một cuộc sống gia đình đầm ấm và hạnh phúc. Thật sự tôi không bao giờ nghĩ sẽ có lúc cuộc đời mình rơi vào cảnh hôn nhân cay đắng thậm tệ thế này.

Dòng họ của Azhida từng có người làm quan trong triều, nhưng đến lúc này thì đã sa sút và chuyển qua buôn bán ngoài chợ. Tuy nhiên họ vẫn bám vào quá khứ vàng son đã qua bằng những lễ nghi của chế độ cũ. Trong bữa cơm, thức ăn phải được dọn lên cho người chủ gia đình ăn trước rồi mới đến những người khác, lần lượt theo địa vị cao thấp trong gia đình. Sau cùng, còn lại bao nhiêu mới đến lượt người hầu. Nabu, người chủ gia đình, bị đau dạ dày không ăn được nhiều nên phải chọn lọc món ăn rất kỹ - món nào có thể ăn được và món nào phải kiêng. Người con dâu phụ trách nấu nướng là tôi đây sẽ phải biết lựa chọn món ăn cẩn thận, bày biện đẹp đẽ và đem các món lên bàn ăn theo thứ tự, món nào trước, món nào sau. Sau khi đã mang từng món ra hết và đợi đến khi cả nhà ăn xong thì mới đến lượt tôi. Có những bữa mọi người ăn xong không còn gì, tôi phải nhịn đói. Tuy nhiên, no hay đói không khiến tôi phiền lòng, mà thái độ của mẹ chồng mỏi chính là vấn đề.

Garu, mẹ chồng tôi, đối xử với tôi hết sức hà khắc. Ngay từ ngày đầu tiên nhìn thấy sự luống cuống, vụng về của tôi, bà đã chửi mắng tôi bằng những ngôn từ cay nghiệt nhất. Lúc đầu chưa quen, tôi đã lập tức phản ứng lại khiến Ba Tưc giận, lồng lộn lên quát tháo rồi lên cơn hen suyễn, vừa ho khan vừa khó thở.

Azhida chạy đến dạy tôi bài học về bổn phận làm dâu bằng một trận đòn dữ dội. Tôi cũng chống trả kịch liệt. Sự tình này diễn đi diễn lại trong suốt những tháng đầu tôi về nhà chồng. Sau nhiều lần bị đánh đập tàn nhẫn, có khi bằng gậy, có khi bằng roi, rồi bị nhốt vào phòng bếp bỏ đói nhiều ngày, chưa kể những phiền toái xảy ra hàng tháng đối với thân thể người phụ nữ, dần dần, cơ thể tôi bắt đầu trở nên suy kiệt. Tuy thế, với bản tính cương cường, tôi vẫn không chịu khuất phục. Mãi về sau, tôi quen dần với những trận đòn roi và sự hành hạ nên không còn phản ứng lại. và tôi bắt đầu thấm thía nỗi xót xa, khổ sở của thân phận phụ nữ bị áp bức bởi những luật lệ hà khắc và những phép tắc buộc phải tuân theo.

Garu thích chứng tỏ quyền uy với tôi bằng cách quát tháo, ra lệnh cho tôi làm theo những gì bà muốn. Dù tôi làm gì thì dưới mắt của bà tôi cũng sai, nên tôi luôn bị bà mắng chửi thậm tệ. Garu mắc bệnh suyễn, mỗi khi la hét xong thì lại ho khan, khó thở và tôi lại bị đánh. Sau mỗi lần chê bai, mắng chửi tôi, bà lại lên giọng nói về dòng dõi thượng lưu của bà, với các món ăn phải được nấu nướng cầu kỳ thế nào, trưng bày trên đĩa bạc, đĩa vàng ra sao, rồi bà mỉa mai sự ngu dốt, quê mùa của những người sống ngoài sa mạc như tôi. Bà nói:

- Ta không hiểu sao con trai ta lại chọn một đứa mọi rợ như người làm vợ? Làm sao những người quý phái như chúng ta lại kết thông gia với những kẻ hạ lưu, ngu dốt ở sa mạc như các người được chứ?

Lúc đầu tôi cũng không biết tại sao Azhida lại chọn tôi. Về sau tôi mới biết đó là vì số vàng và bầy gia súc cha tôi phải bỏ ra để làm của hồi môn. Đó là một gia tài lớn có thể giúp gia đình Azhida sống thoải mái trong thời gian khá lâu.

Gia đình của Azhida có ba người con, Azhida là con trai lớn, Sheva và Sherim là hai người con gái nhỏ hơn tôi vài tuổi. Nabu, cha của Azhida, chỉ là một lái buôn ngoài chợ, không thể so sánh với gia đình Nacharuchem giàu có bậc nhất Ashur, với đoàn thương buôn lớn đi khắp nơi để mua bán hàng hóa. Khi Nabu tháp tùng gia đình Nacharuchem đến ốc đảo của gia đình tôi, ông chứng kiến cuộc thương lượng về của hồi môn giữa hai gia đình. Thấy Nacharuchem được hưởng số vàng lớn và rất nhiều gia súc nên ông đã động lòng tham. Ông bàn với con trai là Azhida cưới tôi để ông có thể thương lượng của hồi môn cho gia đình vốn chẳng giàu có gi của mình. Do đó, cuộc hôn nhân của tôi thật ra chỉ là một sự bán buôn, đổi chác mà thôi, và tôi phải chịu thiệt thòi chỉ vì tôi là con gái. Thỉnh thoảng Neveni và Shamuram cũng ghé qua nhà rủ Azhida và các cô em gái đi chơi, nhưng Azhida không bao giờ cho tôi theo cùng. Điều làm tôi buồn hơn nữa là chị

Shamuram cũng không để ý gì đến tôi. Tuy chúng tôi không hợp nhau và thường xuyên cãi cọ nhưng dù sao cũng là chị em ruột. Nên tôi không hiểu được tại sao từ ngày lên Ashur, Shamuram không hề thăm hỏi hay quan tâm đến tình trạng khốn khổ của tôi. Khi vợ chồng chị đến nhà chơi, tôi phải mang thức ăn lên cho khách và chị nhìn tôi một cách dửng dưng như người xa lạ. Không một lời thăm hỏi, không một câu nói yêu thương. Tôi không hiểu, tại sao chị có thể vô cảm như thế? Dưới mắt chị, tôi chỉ là đứa nô dịch trong bếp không hơn không kém. Shamuram may mắn hơn tôi, vì mẹ của Neveni đã qua đời nhiều năm trước, nên từ địa vị con dâu, chị nghiễm nhiên trở thành nữ chủ nhân có quyền hành trong gia đình Nacharuchem. Mỗi khi thấy chị mặc quần áo đẹp đẽ sang trọng, vui vẻ tươi cười bên cạnh chồng, tôi không khỏi nghĩ đến hoàn cảnh bất hạnh của mình rồi oán thán tự hỏi tại sao tôi lại kém may mắn đến thế?

Tôi tiếp tục sống trong căn nhà bếp chật chội suốt một thời gian dài. Ban ngày tôi phải nấu nướng, làm những công việc cực nhọc dưới sự kiểm soát hà khắc của mẹ chồng. Đêm đến tôi lại phải chịu đựng những đòi hỏi thú tính của Azhida, nhất là khi hắn uống rượu về và bắt đầu giở thói bạo lực. Sự kiêu hãnh và tính khí ngoan cường của người con gái sa mạc trong tôi đã hoàn toàn biến mất trong thân xác của người phụ nữ bị bạo hành cả ngày lẫn đêm. Hơn bao giờ hết, tôi hết sức đau khổ và bất mãn với thân phận người phụ nữ yếu ớt, chỉ có thể cắn răng chịu đựng một cách nhục nhã như thế này. Tôi chỉ biết tìm niềm an ủi qua việc hồi tưởng những ngày còn được tự do sống ngoài sa mạc, với biển cát vàng bao la đến tận chân trời.

Một hôm, Nabu trở về nhà với vẻ mặt nghiêm trọng. Trong bữa cơm, ông ngồi ăn nhưng tâm trí vẫn để ở đâu đâu nên không ăn hết bữa. Sau cùng, ông gọi vợ và con trai vào phòng riêng, có vẻ là để bàn bạc việc quan trọng. Một lúc sau, Azhida đến gặp tôi, hắn nhỏ nhẹ nói:

- Cha ta vay gia đình Nacharuchem một số vàng lớn làm vốn cho chuyên đi buôn vừa rồi nhưng không may đã bị thua lỗ. Giờ bọn ta không biết phải làm thế nào để bù lại số vàng này. Thời gian cấp bách, nếu không trả được thì chắc chắn gia đình chúng ta sẽ gặp khó khăn. Ta muốn em về nhà xin gia đình một sô vàng để bù vào, rồi ta sẽ đãi ngộ em xứng đáng.

Trong lúc bất ngờ, tôi chưa kịp nói gì thì Garu đã bước ra, bà ta cũng nhỏ giọng:

- Seriram, dù sao con cũng là người của gia đình này, con không thể để cho nó mang tiếng được.

Lúc đó, cơn giận đã chất chứa từ lâu trong lòng tôi bỗng nổi lên, khiến tôi buột miệng:

- Gia đình này thì có danh tiếng gì đâu mà sợ mất.

Azhida lập tức trở mặt, hắn giơ tay lên toan đánh tôi nhưng Garu cản lại, bà ta nói nhỏ vào tai Azhida nhưng tôi vẫn nghe được:

- Khoan đã, đây là lúc cần đến nó. Gia đình giàu có của nó có thể giúp chúng ta trong lúc này.

Tôi cười khẩy:

- Các người đã lấy một số vàng lớn và cả bầy gia súc rồi, bây giờ còn muốn lấy thêm nữa sao?

Azhida nổi giận, quát lớn:

- Nếu ngươi không đem vàng về đây thì ta sẽ rạch mặt ngươi cho xem.

Bản tính kiên cường có phần ngang bướng của tôi đã trở lại, tôi quát lại hắn:

- Có giỏi thì làm đi! Nhưng đừng hòng lấy thêm thứ gì từ gia đình tôi nữa.

Tôi vừa dứt lời đã nhận ngay cái tát như trời giáng vào mặt rồi theo đó là những quả đấm, những cú đá liên hồi.

Tôi bị nhốt trong phòng và bị bỏ đói nhiều ngày. Toàn thân đầy vết thương, đau đớn vô cùng, nhưng bản tính cương cường không cho phép tôi rơi một giọt nước mắt nào. Tôi nằm suy nghĩ về cuộc đời kém may mắn của mình và tiếp tục những câu hỏi đầy oán hận. Tại sao một người con gái vô trách nhiệm như chị Shamuram, cả đời chỉ lo rong chơi, chỉ biết quần này áo nọ, son phấn điểm trang mà lại hưởng sự tốt lành, sống giàu sang hạnh phúc với người chồng tốt như thế? Trong khi người hiểu biết, giỏi giang như tôi thì lại phải làm dầu một gia đình tồi tệ, với người chồng vũ phu như Azhida? Tôi chìm trong sự phẫn uất của những câu hỏi tại sao này, và lần đầu tiên tôi nhận ra sự thông minh tháo vát của mình không giúp được gì cho tôi, càng không cho tôi câu trả lời.

Nhiều ngày trôi qua, tôi vẫn nằm đó suy nghĩ, đột nhiên cửa phòng mở ra và cha tôi bước vào. Tôi chưa hết ngạc nhiên thì Nabu và Azhida cũng theo vào. Nabu phân trần:

- Ông xem đó, con ông làm ăn tính toán nhầm lẫn khiến chúng tôi bị thiệt hại một số vàng lớn. Bây giờ ông tính sao đây?

Tôi chưa kịp biện bạch gì thì cha tôi đã lên tiếng:

- Nếu nó làm sai thì tôi sẽ bù lại cho ông, ông không cần nói nhiều.

Tôi ngồi bật dậy, bất chấp thân thể đau đớn, định lên tiếng phản bác lời vu oan giá họa đó nhưng cha tôi ra hiệu cho tôi dừng lại:

- Con nằm yên đó, để cha nói chuyện với Nabu.

Cha tôi và Nabu bước ra ngoài, Azhida vẫn đứng đó, hắn nhìn tôi rồi cười nhạt:

- Ngươi không muốn về xin cha ngươi, thì chúng ta gọi ông ta đến.

Tôi muốn gào thét mắng chửi hắn nhưng cổ họng đau rát chỉ ú ớ được vài câu chửi rủa thều thào. Azhida bật cười đắc chí:

- Ngươi có ngang bướng cũng vô ích, cha ngươi đã đem vàng đến rồi.

Tôi vừa tức giận vừa chua xót cho thân phận hẩm hiu của mình nhưng thân thể quá đau đớn, không thể nói gì mà chỉ có thể trừng mắt nhìn Azhida. Hắn buông một nụ cười chế giễu rồi bỏ đi. Hôm sau tôi được đưa ra ngoài. Tôi thấy cha tôi đứng đó với một đoàn lạc đà chuyên chở rất nhiều hành lý. Cha tôi nói:

- Con lên lạc đà đi, cha đưa con đi.

Ngay lúc đó Nabu và Azhida bước ra, mặt mày rạng rỡ. Azhida nhìn tôi, vênh váo:

- Ta trả ngươi lại cho cha ngươi, từ nay đừng về đây nữa.

Đoàn người rời khỏi Ashur được một quãng xa tôi mới lên tiếng:

- Tại sao cha phải chịu thiệt thòi như thế?

Cha tôi thong thả nói:

- Gia đình Azhida cho người đến nói với cha rằng con buôn bán tính toán sai sót khiến họ bị thiệt hại một số vàng lớn.

Tôi toan lên tiếng biện bạch nhưng cha tôi đã nói luôn:

- Con không cần nói. Cha biết họ chỉ tìm cách đòi cha thêm một số vàng nữa thôi. Trước giờ con làm việc gì cũng chính xác, cha biết không thể xảy ra chuyện như họ nói được. Do đó, cha đã hỏi kỹ gia đình Nacharuchem về việc này cũng như số vàng mà họ đã vay mượn, rồi cha trả gấp đôi để chuộc con ra. Tuy nhiên, bây giờ con cũng không thể trở về nhà được, cha rất tiếc...

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao con không thể về nhà? Vậy thì con đi đâu được chứ?

Cha tôi thở dài, rồi nói:

- Con đã là người của gia đình Azhida, con không còn thuộc về gia đình chúng ta nữa. Đây là luật lệ từ ngàn xưa. Do đó con không thể trở về bộ lạc được. Cha là tù trưởng, cha không thể tạo ra một tiền lệ có thể gây xáo trộn về sau. Cha đã thu xếp cho con đi đến một nơi thật xa. Lần này cha qua Ba Tư trao đổi hàng hóa và sẽ gửi con ở lại đó. Con còn trẻ, có thể xây dựng lại cuộc đời. Con đi chuyến này cũng có thể học những bài học mà con cần học.

Tôi nhìn cha, cổ họng tôi nghẹn lại không nói thêm được gì. Tôi đưa mắt nhìn ra sa mạc mênh mông trước mặt, lẩm bẩm:

- Ít nhất mình cũng được tự do.

Cha nhìn tôi với đôi mắt thương cảm rồi nhẹ nhàng nói:

- Trước đây cha đã nói với con, con phải bỏ đi lòng kiêu căng, tự mãn cùng tính nóng giận, hay cãi cọ với người khác, nhưng con không nghe. Con và mẹ hay cãi nhau là vì con không phục mẹ, nhưng con quên mẹ là người đã sinh ra con và quán xuyến mọi việc trong nhà chúng ta. Con khinh thường mọi người vì con cho

rằng mình thông minh, tài giỏi hơn. Cha đã cảnh báo con vì cha biết những tính cách đó không đem lại điều gì tốt đẹp, tiếc là con không hiểu. Cha rất tiếc vì những gì con đã trải qua ở gia đình Azhida, nhưng giờ mọi chuyện đã qua rồi, cha hy vọng con đã học được bài học và thay đổi để làm lại cuộc đời.

Tôi không trả lời cha nhưng trong lòng hoàn toàn bất mãn. Tôi không phục. Tôi nghĩ mọi biến cố xảy ra trong đời tôi là do hoàn cảnh trớ trêu và tôi là nạn nhân của truyền thống trọng nam khinh nữ chứ nào phải lỗi của tôi. Tại sao cha tôi không an ủi mà còn thấy phiền hà về tính cách của tôi? Tại sao ông không nghĩ chính gia đình đã đẩy tôi vào tình cảnh bi kịch này? Tôi đâu có làm gì nên tội mà phải chịu số phận hẩm hiu này...

Cuộc đời sau này của tôi tại Ba Tư chỉ là những hình ảnh mờ ảo chập chờn, không nhiều đường nét rõ rệt. Ở đó, tôi trải qua một cuộc sống bình thường không sóng gió, nhưng cũng hết sức chán chường, bởi con người đã bị thương tổn trong tôi không còn hứng thú với cuộc sống nữa. Tôi trông coi việc buôn bán và làm sổ sách cho một lái buôn người Ba Tư, bạn của cha tôi. Công việc dễ dàng đến mức nhàm chán. Tôi cũng đóng cửa lòng không muốn gặp gỡ ai nữa, cứ thế sống vật vờ cho qua ngày với những câu hỏi không có câu trả lời về thân phận người phụ nữ. Trải nghiệm đau thương trong kiếp này đã khiến tôi vô cùng sợ hãi thân phận người phụ nữ với quá nhiều cay đắng, thống khổ. Thời gian làm vợ một kẻ cuồng dâm hung dữ, làm nô dịch dưới sự áp bức của mẹ chồng, liên tiếp chịu đựng sự mắng chửi, đánh đập, hành hạ đã khiến tôi vô cùng ám ảnh. Giờ nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy đó là một cơn ác mộng kinh hoàng và tôi tự hỏi có phải đó là điều mà rất nhiều phụ nữ khác cũng phải trải qua. Tôi cũng tự hỏi vấn đề trọng nam khinh nữ đã có từ lúc nào? Tại sao trải qua bao thời đại vẫn không thay đổi? Nguyên nhân nào mà người sinh ra với thân phụ nữ cứ phải chịu đựng những đè nén, áp bức như thế? Khắp nơi trên thế giới, có biết bao phụ nữ cũng đang vướng vào những khổ đau tương tự và không tìm được lối thoát bởi thành kiến hẹp hòi này?

Tôi còn không ngừng dằn vặt vì những bất công trong xã hội. Tại sao là chị em một nhà mà số phận an bài người này sống cuộc đời sung sướng trong khi người khác chịu muôn điều bất hạnh? Nguyên nhân gì mà người thì được yêu thương sống trong cảnh giàu sang, phú quý còn người thì bị đối xử tàn tệ, chịu đựng những điều nhục nhã, khốn khổ tận cùng? Tại sao những kẻ hung ác, dã man, chuyên đánh đập người khác như Azhida lại được hưởng vàng bạc, tài vật chỉ bằng việc lấy vợ? Người cay nghiệt, độc địa, coi việc hành hạ người khác là thú vui như Garu vì lẽ gì mà được sống cuộc đời tiện nghi, sung sướng? Những

bất công trong cuộc đời rốt cuộc đến từ đâu?

Những câu hỏi không lời giải đáp này cứ day dứt mãi trong tôi mà không có lời giải, cho đến khi tôi qua đời vì một cơn bạo bệnh vào năm hai mươi tám tuổi, kết thúc một kiếp người gian truân.

***

Hôm đó, sau khi hồi tỉnh, tôi không khỏi bàng hoàng. Tôi ngồi im lặng một lúc lâu để trấn tĩnh, điều hòa lại cảm xúc dữ dội vừa trải qua. Khi đã bình tĩnh hơn, những câu hỏi đi theo tôi đến tận những ngày cuối đời ở kiếp sống kia lại kéo về. Tôi đặt những câu hỏi này với ông Kris, thì ông nói:

- Để trả lời những câu hỏi này, ông phải suy ngẫm và khám phá về các cơ chế thâm sâu của luật Nhân quả. Con người sinh vào hoàn cảnh khác nhau, xứ sở khác nhau, thể xác nam nữ khác nhau, hoàn cảnh sướng khổ muôn hình vạn trạng đều có nguyên nhân từ trước. Như tôi đã nói khi trước, đời sống là một trường học mà người ta đến để học những bài học cần thiết.

Tôi hỏi lại:

- Vậy làm thân nữ giới chịu nhiều hành hạ, khổ lụy hay những người sinh vào kiếp cô nhi bị ức hiếp, thiệt thòi, những người sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh khốn khổ, là để học bài học gì? Tại sao họ phải chịu đựng những đè nén, bất công, kỳ thị như thế?

Ông Kris im lặng, trầm tư một lúc, rồi ôn tồn trả lời:

- Theo sự hiểu biết của tôi, có rất nhiều bài học mà con người ta cần phải học trong một kiếp người. Một số người vô cảm, dửng dưng trước sự đau khổ của kẻ khác thường phải sinh vào thân nữ giới để học bài học về tình thương, làm giảm đi tính ích kỷ. Họ trở thành người mẹ để phát triển thêm tình yêu thương, vì không một người mẹ nào lại không biết yêu thương. Một số người tính tình nóng nảy, dễ giận dữ vì những việc nhỏ nhặt rồi nói ra những lời thô lỗ, hung ác làm tổn thương người khác cũng thường sinh vào thân cô nhi, thiếu vắng tình thương, gặp cảnh khổ sở, bị ức hiếp, bị mắng nhiếc, cũng chính là để bớt đi thói nóng giận này. Họ bị đặt vào hoàn cảnh bị ức hiếp, bị đánh đập để hiểu về sự tổn thương của người khác và học được sự đồng cảm, phát triển thêm sự tương ái. Một số người tâm địa nhỏ nhen ở kiếp trước thường sinh làm thân những người

có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bi kịch, buộc phải nếm nhiều cay đắng, gian truân để có thể gánh vác, bảo vệ thân nhân, từ đó sẽ phát triển thêm lòng quảng đại, bao dung, có khổ thì mới tìm cách thoát khổ và phát triển được tấm lòng ban trải tình thương đến người khác. Tất cả mọi việc xảy ra đều có những nguyên nhân, đồng thời cũng là cơ hội học hỏi. Không việc gì xảy ra là ngẫu nhiên, tất cả là bài học, vì con người cần học để trở nên hiểu biết hơn. Nhân loại cũng từng bước học hỏi để hiểu biết hơn, như ông có thể thấy, ngày nay, nhiều phụ nữ ở các quốc gia phương Đông hay phương Tây không còn mang thân phận khốn khổ như khi xưa nữa. Mọi thứ đã thay đổi rất nhiều, và những bài học đi theo từng thân phận người cũng thay đổi. Dầu sao thì, tất cả mọi việc xảy ra đều là quả của các nhân đã gieo ở quá khứ. Kiếp sống hiện tại chỉ là một phần nhỏ của chuỗi nhân quả chằng chịt, phức tạp mà thôi.

Thấy tôi vẫn có vẻ suy tư, ông Kris thong thả giải thích thêm:

- Con người tạo nghiệp nhân thì phải gặt lấy quả báo, đó là việc rất tự nhiên. Đó là logic, không bao giờ sai sót và không bao giờ thay đổi. Mục đích của luật Nhân quả là thúc đẩy con người học hỏi để chuyển hóa. Như trong kiếp sống tại Assyria vừa qua của ông, Nabu bị đau dạ dày, không ăn được nhiều, vì kiếp trước ông này là người tham ăn. Ông ta đã ăn uống vô độ, phung phí rất nhiều thức ăn, do đó mà trong kiếp sống tại Assyria, ông ta sinh ra với bộ máy tiêu hóa yếu ớt, khiến ông ta phải hạn chế việc ăn uống. Tôi không biết Nabu có biết đặt câu hỏi tại sao mình bị chứng bệnh đó không. Người thông minh phải biết đặt câu hỏi chứ không nên trách trời trách đất. Trái đất này có đầy đủ thức ăn cho tất cả mọi người, mọi loài sinh vật. Sở dĩ có người thiếu ăn là vì có ai đó phung phí thức ăn hoặc tham lam lấy đi phần ăn của người khác. Con người cần ăn để sống, nhưng nếu ăn quá nhiều, quá phung phí, thì phải chịu hậu quả về sau. Cũng như thế, Garu sinh ra với bệnh suyễn, thường ho khan và khó thở là vì trong kiếp trước bà ta là người thường dùng quyền lực áp bức những người dưới quyền, vấn đề là bà ta có biết đặt câu hỏi về nguyên nhân tại sao mình lại sinh ra với chứng bệnh đó không. Nếu không suy xét để thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy, tiếp tục áp bức, mắng nhiếc người khác thì bà ta sẽ còn phải trải qua nhiều kiếp sống với các bệnh tật ghê gớm hơn, để học bài học mà bà ta phải học.

Ông Kris nhìn tôi và nói với vẻ nghiêm nghị:

- Trong kiếp sống tại Assyria, ông là người thông minh sắc sảo, được mọi người nể phục nhưng tính lại kiêu căng, thích gây gổ, lúc nào cũng cho rằng mình đúng còn người khác sai, nên ông đã phải trả nghiệp ngay trong kiếp sống đó bằng

một cuộc sống khốn khổ, bị hành hạ, đánh đập, khinh chê, mắng nhiếc, vì cái "nhân" cho rằng mình tài giỏi hơn người, tự đánh giá mình quá cao nên "nghiệp quả" đến ngay qua việc phải làm nô dịch hầu hạ người khác, cái quả này là để ông học được rằng đừng bao giờ ngạo mạn và phán xét người khác dù họ sai lầm hay có trình độ thấp kém thế nào đi nữa. Vì bất cứ một tư tưởng hay lời nói nào cũng đều tạo ra nhân, và đã có nhân thì chắc chắn sẽ tạo quả. Trong kiếp sống đó, ông là người cứng đầu, bướng bỉnh, thiếu lòng tôn kính với mẹ ông cũng như anh chị em trong gia đình. Mặc dù mẹ ông chính là người đã nuôi nấng, dạy dỗ ông, nhưng ông lớn lên tự cao, không nghe lời bà và còn thường xuyên tranh luận, cãi cọ với bà. Đó chính là cái nhân khiến ông rơi vào cuộc sống bị lệ thuộc gia đình chồng, chịu sự cai quản và sai khiến của mẹ chồng, không còn được tự do, thong thả nữa.

Tôi ngồi im, nghĩ về con người mình trong kiếp sống ở Assyria và có phần xấu hổ về thói ngạo mạn, hay phán xét của mình khi đó. Tôi không nghĩ nghiệp quả có thể đến nhanh như thế. Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông Kris nói thêm:

- Nghiệp có thể đến bất cứ lúc nào, có khi đến nhanh, có khi đến chậm cũng có khi tiềm ẩn chờ đến kiếp sau. Nhiều người không hiểu tại sao mọi việc lại xảy đến với mình là vì họ đã quên đi cái nhân mình từng gieo trước đó. Cái nhân do mình tạo ra sẽ chiêu cảm ảnh hưởng chung quanh để tạo ra quả. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy.

Không muốn tiếp tục nghĩ về trải nghiệm kinh hoàng của kiếp sống ở Assyria nữa, tôi chuyển qua chủ đề khác:

- Lúc nãy ông nói rằng tôi và bà Ginger có liên hệ với nhau. Chuyện đó là như thế nào?

Ông Kris nhìn tôi một cách thích thú, rồi bật cười:

- Ông vẫn chưa nhận ra sao? Bà Ginger chính là Shamuram trong kiếp sống ông vừa hồi tưởng đấy. Người này từng là một thánh nữ trong một kiếp sống rất xa xưa, có công đức lớn và làm được nhiều việc tốt, giúp đỡ được nhiều người nên trong những kiếp sống sau đó đều được sinh ra với tướng mạo xinh đẹp, cũng chính vì vậy người này bắt đầu say mê sắc đẹp của mình để rồi ngạo mạn, ích kỷ và lạc lối. Trải qua rất nhiều kiếp sống nổi trôi, khi lên, khi xuống nhưng người này vẫn u mê, chưa học được gì. Người này lúc nào cũng mải mê chạy theo vẻ ngoài hào nhoáng, thích quần áo, thích phấn son, đồ trang sức, thích làm

đẹp cho mình, thích sự tung hô và cung phụng của kẻ khác... Trong kiếp sống hiện tại, tuy có nhan sắc và từng nổi tiếng nhưng bà ấy không hề được hưởng hạnh phúc và hiện vẫn sống cô đơn. Thật ra cuộc đời của bà Ginger là một bi kịch mà ít ai biết. Tôi cũng coi như có nhân duyên biết đến bà ấy khá rõ. Lần đầu lập gia đình, chồng bà là người nghiện rượu khiến bà phải chịu đựng rất khổ sở cho đến khi ông này qua đời. Sau đó bà tái giá nhưng được không bao lâu cũng ly dị vì người chồng sau bệnh tật triền miên, tính tình khó chịu, nên hai người không hợp nhau. Bà lập gia đình lần thứ ba thì người chồng này chết sớm. Tuy được thừa kế một khối tài sản lớn nhưng rốt cuộc bà vẫn sống một mình, không con cái, không bạn bè thân thiết, lúc nào cũng cô đơn. Nhìn bề ngoài, ai cũng nghĩ Ginger sung sướng, không mấy ai biết nỗi đau khổ và khao khát hạnh phúc của bà. Trong nhiều kiếp, bà đã sống ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình, chỉ biết chải chuốt quần áo, phấn son tô điểm cho mình mà không chú ý đến ai khác. Bà chỉ yêu chính mình và sắc đẹp của mình mà thôi. Do đó, kiếp này bà không có hạnh phúc gia đình, cũng như không thể có con. Khi người ta chỉ biết đến mình, không biết yêu thương hay nghĩ cho người khác, họ sẽ tạo ra cái nhân của sự cô đơn. Những người như thế, nếu không biết tự đặt câu hỏi, tự chiêm nghiệm để tìm ra cái nhân thì dù có trải qua nhiều kiếp, họ vẫn không hiểu tại sao mình lại bất hạnh như thế. Họ không làm gì xấu, cũng không hề hại ai nhưng đồng thời họ cũng không biết mở rộng tấm lòng đến những người khác. Họ chỉ biết nghĩ đến sắc đẹp hay danh vọng, sự giàu sang của mình. Nếu họ không biết quay vào trong suy xét nguyên nhân mà chỉ trách số phận không may, thì họ sẽ không học được bài học mà họ cần.

Ông Kris dừng lại như để tôi nghiền ngẫm lời ông vừa nói, rồi ông tiếp tục:

- Do ông và bà Ginger đã có mối liên hệ từ kiếp sống Assyria, nên kiếp này vừa gặp nhau ông đã có cảm giác thân thuộc. Nhưng không phải ai cũng nhạy cảm như thế đâu. Đa số trường hợp thì dù có liên hệ từ nhiều kiếp trước người ta vẫn khó có thể nhận ra nhau, và nếu có cảm giác được thì cũng không đoán ra ý nghĩa của mối liên hệ. Đời sống có rất nhiều liên hệ nhân quả phức tạp mà chỉ những người có đủ tầm hiểu biết mới có thể nhận ra mà thôi. Tại sao có những người yêu nhau mà phải xa nhau? Tại sao có những người không ưa gì nhau mà cứ phải gặp nhau mãi? Hầu như rơi vào tình cảnh này ai cũng chỉ biết trách móc than vãn, nào có mấy ai biết coi đó là hậu quả của nghiệp nhân đã gây từ trước.

Đột nhiên, có một mãnh lực kỳ lạ thôi thúc khiến tôi lên tiếng:

- Vậy tin, liệu tôi có thể làm gì để giúp bà Ginger không?

Ông Kris gật đầu:

- Ông có thể giúp bà Ginger mở rộng tấm lòng đến những người không may mắn. Bởi người này cần học về việc ban trải thương yêu thay vì chỉ nghĩ về bản thân.

Tôi nghĩ về tình trạng hôn nhân không hạnh phúc của Ginger, buột miệng hỏi:

- Phải chăng vì không biết yêu thương mà hôn nhân của bà Ginger không có hạnh phúc?

Ông Kris mỉm cười, trả lời:

- Tất cả những người đến với nhau như vợ chồng đều có những liên hệ với nhau từ trước. Hôn nhân vừa là duyên, vừa là nợ. Không một điều gì xảy ra là ngẫu nhiên cả. Trong chuỗi nhân quả chằng chịt, con người cũng có những liên hệ phức tạp với nhau, do đó hôn nhân có thể là sự trả nợ, đòi nợ hay có khi là cả hai. Tất cả mọi việc xảy ra đều là những quả của các nhân đã gieo ở quá khứ. Khi hai người gặp nhau và yêu nhau thì chắc chắn họ đã biết nhau từ những kiếp trước rồi. Trong kiếp này, họ lấy nhau vì giữa hai người có nhiều cái nhân, cả tốt lẫn xấu, đang bắt đầu trổ quả, cần phải giải quyết, cứ quan sát là chúng ta sẽ thấy bất cứ ai cũng có cơ hội gặp gỡ những người mà họ có thể đi đến hôn nhân, bởi ai cũng có những mối liên hệ từ các kiếp trước. Tuy nhiên, họ sẽ lựa chọn sợi dây tình cảm với một người nào đó để giải quyết dần nghiệp quả. Do đó, hôn nhân một phần là nhân quả, một phần cũng do ý chí con người. Điều này có thể ví như một người đứng trước ngã tư đường và có bốn lối đi để chọn. Họ có thể chọn bất cứ lối nào cũng được và tùy con đường họ chọn mà họ đi được thoải mái, êm đềm hay sẽ gặp khó khăn, trắc trở. Hôn nhân cũng thế, người ta chọn vợ chọn chồng do nhân quả ràng buộc từ nhiều đời nhiều kiếp và tùy vào quyết định lựa chọn người bạn đời của mình mà cuộc sống vợ chồng sẽ hạnh phúc hay khổ đau.

Tôi thắc mắc:

- Vậy còn những người gặp tình duyên trắc trở hay người góa bụa khi còn trẻ nhưng không thể làm lại cuộc đời thì sao?

Ông Kris nhìn tôi rồi thong thả trả lời:

- Chắc hẳn ông còn thắc mắc về trường hợp của Seriram khi rời Assyria đến Ba Tư, đúng không? Xã hội Ba Tư khi đó cũng không khác Assyria nhiều, người phụ nữ cũng phải chịu nhiều thiệt thòi, nên sau đó Seriram không muốn lập gia đình nữa vì đã quá sợ hãi hôn nhân. Trường hợp khác là có những người muốn lập gia đình nhưng tình duyên luôn trắc trở, yêu nhưng không được đáp lại, việc đó cũng do cái nhân đã tạo ra ở kiếp trước, có thể trong kiếp sống nào đó họ đã ruồng bỏ, phụ rẫy chân tình, làm cho người khác phải đau khổ. Có thể họ đã không làm tròn trách nhiệm làm chồng, làm vợ, gây thương tổn cho người bạn đời của mình. Do đó mà ở kiếp này họ phải nhận quả báo để học bài học về giá trị của tình yêu. Những người quen sống ích kỷ, chỉ biết nghĩ về mình, không biết yêu thương, không biết đem tình thương trao gửi thì thường phải trải qua những kiếp sống cô đơn, có khi phải sống quạnh quẽ ở những vùng đất hoang vu để học bài học về giá trị của tình yêu thương và các mối quan hệ. Bởi từ, chỉ khi nào thấy mất mát hay thiếu thốn thứ gì, thì con người mới thấy rõ giá trị và sự cần thiết của nó.

***

Khi tôi trở về nhà thì thấy một chiếc xe lạ đang đậu trước nhà. Bước vào nhà, tôi ngạc nhiên khi thấy bà Ginger đang ngồi trò chuyện với Angie. Lần này gặp lại bà Ginger, tôi không nhìn bà như một người xa lạ nữa mà có chút thân thương và cảm thấy ít nhiều thương xót. Angie nhìn thấy tôi, vui vẻ nói:

- Anh về rồi. Hôm nay em nấu món ăn đặc biệt nên mời bà Ginger đến dùng cơm tối vối vợ chồng mình. Anh đi đâu vắng cả ngày nên em chưa kịp nói với anh.

Tôi vui vẻ ngồi xuống cạnh bà Ginger:

- Tôi rất mừng gặp lại bà và hân hạnh được bà nhận lời đến dùng cơm với vợ chồng chúng tôi.

Bữa ăn diễn ra trong bầu không khí thân mật, ấm cúng. Angie không những là người nấu ăn ngon mà còn biết gợi chuyện để bà Ginger kể về những bộ phim Ba Tưng đóng cùng các tài tử nổi tiếng ở Hollywood. Bình thường tôi không mấy quan tâm đến chủ đề này nhưng trong bữa ăn hôm đó tôi cũng góp chuyện và tiếp đãi bà Ginger thật chu đáo. Khi ra về, bà nắm tay Angie, giọng xúc động:

- Tôi rất mừng được quen biết ông bà. Đã hơn mười sáu năm rồi tôi mới được ăn một bữa cơm tối ấm cúng, thân mật như thế này. Thường thì tôi chỉ ăn một

mình ở nhà thôi. Buồn lắm!

Angie siết chặt tay bà, nhiệt tình nói:

- Chúng tôi còn ở đây đến hết tuần này. Xin mời bà mỗi tối hãy đến dùng cơm với chúng tôi cho vui. Tôi rất thích làm bếp và còn biết nhiều món đặc biệt nữa. Ngoài ra, tôi chưa quen ai ở đây nên cũng cần có bạn. Được quen một người nổi tiếng như bà là vinh hạnh lớn cho vợ chồng tôi.

Từ đó. Ginger và Angie trở thành đôi bạn thân. Ginger thường ghé thăm và dùng cơm tối mỗi khi chúng tôi ghé về đây nghỉ ngơi và chúng tôi cũng hay lui tới thăm bà. Một lần, khi chúng tôi ghé thăm bà, thấy Angie ăn mặc giản dị, không kiểu cách, bà Ginger chỉ vào tủ áo của mình và nói:

- Tuy chúng ta quen nhau không lâu nhưng đã thân tình như chị em. Tôi có rất nhiều quần áo sang trọng được thiết kế bởi những nhà thời trang nổi tiếng, nhưng chưa hề mặc. Tôi muốn tặng cho bà một ít nếu bà không phiền.

Angie mỉm cười, nhẹ nhàng từ chối:

- Cảm ơn bà, nhưng tôi mặc giản dị thế này quen rồi, quần áo thời trang không hợp với tôi đâu.

Ginger chép miệng, thở dài:

- Thật ra tôi cũng không biết phải làm gì với những quần áo này. Năm nay tôi đã chín mươi tuổi rồi, biết còn sống được bao lâu nữa...

Như có một cái gì thôi thúc, tôi lên tiếng:

- Vậy bà định làm gì với những thứ này?

Bà Ginger lắc đầu, thở dài:

- Tôi không có họ hàng thân thích cũng không có con cái. Thú thật, tôi không biết phải làm gì với những thứ này nữa?

Angie thắc mắc:

- Sao bà không cho những thứ này đi? Bà giữ làm gì khi không dùng đến nữa?

Bà Ginger cười buồn:

- Cho ai bây giờ? Tôi đâu có quen ai khác. Bao năm nay tôi chỉ sống một mình. Hiện nay ông bà là bạn bè duy nhất của tôi đấy.

Angie ngạc nhiên:

- Tôi tưởng bà phải còn nhiều bạn bè nữa chứ? Là diễn viên điện ảnh nổi tiếng như bà hẳn phải quen biết nhiều người ở Hollywood?

Ginger lắc đầu, giọng rầu rĩ:

- Họ chết cả rồi còn đâu. Tôi là một trong những người cuối cùng thuộc thế hệ diễn viên điện ảnh thập niên 50. Những đạo diễn, diễn viên và những người làm việc với tôi khi xưa đều qua đời từ lâu. Còn ai nữa đâu...

Không khí trong phòng đột nhiên chùng xuống. Chúng tôi nhìn căn phòng với những tủ kính sang trọng đầy những quần áo thời trang đắt tiền, hàng trăm đôi giày đủ kiểu, đủ màu sắc, được sắp xếp ngăn nắp, cẩn thận, bất chợt, tôi nảy ra một ý tưởng:

- Tại sao bà không cho bán đấu giá những thứ này rồi lấy tiền làm từ thiện? Tôi chắc là nhiều người sẽ muốn mua làm kỷ niệm đấy, nhất là những người hâm mộ vẫn yêu mến bà qua những bộ phim Ba Tưng đóng.

Bà Ginger thoáng giật mình, bà ngây người một lúc rồi như bừng tỉnh, bà mở một nụ cười thật tươi:

- Đúng rồi, ông nói rất hay. Thế mà tôi không nghĩ ra. Tôi nên làm như vậy, vì hiện nay tôi đâu cần những thứ này hay tiền bạc làm gì. Phải lắm, tôi sẵn sàng cho đi tất cả để làm từ thiện, ông bà có thể giúp tôi không?

***

Trong buổi nói chuyện sau này với Thomas, ông cho biết hai vợ chồng ông đã tổ chức một buổi dạ hội mừng sinh nhật cho bà Ginger tại New York để bán đấu giá những vật kỷ niệm của người nghệ sĩ này. Số tiền thu về từ buổi đấu giá đã

được dùng để lập một quỹ từ thiện mang tên bà. Quỹ này sẽ tài trợ cho những diễn viên đóng vai phụ, nhân viên làm việc ở phim trường có tài chính eo hẹp. Buổi dạ hội quy tu khá đông tài tử điện ảnh cùng các nhân vật nổi tiếng của Hollywood đến chúc mừng sự nghiệp của bà Ginger. Rất nhiều doanh nhân Wall Street cũng đóng góp cho sự kiện gây quỹ này.

Ông Thomas nói: “Tôi chỉ mong có thể tạo một nhân lành để giúp người từng là chị mình trong một kiếp sống khác biết mở rộng tấm lòng đến mọi người, phát triển tình yêu thương và học được bài học mà chị cần học, thay vì chỉ lo tô điểm cho thể xác vốn nay còn mai mất, trôi nổi từ kiếp này đến kiếp khác trong dòng chảy bất tận của luân hồi".

Tất cả sự gặp gỡ trong đời của chúng ta đều do nhân duyên được thu xếp từ trước qua luật Nhân quả. Mỗi nhân duyên gặp gỡ ai đó đều chứa những bài học mà con người cần phải học, vì người ta gặp nhau là để học hỏi lẫn nhau, có khi là bài học về hạnh phúc, có khi là bài học về sự đau khổ. Có khi gặp nhau để trả nợ, có khi gặp nhau để nối lại duyên xưa. Qua những bài học này, con người sẽ học những bài học cần thiết cho mình, biết đâu là điều cần làm để thay đổi, để chuyển hóa, để phát triển lên mức độ hiểu biết cao hơn.

Phần sáu

ÂM NHẠC DIỆU KỲ: LINH HỒN VŨ TRỤ

Tôi đang làm việc tại văn phòng thì nhận được tin báo Wilson G. - một trong những nhà đầu tư của chúng tôi từ những ngày đầu thành lập công ty - đang hấp hối trên giường bệnh. Chúng tôi vội vàng lên máy bay đến Arizona ngay, hy vọng còn có cơ hội được gặp ông lần cuối. Trong cuộc sống bận rộn, chỉ có những giây phút cuối đời mới là lúc con người ta có cơ hội được sống chân thành, thật tình với nhau nhất.

Wilson xuất thân trong gia đình có truyền thống theo nghề chăn nuôi bò tại Texas, một nghề nghiệp gắn liền với phong cách cao bồi lãng tử, một biểu tượng nhận diện quen thuộc của miền Tây nước Mỹ. Gia đình ông sở hữu một trang trại vô cùng rộng lớn, với đàn bò lên đến hàng ngàn con. Trong Thế chiến thứ hai, ông nhập ngũ và được bổ nhiệm làm việc tại nhà máy sản xuất nhiên liệu cho quân đội. Khi chiến tranh kết thúc, ông được giải ngũ trở về nhà. Với kiến thức tích lũy về nhiên liệu trong quá trình tại ngũ, ông đã phát hiện được mỏ dầu hỏa ngay tại trang trại của gia đình. Từ đó, ông trở thành chủ nhân của một công ty khai thác dầu hỏa có trụ sở tại Texas. Ông là một trong những nhà đầu tư vào công ty tài chính của chúng tôi ngay từ khi nó mới được thành lập. Nếu không có nguồn vốn của ông, chưa chắc chúng tôi đã phát triển vững mạnh được như ngày hôm nay. Trong cuộc sống, ai cũng có lúc cần quý nhân giúp đỡ, đó có thể là những người bên cạnh chúng ta và đôi khi có cả những người có nhân duyên, chỉ một lần tình cờ gặp gỡ đã tin tưởng nhau, hết lòng với nhau mà không vụ lợi, tính toán.

Tôi không bao giờ quên buổi gặp gỡ đầu tiên với Wilson. Hôm đó, ông bước vào phòng họp tại một văn phòng ở phố Wall, trung tâm tài chính của New York, với quần jean và chiếc mũ rộng vành, phong cách quen thuộc của chàng cao bồi nước Mỹ. Trong phòng họp lúc đó là những nhà đầu tư chứng khoán, các chuyên viên tài chính, giám đốc ngân hàng và ai cũng quần áo sang trọng, lịch sự. Mọi người đều nhìn Wilson với ánh mắt ngạc nhiên pha lẫn tò mò, tự hỏi có phải ông đã đi nhầm phòng hay không.

Thông thường, mọi công ty trong giai đoạn khởi nghiệp đều sẽ gặp khó khăn khi

gọi vốn từ các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Tôi phải mất nhiều thời gian thuyết phục, thương lượng với các nhà đầu tư. Rồi còn phải được thông qua những điều lệ cam kết đầu tư phức tạp có trên các hợp đồng ràng buộc ở các văn phòng luật sư.

Thế nhưng, trong suốt buổi họp hôm đó, Wilson chỉ ngồi lặng yên nghe tôi trình bày về kế hoạch hoạt động của công ty mà tôi vừa thành lập, ông chăm chú lắng nghe đoạn đối thoại giữa tôi và những nhà đầu tư khác mà không phát biểu gì. Sau buổi họp, khi mọi người đã ra về hết, ông mới bước đến chỗ tôi và nói: "Tôi không biết gì nhiều về tài chính, nhưng tôi tin vào tầm nhìn và kế hoạch hoạt động của ông. Tôi sẵn sàng đầu tư vào công ty của ông”.

Wilson đã khiến tôi ngạc nhiên về tính thẳng thắn, dứt khoát của ông. Không vòng vo, ông đi trực tiếp vào vấn đề, hỏi tôi: “Hiện giờ ông cần bao nhiêu vốn đầu tư?".

Thời điểm đó tôi đã có hơn mười năm làm việc trong giới tài chính tại pho Wall và tôi chưa bao giờ gặp một người nào lạ lùng như thế. Đó chỉ mới là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, vì chưa hiểu gì về ông nên tôi khá ngần ngại đưa ra đề nghị cho số vốn đầu tư. Tôi trả lời ông rằng có lẽ chúng tôi nên gặp gỡ, trao đổi, thương lượng nhiều hơn về các chi tiết đầu tư, giá trị cổ phần trước khi ông đưa ra quyết định. Wilson xua tay, bảo rằng đối với ông việc đó là không cần thiết, ông nói: “Trong đầu tư tài chính, niềm tin là yếu tố quan trọng nhất. Một khi tôi đã đặt niềm tin vào ông thì ông sẽ không làm tôi thất vọng, đúng không?".

Ngay trong buổi gặp đầu tiên đó, ông đã đề nghị mua hai mươi phần trăm cổ phần công ty, tương đương với một số tiền rất lớn vào thời điểm đó. Đó là khoản đầu tư quý giá đối với chúng tôi. Thậm chí ngay cả những nhà đầu tư mạo hiểm nhất cũng chưa chắc dám đầu tư số tiền lớn như vậy cho một công ty non trẻ, vừa thành lập. Khi tôi đề nghị đến văn phòng luật sư trung gian để thỏa thuận các điều kiện hợp tác và làm hợp đồng, Wilson lắc đầu, cười và nói dứt khoát: "ông gửi hợp đồng trực tiếp đến nhà tôi và tôi ký được rồi. Tôi không thích luật sư. Chúng ta tin tưởng nhau là đủ rồi”.

Tôi nghi nghi hoặc hoặc, khó tin những gì vừa nghe, vì chẳng ai đầu tư số tiền lớn như vậy chỉ bằng niềm tin mà không có bất kỳ nghiên cứu hay sự bảo vệ về pháp lý nào như vậy. Quả thật, trước giờ tôi chưa từng gặp người nào như ông.

Vài hôm sau, chúng tôi bất ngờ nhận được số tiền đầu tư của ông sớm hơn dự định. Tuy sở hữu hai mươi phần trăm cổ phần công ty, nhưng không như những nhà đầu tư khác, Wilson không bao giờ hỏi han, can thiệp vào bất kỳ quyết định nào của công ty mà luôn để tôi hoàn toàn chủ động. Ông nói: “Tôi tin tưởng ông làm việc đâu ra đó và như thế là đủ rồi". Do đó, mỗi năm tôi đều đến gặp riêng ông để tường thuật lại các hoạt động công ty cũng như tình hình tài chính. Giữa chúng tôi cũng dần dần phát triển một tình bạn, có thể chưa đủ để gọi là thân thiết nhưng đó là một tình bạn chân thành. Nhìn số tiền đầu tư nảy nở, sinh lời liên tục qua nhiều năm, bao giờ ông cũng chỉ nói một cách khiêm tốn: “Nhờ các ông mà tiền đẻ ra tiền. Các ông làm tốt, tôi mừng. Tôi rất cảm ơn!”.

Nhiều năm sau, khi công ty đã phát triển vững mạnh, nhiều nhà đầu tư mới mong muốn tham gia, thay vì tiếp tục nắm giữ tài sản đang tăng trưởng này, Wilson đã gặp riêng tôi, đề nghị chuyển nhượng hết cổ phần lại cho tôi và về hưu hưởng cuộc sống thanh bình tại Arizona. Ông nói với tôi, đượm vẻ chân thành: "Công lao xây dựng công ty vững mạnh là của ông, tôi hưởng lợi nhuận nhiều năm như thế đã đủ rồi. Thời điểm này, ông cần phải nắm giữ số cổ phần lớn hơn, không để những nhà đầu tư khác thâu tóm công ty được". Tôi cảm kích, bắt tay và ôm ông thật chặt.

Wilson là người mê đánh golf nên sau khi về hưu, ông quyết định mua một ngôi nhà bên cạnh một sân golf để có thể tận hưởng môn thể thao yêu thích hàng ngày. Nhưng trên cả sở thích đánh golf, ông còn rất đam mê âm nhạc, đặc biệt là nhạc cổ điển. Thật khó để tưởng tượng một lão cao bồi đội mũ rộng vành ngồi lim dim thưởng thức nhạc cổ điển phương Tây trong căn nhà tương đối khang trang, nằm cạnh sân golf. Có lần ông nói với tôi: "Tôi thích để tâm hồn hòa vào nhịp điệu của âm nhạc cổ điển vì nó khiến tôi thoải mái, thư thái hơn. Âm nhạc của các thiên tài như Mozart, Bach, Beethoven, Chopin, Mendelssohn cho tôi cảm tưởng như mình đang bước lên những nấc thang của Jacob*, vươn lên tận bầu trời cao vút. Khi đắm mình trong Bản giao hưởng số 6 của Beethoven, tôi thấy mình như hòa vào trong thiên nhiên với cỏ cây, hoa lá, cảm giác cứ như đang bước vào một khu rừng trong buổi chiều thu, giữa muôn lá vàng nhẹ rơi xào xạc. Những giai điệu tuyệt mỹ này gợi cho tôi cảm giác thư giãn khác thường mà trong cuộc sống hàng ngày khó lòng đạt được”.

**Jacob là nhân vật trong Kinh Thánh. Trong Kinh Thánh có đoạn mô tả Jacob nằm mộng thấy một cầu thang dài bắc từ dưới đất lên đến tận trời, mỗi bậc thang đều có một thiên thần đứng chào đón, trên cùng là Yahvé - Thiên Chúa của người Do Thái.*

Tôi vẫn nhớ trong các chuyến thăm của chúng tôi tại nhà riêng của Wilson, sau khi ông đã nghỉ hưu ở Arizona, chúng tôi thường nói với nhau rất nhiều về âm nhạc. Tôi từng hỏi ông:

- Ngày nay, đa số mọi người thường chọn nghe nhạc Country, Jazz, Pop hay Rock, còn người say mê nhạc cổ điển như ông tương đối hiếm. Lý do nào mà một người sinh ra và lớn lên ở miền Viễn Tây Texas như ông lại không nghe nhạc Country mà chỉ say mê nhạc cổ điển như vậy?

Đề tài âm nhạc luôn khiên Wilson hào hứng, nên ông vui vẻ trả lời:

- Tôi say mê nhạc cổ điển từ khi còn nhỏ. Từ lúc biết ngồi trên yên ngựa, theo cha rong ruổi trên những cánh đồng mênh mông ở Texas thì tôi đã gắn bó với loại âm nhạc tính tế này. Lần đầu tiên nghe giai điệu của các bản hòa tấu này trên radio, tôi đã xúc động mãnh liệt. Chưa có thứ gì từng tác động vào tâm hồn tôi sâu sắc như thế. Từ đó tôi hầu như chỉ nghe nhạc cổ điển mà thôi.

Tôi không am hiểu nhiều về âm nhạc nhưng Angie thì tương đối thông thạo, nàng tìm hiểu và say mê nhiều thể loại khác nhau. Mỗi lần chúng tôi đến thăm Wilson, Angie đều cẩn thận chọn mua những đĩa nhạc cổ điển hay để tặng ông. Hai người cũng thích trao đổi quan điểm về các nhạc sĩ đương thời và tìm được nhiều tiếng nói chung, vì vậy mỗi lần chúng tôi ghé thăm Wilson ông đều rất vui. Trong một lần trao đổi về âm nhạc, Wilson nói:

- Âm nhạc là sự biểu lộ cảm xúc qua âm thanh. Thông qua âm nhạc, chúng ta có thể cảm nhận những cảm xúc của các thiên tài âm nhạc được truyền tải trong các thanh âm tuyệt diệu. Những cảm xúc này cũng chính là cảm hứng của nhạc sĩ. Nguồn cảm hứng càng thanh cao thì âm nhạc càng tuyệt diệu. Âm nhạc cổ điển chính là sự diễn đạt cảm xúc đó một cách tinh tế, huyền diệu nhất. Những giai điệu của thể loại âm nhạc này vừa sâu lắng, vừa thanh thoát, kỳ vĩ và có khả năng gợi nhiều cảm xúc, hoài niệm đẹp ở người nghe. Mỗi bản nhạc đều tỏa ra những năng lượng, nguồn cảm hứng hướng chúng ta đến những điều cao thượng, tốt đẹp, hoàn mỹ hơn.

Angie tiếp lời:

- Ông nói đúng, sức mạnh của âm nhạc quả thật rất diệu kỳ. Đáng tiếc không phải bản nhạc nào cũng hay. Tôi có tìm hiểu về âm nhạc, cổ điển lẫn hiện đại,

và gần đây tôi nhận thấy âm nhạc càng phát triển phong phú thì càng có những kiểu âm nhạc sơ sài, thô ráp, âm thanh dường như lỗi nhịp, trục trặc, nghe khó chịu làm sao.

Wilson gật đầu, đồng cảm:

- Bà nói đúng, nhiều bản nhạc hiện nay không có cảm xúc sâu lắng gì trong đó mà chỉ là sự lặp đi lặp lại những âm thanh rời rạc, có lúc rối loạn, phản ánh tâm trạng hỗn loạn và tư duy nhạt nhẽo, dễ dãi của người soạn nhạc. Nếu bản nhạc không chứa đựng cảm xúc chân thật của người nhạc sĩ, được tạo nên từ những cảm hứng đẹp đẽ và không được cất lên từ những trái tim chân thành thì đó không phải là âm nhạc mà chỉ là những thanh âm vô hồn được tạo ra bằng nhạc cụ. Việc này cũng giống như người ta đang ghép các chữ cái lại với nhau một cách vô nghĩa, không thành câu cú gì hết. Chính cảm xúc từ tâm hồn của nhạc sĩ đã truyền sự sống vào những nốt nhạc, khiến giai điệu trở nên sống động, da diết và đẹp đẽ hơn. Âm nhạc mà không đến từ cảm xúc và không truyền tải được cảm xúc thì chỉ giống như người say rượu nói năng lảm nhảm mà thôi. Nhạc sĩ chân chính là người có khả năng thổi hồn vào những nốt nhạc, mang lại sự sống cho nó, khiến nó bay bổng. Tùy tâm trạng của nhạc sĩ mà bản nhạc khơi gợi trong chúng ta những cảm xúc khác nhau, khi thì yêu thương, khi thì hờn giận, lúc thì nhớ nhung, khát vọng, đôi khi là tiếc nuối, đau buồn...

Angie gật đầu đồng ý:

- Ông nói đúng. Theo tôi, âm nhạc phản ánh đời sống xã hội và nội tâm con người. Hoàn cảnh đời sống thế nào thì sẽ tạo ra loại âm nhạc thế nấy.

Wilson suy nghĩ một chút rồi lắc đầu, nhẹ nhàng đáp:

- Không hẳn như thế đâu. Đôi khi, chính âm nhạc tạo ra ảnh hưởng, tác động đến xã hội. Vào thời Hy Lạp cổ đại, khi các nhạc sĩ bắt đầu sáng tạo ra một loại nhạc mới thiên về hưởng thụ theo bản năng thì triết gia Platon đã cảnh báo về sự nguy hiểm của việc này, được ghi lại trong cuốn *Cộng hòa (Republic): "Quý hữu phải cẩn thận khi chấp nhận hình thái thi ca mới, âm nhạc mới, vì chấp nhận là hy sinh tất cả, sẽ cực kỳ nguy hiểm. Thi ca, âm nhạc thay đổi chiều hướng thế nào cũng kéo theo thay đổi chính trị và xã hội...(*) ".*

(*) Trích từ quyển Cộng hòa của Platon, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan.

Angie rõ ràng chưa tìm hiểu âm nhạc và tác động của nó theo hướng này, cô ấy ngạc nhiên lên tiếng:

- Âm nhạc thật sự có ảnh hưởng lớn lao đến thế sao?

Wilson gật đầu:

- Nếu tìm hiểu lịch sử Hy Lạp, bà có thể thấy ảnh hưởng của thơ ca, âm nhạc lên văn hóa và thể chế lớn như thế nào. Bất chấp lời khuyên của Platon, những người lãnh đạo Hy Lạp thời đó đã để cho những kiểu âm nhạc thấp kém, dễ dãi đó càng ngày càng phổ biến và nó đã tạo ảnh hưởng đến xã hội xứ này. Từ nền văn hóa hùng tráng, uy nghi, lẫm liệt (*Hy Lạp cổ điển*) chuyển qua văn hóa hưởng thụ khoái lạc, đầy dục tính (*Thời kỳ Hy Lạp hoá*).

Nói đến đây, đôi mắt Wilson đột nhiên đượm vẻ mơ màng. Ông nói:

- Âm nhạc Hy Lạp trước đây chứa đầy những âm điệu phấn khởi, hào khí hùng hồn. Thơ ca và âm nhạc thời đó khích lệ dân chúng sống oai hùng như các bậc tiền nhân lập thành dựng nước. Âm nhạc là động lực chính trong quân đội của Alexander Đại đế mỗi khi ra trận. Mỗi khi vị Hoàng đế này cầm quân ra trận thì quan quân, tướng sĩ cùng nhau hát lớn những khúc chiến ca oai hùng xen lẫn tiếng kèn đồng và trống trận dồn dập, âm thanh hùng tráng khiến tinh thần quân lính sôi sục ngút trời, còn kẻ thù lung lay, khiếp đảm. Nhờ lòng can đảm, không sợ hãi, cùng nhuệ khí ngút trời đó mà đoàn quân chinh phạt của Hy Lạp đã phá tan các đội quân thiện chiến nhất của Ba Tư, mở mang bờ cõi Hy Lạp rộng khắp thế giới.

Cảm thấy chủ đề khá thú vị, nên tôi cũng góp lời:

- Đáng tiếc là trong lúc Đại đế Alexander cầm binh chinh phạt ngang dọc thì tại Athens, các quan lại ở triều đình lại sa đọa trong lối sống tiệc tùng thâu đêm suốt sáng, hưởng thụ một đời sống xa hoa, trụy lạc nhờ các của cải, chiến lợi phẩm mang về.

Wilson cảm thán:

- Đúng thế, đời sống lúc đó có thể nói là hết sức đồi trụy, các cuộc truy hoan diễn ra khắp nơi, âm nhạc cũng chuyển hướng sang nhuốm màu nhục dục, đề cao sự hưởng lạc. Thời điểm đó, âm nhạc Hy Lạp bắt đầu pha trộn âm nhạc

của Assyria, Babylon, Ba Tư và trở thành một kiểu âm nhạc với âm điệu dồn dập, kích thích dục tính. Chính loại âm nhạc thấp kém này đã góp phần không nhỏ gây ra sự suy thoái của Hy Lap.

Angie thắc mắc:

- Vậy chuyện tồi tệ gì đã xảy ra với Hy Lạp sau đó?

Wilson trả lời:

- Sau khi Alexander Đại để qua đời, các tướng lĩnh chia nhau mỗi người kiểm soát một vùng. Không ai chịu trở về Athens vì không tuân phục hội đồng nghị viện mà họ cho là thối nát và chìm trong nhũng lạm. Đây là thời mà các sử gia gọi là giai đoạn chuyển tiếp mang tính thoái hóa (*Thời kỳ Hy Lạp hóa*) so với sự phát triển rực rỡ của thời Hy Lạp cổ điển. Khi không còn chiến tranh, xã hội xứ này chuyển sang lối sống hưởng thụ, tiệc tùng thâu đêm suốt sáng, những cuộc truy hoan vô độ cùng sự hỗn loạn về luân lý, đạo đức, tất cả đã đưa đến sự suy thoái của nền văn minh này, mở đường cho La Mã xâm lăng.

Angie cảm thán:

- Nói như vậy, âm nhạc thật sự đã có ảnh hưởng không hề nhỏ đến sự tồn vong của các quốc gia trong lịch sử thế giới.

Wilson gật đầu:

- Âm nhạc là sự giao tiếp phi ngôn ngữ, nó là cầu nối xuyên biên giới, kết nối con người ở khắp nơi, vì vậy mà nó có thể nhanh chóng phổ biến rộng rãi. Âm nhạc lan truyền theo nhiều cách thức và tác động trực tiếp đến tinh thần, cảm xúc, lối sống của con người khắp mọi nơi trên thế giới. Không phải tự nhiên các tôn giáo, các phong trào chính trị luôn coi trọng việc sáng tạo nên thứ âm nhạc ngợi ca đường lối, lý tưởng của mình, vì sự tác động của âm nhạc đến nhân tâm là vô cùng lớn. Đó là cách tiếp cận đại chúng nhanh nhất và hiệu quả nhất. Ở góc độ kinh nghiệm cá nhân, ông cũng có thể dễ dàng nhận thấy rằng khi nghe một bản nhạc có tiết tấu nhanh, vui tươi, khơi gợi niềm hy vọng, lạc quan, yêu đời thì ông cũng cảm thấy tràn đầy hứng khởi, dẫn đến việc thu hút những điều tích cực, may mắn đến với mình. Ngược lại, khi nghe những giai điệu u uất, bi đát, than trách, lời ca thoái chí, tuyệt vọng thì tinh thần của ông cũng u ám và theo luật Hấp dẫn, điều này cũng thu hút những điều tiêu cực đến với ông. Nhìn ở góc

độ xã hội, chúng ta có thể đánh giá sự hưng suy của một quốc gia thông qua thứ âm nhạc đang thịnh hành nhất của quốc gia đó. Một số nhà sử học hay nhân chủng học quan niệm rằng âm nhạc là sản phẩm văn hóa. Văn hóa ra sao thì âm nhạc cũng như thế. Tuy nhiên, nếu chúng ra suy xét kỹ càng mọi khía cạnh lịch sử, có thể dễ dàng nhận thấy khi âm nhạc thay đổi, xã hội cũng đổi thay theo. Khi âm nhạc đại chúng của quốc gia hướng về những cảm xúc của dục vọng hay sự ích kỷ cá nhân thì văn minh của nơi chôn đó sẽ từng bước suy đồi thấy rõ. Ví dụ như nền văn minh Hy Lạp suy sụp cũng vì ảnh hưởng âm nhạc của Assyria và Babylon, vốn cổ xúy việc hưởng lạc.

Wilson ngừng lại như để chọn lọc từ ngữ, rồi nói thêm:

- Âm nhạc có thể tác động lên tình cảm con người rồi ảnh hưởng đến ý thức và hành động của họ, mặc dù họ tiếp nhận điều đó một cách vô thức. Trước đây, âm nhạc chỉ khoanh vùng ảnh hưởng của mình trong một phạm vi nhất định nào đó vì giới hạn địa lý. Nhạc của người Âu không ảnh hưởng gì đến người Á và ngược lại. Chỉ trừ một số ngoại lệ như âm nhạc của những tộc người sống du mục như người di-gan thì có sự giao thoa rõ rệt, giàu tính sinh động và tự do vì họ di chuyển liên tục qua các biên giới lãnh thổ, nhưng trong các ca khúc dân gian của họ vẫn phảng phất nét u uẩn vì họ là những người không có quê hương. Hay âm nhạc theo chân những nhà truyền giáo khi đi đến vùng miền nào thì cũng giao thoa, cộng sinh với văn hóa vùng miền đó để dễ tạo được cảm tình của người dân bản địa.

Ngày nay, với các phát minh công nghệ, bắt đầu với radio, băng từ, đĩa than, đĩa nhựa, truyền hình, rồi CD, MP3 và sự bùng nổ của Internet, âm nhạc đã có thể lan tới khắp nơi, khắp chốn, tạo nên sự giao thoa, ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Điều này, bên cạnh những tác động tích cực khi di sản âm nhạc khổng lồ của nhân loại được chia sẻ rộng khắp thì đồng thời cũng tạo nên những hậu quả tai hại. Tiếng lành đồn xa thì tiếng xấu cũng đồn xa, nhiều thứ âm nhạc cổ xúy cho bạo lực, phỉ báng tôn giáo, đề cao ma quỷ, hướng con người đến lối sống tùy tiện, quá khích, hưởng lạc, cũng lan tràn. Chỉ cần chúng ta dừng lại một chút nhìn ra xung quanh và suy ngẫm là sẽ rõ. Ông bà thử ngẫm mà xem, người trẻ hiện nay đa số đang nghe những loai nhac gì? và họ đang hành động ra sao? Có phải có nhiều người trẻ đang sống vô cảm, ích kỷ và chỉ biết thụ hưởng hay không? Vì sao có một bộ phận sẵn sàng phá hoại, sống vô trách nhiệm, vô kỷ luật, thậm chí phỉ báng mọi luật lệ xã hội? Có phải không ít người đang sống thiên về bản năng, nhất là dục tính, thay vi lý trí không? Những hiện tượng này tràn lan nhưng có mấy ai biết đặt câu hỏi về căn nguyên của chúng. Dĩ nhiên, để

dẫn đến một sự suy đồi về văn hóa còn có nhiều nguyên nhân, nhưng trên lĩnh vực âm nhạc, một lĩnh vực có ảnh hưởng lớn, thì ai là người có trách nhiệm đây? Phải chăng chính sự thiếu trách nhiệm của người nhạc sĩ cùng với sự sụp đổ các giá trị văn hóa, giáo dục, đạo đức, sự nghèo nàn của tinh thần, cộng thêm lối sống thực dụng chỉ chạy theo lợi ích, đã cộng hưởng, tạo nên vòng nhân quả hỗn loạn, ảnh hưởng đến tâm thức của thời đại và con người? Có bao nhiêu nhạc sĩ còn soạn nhạc vì những cảm xúc thôi thúc trong tâm hồn, vì một rung động nào đó trước lòng trắc ẩn và vẻ đẹp của đời sống, hay chỉ soạn nhạc theo đòi hỏi thị hiếu, trào lưu của thị trường để kiếm tiền hoặc mưu cầu danh tiếng? Tôi cũng tự hỏi, với tư cách là người yêu nhạc và biết soạn nhạc, có bao nhiêu nhạc sĩ ý thức được rằng họ phải chịu trách nhiệm về sản phẩm nghệ thuật của mình...

Càng đi sâu vào chủ đề, Wilson càng tỏ ra xúc động, có thể thấy đây là một vấn đề luôn day dứt trong ông. Wilson thở dài rồi tiếp tục:

- Nếu nhạc sĩ rung động trước một sự kiện hay hoàn cảnh nào đó, rồi họ đem cảm xúc ấy hòa hợp vào tâm thức của mình thì họ sẽ sáng tác được loại âm nhạc truyền cảm và rung động người nghe. Đó là kiểu âm nhạc vượt thời gian. Ngược lại, nhạc sĩ không có cảm xúc thật sự thì không thể chuyển năng lượng của tâm thức vào tác phẩm được. Do đó, họ chỉ góp nhặt những nốt nhạc, rồi kết hợp tùy tiện, khiến tác phẩm trở nên rối loạn, dễ dãi, với những thông điệp tầm thường. Đó là thứ âm nhạc mang năng lượng xấu, với tần số bất thường. Người nghe sẽ bị ảnh hưởng bởi sự rung động tiêu cực này. Nó kích động sự man rợ cố hữu, khơi lên bản năng theo đuổi dục vọng, chỉ cần để ý quan sát là chúng ta có thể nhận ra một bộ phận không nhỏ trong giới trẻ ngày nay đã đánh mất sự kiểm soát lý trí, chỉ sống với bản năng ích kỷ. Họ cho đó là tự do, nhưng kiểu tự do không có ý thức và không đi kèm trách nhiệm thì chỉ là sự ngông cuồng mà thôi.

Cuộc trò chuyện đó giữa chúng tôi diễn ra đã khá lâu nhưng vẫn còn để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi. Mặc dù thỉnh thoảng tôi cũng nghe nhạc, nhạc nào thích thì tôi nghe, không thích thì không nghe, nhưng tôi không am hiểu nhiều về thể loại, cũng như chưa bao giờ suy nghĩ, nghiên cứu về âm nhạc theo chiều hướng sâu sắc như Wilson. Những trăn trở của Wilson về tầm quan trọng của âm nhạc thật sự đã khiến tôi suy nghĩ không ít. Nhưng khi đó, tôi cũng không có nhiều thời gian để nghiên cứu sâu về chủ đề này. Tôi ghi nhận những ý kiến của Wilson như một thông tin quý báu từ một người bạn có tầm hiểu biết. Những sự chê trách của Wilson với các thể loại âm nhạc hiện đại cũng cho tôi một cái nhìn có chọn lọc hơn với văn hóa đại chúng nói chung và âm nhạc nói riêng trong thời

đại toàn cầu hóa này.

***

Hôm đó, khi chúng tôi khẩn trương vào bệnh viện thăm Wilson thì ông đã yếu lắm rồi. Từ trên giường bệnh nhìn thấy tôi, ánh mắt ông mỉm cười, nhưng giọng nói khá yếu ớt:

- Thomas đến đấy à. Được gặp ông lúc này thật tốt quá. Sắp đến lúc tôi phải đi xa rồi. Bác sĩ bảo tôi có thể không qua khỏi tuần này. Các tế bào ung thư đã di căn khắp người, mọi phương pháp điều trị dường như đều vô hiệu...

Nghe đến đó, Angie xúc động hỏi:

- Chào Wilson. Lúc này tôi có thể làm gì được cho ông không?

Wilson trở người một chút, nhướng mắt lên, giọng nói đã ít nhiều mất đi sinh khí:

- Angie đấy ư? Nếu có thể, bà cho tôi nghe một bản concerto hay giao hưởng của Beethoven hoặc Bach thì tôi sẽ vui lắm.

Nghe thế, Angie vội vã quay trở ra. Một lát sau cô ấy đã tìm mượn được một máy nhạc nhỏ mang vào phòng. Angie bật nhạc và điều chỉnh âm lượng vừa đủ. Wilson nằm yên thưởng thức một cách thoải mái, dường như âm nhạc đã truyền thêm sinh khí cho ông, ông chậm rãi cất lời:

- Ông bà có biết không, hầu hết các nhạc sĩ tài danh đều hóa thân vào tác phẩm kiệt xuất của mình. Những nhạc sĩ này phải nhận được những cảm hứng tâm linh hay năng lượng kỳ lạ nào đó mới có thể sáng tác nên những giai điệu tuyệt vời như thế. Trong đời sống thực dụng bị chi phối bởi công nghệ và vật chất ngày nay, chỉ khi lắng nghe, tận hưởng các tác phẩm nghệ thuật này người ta mới tìm lại sự mỹ lệ diệu kỳ đã mai một giữa dòng chảy lịch sử chỉ vì chúng ta đã sống quá vội vàng. Nếu biết lắng nghe, ta sẽ cảm nhận được năng lượng âm nhạc và hạnh phúc sẽ tràn ngập tâm hồn. Làm sao có thể giải thích giây phút lâng lâng thoát tục này? Phải chăng đó chính là lúc chúng ta tiến đến gần đền miếu tầm linh nhất? Có nghe những tiết tấu tuyệt diệu này, ta mới tìm lại được quê hương tinh thần của mình. Qua âm nhạc, ta có thể thấy được đám mây trắng dịu dàng trôi trên bầu trời trong xanh, mặt nước lăn tăn tĩnh lặng soi bóng những hàng cây, hay khu rừng già rộn tiếng chim tô điểm cho sự tôn nghiêm của thiên nhiên, tạo

hóa. Âm nhạc chân chính gợi cho ta một sự thức tỉnh, hoài niệm khôn nguôi về nguồn gốc thiêng liêng của mình. Đôi khi, thưởng thức nhạc của Bach hay Mozart giúp chúng ta nhận thức được rằng đời sống này cần phải thanh khiết và cao thượng hơn. Không gì diễn tả trung thực cảm giác mưu cầu sự cao thượng này tốt hơn âm nhạc. Âm nhạc chính là biểu tượng dẫn ta đến thánh điện, nơi ngọn lửa tâm linh đang bừng cháy. Tôi muốn an nghỉ trong cảm xúc tuyệt diệu đó, để chuẩn bị bước sang cánh cửa huy hoàng của đời sống bên cõi thiên thu.

Angie ngậm ngùi nghe những lời này, không nén được xúc động:

- Wilson, xin ông đừng nói vậy! Vẫn còn có thể...

Wilson mỉm cười, lắc đầu:

- Tôi đã có một đời sống quá đầy đủ, tôi không mong cầu gì hơn. Chúa đã cho tôi tất cả những gì tôi tìm kiếm trong cuộc đời này và khi Ngài gọi về thì tôi sẵn sàng trở về với Ngài.

Buổi sáng sớm hôm sau, Wilson đã qua đời trong giấc ngủ say. Chúng tôi ở lại Arizona để dự tang lễ của ông. Cho đến lúc đó, tôi mới biết về đời tư đầy bất hạnh của người bạn đặc biệt này. Dù đã quen biết lâu năm, cũng thường xuyên qua lại viếng thăm nhưng Wilson hiếm khi nói về cuộc đời của mình. Trong những lần hội ngộ của chúng tôi, Wilson thích nói về âm nhạc, về những trận đánh golf hoặc thỉnh thoảng nói về công việc kinh doanh của chúng tôi. Giờ đây, qua người luật sư riêng của ông, tôi mới biết Wilson đã lập gia đình ba lần nhưng cuộc hôn nhân nào cũng chỉ kéo dài được vài năm. Các bà vợ của ông đều tiêu pha phung phí, sống xa hoa, trụy lạc. Tệ hơn, có người còn phản bội ông, khiến ông trải qua nhiều đau khổ. Những cuộc ly dị, kiện cáo phân chia tài sản đã gây rất nhiều tai tiếng và gần như phá tan cơ nghiệp của ông. Ông có hai người con, đều đã qua đời khi còn trẻ. Người con lớn say mê nhạc Black Metal*, theo tư tưởng Satanic, tôn thờ Satan và những nghi lễ tà giáo. Người con này không chịu học hành, song buông thả và thường trộm tiền của ông để mua ma túy, ăn chơi, cuối cùng đã chết vì sử dụng ma túy quá liều. Người con thứ hai bỏ nhà ra đi từ tuổi vị thành niên, sau khi cha mẹ ly dị, rồi dính dáng vào băng đảng tội phạm và bị bắn chết trong cuộc bố ráp của cảnh sát tại miền Nam California. Bây giờ tôi mới phần nào hiểu được vì sao Wilson có cái nhìn gay gắt với loại âm nhạc mà ông khẳng định là đã làm hư hỏng thanh niên.

** Black Metal là một nhánh của Heavy Metal Rock. Một số người theo dòng*

nhạc này đôi khi quá khích đến mức có tư tưởng chống đối loài người và phỉ báng tôn giáo.

Mặc dù Wilson yêu cầu tang lễ cử hành rất đơn giản, chỉ thông báo để vài người bạn thân đến đưa tiễn, nhưng chúng tôi bất ngờ khi thấy những người vợ cũ của ông đều có mặt. Tuy nhiên, họ đến không phải để tiễn ông mà để xem tài sản của ông còn gì họ có thể lấy được không. Người nào cũng dẫn theo luật sư để sẵn sàng tranh giành cho kỳ được những gì còn lại. Sau khi hạ huyệt, những người này lập tức đòi xem di chúc. Đến lúc đó, tôi mới biết tài sản của ông gần như đã tiêu tán hết, ngoài căn nhà ông đang ở thì chẳng còn tài sản gì đáng kể. Nhìn cảnh xâu xé, tranh giành vô nhân tính của những người này, vợ chồng tôi chỉ biết lắc đầu. Tôi càng bất mãn về thói tham lam và sự táng tận lương tâm mà mình đang chứng kiến thì càng cảm thương cho Wilson. Sau tang lễ, chúng tôi lặng lẽ rời khỏi Arizona vì không muốn đau lòng thêm.

***

Thấy Angie quá xúc động vì hoàn cảnh thương tâm của người bạn cũ, thay vì trở về New York, tôi quyết định bay đi Colorado để Angie có thể nghỉ ngơi ít hôm. Suốt mấy ngày liền, tôi cứ suy nghĩ về hoàn cảnh của Wilson. Một người tử tế, hiền lành như ông rốt cuộc phải trải qua một cuộc đời bất hạnh đến thế, lại chẳng một lời oán thán. Tại sao một người phóng khoáng, biết trân trọng cái đẹp, am hiểu nghệ thuật và suy nghĩ sâu sắc như ông lại gặp phải những người vợ lẳng lơ, tham lam vật chất và những đứa con phá của? Càng suy nghĩ, tôi thấy mình càng bế tắc và chìm trong những câu hỏi không lời giải, vì vậy, tôi quyết định đến gặp ông Kris để hỏi chuyện. Không hiểu sao, tôi luôn tin tưởng rằng ông Kris có thể giải đáp những thắc mắc đang trĩu nặng trong lòng tôi.

Nhìn thấy tôi, ông Kris cũng không tỏ ra ngạc nhiên. Ông không chào tôi mà hỏi ngay một cách thân mật, như thể chúng tôi vẫn gặp nhau thường xuyên và những cuộc chuyện trò chưa hề gián đoạn:

- Thế nào rồi, việc thực hành phương pháp tĩnh tâm của ông tiến triển ra sao?

Tôi cười, có chút lúng túng:

- Gần đây, đôi khi tôi thiếp đi một lúc trong lúc thực hành theo phương pháp của ông hướng dẫn.

Kris xua tay, mỉm cười:

- Không sao, con người không phải cái máy. Khi cơ thể mệt mỏi thì thiếp đi một chút để cho thân thể cân bằng, điều hòa là chuyện thường. Thế sau đó ông làm gì?

Tôi trả lời:

- Khi tỉnh lại tôi tiếp tục thực hành lại từ đầu. Tôi đã quyết tâm mỗi ngày ngồi tĩnh tâm ít nhất một giờ và nhất định phải làm theo đúng như thế. Thật sự là ban đầu việc này cũng không dễ với người có nhiều việc để lo nghĩ như tôi.

Ông Kris gật đầu:

- Ông đã làm rất tốt! Vấn đề quan trọng là giữ đúng thời lượng. Nếu thiếp đi vài phút rồi quay ra ngủ luôn thì sẽ mất hết công phu luyện tập. Khi mới thực tập, ai cũng có lúc ngủ thiếp đi một lúc như vậy thôi, nhưng nếu sau đó, ông vẫn kiên trì tiếp tục tu tập thì sẽ khắc phục được. Ông cần để đầu óc thoải mái, giữ hơi thở điều hòa, đừng để những việc khác xen ngang làm rối loạn, cứ nhẹ nhàng quan sát các tư tưởng đến và đi một cách tự nhiên nhưng không phán xét. Thực hành tĩnh tâm phải hết sức kiên trì, không thể đi nhanh được, gấp rút nóng vội sẽ không thể thành công.

Sẵn đà câu chuyện, tôi đem vấn đề thắc mắc đã lâu ra hỏi ông Kris:

- Trước đây, khi bắt đầu dạy phương pháp tĩnh tâm cho tôi, ông có nói sơ qua về sự khác nhau giữa phương pháp tĩnh tâm và kiểu thiền định mà Angie hay Connie được dạy khi học Yoga, ông có thể nói thêm về việc đó được không? Tôi vẫn còn cảm thấy khá mơ hồ và khó phân biệt.

Ông Kris thong thả mời tôi ngồi xuống, rồi từ tốn trả lời:

- Hiện nay có nhiều phương pháp thiền khác nhau, tùy theo người thầy chỉ dạy. Tuy nhiên, từ thiền đã bị sử dụng bừa bãi trong các phòng tập thể thao để câu khách. Không ai có thể chỉ ngồi yên năm, mười phút mà gọi là tham thiền được. Đó chỉ có thể gọi là một hình thức thư giãn trước khi tập Yoga thôi. Khi trào lưu Yoga phát triển ở phương Tây, người ta đã bày vẽ cách "ngồi thiền năm phút" hay thở hít gì đó, rồi gọi là "thiền khí công" để quảng cáo cho phòng tập của mình, vài huấn luyện viên còn tự xưng là Thiền sư (*Meditation Master*) hay

Hành giả Yoga (*Yogi*) rồi thu nhận học trò để kiếm tiền. Đa số người phương Tây không biết gì nhiều về những phương pháp này nên dễ bị lợi dụng.

Ông Kris giải thích thêm:

- Danh từ Thiền (*Meditation*) có nghĩa là suy ngẫm. Người thực hành phương pháp thiền này được dạy phải suy ngẫm về một đề tài, một chuyện gì đó hay hướng về một hình ảnh nào đó để tập trung tư tưởng. Phương pháp tĩnh tâm (*Stillness Meditation*) dạy theo dõi hơi thở, cũng là cách tập trung tư tưởng, tránh cho tâm trí đi lan man. Hàng ngày, tâm trí chúng ta xáo trộn vì hết chuyện này đến chuyện khác thâm nhập, không bao giờ yên định trong khoảnh khắc hiện tại. Suy nghĩ trong đầu có lúc tốt, có lúc xấu, có khi đầy những lo lắng, toan tính ngược xuôi. Do đó, tâm trí chúng ta thường bị nhiễu, không thể nhìn rõ mọi sự một cách tỉnh táo, sáng suốt mà thường bị các suy nghĩ lan man, lo âu ập tới ảnh hưởng. Những thói quen, những lối suy nghĩ cũ trong quá khứ khiến chúng ta không kiểm soát được tư tưởng hay vọng niệm. Có lúc ta tin thế này, có lúc ta nghĩ thế kia, không thể đưa ra quyết định rõ ràng. Thiền là sự kiểm soát tâm thức, tập trung tư tưởng để phát triển định lực, khai mở trí huệ, diệt trừ các thói quen tiêu cực ảnh hưởng đến thân-tâm-trí của chúng ta. Phương pháp tĩnh tâm là sự tập trung toàn vẹn dẫn đến sự an lạc, sáng suốt, không chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh nữa. Khi người thực hành đạt đến trạng thái tâm thức yên lặng, không còn tư tưởng nào nữa, thì đi đến trạng thái định (*Samadhi*). Suy ngẫm vẫn còn là trạng thái "động" và tĩnh tâm mới là trạng thái "bất động".

Nói đến đây ông Kris chợt ngừng lại, nhìn tôi mỉm cười:

- Nhưng hôm nay ông đến gặp tôi đâu phải hỏi về thiền, hình như ông còn có vấn đề gì cần trao đổi. Ông vừa bước vào tôi đã thấy ông đang muốn hỏi về việc gì đó rồi.

Được ông mở lời, tôi kể ngay câu chuyện về cuộc đời bất hạnh của người bạn xấu số Wilson cho ông nghe, ông Kris im lặng trầm tư một lúc rồi nói:

- Trước đây tôi đã nói với ông rằng không phải tình cờ mà mọi người được gặp nhau. Tất cả đều do nhân duyên thu xếp, sắp đặt trước, ông và Wilson cũng vậy, hai người đã có liên hệ mật thiết từ nhiều kiếp rồi, có điều hiện nay ông không còn nhớ được thôi.

Quá bất ngờ trước điều vừa nghe, tôi lặng người một lúc rồi mới lên tiếng

được:

- Thật vậy sao? Lẽ nào...

Ông Kris mỉm cười, nói:

- Ông cần phải tự mình tìm ra sự liên hệ này. Ông hãy ngẫm lại đi. Có bao giờ ông tự hỏi tại sao một người không hề quen biết như Wilson lại giúp ông số vốn lớn để khởi nghiệp và phát triển công ty mà không hề kiểm tra hay cần điều kiện gì như vậy, nếu không phải đã có duyên nợ từ trước?

Tôi nhíu mày:

- Đúng rồi, Wilson là một nhà đầu tư rất đặc biệt. Nhưng tôi thật sự không nhớ gì về sự liên hệ trong quá khứ.

Ông Kris chăm chú nhìn tôi vật lộn trong suy nghĩ một lúc, rồi bật cười:

- Không có điều gì xảy đến với cuộc đời ta là ngẫu nhiên hay tình cờ. Tất cả đều là duyên, do nhân quả tuần hoàn và nghiệp lực thu hút đến. Có lẽ ông sẽ rất bất ngờ khi tôi nói điều này: Wilson chính là Nimurta, người anh trai của ông trong kiếp sống tại Assyria và còn cùng ông trải qua nhiều kiếp sống khác nữa. Ví dụ, ông từng trải qua kiếp sống ở Hy Lạp và ông ấy là bạn thân lớn lên cùng ông.

Tôi bàng hoàng, thảng thốt:

- Thật vậy ư? Từ lần hồi tưởng về tiền kiếp trước, tôi vẫn nhớ Nimurta rất thích âm nhạc, nhưng chúng tôi còn có những liên hệ trong những kiếp sống khác nữa sao? Việc này quả thật tôi không nhớ và cũng quá sức tưởng tượng của tôi.

Ông Kris gật đầu, từ tốn:

- Rồi ông sẽ nhớ ra thôi. Wilson đã trải qua nhiều kiếp sống với niềm đam mê âm nhạc. Ở kiếp sống này, dù sinh trưởng tại nơi mà nhạc Country thịnh hành nhưng bởi tiềm thức từ tiền kiếp mà ông ấy vẫn bị hút vào nhạc cổ điển, bởi dòng nhạc bác học này gợi đến sự huy hoàng của nghệ thuật đã bị mai một trong dòng chảy lịch sử. Có những tiềm thức từ những tiền kiếp xa xưa vẫn còn vọng lại trong kiếp sống hiện nay, đặc biệt với những người có đòi sống hướng đạo,

tức những người từng tu tập qua nhiều kiếp sống và hiện tại linh hồn của họ vẫn đang tiếp tục cuộc hành trình tâm linh, hoặc những người có tâm hồn đặc biệt nhạy cảm với nghệ thuật... còn thắc mắc của ông về việc vì sao một người tuyệt vời như ông Wilson lại có cuộc sống hôn nhân nhiều đau khổ như hiện nay thì đó chính là để trả nợ cho những cái nhân, nghiệp mà ông ấy đã gieo ở các kiếp sống trước. Trong những kiếp sống trước, ông Wilson sống quá phóng đãng và trăng gió với rất nhiều phụ nữ đẹp. Tuy đã lập gia đình nhưng do bản tính phong lưu nên ông ấy vẫn lao vào những cuộc phiêu lưu tình ái ngoài hôn nhân, khiến cho rất nhiều phụ nữ đau khổ. Nên ở kiếp này, ông ấy phải chịu cảnh bị phản bội tình cảm, sống một đời cô đơn. Nhân quả đã cho ông ấy học bài học về giá trị của hạnh phúc. Ở khía cạnh tình cảm, đau khổ trong hôn nhân khiến Wilson cảm nhận được nỗi đau khi bị người thân yêu phản bội, đây là nhân quả bắt ông ấy phải học về giá trị của lòng chung thủy và chân thành trong tình cảm.

Hiện nay, ông có thể để ý thấy trong xã hội chúng ta có quá nhiều những người đàn ông mang vẻ ngoài lịch lãm, bảnh bao, nhưng thật ra chỉ là những gã sở khanh chuyên đi mồi chài, lừa gạt, chiếm đoạt thân xác những cô gái trẻ đẹp. Dạng người này tồn tại trong mọi giới, mọi tầng lớp. Họ có thể là những công tử sinh ra đã ngậm thìa bạc hay nghệ sĩ, doanh nhân, chính trị gia, thậm chí thuộc giới trí thức. Dù là ai thì những người này cũng luôn khoác lên người vẻ đạo mạo, trang nghiêm, lịch thiệp để lôi cuốn người khác, nhằm lợi dụng họ, phục vụ cho những ham muốn hèn kém của mình. Những tay sở khanh không hề biết sau này chính họ sẽ phải trả nghiệp cho mọi đau khổ họ từng gây ra cho người khác. Đặc biệt, nghiệp báo sẽ càng nặng hơn khi họ lừa gạt, dan díu với những người phụ nữ đã có gia đình.

Quay trở lại câu chuyện của người bạn của ông. Xét về khía cạnh tài chính, trong những kiếp sống trước, Wilson từng khiến gia đình và người thân hao tài tốn của vì thói ham mê cờ bạc, vì vậy, ở kiếp này, linh hồn những người thân từ tiền kiếp đã chuyển thể và được nghiệp lực dẫn dắt đến cuộc đời ông ấy để đòi nợ, khiến ông tán gia bại sản, cơ nghiệp tan tành. Họ chuyển kiếp làm vợ, làm con, để khiến ông ấy phải đau khổ như ông ấy đã từng làm với họ trước đây. Họ đã hủy hoại hầu như tất cả những gì ông Wilson đã vất vả gây dựng được, cũng giống như ông ấy đã từng làm tiêu tan tinh thần và tài sản của họ ở tiền kiếp vậy. Các ân nợ về tình duyên thường được giải quyết qua hôn nhân, hạnh phúc hay không hạnh phúc còn tùy vào ai trả nợ cho ai. Nợ về tiền bạc thường được thanh toán bằng việc làm ăn thất thu, bị lừa gạt, hay sẽ có những đứa con phá của. Nếu nhìn bằng mắt thường, ông thấy Wilson là người không may mắn, nhưng nếu nhìn bằng đôi mắt tinh thần, thì ông sẽ thấy đó chỉ là luật

Nhân quả đang vận hành chính xác. Gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy, chỉ vậy thôi.

Tôi bần thần trước sự giải thích của ông Kris về cuộc đời người bạn khốn khổ của mình. Mãi một lúc sau định thần lại, tôi hỏi thêm:

- Lúc nãy ông có nói, khi quan hệ bất chính với những người phụ nữ đã có gia đình thì nghiệp quả còn nặng nề hơn, ông có thể giải thích rõ hơn được không?

- Đơn giản thôi. Trong mối quan hệ bất chính với người phụ nữ đã có gia đình, ông phá hoại hạnh phúc gia đình người khác, thì không chỉ người phụ nữ đó sau này oán hận ông, mà người thân, cha mẹ hai bên, con cái của họ càng căm ghét ông. Nếu thân sinh của họ đã qua đời, thì ở cõi bên kia họ vẫn nhìn thấy và căm ghét kẻ phá hoại hạnh phúc của con cháu họ. Một khi sự oán hận được khởi lên ở cõi vô hình thì ông nên biết rằng nghiệp báo nặng nề sẽ xảy ra ngay trong kiếp này và cả những kiếp sau của người gây nghiệp. Chưa nói đến một trọng tội khác mà người đàn ông trăng hoa kia phạm phải, đó là anh ta đã lôi kéo, dẫn dụ một người đang trong sáng trở thành kẻ có tội, kẻ phản bội gia đình. Nghiệp chồng thêm nghiệp như thế, chắc ông cũng hình dung được họ phải trả quả nặng nề ra sao.

Tôi lắng nghe ông Kris nói một cách chăm chú, thầm cảm phục ông vì những kiến thức thông thái của một triết gia nhưng lại vừa có sự thấu hiểu nhân quả của đời thường. Tôi nghĩ sẽ cần trò chuyện thêm với ông ấy về đề tài này, vì tôi cũng đã chứng thực nhiều câu chuyện kỳ lạ liên quan. Nhưng để không ngắt mạch câu chuyện, tôi quay lại câu hỏi mình đã có ở thời điểm tôi gặp Wilson, vì đến giờ tôi vẫn thường nghĩ về quyết định đầu tư của ông vào công ty chúng tôi, nghĩ về niềm tin tuyệt đối ông dành cho tôi khi đó mà ít nhiều băn khoăn. Tôi hỏi ông Kris:

- Ông nói tôi và Wilson còn có mối liên hệ trong những kiếp sống khác nữa, những mối liên hệ đó như thế nào? Vì sao kiếp này ông ấy lại có thể vừa mới gặp đã tin tưởng tôi tuyệt đối và giúp tôi nhiều thế?

Ông Kris im lặng một lát ra chiều ngẫm nghĩ, sau đó ông nhìn tôi, rồi nói:

- Tôi sẽ không tiết lộ thêm cho ông nữa. Đây là điều mà ông phải tự mình tìm hiểu. Ông có thể tự mình hồi tưởng những kiếp sống đã qua. Ông vốn từng có khả năng này nhưng nay đã quên, vì sự tu tập của ông ở kiếp này vẫn chưa đủ. Hiện ông cũng chưa nghiêm túc rèn luyện và hay trông chờ vào tôi. Tôi và ông

từng tu tập cùng nhau qua nhiều kiếp và về sau đã đi con đường khác nhau, nhưng nhờ vậy tôi biết ông là người đặc biệt và sẵn sàng giúp ông trên hành trình thức tỉnh ở kiếp này. Nhưng tôi sẽ chỉ trợ lực cho ông ở giai đoạn đầu mà thôi.

Tôi không kìm được, bèn hỏi tới:

- Ông nói rằng chúng ta từng tu tập cùng nhau, tôi muốn biết thêm về việc này được không?

Ông Kris mỉm cười, ôn tồn đáp:

- Chẳng phải tôi vừa nói vỏi ông là ông nên tự mình tìm hiểu sao. Về những liên hệ tiền kiếp của chúng ta, tôi nghĩ bây giờ không phải là lúc để nói đến. Ông nên tu tập nhiều hơn, biết đâu tự ông có thể hồi tưởng lại những ký ức đó. Và chia sẻ một điều xin ông đừng buồn, sự tu tập của ông ở kiếp này hiện nay vẫn chưa đủ, ông vẫn còn dễ dãi với bản thân và đổ lỗi khi chưa thiền định đúng mức. Tôi biết rõ năng lực của ông cao hơn thế rất nhiều. Tuy tôi có thể giúp ông nhưng bản thân ông cẩn tìm lại khả năng đặc biệt này để tự mình chiêm nghiệm hành trình tâm linh của mình, để nhận thức rõ hơn về những điều ông cần học.

Dầu chúng ta gặp nhau ở kiếp sống này là đã có sự an bài, nhưng tôi không phải và cũng không thể là người luôn có mặt trả lời cho những thắc mắc của ông. Tôi chỉ thức tỉnh trước ông một đoạn thời gian mà thôi. Chính ông sẽ phải tự mình hoàn thành con đường tu tập của mình. Sự hiểu biết thật sự chỉ có thể đến từ kinh nghiệm và nỗ lực suy ngẫm của mỗi cá nhân. Cho dù ông có thể học điều này, điều nọ từ ai đó, nhưng suy cho cùng đó cũng chỉ là kiến thức của người kia, không phải của ông. Hạt mầm tôi trao cho ông hay bất cứ ai trao cho ông đều chưa phải của ông, trí huệ của người tu tập phải là hạt mầm tự nảy nở trong chính mình, thông qua những trải nghiệm, suy ngẫm, cảm ngộ của mình. Muốn có sự hiểu biết thật sự, ông phải dựa vào nỗ lực của chính mình để tìm ra câu trả lời cho những điều ông muốn biết. Đó mới là sự hiểu biết có giá trị.

Những lời thẳng thắn chân tình đúng lúc của ông Kris như một hồi chuông thức tỉnh tôi. Tôi hiểu ra rằng mình không thể cứ tiếp tục tìm đến ông Kris mỗi khi cần câu trả lời cho các câu hỏi về cuộc đời. Nếu tôi đã có khả năng này, thì tôi phải cố gắng tu tập để hồi phục nó. Tôi tự nhủ sẽ chỉ tìm đến ông Kris để tìm câu trả lời khi thật cần thiết, còn lại sẽ tự thân khám phá theo hướng dẫn của ông ấy. Nếu tôi muốn tìm lại được những năng lực tâm linh từng có, thì tôi phải cố gắng nhiều hơn. Tôi nhận ra ngay từ đầu ông Kris hướng cho tôi luyện tập

phương pháp tĩnh tâm chính là bước đầu để tôi có thể khai mô lại năng lực vốn có của mình. Tôi phải dành nhiều thời giờ hơn để thực hành tĩnh tâm.

Kris như đọc được những ý nghĩ của tôi, ông nói:

- Không phải ngẫu nhiên mà tôi hướng dẫn ông thực hành phương pháp tĩnh tâm. Mục đích của việc thực hành này là mở khóa cánh cửa nhà tù vô hình đang giam hãm tâm thức chúng ta. Chúng ta đều là phần tử của một sự sống vĩ đại hay còn gọi là chân ngã, thuộc về một năng lượng khởi thủy uyên nguyên, được sắp đặt khéo léo bởi những định luật trong vũ trụ. Trải qua muôn vàn kiếp sống, con người đã từng lầm đường lạc lối vì tự cho mình là thực thể riêng biệt, có tự ngã, độc lập khỏi những quy luật của vũ trụ. Con người ngạo mạn cho rằng mình là những chủ nhân địa cầu, dùng kiến thức hạn hẹp của mình để thống trị và hủy hoại tự nhiên, chính vì cái tôi tham sân si, xa rời khỏi

đại đạo tự nhiên nên nhiều người chỉ nghĩ đến bản thân, chỉ muốn đạt được mục đích cá nhân chứ đâu biết nghĩ đến người khác hay đến muôn loài, càng không biết tìm kiếm cội rễ của vòng nhân quả và sửa đổi mình. Vì sự tham lam ích kỷ này mà con người không ngừng vơ vét tài sản chung của vạn vật để tích lũy cho riêng mình. Ông có thể thấy đại dương đang nhiễm độc, rừng đã bị hủy hoại hơn 80%, trái đất đang bước vào "*đợt tuyệt chủng thứ sáu*" chỉ trong vài chục năm ngắn ngủi... Con người với cái tôi ngạo mạn chỉ chạy theo vật chất, lợi ích. Giữa giá trị và giá cả thì họ sẽ chẳng ngần ngại lựa chọn giá cả, họ trọng tiền tài hơn mọi thứ khác. Mà những tài sản, danh vọng vốn vô thường, tất cả đều chỉ là thứ bên ngoài, là thứ nay còn mai mất, nó không giúp ích cho sự an lạc hay hạnh phúc thật sự, nó không phục vụ cho hành trình đi về cội nguồn thanh khiết, tìm về chân ngã thiêng liêng.

Ông biết đó, vạn vật trên thế giới này, như cỏ cây, hoa lá, côn trùng, thú vật và cả con người thì nhiều vô kể, không thể đếm được. Tuy nhiên, bên trong vạn vật tưởng chừng vô vàn khác biệt đó, tinh hoa vẫn là nhất thể, đó là sự sống hay chính là năng lượng uyên nguyên. Ông có thể so sánh tổng thể uyên nguyên đó như là nước, còn vạn vật là sóng. Sóng thì muôn trùng, sóng lớn, sóng nhỏ, sóng cao, sóng thấp nhưng tựu trung, bản chất vẫn chỉ là nước. Nếu chân ngã là đại dương thì bản ngã chỉ là lượng nước chứa đựng trong cái chén nước bé nhỏ. Tuy đại dương và chén nước nhìn bề ngoài không giống nhau nhưng đều cùng là nước. Vấn đề là làm sao nước trong cái chén chật hẹp trở về được với đại dương bao la.

Khi nào tâm của ông trở nên tĩnh lặng, không còn bị ảnh hưởng, bị quấy rối bởi những tư tưởng bên ngoài, khi mọi sự suy nghĩ của trí óc đều lắng xuống, thì lúc đó, ông sẽ cảm nhận được một sức nóng lạ lùng tuôn trào khắp châu thân. Tuy nhiên, khi nó xuất hiện, ông không nên để ý đến nó. Dù nó tạo cho ông cảm giác vui sướng hay khó chịu thì ông cứ mặc kệ, hãy giữ tâm yên tĩnh như mặt nước hồ thu. Khi không bị thế giới bên ngoài lôi kéo thì ông sẽ đạt được trạng thái định và trong tâm thức bất động, vô vi đó sẽ khởi lên một tình thương bao la vô bờ bến. Tình thương thật sự chỉ hiện diện ở cái tâm không còn tư dục. Lúc đó, ông sẽ thấy cõi lòng mở rộng đến tất cả mọi nơi, mọi vật. Ông sẽ không còn thấy có sự khác biệt giữa mình và mọi vật nữa. Đây là một thứ tình thương cao thượng, rất khó diễn tả vì nó không giống như tình thương thông thường. Ông có thể gọi đó là lòng từ bi (*Compassion*). Phương pháp này nhằm vào việc phát triển sự hiểu biết thật sự, hay trí tuệ (*Wisdom*). Khi ông có thể hoàn toàn làm chủ được tâm thức, không còn bị ngoại cảnh lôi kéo nữa thì dù trong hoàn cảnh nào ông cũng có thể thản nhiên. Khi không còn dao động thì ông có thể phục hồi những khả năng trước đây. Vì đã tu tập từ kiếp trước nên ông có thể chuyển tâm thức thâm nhập vào biển lớn của sự hiểu biết, chứng kiến mọi sự được ghi nhận trong Tâm thức vũ trụ (Akashic Record) và nhớ lại những kiếp sống trước đây của ông.

Tôi lặng người một lúc trước những gì ông Kris vừa truyền đạt. Tôi chân thành nói cảm ơn ông, đồng thời hiểu rằng con đường tu tập của mình còn dài, còn cần phải nỗ lực nhiều, ông Kris ân cần dặn dò thêm:

- Ông nên thực hành phương pháp này vào lúc sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc vì lúc đó không gian rất tĩnh lặng, có nhiều năng lượng thích hợp cho việc tu tập. Ông cũng nên tuân thủ thời gian khi thực hành. Dĩ nhiên lúc đầu sẽ gặp khó khăn nhưng dần dần sẽ trở thành thói quen. Khi đã vượt qua được những khó khăn ban đầu này, ông sẽ có chút định lực ban đầu và cứ thế dần dần sẽ đạt được định lực cần thiết. Theo thời gian, việc thực hành sẽ tác động tích cực đến đời sống hàng ngày của ông, giúp cho ông sáng suốt, trầm tĩnh, an nhiên hơn. Trong cuộc sống, ai cũng có lúc không làm chủ được mình, đôi khi nóng nảy, giận dữ, nói những lời không hay hoặc hành động không tốt. Đây đều là những phản ứng đến từ thói quen cũ. Ông nên suy nghĩ, phân tích về các nhược điểm của mình để nhận thức về những lỗi lầm đã phạm. Sự suy ngẫm này sẽ giúp ông thanh lọc tâm hồn, đặt mình trước sự cảnh giác của lương tâm. Tiếng nói của lương tâm chính là sự tổng hợp các trải nghiệm đã có, của những bài học đã học được từ kiếp trước, việc ôn lại bài học để rút kinh nghiệm sẽ giúp ông tiến nhanh hơn trong việc học hỏi của mình.

Tôi gật đầu, tán thành lời ông và hồi thêm:

- Trong lúc thực hành, đôi khi tôi nhìn thấy những hình ảnh lạ lùng hiện lên trong tâm thức. Những hình ảnh này có khi là sự việc tốt đẹp, có khi rất đáng sợ. Vậy chúng là gì? Khởi phát từ đâu?

Ông Kris trả lời:

- Đó chỉ là vọng tưởng từ những ý nghĩ mà ông đã khởi sinh trong tàng thức trước đây, nay được dịp phát ra. Tất cả lời nói, hành động hay tư tưởng đều là những nhân, hay chủng tử, được gieo vào tàng thức, khi gặp lúc thuận tiện sẽ khởi phát. Nếu ông để ý đến những hình ảnh đó thì ông sẽ bị lôi kéo ra khỏi sự tập trung, làm mất công phu. Đừng chú ý, đừng quan tâm. Dù hình ảnh đó là gì thì ông cứ mặc nó, nó tự đến và nó sẽ tự đi. Một khi ông không để tâm, không phản ứng, thì nó sẽ tự tiêu vong. Theo thời gian, ông sẽ thanh lọc được vọng tưởng.

Chúng tôi tiếp tục trao đổi thêm về những kinh nghiệm tu tập, mãi đến khi trời sập tối. Tôi đứng lên chào ông Kris, hứa sẽ tuân theo chỉ dẫn của ông, tu tập nghiêm túc, kiên trì hơn. Trước khi tiễn tôi ra cửa, ông Kris ân cần nói thêm:

- Chỉ cần ông tập trung thì sẽ nhanh tiến bộ thôi. Khi ông ý thức được và thấu hiểu về thế giới tâm linh, ông sẽ thấy đời sống tâm linh và đời sống hàng ngày ảnh hưởng tương hỗ cho nhau như thế nào. Và đến khi hai đời sống này hòa hợp thành một, ông sẽ đạt được một cảnh giới mới. Chúng ta sống và làm việc thì tất nhiên phải giao thiệp, tiếp xúc với đủ mọi loại người trong xã hội, nhưng ông nên tránh làm những việc không phải mục đích của mình. Trước khi làm gì hãy suy nghĩ kỹ xem đó có phải là mục đích của ông hay không? Mục đích ở đây là những điều ông cần làm để học hỏi trong kiếp sống này. Nó không nhất thiết là điều ông muốn làm hay bắt buộc phải làm. Tất cả chúng ta đều có mục đích riêng do nhân quả đưa đến, đồng thời cũng có nguyện vọng từ tiền kiếp. Chúng ta đến đây để áp dụng điều đã học vào đời và học thêm điều mới. Điều quan trọng trong đời mỗi người là phải tìm được mục đích đó và thực hành những việc cần thiết để hoàn tất bài học và tiếp tục thăng tiến trên con đường phát triển tâm linh. Đừng làm những chuyện vô ích, đừng để hoàn cảnh xung quanh lôi kéo, đừng để tham vọng cá nhân xen vào mục đích tu tập của mình. Khi tiếp xúc với mọi người, nên tránh nói những lời không cần thiết. Hãy suy nghĩ đến hậu quả của lời nói trước khi thốt ra. Nên nhớ rằng, bất cứ hành động, cử chỉ, lời nói hay ý nghĩ nào cũng là nhân và đã có nhân thì ắt có quả. Mọi việc lớn nhỏ

trên thế gian này đều nằm trong vòng nhân quả. Hiểu được nhân quả là bước khởi đầu, hiểu rồi thì cũng phải biết áp dụng nó trong mọi hành động nữa. Ông có biệt nghiệp của ông và nơi ông làm việc cũng có cộng nghiệp chung của mọi người, có những việc ông có thể đóng góp nhưng cũng có những việc phải để cho luật Nhân quả xử lý. Do đó, hãy tự biết cái gì có thể thay đổi, cái gì không thể thay đổi và chấp nhận nó như một bài học.

***

Tôi đáp chuyến bay khuya trở về New York. Trên chuyên bay vắng khách, nhìn ra cửa sổ ngắm nhìn những áng mây đủ hình thù rực sáng dưới ánh trăng, khung cảnh mỹ lệ như ở thế giới thần tiên nào đó, tôi cảm thấy như gần chạm đến nguồn năng lượng uyên nguyên mà ông Kris nhắc đến và thiếp đi trong một trạng thái nhẹ nhàng.

Về đến nhà, theo lời chỉ dẫn của Kris, ngay sáng sớm hôm sau khi mặt trời còn chưa ló dạng, tôi thức dậy, dành nhiều thời giờ thực hành phương pháp tĩnh tâm hơn. Sau nhiều tháng tập trung, kiên trì thực hành, tôi thấy mình đã có những tiến bộ rõ rệt, có thể ngồi tĩnh tâm khá lâu mà không gặp khó khăn về thân-tâm-trí như trước đây, không còn bị phân tâm hay bị xen ngang bởi những luồng suy nghĩ đột ngột xuất hiện như trước đây. Tôi dõi theo các luồng tư tưởng đến và đi trong tâm thức, nhưng không phản ứng gì với chúng, cho đến khi tất cả đều trở nên tĩnh lặng. Khi các tư tưởng, suy nghĩ không còn kéo đến quấy rầy tôi nữa thì tôi bắt đầu cảm nhận được một cảm giác bình an lạ thường, cảm giác này như ngấm vào làn da, vào từng thớ thịt, khiến tôi thấy thoải mái, dễ chịu không lời diễn tả. Lúc đầu tôi ngồi khoảng nửa giờ, sau tăng lên một giờ, rồi cố gắng thức dậy sớm hơn nữa để có thể ngồi đến hai giờ. Sau giai đoạn này, tôi không còn để ý đến thời gian nữa mà cứ để cho mọi sự diễn ra nhẹ nhàng như hơi thở trong miền tĩnh lặng. Thật khó có thể diễn tả cảm giác này bằng lời. Đến lúc đó, tôi mới đồng cảm với trải nghiệm mà người bạn phi hành gia Mitchell đã chia sẻ ở buổi gặp gỡ với Hòa thượng Thánh Nghiêm tại Đại học Đài Bắc mùa hè năm 2008, về trải nghiệm cảm ngộ sự bình an lạ thường trong lúc nhìn qua cửa kính phi thuyền đang du hành ngoài không gian. Tôi cũng đã hoàn toàn hiểu được tại sao cảm giác đó có thể thay đổi toàn diện thế giới quan của một người trước đó vẫn sống bằng logic của tri thức khoa học.

Qua công phu thực hành đều đặn, tôi bắt đầu ý thức hơn trước về tầm quan trọng của những hoạt động hàng ngày. Là người đứng đầu một công ty tài chính, trước biến động thị trường hay nhịp thay đổi của kinh tế thì sự ứng phó của tôi cũng đã

tương đối dễ dàng hơn. Trước đây tôi thường quan niệm chỉ cần sáng suốt khi cần ra quyết định và can đảm lúc hành động, thì tôi có thể làm việc hiệu quả. Hiện nay, tôi biết rằng như thế vẫn chưa đủ, tôi còn phải biết uyển chuyển và tỉnh thức hơn trong từng việc nhỏ nhặt hàng ngày nữa. Dù những việc này có vẻ nhỏ bé tầm thường nhưng thật ra vẫn có những tác động lớn lao. Đã thấu hiểu về luật Nhân quả, tôi biết rằng không hành động nào, dù vô tình hay hữu ý, mà không gây ảnh hưởng đến người khác. Trách nhiệm của người chủ công ty nằm ở chỗ cân nhắc về những ảnh hưởng này. Vì vậy, tôi cần thận trọng và ý thức hơn với mọi việc mình làm, dù là việc lớn hay việc nhỏ.

Đa số công việc đầu tư tài chính, giao dịch chứng khoán đều dựa một phần trên sự tính toán và phần khác dựa trên sự liều lĩnh. Đôi khi, lòng tham thúc đẩy người ta liều lĩnh hơn. Tuy nhiên, tiền lãi thu được khi chứng khoán lên giá chỉ đem lại nguồn vui nhất thời, vì cái gì lên thì cũng có lúc xuống. Mỗi khi thị trường thay đổi, thì nó lại tạo cho người ta nỗi lo lắng sợ hãi, khiến họ mất ăn mất ngủ.

Hầu hết mọi người làm việc trong lĩnh vực này đều hành động máy móc, rập theo các khuôn mẫu từ trước. Họ luôn bận rộn, đầu óc căng thẳng bởi sự lên xuống của thị trường. Họ không thể nghĩ gì ngoài những con số lên xuống liên tục trên biểu đồ chứng khoán. Những người làm việc trong ngành tài chính đều phải dậy sớm, theo dõi tin tức báo chí, truyền thông về sự thay đổi của thị trường, các chứng khoán được niêm yết trên thế giới để tìm những kẽ hở hay lợi thế, rồi mua hoặc bán.

Mọi người tham gia vào lĩnh vực này cả ngày đều ở trong tâm trạng kỳ vọng bất ổn, liên tục trao đổi săn lùng tin tức sắp công bố liên quan đến nhóm cổ phiếu nào đó. Mua bán, bán mua liên tục nên đầu óc họ lúc nào cũng căng thẳng. Sau mỗi phiên làm việc, phần lớn đều mệt nhoài, chỉ có thể lao mình vào những thú vui giúp giải khuây tạm thời, rồi lại tiếp tục vòng lặp ngày này qua ngày khác. Phần tôi, khi đã biết lắng lòng trong sự tĩnh lặng, không còn để ngoại cảnh chi phối thì mọi sự đã trở nên rõ ràng, sáng tỏ hơn bao giờ hết. Tôi theo dõi nhịp thay đổi của thị trường, nhưng không để cho chúng mê hoặc. Chứng kiến các con số lên xuống tôi vẫn bình tĩnh quyết định và tin vào sự sáng suốt của mình. Tôi để tâm vào cuộc sống hàng ngày, những chi tiết nhỏ nhặt, tầm thường cũng trở nên quan trọng, những điều vô vị cũng trở nên có ý nghĩa. Mỗi ngày, tôi bước chân vào văn phòng làm việc với tâm trạng hứng khởi lạ lùng vì biết rằng mình sẽ làm việc với tất cả nhiệt thành của một người có trách nhiệm và có lương tâm.

Trong việc đầu tư tài chính, nếu không cảnh giác, rất dễ trở nên tham lam. Nói đúng ra, lòng tham là thứ ai cũng có ít nhiều, bất kể hoạt động trong lĩnh vực nào. Trên nguyên tắc thì người cố vấn đầu tư phải giải thích rõ ràng mọi chi tiết lợi và hại của từng khoản đầu tư cho thân chủ của mình, nhưng thực tế thì không phải ai cũng làm vậy. Trong khi đó, nhiều khách hàng không hiểu rõ hết các chi tiết may rủi trong việc đầu tư và luôn tin rằng công ty sẽ giúp họ có được nhiều lợi ích nhất. Nếu không cẩn thận, sự tin tưởng này khiến họ dễ bị dẫn dắt đi sai hướng và chịu thiệt hại lớn về tài chính. Một số cố vấn đầu tư khuyến khích khách hàng đầu tư vào những công ty mà họ có thể nhận được tiền thưởng hay phí giao dịch, bất chấp rủi ro của khách hàng. Họ đặt quyền lợi của bản thân lên trên thân chủ. Một số khác thì khuyên khách hàng mua đi bán lại nhiều lần để kiếm thêm tiền hoa hồng. Trong thời đại của công nghệ, mọi sự thanh toán có thể diễn ra trong vài phút nhưng nếu trì hoãn ít lâu, vài giờ, vài ngày thì với hàng triệu tài khoản phải thanh toán, các công ty đầu tư cũng có thể kiếm thêm được chút lợi nhuận. Do đó, nhiều công ty thường cố tình chậm thanh toán trong thời gian ngắn để hưởng lợi từ sự chênh lệch này.

Một khi đã hiểu về luật Nhân quả, tôi càng nghiêm túc hơn trong việc chỉ thị nhân viên của mình đảm bảo mọi thanh toán phải thực hiện theo đúng thời hạn. Tương tự, mọi hợp đồng dù lớn hay nhỏ đều phải thanh toán sòng phẳng, không để cho bất cứ ai phải chịu thiệt thòi. Đa số người đứng đầu công ty không để ý đến những việc nhỏ, nên cứ giao cho nhân viên cấp dưới toàn quyền xử lý. Những người này đôi khi lạm dụng quyền hành để thu lợi, gây thiệt hại cho người khác. Là chủ công ty, dù có biết những việc này hay không thì tôi cũng liên đới trách nhiệm - không chỉ về pháp luật mà còn về luật Nhân quả, vì vậy, tôi đặt ra quy tắc rõ ràng để hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra cho công ty. Tôi muốn mọi thứ đều phải thẳng thắn, trung thực, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức. Tôi cũng tin tưởng và giao cho Andrew kiểm soát tất cả giao dịch, từ những khoản đầu tư trong kinh doanh cho đến những hợp đồng lớn nhỏ, để giữ vững sự tin tưởng của khách hàng. Cách làm việc thẳng thắn, sòng phẳng này đã làm nhiều khách hàng hài lòng và họ giới thiệu cho bạn bè của mình tìm đến công ty tôi. Chỉ trong một thời gian ngắn, công ty tôi đã tăng trưởng mạnh mẽ hơn trước rất nhiều.

Trong giới kinh doanh, hầu như ai cũng từng nghe đến câu “Phù thịnh chứ không phù suy”, câu nói thể hiện rõ rệt tinh thần trọng vật chất, đề cao lợi nhuận của ngành này. Nhưng với những hiểu biết về luật Nhân quả, tôi đã nghiệm được riêng cho mình một câu khác: “Trời phù thiên lương, không phù tham ác". Kinh

doanh thẳng thắn, trung thực dẫu có thể không giúp chúng ta đạt được nhiều lợi nhuận trước mắt, nhưng đó là con đường tươi sáng lâu dài. Con đường đó chỉ có thể được dẫn lối bằng sự trung thực và thiện lương - không thể có chỗ cho sự tham lam, ích kỷ và gian trá.

Giới tài chính vốn là giới trắng đen lẫn lộn và người làm trong giới đều phải biết ít nhiều những “thủ đoạn". Rất nhiều chiến lược được gắn mác "kinh tế học" nhưng thật ra bản chất vẫn là những cách thức khai thác điểm yếu, sự mất mát của người khác để thu lợi về mình. Tôi đã lăn lộn trong giới đủ lâu để chứng kiến đủ dạng người, cũng từng đối phó vối nhiều loại thủ đoạn. Những mánh khóe thường dùng trong ngành, từ kiểu thu lợi manh mún của các nhà môi giới như mua bán quá mức cần thiết, bán cổ tức, cho đến những thủ đoạn cao tay hơn như tung tin giả rồi đẩy giá hay xả hàng, khiến không biết bao nhiêu nhà đầu tư ôm mộng lớn bước vào thị trường để rồi ra về tay trắng. Thị trường chứng khoán là một chiến trường thật sự khốc liệt khi niềm vui ngập tràn chiến thắng của người này lại là nỗi đau khổ, thất bại tận cùng của người khác.

Giai đoạn đầu mới bước chân vào nghề, tôi cũng không tránh khỏi việc sử dụng những mánh khóe này, phần vì muốn có thêm kinh nghiệm, phần vì tôi cũng không ý thức được những ảnh hưởng của việc mình làm. Về sau, khi đã trải nghiệm nhiều hơn và bắt đầu tự thành lập công ty, tôi đã xác định con đường phát triển chậm mà chắc của mình, không để những lợi ích trước mắt cám dỗ làm điều sai trái. Giờ đây, với ý thức về luật Nhân quả, tôi càng nghiêm túc nhìn nhận mỗi quyết định của mình, tránh phương hại đến người khác. Tôi đã mất nhiều đêm để phân tích, nghiệm lại những trải nghiệm trước đây của mình để hiểu hơn về luật Nhân quả. Sự truy cứu đến cùng của luật Nhân quả đối với những hành động bất lương của con người là tất yếu sẽ xảy ra. Có những người từng quyền uy, giàu sang nhưng giờ đã trắng tay, thậm chí có người còn rơi vào vòng lao lý. Ngẫm lại thì họ đều từng sử dụng thủ đoạn hại người, chiếm đoạt, lừa gạt nhằm mưu lợi cho mình. Luật Nhân quả của vũ trụ luôn vận hành chính xác và nghiêm minh.

Tôi tiếp tục nỗ lực thực hành phương pháp tĩnh tâm. Tôi cũng nhận thấy rõ, một khi tôi tiến triển hơn trên con đường tu tập định lực của mình thì không chỉ công việc hàng ngày trôi chảy hơn mà tôi cũng đã trở nên sáng suốt hơn trong những ứng xử, những quyết định lớn nhỏ có liên quan, tác động đến người khác. Trong công việc và hoạch định kế hoạch, tôi có thể nhìn rõ toàn cảnh từ hình thức đến bản chất nội dung, không bỏ qua dù chỉ một chi tiết nhỏ, từ đó đưa ra các quyết định chính xác, có tầm nhìn xa hơn. Mỗi ngày làm việc đều mang lại cho tôi

những kinh nghiệm mới, những khả năng và niềm vui mới. Sự tương giao và hòa hợp giữa kinh nghiệm ngoại cảnh và phản ứng nội tâm đã đem lại cho tôi một cảm giác bình an, thanh thản, hài lòng và đã giúp đời sống của tôi trở nên phong phú, ý nghĩa hơn khi xưa rất nhiều. Mỗi khi nghĩ về điều này, tôi lại thầm cảm ơn ông Kris đã khai mở cho tôi một hướng đi sáng, minh triết giữa cuộc sống đời thường.

Ngoài ra, để hóa giải những nghiệp quả mà tôi từng vô tình hay hữu ý tạo nên trong quá trình đầu tư tài chính, tôi đã lập một quỹ từ thiện, giao cho những nhân viên tin cậy, giàu tính cộng đồng quản lý và trực tiếp đi cứu giúp những người gặp khó khăn ở bất cứ đâu mà không cần sự có mặt của tôi.

***

Nhiều tháng sau đó, khi tôi đã tiến bộ hơn nhiều trong việc thực hành phương pháp tĩnh tâm, tôi đã có một trải nghiệm vô cùng đáng nhớ mà tôi cho là cột mốc đầu tiên trên con đường tu tập của mình ở kiếp sống này. Hôm đó, tôi đang làm việc trong văn phòng thì vô tình nhìn thấy trên báo cáo có một công ty tên Leonidas. Bên cạnh tên công ty là một logo được thiết kế bằng mẫu tự Hy Lạp rất đẹp. Tôi không có hiểu biết nhiều về ngôn ngữ Hy Lạp, nhưng mẫu logo này cho tôi cảm giác vô cùng quen thuộc, khiến tôi cứ nhìn mãi như bị thôi miên, cảm giác kỳ lạ này cũng giống như khi tôi nhìn các mẫu tự cổ treo trên tường tại nhà của ông Kris trước đây vậy. Linh tính mách bảo, tôi lập tức khép cửa phòng để không ai vào làm phiền, rồi ngồi thẳng lưng, nhắm mắt lại, tập trung cao độ tư tưởng vào những ký tự Leonidas và mẫu tự Hy Lạp cổ đó. Giống như lần tôi có trải nghiệm hồi quy về kiếp sống Ai Cập, cũng tại văn phòng này, lần này tôi cũng dần dần chìm trong trạng thái an định, có điều tôi cảm nhận rõ luồng năng lượng ấm nóng dâng tràn trong cả cơ thể mình như ông Kris miêu tả. cứ như vậy, tôi rơi vào một khoảng vô cùng, rồi bước vào trạng thái nhập định...

Trong giới kinh doanh, hầu như ai cũng từng nghe đến câu "Phù thịnh chứ không phù suy", câu nói thể hiện rõ rệt tinh thần trọng vật chất, đề cao lợi nhuận của ngành này. Nhưng với những hiểu biết về luật Nhân quả, tôi đã nghiệm được riêng cho mình một câu khác: "Trời phù thiện lương, không phù tham ác". Kinh doanh thẳng thắn, trung thực dẫu có thể không giúp chúng ta đạt được nhiều lợi nhuận trước mắt, nhưng đó là con đường tươi sáng lâu dài. Con đường đó chỉ có thể được dẫn lối bằng sự trung thực và thiện lương - không thể có chỗ cho sự tham lam, ích kỷ và gian trá.

***

Trước mắt tôi bỗng hiện ra hình ảnh những ngọn đồi thấp xen lẫn những cánh đồng và muôn rặng cây trải dài xanh ngát. Quanh đó có nhiều người đang làm việc. Họ trò chuyện với nhau bằng một thứ ngôn ngữ kỳ lạ mà lúc đầu tôi không hiểu được. Nhưng chỉ một lúc sau, tôi bắt đầu hiểu được những gì mọi người đang nói. Vì đã quen với cảm giác này, tôi hiểu là mình đang trong trải nghiệm hồi quy. Nếu như lần hồi tưởng về Ai Cập trước đây là sự tình cờ, thì lần này tôi đã có thể tập trung hồi tưởng theo ý mình. Việc thực hành phương pháp tĩnh tâm theo hướng dẫn của ông Kris đã có kết quả bước đầu.

Những ký ức lũ lượt ùa về trong tâm trí, tôi biết mình đang sống tại Hy Lạp. Nhưng thời điểm đó, nước này không phải một quốc gia như ngày nay mà gồm hàng chục thành bang nhỏ (*City States*) nằm dọc theo bờ biển Địa Trung Hải. Hầu hết những thành bang này đều có các vị vua chúa cai trị, chỉ riêng Athens, được điều hành bởi một tổ chức giống như nghị viện bây giờ (*State Council*). Tổ chức này gồm các thành viên được dân chúng bầu lên, là một hình thức tổ chức nhà nước dân chủ rất mới lạ vào thời đó.

Văn hóa Hy Lạp chịu ảnh hưởng lớn của Ai Cập. Ảnh hưởng này chủ yếu đến từ một người Ai Cập bị đày biệt xứ đến Athens và đã mở trường dạy học ở đây. Tuy nhiên, những điều người này truyền dạy có sự khác biệt lớn so với văn hóa Ai Cập lúc đó - ông chú trọng việc giáo dục con người hơn là sùng kính thần linh. Sau đó, học trò của ông này đã cải tiến những điều ông truyền dạy cho thích hợp với phong tục địa phương và xây dựng nên một nền văn hóa đặc thù chú trọng sự khai phóng con người mà ảnh hưởng của nó vẫn tồn tại đến lúc này.*

** Nhân vật được nhắc đến ở đây là Sinuhe. Bạn đọc có thể đọc thêm về cuộc đời nhân vật này trong tác phẩm Dấu chân trên cát của tác giả Nguyên Phong do First News phát hành.*

Trong lúc ký ức vẫn chưa hoàn toàn trở lại và tôi không hiểu vì sao mình có những kiến thức này, nhưng tôi nhận ra mình hiểu rõ về cả hai nền văn minh Ai Cập và Hy Lạp, cũng như sự khác biệt giữa hai nền văn hóa này.

Văn hóa Ai Cập sùng kính thần linh, hệ thống quyền lực chính trị cũng mang màu sắc thần quyền do chịu ảnh hưởng của giới giáo sĩ. Người Ai Cập coi thần linh

là những đấng thiêng liêng, sống ở cõi giới huyền bí khác với loài người. Khi gặp chuyện không như ý, người Ai Cập cho rằng mình đã làm gì đó có lỗi, đắc tội với thần linh nên mối bị trừng phạt.

Lúc này, giới giáo sĩ khuyên dạy và khuyến khích những người dân mang phẩm vật quý giá đến đền thờ để cúng lễ tạ tội với thần linh, nhưng thực ra sau đó giới giáo sĩ sẽ chia nhau những vật phẩm đó.

Văn hóa Hy Lạp hoàn toàn đối lập với Ai Cập. Người Hy Lạp coi thần linh là những nhân vật có hình dáng tương tự như con người, chỉ khác ở điểm có sức mạnh và quyền năng vô biên. Các thần linh Hy Lạp cũng có những thói xấu của con người như tham lam, ích kỷ hay háo sắc, chứ không mang hình tượng thiêng liêng, thánh thiện, huyền bí như thần linh Ai Cập. Chính vì tinh thần thực tế này mà tôn giáo của Hy Lạp có tính chất gần gũi chứ không mang màu sắc thần bí, uy nghiêm, gây sợ hãi như tôn giáo Ai Cập. Gặp chuyện không như ý, người Hy Lạp sẽ đem phẩm vật đến đền thờ để “thương lượng, mặc cả” với thần linh, rồi mang vật phẩm ấy ra chia sẻ, ăn uống với nhau chứ không để các giáo sĩ hưởng thụ như Ai Cập. Họ còn làm thơ hay soạn nhạc để khen ngợi, tung hô thánh thần với những ngôn từ mỹ miều, vì họ tin rằng thần linh cũng như người, nếu được ca tụng, thần linh cũng đẹp lòng và thuận theo ý nguyện của họ.

Trong khi người Ai Cập chú trọng đời sống sau khi chết thì người Hy Lạp lại chú trọng đời sống hiện tại.

Họ thích vận động, tranh đua trong các môn thể thao như điền kinh, ném tạ, hay các cuộc giao đấu mang tinh thần thượng võ được tổ chức trong các kỳ *Thế vận hội Olympic**. Nếu người Ai Cập chú trọng đến xác thân sau khi chết và tiến hành ướp xác để có thể sống ở cõi giới bên kia thì người Hy Lạp lại chú trọng đến xác thân ở hiện tại, coi đó là những gì hoàn hảo nhất. Họ rất chăm lo thân thể qua việc tắm rửa, bồi bổ, tập luyện thể thao để có thân thể khỏe mạnh, cường tráng. Phụ nữ Hy Lạp thường bô nhiều thời gian chăm sóc cơ thể và trang điểm thật diễm lệ. Họ nâng niu thân thể mình bằng những trang phục may bằng các loại vải vóc mềm mại và đồng thời sử dụng nhiều loại tinh dầu thơm. Đối với văn hóa Hy Lạp, thân xác con người là điều mỹ lệ hoàn hảo, là cao quý, thiêng liêng và con người phải luyện tập, điểm trang để hình thức bề ngoài đạt đến sự thánh hóa, tuyệt mỹ như thần linh, sự say mê cái đẹp đến mức thành kính này đã được người Hy Lạp thể hiện qua những tuyệt tác nghệ thuật điêu khắc xuất thần của họ.

** Thế vận hội Olympic cổ đại được tổ chức lần đầu vào năm 776 TCN và được tổ chức đều đặn đến khi bi Hoàng đế La Mã Theodosius I cấm vào năm 394. Sau nhiều nỗ lực hồi sinh sự kiện này của người Hy Lạp, Thế Vận hội Olympic hiện đại chính thức được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1896 và diễn ra 4 năm/lần, duy trì đến ngày nay.*

Đối với văn hóa Ai Cập, giới giáo sĩ và các Pharaoh là những người có ảnh hưởng lớn đối với đời sống nhân dân. Giáo sĩ và Pharaoh muốn gì thì dân chúng phải tuyệt đối tuân theo. Trái lại, văn hóa Hy Lạp rất đề cao tự do tư tưởng, dù đó là những tư tưởng khác biệt, mang tính cải cách xã hội. Các triết gia như Socrates, Pythagoras, Zeno, Thales, Anaxagoras, Platon, Aristotle, hay Parmenides đều dạy dỗ học trò theo quan niệm riêng của họ. Do đó, văn hóa Hy Lạp chịu ảnh hưởng của những nhà tư tưởng này hơn là các vua chúa. Văn nghệ sĩ, họa sĩ, thi sĩ được tự do thể hiện tài hoa, phổ biến văn chương, thơ phú và kịch nghệ đi khắp nơi, đem lại một luồng sinh khí đặc biệt cho văn hóa xứ này.

Vào thời cổ đại, hệ thống giáo dục Hy Lạp chỉ dành riêng cho con cháu các gia đình quý tộc cho đến khi hiền triết Platon quan niệm giáo dục phải mở rộng cho tất cả mọi người, để đào tạo ra nhiều công dân tài năng cho đất nước. Trong cuốn *Cộng hòa*, Platon cho rằng giáo dục là để mở mang và khai sáng con người và mục đích của giáo dục không phải chỉ là thu thập kiến thức mà còn phải phát triển tâm hồn con người cùng với trách nhiệm và bổn phận công dân. Hiền triết Platon đã thành lập Học viện với hai mảng rõ rệt: Tiểu học dành cho học sinh từ sáu đến mười bảy tuổi, dạy các môn căn bản như toán học, âm nhạc, hội họa, điêu khắc, văn chương, lịch sử và thể thao; Đại học dành cho học sinh từ mười tám đến ba mươi tuổi, chú trọng về việc áp dụng những kiến thức đã học từ trước và được dạy thêm về triết học, luận lý, và các quan niệm về đạo đức cũng như bổn phận, trách nhiệm công dân.

Chúng ta đều là phần tử của một sự sống vĩ đại hay còn gọi là chân ngã, thuộc về mệt năng lượng khởi thủy uyên nguyên, được sắp đặt khéo léo bởi những định luật trong vũ trụ. Trải qua muôn vàn kiếp sống, con người đã từng lầm đường lạc lối vì tự cho mình là thực thể riêng biệt, có tự ngã, độc lập khỏi những quy luật của vũ trụ. Khi không bị thế giới bên ngoài lôi kéo thì ta sẽ đạt được trạng thái định và trong tâm thức bất động, vô vi đó sẽ khởi lên một tình thương bao la vô bờ bến. Tình thương thật sự chỉ hiện diện ở cái tâm không cồn tư dục.

Trong sự hồi tưởng tiền kiếp lần này, tôi nhận ra mình là con của một nô lệ làm

việc trong trang trại của gia đình quý tộc thuộc vương quốc Macedonia. Chủ nhân của tôi tên Dimitris, là viên quan trông coi tài chính cho triều đình của Vua Philip đệ nhị. Đây là thời mà chế độ nô lệ phát triển cực thịnh. Phần lớn nô lệ là tù nhân chiến tranh bị bắt trong các cuộc chiến giữa những thành bang, các vùng lãnh thổ lân cận. Luật lệ khi đó không cho phép nô lệ có tài sản riêng mà phải sống dưới sự kiểm soát của người chủ. Tùy theo sự đối xử của người chủ mà đời sống người nô lệ sẽ thoải mái hay khổ sở. Những người nữ nô lệ phải làm công việc thường nhật trong nhà như nấu nướng, giặt giũ, lau dọn, hầu hạ hay bất cứ việc gì chủ nhân yêu cầu. Nô lệ nam phải làm việc nặng nhọc hơn như làm ruộng, trồng trọt, xây cất hay trông coi gia súc.

Mẹ tôi là người xứ Thrace bị bắt trong cuộc chiến giữa Macedonia và Thrace. Bà đã bị bán tại chợ nô lệ và được Dimitris mua về. Tôi không biết cha tôi là ai nhưng khi bắt đầu hiểu biết, tôi đã nghe đám nô lệ nói xa nói gần rằng chủ nhân Dimitris chính là cha của tôi, mặc dù mẹ tôi không bao giờ nói gì về việc này. Tôi cũng có đôi lần hỏi mẹ, nhưng lần nào bà cũng im lặng hoặc nói lảng sang chuyện khác. Trong trang trại rộng lớn của gia đình chủ nhân Dimitris có rất nhiều nô lệ, nam cũng như nữ và một số lập gia đình, có con cái. Những đứa trẻ này chơi đùa vô tư với nhau, không biết gì về thân phận nô lệ của mình hay của cha mẹ chúng, cho đến khi đủ lớn, có sức lao động để làm những công việc của nô lệ giống như cha mẹ mình.

Riêng tôi, từ nhỏ tôi đã để ý đến sự khác biệt trong đời sống giữa nô lệ và chủ nhân. Sự khác biệt này đã khiến tôi không ngừng suy nghĩ. Những đứa trẻ chúng tôi bị giới hạn trong khu dành riêng cho nô lệ, không được bén mảng đến khu nhà của chủ nhân. Mẹ tôi nói rằng đó không phải là nơi dành cho những người như chúng tôi. Tôi hỏi mẹ, "người như chúng tôi" có gì khác với những người kia nhưng mẹ tôi không thể trả lời. Cũng không ai có thể trả lời câu hỏi đó của tôi. Năm tôi lên năm tuổi, tôi đã chứng kiến một sự kiện khiến tôi bắt đầu lo sợ cho thân phận nô lệ của mình.

Chủ nhân Dimitris thường tổ chức những buổi tiệc và mời bạn bè nơi khác đến ăn uống, vui chơi. Lẽ dĩ nhiên những buổi tiệc này đều do các nô lệ trong nhà phục dịch, vì tuổi còn nhỏ, tôi cùng những đứa trẻ nô lệ khác trong nhà vẫn còn được vừa vui chơi vừa học cách làm những công việc vặt. Tuy không được đặt chân vào khu vực tổ chức những bữa tiệc của chủ nhân, nhưng chúng tôi vẫn thường lén lút tìm một góc để quan sát những buổi tiệc linh đình này. Với bọn trẻ chúng tôi, đó là niềm vui của việc khám phá một thế giới khác. Những buổi tiệc này thường kéo dài đến gần nửa đêm. Khi tiệc tàn, những nô lệ nam được phép

rời phòng tiệc để trở về khu riêng của nô lệ, nhưng các nô lệ nữ thì phải ở lại tiếp tục phục vụ những người khách này. chuyện gì xảy ra trong đêm thì tôi không rõ vì khi đó khu nhà đãi tiệc được đóng kín lại và có người canh gác. Đến khi trời sáng, những nữ nô lệ rời đi với vẻ ủ rũ, mệt mỏi, bước đi cũng không vững, có người còn khóc nức nở. Điều làm tôi chú ý là mỗi lần như vậy chồng của những phụ nữ này thường tỏ ra hằn học, tức giận và đôi khi xảy ra xô xát. Lần đó, sau một bữa tiệc như vậy, chồng của một nô lệ nữ đã ra tay quá mạnh khiến vợ bị thương, chuyện này đến tai chủ nhân. Quân lính được gọi đến, bắt người đàn ông kia dẫn đi khỏi trại. Hôm sau xác anh này được treo lên cọc gỗ giữa đồng cho chim ăn quạ rỉa. Nhìn thân thể máu me đầy những vết roi, đám trẻ chúng tôi vô cùng sợ hãi. Tôi lo lắng hỏi mẹ tôi thì bà khóc và nói rằng đó là hình phạt cho những người không biết thân phận nô lệ của mình. Sau lần chứng kiến cái chết của người đàn ông vẫn hàng ngày sống cùng với chúng tôi đó, tôi trở nên sợ hãi và dè dặt hơn, cũng không còn thoải mái vui chơi như trước được nữa. Những suy nghĩ về thân phận nô lệ bắt đầu bám rễ trong tôi.

Về phần chủ nhân Dimitris, ông có ba người con, Sophia, Isidora là hai con gái lớn và Leonidas là con trai út. Vợ của Dimitris qua đời khi sinh Leonidas nên mẹ tôi, khi đó vẫn còn trẻ, được gọi đến trông nom, chăm sóc cho ba đứa con của ông. Ít lâu sau, bà sinh ra tôi. Tôi sống trong khu nô lệ đến khi lên sáu tuổi thì một hôm chủ nhân Dimitris đến gặp mẹ tôi, nói với bà rằng con trai ông cần có bạn để chơi đùa, và tôi được chọn làm bạn với Leonidas. Từ đó, tôi được đưa khỏi khu dành riêng cho nô lệ, về sống trong căn nhà to lớn của chủ nhân. Khi sống chung với gia đình chủ nhân và chơi đùa với các con của ông, tôi không nhận thấy giữa chúng tôi có sự khác biệt gì. Tuổi nhỏ hồn nhiên nhưng đôi khi tôi cũng tự hỏi tại sao tôi được hưởng tiện nghi như thế mà những đứa bé nô lệ khác thì không được?

Dimitris là một trong những học trò xuất sắc của nhà hiền triết Platon tại Athens, ông giỏi nhất là môn toán nên được Vua Philip mời về trông coi tài chính cho triều đình. Dimitris chú trọng giáo dục con cái từ rất sớm. Ngay từ nhỏ Leonidas đã được dạy về toán học, văn chương, thể thao... nhưng Leonidas chì thích âm nhạc. Là nô lệ và bạn với Leonidas, tôi thường đứng hầu trong phòng khi Dimitris dạy con nên cũng học lỏm được ít nhiều. Tôi rất thích toán và thường lén giúp Leonidas khi cậu ta không thể giải các bài toán khó. Việc này không qua khỏi mắt chủ nhân, có lần ông giận dữ mắng con: “Ngay đứa nô lệ như thằng Kyros còn giỏi toán hơn con”. Tuy nói thế nhưng ông không bao giờ mắng tôi. Nhiều lúc tôi bắt gặp ông nhìn tôi với ánh mắt khó hiểu.

Được sống trong biệt thự của chủ nhân, tôi cũng có dịp được tiếp xúc với hai người con gái của ông. Từ nhỏ, chúng tôi đã chơi đùa thân thiết với nhau như anh em, phần vì mẹ tôi là người nuôi nấng, chăm sóc họ, phần nữa là vì trong căn nhà rộng lớn, chỉ có bốn đứa chúng tôi với nhau. Chủ nhân Dimitris thì luôn bận việc triều đình, ít khi ở nhà; còn những nô lệ khác không được phép đến đây nếu không có việc được giao phó.

Macedonia không có trường học kiểu Học viện như tại Athens, nhưng là học trò của Platon, Dimitris có mối thâm giao với những người tài năng tốt nghiệp từ trường này. Ông mời họ đến nhà dạy riêng cho các con mình với những ưu đãi đặc biệt. Phần lớn học trò của Platon đều không giàu có gì nên họ đều đáp lại lời mời của Dimitris, một số đã mang gia đình về sống trong trang trại rộng lớn này. Các con của họ cũng được dạy dỗ tại đây nên đám trẻ chúng tôi được chơi đùa với nhau, không có sự phân biệt. Tuy có nhiều bạn để chơi đùa hơn xưa, nhưng lúc này tôi đã nhận ra sự khác biệt giữa thân phận nô lệ của tôi và những người bạn của mình, vì tôi không được phép theo học những người thầy mà chủ nhân mời về. Hôm đó Sophia vô tình hỏi Dimitris:

- Cha ơi, sao Kyros không được theo vào lớp học?

Dimitris cau mày nhìn tôi rồi trả lời:

- Nó có việc khác phải làm. Việc học không phải là việc của nó.

Điều này khiến đám trẻ ngạc nhiên vì hàng ngày chúng tôi vẫn chơi đùa vô tư với nhau, không hề phân biệt. May thay, mẹ tôi tiếp lời:

- Thưa, Kyros sẽ học riêng với tôi.

Sophia và Isidora phụng phịu phản đối:

- Tại sao Kyros không được học chung với chúng con? Tại sao cậu ấy phải học riêng?

Dimitris không nói gì, gương mặt ông lộ vẻ không vui. Tôi nhìn vẻ khó xử của mẹ và sự bực dọc của chủ nhân, vội vàng lên tiếng:

- Tôi không thích đi học, tôi muốn học riêng với mẹ tôi.

Từ lúc có thầy về dạy học, bọn trẻ chúng tôi không còn gặp nhau thường xuyên như trước. Tôi phải theo mẹ dọn dẹp, lau chùi nhà cửa khi những đứa trẻ kia đi học. Trong số người được Dimitris mời về có Satyrus, thầy dạy nhạc, cũng là học trò của Platon từ Học viện của ông. Satyrus là người yêu thiên nhiên nên không thích dạy trong phòng mà thường chọn một chỗ ngoài vườn để lên lớp. Do đó, tuy không được theo học trong lớp cùng bạn bè nhưng tôi vẫn có thể nghe rõ lời giảng của ông. Những bài giảng của ông luôn khiến tôi thích thú và chú tâm lắng nghe. Trong một bài giảng, thầy Satyrus đã nói:

"Thầy của ta, hiền triết Platon, dạy rằng âm nhạc là phương tiện trau dồi nhân cách hữu hiệu nhất bởi vì tiết điệu hài hòa, giai điệu du dương, thanh thoát của âm nhạc có thể khiến tâm hồn con người phong phú hơn. Do đó, học nhạc không phải chỉ đơn giản là học cách sử dụng nhạc khí mà còn là một phương pháp rèn luyện tinh thần vì thanh âm mà âm nhạc tạo ra là sự thu xếp tuyệt hảo theo trật tự thiên nhiên. Âm nhac mang sức mạnh vô hình, mạnh mẽ hơn mọi giáo điều, thuyết phục hơn mọi triết lý, vì nó ảnh hưởng đến con người một cách vô thức. Do đó, khi soạn nhạc, người nhạc sĩ phải cẩn thận, không được để cho những ý tưởng xấu xa, những dục vọng thấp hèn ảnh hưởng đến sự sáng tạo. Bởi những loại nhạc được sáng tác trong sự dễ dãi đó có thể làm loạn xã hội, hư hỏng con người.”

Thầy Satyrus có thể sử dụng nhiều nhạc khí khác nhau nhưng tùy năng khiếu của học trò mà thầy sẽ dạy riêng cho từng người loại nhạc khí mà thầy cho là thích hợp. Thầy Satyrus có hai người con là Melissa và Antigenidas, cả hai cùng trạc tuổi tôi nên chúng tôi thường chơi với nhau. Melissa và Isidora được dạy về sáo trong khi Antigenidas được dạy về trống và kèn đồng. Leonidas và Sophia được dạy về đàn. Là một triết gia kiêm nhạc sĩ, Satyrus thường nhắc nhở các học trò của mình:

"Là người học về âm nhạc các con phải ý thức rằng tiết điệu của âm thanh có thể tạo ra nhiều trạng thái tinh thần khác nhau, có cả điều tốt cũng như điều xấu. Do đó, người học nhạc phải sử dụng âm nhạc để trau dồi đức hạnh cho chính mình một cách hợp lý. Âm nhạc do các con tấu lên hay soạn ra phải tạo ra sự hứng khởi, lan tỏa tình yêu thương, lòng trắc ẩn vì nó có thể ảnh hưởng đến tâm hồn người nghe. Nếu bất cẩn, âm nhạc của các con có thể trở thành những năng lượng xấu, mang lại sự tiêu cực, gây ra u uất, hèn yếu, buông thả và những ảnh hưởng xấu xa khác. Các con phải biết rằng âm nhạc là một tổ hợp vô cùng tinh tế nên người nghe không dễ gì nhận thấy tác động của nó đối với tâm hồn của họ. Do đó, người soạn nhạc phải có trách nhiệm với những sản phẩm mình tạo

ra, với ảnh hưởng của chúng đến thính giả. Một loại âm nhạc nào đó, khi được nghe đi nghe lại sẽ tạo ra cảm xúc cộng hưởng tương ứng ở người nghe. Khi nghe nhạc buồn lâu ngày, người ta sẽ trở nên u sầu và khi nghe nhạc vui, họ sẽ hăng hái, phấn chấn hơn. Âm nhạc được nghe nhiều lần sẽ lưu lại trong tâm thức người nghe một ấn tượng, tạo ra một cảm xúc tồn tại trong vô thức, nên tính tình cũng thay đổi theo. Vui và buồn là tình cảm tự nhiên của con người, buồn không có gì xấu nếu đó là nỗi buồn cao thượng, khơi gợi lòng vị tha, trắc ẩn. Hãy đảm bảo rằng âm nhạc của các con sẽ luôn hướng đến chân - thiện - mỹ."

Thời gian trôi qua nhanh, cùng nhau, đám trẻ chúng tôi dần lớn lên trong điền trang của Dimitris. Bước vào tuổi thanh niên, nhiều đứa trong chúng tôi đã bắt đầu biết mơ mộng. Một cái nhìn, một vài cử chỉ âu yếm có thể làm cho đám con gái thẹn thùng. Isidora càng lớn càng xinh đẹp và thường được săn đón nhiều hơn những cô gái khác. Sophia dịu dàng, hiền lành trong khi Melissa tương đối thầm lặng, ở tuổi này, tôi đã hiểu rõ hơn về sự khác biệt của thân phận nô lệ và những người chúng tôi gọi là chủ nhân. Tôi càng ý thức hơn về vị trí của mình. Những lần có việc đi xuống khu dành riêng cho nô lệ, tôi thấy những người bạn cùng tuổi với mình đã bắt đầu phải làm những việc của nô lệ như chẻ củi, gánh nước hay trông nom gia súc. Tôi thường nghĩ, nếu tôi không được chọn làm bạn với Leonidas, hiện giờ tôi cũng đang phải ngày ngày làm những công việc đó. Với những nhận thức này, tôi bắt đầu đặt câu hỏi nhiều hơn về sự phân chia giai cấp giữa chủ nhân và nô lệ, về những khác biệt, bất công giữa hai giai cấp này.

Cuối năm đó, một hôm Dimitris ở triều trở về và gọi tất cả đám trẻ vào phòng rồi tuyên bố:

- Triều đình vừa mời Aristotle, một người bạn thân của ta, về Mieza để dạy cho Hoàng tử Alexander. Ngôi trường đầu tiên tại Macedonia sẽ được thành lập và ta muốn các con đến đó học với người thầy này.

Trong tất cả học trò của Platon, không ai giỏi hơn Aristotle. Khi Platon qua đời, đáng lẽ ông này xứng đáng thay mặt thầy trông coi Học viện Platon. Tuy nhiên một số thành viên trong nghị viện Athens không thích khả năng lý luận của Aristotle nên đã đưa Speusippus, người cháu của Platon, lên làm viện trưởng. Sau đó Speusippus lại đưa người thân trong gia đình vào đảm nhiệm những chức vụ quan trọng tại đây và có ý loại Aristotle ra khỏi Học viện. Trước kiểu hoạt động "gia đình trị", kết bè kết cánh này, Aristotle đành phải bỏ đi nơi khác. Được tin, Vua Philip vội mời nhà hiền triết đến Macedonia để dạy cho Hoàng tử Alexander. Ông cho xây ngay một trường học tại Mieza, để con cái các gia

đình quý tộc có thể đến học với triết gia lỗi lạc này.

Sau khi đám con trai được gửi đi học xa, tôi liền cảm thấy ngơ ngác, lạc lõng trong ngôi dinh thự rộng lớn này. Biết thân phận hèn kém của mình, tôi chuẩn bị trở về khu dành riêng cho nô lệ. Đang thu xếp thì Dimitris bước vào phòng tìm tôi. Tôi quá ngạc nhiên, chưa kịp phản ứng gì thì ông đã đưa cho tôi cuộn giấy. Tôi bối rối nhận lẩy và mở ra, trên đó đầy những con số. Tôi đưa mắt nhìn Dimitris, định cất tiếng hỏi thì ông đã nói luôn:

- Người thử giải những bài toán này cho ta xem.

Rất ngạc nhiên trước yêu cầu này, nhưng tôi không dám hỏi gì thêm mà lập tức ngồi xuống, giải hết những bài toán được giao. Dimitris lặng lẽ đứng đó quan sát tôi. Sau khi giải hết các bài toán, tôi đưa lại cho Dimitris. Ông xem xét cẩn thận từng bài giải, rồi gật đầu, tỏ vẻ hài lòng. Ông nói:

- Người khá lắm. Ta biết người đã học lỏm được ít nhiều nhưng không ngờ người làm toán giỏi thế này. Từ nay người cứ ở lại đây làm việc với ta.

Vậy là tôi tiếp tục ở lại trong nhà chủ nhân Dimitris, ông bắt đầu dạy tôi những phương pháp tính toán và làm sổ sách chi thu cho triều đình. Ngoài ra ông còn cho phép tôi được tự do sử dụng thư viện trong nhà, được chọn đọc bất cứ cuốn sách nào tôi muốn để học thêm những môn mà tôi thích. Tôi học rất nhanh và làm việc vô cùng chăm chỉ, nên dần được tin tưởng hơn. Một thời gian sau, khi đã thạo việc hơn, tôi chính thức trở thành thư ký riêng cho Dimitris.

***

Trong buổi nói chuyện với Thomas, tôi đã hỏi ông kỹ hơn về khả năng hồi tưởng lại tiền kiếp. Ông nói rằng trước đây ông phải nhờ ông Kris giúp mới có thể hồi tưởng tiền kiếp và khi đó ông không hề nghĩ đến việc mình cũng có khả năng này. Sau quá trình thực hành theo hướng dẫn của Kris, ông đã có thể chủ động hồi tưởng tiền kiếp theo ý muốn và đã tự tin hơn trên con đường tu tập. Qua công phu tu tập, phát triển định lực, ông đã có thể mở nhãn quan, nhìn được nhiều kiếp sống khác của mình, nhưng chưa thể nhìn được tiền kiếp của người khác ngay lập tức như ông Kris. Ông dần dần thấy rõ được sự liên hệ giữa ông và một số người quen biết, ví dụ, ông nhận ra Wilson chính là Leonidas, ông cũng đã bước đầu thấy được những cõi giới khác, tuy nhiên, khả năng đó còn rất hạn chế.

Tôi hỏi thêm về trường hợp gần đây của một số người có khả năng thấy được tiền kiếp hay nhìn được tương lai. Thomas cho biết ông và ông Kris cũng đã trao đổi về việc này và đều cho rằng có trường hợp người ta gặp tai nạn hay sự cố nào đó, vô tình "đánh thức" giác quan đặc biệt nên cũng có khả năng đó. Tuy nhiên những trường hợp này thường không kéo dài, ít lâu sau khả năng đặc biệt sẽ mất đi. Đôi khi qua thôi miên, tùy sự nhạy bén của giác quan mà người ta cũng thấy được chuyện xảy ra ở quá khứ, nhưng khi tỉnh lại họ dường như không nhớ được gì. Điều này hoàn toàn khác với việc tự mình phát triển khả năng hồi tưởng thông qua công phu tu tập. Thomas cho biết, khi nhập định ông có thể cảm nhận mọi sự bằng một tâm thức thanh cao, không bị tư tưởng hay ngoại cảnh chi phối, do đó tránh được ảnh hưởng của thành kiến hay sự tưởng tượng. Khi làm chủ được tâm mình, lúc nào cũng an nhiên trong định lực thì có thể chuyển tâm thức làm được nhiều việc. Tuy nhiên, ông cũng nói thêm rằng trường hợp của ông là vì đã từng tu tập, thực hành trong nhiều kiếp, hiện nay chỉ hồi tưởng và phát triển khả năng đã có trước đây mà thôi. Theo ông, khi định lực chưa vững, tâm thức rất dễ bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng chủ quan hay thiên kiến cá nhân. Điều này cũng giống như việc chúng ta nhìn mọi vật xung quanh khi đeo kính đổi màu, chỉ nhìn mọi vật theo màu sắc của đôi kính và sẽ có nhận định không chính xác, dễ phóng đại những chi tiết không cần thiết theo thói quen hàng ngày, vì vậy, ông cho rằng việc tự mình thực hành để phát triển định lực là vô cùng cần thiết nếu muốn tìm hiểu về tiền kiếp hay luân hồi.

Phần bảy

HY LẠP: THAM VỌNG ALEXANDER ĐẠI ĐẾ & KÝ ỨC VỀ CHIẾN THẦN ACHILLES

Hy Lạp gồm nhiều thành bang, trừ hai thành bang lớn là Sparta và Athens đông dân hơn, thì các thành bang khác chỉ có khoảng vài chục ngàn dân. Tuy cùng chung một nguồn gốc, nói cùng một thứ tiếng, theo cùng một tôn giáo nhưng các thành bang này thường tranh chấp, gây chiến, coi nhau như thù địch. Khi Vua Xerxes của Ba Tư dẫn quân tấn công Athens, đốt cháy đền thờ thần thánh, phá nát lăng mộ của các anh hùng Hy Lạp, các thành bang khác đều làm ngơ.

Mặc dù cuộc xâm lăng của Ba Tư là mối đe dọa chung cho toàn cõi Hy Lạp nhưng không một thành bang nào gửi quân cứu viện. May thay lúc đó, dân xứ Assyria nổi loạn, Xerxes phải kéo quân về đối phó nên các thành bang khác mới được yên. Từ nhiều năm trước, Ba Tư đã chinh phạt Assyria và Babylon, đặt Ai Cập dưới ách đô hộ và trở thành đế quốc hùng mạnh nhất. Vua Ba Tư Darius đệ nhất đã dẫn quân chiếm các hải đảo của Hy Lạp quanh Địa Trung Hải, kiểm soát hải lộ quan trọng quanh vùng và có ý dòm ngó các thành bang giàu có của Hy Lạp.

Vua Philip của Macedonia rất lo lắng trước mối nguy này nên đã chủ trương kết hợp quân đội của các thành bang thành một lực lượng thống nhất để đối phó với Ba Tư nhưng không thành bang nào chấp nhận lời đề nghị. Không thành công trong việc thuyết phục ngoại giao, Philip dẫn quân đánh chiếm những thành bang lân cận, sáp nhập vào lãnh thổ của Macedonia để thành lập một đạo quân hùng mạnh, hầu có thể chống lại sự đe dọa của Ba Tư. Quân đội Macedonia được trang bị giáp trụ kiên cố với những ngọn giáo sarissa* rất dài nên việc sản xuất quân trang, khí giới là nguồn chi lớn nhất của quốc khố. Dimitris là quan trông coi tài chính của triều đình nên phải đi kiểm soát các cơ sở sản xuất khí giới khắp Macedonia. Do đó, ông muốn tôi theo ông đến kinh đô Pella học hỏi, để sau đó có thể thay ông đi kiểm soát những nơi này. Tôi vô cùng hào hứng trước cơ hội được đến Pella, không chỉ vì ở đây tôi có thể học hỏi thêm nhiều điều mới mà còn vì tôi sẽ có cơ hội gặp lại Leonidas và Antigenidas.

** Giáo sarissa có chiều dài từ 4 đến 6 mét, là loại giáo đặc chế dùng cho*

quân đội Macedonia.

Leonidas và Antigenidas hiện đang ở Mieza, một làng nhỏ nằm ở ngoại ô Pella. Khi xưa nơi đây có đền thờ thần nữ bảo hộ sông núi (Nymphs) nhưng đã được Vua Philip cho sửa lại để làm trường học cho Hoàng tử Alexander và con cái của các gia đình quý tộc. Khi Aristotle đến Mieza, ông đã cho cải tiến chương trình giảng dạy, khác với chương trình giáo khoa tại Học viện Platon, việc này một phần là để thể hiện sự bất mãn của ông với Speusippus, nhưng phần lớn là do quan niệm khác biệt giữa ông và thầy của mình là nhà hiền triết Platon.

Trong khi Platon chú trọng về triết học thì Aristotle tập trung vào khoa học. Platon chủ trương phải "Lý tưởng hóa" mọi việc để đời sống thăng hoa và có ý nghĩa cao đẹp, trong khi Aristotle quan niệm phải "thực tế hóa" mọi việc dựa vào lý luận thay vì lý tưởng. Aristotle khuyến khích học sinh thuộc lòng sử thi Iliad, thiên anh hùng ca của thi sĩ Homer. Ông nói: *"Nếu một người không biết rõ công lao của các anh hùng xưa tại xứ sở mình thì không xứng đáng làm công dân của xứ đó"*.

Thấm thoát đã hơn ba năm từ khi Leonidas và Antigenidas rời nhà đi Mieza học, kể từ đó tôi chưa có dịp gặp lại các bạn mình. Lần này được Dimitris cho đến Pella, tôi rất mừng và mong mỗi ngày gặp lại Leonidas.

Trước ngày lên đường, tôi đang làm việc thì bỗng nghe tiếng gọi:

- Kyros, Kyros! cậu ở đâu?

Ngay lúc đó cửa phòng mở ra và Melissa bước vào. Tôi không thường xuyên gặp Melissa như khi còn nhỏ, mặc dù vẫn hay lắng nghe tiếng sáo trầm bổng của cô trên hành lang vọng xuống. Melissa hỏi tôi:

- Ta nghe nói ngày mai cậu sẽ đi Pella có phải không?

Tôi gật đầu:

- Đúng thế, Dimitris đi Pella và lần này ông ấy muốn tôi theo cùng. Melissa chăm chú nhìn tôi:

- Vậy cậu có ghé qua Mieza không?

- Có chứ, nếu đã đến Pella thì chắc chắn phải ghé Mieza để thăm Leonidas và Antigenidas. Tôi đã không gặp Leonidas mấy năm rồi.

Khuôn mặt Melissa đột nhiên ửng hồng, cô nhìn tôi, ngập ngừng:

- Nếu thể, ta muốn nhờ cậu một việc... Nhưng cậu phải giữ kín, không được cho ai biết.

Tôi ngạc nhiên nhìn Melissa, hôm nay cô có vẻ lúng túng, không được tự nhiên như mọi khi. Mặc dù chúng tôi lớn lên dưới một mái nhà và từ nhỏ đã chơi đùa cùng nhau như anh em, nhưng tôi vẫn ý thức thân phận nô lệ của mình nên luôn giữ khoảng cách với những người khác. Tôi nhìn Melissa, nghi hoặc:

- Có chuyện gì vậy?

- Cậu phải hứa giữ bí mật, không được cho ai biết thì ta mới nói tiếp.

Tôi gật đầu. Melissa liền rút trong túi ra một gói nhỏ được niêm phong cẩn thận, cô lí nhí:

- Cậu đem vật này trao cho Leonidas, nhưng nhớ là đừng cho ai thấy đấy.

Tôi đưa tay nhận món đồ và biết ngay trong đó là một cuộn giấy.

Melissa cẩn thận dặn dò:

- Cậu giữ cẩn thận, đừng cho ai thấy.

Đến Pella, sau khi cùng Dimitris đi khắp các cơ sở sản xuất vũ khí tại đây, tôi xin phép ghé qua Mieza để thăm Leonidas. Đã lâu không gặp, Leonidas và Antigenidas đều đã khác xưa rất nhiều, cả hai đều đê hàm râu quai nón ra vẻ chững chạc, không còn là những thanh niên ngây thơ nhút nhát nữa. Chúng tôi gặp nhau vô cùng mừng rỡ, trò chuyện không dứt. Đến cuối ngày, Antigenidas về phòng nghỉ ngơi, còn lại một mình với Leonidas, tôi liền trao cho cậu món đồ mà Melissa đã giao cho tôi. Leonidas không ngần ngại mở gói đồ ra trước mặt tôi. Đó là một bức thư, kèm theo một bản nhạc.

Sống gần nhau từ nhỏ, tôi cũng nhận thấy Melissa có cảm tình đặc biệt với Leonidas, nên khi Melissa nhờ tôi trao bức thư và dặn không cho ai biết thì tôi

cũng lờ mờ đoán được chuyện tình cảm của cô và Leonidas. Leonidas đọc đi đọc lại lá thư nhiều lần rồi lấy giấy viết thư hồi âm, nhờ tôi trao lại cho Melissa:

- Kyros này, tôi và Melissa đã yêu nhau từ lâu. Cậu giúp tôi chuyển lá thư này cho Melissa và nhớ đừng cho ai biết đấy.

Tôi gật đầu, vui vẻ nhận lá thư. Leonidas lấy cây đàn Harp ra, bắt đầu dạo nhạc khúc mà Melissa viết cho mình. Đó là một khúc nhạc êm ái nhẹ nhàng, phảng phất niềm nhớ nhung của người con gái thơ ngây trong mối tình đầu. Tôi im lặng thưởng thức tiếng đàn nhưng trong lòng bâng khuâng, bồi hồi nghĩ đến Isidora. Sống trong nhà của Dimitris từ nhỏ, tôi có dịp tiếp xúc với hai người con gái của ông. Isidora xinh đẹp, quý phái trong khi Sophia thì thùy mị, dịu dàng. Tôi đã thầm để ý Isidora nhưng vì ý thức thân phận nô lệ của mình nên tôi chưa từng biểu lộ bất kỳ thái độ hay cử chỉ nào để người khác thấy.

Người Hy Lạp xem âm nhạc như một môn chính yếu trong việc học. Gần như tất cả mọi đứa trẻ đều được dạy dỗ về nghệ thuật ca hát và sử dụng nhac cụ. Do đó, dù không có sở trường về âm nhac, tôi vẫn có thể cảm nhận âm thanh phát xuất từ cây đàn của Leonidas thuộc điệu thức Lydia. Vào thời điểm đó, phần lớn âm nhạc Hy Lạp đều sử dụng điệu thức Doria* hùng hồn, oai phong và đa số các bài hát đều ca tụng nếp sống oai hùng của các thần linh như Zeus, Apollo và cổ xúy lòng can đảm, không sợ hãi. Điệu thức Lydia thì thiên về tình cảm nhẹ nhàng, nhưng vẫn có sự chừng mực để không ủy mị.

** Lydia và Doria là hai trong sổ bảy điệu thức thuộc âm giai trưởng.*

Việc kiểm soát các nơi sản xuất vũ khí ở Pella cho phép tôi tự do đi lại nên từ đó, tôi trở thành người đưa thư cho Leonidas và Melissa. Những lá thư tình được trao qua, chuyển lại, những bài nhạc viết cho nhau vối cảm xúc tình tứ, hồn nhiên, có lần Leonidas viết thư rồi nổi hứng đọc cho tôi nghe: “Aristotle dạy rằng đối với mọi sự, phải biết đặt câu hỏi “tại sao” để tìm hiểu căn nguyên, vì mọi sự trên thế giới này đều được sắp đặt theo logic mà người ta có thể giải thích, nhưng khi yêu em thì anh không cần hỏi “tại sao” vì trái tim của anh có logic riêng của nó”.

Tôi không biết Melissa trả lời như thế nào, là người kín đáo, cô thường diễn tả nỗi lòng mình qua những bản nhạc soạn riêng cho Leonidas. Tôi là người đưa thư và cũng là thính giả âm nhạc của hai người nên thường xuyên được thưởng

thức những điệu thức Lydia du dương từ cây đàn Harp của Leonidas.

Theo thời gian, tình cảm hai người mỗi ngày thêm thắm thiết, còn tôi bắt đầu lo ngại rằng cuộc tình này không dễ gì trọn vẹn. Theo phong tục Hy Lạp, hôn nhân đều do cha mẹ định đoạt dựa trên yếu tố môn đăng hộ đối hoặc sổ hồi môn mà gia đình người con gái có thể đáp ứng. Melissa là con của Satyrus, người dạy nhạc nghèo, trong khi Leonidas là con của Dimitris, một vị quan lớn trong triều, do đó giữa hai người có sự bất tương đồng về giai cấp. Ngoài ra, Satyrus cũng không có đủ hồi môn cho cuộc hôn nhân này. Nghĩ đến hai người họ, tôi không khỏi nghĩ đến tình cảm câm nín của mình dành cho Isidora. Một nô lệ hèn kém không thể với tay lên để lấy người thuộc tầng lớp cao trong xã hội được.

Mùa xuân năm đó, Vua Philip xuất quân đi đánh xứ Byzantium nên Hoàng tử Alexander được gọi về Pella trông coi triều đình. Điều này khẳng định vai trò của Alexander là người kế nghiệp cho Vua Philip. Mặc dù chưa đầy mười tám tuổi nhưng vị hoàng tử này đã có dáng dấp oai vệ, giọng nói sang sảng, vang như tiếng chuông. Hoàng tử xem báo cáo sản xuất khí giới của tôi trình lên, rồi nói với Dimitris:

- Ta muốn những cây giáo sarissa này phải dài hơn trước, ông hãy cho chuẩn bị ngân sách rèn đúc những vũ khí này ngay cho ta.

Dimitris ngạc nhiên:

- Phần lớn cây giáo quân đội chỉ dài khoảng hai thước. Vua Philip đã cho rèn cây giáo dài gấp đôi là đã dài bốn thuốc. Bây giờ hoàng tử còn muốn dài hơn nữa sao?

Alexander gật đầu:

- Phụ vương ta chỉ chú trọng các cuộc chiến với những nước sử dụng bộ binh nên cây giáo dài bốn thước cũng đủ. Tuy nhiên nếu muốn chống lại quân đội sử dụng kỵ binh của Ba Tư thì cây giáo phải dài sáu thước mới được. Sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đối đầu với quân Ba Tư. Trong mấy năm nay, ta đã nghiên cứu chiến lược của họ nên biết cách đối phó.

Theo lệnh của Alexander, Dimitris cho xúc tiến việc sản xuất loại khí giới mới này mặc dù ông nói với tôi rằng ông không tin một người trẻ như Alexander thì đã biết gì về chiến thuật hay chiến lược. Tuy nhiên, Dimitris đã lầm.

Khi vua Philip mang quân đội chủ lực đi đối phó xứ Byzantium, chỉ để lại rất ít quân lính giữ an ninh tại Pella. Lợi dụng cơ hội, Maedi, một tiểu quốc phía Bắc đã xua quân cướp phá Macedonia. Cuộc chiến xảy ra khi Dimitris và tôi đang đi kiểm tra các xưởng rèn đúc khí giới ở miền Nam. Nhận được tin, chúng tôi vội vã trở về Pella nhưng về đến nơi thì Alexander đã ca khúc khải hoàn. Không những vị hoàng tử trẻ tuổi này đã dẹp tan quân xâm lược mà còn thừa thẳng dẫn quân đánh thẳng vào kinh đô của Maedi, thiêu hủy cung điện xứ này, đổi tên Maedi thành Alexandropolis và sáp nhập tiểu quốc này thành một tỉnh của Macedonia.

Leonidas, Antigenidas và con cái các gia đình quý tộc đang theo học với Aristotle cũng đều tham gia trận chiến. Khi trở về Pella, tôi vội vã tới gặp Leonidas, vừa gặp tôi, Leonidas đã hăng hái kể lại cuộc chiến:

- Khi nghe tin quân Maedi xâm lăng Macedonia, Hoàng tử Alexander đã kêu gọi tất cả bạn hữu trong trường tham gia vào quân đội để cùng chống lại kẻ thù. Mặc dù quân số ít nhưng thay vì chờ địch quân kéo đến Pella, Hoàng tử đã dẫn binh đến thẳng nơi đồn trú của giặc. Trời tảng sáng, địch quần còn chưa tỉnh giấc thì tiếng kèn đồng, trống trận của ta đã vang lên. Toàn thể quân Macedonia cùng nhau hát vang bản chiến ca oai hùng như tiếng sấm khiến địch quân tưởng Macedonia kéo thiên binh vạn mã đến nên vô cùng hoảng loạn. Hoàng tử Alexander thúc ngựa phóng lên trước, dẫn đầu đoàn quân với những chiếc giáo dài uy vũ, đánh cho quân Maedi tan tác...

Tôi say sưa nghe Leonidas kể chi tiết trận đánh trong khi Dimitris ngồi đó với ánh mắt lấp lánh vẻ hãnh diện. Leonidas nói với cha:

- Alexander đã chiến thắng vẻ vang và sẽ được gọi về triều, tất cả bạn hữu theo ngài đánh trận cũng sẽ được diện kiến nhà vua. Đây là cơ hội để con tiến thân nhờ những chiến công đã lập cho Macedonia.

Điều này hợp vối ý của Dimitris, sở dĩ ông gửi con đến Mieza học cùng Alexander, người mà tương lai sẽ làm vua Macedonia, cũng vì mục đích kết thân với hoàng tử và tìm cơ hội tiến thân trên quan lộ. Những dự tính của Dimitris quả không sai. Khi Vua Philip thắng trận ở Byzantium trở về, ông giao cho Alexander làm người chỉ huy trường huấn luyện quân đội của Macedonia. Các bạn của Alexander như Leonidas, Antigonus, Ptolemy, Seleucus, Hephaestion, Cleitus, Simonides và Philotas đều được phong chức trong trường huấn luyện

quân đội này. Hôm Vua Philip cho gọi những người có công vào triều để khen thưởng, đa số đều được thưởng chức tước, vàng bạc. Đến lượt Leonidas, nhà vua hỏi:

- Leonidas, người muốn ta thưởng gì cho người?

Leonidas nhìn Vua Philip rồi nhìn sang Dimitris, thu hết can đảm, Leonidas hướng về nhà vua, tâu:

- Thưa nhà vua, thần chỉ xin được cưới Melissa, người bạn gắn bó với thần từ nhỏ.

Alexander và các bạn nhìn nhau ngạc nhiên rồi reo ầm lên:

- Leonidas muốn lấy vợ! Ha ha ha!

Tôi biết Dimitris vẫn mong con mình được phong chức tước, sau đó sẽ thu xếp cho Leonidas lập gia đình với con cái gia đình quý tộc trong triều. Việc Leonidas xin cưới con gái thầy dạy nhạc chẳng có địa vị hay tài sản gì là điều bất ngờ, khiến ông sửng sốt. Tuy nhiên, Vua Philip đã bật cười, nói lớn:

- Người thật giống ta, không phần thưởng nào quý giá hơn một cô gái đẹp. Này Dimitris, ông nghĩ sao nếu ta đứng ra lo việc hôn lễ cho con ông?

Trước sự đồng thuận bất ngờ của nhà vua, Dimitris không thể nói gì hơn nên đành chấp thuận, lòng thầm nghĩ cô gái con thầy dạy nhạc cũng xinh đẹp và tài năng. Dimitris kính cẩn tạ ơn sự tác thành của nhà vua. Vua Philip vui vẻ cười phá lên:

- Hay lắm, đã thế ta cũng thưởng thêm cho mình một cô gái trẻ nữa.

Lời nhà vua khiến Alexander đứng kế bên đang vui vẻ bỗng sa sầm mặt. Mẹ của Alexander là Hoàng hậu Olympias vẫn thường than trách, buồn phiền về việc nhà vua có nhiều vợ lẽ và bỏ bê mình.

Vua Philip đã lấy sáu người vợ lẽ, tất cả đều là công chúa của những nước mà ông chinh phục. Ông cho phép những vị vua bại trận, cũng là cha vợ của mình, được duy trì địa vị như xưa nên ai cũng trung thành, không ai có ý làm phản. Đó cũng là sự khôn khéo của Philip. Thay vì sử dụng quyền lực, cho người cai trị

những nơi đó, ông dùng hôn nhân để ràng buộc và bảo đảm sự trung thành những vùng lãnh thổ đã chiếm được.

Không lâu sau, đám cưới của Leonidas và Melissa được tổ chức rất linh đình tại triều đình, với rất đông quan khách và ban học đến chung vui, chúc mừng. Vua Philip đứng ra làm chủ hôn nên lễ cưới đã sang trọng còn thêm vẻ tôn nghiêm. Leonidas và Melissa cùng nhau hòa tấu những bản nhạc đã viết cho nhau khiến Satyrus sửng sốt ngạc nhiên:

- Làm sao chúng có thể sáng tạo ra những điệu thức Lydia tuyệt vời như thế?

Tôi ngồi lắng nghe giai điệu êm đềm của những bản hòa tấu, lòng không khỏi xốn xang. Tôi đưa mắt nhìn theo Isidora xinh đẹp đang nhảy múa cùng các quan khách. Những bước nhảy nhịp nhàng, uyển chuyển hòa vào thanh âm trầm bổng, dập dìu của những ngón đàn như ru người ta vào cõi mê. Tôi vô thức bước tới, nắm lấy tay Isidora kéo nàng theo điệu nhạc. Isidora quay lại nhìn thấy tôi, vội giằng tay ra, giọng nàng thảng thốt:

- Kyros, người làm gì thế?

Đúng lúc đó, ban nhạc đang chuyển bài nên gần như mọi người trong lễ đường đều nghe thấy tiếng kêu thảng thốt của Isidora. Mọi cặp mắt đổ dồn về khiến Isidora và tôi càng bối rối. Tôi vội buông tay Isidora ra, đứng chôn chân tại chỗ, không biết nên phản ứng thế nào.

Tuy xuất thân là nô lệ nhưng vì tôi thường thay mặt Dimitris trông nom công việc sản xuất vũ khí của triều đình và thường qua lại Mieza, chơi thân với những học trò tại đây và quen biết cả Hoàng tử Alexander nên ngoài Leonidas và Antigenidas ra, không mấy ai biết tôi là nô lệ. Dĩ nhiên Isidora và Sophia biết thân phận của tôi nhưng vì lớn lên cùng nhau, chơi đùa cùng nhau, nên khi xưa các cô cũng không để ý. Tuy nhiên, hiện nay tất cả đều đã lớn, đã có ý thức hơn về ranh giới giữa chúng tôi. Việc một gã nô lệ có hành động đường đột với một tiểu thư cành vàng lá ngọc trước bá quan văn võ triều đình là điều không thể chấp nhận. Trước ánh mắt ngạc nhiên của mọi người, Isidora càng trở nên vùng vằng, giận dữ. May thay, Simonides bước ra nắm tay Isidora, cười lớn:

- Thằng Kyros say mất rồi, thôi Isidora hãy nhảy với ta.

Tôi vẫn đứng nguyên, bàng hoàng vì sự đường đột của mình, không biết nên phản

ứng ra sao thì Antigenidas và Hephaestion đã kéo xệch tôi ra ngoài rồi ngoái lại nói với mọi người:

- Nó chưa quen uống rượu, mới có mấy chén đã say.

Mọi người cười ồ lên, không khí vui vẻ trở lại, chỉ có tôi nghe ngực mình đau nhói, tựa như một mũi giáo vừa đâm thẳng vào tim. Mối tình mà tôi câm nín ấp ủ bao lâu vừa bị đặt dấu chấm một cách phũ phàng. Mặc dù không ai nhắc lại việc này nhưng sau đám cưới, tôi lấy cớ đi kiểm tra, theo dõi các nơi sản xuất khí giới để không trở về trang trại của Dimitris nữa. Tuy nhiên, có đi xa thì nỗi đau vẫn theo cùng. Đến lúc đó tôi mới nhận ra rằng mặc dù sống chung dưới một mái nhà từ nhỏ, lớn lên cùng nhau, nhưng dưới mắt họ, tôi vẫn chỉ là một nô lệ thấp hèn, không hơn không kém. Nỗi buồn biến thành oán thán. Tôi tự hỏi tại sao cùng là con người nhưng người thì được coi là quyền quý, cao sang, trong khi người khác phải mang thân nô lệ, bị xem là hèn kém. Tại sao lại có sự khác biệt giai cấp bất công như thế? Chẳng phải các thầy dạy vẫn nói về khoa học, về logic sao, nếu mọi sự trên thế giới này đều theo logic thì phải giải thích sự bất công này thế nào? Tôi suy nghĩ mãi nhưng chưa thể tìm ra câu trả lời...

Lại nói về tình hình Hy Lạp khi đó. Từ trước đến nay, Athens vẫn tự hào là trung tâm văn hóa của Hy Lạp với sự phát triển hưng thịnh của các trường phái triết học và các loại hình nghệ thuật. Dân Athens đều là những người thanh lịch, trí thức. Đối với họ, Macedonia chỉ là xứ sở hoang vu, man rợ và dân chúng đa phần là thất học. Khi Vua Philip đề nghị liên kết quân đội các thành bang quanh đó thành khối thống nhất để chống lại Ba Tư thì nghị viện Athens đã bác bỏ ngay. Demosthenes, chủ tịch nghị viện Athens đã gọi Vua Philip là “thằng mọi điên”. Khi thế lực của Vua Philip ngày càng mạnh vì đã thôn tính hầu hết những thành bang lân cận, sáp nhập vào lãnh thổ Macedonia và có thể trở thành mối đe dọa thì Athens và Thebes bèn hợp lực để đối phó với Macedonia.

Thebes nổi tiếng với đoàn kỵ binh hùng mạnh, đánh đâu thắng đó, nên khi hai bên vừa dàn trận trên cánh đồng Chaeronea thì quân Thebes đã dũng mãnh lao lên tấn công trước. Trong lúc hai bên giao chiến, Alexander quan sát chiến thuật của quân Thebes rồi ra lệnh cho tướng dưới trướng là Cleitus kéo quân chạy vào hẻm núi. Đoàn kỵ binh của Thebes thừa thắng đuổi theo. Nhưng hẻm núi quanh co, chật hẹp không phải là địa hình thuận lợi cho kỵ binh, họ không thể chiến đấu hiệu quả như trên đồng bằng. Tận dụng sự thất thế của quân địch, quân Macedonia với những cây giáo rất dài lập tức chặn được đà lao của chiến mã cùng đội cung nỏ thiện nghệ của quân địch, thẳng tay tiêu diệt đoàn quân thiện

chiến nhất Hy Lạp lúc bấy giờ. Hơn sáu ngàn quân Thebes đã bỏ mạng tại hẻm núi. Cho đến lúc đó Dimitris mới nhận ra hiệu quả của chiến thuật chống kỵ binh mà Hoàng tử Alexander đã nói. Ông nói với tôi:

- Trước đây ta vẫn cho rằng những người trẻ chỉ được tính hiếu thắng và hung hăng nhưng chứng kiến trận đánh này, ta phải công nhận Hoàng tử Alexander quả thật rất tài giỏi.

Sau trận đánh đẫm máu đó, nghị viện Athens quy hàng và suy tôn Vua Philip làm lãnh tụ hội đồng liên minh quân đội Hy Lạp (*The League of Corinth*). Vua chúa các nước đều tuyên thệ trung thành với Vua Philip, đặt quân đội dưới sự chỉ huy của ông. Vua Philip sai Alexander thay mặt ông đến Athens ký nhận hiệp ước trước nghị viện Athens và vua chúa các xứ kia. Mặc dù đây là vinh dự lớn với một hoàng tử còn trẻ nhưng Alexander không thấy hài lòng, vị hoàng tử trách móc:

- Có bao nhiêu vinh quang hiển hách phụ vương ta đều chiếm hết, chẳng còn gì cho ta làm nữa.

Được đến Athens, trung tâm văn hóa của Hy Lạp lúc đó, là niềm mong ước của những người trẻ ở Macedonia, trong đó có tôi. Tôi cũng may mắn được theo đoàn tùy tùng của Hoàng tử Alexander đến Athens. Đoàn chúng tôi, người nào cũng náo nức được đến nơi phồn hoa đô hội với phố xá, nhà cửa sang trọng và những thiếu nữ xinh đẹp sẵn sàng đón tiếp. Tuy nhiên, khi đến Athens, chúng tôi vô cùng thất vọng vì sự tiếp đón hời hợt của nghị viện và người dân xứ này. Đa số họ vẫn coi người Macedonia là những kẻ man rợ. Vua chúa các nước Thrace, Thebes, Argos, Illyria, Triballi mặc dù đồng ý tuân phục Philip nhưng sự bất hợp tác vẫn lộ rõ qua thái độ nhát gừng, lời nói trịch thượng.

Việc này khiến Alexander vô cùng phật ý. Vị hoàng tử trẻ không dằn được cơn giận khi Memnon, chỉ huy quân đội Athens, không chịu nâng chén chúc mừng và phàn nàn việc một "thằng bé con" ỷ thế lực của cha dám ngồi chung bàn với các vua chúa. Alexander nổi nóng, rút gươm toan xử tội gã chỉ huy tại chỗ nhưng các thành viên đoàn tháp tùng đã kịp thời ngăn cản. Vị hoàng tử trẻ tức giận bỏ về. Trước khi đi, Alexander quay lại nhìn một lượt những người trong bàn hội nghị rồi gằn giọng:

- Rồi các người sẽ biết tay "thằng bé con" xứ Macedonia này. Demosthenes, chủ tịch nghị viện Athens, mỉa mai:

- Hay lắm, nếu làm được gì thì xin cậu bé thông báo cho chúng tôi biết nhé.

Cả bàn hội nghị cười ồ, ra vẻ đắc ý. Alexander ném lại một cái nhìn sắc lạnh rồi dẫn đoàn tùy tùng đi thẳng. Trên đường về Pella, Perdicas phàn nàn:

- Người ta nói rằng dân Athens văn minh, trí thức nhưng ta chỉ thấy một lũ quan lại thối nát, ham thụ hưởng chứ không làm được việc gì.

Cleitus gật đầu, thể hiện sự đồng tình:

- Bọn họ và lũ vua chúa kia nữa, chỉ muốn yên thân chứ đâu nghĩ gì đến tai họa xâm lăng của Ba Tư. Họ chỉ mong kéo dài thời gian hưởng thụ, được ngày nào vui ngày đó. Việc gì xảy ra thì tính sau.

Alexander nói với các bạn:

- Làm sao chúng ta có thể hợp tác với những người như thế được? Bọn chúng chỉ biết đến địa vị và quyền lợi riêng chứ đâu để ý đến việc chung. Nếu quân Ba Tư thật sự kéo đến lần nữa, có lẽ chúng sẽ buông tay đầu hàng ngay để được an toàn chứ nghĩ gì đến việc chống cự.

Hephaestion gật đầu, góp lời:

- Trước đây, khi Ba Tư tấn công Athens, các thành bang khác đều không chịu gửi quân tiếp viện. Do đó mà Athens bị thiêu hủy, lăng miếu, đền đài thần thánh bị đào xới. Khi Ba Tư xâm chiếm hải đảo, không cho thuyền bè Hy Lạp ra khơi, các vua chúa vẫn dửng dưng, chẳng ai phản ứng gì vì quyền lợi của họ không bị đụng chạm, chỉ có dân chúng phải chịu thiệt thòi thôi.

Ptolemy cũng than:

- Đúng vậy, vua chúa các nước chỉ giỏi lo tranh chấp quyền lợi lẫn nhau, còn khi quân Ba Tư kéo đến thì mạnh ai người ấy chạy, nào có nghĩ gì đến dân chúng.

Alexander nghiến răng:

- Rồi sẽ có lúc ta dạy cho lũ ăn hại này một bài học nhớ đời.

***

Sau khi thành công trong việc đoàn kết một số tiểu quốc Hy Lạp thành một liên minh thống nhất và trở thành lãnh tụ của lực lượng này, Vua Philip rời Pella đi thanh tra quân đội của các nước trong liên minh. Trên đường đi Athens, ông bị ám sát.

Cái chết của Vua Philip khiến Macedonia rơi vào tình trạng bất ổn nghiêm trọng. Alexander nối ngôi vua cha, nhưng vừa lên ngôi đã gặp sự chống đối trong triều. Một số tướng lĩnh muốn Attalus, người đang nắm quyền chỉ huy quân đội, lên làm vua. Các quan trong triều lại ủng hộ người chỉ huy ngự lâm quân là Amyntas lên ngôi, cả hai đều có lực lượng quân đội và nắm giữ các vai trò quan trọng, về phía Alexander, tuy không nắm lực lượng quân đội trong tay nhưng Alexander có thể trông cậy vào các binh sĩ đang được huấn luyện trong trường võ bị dưới sự chỉ huy của các bạn mình là Leonidas, Antigonus, Ptolemy, Seleucus, Hephaestion, Cleitus, Simonides và Philotas. Là người phụ tá cho Dimitris, trông coi quân lượng, khí giới nên tôi được chứng kiến biến cố lịch sử này từ đầu đến cuối.

Để giành lại chủ quyền hoàn toàn, Alexander đã ra tay dứt khoát. Hôm đó, vị vua trẻ bước vào trại huấn luyện, trước hàng ngàn binh sĩ, ngài bắt đầu bài diễn văn hùng hồn nói về các thần linh, từ Zeus, Apollo đến Hercules, rồi nói về các anh hùng như Achilles, Menelaus, Hector, Diomedes... với giọng nói sang sảng, ngài trích dẫn những cầu thơ hào hùng trong bản trường ca*Iliad* mà đa số quân sĩ trẻ đều thuộc nằm lòng. Ngài nhắc đến nỗi nhục của Hy Lạp bị Ba Tư xâm lăng, đến việc đền miếu thần thánh, mồ mả tổ tiên bị phá hủy, các biển đảo bị chiếm cứ khiến người Hy Lạp không còn cá để ăn. Ngài đặt vấn đề những vua chúa, những nhà lãnh đạo khác vẫn dửng dưng, chỉ lo tranh chấp quyền lợi, không nhìn thấy hiểm họa xâm lăng của Ba Tư, thì liệu những viên quan già nua kia có thể nào đảm đương trách nhiệm thống nhất liên minh để chống lại Ba Tư? Ngài cho rằng đã đến lúc Hy Lạp thay đổi, giành lại quyền làm chủ tương lai. Sau cùng, ngài kêu gọi những người trẻ tiến lên nhận lãnh trách nhiệm, gánh vác việc nước, xây dựng một tương lai hùng cường cho Hy Lạp, thay vì tiếp tục sống trong sợ hãi trước thảm họa ngoại xâm. Lòng nhiệt thành, hăng hái của Alexander khiến tất cả binh sĩ xúc động, sĩ khí được nâng cao. Tuy mang thân phận nô lệ, tôi cũng thấy trong lòng trào dâng lên một bầu nhiệt huyết muốn góp phần vào công cuộc chấn hưng Hy Lạp.

Với khí thế hăng hái đó, Alexander kéo binh tiến thẳng vào Pella dẹp tan các phe

nhóm quan triều không tuân phục mình. Cuộc hành binh chớp nhoáng khiến những người kia trở tay không kịp. Amyntas bị Ptolemy giết chết khi còn chưa kịp mặc giáp. Trong vòng nửa ngày, nhóm binh sĩ trẻ đã làm chủ tình hình Macedonia. Attalus đóng quân ở ngoại ô hay tin biến động ở Pella liền dẫn quân về triều nhưng trên đường đã bị Alexander cho người phục kích, giết chết. Trong hậu cung, Hoàng hậu Olympias cũng ra lệnh cho giết tất cả những người vợ lẽ của Vua Philip. Sau khi thanh lý nội bộ, Alexander cho họp các tướng sĩ lại, tuyên bố:

- Phụ vương ta là người theo chủ nghĩa lý tưởng, ông chủ trương liên kết các tiểu quốc thành một khối chung để chống ngoại xâm rồi mang quân giành lại những hải cảng của Hy Lạp đã bị Ba Tư xâm chiếm. Nay phụ vương ta qua đời, một sổ nước đã rút ra khỏi khối liên minh. Rõ ràng, nếu Ba Tư xâm lăng thì chúng ta không thể nào trông cậy vào những nước đó được. Khôi liên minh cũng vì vậy mà không đủ mạnh. Ta chủ trương thực tế, ta muốn thống nhất tất cả các nước thành một quốc gia duy nhất, với một lực lượng quân đội duy nhất, đặt dưới sự chỉ huy của một người mà thôi, chính là ta đây!

Tiếng hò reo vang dậy, thể hiện sự đồng lòng của mọi người trước khí thế của tân vương trẻ tuổi. Để chuẩn bị cho chiến tranh, số xưởng rèn đúc khí giới được tăng lên gấp bốn lần so với trước. Công việc của tôi càng bận rộn hơn trước, phải liên tục đi lại giữa các xưởng sản xuất để kiểm tra, rà soát, đảm bảo không có khoản chi nào sai sót. Tất bật là thế, nhưng mỗi khi dừng chân ở nơi nào đó, nghe văng vẳng giai điệu Lydia xa gần, tôi đều không khỏi nhớ đến Isidora và chua xót cho thân phận nô lệ của mình.

Cuộc chiến thống nhất Hy Lạp của Alexander mở đầu với cuộc tấn công xứ Thessaly, là trung tâm thương mại phồn thịnh nhất khi đó. Chỉ sau vài ngày giao tranh, quân Macedonia đã đại thắng. Alexander cho sáp nhập Thessaly vào Macedonia. Vị vua trẻ ra lệnh cho tất cả trai tráng xứ này đều phải nhập ngũ, do đó mà quân số Macedonia gia tăng đáng kể. Các thuyền bè, tài sản thương mại của Thessaly đều bị tịch thu, sung vào công quỹ triều đình. Để bổ sung ngân sách cho quân lương và khí giới, Alexander cho bắt phụ nữ Thessaly đem bán cho các chợ mua bán nô lệ. Đây là lần đầu tôi tận mắt chứng kiến cảnh người mua bán người như loài vật, lòng không khỏi nghĩ đến mẹ tôi khi xưa cũng đã chịu số phận như thế. Nhìn những người dân vô tội bị nhốt trong lồng cũi súc vật, bị rao bán giữa chợ buôn người, lòng tôi tràn ngập cảm giác đớn đau như chính mình đang bị ngược đãi. Đây là một cảm giác vừa thương xót vừa sợ hãi lạ lùng mà chính tôi cũng không lý giải được. Trong xã hội Hy Lạp, mua bán nô lệ vốn là

điều bình thường. Hầu hết mọi người đều coi đó là việc hiển nhiên vì sự phân biệt giai cấp cho phép người có quyền hành xử như thế. người làm nô lệ cũng đã quen với sự đối xử bất công này và đành chấp nhận số phận. Cuộc đời họ ra sao hoàn toàn phụ thuộc vào thái độ của người chủ. Đa số đều bị đối xử tàn bạo và chỉ có một ít người may mắn như mẹ con tôi, được đối xử tử tế hơn. Vẫn biết “thắng làm vua, thua làm giặc" nhưng nhìn nỗi đau thương, thống khổ mà những người thua trận phải gánh chịu, lòng tôi vô cùng khó chịu.

Nhìn vẻ bàng hoàng của tôi trước cảnh buôn bán nô lê này, Dimitris thản nhiên:

- Đây là lần đầu người chứng kiến việc này đúng không? Bình tĩnh đi, đừng sợ. Sau này người sẽ còn chứng kiến nhiều việc ghê gớm hơn nữa.

Tôi cố gắng trấn tĩnh, nhưng lời thật ra vẫn run rẩy:

- Nhưng tại sao... tại sao... chúng ta lại làm thế?

Dimitris giải thích:

- Mục đích của chúng ta là trang bị vũ khí cho quân đội để chống lại sự đe dọa của Ba Tư. Chúng ta cần nhiều tiền cho việc sản xuất thêm khí giới nên phải bắt phụ nữ bán làm nô lệ, lấy tiền bổ sung ngân quỹ. “Mục đích biện minh cho phương tiện”, chúng ta phải làm thế thôi. Nhưng người đừng sợ, ta không bao giờ bán người đâu.

Tôi gật đầu nhưng không đáp lời. Lời nói vô tình của Dimitris khiến tôi cảm thấy có chút cay đắng. Tuy được đối xử tử tế nhưng dưới mắt của Dimitris tôi vẫn chỉ là một nô lệ, không hơn không kém. Vốn ý thức thân phận nô lệ của mình nên tôi vô cùng biết ơn Dimitris đã đem tôi về nhà sống cùng các con ông và còn dạy tôi học việc. Thế nhưng, thỉnh thoảng tôi vẫn có chút chua xót vì suy cho cùng, Dimitris làm tất cả những điều đó cũng vì lợi ích của ông và ông mãi mãi chỉ coi tôi là một nô lệ giúp việc. Nhưng do đâu mà người thì sinh ra làm chủ nô, người thì sinh ra làm nô lệ? Mặc dù hiện tại không thể lý giải thân phận mình, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn cảm thấy có một cái gì đó thôi thúc mình phải đi tìm câu trả lời.

Sau chiến thắng tại Thessaly, Alexander ra tối hậu thư cho các nước quanh đó: "Sáp nhập vào Macedonia hoặc bị chinh phạt”. Không nhận được hồi âm, quân vương trẻ tuổi xua quân tiến đến Illyria, thiêu rụi kinh đô xứ này, sáp nhập tiểu

quốc này vào Macedonia. Thừa thắng, ngài kéo quân vượt đèo Shika, xóa sổ luôn xứ Triballi và Getae, sáp nhập hai nơi này thành hai tỉnh của Macedonia, với chiến thuật tiến binh thần tốc, với quân đoàn hăng hái vì lý tưởng thống nhất Hy Lạp, chỉ trong một thời gian ngắn, Alexander đã chinh phục hầu hết các nước xung quanh.

Alexander không những là người chỉ huy giỏi mà còn là một nhà chiến lược tài ba. Mỗi khi chinh phục được nước nào, ngài đều để lại đó một binh đoàn thuộc quân đội Macedonia nhằm kiểm soát an ninh, trong khi toàn bộ binh lực của nước đó sẽ được sáp nhập vào quân đội chủ lực của Macedonia. Mỗi một người lính mới sẽ do hai người lính Macedonia chịu trách nhiệm huấn luyện. Quân sĩ được huấn luyện cấp tốc rồi lập tức phải gia nhập lực lượng chủ lực, tiến ngay sang nước khác, do đó họ không có sự lựa chọn nào hơn là phải chiến đấu dưới lá cờ của Macedonia.

Sau khi chinh phục tất cả tiểu quốc lân cận, Alexander lên kế hoạch tấn công hai xứ có tầm ảnh hưởng lớn nhất Hy Lạp lúc đó là Athens và Thebes. Tướng Antipater đề nghị khởi binh đánh Athens trước. Alexander cười lớn:

- Một xứ sở mà mọi quyết định đều do mấy chục người trong nghị viện bàn cãi mà thành thì không bao giờ làm nên trò trống gì. Đám vô dụng trong nghị viện đó chỉ nói chứ có làm được gì đâu. Chỉ cần cho thấy hậu quả của việc không tuân phục ta thì không cần đánh chúng cũng sẽ hàng.

Sau đó Alexander ra lệnh tập trung quân lực kéo đến Thebes. Lần này, vị vua trẻ đã có trong tay hơn ba vạn quân sĩ, với hai chục pháo đài di động dựng lên để vượt bức tường thành kiên cố của xứ Thebes. Cuộc chiến kéo dài hơn mười ngày với tổn thất hai bên rất nặng nhưng cuối cùng đội quân của Alexander cũng giành chiến thắng. Để răn đe Athens, Alexander ra lệnh thiêu rụi cung điện xứ Thebes thành bình địa. Hơn sáu ngàn nhà cửa của dân chúng cũng bị đốt theo, ba mươi ngàn dân xứ này bị bắt làm nô lệ. Nhà vua cũng cho phép binh sĩ được tự do cướp phá, giết chóc, như phần thưởng cho cuộc chiến đẫm máu này. Hai tuần sau, khi Dimitris và tôi mang đồ tiếp tế đến đây thì ngọn lửa thiêu hủy kinh đô xứ này vẫn chưa tắt. Khắp nơi, xác người nằm la liệt, chật cả những cánh đồng, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Những bầy kền kền, quạ đen bu kín xác người. Tất cả tạo nên một cảnh tượng thật kinh hoàng.

Tôi từng tin vào viễn kiến thống nhất Hy Lạp để chống ngoại xâm của vị vua trẻ và cũng chấp nhận quan điểm "mục đích biện minh cho phương tiện” với

việc bắt người bán làm nô lệ để lấy tiền sản xuất khí giới. Tuy nhiên, chứng kiến việc hủy diệt cả một xứ sở, cướp bóc của cải và tàn sát dân lành vô tội một cách man rợ chỉ để chứng tỏ quyền lực thì tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng toàn bộ việc này không chỉ nhằm chống ngoại xâm mà còn chính là tham vọng bành trướng lãnh thổ của Macedonia? Vua Philip cũng như Alexander đều lấy việc chống Ba Tư làm mục đích chính nghĩa cho cuộc chiến nhưng đằng sau lý tưởng tốt đẹp đó, phải chăng cả hai đều có những tham vọng quyền lực riêng?

Trong các thành bang của Hy Lạp, mỗi thành bang đều có những nét văn hóa đặc trưng và thế mạnh riêng. Thessaly nổi tiếng về thương mại, Sparta mạnh về quân sự, Thebes chuyên về chăn nuôi, Triballi hoạt động về hàng hải, Illyria chuyên về canh nông và Athens nổi tiếng về văn hóa. Macedonia là xứ nghèo nhất vì điều kiện đất đai khô cằn, chính nhờ tài điều khiển của Vua Philip và Alexander mà nay đã chinh phục được những thành bang kia. Alexander đã cho vẽ lại bản đồ, không còn phân chia ra nhiều nước, tất cả đều trở thành những tỉnh của Macedonia.

Khi nhìn tấm bản đồ này, tôi nghĩ đến lời dạy của Aristotle: "Đối với mọi sự, phải biết đặt câu hỏi “tại sao” để tìm hiểu căn nguyên”, rồi tự hỏi tại sao những nước kia có thể bị chinh phục dễ dàng như thế? Dĩ nhiên, ai cũng biết tài chỉ huy của nhà vua trẻ nhưng tôi nghĩ nếu dân chúng các xứ đó biết tự lập, tự cường, quyết tâm bảo vệ đất nước, nếu vua chúa những xứ đó cai trị bằng sự công minh thay vì chỉ hưởng thụ thì làm sao Alexander có thể dễ dàng chinh phục họ được? Chính vì lãnh đạo các xứ sở kia không để tâm điều hành việc triều chính, không chú trọng việc quốc phòng mà chỉ lo thụ hưởng nên Alexander mới lợi dụng sơ hở, thống nhất Hy Lạp được.

Đúng như Alexander dự đoán, số phận kinh hoàng của Thebes đã khiến nghị viện Athens khiếp vía, lập tức xin quy hàng. Alexander gửi thư cho Demosthenes, thư đề: "Thưa ông chủ tịch nghị viện, xin báo ông rõ: “thằng bé con” này đã thống nhất Hy Lạp”. Thay vì cho giết Demosthenes, Alexander ra lệnh cho nghị viện xứ này phải sắc phong cho mình làm lãnh đạo tối cao của Hy Lạp và việc này phải cử hành tại Athens, do chính Demosthenes tổ chức.

Chỉ trong vòng hai năm sau khi lên ngôi tại Macedonia, Alexander đã thống nhất Hy Lạp thành một quốc gia duy nhất. Ngài cho ban hành chính sách trung ương tập quyền và tất cả các thành bang bị chinh phục đều trở thành những tỉnh do trung ương kiểm soát. Ngài cho sáp nhập quân đội các nước lại thành một khối, đặt dưới quyền chỉ huy của mình, để chuẩn bị cuộc chiến tranh với Ba Tư.

Alexander cho tướng Antipater làm quan nhiếp chính, trông coi mọi việc tại Hy Lạp, đặt bản doanh tại Athens để quản thúc nghị viện nơi đây. Là người thông minh, Alexander không tin người Athens thật lòng tuân phục mình. Những người trí thức tự hào về truyền thống dân chủ xứ này sẽ không dễ gì chấp nhận một người xuất thân từ Macedonia mà họ coi là xứ man rợ lên nắm quyền lãnh đạo mình. Điều này cũng không có gì lạ. Thậm chí, khi Athens đầu hàng, tướng Memnon, chỉ huy quân đội Athens, còn dẫn quân chạy sang Ba Tư, xin gia nhập quân đội Ba Tư hòng đối phó với Macedonia. Điều này cho thấy rõ tinh thần chia rẽ và tính ích kỷ địa phương của các thành bang Hy Lạp khi đó. Tuy nhiên, sự quyết đoán có phần tàn bạo của Alexander, cộng với tài quân sự xuất sắc của ngài, rốt cuộc đã biến Hy Lạp thành một khối thống nhất, tạm yên dưới sự cai quản của chính quyền trung ương tập quyền do ngài đề ra. Việc bình định Hy Lạp đã xong, Alexander nhanh chóng tiến hành bước tiếp theo trên con đường chinh chiến của mình. Vị vua trẻ tập hợp lực lượng, chuẩn bị tấn công Ba Tư.

Trước khi lên đường, Alexander cũng các bạn học đến Mieza từ biệt thầy mình là Aristotle. Tôi cũng được Leonidas dẫn theo cùng. Vị vua trẻ nói với thầy:

- Con quyết định tấn công Ba Tư để rửa mối hận khi xưa xứ này đem quân đốt phá đền thờ, giày xéo lăng miếu tổ tiên chúng ta. Con sẽ nêu cao ngọn cờ Macedonia khắp lãnh thổ Ba Tư và mang văn minh Hy Lạp đến dạy cho bọn mọi rợ ngu xuẩn kia.

Aristotle nhìn Alexander với vẻ trầm ngâm rồi lắc đầu, ôn tồn nói:

- Để chinh phục một quốc gia, không thể chỉ bằng quân sự mà phải có sự kết hợp đủ ba yếu tố: quân sự, kinh tế và văn hóa. Thiếu một trong ba yếu tố này, con không thể cai trị nơi nào lâu dài được. Con nên nhớ, chinh phục bằng quân sự thì không khó, cái khó là chinh phục nhân tâm. Nền văn minh của Ba Tư tuy có khác biệt với chúng ta nhưng không hẳn là kém hơn đâu. Con không nên quá tự cao, coi thường những giá trị mà con chưa hiểu rõ. Để thật sự chinh phục được một quốc gia, con phải biết tôn trọng phong tục, văn hóa của họ, đối xử công bằng với dân chúng ở đó, thì mới thu phục nhân tâm được. Khi đời sống người dân xứ đó được thoải mái, họ sẽ không chống lại con. Khi phong tục văn hóa xứ đó được tôn trọng, họ sẽ không coi con là kẻ xâm lược, và chỉ khi đó con mới thành công.

Alexander suy nghĩ lời thầy mình vừa nói. Là người thông minh, ngài hiểu ngay rằng Aristotle có lý, liền kính cẩn thưa:

- Lời thầy không sai. Con sẽ nghe theo thầy, khi hành quân, con sẽ mang theo các học giả giỏi nhất của Hy Lạp để nghiên cứu phong tục và văn hóa xứ khác. Những người này sẽ giúp con điều chỉnh việc cai trị cho thích hợp.

Aristotle gật đầu. Ông suy nghĩ một chút, rồi nói:

- Nếu thế thì ta sẽ cho Timotheus theo giúp con. Mọi vấn đề nan giải con có thể hỏi Timotheus hoặc viết thư cho ta.

Timotheus cũng là học trò của Platon tại Học viện Platon. Khi Platon qua đời, Aristotle không được bổ nhiệm làm viện trưởng và phải rời Athens thì Timotheus đi theo và trở thành học trò thân cận của ông. Tính tình Timotheus thâm trầm, ít nói, khác hẳn đám học trò hăng hái, náo động như Alexander, Cleitus, Leonidas, Perdicas hay Ptolemy. Ngoài ra, Timotheus vẫn thường được Aristotle cho thay ông lên lớp giảng dạy nên mọi người đều kính phục, coi ông như người có triển vọng thay thế Aristotle.

Việc cho người học trò thân tín nhất đi theo Alexander chứng tỏ Aristotle coi việc chinh phục nhân tâm xứ Ba Tư là vô cùng quan trọng. Việc này, một phần cũng có thể vì Aristotle không muốn Alexander chịu ảnh hưởng của những học giả xuất thân từ Học viện Platon đi theo đoàn quân viễn chinh.

Aristotle nói thêm:

- Các con cũng biết, văn minh của Hy Lạp vốn bắt nguồn từ Ai Cập, do Sinuhe, một hiền triết từ Ai Cập đến đây mở trường dạy học. Tuy nhiên, Sinuhe cũng chỉ học được một phần tinh hoa của Ai Cập mà thôi, còn nhiều thứ nữa mà ông ấy chưa được học. Do đó, từ xưa các hiền triết nước ta như Iamblichus, Pythagoras, Thales, Solon đã phải qua Ai Cập học tập thêm. Ta cũng muốn qua đó học thêm như người xưa đã làm. Tiếc rằng Ai Cập đã bị Assyria xâm lăng, rồi trở thành thuộc địa của Ba Tư nên ta cũng không muốn đến đó nữa.

Alexander nói ngay:

- Thầy đừng lo, sau khi chinh phục Ai Cập, con sẽ cho thu tập tất cả sách vở, tài liệu quý giá của xứ này mang về Mieza cho thầy nghiên cứu.

Aristotle quay sang những học trò khác ân cần dặn dò:

- Các con hãy nhớ lời dạy của ta. Đừng bao giờ tự mãn về những gì chúng ta đã biết. Bể học mênh mông, còn vô số điều chúng ta chưa biết. Cái biết có thể che cái thấy. Do đó, ta cần tránh những thành kiến hẹp hòi mà nên biết quan sát mọi việc, mở rộng tầm nhìn, sẵn sàng trải nghiệm, học hỏi những điều mới mẻ. Có thế các con mới xứng đáng là học trò của ta.

Được chứng kiến buổi nói chuyện giữa Aristotle và các học trò, tôi vô cùng khâm phục sự khôn ngoan của nhà hiền triết này. Dù trận chiến vẫn chưa bắt đầu, nhưng cả Alexander và Aristotle đều tin rằng Macedonia sẽ giành phần thắng. Biết trò không ai bằng thầy, tuy biết học trò có tham vọng lớn, có hùng tài chỉ huy, lãnh đạo, nhưng Aristotle cũng sợ sự hăng say, nhiệt huyết của tuổi trẻ kia có thể đưa đến những sai lầm khó cứu vãn, vì vậy mà ông đã phái người học trò thân tín và tài năng nhất là Timotheus đi theo Alexander, để giúp cho việc cai trị các thuộc địa hiệu quả và vững bền hơn.

Để chuẩn bị cho cuộc đại viễn chinh, Alexander phong cho Parmenion, vị tướng trung thành đã từng lập nhiều chiến công của Vua Philip, làm chỉ huy quân đội viễn chinh, rồi giao cho các bạn như Hephaestion, Perdicas, Leonidas, Ptolemy, Antigonus, Cleitus, Seleucus, Philotas và Simonides nắm giữ chức vụ quan trọng khác. Những người này đều là con cháu các gia đình quý tộc xứ Macedonia, từ nhỏ đã là bạn chơi đùa cùng với Alexander, lớn lên lại cùng theo học Aristotle, nên Alexander có thể tin tưởng vào sự trung thành tuyệt đối của họ.

Trước chiến tranh luôn là thời điểm nhiều người trẻ vội vã lập gia đình. Phần vì họ muốn tận hưởng đời sống lứa đôi trước khi tương lai rơi vào cảnh bất định, phần nữa là do các gia đình đều muốn sớm có con cháu nối dõi, vì không ai biết việc binh đao bất trắc thế nào. Đây cũng là lúc các gia đình quý tộc thu xếp cho con gái họ lập gia đình với những người mà tương lai có thể nắm những vị trí quan trọng trong triều đình.

Là người tính toán khôn ngoan, Dimitris thu xếp ngay cho Isidora gặp gỡ và hứa hôn với Cassander, con trai của tướng Antipater. Sophia thì hứa hôn với Philotas, con của tướng Parmenion. Trong các học trò của Aristotle, đây là hai người có tương lai nhất, vừa là bạn thân của Alexander, vừa là con của hai đại tướng chỉ huy quân đội Macedonia. Đám cưới của Sophia với Philotas được cử hành ngay sau đó, còn của Isidora thì hoãn lại đến mùa đông. Tuy nhiên vào phút cuối, Antipater đổi ý, không muốn con mình đi theo đoàn quân viễn chinh. Để tránh lời dị nghị về sự trung thành của ông với Alexander, ông thu xếp cho Cassander lấy

Thessalonike, em gái của Alexander, rồi giao cho Cassander chức vị kiểm soát việc hành chính tại Athens, bảo đảm nhiều người trong gia đình của Alexander nắm quyền tại một nơi quan trọng. Điều này làm Alexander và Thái hậu Olympias vui lòng nhưng đồng nghĩa với việc cuộc đính ước với Isidora phải hủy bỏ.

Đối với phong tục Hy Lạp, đây là một vụ bê bối không nhỏ. Trong giới Ai Cập quý tộc, cho dù vì lý do gì thì việc người con gái bị từ hôn là một điều nhục nhã. Trong các tiểu thư khuê các của triều đình, Isidora vốn nổi tiếng xinh đẹp và luôn được nhiều người săn đón. Các bạn của Leonidas như Simonides, Perdicas, Philiteus, Medius cũng ít nhiều để ý đến cô. Với nhan sắc xinh đẹp như thế, Isidora cũng bị các tiểu thư khác ghen ghét, ganh tỵ. Vì vậy, việc bãi hôn bất ngờ này đã tạo ra nhiều dư luận đàm tiếu và lan truyền đi rất nhanh. Dimitris buồn bực nhưng không thể làm gì vì Antipater là vị tướng chỉ huy quân đội Hy Lạp, còn là quan nhiếp chính chỉ đứng sau Alexander. Hơn nữa Thessalonike là công chúa, em của Alexander nên cuộc hôn nhân này được coi là ván bài chính trị của Antipater, nhằm kết thân với hoàng gia và đạt được sự tin tưởng của Alexander.

Khi nghe được tin bất ngờ này, lòng tôi quá sức ngổn ngang, sống gần nhau từ nhỏ, tôi biết Isidora vẫn tự hào về sắc đẹp của mình và luôn mong lấy được người chồng danh giá nên việc lần này hẳn là cú sốc rất lớn với cô. Dĩ nhiên người như cô chẳng bao giờ để ý đến tên nô lệ hèn kém như tôi. Tuy thế, trước việc không may này, tôi có phần thương xót cho cô nhưng cũng thầm nuôi hy vọng biết đâu một ngày nào đó cô sẽ thay đổi tâm ý...

***

Thời điểm này, Ba Tư là đế quốc lớn, lãnh thổ chạy dài từ Ai cập đến tận núi Hindu Kush. Trong khi đó, Hy Lạp chỉ là một bán đảo bé nhỏ. Từ nhiều năm trước, các hải cảng của Hy Lạp như Ephesus, Miletus, Halicarnassus nằm ở bên kia bờ Địa Trung Hải đã bị Ba Tư chiếm cứ. Sau đó, các hải đảo quanh Hy Lạp cũng dần dần bị xâm chiếm. Thuyền bè Ba Tư kiểm soát các hải lộ quan trọng của Địa Trung Hải và tấn công bất kỳ thuyền bè Hy Lạp nào dám bén mảng ra khơi. Trong gần một thế kỷ, dân Hy Lạp luôn sống trong sợ hãi trước sự bành trướng của Ba Tư. Họ nhìn thấy đế quốc Assyria bị tiêu diệt, xứ Kush bị xóa sổ, một nửa Nubia bị rơi vào tầm kiểm soát của Ba Tư, nên đa số người Hy Lạp đều lo sợ phập phồng không biết khi nào xứ mình sẽ bị xâm lăng và số phận của họ sẽ ra sao nếu phải sống dưới ách cai trị của những người mà họ coi là man di, mọi rợ.

Khi xưa Vua Philip của Macedonia chủ trương khai chiến để thống nhất quân lực các nước trong bán đảo Hy Lạp là để chiếm lại những hải cảng đã mất về tay Ba Tư cũng như đề phòng việc bị Ba Tư tấn công lần nữa. Tuy nhiên, khi Alexander thống nhất Hy Lạp, vị vua trẻ vừa tròn hai mươi tuổi này chủ trương tấn công Ba Tư để chấm dứt triệt để mối đe dọa xâm lăng đã tồn tại từ thế kỷ trước. Bằng những bài diễn văn hùng hồn về truyền thống anh hùng của Hy Lạp, Alexander đi khắp nơi kêu gọi việc tấn công kẻ thù lịch sử, khiến các thanh niên trẻ đều nức lòng tin vào khẩu hiệu "Đánh trước thì thắng". Do đó, chỉ trong một thời gian ngắn, Alexander đã có hơn bốn mươi ngàn quân sĩ sẵn sàng chiến đấu.

Alexander cho tổ chức lại quân đội theo chiến lược hành quân thần tốc để sẵn sàng ứng phó với mọi hoàn cảnh. Quân sĩ được huấn luyện sử dụng những cây giáo sarissa rất dài để tiến thoái theo nhịp trống trận chứ không chiến đấu theo cách ào ạt xông lên không có bài bản như xưa. Ngài còn thiết lập một hệ thống tiếp vận quy mô với rất nhiều cỗ xe do ngựa kéo để có thể di chuyển nhanh hơn. Ngoài ra ngài cho mang theo rất nhiều kỹ sư xây dựng đường sá, thiết lập các máy móc bắn tên, phóng đá, thợ rèn đúc vũ khí và cũng dẫn theo một số nghệ sĩ, nhạc sĩ để khích động tinh thần chiến đấu*.

** (Ghi chú của tác giả: Các sử gia thời đó ghi chép rằng Alexander là người có kế hoạch hành quân chi tiết dựa vào địa thế, thời tiết, khí hậu. Nhà vua cũng cho tổ chức hệ thống tiếp vận hiệu quả để có thể di chuyển thật nhanh. Chiến lược của Alexander tập trung vào ba chữ: đánh trước, đánh nhanh và đánh mạnh. Các văn kiện về chiến lược và chiến thuật của ông được lưu trữ tại thư viện Alexandria. Sau này, Hoàng đế Julius Caesar cho mang những văn kiện này về La Mã làm tài liệu giảng dạy cho quân đội. Hoàng đế Napoleon cũng coi những tài liệu này là sách gối đầu giường của mình.*

Đừng bao giờ tự mãn về những gì chúng ta đã biết. Bể học mênh mông, còn vô số điều chúng ta chưa biết, cái biết có thể che cái thấy. Do đó, ta cần tránh những thành kiến hẹp hòi mà nên biết quan sát mọi việc, mở rộng tầm nhìn, sẵn sàng trái nghiệm, học hỏi những điều mới mẻ.

Tướng Medius được giao nhiệm vụ trông coi việc tiếp vận. Dimitris được giao nhiệm vụ kiểm soát quân lương, việc này đòi hỏi ông phải đi lại giữa kinh đô Pella với những nơi Alexander đóng quân. Chuyến đi có thể kéo dài cả tháng, có khi di chuyển bằng thuyền, có khi bằng đường bộ, qua đồi núi trập trùng nên viện cớ tuổi già, sức yếu, Dimitris đề nghị Alexander trao trách nhiệm này cho

tôi. Ông nói:

- Kyros đã làm việc kiểm soát quân lương và sản xuất khí giới trong nhiều năm, là người làm việc chu đáo nên thần tin rằng hắn có thể hoàn thành công việc này.

Mặc dù tôi mang thân phận nô lệ nhưng vì chơi thân với Leonidas, thường qua lại Mieza, quen biết Ptolemy, Perdicas, Seleucus, Medius và cả Alexander, nên những người này cũng coi tôi như bạn. Khi Dimitris đề nghị giao cho tôi trông coi quân lương, tôi nhận được sự tín nhiệm của Alexander ngay. Một lần nữa, tôi lại đóng vai người chuyển thư qua lại cho Leonidas và Melissa. Suốt thời gian chinh chiến, dù đi đến đâu Leonidas cũng không quên viết thư cho vợ, gửi kèm những bản nhạc do anh sáng tác. Mỗi lần ghé về Pella để báo cáo cho Dimitris, tôi vẫn gặp Melissa và cô luôn hỏi: “Kyros, có thư của Leonidas không?”.

Quân đội Macedonia đã hành quân kéo qua Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) và hạ trại gần hải cảng Hellespont. Buổi chiều hôm đó, Alexander đã bất ngờ gọi một số người bạn lên một chiếc thuyền đi thăm thành cổ Troy ở gần đó. Khi thuyền còn chưa dừng hẳn, Alexander đã nhảy xuống trước, dẫn đầu đoàn người xăm xăm hướng về thành cổ. Đứng trước những phế tích của thành Troy từng vang danh một thời, nơi đã đi vào thi ca, âm nhạc, sử sách của rất nhiều đời hậu thế, Alexander phóng tầm mắt bao quát lặng ngắm cảnh vật như đang chìm vào một ký ức xa xôi, rồi buột miệng thốt lên:

- Lần đầu người Hy Lạp đặt chân lên Á Châu chính là chỗ này đây - thành Troy. Ta cũng đã từng đến đây!

Tôi đang ngạc nhiên thì đã nghe Ptolemy lên tiếng hỏi:

- Ngài đã đến đây vào lúc nào? Sao lại có thể...

Alexander thản nhiên trả lời:

- Ta đã từng cùng hàng vạn binh lính trên hàng ngàn chiến thuyền vượt biển từ Hy Lạp đến Troy, hạ trại nơi bờ biển cát trắng này, từng ngủ cùng các quân sĩ, từng tham gia những trận công thành đẫm máu, từng trằn trọc nhiều đêm cùng các tướng lĩnh suy nghĩ làm sao đột nhập được bức tường thành kiên cố để triệt phá thành Troy.

Ptolemy, Seleucus và Antigonus nhìn nhau với vẻ vừa hoang mang vừa kinh ngạc

nhưng không ai nói gì. Thấy mọi người có vẻ không tin, Alexander quay qua tôi, hỏi to:

- Kyros, nhà ngươi nghĩ sao? ngươi có tin rằng ta đã từng đến đây tham dự cuộc chinh chiến đẫm máu nhất Hy Lạp để san bằng, thiêu rụi thành Troy không?

Tôi bất ngờ khi được hỏi, đang không biết phải trả lời thế nào thì may thay Timotheus đã lên tiếng:

- Thưa nhà vua, nếu đúng vậy thì dãy tường thành Troy khổng lồ khi xưa nằm ở chỗ nào?

Alexander không cần suy nghĩ, chỉ tay về hướng ngọn đồi:

- Nhìn kìa, các người có thấy ngọn đồi nơi có hai cây cổ thụ lớn đằng xa kia không? Bức tường thành Troy khi đó chạy dài từ ngọn đồi đó đến tận phía Tây kia. Một dãy tường thành kiên cố, hùng vĩ và sừng sững nơi đó, thách thức những chiến binh can trường nhất của Hy Lạp. Đội quân Hy Lạp những tưởng có thể san bằng mọi thành lũy trên đời này lại phải bất lực nhìn bức trường thành ngạo nghễ kia chặn đứng mọi cuộc tấn công của mình trong mười năm ròng rã khổ chiến. Mọi cánh quân tiến đánh thành Troy đều sợ hãi đội quân của Hector và cũng không ai chiến thẳng được Hoàng tử Hector trong các trận đọ sức một chọi một. Các người nên biết rằng chính tay ta đã giết chết Hector, chiến binh tài giỏi nhất nơi này, trong trận quyết đấu tay đôi để trả thù cho người anh em Patroclus đã bị Hector đâm nhát kiếm sâu vào cổ họng, khiến ta nổi cơn thịnh nộ. Đó là một buổi bình minh, chỉ một mình ta tiến đến cổng thành Troy thách đấu vối hắn và đã giết chết được hắn.

Không còn Hector chỉ huy, trong thành chỉ còn quân đội của một vị vua già và em trai của Hector là Paris, kẻ điếm đàng khốn kiếp đã dùng thủ đoạn quyến rũ, bắt cóc người phụ nữ trẻ đẹp Helen vốn là vợ của nhà vua xứ Sparta. Chính việc làm sai trái của Paris đã dẫn đến cuộc chiến tranh thành Troy thảm khốc. Tuy nhiên, dù Hoàng tử Hector đã chết nhưng chúng ta vẫn không có cách nào hạ được cửa thành kiên cố đó. Không biết bao nhiêu xương máu của các chiến binh Hy Lạp đã ngã xuống trước bức trường thành định mệnh này...

Chúng tôi đều lặng im, không ai dám lên tiếng hay ngắt lời Alexander vì ai cũng cảm nhận được vị hoàng đế này không có vẻ gì là đang đùa cả. Alexander lúc đó không quan tâm đến chúng tôi, kể tiếp:

- Cuộc đời của ta chưa bao giờ có suy nghĩ phải lùi bước trước bất cứ kẻ thù nào. Ta tiếp tục cùng những tướng lĩnh Hy Lạp trằn trọc nhiều đêm để nghĩ ra mưu lược, quyết tâm bằng mọi giá phải phá được thành Troy. Ngày nào chưa công phá được tòa thành Troy, ngày đó chúng ta thề sẽ không về quê hương. Sau cùng, Odysseus, vua xứ Ithaca, đã nghĩ ra một diệu kế vô tiền khoáng hậu để đánh lừa vua thành Troy. chúng ta đã tháo dỡ các chiến thuyền của mình để lấy gỗ đóng thành một con ngựa gỗ khổng lồ, kỳ vĩ nhất trên đời và giấu bên trong con ngựa một toán quân thiện chiến nhất. Sau đó, chúng ta giả vờ bị bệnh dịch, nhổ trại, lên tàu rút binh, rồi ém quân vào một eo biển vắng gần đó. Vua thành Troy mừng vui vì tưởng Hy Lạp cuối cùng đã cam chịu thất bại và đã rút quân một cách thảm hại, còn để lại trên bãi biển con ngựa gỗ khổng lồ như một món lễ vật dâng lên thần linh, có ý nghĩa như một lời cầu hòa. Bất chấp lời can ngăn từ nữ tiên tri Cassandra, Vua Priam của thành Troy vẫn quyết định cho quân lính kéo con ngựa gỗ vào thành, coi như một chiến lợi phẩm minh chứng cho chiến thắng. Đêm đó, hầu như tất cả tướng lĩnh thành Troy say sưa uống rượu ăn mừng, đốt lửa cảm ơn thần linh và nhảy múa quanh con ngựa gỗ đến khuya, rồi ngủ thiếp đi trong men rượu. Đúng lúc đó, chúng ta từ trong bụng ngựa gỗ thoát ra, mở cổng thành cho quân Hy Lạp đợi sẵn tràn vào, đánh cho tan tành đội quân thành Troy thiện chiến, rồi thiêu rụi, san bằng tòa thành kiên cố đó.

Chúng tôi lặng người quay qua nhìn nhau, nửa tin nửa ngờ, nhưng ánh mắt rực lửa của Alexander khi kể lại chi tiết trận công thành lịch sử nọ khiến chúng tôi lạnh người. Alexander không quan tâm đến thái độ bán tín bán nghi của chúng tôi mà phóng tầm mắt nhìn về cuối chân trời rồi cương quyết:

- Ta đã trở lại! Lần này ta sẽ chinh phạt Á Châu, đánh đến tận cùng thế giới. Không kẻ nào có thể cản bước chiến mã của ta và lần này sẽ không ai có thể giết được ta nữa!

Chúng tôi quay trô ra bờ biển. Mọi người vừa đi vừa suy nghĩ về trận đánh với quân đội Ba Tư sắp diễn ra, nhưng trong đầu luẩn quẩn câu chuyện về thành Troy. Khi đến gần chỗ neo thuyền, Alexander quay lại nhìn phế tích thành Troy đằng xa một lúc nữa rồi đột nhiên ngài quay sang tôi, trầm giọng vừa đủ cho tôi nghe:

- Kyros! Ta chính là Achilles đã trở lại.

Lời tuyên bố bất ngờ này như một tiếng sấm dội trong đầu tôi. Không một người

Hy Lạp nào lại không biết thần thoại về trận chiến thành Troy, với các vị anh hùng lừng danh ở cả hai chiến tuyến, từ Odysseus đến Hector, Menelaus, Ajax, Agamemnon và cả Achilles nữa. Nhưng việc Alexander tự nhận ra mình là Achilles là việc thế nào đây? Quá đỗi kinh ngạc, nhưng cũng không dám thất lễ, tôi cung kính hỏi:

- Thưa đức vua! Vậy có thật là Achilles đã chết trong trận chiến thành Troy bồi một mũi tên bắn vào gót chân?

Alexander im lặng nhìn về nơi xa xăm một lát rồi nói:

- Achilles dũng mãnh chưa bao giờ thua một trận nào. Achilles đã chết bởi mũi tên của Hoàng tử Paris bắn vào đúng gót chân, là tử huyệt duy nhất của Achilles. Bất kỳ vị anh hùng nào trên đời này cũng có một điểm yếu.

Câu chuyện kể của Alexander làm dấy lên trong đầu tôi câu hỏi: Liệu người đã chết cả ngàn năm có thể trở về thế giới này và nhớ lại được chuyện cũ hay sao, nên Alexander mới có thể kể chi tiết đến vậy? Chẳng lẽ chết chưa phải là dấu chấm hết sao? Alexander chắc chắn không có lý do gì để nói dối về việc này. Ngài đã là một vị vua vĩ đại, đã chứng minh được tài thao lược trên chiến trường và đã vang danh toàn cõi Hy Lạp rồi.

Đêm đó, tôi hầu như không ngủ được vì mãi trằn trọc với câu hỏi: "Có thật là con người có thể sống lại ở một kiếp sống khác không? Nếu có, thì người ta có giữ được tính cách, sự hiểu biết từ kiếp sống trước đó không?". Tôi thử liên hệ, so sánh và nhận ra những điểm tương đồng kỳ lạ giữa Hoàng đế Alexander và Achilles - người con của nữ thần biển Thetis và vua Hy Lạp Peleus trong những câu chuyện thần thoại cổ xưa mà tôi từng được biết. Đúng là hai người đều có những nét tính cách và tinh thần hiếm ai có được. Chuyện kể rằng, khi còn nhỏ, Achilles được người mẹ là nữ thần biển Thetis cầm gót chân, dốc ngược và nhúng cả người cậu bé vào nước sông styx - con sông ngăn cách giữa trần gian và âm phủ - để Achilles có được sự bất tử như thần linh. Từ đó, toàn thân của Achilles rắn chắc như sắt thép, chỉ trừ duy nhất vị trí gót chân, là phần được nữ thần biển nắm bằng hai tay nên không nhúng được vào dòng nước thiêng. Achilles đã chết vì một điểm yếu duy nhất ở gót chân, còn Alexander bất bại có điểm yếu nào chăng? Có điều gì có thể ngăn cản được chiến thần hùng mạnh bất bại của Hy Lạp này? Sự chém giết triền miên này bao giờ mới kết thúc được?

***

Trong buổi nói chuyện về kiếp sống ly kỳ tại Hy Lạp, ông Thomas nói rằng ông ấn tượng mãi về lần tháp tùng Alexander Đại đế viếng thăm phê tích thành Troy và đã ngạc nhiên ra sao khi nghe Alexander kể vanh vách chi tiết trận chiến thành Troy và cuối cùng còn khẳng định mình chính là Achilles lừng danh, câu chuyện này cứ mãi ám ảnh trong tâm trí Thomas. Nếu những người hùng như Achilles và Alexander được số phận cho gánh vác sứ mệnh lớn thì hàng triệu những con người bình thường và vô tội khác, những nô lệ, những tù binh không lẽ chỉ đáng là những vật hèn mọn để hy sinh, tô điểm cho những chiến công thần kỳ của các anh hùng nọ? Chính sự tôn sùng chủ nghĩa anh hùng thời chiến đã làm u mê, gieo định kiến và góp phần làm tha hóa nhân sinh quan con người.

Chính câu hỏi về thân phận nô lệ đau khổ, thấp kém của mình là động lực mạnh mẽ thúc đẩy Kyros dùng cả cuộc đời để bước vào hành trình đi tìm bằng được câu trả lời.

Cuối buổi chuyện trò, Thomas đã chia sẻ với tôi một cách sâu sắc: *"Trong cuộc đời mỗi con người, đôi khi chỉ cần ta dám đặt câu hỏi và dám đi tìm tận cùng câu trả lời thì chúng ta sẽ bước vào một hành trình khám phá có thể làm thay đổi hoàn toàn nhận thức và ý nghĩa cuộc sống, vì cuộc sống chính là hành trình trải nghiệm, học hỏi không ngừng, bất tận. Mỗi một giờ khắc trôi qua, thế giới lại sản sinh ra hàng triệu điều mới mẻ. Những ai ngừng học hỏi, khám phá sẽ đi đến sự thiếu hiểu biết, bảo thủ, định kiến, lỗi thời, và điều quan trọng là chúng ta có thể khẳng định rằng mỗi người chúng ta ở kiếp sống này rất có thể là hiện thân của một ai đó trong chuỗi kiếp sống vô tận. Dù là một người bình thường hay môt nhân vật lừng danh, chúng ta từ khi sinh ra cho đến hiện tại đều mang theo mình đủ mầm thiện, ác đan xen. Và chính bản thân chúng ta sẽ là người quyết định hạt mầm nào được đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái, chính suy nghĩ và hành động của chúng ta - chứ không phải của bất kỳ ai khác - tạo nên số phận của mình."*

***

Vào thời cổ đại Hy Lạp, các hiền triết như Pythagoras, Socrates và Platon đều quan niệm rằng con người có linh hồn vô hình, bất diệt, khác với thể xác hữu hình, hữu hoại. Quan niệm về linh hồn của những nhà hiền triết này ít nhiều khác biệt, nhưng tựu trung vẫn tin rằng linh hồn chính là sự sống, nhờ có linh hồn nên thể xác mới có thể sống và hoạt động được. Linh hồn là bất tử, khi thể xác chết, linh hồn di chuyển vào thể xác khác để tiếp tục đời sống. Pythagoras tin rằng

linh hồn có thể di chuyển vào thể xác của người hay thú vật, nhưng Socrates lại cho rằng linh hồn chỉ có thể di chuyển vào thể xác người vì linh hồn là nơi chứa đựng kiến thức, trong khi loài vật thì không có kiến thức. Do đó, mục đích của đời người là trau dồi kiến thức để trở nên thông thái hơn. Socrates chứng minh sự hiện hữu của linh hồn bằng cách đưa một bài toán khó cho một nhóm nô lệ thất học để xem họ có thể làm gì. Một trong những nô lệ đó đã giải được bài toán đó, Socrates giải thích rằng vì người này đã học toán trong kiếp trước nên linh hồn nhớ được phương pháp giải toán. Quan niệm về linh hồn bất tử này thường bị các triết gia khác chỉ trích và chế giễu.

Platon đi xa hơn thầy mình (Socrates) bằng cách giải thích trong quyển *Cộng hòa* rằng con người phải trải qua một hành trình cần thiết để học hỏi. Linh hồn có sự sống kéo dài vô tận, trong khi thể xác thì có giới hạn. Do đó, linh hồn liên tục tái sinh vào thể xác: sinh ra, chết đi, rồi tiếp tục tái sinh trở lại để học hỏi. Tội lỗi con người gây ra ở phần đầu của cuộc hành trình sẽ khiến họ phải trả giá trong những phần sau và những chuyện họ từng trải ở kiếp này cũng theo họ đến kiếp khác. Bởi thế mà linh hồn của Orpheus đã chọn tái sinh thành thiên nga vì anh không muốn sinh ra làm phụ nữ, Thersites tái sinh thành đười ươi, và Agamemnon thành chim ưng, Odysseus lựa chọn trở thành một người bình thường thầm lặng. Nếu con người có thể trở thành thú thì con thú có thể tái sinh thành người, loài thú hung hăng thường trở thành người man rợ, loài thú hiền lành trở thành người lịch sự, loài thú khôn ngoan trở thành người thông minh.

Platon chia linh hồn ra làm ba phần: Phần lý luận (*Rational*) nằm ở bộ óc, phần tình cảm (*Spirited*) nằm ở con tim và phần dục vọng (*Appetite*) nằm ở bụng dưới hay cơ quan sinh dục. Tùy con người phát triển thiên về phần nào mà sau khi chết, linh hồn sẽ tái sinh vào các xác thân tương ứng. Linh hồn phát triển về lý luận thường tái sinh vào thể xác vua chúa, người lãnh đạo, hay giới tinh hoa, quý tộc. Linh hồn phát triển về tình cảm thường di chuyển vào thể xác của các nghệ sĩ, giáo sĩ hay người có tài về nghệ thuật. Linh hồn phát triển về dục vọng thường di chuyển vào thể xác của thợ thuyền, kẻ thất học hay nô lệ. Quan niệm này có phần nào đó bị ảnh hưởng bởi sự phân chia giai cấp trong xã hội lúc đó, nơi mà những người bị đẩy xuống giai cấp thợ thuyền hay nô lệ vốn không có kiến thức hay hiểu biết gì.

Người Hy Lạp tin rằng khi con người làm được những việc to lớn, vĩ đại thì sau khi chết, được trở thành thần thánh, sống trong cõi của thần linh. Tuy nhiên, các thần linh cũng không khác con người bao nhiêu, tuy là thần nhưng họ cũng tham lam, ích kỷ, thích ăn uống, rượu chè, tranh chấp và háo sắc như người, chỉ khác

là họ có quyền năng nên có thể làm những việc mà con người không làm được.

Dù là một người bình thường hay một nhân vật lừng danh, chúng ta từ khi sinh ra cho đến hiện tại đều mang theo mình đủ mầm thiện, ác đan xen. Và chính bản thân chúng ta sẽ là người quyết định hạt mầm nào được đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái. Chính suy nghĩ và hành động của chúng ta - chứ không phải của bất kỳ ai khác - tạo nên số phận của chúng ta.

Phần tám

BA TƯ: CHINH PHẠT VÀ TÌNH YÊU

Cuộc chiến tranh giữa Hy Lạp và Ba Tư khởi sự với trận đánh bên bờ sông Granicus. Lúc đó, quân Ba Tư đã tập hợp lực lượng, quy tụ cả những phản quân từ Athens chạy sang đầu quân để chống lại Alexander, nên binh lực hai bên chênh lệch rõ rệt. Khi dàn trận, tướng Parmenion điều nghiên, quan sát thế trận hai bên rồi đề nghị Alexander cho giữ vững vị trí, chờ quân Ba Tư tấn công trước. Alexander lắc đầu, quả quyết:

- Không được, cách phòng thủ tốt nhất là tấn công. Phải bất ngờ đánh trước. Đánh trước thì mới thắng được.

Ngay đêm hôm đó, quân lệnh truyền xuống cho toàn quân sẵn sàng khai chiến. Khởi đầu trận đánh, quân đội Hy Lạp được hỗ trợ bởi kèn đồng, trống trận và các bản nhạc hùng tráng giúp cho đội quân bừng bừng khí thế, binh sĩ hừng hực nhuệ khí như thể họ đang tham gia một cuộc thánh chiến vĩ đại và việc được chết dưới màu cờ của binh đoàn Alexander là một vinh dự thiêng liêng, không có gì phải tiếc nuối.

Trong một cuộc chiến mà một phía là đội quân không sợ chết thì sự sợ hãi thường ở phía đối phương. Không như những người chỉ huy thông thường, chỉ ở phía sau ra lệnh, Alexander mặc áo giáp, cưỡi ngựa, rút kiếm vượt lên dẫn đầu đoàn quân xung phong, tiến về phía trước. Đây là một hành động mạo hiểm hiếm có, vì những vị tướng dạn dày kinh nghiệm chiến trường thường chẳng bao giờ làm như thế. Vừa thấy Alexander phóng ngựa xông lên trước, các tướng Ba Tư lập tức nhắm vào Alexander, vì giết được nhà vua thì kể như trân chiên sẽ ngã ngũ. Vị vua trẻ ngay lập tức bị bao vây bởi bốn viên tướng Ba Tư nhưng ngài không tỏ ra nao núng dù chỉ một chút. Alexander chiến đấu anh dũng, đâm chết được hai tướng lĩnh Ba Tư nhưng cũng bị trúng một cán thương vào đầu. May nhờ chiếc mũ sắt dày nên nhà vua chỉ bị chấn động nhẹ. Khi kiếm của Alexander bị gãy, không còn vũ khí nào trong tay và bị một tướng lĩnh Ba Tư tấn công quyết liệt thì may thay Cleitus đã liều mình xông đến tiếp ứng. Cleitus chém đứt cánh tay viên tướng kia, rồi đưa ngay thanh kiếm của mình cho Alexander, có lại vũ khí, Alexander tiếp tục xông lên tấn công. Thấy nhà vua quả cảm, liều mình như

thể, toàn quân Hy Lạp đều hết lòng chiến đấu, phá vỡ các mắt xích trong thế trận của Ba Tư. Trước khí thế và lòng cảm tử của quân Hy Lạp, tướng chỉ huy Ba Tư rốt cuộc phải ra lệnh cho quân sĩ rút lui. Quân Ba Tư tổn thất nặng nề, phía Hy Lạp ít thương vong và đã chiếm phần thắng. Ngoài thu được nhiều khí giới, họ còn bắt được nhiều tù binh. Alexander ra lệnh cho xử tội tất cả những ai là phản quân Hy Lạp đã gia nhập quân Ba Tư. Vị hoàng đế sau đó còn ra lệnh:

- Hãy loan báo cho tất cả mọi nơi được rõ, bất cứ người Hy Lạp nào phản bội đất nước đều phải chịu số phận như bọn phản quân này.

Mặc dù không trực tiếp tham dự trận chiến, nhưng tôi đã tận mắt chứng kiến cuộc hành quyết tàn bạo này và không khỏi kinh hãi. Những tiếng kêu la, những lời van xin vang vọng khắp doanh trại. Nhìn những người lính xứ Athens chết dưới lưỡi gươm của lính Macedonia, lòng tôi lại trào dâng cảm giác thương xót lạ lùng như khi xưa chứng kiến cuộc tàn sát tại thành Thebes. Tên chỉ huy quân đội Athens trước kia là Memnon, kẻ cầm đầu lực lượng phản quân, thì đã cao chạy xa bay cùng các tướng lĩnh Ba Tư, còn những binh sĩ dưới trướng hắn, chỉ vì trung thành nghe lệnh tướng chỉ huy mà nay đầu rơi máu chảy.

Sau chiến thắng tại Granicus, Alexander kéo quân xuống miền Nam, tiến đánh dọc theo bờ biển để chiếm lấy các hải cảng, ngăn chặn Ba Tư tấn công Hy Lạp bằng đường biển. Trước mỗi trận đánh, Alexander và quân sĩ cùng nhau hát vang những bản nhạc hùng tráng, hòa cùng tiếng trống trận, kèn đồng khiên quân Ba Tư, phần lớn là binh sĩ địa phương, đều sợ hãi trước khí thế hung mãnh của quân Hy Lạp. Chỉ một thời gian ngắn, các hải cảng như Miletus, Halicarnassus đều thất thủ.

Từ đó Hy Lạp làm chủ vùng duyên hải miền Tiểu Á, cắt đứt mọi đường vận chuyển hàng hải của thủy quân Ba Tư. Alexander ra lệnh cho Ptolemy mang đội chiến thuyền tấn công ồ ạt những hải đảo của Hy Lạp đã bị Ba Tư chiếm đóng. Quân Ba Tư đóng trên các đảo đó đều xin hàng. Kể từ đó, Địa Trung Hải được giải phóng, các thuyền đánh cá của Hy Lạp được tự do ra khơi, không lo sợ gì nữa.

Chiến thắng Granicus đã tạo tiếng vang lớn khắp Hy Lạp và những quốc gia xung quanh đó. Đây là lần đầu dân Hy Lạp được nếm mùi chiến thắng sau bao nhiêu năm sống trong lo lắng, sợ hãi. Những người lính Hy Lạp tử trận đều được chôn cất cẩn thận theo đúng nghi thức, gia đình họ cũng được hưởng tiền tử tuất và được miễn đóng thuế trong ba năm. Thấy quân sĩ Hy Lạp được đãi ngộ hậu

hĩnh, lương bổng cao, rất đông thanh niên các nước quanh đó cũng tình nguyện gia nhập đoàn quân viễn chinh. Nhờ các lính đánh thuê này, quân số Hy Lạp gia tăng đáng kể, tuy nhiên nó cũng làm hao hụt ngân quỹ triều đình, khiến tôi bắt đầu lo lắng, tự hỏi nếu cuộc chiến kéo dài thì lấy đâu kinh phí để trang trải cho chiến tranh? Tôi lo sợ tình trạng buôn bán nô lệ sẽ lại tái diễn.

Alexander kéo binh qua Lydia, Ionia, Armenia và các vùng quanh đó, đều không gặp sức kháng cự nào đáng kể. Các tướng lĩnh địa phương không chống nổi đội quân tinh nhuệ được huấn luyện bài bản của Hy Lạp. Chỉ trong vòng hơn nửa năm, quân Hy Lạp đã làm chủ Tiểu Á, một miền đất rộng lớn, trù phú, đủ lương thực để dưỡng quân qua mùa đông năm đó. Vì Địa Trung Hải đã được giải phóng, nên tôi có thể di chuyển về Pella bằng thuyền, nhanh hơn khi đi trên đất liền. Tôi tiếp tục là người đưa thư cho Leonidas và Melissa, cũng được nghe những khúc nhạc tình tứ của hai người soạn cho nhau.

Khi đến các địa phương, Alexander ra lệnh cho Timotheus sưu tầm sách vở, tài liệu gửi về cho Aristotle nghiên cứu. Là người phụ trách quân lương, thường di chuyển giữa Pella và những nơi đóng quân, tôi được lệnh mang các tài liệu thu thập được này về Mieza. Nhờ thế, tôi gặp Timotheus thường xuyên, theo thời gian tình bạn giữa chúng tôi trở nên gắn bó hơn. Thật may mắn vì giữa cảnh binh đao loạn lạc, máu đổ đầu rơi khắp nơi, tôi có được một người bạn thông tuệ, hiểu biết để tâm sự. Trong một buổi chuyện trò, khi cả hai cùng uống rượu say, tôi vô tình buông lời oán thán:

- Tại sao có người sinh ra đã sung sướng trong khi người khác phải làm nô lệ? Tôi không hiểu tại sao có sự phân biệt giai cấp như thế?

Timotheus trả lời với giọng nói hơi lè nhè vì đã ngà ngà say:

- Khi sinh ra con người đã không giống nhau. Người thông minh biết suy luận, có kiến thức cao nên được làm chủ. Người không có khả năng, chỉ biết tuân lệnh thì làm nô lệ. Nô lệ cần thiết cho xã hội vì lực lượng này đảm bảo hoạt động cho một trật tự xã hội đã được thiết lập từ trước. Đây là sự thu xếp hợp lý, nếu không có nó, xã hội sẽ trở nên hỗn loạn. Nhờ có người chủ nên nô lệ mới được nuôi ăn, có chỗ ở, do đó họ phải tuân phục và làm những gì chủ nhân muốn. Đây là việc đôi bên cùng có lợi và nô lệ phải phụ thuộc vào chủ nô vì họ không có khả năng suy nghĩ độc lập.

Dĩ nhiên là tôi không chấp nhận cách nói này, nhưng không muốn căng thẳng với

bạn mình, tôi nhẹ nhàng phản đối:

- Nhưng ai có quyền quyết định người nào có khả năng và người nào không cơ chứ? Làm sao biết đứa bé mới sinh này thông minh hơn đứa bé kia?

Timotheus không nao núng, trả lời dứt khoát:

- Luật lệ từ xưa ghi rõ nếu cha mẹ là nô lệ thì con cái cũng phải làm nô lệ. Nô lệ vốn không có khả năng suy nghĩ độc lập thì không thể sinh ra con cái thông minh được. Khả năng thông minh tùy thuộc vào huyết thống gia đình.

Tôi càng không thể chấp nhận cách lý giải này, nên lập tức phản ứng:

- Nói vậy thì trong chiến tranh, bên thua trận có nhiều người bị bắt làm nô lệ, dù họ vốn không thuộc tầng lớp nô lệ, họ cũng thông minh và có học thức, rồi con cái của họ cũng phải làm nô lệ thì giải thích vấn đề thông minh theo huyết thống như thế nào?

Timotheus khựng lại, suy nghĩ một lúc rồi gật đầu nói:

- Kyros, cậu nói cũng có lý. Đây là điều trước giờ ta chưa từng nghĩ đến. Việc phân chia giai cấp nô lệ đã thành truyền thống, tồn tại từ lâu, không biết từ lúc nào, và không biết ai đã đặt ra sự phân chia này. Ngay như thầy của ta, Platon và Aristotle, đều dạy ta như thế. Hiện nay ta không trả lời được thắc mắc này của cậu, nhưng rồi ta sẽ tìm ra câu trả lời.

Mặc dù cuộc nói chuyện xảy ra trong lúc cả hai chúng tôi đều đã ngà say và sau đó tôi không nhắc đến nữa nhưng không ngờ câu hỏi này đã làm Timotheus phải suy nghĩ rất nhiều về sau.

Được sống gần vị vua trẻ và những học giả tháp tùng cùng ngài, tôi dần nhận thấy Alexander không những là một nhà chỉ huy tài năng trên chiến trường mà còn là một hoàng đế có lối sống vô cùng bình dị. Trên sa trường, ngài sống trong lều vải y hệt như các binh sĩ. Mỗi buổi sáng, ngài dậy sớm, chọn ngẫu nhiên một đội binh để cùng thao luyện. Các hoạt động có thể rất phong phú, từ tập thể thao, luyện võ nghệ, đến bắn cung, ném lao, đánh gươm; sau khi thao luyện, ngài sẽ cùng binh sĩ ăn uống, hoàn toàn không có cách biệt giữa một hoàng đế và những người lính tầm thường. Sau mỗi trận đánh, nhà vua đi ủy lạo, hỏi thăm thương tích của binh sĩ và không ngần ngại cho họ xem những vết thương trên

thân thể của chính mình, vì thế ngài được binh sĩ hết lòng kính phục. Đen tối, vị vua trẻ còn la cà khắp doanh trại, vừa uống rượu, vừa ca hát với binh sĩ. Đi cùng ngài là đám bạn thân như Perdicas, Hephaestion, Ptolemy, Antigonus, là những người chơi với ông từ nhỏ. Do cùng học và cùng lớn lên với nhau, họ cũng thích ca hát và uống rượu như Alexander. Ngoài ra, mỗi ngày Alexander đều dành thời giờ để học hỏi thêm vối các học giả Hy Lạp hoặc bàn luận với họ về việc điều hành những nơi mà ngài vừa chinh phục. Alexander là một chiến lược gia sáng suốt, đi đến đâu ngài cũng cho người thăm dò địa thế trước để chọn nơi đóng quân và cho vẽ bản đồ của khu vực với chi tiết sông ngòi, đồi núi, đường sá cẩn thận.

Về phần triều đình Ba Tư, ban đầu, khi hay tin Hy Lạp tấn công, triều đình vẫn cho rằng các tướng lĩnh địa phương đủ sức đối phó nên không gửi quân tiếp viện. Khi bị mất những vùng đất lớn cùng các hải đảo quan trọng thì vua Ba Tư Darius đệ tam mới triệu tập tướng sĩ và đích thân mang quân đến đối phó. Ông chủ trương chặn đường thoái lui từ Tiểu Á về Hy Lạp của Alexander để tiêu diệt quân Hy Lạp ngay trên đất mình. Với hàng trăm chiến xa, hàng ngàn kỵ binh thiện chiến và số binh sĩ gấp ba lần quân Hy Lạp, Darius tin tưởng đã cầm chắc phần thắng trong tay.

Nghe tin Vua Darius đích thân mang quân đến đóng tại Damascus, Alexander họp tướng sĩ lại, xem bản đồ địa thế để chuẩn bị đối phó. Nghe báo cáo về quân số áp đảo cùng số chiến xa của Ba Tư, Parmenion dè dặt:

- Ba Tư nổi tiếng về chiến thuật sử dụng chiến xa để phá vỡ mặt trận đối phương, theo sau là lực lượng bộ binh đông đảo, có thể bằng lợi thế số đông để càn quét, giành chiến thắng...

Alexander ngắt lời:

- Đừng lo, ta đã nghiên cứu chiến lược của Ba Tư và biết cách đối phó. Darius là vua nhưng chưa từng cầm quân ra trận, việc gì chúng ta phải sợ bầy sư tử cầm đầu bởi một con cừu non.

Sau khi nghiên cứu địa thế, thay vì dàn trận trên đồng bằng rộng lớn, Alexander ra lệnh rút quân về đèo Issus chờ quân Ba Tư kéo đến. Đây là một vùng địa thế chật hẹp, bên là núi, bên là biển, quanh đó có rất nhiều đá nhấp nhô, lởm chởm, do đó, khi vào trận, các chiến xa Ba Tư không thể chạy nhanh mà phải lượn quanh để tránh những bãi đá. Vì địa thế gập ghềnh, một số chiến xa vấp đá bị

lật nhào, không những mất khả năng chiến đấu mà còn cản trở các chiến xa khác, vì vậy, ngay từ đầu Ba Tư đã đánh mất lợi thế tấn công bằng chiến xa. Theo sau chiến xa là đoàn kỵ binh và bộ binh xông lên tấn công. Quân sĩ Hy Lạp sử dụng những cây giáo rất dài, chia ra theo đội hình *Phalanx** giữ vững vị trí, trong khi quân sĩ Ba Tư sử dụng những vũ khí ngắn như gươm đao để tấn công theo kiểu hành quân dựa vào số đông nên bất lợi khi đối phó với những cây giáo dài. Binh sĩ Hy Lạp được che chở bởi giáp trụ kiên cố, đứng sau chiếc khiên chắn, sử dụng những cây giáo sarissa dài sáu mét, di chuyển từng bước theo tiếng trống trận oai hùng. Đoàn kỵ binh Ba Tư tinh nhuệ, được coi là nỗi khiếp đảm của tất cả mọi chiến địa khắp vùng Tiểu Á, Lưỡng Hà nay cũng không vượt qua nổi hàng rào của những cây giáo đặc biệt dài chuyên dùng đối phó kỵ binh này. Gặp phải hàng ngũ kỷ luật vững chắc, chỉ tiến từng bước một theo nhịp trống trận của quân Hy Lạp, người này ngã xuống lập tức có người khác thay vào, hàng hàng, lớp lớp như khối rào sắt với những ngọn giáo dài nhọn hoắt, nên quân Ba Tư dẫu có đông và thiện chiên cũng sớm tan rã đội hình và bị áp đảo về khí thế.

** Phalanx (Phương trận) là đội hình quân sự với số đông binh sĩ dàn trận thành hình chữ nhật, giữ nguyên đội hình khi di chuyển, được trang bị những ngọn giáo dài, là đội hình khắc chế kỵ binh cực kỳ hiệu quả. Đây là chiến thuật chiến đấu theo đội hình được áp dụng trong lực lượng bộ binh Macedonia.*

Sau vài đợt tấn công, quân đội Ba Tư tổn thất nặng nề. Cũng như trận đánh trước, Alexander dẫn đầu đội kỵ binh thiện chiến xông lên tấn công vào cánh phải của quân Ba Tư. Vị vua trẻ rút kiếm thúc ngựa lao như bay về phía trước, dũng mãnh hét lớn: "*Lấy mạng Darius!*’’. Đoàn kỵ binh Hy Lạp thét lớn hòa cùng tiếng trống trận rền vang như sấm, xông tràn lên như vũ bão khiến quân Ba Tư không cản nổi, hàng ngũ rối loạn. Alexander điều binh xông thẳng vào vị trí trung quân, tiến đến chỗ Vua Darius đang chỉ huy. Trước sức tấn công như vũ bão của đoàn ky binh Hy Lạp, Vua Darius hoảng sợ quay ngựa bỏ chạy. Thấy nhà vua rời mặt trận, các tướng lĩnh hộ vệ vội vã chạy theo, làm cho quân sĩ Ba Tư mất hết nhuệ khí chiến đấu. Thấy vậy, Parmenion tấn công mạnh qua cánh trái, dồn vây quân Ba Tư vào giữa, rồi ra lệnh đội cung nỏ thẳng tay tiêu diệt. Bị bao vây giữa rừng người hỗn loạn với tên bắn như mưa, quân Ba Tư đại loạn, giẫm đạp lên nhau tìm đường thoát thân, nhưng giữa trận mưa tên trùng trùng, cùng hàng hàng lớp lớp những mũi giáo dài của bộ binh Hy Lạp phong tỏa tứ phía, gần như toàn quân Ba Tư đã tử trận. Một lần nữa, quân Hy Lạp đại thắng. Thay vì dừng lại, Alexander ra lệnh kéo thẳng vào doanh trại của Ba Tư ở Damascus. Các quân sĩ trấn thủ ở đó nhìn thấy chủ tướng và đại quân đã tháo chạy cũng vội vã

bỏ trại, tan tác tìm đường thoát thân.

Khi quân Hy Lạp kéo đến Damascus thì doanh trại quân Ba Tư gần như đã trống không. Tại đây, quân sĩ tìm được nhiều văn kiện của triều đình bỏ lại, Alexander ra lệnh cho Timotheus và các học giả Hy Lạp đến xem xét thu giữ toàn bộ, còn ngài bình thản đi tắm trong bồn nước tại lều của vua Ba Tư.

Alexander cho kiểm soát các chiến lợi phẩm bỏ lại trong lều của Vua Darius. Là người trông coi sổ sách tài chính, tôi được lệnh kiểm kê kỹ lưỡng mọi thứ và báo cáo về số vàng hơn 3.000 ta-lăng(*) thu được tại đây. Alexander ra lệnh cho tôi chuyển số vàng đó về Pella để đúc tiền lương cho binh lính. Do đó, tôi phải trở về Hy Lạp, vắng mặt trong các trận chiến tại Syria và Ai Cập.

(*) Talent: đơn vị trọng lượng thời cổ.

Khi tôi báo cáo về số vàng thu được thì Timotheus cũng tường thuật về các văn kiện của triều đình Ba Tư bị bỏ lại. Ông lưu ý nhà vua rằng pháp luật xứ này ghi rõ tội nặng nhất là nói dối, sẽ bị tử hình, trong khi các tội khác như giết người, cướp của, chỉ bị chặt tay, cắt mũi, cắt tai, khắc chữ lên trán, hay tù đày mà thôi.

Alexander ngạc nhiên:

- Ta không ngờ Ba Tư lại có luật pháp nghiêm khắc như thế. Nếu người xứ này không nói dối, thì ta cũng phải đối xử tử tế với họ.

Timotheus chỉ vào bộ luật của Cyrus(*), người sáng lập nên triều đại Achaemenid, trên bộ luật ghi rõ: “Các quan trong triều, hay tướng lĩnh phạm tội thì phải trừng trị nặng gấp đôi người dân. Ngoài án lệnh cho người phạm tội, gia đình của họ còn phải sống vĩnh viễn ngoài sa mạc, không bao giờ được trở về thành nữa”.

(*) Bộ luật của Cyrus được khắc trên tường tại kinh đô Persepolis vẫn còn tồn tại đến nay. Một phần của luật này được khắc trên đá (Cyrus Cylinder) hiên trưng bày tại viện bảo tàng Anh Quốc.

Alexander xem kỹ bộ luật của Cyrus rồi tấm tắc khen:

- Cyrus giỏi thật, ta cần phải học hỏi cách cai trị này.

Alexander dành thời gian tại Damascus học hỏi, xem xét các văn kiện luật pháp của Ba Tư. Ngài bàn bạc với các học giả Hy Lạp về đường lối cai trị mà ngài thấy có giá trị.

Ba Tư là đế quốc vô cùng rộng lớn, dân cư phức tạp, với nhiều sắc tộc khác nhau, phong tục và ngôn ngữ của họ cũng khác nhau. Triều đại Achaemenid đã tồn tại hơn hai trăm năm nên việc điều hành được tổ chức chặt chẽ, hệ thống pháp luật được ghi chép rõ ràng. Khi xưa, sau khi chinh phục Assyria, Babylon và Ai Cập để dựng lên Đế quốc Ba Tư, Vua Cyrus phân chia quốc gia thành nhiều vùng, mỗi vùng có thống đốc (*Satrap*) điều hành, với lực lượng quân đội riêng, vì mỗi vùng đều có phong tục, ngôn ngữ và tôn giáo riêng nên các thống đốc được quyền thay đổi cách cai trị cho thích hợp với phong tục địa phương, miễn là vẫn tuân theo hệ thống pháp luật của triều đình. Nhà vua nắm quyền hành nhưng không tuyệt đối mà vẫn phải dựa theo luật pháp đã được ghi chép từ trước. Triều đình thu thuế hàng năm từ các vùng, tùy theo thời tiết, mùa màng mà tiền thuế tăng hay giảm. Các vùng được nối với nhau bởi một hệ thống đường sá có các trạm tiếp vận lương thực dự trữ cho ngựa và lạc đà, giúp cho việc đi lại, thông thương, trao đổi hàng hóa vô cùng nhanh chóng và thuận lợi.

Người Ba Tư theo Bái Hỏa giáo (*Zoroastrianism*), phủ nhận chế độ nô lệ. Khi Vua Cyrus chinh phục Ai Cập, Babylon, Lydia, Iona và Assyria, các xứ này đều có nô lệ nên ông ban hành đạo luật bảo vệ quyền làm người, thả tự do cho nô lệ, cấm không ai được sở hữu "con người”. Dân Do Thái làm nô lệ tại Babylon, Ai Cập được cho về quê hương Jerusalem. Khác với Hy Lạp, phụ nữ Ba Tư được coi ngang hàng với nam giới, được quyền đi học, được tự do đi lại, buôn bán và sở hữu tài sản. sử gia Plutarch ghi nhận phụ nữ Ba Tư có học thức cao, thông minh và biết làm thơ văn không thua phái nam, họ cũng tháo vát trong việc buôn bán, một số còn giữ chức vụ trong triều hay địa phương, khác hẳn phụ nữ Hy Lạp bị cấm đoán mọi thứ và bị giới hạn trong bổn phận làm vợ.

Từ trước đến nay, người Hy Lạp vẫn tự hào mình là văn minh và coi người Ba Tư là man rợ nên khi xem các văn kiện triều đình xứ này, những học giả đi theo đoàn quân viễn chinh phải ngạc nhiên trước sự tổ chức điều hành tiến bộ tại đây. Không những thế, đời sống dân chúng xứ này còn tốt hơn Hy Lạp, một phần vì địa thế rộng lớn, đất đai trù phú, đường sá thuận tiện, cùng với luật pháp nghiêm minh. Ngay cả vùng sa mạc khô cằn, không thể canh tác cũng được sự trợ giúp của triều đình. Vua Cyrus cho đào rất nhiều giếng lấy nước, xây cất các kho chứa nước và cho phép dân chúng nơi đó không phải đóng thuế cao như vùng đồng bằng.

Timotheus kể với tôi rằng càng xem xét các văn kiện triều đình và các bộ luật của Vua Cyrus, Alexander và các học giả Hy Lạp càng thán phục. Sau khi bàn luận về phương pháp chinh phục xứ này, Alexander đi đến quyết định, thay vì sử dụng quân lực, ngài sẽ cho người thông báo đến các thống đốc địa phương rằng nếu quy hàng, họ sẽ được giữ địa vị như cũ, không phải nộp thuế lại cho triều đình nhưng không được có quân đội riêng. Được giữ quyền hành và tiền thuế là mối lợi lớn nên đa số các thống đốc địa phương đều chấp nhận đề nghị của Alexander. Nhờ chính sách khôn khéo này, chỉ một thời gian ngắn Alexander đã kiểm soát trọn vùng Phoenicia(*) mà không gặp bất kỳ sự kháng cự nào. Các vùng Aradus, Marathus, Byblos, Sidon, Sardis đều lần lượt quy hàng. Chỉ riêng xứ Tyre đứng ra chống đối. Alexander ra lệnh tấn công thành Tyre, tàn sát và thiêu rụi nơi này thành bình địa như đã làm với Thebes. Ngài cũng cho phép quân sĩ tự do cướp phá và bắt người bán làm nô lệ để làm gương cho những nơi khác.

(*) Khu vực này ngày nay là một phần của Thổ Nhĩ Kỳ, Li Băng, Israel và Syria.

Sau khi chinh phục Phoenicia, Alexander kéo quân vào Ai Cập. Các thống đốc Gaza, Memphis đều xin hàng. Khi đến Memphis, theo lời khuyên của Timotheus, Alexander cho gỡ bỏ các pho tượng thần linh của Assyria, khôi phục nền tôn giáo của Ai Cập. Ngài đích thân đến làm lễ trong đền thờ thần Thái Dương Amun Ra và được giới giáo sĩ đón tiếp nồng hậu. Họ suy tôn ngài làm Pharaoh Ai Cập. Alexander chấp nhận rồi ban hành một đạo luật dành đặc ân cho giới giáo sĩ tại đây. Do đó, ngài được giới giáo sĩ và dân chúng Ai Cập ủng hộ hết lòng. Lúc đầu Alexander cho các học giả đến đền thờ, cổ mộ Ai Cập sao lục các tài liệu để mang về cho Aristotle. Sau đó, ngài đổi ý, ra lệnh xây một thư viện lớn tại hải cảng Pharos, để chứa các văn bản tài liệu này, rồi đổi tên nơi đó là Alexandria. Alexander muốn nơi đây sẽ là trung tâm văn hóa của thế giới, tập trung mọi tài liệu khoa học, triết học, tôn giáo để cho các học giả đời sau có thê đến đó nghiên cứu*.

** Ghi chú: Đây chỉnh là khởi nguồn để một trong bảy kỳ quan thế giới sau này được ra đời - Thư viện Alexandria. Theo sử liệu, công trình xây cất mất hơn bốn mươi năm mới hoàn thành. Đây là thư viện lớn nhất lúc đó, chứa hơn 750.000 sách, công trình khoa học, thơ ca, triết học... được kết tập và đánh dấu thứ tự cẩn thận. Ngoài ra còn có một đài thiên văn để quan sát tinh tú và một vườn cây sưu tầm các loại kỳ hoa dị thảo khắp nơi được mang về trồng để cho các nhà thảo mộc học nghiên cứu. Thư viện vĩ đại này đã bị hủy hoại*

sau một trận hỏa hoạn gần 2000 năm trước. Năm 2003, Thư viện Alexandria phiên bản mới được khánh thành tại gần vị trí cũ, với kinh phí xây dựng lên đến 220 triệu USD, sức chứa khoảng 8 triệu cuốn sách.

***

Khi tôi mang vàng về Pella thì tin Alexander thắng lớn tại Ba Tư, kiểm soát một nửa đế quốc này đã lan truyền khắp Hy Lạp. Thay vì vui mừng, một số nước bị Alexander chinh phục trở thành các tỉnh của Macedonia, đã nổi dậy đòi độc lập. Khi mối đe dọa của Ba Tư không còn thì dân chúng Hy Lạp không chấp nhận việc thống nhất dưới sự cai trị của Macedonia nữa.

Được tin này Alexander tức giận gửi ngay cho Antipater thông điệp: "Dẹp ngay đám phản loạn, nếu không ta sẽ cho người khác làm việc đó". Vì đa số tướng lĩnh và quân đội Macedonia đều đã theo đoàn quân viễn chinh của Alexander nên lực lượng còn lại ở Pella tương đối mỏng. Nhưng nhờ có số vàng tôi mang về để đúc tiền, Antipater đã thành lập ngay được một binh lực lính đánh thuê hùng hậu từ quân lực của các vùng Thrace, Scythian, Illyria và Epirus. Antipater tiêu diệt nhóm phản loạn, thiết lập một hệ thống cai trị vô cùng nghiêm khắc, áp dụng lên toàn Hy Lap để việc này không tái diễn nữa.

Không còn phải lo về nội loạn tại quê hương, Alexander cho các bạn là Lysimachus, Antigonus và Ptolemy làm phó vương cai trị Tiểu Á, Phoenicia và Ai Cập, còn ngài và tướng Parmenion kéo binh tiến sâu vào lãnh thổ Ba Tư.

Trước sự xâm lăng của Hy Lạp, Vua Darius triệu tập binh sĩ khắp nước, quyết chiến đấu đến cùng. Rút kinh nghiệm thất bại tại Issus vì địa thế bất lợi, lần này Darius dàn quân tại Gaugamela, một khu vực rộng rãi, bằng phẳng, các chướng ngại vật đều được dọn dẹp sạch sẽ, là địa hình có thể khai thác hết sức mạnh của các chiến xa và đội kỵ binh thiện chiến nhất Ba Tư lúc đó, được cầm đầu bôi tướng Bessus. Tuy tôi không có mặt trong lần đối đầu này nhưng được nghe Timotheus kể lại trận đánh một cách tỉ mỉ.

Alexander điều nghiên địa thế mặt trận, biết quân số Ba Tư nhiều gấp năm lần quân Hy Lạp nên lần này ngài ra lệnh cho đội kỵ binh chia làm hai nhánh cùng nhau tấn công từ hai phía. Ngài nói: "Đánh rắn phải đánh vào đầu, hai đoàn kỵ binh phải cùng xông lên tấn công thẳng vào chỗ Vua Darius chỉ huy thì mới mong đoạt lấy phần thắng". Nhà vua phóng ngựa đi đầu, dẫn đoàn kỵ binh tấn công theo cánh phải trong khi Parmenion tấn công vào cánh trái. Thấy kỵ binh Hy Lạp

chia làm hai nhánh tấn công, Vua Darius ra lệnh cho các chiến xa Ba Tư tấn công thẳng vào đội hình *Phalanx* của bộ binh, nhằm phá vỡ mặt trận này. Trên cánh đồng lớn, sự tấn công như vũ bão của chiến xa có thể áp đảo bộ binh, bất chấp các ngọn giáo sarissa. Nếu đội hình*Phalanx* của bộ binh, lực lượng nòng cốt, bị tiêu diệt thì quân Ba Tư cầm chắc phần thắng trong tay. Hàng trăm chiến xa được lệnh xông lên như vũ bão. Lúc này phía Hy Lạp sử dụng những cỗ máy bắn ra những bó rơm tẩm dầu đã được châm lửa khiến đoàn ngựa kéo của quân Ba Tư hoảng loạn, các chiến xa đâm vào nhau, gãy nát. Trên chiến trường rộng lớn, hàng trăm chiến xa bốc cháy di chuyển loạn xạ, khói bay mù mịt, tạo ra tình trạng hỗn loạn cho cả đoàn bộ binh Ba Tư ở phía sau. Ngay lúc đó, đoàn bộ binh Hy Lạp, theo nhịp trống oai hùng, di chuyển vững chắc theo đội hình, xông lên tấn công.

Cũng như trận đánh trước, Alexander liều mình phóng ngựa lao thẳng vào chỗ Vua Darius đang chỉ huy, ngài vừa chiến đấu vừa la hét kêu gọi tướng sĩ xông lên theo mình. Mặc dù có kỵ binh và nhiều xe ngựa vây quanh bảo vệ nhưng thấy Alexander dũng mãnh xông về phía mình như chỗ không người, Vua Darius hoảng hốt hét lớn:

- Thằng giặc này điên rồi! Giết hắn ngay!

Các tướng hộ vệ quanh Vua Darius bắn hên tiếp những mũi tên thép về phía Alexander. Nhưng bất chấp làn mưa tên, Alexander vẫn xông lên, vung gươm tứ phía. Thấy cỗ xe lớn có cờ quạt rực rỡ, biết đó là xe của Vua Darius, Alexander trên lưng ngựa rướn người phóng thẳng ngọn giáo của mình về phía Vua Darius, cây giáo không trúng đích nhưng cắm ngập vào thành xe, rung bần bật khiên Vua Darius hoảng loạn, vội vã bỏ xe, nhảy lên ngựa chạy trốn. Các tướng hộ vệ quanh đó cũng kéo nhau chạy theo. Alexander và Perdicas thúc ngựa định truy đuổi nhưng thấy đoàn kỵ binh của Parmenion đang bị vây khốn bởi đoàn quân thiện chiến nhất của xứ Bactria, cầm đầu bởi tướng Bessus, nên cả hai phải quay lại giải vây. Hai bên giao chiến dữ dội, Alexander vừa đánh vừa hét lớn: "Tên vua hèn nhát của các người đã tháo chạy rồi". Các tướng sĩ quanh đó đều hô lớn theo nhà vua, khiến quân Ba Tư thật sự nao núng. Khi tin vua Ba Tư tháo chạy khỏi hàng ngũ được loan truyền trên chiến trường, tướng Bessus hoảng hốt ra lệnh cho quân sĩ rút lui. Một lần nữa, quân Hy Lạp lại thắng lớn.

Timotheus còn giải thích thêm rằng trong hai trận chiến đối đầu trực tiếp với Vua Darius, tuy quân Ba Tư đông áp đảo, với lực lượng chiến xa và kỵ binh tinh nhuệ nhưng Alexander chiến thắng vì ngài biết tận dụng địa thế, khí hậu và hiểu

rõ cơ chế chiến đấu của các loại vũ khí, lấy dài chống ngắn, trong khi quân Ba Tư vẫn chỉ sử dụng chiến thuật lấy số đông đàn áp số ít.

Trong trận Issus, nhờ biết tận dụng địa thể nhỏ hẹp, quanh co, đá tảng lởm chởm, Alexander đã vô hiệu hóa chiến thuật dùng chiến xa của Ba Tư. Binh sĩ Ba Tư sử dụng vũ khí ngắn như gươm đao, mạnh ai nấy đánh không theo chiến thuật hay đấu pháp nào, không thể chống lại những cây giáo sarissa dài của lực lượng bộ binh di chuyển theo đội hình *Phalanx* vững chãi, chỉ tiến từng bước theo nhịp trống trận, càng đánh càng áp đảo đối phương.

Trận Gaugamela diễn ra tại đồng bằng rộng lớn, mục đích của quân Ba Tư là tận dụng sức mạnh của các chiến xa lao thẳng vào đoàn quân Hy Lạp để phá tan đội hình. Nhưng lợi dụng khí hậu nóng và khô của sa mạc, Alexander cho chuẩn bị những bó rơm tẩm dầu và các máy bắn đá được sửa chữa để bắn những bó rơm cháy ngùn ngụt vào các chiến xa, khiến kế hoạch tấn công này của quân Ba Tư cũng trở nên vô hiệu. Trong khói lửa mịt mù, quân Ba Tư vẫn cậy vào số đông xông tới, nhưng mạnh ai nấy tiến lên, không nhìn rõ bạn hay thù nên hàng ngũ rối loạn. Trong khi quân Hy Lạp với đội hình *Phalanx*, giữ kỷ luật theo hàng lối, chỉ tiến từng bước theo nhịp trống nên khắc chế được quân Ba Tư và giành phần thắng. Mặc dù quân số ít nhưng Alexander biết dùng kỵ binh chia thành hai nhánh tấn công như vũ bão thẳng vào trung tâm, nơi Vua Darius chỉ huy. Khi ông vua này bỏ chạy, Alexander biết dùng đòn tâm lý ra lệnh cho quân sĩ loan tin này làm tướng sĩ và quân Ba Tư nao núng, mất hết tinh thần chiến đấu. Nhờ đó, Alexander đã lần nữa giành chiến thắng.

Sau chiến thắng tại Gaugamela, thay vì truy đuổi Darius, Alexander kéo quân vào thành Babylon, kinh đô của Ba Tư. Alexander gửi cấp tốc tối hậu thư đến thành Babylon: "*Mở cổng thành ngay nếu không ta sẽ thiêu hủy tất cả!*''. Quan thượng thư Mazaeus vội vã mở cổng thành xin hàng đồng thời đem vàng bạc, châu báu trong kho dâng cho đoàn quân chiến thắng. Nhìn thấy số vàng bạc, châu báu chứa trong hàng trăm hòm gỗ lớn, mọi người đều kinh ngạc trước sự giàu có của Ba Tư, một sự giàu có vượt quá mọi sức tưởng tượng của người xứ Macedonia. Khi xưa, trong trận Issus, Alexander đã thu được nhiều vàng nhưng chưa bao giờ chứng kiến tài sản khổng lồ và quý giá như thế này. Khi vào cung điện của vua Ba Tư, vị vua trẻ này còn ngạc nhiên hơn khi thấy những vật dụng bằng vàng bạc, còn ngọc ngà châu báu thì bày biện khắp nơi.

Nhìn các quan triều đình Ba Tư quỳ mọp trước mặt, Alexander hỏi:

- Các người muốn được ta đối xử như thế nào?

Mazaeus run rẩy trả lời:

- Hoàng đế muốn xử chúng tôi thế nào cũng được. Nhưng xin ngài khoan hồng, đừng cho quân lính xâm phạm tính mạng dân chúng.

Vì đã xem qua văn kiện triều đình và khâm phục việc tổ chức, điều hành hiệu quả nơi đây nên Alexander vốn đã tôn trọng những người này. Ngài gật gù, nói:

- Các người không nghĩ đến bản thân mà biết lo nghĩ cho người dân như vậy thì thật xứng đáng giúp ta cai trị nơi đây.

Alexander lập tức truyền lệnh cho quân sĩ giữ vững kỷ luật, không được cướp bóc, đốt phá hay sát hại dân lành. Ngài lệnh cho Parmenion đóng quân ở ngoại thành để tránh làm dân chúng hoảng sợ.

Sau khi nghỉ ngơi tại Babylon, biết Darius đã chạy về Susa, Alexander kéo quân truy đuổi, nhất quyết bắt kỳ được ông vua này. Khi đuổi đến nơi thì Darius đã chạy về Persepolis. Tại Susa, Alexander mở ngân khố, tìm được hơn hai trăm thùng vàng nặng khoảng 120.000 ta-lăng. Ông giao cho Harpalus trông nom số vàng rồi tiếp tục truy đuổi Vua Darius. Sau nhiều trận đánh lớn vỏi các tướng lĩnh Ba Tư cai trị vùng núi Zagros, nơi được gọi là cửa ngõ của Ba Tư, Alexander tiến vào Persepolis, nhưng Vua Darius đã chạy đến Bactria.

Persepolis vốn là kinh đô của Đế quốc Ba Tư đầu tiên dưới thời Vua Cyrus, người đã dựng lên Đế quốc Ba Tư. Thành phố này được xây dựng vô cùng hoành tráng, được xem là một công trình kiến trúc vĩ đại của Ba Tư lúc đó. Các vua chúa thuộc dòng dõi hoàng gia Achaemenid đều được chôn cất nơi đây. Mặc dù sau này Vua Darius đệ nhất đã dời đô về Babylon để thuận tiện hơn trong giao thương, nhưng Persepolis vẫn được coi là cái nôi của Đế quốc Ba Tư. Alexander cho quân nghỉ ngơi tại đây. Trong lúc uống rượu cùng binh sĩ, ngài nghe một người phàn nàn rằng khi xưa Ba Tư đốt phá Athens, cày xới lăng mộ của các vị anh hùng Hy Lạp, hiện nay chúng ta đến lăng mộ của tổ tiên chúng mà chỉ lo rượu chè ăn mừng, chẳng làm gì thì coi sao được, sẵn trong men rượu, lại bị khiêu khích, Alexander, vị chiến thần vĩ đại nhất lịch sử, nổi giận đùng đùng ra lệnh thiêu rụi cả kinh thành này. Ngọn lửa bùng cháy, rực sáng ngày đêm, ám đỏ cả một vùng trời, đến hơn Ba Tuần lễ mới tắt hẳn. Tiếng kêu khóc vang dậy khắp vùng. Khi tỉnh rượu, Alexander vô cùng hối hận vì hành động lạm sát này

nhưng việc đã rồi, không cứu vãn được nữa.

Biết tâm trạng của nhà vua, Perdicas khuyên Alexander truyền tin cho dân Hy Lạp, báo cho họ biết rằng ông đã trả được mối thù xưa cho dân tộc Hy Lạp. Dân chúng Hy Lạp mừng vui ca tụng vị hoàng đế bách chiến bách thắng của mình.

***

Alexander kéo quân về Babylon nghỉ ngơi. Đối với Hy Lạp, cuộc chiến với Ba Tư là để dẹp hiểm họa xâm lăng, nay mục tiêu ấy đã hoàn tất. Babylon là một thành phố giàu có huy hoàng với những cung điện nguy nga. Khi xưa đây là kinh đô của Đế quốc Assyria và cũng là nơi tập trung mọi việc giao thương buôn bán miền Trung Đông. Alexander cho Mazaeus và các quan triều đình tiếp tục chức vụ như cũ để điều hành mọi việc.

Sau nhiều chiến công vang dội, thành công chinh phục Ba Tư, Alexander được suy tôn làm *"Vua của Á Châu" (Lord of Asia)*. Theo truyền thống của Babylon, họ mở tiệc khoản đãi kéo dài bảy ngày. Cho đến lúc đó, Alexander và tướng sĩ Hy Lạp mới kinh ngạc trước sự hoành tráng của những bữa tiệc vô cùng thịnh soạn của xứ này. Hàng trăm hũ rượu ngon được mang ra đãi khách cùng với vô vàn các loại sơn hào hải vị. Đặc biệt hơn nữa là những điệu múa xuất thần của các nữ vũ công xinh đẹp xứ này khiến mọi người đều say mê.

Sau thời gian tiệc tùng, Alexander bắt tay vào việc triều chính, bắt đầu bằng việc cho kiểm kê tài sản triều đình. Là người phụ trách tài chính, tôi được gọi đến để lập danh sách vàng bạc, châu báu mang về cho ngân quỹ Pella. Tôi lập tức lên đường đi Babylon ngay vì đã hơn một năm không được gặp các bạn mình. Sau khi kiểm kê các chiến lợi phẩm và số vàng bạc chứa trong kho, tôi được gọi vào cung, báo cáo lên nhà vua.

Vừa bước vào cung, tôi đã choáng ngợp bởi sự sang trọng của cung điện và vẻ đẹp của lối kiến trúc ở Ba Tư. Đa số cung điện Hy Lạp đều xây cất theo lối kiến trúc giản dị, cân đối, phản ánh trật tự hài hòa. Cung điện Ba Tư thì hoàn toàn khác hẳn. Tường vách, cột kèo đều được sơn màu sắc sặc sỡ, dưới sàn thì được trải các tấm thảm dệt vô cùng sang trọng. Alexander không ngồi trên ngai mà dựa vào chiếc gối bằng lông thú đặt trên tấm thảm dày, các tướng sĩ ngồi quanh đó cùng với rất nhiều thiếu nữ Ba Tư xiêm y lộng lẫy, kiểu cách. Ở một góc cung điện là một nhóm các nhạc công đang chơi các nhạc cụ lạ lùng mà tôi chưa từng trông thấy. Thấy tôi bỡ ngỡ, Seleucus bật cười giải thích:

- Khi vào đến đây, bọn ta đều hoa mắt trước sự nguy nga tráng lệ của cung điện xứ này. Ta không ngờ người xứ này lại sống sung sướng đến thế. Này Kyros, người hãy nhìn xem, biết bao rượu ngon, biết bao món ăn đặc biệt mà chúng ta chưa từng thử qua. Ngoài ra, phụ nữ xứ này đẹp vô cùng, đã thế họ còn hiểu biết nghệ thuật ái ân, giỏi chiều chuộng. Trong hậu cung này có hàng trăm phụ nữ xinh đẹp sẵn sàng nhiệt tình phục vụ. Chúng ta tha hồ lựa chọn.

Nhìn những người bạn từng lớn lên cùng tôi đang hưởng thụ sự phục vụ của những mỹ nữ Ba Tư với vẻ ngạo nghễ, tôi hốt nhiên nhận ra có lẽ vinh quang chiến tranh, vàng bạc và phụ nữ đã làm thay đổi bản chất cao thượng của họ. Họ đã có lòng tham, muốn hưởng thụ, đã rời xa những lý tưởng cao đẹp khi xưa là bảo vệ Hy Lạp khỏi nạn ngoại xâm. Hành động hiện nay của họ có khác gì một đội quân xâm lược đâu.

Tôi gật đầu, mỉm cười lịch sự nhưng không đáp lời Seleucus mà tiến đến trước mặt nhà vua, cung kính trình lên danh sách vàng bạc, châu báu đã được kiểm kê và niêm phong cẩn thận để chuyển về Hy Lạp. Hoàng đế Alexander xem xong có vẻ hài lòng nên ra hiệu cho tôi được phép ngồi vào bàn tiệc. Tôi đưa mắt tìm Leonidas, thấy anh đang ngồi ôm một thiếu nữ gần đó nên tôi bước về phía đó. Thấy tôi, Leonidas không còn tỏ vẻ hồ hởi, vui mừng như xưa. Với giọng hờ hững, Leonidas hỏi:

- Kyros đấy à, có chuyện gì không?

- Tôi vừa ở Pella đến đây và có gặp Melissa...

Tôi chưa nói hết câu đã thấy Leonidas cau mày, tỏ ra khó chịu. Tôi cảm thấy ngay một sự xa cách giữa mình và người bạn này. Cố dằn cảm giác khó chịu xuống, tôi nói tiếp:

- Tôi có mang theo thư của Melissa...

Thay vi sốt sắng nhận thư rồi mở ngay ra xem như mọi khi, lần này Leonidas miễn cưỡng nhận thư rồi để ngay xuống bàn. Cô gái ngồi kề bên tiếp tục rót rượu, Leonidas vui vẻ uống.

Tôi cố chen vào những câu đùa cợt nhã của hai người:

- Tôi còn ở đây mấy ngày nữa mới về Pella. Anh cứ viết thư hồi âm cho Melissa, trước khi về tôi sẽ đến lấy...

Leonidas dằn ly rượu xuống bàn, cắt ngang:

- Thôi đừng nói gì đến Melissa nữa. Tôi bận lắm không có thì giờ viết thư đâu và từ nay cũng không muốn phiền cậu nữa.

Tôi sững người, bất ngờ trước thái độ lạ lùng của Leonidas, vừa lúc đó Seleucus bước đến, kéo tay tôi, giọng hào hứng:

- Này Kyros, hãy uống rượu với bọn ta. Chắc chưa bao giờ cậu được dự bữa tiệc linh đình với rượu ngon và gái đẹp như thế này.

Tôi quay sang Leonidas, thấy anh ta vẫn đang tiếp tục say sưa cùng cô gái kia. Tôi thở dài rồi bước theo Seleucus. Về chỗ ngồi, tôi lập tức hỏi Seleucus:

- Này Seleucus, Leonidas... làm sao thế?

Seleucus bật cười, ra chiều sành sỏi:

- Suốt mấy tuần nay, nó chỉ quanh quẩn với đám nhạc công và con bé vũ công đẹp nhất đám đó thôi, cậu có thích gái Ba Tư không, để bọn này chọn cho cậu vài đứa phục vụ cho vui?

Tôi cười với Seleucus cho qua chuyện, cả buổi tiệc hôm đó, dù xung quanh náo nhiệt tiếng cười và đầy không khí hưởng thụ, nhưng lòng tôi tràn ngập nỗi buồn và chỉ mong sao được sớm rời khỏi.

Mấy hôm sau, tôi theo lệnh mang chiến lợi phẩm chuyển về Hy Lap.

Ngoài hàng chục xe chở vàng bạc, châu báu, vải lụa, còn có hàng trăm nô lệ, phần lớn là phụ nữ và nhạc công, được mang về làm quà cho triều đình. Để bảo đảm an ninh, Alexander cho Philiteus dẫn một toán quân theo hộ tống. Tôi rất mừng khi gặp lại Philiteus nhưng không hiểu sao trong suốt chuyến đi Philiteus luôn lầm lì, không nói chuyện. Lần cuối cùng tôi gặp anh, anh vẫn là một thanh niên hoạt bát, rất thông minh và cũng rất nhiệt tình. Tại sao giờ đây anh trở nên lầm lì, ít nói như thế. Mãi về sau, nhớ lại chuyến đi hôm đó tôi mới hiểu, Philiteus đã bị chiến tranh bào mòn. Như thi sĩ Homer đã nói trong sử thi Iliad,

không ai đi qua chiến tranh mà vẫn như xưa.

Trở về Hy Lạp, tôi lập tức đến gặp Antipater, người hiện đang thay mặt Alexander trông coi toàn thể Hy Lạp. Khi xem các văn kiện tôi trình lên, ông ngạc nhiên về số chiến lợi phẩm quá lớn, vượt ngoài sự tưởng tượng. Hàng chục hòm gỗ chứa vàng bạc, châu báu và hàng trăm nô lệ, phần lớn là phụ nữ trẻ đẹp, được mang về làm quà cho các gia đình quý tộc. Antipater lập tức cho mở tiệc ăn mừng chiến thắng. Để giúp vui, ông cho những vũ công được đưa từ Ba Tư về ra biểu diễn. Chưa bao giờ triều đình Hy Lạp được chứng kiến những vũ điệu lạ mắt với những giai điệu hấp dẫn lạ lùng như vậy. Nghe kể về những bữa tiệc thịnh soạn kéo dài cả tuần lễ của xứ Ba Tư, triều đình Hy Lạp cũng học theo và tổ chức những bữa tiệc tùng linh đình tương tự. Các loại rượu ngon nhất, các món sơn hào hải vị mới lạ được mang đến. Nhạc Ba Tư và Babylon với giai điệu lạ lẫm, kích động, khiến người ta say mê vì sự mới lạ và lôi cuốn của chúng. Những bữa tiệc như thế giúp âm nhạc Ba Tư và Babylon dần trở nên thịnh hành ở Hy Lạp. chẳng bao lâu sau, nhạc truyền thống với điệu Doria oai hùng dần trở nên mờ nhạt, không còn được coi trọng. Kết hợp với âm nhạc đầy màu sắc khoái lạc của Ba Tư là những nữ nô lệ trẻ đẹp với nghệ thuật chiều chuộng ái ân của miền Trung Đông đã biến hoàng cung Hy Lạp trở thành nơi chìm đắm trong nhục dục và sự hưởng thụ xa hoa. Nô lệ nữ Ba Tư giỏi múa hát và nghệ thuật phòng the trở thành những món hàng vô cùng đắt giá mà giới quý tộc Hy Lạp săn đón.

Tôi mang vàng về ngân khố Pella để lo việc đúc tiền. Mặc dù Antipater đã ban hành những chính sách kiểm soát nghiêm khắc nhưng thỉnh thoảng vẫn có những cuộc nổi loạn. Bề ngoài thì Hy Lạp đã thống nhất thành một quốc gia nhưng tinh thần chia rẽ giữa các địa phương vẫn còn rất mạnh. Đa số dân Hy Lạp vẫn không chấp nhận sự cai trị của Macedonia mà họ vốn coi là xứ man rợ, do đó Antipater cần duy trì lực lượng quân sự tại đây và việc đó tiêu tốn rất nhiều tiền.

Sau khi lo liệu xong công việc ở ngân khố, tôi tranh thủ chút thời gian đến thăm Melissa vì biết cô đang mong, vừa nhìn thấy tôi Melissa đã hỏi ngay:

- Kyros, cậu đã đưa thư cho Leonidas chưa?

Tôi gật đầu, nhưng tránh không nhắc đến thái độ của Leonidas. Nhớ lại vẻ hờ hững khi nhận thư rồi không hỏi thăm gì đến vợ của Leonidas mà tôi không khỏi bất mãn. Khi tôi nói rằng Leonidas không gửi thư hồi âm, chẳng những Melissa

không nghi ngờ gì mà còn tỏ ra thông cảm:

- Ta biết Leonidas bận lắm, trong chiến tranh mấy ai có thì giờ viết thư nữa. Nhưng biết được chồng ta vẫn mạnh khỏe là tốt rồi. À phải rồi, cậu đi xa nên chắc không biết, Isidora cũng vừa lập gia đình. Tiếc là cậu về trễ quá, không dự đám cưới được.

Tôi sững người, lồng ngực đau đớn như ngàn vạn mũi tên xuyên qua. Dù đã không hy vọng gì được Isidora để mắt đến nhưng bất ngờ nghe tin người trong mộng của mình đã thuộc về người khác tôi cũng không khỏi bàng hoàng. Không biết tình cảm của tôi dành cho Isidora nên Melissa vô tư kể tiếp. Lần đó, Cassander bãi hôn với Isidora, việc này đã bị coi là mối nhục cho gia đình của Dimitris và bị dư luận đàm tiếu trong một thời gian dài. Không còn hy vọng gả Isidora cho các gia đình quý tộc trong triều đình nên Dimitris thu xếp cho Isidora lấy Deasius, một người bạn đồng liêu lớn tuổi, góa vợ, cùng làm công việc quản lý tài chính triều đình với ông. Tôi lặng người, không biết nói gì nên đành viện cớ phải đi kiểm tra việc đúc tiền để rời khỏi trang trại của Dimitris. Trên đường, tôi cứ nghĩ về hy vọng hão huyền nay đã tan biến của mình mà cảm thấy cay đắng, tự trách mình đã không biết ý thức thân phận hèn mọn, còn mơ mộng trèo cao.

Khi việc đúc tiền hoàn tất, năm sau tôi trở lại Babylon thì Alexander đã rời nơi đó đến Bactria để truy đuổi Darius. Harpalus được lệnh duy trì một số quân tại Babylon để đảm bảo an ninh. Các buổi tiệc tùng vẫn tiếp tục, rượu, phụ nữ và âm nhạc Ba Tư vẫn có mặt khắp chốn đóng quân.

Vì công việc, tôi cũng đi theo những nơi đóng quân, tôi nhận thấy một sự thay đổi lớn đang diễn ra tại Ba Tư. Mặc dù cuộc chiến chưa chấm dứt, nhưng vì việc cai trị vẫn được giữ như xưa, các quan triều đình cũng như các thống đốc được giữ địa vị cũ, an ninh nhanh chóng vãn hồi, đời sống người dân cũng trở lại bình thường nên các đoàn thương buôn khắp nơi bắt đầu kéo đến Ba Tư để mua bán, trao đổi hàng hóa ngày càng đông. Ba Tư là xứ rộng lớn, đất đai trù phú, đời sống tương đối dễ dàng nên rất nhiều người, lúc đầu là các thương buôn, sau là các người Hy Lạp nghèo, đã tìm đến đây để mưu sinh, vì mọi nơi đều đặt dưới sự kiểm soát của quân đội Hy Lạp, những người Hy Lạp di cư này được ưu đãi đặc biệt. Chỉ một thời gian ngắn, Đế quốc Ba Tư đã trở thành Đế quốc Hy Lạp, biên giới trải rộng từ Hy Lạp xuống Ai Cập rồi kéo dài sang cả Babylon. Khi số người Hy Lạp sang đây sinh sống ngày một đông hơn thì họ cho đổi tên các thành phố Ba Tư thành Alexandria, có hơn ba mươi thành phố được mang tên của vị

vua trẻ này.

Về phía Alexander, ngài đã kéo quân đến Bactria và để tướng Parmenion ở lại Ecbatana để kiểm soát mọi việc trong ngoài. Trên đường, tuy gặp sự kháng cự của các thống lĩnh địa phương xứ Ba Tư nhưng lần nào Alexander cũng chiến thắng dễ dàng. Khi truy đuổi đến Damghan thì quân sĩ tìm thấy xác Vua Darius, ông đã bị Bessus giết rồi bỏ xác lại ở dọc đường. Alexander vô cùng tức giận, bởi ngài muốn bắt sống Darius chứ không phải giết ông ta. Sau đó Alexander đã đưa xác Darius về lại Persepolis và tổ chức tang lễ trọng thể theo nghi thức tang lễ của các vua Ba Tư khác.

Cái chết của Darius chấm dứt triều đại của dòng tộc Achaemenid, chính thức đưa Alexander lên địa vị lãnh đạo tối cao nơi đây. Tuy nhiên vị vua trẻ vẫn chưa hài lòng vì chưa kiểm soát được Bactria. Phần lãnh thổ này hiện vẫn do tướng Bessus chiếm đóng, vì vậy, nhà vua nhất quyết truy đuổi Bessus đến cùng.

Một hôm, trong lúc đi phát quân lương, tôi tình cờ gặp Philotas đang ngồi ủ rũ một góc. Nhìn thấy tôi, Philotas thở dài rồi than:

- Ta không hiểu, đã thắng rồi thì trở về Hy Lạp thôi, còn ở lại đây làm gì? Hiện giờ Ba Tư không còn là mối đe dọa nữa, chẳng phải mục đích đã thành hay sao. Truy đuổi một kẻ đã bỏ chạy xa như thế có ý nghĩa gì chứ?

Tôi vỗ vai bạn mình, bày tỏ sự đồng cảm và cả động viên, nhưng không dám bàn gì thêm. Philotas thở dài:

- Nếu cuộc chiến cứ tiếp diễn như vậy, biết bao giờ chúng ta mới được trở về Hy Lạp?

Không chỉ có Philotas mà một số người khác trong quân ngũ cũng đã có thái độ bất mãn với cuộc chiến. Điều này cũng dễ hiểu, cuộc chiến đã kéo dài quá lâu và binh sĩ chỉ mong được về đoàn tụ với gia đình.

Sau cuộc gặp với Philotas không lâu, mấy ngày trước khi tôi trở về Hy Lạp, một biến cố lớn xảy ra. Một nhóm binh sĩ Hy Lạp âm mưu ám sát Alexander nhưng đã bị vạch trần. Các binh sĩ này đều là thủ hạ của Philotas nên Alexander ra lệnh bắt ngay viên tướng này để tra hỏi. Philotas là bạn của Alexander từ nhỏ, cùng ngài theo học với Aristotle và đã theo ngài kể từ ngày đầu của cuộc viễn chinh, đã lập nhiều công trạng lớn. Philotas khăng khăng là mình không có tội

nhưng vẫn bị tra tấn đến chết. Philotas cũng là chồng của Sophia và con trai của đại tướng Parmenion, phó chỉ huy quân lực viễn chinh Hy Lạp. Sợ cái chết này có thể tạo ra sự chia rẽ trong hàng ngũ quân sĩ vì một nửa quân đội đang nằm dưới quyền chỉ huy của Parmenion nên Alexander lập tức gửi công văn hỏa tốc cho tướng Cleander ra lệnh giết Parmenion trước khi tin tức Philotas đã chết đến tai ông ta. Cleander hoàn tất nhiệm vụ và được phong chức chỉ huy quân đội thay cho Parmenion.

Cái chết của hai vị tướng chỉ huy của Macedonia đã giúp tôi nhận ra một khía cạnh khác của Alexander mà trước đây tôi không nghĩ tới. Tuy ngài là nhà quân sự lỗi lạc, là một chiến binh thiện chiến, là nhà chỉ huy giỏi, thân thiện với quân sĩ, có tình nghĩa với bạn bè, nhất là những người lớn lên cùng mình, nhưng ngài cũng là một ông vua, một

ông vua tham vọng, đa nghi, hung bạo và thiếu tự chủ khi say rượu, vì có tham vọng lớn nên những trận đánh bách chiến bách thắng đã khiến ngài trở nên kiêu căng, hống hách và có phần tàn bạo hơn xưa. Quả đúng là không ai đi qua chiến tranh mà vẫn giữ được mình như trước.

Alexander tiếp tục truy đuổi Bessus qua sa mạc và núi non hiểm trở của xứ Bactria, xứ sở mà chính là Vua Cyrus, người dựng nên Đế quốc Ba Tư, đã mất rất nhiều công sức mới chinh phục được. Cyrus đã viết rằng đây là miền đất lạ lùng, dân xứ này có tính phản phúc, sáng hàng, tối đánh, rất khó cai trị. Do đó tuy vẫn thuộc lãnh thổ Ba Tư nhưng ở đây Cyrus cũng phải để cho một số bộ lạc được tự trị rồi triều cống hằng năm, chứ không cắt cử quan cai trị.

Khi xem các văn kiện của Cyrus về xứ này, Timotheus đã nói:

- Vua Cyrus cho rằng người Bactria không thể tin cậy nhưng nếu nhìn theo góc độ khác thì người dân xứ này quả là có tinh thần bất khuất, thà chết chứ không chịu nhượng bộ, không để ai xâm chiếm quê hương của họ. Do đó, chúng ta cần cẩn trọng, không nên coi thường.

Alexander cười lớn:

- Nếu Cyrus đã không làm được thì ta càng phải làm cho được.

Nói là làm, Alexander tiến sâu vào lãnh thổ Bactria, băng qua những rặng núi cao, vượt qua tuyết lạnh và không để tình trạng thiếu thốn lương thực gây ảnh

hưởng, trong vòng hai năm, ngài chinh phục được hơn bốn chục thành phố lớn, đổi tên tất cả thành Alexandria*. Sau cùng ngài bắt được tướng Bessus và trừng phạt theo luật pháp Ba Tư, dùng luật hình dành cho kẻ giết vua: cắt tai, xẻ mũi, cho dân ném đá đến chết.

** Đây là các khu vực thuộc Kazakhstan, Tajikistan, Turkmenistan ngày nay.*

Đối với đa số quân sĩ Hy Lạp, cái chết của Vua Darius và việc giết được Bessus đã là chiến thắng cuối cùng, chấm dứt cuộc viễn chinh. Chiến thắng này đã chính thức đưa Alexander lên địa vị tối cao với danh xưng Vua của Á Châu, vì vậy một số tướng sĩ đã đề xuất nhà vua cho rút quân về. Tuy nhiên, Alexander chưa hài lòng với vinh quang này mà nhất định phải đánh đến tận cùng thế giới.**

*** Lúc đó người Hy Lạp chưa biết gì nhiều về Ấn Độ mà tin rằng rặng Hindu Kush là nơi tận cùng thế giới.*

Alexander đến Sogdiana, vùng lãnh thổ nằm cạnh rặng Hindu Kush. Điều lạ là nhà cửa và các công trình của vùng này được xây theo kiến trúc Hy Lạp, chữ viết cũng sử dụng mẫu tự Hy Lạp. Vào thế kỷ trước, khi Ba Tư xâm lăng Hy Lạp, bắt được nhiều tù binh nhưng thay vì giam giữ họ, vua Ba Tư đày họ đến vùng đất hoang vu này để khẩn hoang. Theo thời gian, những tù nhân Hy Lạp này lập gia đình với dân địa phương, biến vùng núi non biệt lập này thành vùng đất tự trị riêng của họ. Khi quân Alexander kéo đến, tộc trưởng Oxyartes không chịu đầu hàng vì ỷ vào địa thế hiểm trở, vách núi cao, khó xâm nhập. Alexander xem xét kỹ địa thế rồi chờ đêm tối, cho một toán quân sĩ tinh nhuệ dùng dây thừng, móc sắt leo núi, đột nhập căn cứ của Oxyartes, bắt sống ông ta và toàn bộ gia đình.

Khi nhìn thấy Oxyartes, Alexander đã rất ngạc nhiên vì thấy ông có nhiều nét giống người Hy Lạp, tóc nâu, mắt xanh, và đặc biệt là nét mặt cương nghị. Do đó thay vì hành hình như thường lệ, Alexander đã tha mạng và còn nhận Oxyartes là đồng hương, cảm kích đức vua, Oxyartes xin hàng, mời Alexander vào thành, mở tiệc tiếp đãi trọng thể.

Giữa buổi tiệc, Alexander rời bàn, bước xuống bậc thềm đá định nâng ly chúc mừng thì chợt để ý thấy bên dưới có một thiếu nữ thân hình diễm lệ, ăn mặc kín đáo, chỉ để lộ đôi bàn tay trắng ngần. Ngài bước xuống một bước, muốn nhìn rõ khuôn mặt cô gái thì nhận ra cô đang che mặt nhưng qua đôi mắt to tròn, lấp lánh vẻ thơ ngây kia, có thể đoán được cô là một thiếu nữ nhan sắc. Nhà vua quay lại

hỏi Oxyartes, chỉ về cô gái:

- Tại sao cô gái kia phải che mặt?

Oxyartes nhìn về phía cô gái, thoáng giật mình rối giải thích răng theo phong tục xứ này thì những người con gái dòng dõi quý tộc nếu chưa lập gia đình thì phải luôn che mặt và chỉ được bỏ khăn ra khi đã lấy chồng. Trong hơi say của men rượu, Alexander bước tới, chỉ tay vào cô gái, dõng dạc tuyên bố rằng ngài muốn nhìn thấy gương mặt cô gái, nếu dung nhan cô đẹp như thân hình thì ngài sẽ lấy cô gái làm vợ. Timotheus ngồi gần đó vội bước tới nhắc nhà vua phải cẩn trọng lời nói, vì tuyên bố trước triều đình không phải chuyện đùa - một khi đã gỡ mạng che mặt của cô gái là nhà vua phải thực hiện lời hứa dù nhan sắc cô gái ra sao. Alexander nâng cao ly rượu khẳng định lời tuyên bố của mình trước mọi người. Ai cũng bất ngờ, còn Oxyartes thì bối rối, bởi thiếu nữ đó chính là Roxana, cô con gái yêu quý của ông.

Ngay lập tức Roxana được gọi đến triệu kiến nhà vua. Alexander bước xuống, kéo khăn che mặt của cô gái. Gương mặt sáng ngời, xinh đẹp tuyệt trần của cô gái lập tức khiến Alexander cùng toàn thể tướng sĩ Hy Lạp trong điện sững sờ. Trước hàng trăm ánh mắt đổ dồn về phía mình, Roxana xấu hổ, lùi lại một bước. Alexander lặng người một lúc, đắm đuối nhìn cô gái rồi thốt lên rằng đây chính là món quà của thần Aphrodite* ban cho mình. Hôn lễ của Alexander lừng danh ở tuổi hai mươi tám và Roxana - người con gái đẹp nhất xứ Bactria, vừa tròn mười sáu tuổi, được cử hành ngay sau đó.**

** Nữ thần Hy Lạp cổ đại, bảo hộ tình yêu, sắc đẹp, niềm vui và sự sinh nở.*

*** Có rất nhiều giai thoại ca ngợi vẻ đẹp của Roxana, các sử gia sau này còn tôn xưng cô là người phụ nữ đẹp nhất Châu Á. Các thi sĩ Hy Lạp cũng tốn rất nhiều giấy mực về mối tình vừa thấy mặt đã phải lòng ngay này. Nhiều ý kiến cũng cho rằng Alexander, cũng như cha ông là Vua Philip, đều sử dụng hôn nhân như chính sách ngoại giao khôn khéo, lập gia đình với con gái những người có quyền lực, cho ho duy trì địa vị như cũ, tránh những mầm mống phản loạn về sau.*

Đó là một cuộc hôn lễ xa hoa cổ kim hiếm thấy, kéo dài suốt ba ngày ba đêm. Alexander đã truyền lệnh mang rất nhiều rượu quý, sơn hào hải vị và chiến lợi phẩm đến để phục vụ cho hôn lễ. Các tài liệu thời cổ còn ghi nhận hôn lễ của Alexander Đại đế và Roxana hoành tráng còn hơn cả những điển lễ dành cho

thần linh thời bấy giờ. Những vò rượu quý được chất cao thành từng dãy, từng hàng, các món mỹ thực bản địa quý hiếm được tiến cống liên tục, khắp cung điện và toàn thành tràn ngập trong tiếng hoan ca, say sưa bất tận.

Không chỉ xiêu lòng trước nhan sắc kinh tâm động phách của Roxana, Alexander còn bị cuốn hút và cảm thấy bị thách thức trước vẻ quý phái, lạnh lùng trong ánh mắt của thiếu nữ quý tộc xứ Bactria. Dường như trong một khoảnh khắc, Alexander đã nhận ra đây chính là người hoàng hậu trong giấc mơ của mình. Người mang khí chất của một nữ thần cao quý này xứng đáng cùng ngài cai trị đế quốc vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Thế nên, vị vua hùng mạnh của Á Châu đã biến hôn lễ này thành một điển lễ vĩ đại, vừa để tôn vinh quyền lực của ngài vừa thể hiện sự tự hào về hoàng hậu đẹp nhất thế gian của mình. Điều vị Đại đế không ngờ là cuộc hôn nhân với nàng tiểu thư xứ Bactria đã gieo một hạt mầm khác lạ vào suy nghĩ của ngài, phần nào khiến cơ đồ của ngài về sau đổi khác. Rất lâu về sau, chính Timotheus trong một buổi uống rượu cao hứng đã kể với tôi câu chuyện khác thường trong đêm tân hôn của nhà vua.

Dưới màn đêm xứ Bactria huyền diệu, bữa tiệc hoành tráng nhất xứ Ba Tư kéo dài đến nửa khuya mới kết thúc, Alexander cuối cùng cũng đến chỗ Roxana, vị chiến thần từng khiến mọi quốc gia run sợ trước vó ngựa viễn chinh của mình nay bỗng trở nên dịu dàng trước đôi mắt trong veo, thăm thẳm, ngời lên vẻ đẹp trí tuệ của cô gái. Alexander thốt lên, mắt không rời gương mặt khả ái của Roxana:

- Hỡi Roxana, tiểu thư xinh đẹp của xứ Bactria! Những vì tinh tú và ánh trăng trên bầu trời đêm nay cũng cảm thấy hờn ghen với nhan sắc của nàng!

Roxana từ tốn, bình thản đáp:

- Em chỉ là một vì sao nhỏ như chính cái tên mà cha em đã đặt khi em chào đời. Lời khen của ngài em không dám nhận(*).

(*) Roxana hay Roxane, tiếng Ba Tư cổ là Roxauna, nghĩa là ngôi sao nhỏ.

Sau chuỗi ngày binh đao chinh chiến, lần đầu tiên vị hoàng đế trẻ tuổi cảm nhận một dư vị chiến thắng lạ thường và cả một cảm giác bình an hiếm có. Nhưng khi Alexander vừa định kéo Roxana về phía mình thì nàng nhẹ nhàng đẩy ngài ra. Roxana cầm lấy hai tay nhà vua, nhìn thẳng vào mắt ngài, cất giọng nhẹ nhàng, bình thản, không thể hiện thái độ gì:

- Ngài có biết em có thể cảm nhận được mùi máu tanh trên đôi tay ngài không? Có thể thấy cả những tòa thành lửa cháy và nghe được những tiếng kêu rên, khóc than của hàng vạn người dân trong đôi mắt ngài nữa?

Alexander sững người, không tin được vào tai mình. Trước giờ chưa từng có ai dám nói những lời như vậy trước mặt ngài. Nay những lời lẽ có phần oán trách này lại được thốt ra từ miệng người thiếu nữ sắp trở thành hoàng hậu của đế quốc mà ngài tốn nhiều công sức gây dựng nên. Nếu là trước đây, có lẽ Alexander đã nổi cơn thịnh nộ, nhưng Roxana nói ra điều đó quá nhẹ nhàng, quá hồn nhiên khiến Alexander cảm thấy thú vị hơn là tức giận. Alexander chậm rãi đáp lời:

- Cuộc chiến tranh nào rồi cũng sẽ có người chiến thắng và kẻ chiến bại. Để phân định thắng thua làm sao tránh được cảnh máu chảy đầu rơi. Xưa kia đất nước Hy Lạp của ta cũng đã từng chịu nhiều đau thương, mất mát bởi quân xâm lăng. Nàng nên biết, mở rộng bờ cõi, thống nhất thiên hạ là sứ mệnh cao cả thiêng liêng mà các vị thần Hy Lạp đã trao cho ta, ta không thể làm khác được. Không có mất mát thì không có vinh quang.

Roxana hỏi tiếp, vẫn với giọng điệu bình thản:

- Nhưng tại sao phải có chiến tranh? Tại sao ngài phải đánh chiếm Ba Tư? Tại sao ngài lại phải chinh phạt các nước khác, tại sao phải thiêu rụi những tòa thành và tàn sát những kẻ yếu hơn ngài? Chẳng lẽ việc thiêu hủy, giết chóc cũng là sứ mệnh của ngài? Việc đó khiến ngài thấy vui hơn sao?

- Ta chinh phạt Ba Tư là để đảm bảo cho sự bình yên và hùng mạnh của Hy Lạp. Chẳng phải chính Ba Tư trước đây đã gây chiến với Hy Lạp đó sao? Không có sự bình yên nào mà không phải trả giá, không có một đế chế vĩ đại nào được xây dựng mà không cần đến máu và sinh mạng. Ta nhận lãnh sứ mệnh vĩ đại là phải thống nhất mọi quốc gia và mang đến sự thịnh vượng cho tất cả. Mọi cái giá trả cho mục đích cao cả đó đều là xứng đáng. Đến nàng mà cũng có ý oán trách ta như vậy sao? Ta chẳng phải đã tha chết cho cha nàng và đồng bào của nàng đó sao?

Roxana nhỏ nhẹ trả lời:

- Ngài có thể tha chết cho cha em và đồng bào em, sao ngài không làm điều đó

với những xứ khác? Chính vì ngài đã hạ đồ đao nên mới có đám cưới này của chúng ta, chẳng phải vậy sao? Vậy giết chóc có thật sự cần thiết không?

Alexander thoáng giật mình, ngài suy nghĩ rồi chậm rãi trả lời:

- Vinh quang nào cũng phải trả giá, ít hay nhiều mà thôi. Đúng là có những cuộc tàn sát, phá hoại không cần thiết đã khiến ta phải suy nghĩ. Thôi được, ta sẽ lưu ý lời nàng nói, trong những trận chiến tiếp theo ta sẽ cân nhắc để giảm bớt thương đau, giảm bớt hận thù sau này.

Roxana ngạc nhiên:

- Nghĩa là sau khi thu phục Ba Tư, ngài vẫn tiếp tục chinh phạt những nơi khác? Ngài cho rằng mình có thể đánh đến tận cùng thế giới sao?

Alexander gằn giọng:

- Ta hoàn toàn có thể. Nàng có muốn chứng kiến ngày ta trở thành vị vua vĩ đại nhất, thống trị toàn thế gian này không? Đó là vinh quang của sứ mệnh mà thần linh đã giao cho ta. Ta phải hoàn thành, và vinh quang đó không chỉ dành cho ta, mà còn dành cho Hy Lạp vĩ đại và sau này cũng sẽ dành cho nàng. Nàng có hiểu và nhìn thấy được tương lai đó không?

Roxana khẽ lắc đầu nhưng không nói gì thêm. Chính thái độ bất phục này của Roxana khiến Alexander canh cánh trong lòng. Ngài đem chuyện này kể với Timotheus, hy vong vi quân sư cũng là người bạn thông thái này giúp ngài giải được khúc mắc trong lòng. Timotheus kể với tôi rằng khi đó tham vọng bá chủ của Alexander vẫn rất mãnh liệt nên rốt cuộc Timotheus chỉ khuyên nhà vua sau này nên suy xét kỹ càng trước khi ra lệnh tàn sát, thiêu hủy một xứ sở nào đó.

***

Sau hôn lễ với Roxana, một quý tộc người bản xứ, Alexander cũng khuyến khích các tướng sĩ lập gia đình với phụ nữ địa phương và đích thân tổ chức đám cưới tập thể cho hàng trăm sĩ quan và binh sĩ. Seleucus, Perdicas và cả Leonidas cũng chọn các cô gái xinh đẹp để lấy làm vợ.

Hôm đó tôi đang ở Babylon, chuẩn bị lên đường chuyển vàng bạc và chiến lợi phẩm về Hy Lạp, thì gặp Antigenidas. Antigenidas giận dữ nói:

- Cậu đã biết tin Alexander lập gia đình với một cô gái bản xứ chưa?

- Tôi có nghe nói. Hẳn nhiều người Hy Lạp sẽ không vui.

Antigenidas tỏ ra khó chịu:

- Ta không hiểu, tại sao những anh hùng như chúng ta lại có thể lấy những đứa mọi rợ như thế làm vợ. Bọn chúng chỉ có thể làm nô lệ mua vui thôi. Làm sao chúng ta chấp nhận một kẻ mọi rợ làm hoàng hậu của mình được chứ.

Tôi ý thức được thân phận mình, không dám bàn về các quyết định của Alexander nên chỉ im lặng. Thấy vậy, Antigenidas lắc đầu, vung tay vẻ tức tối:

- Đã thế Alexander còn khuyến khích quân sĩ lập gia đình với dân bản xứ nữa. Ta không hiểu thằng Leonidas nghĩ thế nào mà lấy con vũ công đó chứ, nó đã có Melissa rồi mà.

Tôi biết Antigenidas đang giận Leonidas vì đã hắt hủi em gái Melissa của mình. Tôi cũng bất mãn vì những thay đổi của Leonidas, cảm thấy thật sự đã mất đi người bạn thân thiết ngày nào.

Khi trở về Pella, tôi biết Antigenidas đã báo cho Melissa việc Leonidas lấy vợ khác. Khi hạnh phúc gia đình tan vỡ, dĩ nhiên người đàn bà nào cũng giận chồng bạc tình và thù ghét người phụ nữ đã xen vào gia đình mình. Biết thế nên tôi tránh không gặp Melissa vì không muốn dính dáng thêm vào việc này. Hơn nữa, tôi vốn là người đưa thư cho hai người từ lúc chuyện tình cảm của họ mới bắt đầu, tôi nghĩ việc gặp tôi chỉ khiến Melissa không vui mà thôi. Tuy nhiên, trước khi tôi lên đường đi Ba Tư vì một chuyến công vụ mới thì Melissa đã đến tìm tôi. Vừa gặp tôi cô liền hỏi:

- Kyros này, khi đến Babylon cậu có gặp Leonidas không?

Tôi gật đầu, không tiện nói gì thêm. Melissa hỏi tiếp:

- Vậy Leonidas có khỏe mạnh không?

Tôi thấy vô cùng khó xử chỉ muốn chấm dứt câu chuyện cho nhanh nhưng lạ là Melissa không tỏ ra giận dữ mà vẫn dịu dàng:

- Đi xa đã lâu, chắc Leonidas cô đơn lắm. Ta nghe nói người vợ mới của Leonidas rất đẹp. Ta mừng đã có người chăm sóc cho Leonidas nơi xứ lạ quê người. Khi trở lại Babylon, phiền cậu cầm giùm lá thư của ta gửi cho Leonidas.

Tôi ngạc nhiên, buột miệng:

- Cô vẫn còn muốn viết thư cho Leonidas?

Melissa gật đầu:

Ta không trách Leonidas đâu. Ta hiểu sự cô đơn của những người chinh chiến quá lâu. Do đó, ta chỉ muốn hỏi thăm chồng ta thôi.

Vì quá bất mãn với Leonidas, tôi tìm cách thoái thác:

- Leonidas ở trong đoàn quân tiên phong của Hoàng đế Alexander tại Bactria. Còn tôi chỉ vận chuyển chiến lợi phẩm tại Babylon, chưa biết có gặp được Leonidas không.

Melissa nài nỉ:

- Hiện giờ chỉ có cậu là có thể đến nơi đóng quân. Ta muốn cho Leonidas biết rằng ở đây mọi sự yên ổn và mong chồng ta giữ gìn sức khỏe.

Tôi đành nói thẳng:

- Leonidas đã không như xưa nữa. Gặp tôi, cậu ta còn không thèm nói chuyện. Lần trước tôi giao thư cho cậu ta, cậu ta cũng không muốn đọc.

Melissa lắng nghe nhưng không tức giận mà vẫn kiên nhẫn:

- Nhưng ta vẫn muốn biết Leonidas sống ở Ba Tư như thế nào. Có dễ chịu không, có còn soạn nhạc không... Ta muốn nghe những sáng tác mới của Leonidas. Ta nghe nói âm nhạc Ba Tư lạ lùng lắm nên muốn biết ý kiến của Leonidas về những giai điệu này. Hãy giúp ta chuyển thư cho Leonidas.

Không thể thoái thác nữa, tôi ngần ngại cầm lá thư. Tự hỏi không biết Melissa viết gì trong đó. Cô có giận chồng hay than trách gì không? Nếu cô khóc lóc,

trách móc thì tôi có thể hiểu được nhưng thái độ điềm tĩnh của cô thật lạ lùng. Làm sao một người vợ có thể bình tĩnh như thế khi chồng mình đã phản bội và lấy vợ khác? Tại sao cô vẫn có thể hồi về âm nhạc khi tình nghĩa vợ chồng đã nhạt phai? Phải chăng cô vẫn tin Leonidas còn yêu cô hay cô còn nuôi hy vọng Leonidas sẽ trở về với mình?

Khi vừa đến Babylon tôi được lệnh phải đi Bactria ngay vì Alexander cho gọi. Chuyến đi này vất vả hơn chuyên trước vì đường sá xa xôi, phải mất gần hai tháng mới đến nơi. Khi đến nơi, tôi lập tức vào cung và ngạc nhiên thấy Alexander không mặc y phục Hy Lạp như trước mà đang mặc trang phục sặc sỡ như người Ba Tư. Nhà vua xem qua các văn kiện do triều đình Hy Lạp gửi đến và cả lá thư của Antipater yêu cầu gửi thêm vàng bạc và nô lệ. Ngài trầm ngâm một lúc rồi lắc đầu:

- Bắt đầu từ nay ta không muốn chuyển vàng bạc về Pella nữa. Việc đúc tiền sẽ được thực hiện tại Babylon. Trước đây người đã mang vàng tại Babylon và Susa về Pella, bây giờ ta muốn mang tất cả vàng bạc tại ngân khố ở Pella về Babylon.

Điều này quá bất ngờ, tôi cứ thế đứng ngây ra, chưa biết nên đáp lời nhà vua thế nào. Alexander không để ý đến vẻ sửng sốt của tôi, ngài ra lệnh:

- Chuyến đi này người hãy mang thư của ta gửi cho Antipater. Ta muốn gọi hắn đến đây vì nghe nói hiện giờ hắn đang cai trị Hy Lạp như một ông vua. Ta cũng muốn xem lại tất cả sổ sách của Dimitris về ngân khố triều đình.

Rời khỏi cung, tôi không ngừng hoang mang về những yêu cầu của nhà vua. Tôi vội tìm đến Timotheus để hỏi về sự thay đổi này. Timotheus giải thích:

- Cậu đừng lo, đây chỉ là sự thay đổi trong việc điều hành triều chính thôi. Nhà vua đang có ý định đặt kinh đô tại Babylon, xứ này rộng lớn, đất đai màu mỡ, giao thông thuận tiện, có đầy đủ mọi thứ, hợp với ngai vị Vua của Á Châu. Trở về một nơi nhỏ bé, đất đai khô cằn như Pella làm gì?

Tôi ngạc nhiên:

- Dù xứ này lớn đến đâu thì cũng là đất Ba Tư, còn chúng ta vẫn là người Hy Lạp, làm sao nhà vua có thể thay đổi như thế được?

Timotheus thong thả nhìn tôi rồi ôn tồn giải thích:

- Có lẽ cậu cũng thấy hiện nay đa số người Hy Lạp vẫn giữ quan niệm chia rẽ và bất hòa như xưa. Người dân Athens tự hào là hiểu biết, thanh lịch, coi khinh người Thessaly tham lam. Dân xứ Thebes coi thường người xứ khác ngu dốt, còn người Sparta thì không phục tùng bất cứ ai. Hầu hết các xứ này đều coi dân Macedonia là man di, mọi rợ. Làm sao họ có thể chấp nhận một ông vua người Macedonia được? Sở dĩ họ tuân phục Alexander vì họ sợ Ba Tư xâm lăng. Một khi nỗi sợ này không còn thì việc cai trị sẽ không còn dễ dàng như trước, cậu không thấy đã có những cuộc nổi loạn, chống lại nhà vua hay sao? Alexander là người thông minh, ngài biết dù Hy Lạp đã thống nhất nhưng không dễ gì thay đổi được thành kiến phân hóa đã có từ xưa. Tuy nhiên, ngài vẫn tin những người trẻ có thể thay đổi. Sở dĩ ngài có được địa vị ngày nay đều nhờ bằng hữu và các binh sĩ trẻ. Do đó, thông qua hôn nhân giữa người Hy Lạp và người Ba Tư, Alexander có ý tạo ra một thế hệ tương lai cho Hy Lạp, một thế hệ trung thành với ngài.

Tôi ngạc nhiên:

- Alexander nghĩ xa đến thế sao?

Timotheus mỉm cười:

- Cậu không thấy Alexander đã lập gia đình với người bản xứ hay sao? Ngay như Seleucus, Perdicas, Leonidas cũng đều lấy vợ Ba Tư. Hiện nay nhiều binh sĩ cũng lập gia đình tại đây. Việc này đã bắt đầu rồi.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi này đã làm tôi phải suy nghĩ nhiều về một Hy Lạp mà Alexander có ý xây dựng, một Hy Lạp với thế hệ công dân mới. Tuy nhiên, lúc đó tôi vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng vì ý tưởng đó quá mới lạ.

Hôm sau, tôi đến doanh trại tìm Leonidas. Gặp tôi, Leonidas ngượng ngùng không vui, tôi định trao thư thật nhanh rồi rồi khỏi. Nhưng Leonidas đọc thư xong suy nghĩ một lúc rồi nhờ tôi ở lại đợi hắn viết thư hồi âm. Một lần nữa tôi lại đóng vai người đưa thư cho hai người. Khi trở về Pella, tôi mang theo bức thư của Leonidas. Xong việc công, tôi tranh thủ chút thời gian mang thư đến cho Melissa. Melissa đọc xong thư thì vui mừng nói với tôi:

- Kyros ơi, Leonidas cho ta biết Yasamin đã có thai. Ta muốn gửi ít quà cho đứa

bé sắp sinh này.

Yasamin là cô vợ mới của Leonidas. Tôi ngạc nhiên quá đỗi trước thái độ điềm nhiên lạ lùng của Melissa. Tại sao cô không hề giận dữ hay thù ghét kẻ đã phụ bạc mình?

Tại sao cô còn muốn gửi quà cho đứa con của người phụ nữ đã cướp chồng mình? Tôi nhớ khi hai người họ mới yêu nhau, Leonidas đã viết:

“Aristotle dạy rằng đối với mọi sự, cần đặt câu hỏi “Tại sao” để tìm hiểu căn nguyên, vì mọi sự trên thế giới này đều được sắp đặt theo logic mà người ta có thể giải thích”, vậy làm sao giải thích việc lạ lùng, "trái logic" này đây?

Mặc dù đã trở thành hoàng đế của đế quốc lớn nhất thế giới nhưng Alexander vẫn quan tâm đến những cuộc nổi dậy đòi độc lập tại Hy Lạp mà Antipater phải mất công đánh dẹp. Để duy trì an ninh, Antipater đã cho ban hành nhiều đạo luật nghiêm khắc và hành xử như một hoàng đế, do đó ông làm mất lòng Thái hậu Olympias. Bà gửi thư cho Alexander phàn nàn về sự chuyên quyền của viên tướng này. Đó là lý do Alexander cho gọi Antipater đến gặp mình ngay lập tức. Sau khi xem thư, Antipater biết nếu không cẩn thận thì cũng có thể bị giết như Philotas và Parmenion nên ông lấy cớ bận rộn, cho con trai là Cassander thay mình đến gặp Alexander. Cassander là chồng của Thessalonike, em gái của Alexander, nên có thể tránh được cơn thịnh nộ của hoàng đế.

Hôm đó Cassander vào triều và ngạc nhiên khi thấy Alexander không mặc y phục Hy Lạp mà đã chuyển sang mặc y phục của Ba Tư. Nhà vua ngồi trên ngai vàng trong khi các quan, tướng đều quỳ mọp dưới đất. Phong tục Ba Tư ghi rõ trong triều, các quan đều phải quỳ, cúi đầu sát đất, chỉ khi gọi mới được ngẩng đầu lên (nghi lễ Proskynesis). Đây là điều không thể chấp nhận với người Hy Lạp. Nhìn thấy cảnh các quan bò lê dưới đất như thế, Cassander ngạc nhiên rồi bật cười ha hả. Thái độ này khiến Alexander nổi giận đùng đùng, nhà vua xông đến ghì chặt Cassander, liên tiếp đập mạnh đầu hắn ta vào tường, máu tuôn xối xả. Nhà vua trẻ quát lớn:

- Tại sao Antipater không đến mà để một thằng oắt con đến làm loạn triều đình của ta? Nếu không nể mặt Thessalonike thì hôm nay ta sẽ giết người.

Khi xem xét sổ sách ngân khố tại Pella của Dimitris trình lên, Alexander ra lệnh cho mang văn kiện tại Babylon ra so sánh và thấy hao hụt một số vàng lớn. Nhà

vua nổi giận:

- Tại sao có sự sai lệch này? Kyros đã kiểm kê mọi thứ tại đây và ghi chép rõ ràng. Tại sao sổ sách Pella lại khác đi?

Philiteus, người chỉ huy quân sĩ hộ tống chuyển vận số vàng được gọi đến. Philiteus xác nhận dấu niêm phong trong các thùng vàng đều nguyên vẹn khi về đến Pella và cũng đã được Dimitris xác nhận trước khi mở niêm phong, vì vậy, Alexander ra lệnh cho Harpalus phải thân hành về Pella để điều tra.

***

Tuy đã chinh phạt các nơi, được suy tôn là *Vua của Á Châu* nhưng đối với dân chúng xứ Ba Tư, Alexander vẫn là người ngoại quốc. Muốn được dân chúng chấp nhận, Alexander cần kết thân với hoàng tộc xứ này. Vì vậy, nhà vua đã xin cưới Barsine, thường gọi là Stateira (Stateira II), con gái lớn của Vua Darius. Sau đó, ông xin cưới luôn cả Parysatis, cô con gái ít tuổi nhất của Vua Ochus*. Qua hai cuộc hôn nhân, làm rể của hai vị cựu hoàng đế, Alexander chính thức trở thành người của dòng họ Achaemenid, dòng họ đã cai trị Ba Tư hơn hai trăm năm. Dòng họ Achaemenid đã cai trị Ba Tư nhiều đời, người trong gia tộc này đều nắm giữ các vị trí quan trọng nên khi là người thuộc dòng họ này, Alexander không sợ bị phản bội. Những người bạn thân tín của Alexander như Hephaestion, Simonides và trước đó là Seleucus, cũng đã lần lượt lập gia đình với những người thuộc dòng họ quý tộc Ba Tư.

(*) Vua Artaxerxes III Ochus, cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN.

Từ đó, triều đình của Đế quốc Hy Lạp tại Babylon bắt đầu chuyển qua một sắc thái mới mẻ, hài hòa, với quan quân, tướng sĩ bao gồm cả hai sắc tộc. Bên ngoài tốt đẹp là thế nhưng trong hậu cung thì khác. Khi Alexander có hai người vợ mới, thì địa vị của Roxana trở nên thua kém. Cô chỉ là con gái tộc trưởng biên thùy xứ Bactria, không thể so sánh với hai công chúa dòng dõi hoàng gia của tiền triều được. Là một hoàng đế oai hùng đánh Đông dẹp Bắc, bách chiến bách thắng trên sa trường và cai trị đế quốc lớn nhất thế giới lúc đó nhưng Alexander không thể giải quyết việc cãi vã, ghen tuông giữa các bà vợ. Do đó, ngài thường tìm cách lánh mặt đi giám sát, kiểm tra quân sĩ khắp nơi để có thể tự do ca hát, uống rượu với binh sĩ. Tuy nhiên, vị hoàng đế cũng không thể trốn tránh mãi, ngài vẫn phải trở về triều để điều hành việc triều chính và vẫn thường phải đứng ra giải quyết những tranh chấp, cãi vã, ghen tuông giữa ba người vợ. Stateira và

Parysatis đều là công chúa, biết rõ lễ nghi cũng như quy tắc trong phòng the của hoàng gia, còn Roxana dẫu là con nhà quý tộc nhưng lớn lên ở biên thùy, tính tình cương cường, bất khuất, không thích hợp với luật lệ trong cung. Sau cùng, Alexander phải đưa Roxana về cung điện riêng tại Susa và để hai người vợ kia tại Babylon.

***

Một hôm, Alexander gọi Cleitus vào triều, phong cho viên tướng này làm thống đốc vùng Bactria. Trong số các bạn thân của Alexander, Cleitus là người đã từng theo Vua Philip đi dẹp loạn, lập nhiều công trạng và là người huấn luyện bộ binh theo đội hình Phalanx nên rất được lòng binh sĩ. Trong cuộc viễn chinh, Cleitus luôn theo sát Alexander trong mọi cuộc chiến và từng cứu mạng nhà vua trong trận Granicus.

Không muốn phiền phức với các nghi thức triều đình cũng như tránh phải đối phó với các bà vợ hay những than phiền trong hậu cung nên Alexander lợi dụng cơ hội tiễn chân Cleitus lên đường, bèn rủ các bạn đến doanh trại cách xa Babylon, tổ chức một buổi tiệc mừng, ca hát với nhau như khi xưa. Đã lâu không được tự do uống rượu nên trong bữa tiệc mọi người đều uống đến quên trời quên đất. Rượu vào lời ra, những điều chất chứa trong lòng anh em tướng sĩ đều theo men rượu mà tuôn ra hết. Tuy được phong làm thống đốc nhưng Cleitus cho rằng đang làm tướng mà không được chỉ huy quân đội hay tham gia trận mạc, bị đưa đi làm quan cai trị nơi hẻo lánh chính là dấu hiệu thất sủng. Trong lúc say, Cleitus than rằng với công lao vào sinh ra tử của mình mà chỉ được chức thống đốc tại miền biên thùy hoang vu, nơi các bộ lạc thường nổi loạn, với vài ngàn binh lính già yếu thì không công bằng. Alexander lúc đó cũng đã say, bèn quát:

- Ta đã chinh phục Bactria, dẹp tan các phần tử phản loạn. Đâu còn gì để người phải lo. Ngươi may mắn nhờ ta mới được chức thống đốc, nếu vẫn ở yên tại Pella thì cũng chỉ là tay luyện binh quèn chứ làm sao lên được địa vị này.

Cleitus lúc đó cũng đã bị men rượu dẫn dắt, lớn tiếng cãi lại:

- Nếu không có đội hình *Phalanx* do tôi huấn luyện thì làm sao ngài thắng được quân Ba Tư. Là người Macedonia mà ngài dám mặc quần áo Ba Tư, lấy vợ Ba Tư, cư xử như một người Ba Tư, thật không biết xấu hổ...

Alexander nổi trận lôi đình, ném bình rượu đang uống vào mặt Cleitus rồi gọi

quân sĩ bắt Cleitus lại để hành hình ngay nhưng mọi người vội vã can ngăn. Tất cả tướng lĩnh trong buổi tiệc đó đều là bạn thân, chơi với nhau từ nhỏ, trải bao trận chiến cùng nhau nên không ai muốn sự việc đi xa hơn. Alexander gọi người cho mang vũ khí đến để ngài xử tội kẻ hỗn xược. Perdicas và Philiteus vội vã kéo Cleitus ra khỏi lều nhưng Alexander lập tức đuổi theo, giằng lấy cây giáo của một lính canh gần đó, xông đến đâm thẳng vào Cleitus. Trong lúc giằng co, Cleitus vừa quay lại thì lưỡi giáo đã xuyên qua ngực.

Cái chết của Cleitus gây ra sự hoang mang lớn trong quân đội Macedonia. Mặc dù khi tỉnh rượu Alexander đã rất hối hận, cho chôn cất tử tế và ra lệnh mang một số vàng lớn về cho gia đình của Cleitus nhưng binh sĩ, nhất là đội quân *Phalanx* vốn trung thành với người chỉ huy của mình đã tỏ ra vô cùng bất mãn. Từ lâu những người lính Macedonia không chấp nhận việc hoàng đế của họ thay đổi lễ nghi triều đình, ăn mặc như người Ba Tư, bắt các quan phải quỳ lạy khi vào triều. Sự bất mãn lan rộng hơn khi Alexander phong cho Philiteus lên làm chỉ huy đội hình *Phalanx* thay cho Cleitus, một số binh sĩ đã nổi loạn. Một trận giao tranh xảy ra trong nội bộ các binh sĩ Macedonia. Nhờ có lực lượng hộ vệ thân tín của Perdicas và Hephaestion, nên những binh sĩ này rốt cuộc đều bị bắt. Thế nhưng, trong trận giao tranh, Leonidas đã bị thương nặng. Được tin, tôi lập tức đến ngay khu bệnh xá và nhìn thấy người bạn cũ nằm đó, khắp thân mình đều là máu. Nhìn thấy tôi, Leonidas thều thào:

- Tôi biết mình khó sống tiếp, tôi hy vọng cậu nghĩ đến tình bạn khi xưa giữa chúng ta mà giúp tôi một việc.

Tôi đặt tay lên trán Leonidas:

- Anh cứ nói đi, tôi sẽ cố gắng hết sức mình.

Leonidas thều thào:

- Tôi lo cho Yasamin... Nàng sắp sinh con, không thể sống ở nơi loạn lạc thế này được. Alexander đang chuẩn bị tiến quân chinh phục các vương quốc mới. Nếu quân Hy Lạp rời khỏi chỗ này, tôi không an tâm để Yasamin ở lại đây. Liệu cậu có thể đưa vợ tôi về Hy Lạp và bảo vệ cho nàng không?

Đây là một trọng trách nặng nề, hơn nữa sự việc quá bất ngờ, khiến tôi có phần do dự. Tuy nhiên, nhìn thấy thân thể đẫm máu của Leonidas, tôi không muốn người bạn thân phải lo lắng trước khi nhắm mắt nên đã miễn cưỡng gật đầu.

Leonidas vui mừng nắm chặt lấy tay tôi, yếu ớt nói lời cảm ơn. Hôm sau, Leonidas qua đời. Sau khi chôn cất bạn mình, tôi đến tìm Yasamin nói về đề nghị của Leonidas nhưng cô từ chối, quyết không chịu rời Babylon.

Cái chết của Leonidas và sự nổi loạn của quân sĩ Hy Lạp, đã khiến Alexander vô cùng tức giận. Ngài ra lệnh cho Perdicas phải kiểm soát quân đội chặt chẽ hơn và cho giải ngũ một số binh sĩ Hy Lạp, để họ trở về quê quán.

Với số quân tuyển được từ những nơi đầu hàng trước vó ngựa của ngài, ngài không cần nhiều binh sĩ Hy Lạp nữa.

Khi trở về Pella, tôi báo cho Dimitris biết việc con trai ông đã qua đời nhưng không nói gì về việc Leonidas ủy thác. Dimitris vô cùng đau khổ, bao nhiêu kỳ vọng ông đặt ở đứa con trai duy nhất đã tan thành mây khói. Sophia, người con gái mà ông đã thu xếp cho lấy Philotas, nay cũng trở thành góa phụ. Tài sản của gia đình Parmenion cũng đã bị tịch thu. Quá đau buồn, Dimitris gửi thư cho Antipater xin từ chức và giao mọi việc lại cho Deasius, chồng của Isidora. Trước khi tôi lên đường trở lại Ba Tư, Melissa đã tìm đến gặp tôi, trông cô tiều tụy hơn trước, cô hỏi:

- Ta biết Leonidas đẫ được Hoàng đế Alexander cho chôn cất cẩn thận. Nhưng Yasamin ra sao? Ai sẽ lo cho đứa con của Leonidas?

Một lần nữa, thái độ điềm nhiên và tâm hồn thánh thiện của Melissa khiến tôi ngỡ ngàng. Hiển nhiên, cái chết của Leonidas là nỗi đau rất lớn với cô, nhưng tại sao lúc này cô còn quan tâm đến người phụ nữ kia? Tôi đành thuật lại với Melissa lời trăng trối của Leonidas và cả việc Yasamin từ chối rời Babylon. Melissa liền nói:

- Cậu đã hứa sẽ giúp Leonidas, vậy tại sao không đưa cô ấy về đây?

Tôi trả lời:

- Yasamin không muốn rời Babylon. Tôi đâu thể ép cô ta được.

Melissa im lặng một lúc rồi nói:

- Ta đã sống cô đơn trong bao năm nay nên hiểu tâm trạng của những người cô đơn là như thế nào. Yasamin không thể sống tại nơi loạn lạc kia mà không có ai

bảo vệ được, xin cậu hãy cố gắng đưa cô ấy về đây.

Tôi ngạc nhiên quá đồi, liền hỏi:

- Nhưng... chẳng phải cô ta là người đã cướp chồng của cô sao?

Melissa thong thả nói:

- Leonidas muốn đưa Yasamin về sống tại đây thì ta cũng muốn vậy. Chính cậu cũng đã hứa với Leonidas như thế mà. Hơn nữa, ta cũng phải lo cho đứa con của Leonidas. Nó không thể sống tại một nơi bất an, loạn lạc như thế được.

Khi tôi trở lại Babylon thì Yasamin đã sinh được một đứa bé gái. Tôi cố thuyết phục nhưng cô nhất định không chịu rời khỏi đó. Tôi đem sự việc bàn với Antigenidas. Anh ấy suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Yasamin không muốn đi thì thôi vậy. Nhưng đứa con của Leonidas thì khác, dù nó là con của Leonidas với người phụ nữ khác, nhưng trên danh nghĩa vẫn là cháu ta.

Không thể để nó sống vất vưởng nơi đây được, cậu mang đứa bé về đây, ta có thể tìm trong đám nô lệ một người đàn bà vừa sinh con để trông nom đứa bé.

Tôi không nhẫn tâm làm việc đó nên đã tìm cách thoái thác. Nhưng Antigenidas thì đã quyết.

Vì tôi vẫn phải đi phát lương cho binh sĩ ở các nơi khác nhau nên không có mặt tại Babylon thường xuyên. Nhưng trên đường về Hy Lạp, đến hải cảng Issus, tôi mới biết Antigenidas đã cho người bắt đứa con của Leonidas và sai một nô lệ trông nom để giao lại cho Melissa. Trong lần gặp nhau kế tiếp, chúng tôi cãi nhau một trận kịch liệt về việc này. Cuối cùng, Antigenidas nổi giận:

- Ngươi chỉ là một đứa nô lệ trong khi ta chỉ huy binh sĩ, có toàn quyền trong tay. Ta muốn làm gì là việc của ta, người không có quyền phản đối. Nếu không phải vì tình bạn trước nay giữa chúng ta thì lưỡi gươm này đã cắm vào ngực ngươi rồi.

Câu nói đó khiến cho tình bạn của chúng tôi bị sứt mẻ nặng nề. Từ đó tôi tránh không gặp Antigenidas nữa. Vì Leonidas đã qua đời, không còn thư từ qua lại,

nên tôi không trở về Pella mà tìm cách ở hẳn tại Athens. Tôi được biết Melissa trở thành người mẹ trông nom đứa con mới được mấy tháng của Leonidas.

***

Trong cuộc nói chuyện của tôi với Thomas, ông cho biết ngày nay gần như tất cả tài liệu về Alexander đều do người Hy Lạp thời cổ viết nên có nhiều định kiến. Phần lớn đều ca tụng Alexander như một anh hùng vĩ đại và coi việc chinh phục Ba Tư là sự chiến thắng của người Châu Âu đối với các quốc gia Châu Á. Phần lớn sử liệu thường đề cao nền văn minh của Hy Lạp và coi Ba Tư là xứ man rợ, hung ác, lạc hậu và thiếu văn minh. Điều này cũng tạo ảnh hưởng cho các thế kỷ về sau khi các quốc gia Châu Âu tự coi mình là trung tâm văn minh của thế giới và coi thường các nền văn minh khác. Khi xâm lăng các quốc gia Châu Á và Châu Phi, họ đã gọi cuộc chiến này là sự khai phóng các dân tộc thiếu văn minh.

Thomas kể rằng mặc dù văn minh Hy Lạp đã tiến bộ rất cao với sự có mặt của các triết gia như Pythagore, Platon, Socrates, Aristotle... nhưng Đế quốc Ba Tư lúc đó cũng đã phát triển rất mạnh về kinh tế, canh nông và thương mại. Trong khi Hy Lạp còn là một tập hợp nhiều thành bang nhỏ thì Đế quốc Ba Tư đã bành trướng khắp nơi, chạy dài từ Ai Cập đến Ấn Độ. Từ xưa, người Ba Tư đã đi khắp nơi buôn bán, qua con đường tơ lụa (Silk Road), sang đến tận Trung Hoa. Văn chương, thơ phú, âm nhạc của Ba Tư cũng đạt vị trí quan trọng và phổ biến khắp Trung Đông nên không thể kết luận rằng Đế quốc Ba Tư là thiếu văn minh được.

Một dữ kiện khác cho thấy lúc đó luật pháp Hy Lạp chỉ giới hạn trong việc phân chia giai cấp, quyền sở hữu đất đai để thu thuế. Các việc khác đều do triều đình quyết định, trong đó, nhà vua có quyền hành tuyệt đối. Trong khi đó, Ba Tư đã có hệ thống pháp trị với các bộ luật được ghi chép rõ ràng chứ không tập trung quyền hành vào cá nhân vua chúa. Tôn giáo của Ba Tư (Bái Hỏa giáo) phân biệt rất rõ về quan niệm thiện, ác, đúng sai. Kinh Avesta mở đầu với câu: *"Chỉ nghĩ điều thiện, nói điều thiện, làm điều thiện vì mọi hành động sẽ được đấng Ahura Mazda phán xét."* Tôn chỉ không nói dối, luôn nói lời thật đã được ghi rõ vào bộ luật của Vua Cyrus. Bái Hỏa giáo phân chia mọi việc rất rõ ràng, không chấp nhận chế độ nô lệ, không kỳ thị các tôn giáo khác như Do Thái giáo hay tôn giáo của Ai Cập và Assyria.

Hầu hết các sử gia viết rằng Alexander mải mê chinh phục thế giới, không trở về Hy Lạp và chết sớm nên giấc mộng chưa hoàn thành. Thomas nói rõ với tôi

rằng Alexander không hề có ý trở về Hy Lạp, ngài đã thành lập một triều đình mới tại Babylon để cai trị đế quốc rộng lớn mà mình chinh phục được nên không cần trở về Pella làm gì. Đó là lý do Alexander ra lệnh chuyển ngân khố về Ba Tư, phát triển một thế hệ công dân mới, hòa hợp hai dòng máu Hy Lạp và Ba Tư cho đế quốc này. Ngài cưới stateira, con gái của Vua Darius và cưới Parysatis con gái của Vua Ochus, là bằng chứng cho việc muốn kết thân với người xứ này. Thay vì dùng người Hy Lạp trong việc triều chính, ngài vẫn để Mazaeus làm thượng thư, và các quan lại Ba Tư điều hành mọi việc trong nước.

Ngày nay, các nhà khảo cổ đã tìm được các đồng tiền vàng được đúc tại Babylon thời đó, có hai mặt, một mặt in hình Alexander, mặt kia in hình Mazaeus như minh chứng lịch sử về việc sáp nhập hai dòng máu, hai nền văn minh này làm một. Đây là dữ kiện lịch sử Hy Lạp mà một số sử gia có lẽ không muốn nhắc đến.

Thomas nói với tôi rằng ước mơ vĩ đại về việc thống nhất thế giới của Alexander Đại đế dường như là điều viển vông, ngông cuồng nhất mà một con người có thể nghĩ ra. Làm sao có thể khiến mọi người trên thế giới không còn khoảng cách, không còn thù hằn và chung sống hòa bình với nhau được? Lịch sử và văn minh nhân loại được viết nên bằng những cuộc chiến đẫm máu và chiến tranh chưa bao giờ chấm dứt. Đó phải chăng là một lời nguyền không thể hóa giải? Hay đó chính là bản chất của con người - giống loài tiến hóa nhất hành tinh này và ngạo mạn coi mình là chủ nhân địa cầu?

Nếu thế giới này không còn những khoảng cách về sắc tộc, màu da, tôn giáo, chính trị thì liệu con người có chấm dứt sự chia rẽ, thù hằn, xâm chiếm và chém giết lẫn nhau? Liệu có một phép màu nào đó có thể khiến con người ở mọi quốc gia đều coi nhau như người cùng xứ sở và chiến tranh, giết chóc, bạo lực sẽ chấm dứt vĩnh viễn trên hành tinh này? Chẳng phải khi vượt thoát khỏi bầu khí quyển, tiến vào vũ trụ bao la và nhìn về hành tinh trái đất, chúng ta có thể cảm nhận sâu sắc rằng chúng ta nhỏ bé ra sao giữa vũ trụ này và tất cả đều có chung một quê hương đó sao?

Liệu có một phép màu nào có thể khiến cho con người thôi phá hủy sự sống muôn loài, thôi hủy diệt màu xanh trên quê hương địa cầu này không? Liệu có cách nào ngăn không cho hành tinh này đếm ngược về ngày tận thế? Những gì đã và đang xảy ra trên thế giới này là cơn thịnh nộ của Đấng sáng thế hay chỉ đơn giản là những báo ứng tuần hoàn theo luật Nhân quả của vũ trụ?

Nếu chúng ta đang ở giai đoạn cuối của chu kỳ *Thành - Trụ - Hoại - Diệt*, thì có cách nào để ngăn chặn sự hủy diệt đó không, khi chính chúng ta mới là nguyên nhân cho mọi sự phá hủy khủng khiếp nhất đối với sự sống và tương lai của muôn loài?

Những câu hỏi đó cứ xoay vần trong tâm trí tôi khi nghĩ đến Alexander và những cuộc chiến bất tận của ngài. Con người luôn mơ ước và hướng đến một thế giới hòa bình nhưng cho đến tận ngày hôm nay, khi nhân loại đang tự hào về nền văn minh và sự phát triển khoa học, công nghệ đỉnh cao của mình, thì hành tinh này vẫn chưa ngày nào ngừng xung đột, biến động.

Nếu người ta chỉ chạy theo sự ganh đua, tranh giành quyền lực hòng thống trị nhau thì cái chúng ta gọi là văn minh có thực sự xứng đáng là một nền văn minh không?

Trong cuộc đời mỗi con người, đôi khi chỉ cần chúng ta dám đặt câu hỏi và dám đi tìm tận cùng câu trả lời thì chúng ta sẽ bước vào một hành trình khám phá có thể làm thay đổi hoàn toàn nhận thức và ý nghĩa cuộc sống. Vì cuộc sống chính là hành trình trải nghiệm, học hỏi không ngừng, bất tận. Mỗi một giờ khắc trôi qua, thế giới lại sản sinh ra hàng triệu điều mới mẻ. Những ai ngừng học hỏi, khám phá sẽ đi đến sự thiếu hiểu biết, bảo thủ, định kiến, lỗi thời.

Phần chín

ẤN ĐỘ: QUYỀN LỰC VÀ THỨC TỈNH

Sau mười năm chinh chiến, Alexander đã trở thành hoàng đế của đế quốc hùng mạnh nhất thế giới thời đó. Đúng như ngài đã nói với tôi: “Achilles chưa từng thua trận nào” và ngài cũng vậy. Trải qua hàng trăm trận đánh lớn nhỏ, ngài trở thành quân vương bách chiến bách thắng trên sa trường. Ngay cả khi đối đầu với lực lượng quân thù đông gấp nhiều lần, ngài vẫn có thể giành chiến thắng. Ngài chiến thắng không chĩ vì biết dùng chiến lược sắc bén, tài tình mà còn vì ý chí kiên định và tinh thần quả cảm, không sợ hãi bất cứ kẻ thù nào. Trận đánh nào Alexander cũng dũng mãnh xung phong lên trước, tướng đấu với tướng, bất chấp làn tên mũi giáo, truyền cảm hứng cho toàn quân sĩ quyết chiến với kẻ thù. Do đó, trên cơ thể ngài chằng chịt những vết sẹo do gươm giáo quân thù để lại. Khi luyện tập cùng binh sĩ, ngài không ngần ngại cởi trần cho họ thấy những vết sẹo trên người mình. Điều này càng làm cho binh sĩ thán phục và hết lòng theo ngài chiến đấu.

Sau sự việc Cassander đến Babylon không lâu, Alexander nhận được công văn của Harpalus báo cáo rằng ngân khố tại Pella chỉ còn khoảng 1.500 ta-lăng vàng dự trữ, và nếu không tìm thêm vàng thì triều đình khó có thể duy trì lực lượng quân đội đông đảo như thế. Việc này khiến Alexander vô cùng tức giận vì ngài nghi ngờ đã có sự gian lận trong việc quản lý ngân khố triều đình Pella, nhưng chưa rõ thủ phạm. Ngài biết rằng sau cái chết của Philotas và Parmenion cũng như việc sỉ nhục Cassander thì sẽ khó có thể gọi Antipater đến Babylon để thẩm vấn. Ngài cũng lo ngại nếu quá mạnh tay xử lý có thể gây chia rẽ hay nổi loạn tại chính quê hương mình. Do đó, ngài bàn với Timotheus về việc cho giải ngũ một số binh sĩ để cắt giảm chi phí. Timotheus đề nghị cho thu thuế từ các vùng đất đã chinh phục nhưng Alexander ngần ngại vì trước đây ngài đã hứa cho các thống đốc địa phương được giữ lại tiền thuế. Hiện nay, đế quốc của ngài chỉ vừa thành lập, chưa hoàn toàn yên ổn, ngài không muốn thực hiện những thay đổi có thể dẫn đến tình trạng xáo trộn.

Trong lúc nhà vua vẫn còn chưa tìm được giải pháp thì vài hôm sau Mazaeus đưa vào triều một lái buôn người Ba Tư. Người này cho biết đoàn thương buôn của họ thường đi theo con đường mòn vượt qua rặng Hindu Kush để trao đổi hàng

hóa với các vương quốc nằm ở phía Đông rặng núi, đó là những vương quốc rất giàu có, đất đai trù phú, đời sống cư dân thịnh vượng với rất nhiều vàng bạc, châu báu. Alexander vô cùng kinh ngạc trước điều vừa nghe, vì mọi tài liệu từ trước đều ghi rằng dãy Hindu Kush chính là nơi tận cùng của thế giới. Ngay như Vua Cyrus cũng chỉ chinh phục Bactria, xứ sở cận Hindu Kush và dừng quân tại đó, không đi xa hơn. Nếu quả thật dãy núi kia vẫn chưa là tận cùng thế giới và bên kia là những vùng đất mới thì ngài nhất định phải khám phá. Alexander lập tức ra lệnh cho người tháp tùng đoàn lái buôn, đi theo con đường đó để nghiên cứu và vẽ bản đồ thật chi tiết. Từ đó, ngài không ngừng suy nghĩ về một cuộc chinh phục mới. Ngài nói với Timotheus:

- Nếu Bactria và rặng Hindu Kush không phải là nơi tận cùng thế giới thì ta phải đi đến cùng để khám phá, mở mang bờ cõi cho đế quốc của mình.

Vài tháng sau, Alexander nhận được báo cáo đầy đủ về con đường mòn (*Khyber Pass* ngày nay) cùng với bản đồ chi tiết về cách vượt qua rặng núi này. Alexander lập tức chuẩn bị quân đội cho một cuộc viễn chinh mới. Ngài triệu tập một số tướng lĩnh như Ptolemy, Antigonus đưa quân đến sáp nhập vào đội quân viễn chinh và phong cho Perdicas làm phó chỉ huy quân đội, Hephaestion làm chỉ huy kỵ binh. Ngài cũng ra lệnh cho tôi và Philiteus trở về Pella để chuyển vàng bạc trong ngân khố về Babylon. Ngài nói với tôi:

- Kyros, người cứ lo việc đúc tiền cho đầy đủ. Khi ta chinh phục các vương quốc kia xong, sẽ còn mang về rất nhiều vàng nữa.

Chuyến công vụ trở về Hy Lạp lần này không còn khiến tôi hăng hái như trước. Nghĩ về cuộc viễn chinh kéo dài tại những nơi xa xôi kia tôi không khỏi lo ngại và tự hỏi không biết đến bao giờ thì chiến sự triền miên này mới chấm dứt? Tôi nghĩ đến Philotas và câu hỏi của anh: "Nếu cuộc chiến cứ tiếp diễn như vậy, biết bao giờ chúng ta mới được trở về Hy Lạp?". Thật vậy, tôi thấy nhiều binh sĩ Macedonia đã mệt mỏi với cuộc chiến kéo dài quá lâu này. Phải chăng tham vọng làm bá chủ thế giới đã làm lu mờ mục đích ban đầu của nhà vua trẻ? Phải chăng men chiến thắng đã khiến Alexander trở nên kiêu căng, tự mãn, dẫn đến cái chết của Philotas và Parmenion? Phải chăng chỉ vì không chấp nhận việc pha trộn văn hóa Hy Lạp và Ba Tư mà Cleitus bị giết? Tôi ngậm ngùi nghĩ đến kết cục của những người vừa là bạn vừa là bầy tôi trung thành của Alexander kia. Bao nhiêu chiến công hiển hách của họ dường như cũng không đủ thỏa mãn tham vọng của vị Đại đế. Có lẽ, khi quyền lực đạt đến một mức nào đó, bất cứ ai cũng có thể trở nên độc đoán, tham lam và không bao giờ biết đủ. Một lần nữa,

tôi lại nghe văng vẳng trong đầu lời thi sĩ Homer đã nói trong sử thi Iliad, không ai đi qua chiến tranh mà vẫn như xưa.

Khi đó tôi chỉ biết cảm thán cho những người đã bị chiến tranh mài mòn, thậm chí lấy đi tính mạng, mà không biết rằng lần này tai họa sẽ ập đến với mình. Khi vừa đặt chân đến Athens, tôi bất ngờ bị bắt giam vì ai đó đã tố cáo tôi làm thâm hụt ngân quỹ. Người đứng ra tố cáo là Deasius, chồng của Isidora, hiện đang thay mặt Dimitris trông coi kho bạc của triều đình. Tôi bị giam vào ngục và bị tra tấn tàn nhẫn để bức cung về việc tôi cất giấu vàng bạc ở đâu. Nhưng dĩ nhiên vì tôi không làm việc này nên tôi không có gì để khai nhận. Tôi chỉ biết ngân khố bị thiếu một số vàng, điều này đã được báo cáo lên Hoàng đế Alexander nhưng tại sao người bị buộc tội lại là tôi? Mọi sổ sách chi thu đều được Dimitris xem xét cẩn thận. Từ trước đến nay ông chưa hề phát hiện sự nhầm lẫn nào trong các sổ sách do tôi làm. Ông thường khen tôi làm việc chu đáo và tin tưởng khả năng tính toán chính xác của tôi thì tại sao hôm nay xảy ra cơ sự này?

Mấy hôm sau, tôi được đưa ra trước mặt hội đồng nghị viện Athens do Harpalus và Demosthenes làm chủ tọa. Deasius hùng hồn lên án tôi:

- Từ bao năm nay mọi việc chuyên chở vàng từ Ba Tư về Pella đều do Kyros trông nom. Việc chi thu vàng bạc để đúc tiền làm quân lương cũng do chính hẳn ta kiểm soát, sổ sách cho ngân khố cũng do chính tay hắn làm. Hiện nay, ngân quỹ thiếu một số vàng không nhỏ. Từ trước đến nay chỉ có mình hắn trông nom và kiểm soát tất cả, không phải hẳn là thủ phạm thì còn ai vào đây nữa?

Quá oan ức, tôi lên tiếng bào chữa:

- Tất cả việc thu chi đều có sổ sách ghi chép. Các thùng vàng vận chuyển từ Ba Tư về đều được niêm phong rất cẩn thận. Khi về đến Pella chính ngài Dimitris đã kiểm tra, xác nhận trước khi chuyển vào ngân khố. Việc đúc tiền và khí giới, tất cả cũng đều thông qua ngài...

Deasius quát lớn để ngắt lời tôi:

- Ngươi không thể đổ lỗi cho ai được. Mọi việc chi thu đều do người kiểm tra, giám sát. Dimitris đối đãi với người tử tế như thế mà người đã lợi dụng lòng tốt của ông ấy để mưu cầu lợi ích cho riêng mình. Tội này phải xử thật nghiêm.

Harpalus cũng lên tiếng:

- Ta đã xem tất cả hồ sơ chuyển vận và sổ sách chi thu nhưng thấy có nhiều chỗ không rõ ràng, có những con số đã bị sửa đổi. Chắc chắn đã có việc gì đó mờ ám. Ngươi giấu vàng ở đâu thì phải khai ra ngay, nếu không đừng trách bọn ta nặng tay.

Tôi lập tức phản đối:

- Sao lại có chuyện như thế được? Từ trước đến nay sổ sách luôn luôn minh bạch. Lần nào ngài Dimitris cùng xem kỹ và hài lòng. Tôi đã làm việc này hơn mười năm, không hề có sơ sót nào. Làm gì có việc mờ ám. Không tin các ông cứ hỏi ngài Dimitris, ngài vốn là người kiểm soát và chịu trách nhiệm mới thứ...

Deasius cười gằn:

- Ngươi giỏi lắm, lại còn đổ tội cho người đã chết.

Deasius vừa nói gì kia? Dimitris đã qua đời ư? Tôi không dám tin vào tai mình, lắp bắp hỏi lại:

- Cái gì... ngài Dimitris... đã qua đời ư?

Đột nhiên, từ trong đám đông, Isidora bước ra chỉ thẳng vào mặt tôi:

- Kyros, tên nô lệ khốn kiếp! Người chỉ là một nô lệ thấp hèn nhưng cha ta đã đối đãi với người quá tử tế. Cha ta không những đã nuôi nấng, dạy dỗ người mà còn tin tưởng giao trọng trách cho người. Không ngờ người đã làm chuyện sai trái, đã lấy trộm vàng lại còn đổ lỗi cho cha ta, một người đã chết, không thể biện bạch được. Lòng tốt của cha ta đã đặt lầm vào một kẻ vô ơn bạc nghĩa như người.

Isidora vừa khóc vừa kể lể, bóc trần thân thế nô lệ của tôi, xung quanh mọi người bắt đầu xầm xì mắng chửi tôi thậm tệ. Lời buộc tội bất ngờ của Isidora khiến tôi đau đớn vô cùng, cổ họng nghẹn lại, không thốt lên nổi lòi nào. Mỗi câu nói của cô như từng nhát gươm đâm vào tim tôi, đau buốt. Tôi không ngờ người tôi thầm yêu trộm nhớ trong bao năm nay lại có thể nói ra những lời nặng nề như thế. Tôi gục mặt trong tủi nhục vì những lời “tên nô lệ”, “kẻ vô ơn” đã làm tôi quá đau đớn. Tôi cũng quá bàng hoàng vì Dimitris đã qua đời. Tôi biết cái

chết của Leonidas, đứa con trai duy nhất, đã làm ông đau khổ và lâm bệnh, nhưng việc ông qua đời quả là một cú sốc với tôi.

Tôi ngước lên nhìn Isidora muốn lên tiếng nhưng không sao nói được lời nào. Isidora bước đến nhổ một bãi nước bọt thẳng vào mặt tôi, gằn giọng:

- Tên nô lệ khốn kiếp kia, ta không ngờ ngươi có thể hèn hạ, đốn mạt như thế. Dám đổ tội cho người đã nuôi nấng ngươi... Đi chết đi!

Nói xong, Isidora quay ngoắt đi, vừa đi vừa sụt sùi khóc khiến mọi người chung quanh đều thương cảm và càng bất mãn với kẻ tội đồ là tôi. Chủ tịch nghị viện Desmothenes bước ra:

- Kyros, người còn gì muốn nói nữa không?

Tôi vẫn choáng váng vì hành động sỉ nhục bất ngờ của Isidora nên không thể nói gì. Thấy tôi im lặng, Demosthenes cười nhạt, rồi bằng giọng hùng hồn của người đã quen diễn thuyết trước đám đông, ông ta đưa ra những lý lẽ đanh thép về việc tôi là người duy nhất kiểm soát vàng bạc trong ngân khố cũng như sổ sách chi thu, rồi đặt câu hỏi, ngoài tôi ra, đâu ai biết về số vàng trong kho nhiều ít thế nào? Trong bao năm, ngân quỹ đã bị thất thoát đến mức nào cũng không ai biết, chỉ đến khi Harpalus điều tra thì mới khám phá ra sự thiếu hụt... Tôi là người duy nhất biết rõ số vàng thu chi bao nhiêu, là người duy nhất mang vàng đi đúc tiền, rồi tôi là người mang tiền đi phát lương cho binh sĩ, mọi việc thừa hay thiếu chỉ mình tôi biết. Việc thâm hụt, sửa đổi toàn bộ sổ sách chi thu cũng chỉ có tôi làm được, ngoài ra không còn ai. Cuối cùng, Demosthenes kết luận tôi chính là thủ phạm. Hắn nói thêm, mặc dù đã bị tra tấn nhưng tôi vẫn không khai đã giấu vàng ở đâu nên đề nghị tuyên án tử hình. Toàn thể hội đồng đều giơ tay bỏ phiếu đồng thuận. Demosthenes ra lệnh cho thi hành án ngay để làm gương cho dân chúng. Mặc dù hoang mang về biến cố bất ngờ và cái chết của Dimitris cùng những câu nói nặng nề của Isidora, nhưng tôi cũng kịp bừng tĩnh và phẫn nộ vì sự kết án vội vã như thế. Tôi vùng đứng dậy, định phản đối thì may thay, Philiteus đã bước ra:

- Khoan đã, việc này phải do Hoàng đế Alexander phán quyết. Tội trạng của y sẽ được ghi nhận nhưng án lệnh phải do chính nhà vua quyết định.

Demosthenes lắc đầu:

- Lúc này Hoàng đế Alexander đang bận việc ở xa. Tại đây mọi việc đều do nghị viện quyết định. Chúng ta đã bỏ phiếu, phải thi hành ngay.

Philiteus tức giận hét lớn:

- Athens không phải là triều đình. Nếu muốn, phải đưa Kyros về Pella cho Antipater xét xử. Y là người của quân đội thì phải bị xét xử theo quân pháp. Nghị viện dân sự của các ông không có quyền gì trong việc này.

Tuyên bố dõng dạc của Philiteus khiến mọi người trong nghị viện giật mình. Thấy nghị viện có vẻ nao núng, Harpalus lên tiếng:

- Ta đã được Hoàng đế ủy thác xử lý việc này. Ta đã điều tra, so sánh sổ sách giữa Babylon và Pella, tìm ra chỗ thất thoát. Ta hoàn toàn có quyền thi hành án lệnh này.

Philiteus chăm chú nhìn Harpalus rồi cười gằn:

- Nhưng ta cũng là người có trách nhiệm trong việc này. Nếu Kyros có tội thì ta cũng có quyền quyết định. Ta đề nghị mang Kyros về Pella để Antipater xét xử. Số phận người Macedonia không thể để Athens quyết định được. Ta không chấp nhận việc đó.

Câu nói của Philiteus chạm vào điều nhạy cảm trong mối quan hệ giữa hai miền. Từ xưa đến nay, dân Athens và Macedonia vẫn không ưa nhau. Công cuộc thống nhất Hy Lạp của nhà vua trẻ xứ Macedonia đã làm dân Athens bất mãn. Do đó, mặc dù nghị viện đã bị triều đình giới hạn quyền lực nhưng dân Athens vẫn cố gắng duy trì quyền tự trị bằng cách tiếp tục họp nghị viện để điều hành mọi việc. Tuy nhiên, việc mang một người Macedonia, lại còn là người dưới trướng của Alexander ra xét xử và tuyên án tử hình thì có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Không ai biết được vị Đại đế từng Nam chinh Bắc phạt này sẽ làm gì, vì tấm gương thiêu hủy xứ Thebes, bắt dân chúng bán làm nô lệ vẫn còn in hằn trong tâm trí dân chúng và nghị viện Athens. Tuy Harpalus được giao trách nhiệm điều tra việc này nhưng hắn chỉ là quan hành chính, trong khi Philiteus là người chỉ huy quân đội, có thể gây áp lực nếu nghị viện không tuân lệnh. Nhờ sự can thiệp của Philiteus, việc xét xử được tạm hoãn và tôi bị giải về Pella.

Trên đường đi, Philiteus đến gặp riêng tôi, anh nói:

- Tôi thấy việc này có gì không ổn. Tại sao chúng vội vã đổ lỗi và kết tội cậu ngay như thế? Chắc phải có nguyên nhân ám muội nào đó. Tôi sẽ báo cáo ngay với Alexander để ngài can thiệp vào việc này.

Mặc dù làm quan nhiếp chính cai quản Hy Lạp, đặt bản doanh tại Athens, nhưng Antipater bận đối phó với sự nổi dậy đòi độc lập của các tiểu quốc quanh đó nên không mấy khi có mặt tại đây. Ngay tại Pella, ông và Hoàng thái hậu Olympias cũng không ưa nhau nên ông thường tránh mặt, giao mọi việc cho các quan trong triều lo liệu. Những người này thì mãi say sưa trong men chiến thắng, chỉ biết tiệc tùng, vui chơi, hưởng thụ các chiến lợi phẩm mang về như vàng bạc, rượu thịt và phụ nữ, nên không ai để ý đến việc triều chính nữa. Triều đình Pella đẩy trách nhiệm cho nghị viện Athens và Athens thì đẩy trách nhiệm cho triều đình Babylon nên mọi việc đều trì trệ, không ai muốn quyết định gì khi không có mặt Alexander.

Khi Philiteus rời Pella về Ba Tư, tôi nghĩ vụ án của mình có thể được giải quyết trong vòng vài tháng. Thế nhưng triều đình Pella lại quyết định phải để cho Alexander xét xử, trong khi nhà vua bận chinh chiến liên miên nên việc giam cầm tôi dần trôi vào quên lãng. Tôi sống trong ngục tại Pella hơn hai năm mà không nghe thêm tin tức gì. Thời gian tại đây là một chuỗi ngày đằng đẵng vô cùng cay đắng, mặc dù tôi không bị đánh đập hay đối xử tàn tệ như tại Athens.

Đây cũng là lúc tôi nghĩ nhiều hơn về thân phận nô lệ của mình. Trong bao năm, khi đảm nhiệm những công vụ của triều đình, không ai biết gì về thân thế của tôi. Giống như Leonidas, các tướng lĩnh như Perdicas, Ptolemy, Antigonus, Philotas, Hephaestion và ngay cả Alexander đều coi tôi như bạn. Chúng tôi thường uống rượu, ca hát say sưa với nhau nên tôi cũng vô thức tự coi mình như người Macedonia tự do, không thường nghĩ đến thân phận nô lệ của mình nữa. Khi ra xét xử trước nghị viện, nghe lời mắng nhiếc, kết tội của Isidora, tôi đau đớn nhận rằng dù sống cùng nhà từ nhỏ, chơi đùa rồi lớn lên cùng nhau nhưng dưới mắt Isidora, tôi vẫn chỉ là một nô lệ hèn kém. Mẹ tôi là người trông nom chăm sóc những đứa con của Dimitris đến khi lớn khôn, Isidora là một trong số đó. Nay người con gái từng lớn lên cùng tôi đó lại có thể thốt ra những lời vô tĩnh đến vậy. Từ xưa đến nay, Sophia và Leonidas đều đối xử tử tế với tôi nhưng Isidora thì lại khác, cô giữ khoảng cách với tôi, chưa từng đối xử với tôi như một người cùng đẳng cấp, nói gì đến việc hiểu được tình cảm mà tôi dành cho cô bao năm qua. Vậy mà tôi đã từng ao ước rằng một ngày nào đó có thể nhờ công trạng với Alexander, tôi sẽ xin được trả tự do và sẽ xin cưới cô làm vợ...

Hôm đó, tôi đang nằm suy nghĩ mông lung thì cửa ngục mở ra, Simonides và Philiteus bước vào. Đã lâu không gặp nhau, tôi ngạc nhiên thấy Simonides nay trông đen đủi, khắc khổ, râu ria rậm rạp, khác hẳn khi xưa. Simonides sốt sắng lên tiếng:

- Kyros, Kyros ơi! Tôi rất tiếc khi cậu phải ô trong ngục quá lâu thế này. Tôi theo đoàn viễn chinh đi xa, vừa mới trở về. Nhận tin Philiteus báo, Đại đế Alexander đã ra lệnh điều tra ngay. Mấy tuần qua, tôi đã xem xét mọi việc. Tôi có đủ bằng chứng rằng tên Deasius và đám quan chức trong nghị viện Athens đã bòn rút vàng trong kho rồi đổ tội cho cậu. Tên Harpalus cũng liên quan đến việc này nữa. Alexander ra lệnh bắt chúng giải về Babylon nhưng tin tức lọt ra thế nào mà chúng đã trốn thoát. Hiện nay, triều đình đang truy nã chúng. Biết cậu vẫn ở trong tù nên tôi và Philiteus vội đến đây ngay. Hôm nay, tôi phải vào báo cáo cho Antipater việc truy bắt đám phản loạn đó. Philiteus sẽ đưa cậu về nhà nghỉ ngơi ít hôm, rồi chúng ta sẽ gặp nhau sau. Chúng ta phải uống một bữa thật say bù cho mấy năm nay cậu không được uống rượu.

Vui mừng vì được minh oan, nhưng tôi lo lắng cho Isidora hơn. Tôi sốt ruột hồi ngay:

- Deasius trốn thoát, còn Isidora thì sao?

Simonides nói:

- Tôi đã cho khám xét nhà của bọn chúng và tìm được dấu vết chúng từng chôn giấu vàng trong nhà. Tuy nhiên, tin tức bại lộ nên cả gia đình Deasius và Harpalus đã lên thuyền trốn ra khơi. Hiện nay, không biết chúng trốn ở đảo nào nhưng trước sau gì chúng ta cũng sẽ bắt được chúng.

Tôi bùi ngùi, không nói nên lời. Tuy được phóng thích nhưng tôi thấy buồn vui lẫn lộn. Sau đó, tôi theo Philiteus trở về trang trại của Dimitris, trên đường đi, cậu ta kể:

- Khi cậu bị bắt giam thì tôi có gặp Melissa. Biết cậu ở trong tù nên cô ấy nhờ tôi mang một lá thư cho người vợ sau của Leonidas. Melissa yêu cầu tôi đưa Yasamin về đây cho mẹ con họ đoàn tụ.

Tôi ngạc nhiên:

- Thật vậy sao? Rồi cậu có...?

Philiteus gật đầu, kể tiếp:

- Khi đến Babylon, tôi tìm gặp Yasamin và thấy hoàn cảnh của cô ấy rất đáng thương, vì Leonidas đã qua đời, không ai nương tựa, nên Yasamin đành trở lại làm vũ công cho đoàn hát như trước. Chắc cậu cũng biết, vũ công trong các đoàn hát phải bán mình cho đám lính đồn trú để kiếm sống thì cuộc sống có tốt đẹp gì đâu.

Tôi vội vã hỏi ngay:

- Vậy hiện nay Yasamin ở đâu?

Philiteus trả lời:

- Tôi bỏ tiền để chuộc cô ấy ra và đưa về đây. Khi Dimitris qua đời, trang trại này thuộc về Melissa. Hiện nay, Yasamin và đứa con của Leonidas đang sống với Melissa tại đó. Melissa trở thành người mẹ thứ hai của đứa bé.

Chúng tôi dừng ngựa trước cổng trại. Bao năm tháng trôi qua nhưng trang trại của Dimitris vẫn giữ nguyên dáng vẻ của ngày xưa. Tôi ngậm ngùi bước theo con đường mòn dẫn đến khu nhà chính mà chúng tôi từng sống, những kỷ niệm thơ ấu lần lượt kéo về. Mười năm chinh chiến đã thay đổi nhiều thứ. Leonidas và Dimitris đã thành người thiên cổ. Sophia trở thành góa phụ khi Philotas bị giết. Isidora bị truy nã, không biết đang lẩn trốn nơi đâu. Trong trang trại này chỉ còn Melissa sống với Yasamin và Alberla, đứa con của Leonidas.

Chiều hôm đó, sau bữa ăn, tôi và Melissa đứng trên hành lang nhìn xuống khu vườn phía dưới. Khu vườn mà ngày còn nhỏ, tôi, Leonidas, Antigenidas, Melissa, Isidora và Sophia vẫn thường chạy nhảy nô đùa, chơi trốn tìm sau các hàng cây rậm rạp. Bao kỷ niệm êm đềm của thời niên thiếu vẫn hiện rõ trong tâm trí của tôi. Tôi im lặng, đắm chìm vào cảm xúc hoài niệm. Melissa nhìn tôi, nhẹ nhàng nói:

- Kyros, cậu đã giúp chúng tôi rất nhiều. Tôi không bao giờ quên ơn của cậu.

Tôi lắc đầu:

- Chúng ta đã là bạn từ thuở nhỏ, đó đều là việc tôi nên làm. Tôi chỉ hơi ngạc nhiên khi gặp Yasamin ở đây.

Melissa mỉm cười:

- Trước đây Yasamin không muốn đến đây nhưng tôi biết khi Antigenidas bắt Alberla mang đi thì cô ấy đau khổ vô cùng, bởi con bé là tất cả những gì cô ấy có. Tôi tự hỏi, liệu người phụ nữ yếu đuối kia có thể làm gì trong hoàn cảnh bất an, loạn lạc của chiến tranh khi không có người che chở, bảo vệ? Do đó, tôi đã nhờ Philiteus đưa cô ấy về đây.

Tôi gật đầu, thông cảm:

- Tôi hiểu, chính Leonidas cũng muốn như thế.

Melissa xúc động, im lặng một lúc, rồi nhẹ nhàng nói tiếp:

- Cậu biết không, nhận được tin Philiteus đã đưa được Yasamin về đây, tôi cũng bối rối lắm, mặc dù chính tôi đã yêu cầu Philiteus làm việc đó. Tôi đã suy nghĩ về việc này nhiều lần, không biết mình có quyết định đúng không? Tôi nghĩ, việc gì sẽ xảy ra nếu tôi oán hận người phụ nữ đã cướp chồng của mình? Tôi nên làm gì với người phụ nữ đã phá vỡ hạnh phúc gia đình tôi? Nhưng khi nhìn thấy người phụ nữ gầy gò, nhỏ bé kia từ trên xe bước xuống, hai tay của cô ấy bám chặt lấy thành xe, nửa muốn bước xuống, nửa ngần ngại lẫn sợ hãi, thì tôi hiểu ngay rằng trong khi tôi đang bối rối thì có lẽ người phụ nữ kia còn bối rối hơn nhiều. Tôi gọi tên cô ấy nhưng Yasamin vẫn run rẩy, không dám rời xe. Tôi bèn bước đến ôm lấy cô ấy vào lòng để cô đỡ sợ. Tự nhiên, cả hai chúng tôi đều òa lên khóc. Tôi biết đó là những giọt nước mắt cảm thông, thương yêu, xóa tan mọi sợ hãi. Tôi bỗng nghĩ: “Trong bao năm qua, lúc nào tôi cũng mong Leonidas trở về với mình. Bây giờ, chồng tôi có lẽ đã về nhà, hiện thân trong đứa trẻ và người phụ nữ mà anh ấy đã thương yêu này. Tôi muốn nói cho Leonidas biết rằng tôi sẽ chăm sóc, yêu thương Yasamin và đứa trẻ như khi xưa Leonidas đã yêu tôi vậy. Kyros này, yêu thương chân thật là yêu thương mà không mong cầu gì hết. Tình thương mang lại hạnh phúc cho người khác. Hiện nay, tôi thấy mình hạnh phúc hơn bao giờ hết. Trong bao năm qua tôi đã sống cô đơn nên tôi hiểu cô đơn đáng sợ thế nào. Nhưng hiện giờ, tôi không còn cô đơn nữa. Tôi đã có hai người để yêu thương. Kyros ơi, cậu biết không, tôi đang dạy cho Alberla về âm nhạc. Nó có khiếu về âm nhạc như cha của nó. Lần sau khi cậu ghé qua đây, nó có thể dạo những khúc Lydia tuyệt vời cho cậu nghe, giống như trước đây

Leonidas đã dạo cho tôi nghe vậy.

Tôi xúc động không thốt nên lời. Kỷ niệm về những khúc Lydia dịu dàng, thanh thoát bên những người bạn cũ lại kéo về trong tâm trí. Tôi tự hỏi, làm sao một người có thể yêu thương như thế được...

Suốt đêm hôm đó, tôi trằn trọc mãi mà không ngủ được, cứ suy nghĩ về lẽ yêu thương mà Melissa đã nói. Có thật trên đời này tồn tại thứ tình yêu như thế? Tôi chập chờn cố dỗ giấc ngủ, trong mơ màng, tôi mơ hồ cảm thấy hình như tôi đã từng nghe ai đó nói về thứ tình yêu thương vô điều kiện như thế này rồi, nhưng không sao nhớ được là ai. Tôi tự hỏi, liệu tôi có thể yêu thương Isidora như thế không? Trong ngục, có lúc tôi đã oán hận Isidora vô cùng, nhưng cũng có lúc tôi tự trách mình không biết thân phận nô lệ mà mơ mộng với cao. Có lúc tôi ghen với Deasius vì hắn đã chiếm mất người trong mộng của tôi. Tôi tức tối vì Isidora chấp nhận lấy một kẻ góa vợ. Tôi suy nghĩ miên man rồi lại thấy lo lắng cho Isidora hơn bao giờ hết. Việc bòn rút ngân quỹ, thông đồng với nghị viện Athens trong lúc Alexander vắng mặt là một trọng tội. Với tính nóng giận thất thường của vị Hoàng đế, e rằng toàn gia của Deasius khó có thể tránh khỏi cái chết...

Hôm sau, Melissa rủ tôi và Philiteus đến thăm Sophia ở gần đó. Cô nói:

- Đã lâu lắm rồi cậu không gặp Sophia. Tôi vẫn thường qua lại với Sophia, chị ấy vẫn hỏi thăm cậu luôn. Được gặp lại cậu chắc Sophia mừng lắm.

Dimitris có hai người con gái, tuy Sophia là chị nhưng vì Isidora quá xinh đẹp, luôn được mọi người chú ý nên Sophia chỉ là bóng mờ so với cô em. Tính tình Sophia giản dị, dịu dàng và ít nói. Từ khi còn nhỏ, cô đã đóng vai người chị chăm lo cho các em bởi mẹ qua đời sớm. Mặc dù đã có mẹ tôi là người trông nom các con của Dimitris, nhưng Sophia đã sớm tỏ ra có trách nhiệm trong lúc chúng tôi - Isidora, Leonidas, Antigonidas và Melissa - vẫn ngây thơ, vô tư nô đùa.

Sophia ra đón chúng tôi trước cửa, đã lâu không gặp, trông cô khắc khổ hơn xưa rất nhiều. Tôi hiểu cái chết thương tâm của Philotas và Parmenion đã khiến cô đau khổ và già đi trước tuổi, vừa gặp nhau Sophia đã nói ngay:

- Kyros, khi nghe tin cậu bị kết tội, tôi lo lắng vô cùng. Đến khi Philiteus báo tin là cậu vô can trong việc này, tôi mừng lắm. Cậu đã giúp cha tôi trong nhiều năm, công lao của cậu rất lớn. Trước khi qua đời, cha tôi đã làm giấy với triều đình

để xóa bỏ thân phận nô lệ, trả tự do cho cậu. Từ nay, cậu có thể sống tại đây hay đi đâu tùy ý. Ngoài ra, cha tôi có để lại một thư riêng cho cậu và dặn kỹ chỉ được mở ra khi có mặt tôi và Isidora. Nhưng hiện giờ không ai biết Isidora ở đâu... cậu có muốn mở thư ra xem bây giờ không?

Tôi vô cùng xúc động và biết ơn tấm lòng của Dimitris. Nhưng cũng thấy ngạc nhiên vì việc trả tự do cho nô lệ thì việc gì phải viết thư riêng hay dặn kỹ lưỡng như thế. Tôi trả lời ngay:

- Tôi muốn xem bức thư bây giờ.

Melissa nói:

- Kyros mở thư xem đi. Để tôi ra ngoài nói chuyện với Philiteus.

Sophia gạt đi:

- Melissa, em cũng là người của gia đình này. Sự hiện diện của em cũng như Isidora vậy. Kyros cứ việc mở thư đi.

Tôi nghĩ có lẽ lá thư đó sẽ nói về việc trả tự do cho tôi hoặc là những lời dặn dò của Dimitris với việc tính toán tiền bạc như khi xưa ông vẫn thường dạy bảo. Nhưng thật bất ngờ, trong lá thư, Dimitris xác nhận tôi chính là con ruột của ông. Ông viết rõ khi mẹ tôi qua đời mấy năm trước, bà đã yêu cầu ông cho tôi biết sự thật nhưng lúc đó ông vẫn ngần ngại. Chỉ đến khi nghe được tin Leonidas đã qua đời, ông mới đổi ý. Tôi choáng váng, ngồi phịch xuống ghế, không nói nên lời. Khi còn nhỏ, tôi đã từng nghe các nô lệ trong nhà bàn tán về việc này nhưng mỗi lần tôi hỏi thì mẹ tôi đều gạt đi. Theo thời gian, tôi được sống chung với gia đình của Dimitris, làm bạn với các con ông, nên tôi cũng dần quên, không nghĩ về chuyện đó nữa.

Thấy thái độ kỳ lạ của tôi khi đọc lá thư, Melissa và Sophia cùng cầm lá thư lên xem. Sophia ngạc nhiên, thảng thốt:

- Ôi! Kyros! Cậu cũng là người của gia đình chúng ta. Sao đến tận bây giờ cha mới nói ra sự thật này. Phải chi chúng ta biết sớm hơn thì hay biết bao.

Lúc đó, Philiteus vừa bước vào, Melissa liền nói với giọng xúc động:

- Philiteus, anh biết không? Kyros chính là con của Dimitris. Phải báo ngay cho Isidora về nhận người em này.

Sophia mừng rỡ ôm chầm lấy tôi, cô reo lên:

- Trời ơi! Hay quá! chị không ngờ lại có thêm một người em nữa. Sao có thể kỳ diệu đến thế?

Trong thư Dimitris dặn phải chia cho tôi một phần gia sản. Ông viết rất kỹ lưỡng về số vàng và đất đai được chia như thế nào, chi tiết đến tận từng xu lẻ. Theo phong tục Hy Lạp, một nô lệ dù được trả tự do vẫn chỉ được phép cư trú tại đó chứ không được hưởng quyền lợi công dân khác như sở hữu đất đai hay tài sản. Nhưng nay tôi đã là con của Dimitris, tôi trở thành công dân chính thức của xứ này, có đủ mọi quyền lợi như mọi người khác và có thể lập gia đình với người Hy Lạp. Đây là giấc mộng tôi vẫn ấp ủ từ lâu. Tôi từng hy vọng nhờ lòng trung thành tận tụy với Alexander, sẽ đến lúc tôi xin được trả tự do và có thể cưới Isidora. Sau khi Isidora lấy chồng, hy vọng được tự do của tôi vẫn vẹn nguyên. Nhưng lúc này, mặc cho mọi người cười nói chúc mừng, đầu óc tôi lại quay cuồng với nhận thức rằng bao nhiêu năm qua, người tôi hết lòng thương yêu, chờ đợi chính là người chị cùng cha khác mẹ với mình. Thật trớ trêu làm sao! Tôi thẫn thờ một lúc vì sự thật bất ngờ này nhưng khi bình tĩnh lại, tôi cảm nhận được sự đón nhận ấm áp của Sophia và niềm vui của Melissa. Sophia chợt trầm ngâm:

- Không biết hiện giờ Isidora ở đâu? Nếu biết được tin này chắc Isidora sẽ mừng lắm. Không ngờ chúng ta đều là chị em...

Sophia vốn không biết gì về việc xảy ra tại nghị viện cũng như những lời kết tội nặng nề của Isidora dành cho tôi. Tôi tự hỏi Isidora sẽ nghĩ thế nào khi biết tôi là em trai của cô? Còn tôi, tôi phải đối diện với cô thế nào, xưng hô với cô ra sao? Kể cả trong những năm tháng tù tội oan ức, lòng tràn ngập đau thương và uất hận vì bị chính người mình yêu thương nhất sỉ nhục và kết tội, thì cũng chính hình ảnh Isidora thân thương đã vỗ về tôi, giúp tôi vượt qua tháng ngày tăm tối đó. Trở thành chị em thì mộng tưởng nhiều năm của tôi đối với Isidora cũng chính thức phải quên đi.

***

Sau lần hồi tưởng tiền kiếp này, tôi tiếp tục tu tập theo sự hướng dẫn của ông

Kris và ngày càng tự chủ hơn trong việc hồi tưởng. Mãi đến sau này, khi đã tiến bộ hơn, tôi mới nhận ra Isidora chính là thánh nữ Kor mà ở kiếp sống xa xưa từng bị tôi tổn thương, vùi dập. Nhận ra điều này tôi mới thấm thía luật Nhân quả khắc ghi và đeo bám tận cùng như thế nào. Không ai có thể gột bỏ hay trốn chạy khỏi những việc mình làm. Tôi đã hiểu rõ, vì những tội lỗi trong kiếp sống ở Atlantis, khi tôi lập mưu hãm hại một người con gái, mà ở kiếp sống tại Hy Lạp, dù đã trải qua bao vất vả, tủi nhục của đời nô lệ, tôi vẫn phải gánh chịu sự trừng phạt bằng nỗi đau khổ trong một tình yêu đơn phương, bị hắt hủi, khinh miệt bởi chính người con gái mà tôi từng tổn hại. Nhưng rất may, ở khoảnh khắc cuối cùng khi cơn đại hồng thủy Atlantis ập tới, tôi đã không bỏ rơi Kor. Có lẽ sự chân thành cuối cùng này đã được nhân quả vũ trụ ghi nhận, giúp tôi giảm nhẹ phần nào tội nghiệp từ lỗi lầm to lớn của mình, nên trong kiếp sống ở Hy Lạp này tôi với cô đã trở thành ruột thịt.

***

Không để ý đến dòng suy nghĩ miên man trong tôi, Philiteus cười ha hả, vỗ mạnh vào vai tôi:

- Thế này thì chúng ta nhất định phải có tiệc mừng lớn rồi. Tôi sẽ gọi các bạn cũ về đây. Chúng ta phải uống một bữa thật say mừng cho Kyros của chúng ta.

Tôi ở lại trang trại Dimitris vài hôm rồi từ biệt Sophia và Melissa lên đường đi Pella. Tôi muốn gặp Simonides để hỏi thêm về cuộc viễn chinh của Alexander. Chúng tôi gặp nhau, uống rượu và chuyện trò. Simonides kể rằng Alexander đã chuẩn bị cho cuộc viễn chinh vô cùng cẩn thận. Ngài nghiên cứu kỹ lưỡng bản đồ mà lính do thám thực địa báo cáo về con đường mòn. Thay vì mang theo đoàn xe chuyên chở đồ tiếp vận, Alexander thu xếp để binh sĩ chĩ mang đủ những dụng cụ cần thiết đeo trên lưng. Lần này có hơn một trăm ngàn quân, một nửa là quân Hy Lạp, một nửa là quân Ba Tư, tất cả đều đi theo vách núi cheo leo của con đường mòn vượt rặng núi Hindu Kush cao ngất. Dù đã là cuối xuân chớm chuyển qua hè, nhưng rặng núi vẫn bị tuyết phủ kín. Với khí lạnh kinh hồn và những trận bão tuyết bất ngờ, nhiều binh sĩ không chịu nổi, đã chết vì lạnh. Khi vượt qua rặng Hindu Kush, xuống thung lũng dẫn vào xứ Ấn Độ thì gặp khí hậu nhiệt đới, vừa nóng vừa ẩm với các trận mưa kéo dài nhiều tuần lễ, một số đông quân sĩ không chịu nổi thời tiết nóng bức cũng lâm bệnh và qua đời.

Trên đường, Alexander cũng gặp sự chống cự của các tiểu quốc quanh đó, nhưng lần nào ngài cũng thắng. Ngài áp dụng chiến lược cũ là khi đối phương quy hàng,

ngài phong vua xứ đó làm thống đốc, cho cai trị như cũ, nhưng vùng đất của họ phải sáp nhập vào Macedonia và quân đội của họ phải gia nhập vào binh lực của ngài. Mục tiêu chính của Alexander là đi đến vùng sông Hydaspes*, một vùng đất trù phú thuộc vương quốc Pauravas, do Vua Porus cai trị.

** Ngày nay một phần thuộc Pakistan và một phần thuộc tiểu bang Punjab, Ấn Độ.*

Trải qua gần một năm trời với nhiều thiệt hại vì thời tiết và khí hậu, quân Hy Lạp mới đến sông Hydaspes. Hành trình vượt sông kéo dài và khá gian nan, nhưng cuối cùng Alexander đã tìm được cách qua bờ bên kia, trực tiếp đối đầu với quân của Vua Porus. Vua Porus đã cho bày trận chờ sẵn với hàng trăm con voi chiến. Từ trước đến nay, kỵ binh và bộ binh hạng nặng với những ngọn giáo dài của Alexander có thể chống lại các thế lực quân đội khác, nhưng không cản nổi những con voi chiến khổng lồ, hung dữ này. Mặc dù có kỷ luật và chiến thuật hữu hiệu nhưng quân Hy Lạp cũng không thể chiến thắng Vua Porus dễ dàng. Hoàng đế Alexander đã sử dụng nhiều chiến thuật, từ việc sử dụng lửa để chống voi chiến, đến việc dùng máy bắn đá để phá trận đối phương, nhưng đều vô hiệu. Trong một trận đánh này, con chiến mã Bucephalus đã theo Alexander hàng trăm trận chiến trước đó cũng bị trúng tên bỏ mạng, khiến nhà vua thương tiếc vô cùng, về sau, ngài cho đặt tên vùng đó là Bucephala(**) để tưởng niệm con chiến mã này. Biết Vua Porus thường cưỡi con voi lớn hô hào quân sĩ chiến đấu. Alexander dùng mưu, giả thua bỏ chạy, lừa ông vua này đuổi theo đến nơi mà quân Hy Lạp đã đào sẵn một hố lớn khiến voi sụp hầm, rồi bắt sống được Vua Porus.

(**) Nay là tỉnh Jhelum, Punjab.

Cũng như mọi khi, Alexander thường cho những vua chúa thua trận cơ hội được cai trị như cũ với chức thống đốc và sáp nhập nước đó vào Macedonia. Tuy nhiên, lần này Vua Porus cương cường nhất định không chịu thần phục. Khi Alexander gọi Porus đến, ông ta nhất định không chịu quỳ, mặc dù hai tên lính lực lưỡng đã cố đè xuống nhưng ông vẫn kiên quyết vùng đứng thẳng dậy. Thấy vậy, Alexander ngạc nhiên, chỉ tay vào Porus, hỏi:

- Ông là kẻ thua trận nhưng vẫn chưa chịu hàng phục sao? Thế ông muốn ta đối xử với ông như thế nào?

Không như các vua khác đều lạy lục xin tha tội, Porus khảng khái trả lời:

- Ngài là vua, ta cũng là vua. Ngài phải đối xử với ta như một vị vua, không thể khác được.

Alexander gằn giọng:

- Ông nói thế là hỗn xược đấy. Ông không sợ chết ư?

Porus không hề tỏ vẻ sợ hãi, dõng dạc trả lời:

- Làm người ai chẳng phải chết. Chết sớm hay muộn cũng thế thôi, việc gì mà phải sợ.

Alexander đe dọa:

- Ông chuẩn bị sẵn sàng để chống lại ta như vậy, hẳn ông đã nghe đến danh tiếng của ta. Chắc ông cũng biết, kẻ nào không thần phục, ta sẽ cho quân lính tàn sát dân chúng, thiêu đốt nơi đó thành tro tàn bình địa.

Porus điềm tĩnh trả lời:

- Nước ta rộng muôn dặm, ngài không thể thiêu đốt hết giang sơn của ta được. Ngài có thể giết ta nhưng làm sao có thể giết hết hay thu phục hết lòng dân của ta được, với chục ngàn quân lính làm sao ngài có thể cai trị được đất nước này của ta?

Alexander nghiêm giọng:

- Ta đã cai trị toàn thế giới. Ông không thấy các đế quốc hùng mạnh như Ai Cập, Babylon, Ba Tư với hàng triệu người đều phải quy phục ta sao? Xứ nhỏ bé nhược tiểu của ông thì có sá gì.

Porus nhếch miệng cười:

- Ngài chỉ biết chinh phục bằng sức mạnh chứ đâu có biết gì về cai trị. Dân xứ ta tuy ít nhưng không bao giờ chịu khuất phục trước bất kỳ sức mạnh nào.

Câu nói này bất chợt gợi cho Alexander nhớ về lời khuyên của Aristotle. Vị Đại đế mềm giọng hơn, hỏi:

- Được lắm! Hãy thử nói cho ta biết ông cai trị thế nào?

Porus trả lời không do dự:

- Ta lo cho dân ta như cha mẹ lo cho con cái. Luật pháp xứ ta công minh, không để bất cứ ai thiệt thòi. Trong xứ sở của ta người trẻ được giáo dục, người già có chỗ nương tựa. Dân trí nước ta cao, làm sao một người tham vọng, bạo quyền như ông có thể cai trị được?

Alexander nổi giận, quát trả lại:

- Ông dựa vào đâu mà dám tự hào dân trí xứ này cao hơn nơi khác? Nền văn minh của nơi này làm sao sánh được với nền văn minh Hy Lạp chứ?

Porus rất bình thản chậm rãi trả lời:

- Ta không biết văn minh xứ ngài như thế nào nhưng tại xứ sở của ta từ thuở nhỏ dân ta đã được dạy dỗ cẩn thận rằng giáo dục là nền tảng và là cách bảo vệ quốc gia hữu hiệu nhất. Dân trí cao là thứ vũ khí lợi hại nhất. Không có sức mạnh bạo quyền nào có thể khuất phục được những người dân bình thường nhưng có sự hiểu biết và tinh thần bất khuất của xứ này đâu.

Alexander lắng nghe rồi im lặng suy nghĩ hồi lâu. Sau đó, nhà vua sai người mang rượu ra mời Porus uống.

Ngài cũng đuổi hết mọi người ra ngoài để có thể nói chuyện riêng tư với Porus. Mọi người đều không thể hiểu tại sao Alexander lại ứng xử khác lạ như thế.

Hôm sau, trước sự ngạc nhiên của các tướng lĩnh và binh sĩ, Alexander ra lệnh thả cho Porus tự do ra về. Lúc đó, Simonides còn nghe vị Đại đê lẩm bẩm: "Có lẽ Roxana nói đúng”.

Nghe kể đến đây, tôi ngạc nhiên hồi dồn:

- Tại sao lại có chuyện lạ như thế được? Lại còn liên quan gì đến Hoàng hậu Roxana?

Simonides lắc đầu:

- Tôi cũng không rõ lắm... có thể Roxana đã nói điều gì đó với Alexander mà tác động đến quyết định của ngài. Sau đó còn có nhiều chuyện lạ xảy ra nữa. Mấy hôm sau, Porus đích thân dẫn một đoàn người ăn mặc giản dị, có phần khắc khổ, đầu cạo trọc, đến diện kiên Alexander. Nhà vua cho gọi các học giả Hy Lạp vẫn tháp tùng với ngài trong cuộc viễn chinh vào lều để trao đổi, tranh luận với nhóm người khoác áo bình dị kia, còn Porus và Alexander mang rượu ra uống, việc lạ lùng này kéo dài cả mấy tuần lễ. Chúng tôi không hiểu chuyện gì đang diễn ra nên sốt ruột vô cùng. Tôi hỏi Timotheus thì anh ấy chỉ nói vắn tắt rằng xứ này không có vàng bạc như lời đồn của nhóm thương buôn kia, nhưng lại có những kiến thức mới lạ của nhiều bậc cao nhân, vì vậy, Alexander muốn chính mình và các học giả được học hỏi thêm. Tôi tò mò hỏi về nhóm người đầu trọc ăn mặc giản dị như dân thường kia thì Timotheus nói đó là những người cao quý, thông thái nhất của xứ này. Bọn tôi ngạc nhiên lắm, không hiểu sao người cao quý lại ăn mặc có phần rách rưới và lại còn cạo trọc đầu như thế. Chúng tôi ai cũng thắc mắc nhưng vì Alexander đối đãi với những người đó hết sức cung kính nên không ai dám nói gì.

Tôi ngạc nhiên, hỏi dồn:

- Rồi sao nữa? Việc thương thuyết sau đó ra sao?

Simonides lắc đầu:

- Tôi không biết việc thương thuyết diễn ra như thế nào nhưng trước sự ngạc nhiên của mọi người, Alexander đã ra lệnh rút hết quân lính về Babylon. Đa số quân sĩ đều sợ phải quay trở lại con đường cũ, nơi có những khu rừng già ẩm thấp với những cơn mưa như trút nước kéo dài cả tháng trời và cả rặng núi đá hiểm trở, lạnh lẽo kinh hồn. Vì vậy, theo sự chỉ dẫn của người địa phương, quân ta đã đóng những chiếc thuyền lớn theo dòng sông Indus ra biển để hướng về thành Babylon.

Tôi ngạc nhiên quá đỗi, liền hỏi:

- Vậy nghĩa là trận đánh đó, dù chiến thắng nhưng không thu được vàng bạc, của cải, đất đai gì sao?

Simonides lắc đầu:

- Lần này chúng ta chẳng thu được vàng bạc hay đất đai gì mà còn thiệt hại biết bao nhiêu quân sĩ. Cái xứ sở nghèo nàn đó lại có những người lính chiến đấu ngoan cường nhất, khiến thương vong bên ta rất lớn. Chưa kể bao nhiêu binh sĩ đã thiệt mạng vì đường xa, khí hậu khắc nghiệt. Trên đường đến đó, chúng ta còn phải chiến đấu với những tiểu quốc xung quanh nên khi về đến Babylon chỉ còn hơn bốn chục ngàn quân. Mọi người đều thất vọng vì cuộc chinh phạt hao tổn bao xương máu này cuối cùng không mang lại kết quả gì về vật chất như những trận đánh khác.

Simonides im lặng một lúc rồi bình luận:

- Khi xuất quân ra đi, Alexander là một vị hoàng đế oai hùng, bách chiến bách thắng nhưng khi trở về, ngài ít nói hơn trước và thường tự nói một mình những điều không ai hiểu. Trong suốt những năm Alexander chinh chiến vắng mặt, triều đình Babylon rơi vào tình trạng vô quyền, không ai dám quyết định gì, mọi việc trì trệ, ngân khố cạn kiệt, triều đình suy sụp. Đã thế lại có tin đồn Alexander đã tử trận nên quan lại, thống đốc khắp nơi được dịp tha hồ lộng quyền, bóc lột dân chúng. Vì triều đình không thu thuế nên các thống đốc giữ tiền thuế làm của riêng, xây cất dinh thự rộng lớn, tiêu pha bừa bãi, bất chấp dân chúng đói khát, lầm than. Khi trở về triều đình và xem các báo cáo, Alexander ra lệnh cho Ptolemy và Antigonus bắt giam hơn ba mươi thống đốc đã lạm dụng quyền hạn, xử tử sáu người đi làm gương. Tướng Cleander, người thay thế Parmenion chỉ huy quân Hy Lạp đồn trú tại Ba Tư nhân lúc Alexander vắng mặt đã cho đưa khá đông người Hy Lạp qua đây chiếm những vùng đất canh tác trù phú của dân địa phương nên Alexander sai Perdicas đến bắt hắn và xử tử hình ngay. Việc này gây xáo trộn và khiến những người Hy Lạp di dân đến đây bất mãn. Tình hình hiện giờ, cuộc viễn chinh không thành công, không thu được chiến lợi phẩm gì, lại thiệt hại nhiều quân sĩ, cộng thêm việc thanh toán nội bộ, xử tử quan lại và tướng sĩ khiến triều đình rối loạn, xã hội bất an và dân chúng hoang mang sợ hãi.

Trong những người thân cận của Alexander thì Timotheus và Hephaestion là hai người được ngài tin tưởng nhất nên tôi vội hỏi:

- Nếu vậy thì Timotheus và Hephaestion thì sao? Hai người họ có ý kiến gì không?

Simonides thở dài, lắc đầu than:

- Timotheus đã mất tích tại Hydaspes. Khi về đến đây, Hephaestion cũng lâm

bệnh rồi qua đời tại Ecbatana.

Tôi bàng hoàng đến lặng người. Những người bạn cũ cứ lần lượt ra đi trong chiến trận liên miên này. Tôi thẫn thờ hỏi:

- Hephaestion mất rồi? Timotheus cũng mất tích? Tại sao lại mất tích được? Timotheus luôn ở bên cạnh Alexander thì làm sao xảy ra chuyện gì được...

Simonides gật đầu, thở dài:

- Đúng thế, Alexander là người lo lắng nhất. Ngài đã cho người lùng kiếm khắp mọi nơi nhưng không tìm thấy, vì mọi người cần phải gấp rút hành quân ra biển trở về để tránh mùa bão tố nên không có nhiều thời gian đi tìm một người mất tích. Chắc anh ấy đã chết ở đâu đó rồi.

Tôi ngậm ngùi nghĩ đến người bạn đã cùng tôi chia sẻ tâm sự trong suốt thời gian cuộc viễn chinh. Chúng tôi từng ngủ cùng lều, ăn cùng mâm, cùng trò chuyện về mọi vấn đề và tôi cũng học được nhiều từ người bạn thông thái này.

Hôm sau, tôi và Philiteus lên đường đi Babylon để trình diện nhà vua. Từng là người phụ trách vận chuyển quân lương khắp nơi, tôi đã đi lại trên con đường này nhiều lần nhưng lần này tôi thấy có nhiều thay đổi.

Hầu hết các thành phố đều bị đổi tên Alexandria với rất đông người Hy Lạp kéo đến định cư tại đây. Những người di dân này tự cho mình là kẻ chiến thắng, có quyền chiếm đoạt những gì họ có thể lấy được, từ nhà cửa đến đất đai, ruộng vườn của dân địa phương, việc này khiến người Ba Tư bất mãn sâu sắc và tạo ra sự mâu thuẫn giữa hai tộc người. Khắp nơi các quán rượu với âm nhạc Babylon mọc lên như nấm, rất đông người Hy Lạp tụ tập chè chén say sưa, đôi khi họ còn hành xử vô luật pháp, ức hiếp dân lành. Khi xưa, Timotheus đã kể cho tôi về viễn cảnh hòa hợp dòng máu Hy Lạp và Ba Tư để xây dựng một thế hệ công dân mới cho đế quốc của Alexander. Nhưng nay nhìn thấy cảnh này, tôi lo ngại viễn cảnh kia khó có thể xảy ra nếu triều đình không có biện pháp gì khác.

Khi vào triều, Philiteus báo cáo mọi việc lại cho nhà vua. Từ việc tôi bị vu oan cho đến việc thân phận tôi đã thay đổi. Alexander nghe xong, suy nghĩ một lúc rồi phong cho tôi chức quản lý ngân khố và tài chính, là chức vụ của Dimitris trước đây. Từ việc thất thoát một số vàng lớn và cả chuyện mưu hại đã xảy ra với tôi, Alexander không còn tin tưởng triều đình Pella nữa. Ngài lập kế hoạch

chuyển triều đình về Babylon và cho tướng Craterus thay thế Antipater làm thống đốc tại Hy Lạp. Để đề phòng Antipater nổi loạn, ngài và các tướng lĩnh cũng chuẩn bị đưa thêm quân về Hy Lạp để kiểm soát an ninh trật tự trong việc thay đổi này.

Mấy hôm sau, Alexander cho gọi tôi vào để bàn về việc đúc tiền tại Babylon. Tôi ngạc nhiên vì ngài không cho gọi tôi vào điện mà lại cho mời đến hậu viện. Tôi thấy Alexander đang đi dạo trong vườn vẻ mặt suy tư. Nhìn thấy tôi, ngài không nói gì mà chỉ ra hiệu bảo tôi đi cùng. Chúng tôi yên lặng dạo quanh khu vườn. Bất chợt nhà vua nói:

- Kyros, trước đây ta muốn Hy Lạp phải là một quốc gia hùng cường, chạy dài đến tận cùng của thế giới. Hy Lạp phải vĩ đại hơn Ai Cập, phải mạnh mẽ hơn Assyria và Babylon và phải rộng lớn hơn Ba Tư. Ta đã có một kế hoạch vĩ đại cho vương quốc vĩ đại của ta. Nhưng nay, mọi việc đã chuyển biến khác.

Tôi im lặng, đợi nhà vua nói tiếp. Alexander trầm ngâm:

- Ta không ngờ thế giới này bao la, rộng lớn hơn ta nghĩ rất nhiều, và trên đời lại còn có những thứ còn quý báu hơn cả của cải, vàng bạc châu báu, đất đai nữa. Ta đã học được những kiến thức mới lạ, khác hẳn những điều ta học từ Aristotle. Từ trước đến nay, ta vẫn tin văn minh của Hy Lạp là cao siêu nhất nhưng giờ ta đã thấy rõ sự thiếu sót của các bậc thầy ở xứ mình. Người thông thái như Timotheus cũng công nhận như thế. Chúng ta chỉ biết chú trọng vào các sự kiện bên ngoài nhưng không biết gì về những việc xảy ra bên trong. Chúng ta biết về thân xác con người nhưng không biết gì về tâm thức con người. Chúng ta biết về thế giới này nhưng không biết gì về các thế giới khác. Chúng ta biết về thần linh nhưng không biết gì về các định luật vũ trụ. Còn biết bao nhiêu thứ nữa mà chúng ta cần phải học...

Alexander im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Ta đã học được rằng kiến thức, học vấn khác hẳn với minh triết. người học nhiều bằng cấp, có kiến thức nhiều không hẳn đã tài giỏi uyên bác thông thái hơn người. Người càng ỷ lại, cho rằng mình học nhiều thì càng bám chặt lấy các ý tưởng giới hạn của mình và thường tỏ ra thiếu khoan dung, đồng cảm với suy nghĩ của người khác. Người giỏi lý luận thường thích tranh luận, cãi vã, bất đồng ý kiến với người khác theo suy nghĩ hơn là biết lắng nghe, khám phá và cảm thông. Đó chính là thiếu sót lớn của nền văn minh xứ ta. Với kiến thức đúng

đắn và lý luận rõ ràng, ta có thể cai trị dân chúng dễ dàng. Ta cũng có thể sử dụng khả năng biện luận hay tài hùng biện để kêu gọi mọi người đi theo quan niệm hay mục đích của ta. Nhưng việc này chỉ thuyết phục, lôi cuốn mọi người được một lúc mà thôi. Sau đó, nếu mọi chuyện diễn ra khác với những lời hứa thì mọi thứ sẽ tan như bọt nước, ta chẳng thể thay đổi hay mang lại kết quả gì. Vì kiến thức chỉ là sản phẩm của trí óc, nên bắt mọi người phải tuân theo một lý lẽ nào đó chỉ là sự áp chế nhất thời, rồi sẽ tạo phản ứng khiến họ sợ hãi bối rối thêm chứ không soi sáng gì cho họ được. Kiến thức giúp chúng ta tranh luận và thuyết phục bằng những lý lẽ xác đáng nhưng sẽ không thực sự cảm hóa được người khác, vì nó không thật sự thu phục được nhân tâm, không xâm nhập vào tâm hồn con người được. Chỉ có những gì đi từ trái tim mới đến được trái tim người khác.

Alexander hôm nay tôi gặp có cái gì đó rất khác với vị Hoàng đế Nam chinh Bắc phạt mà tôi từng biết. Ngài nhìn tôi một cách lạ lùng rồi nói tiếp:

- Kyros, minh triết là điều khó giải thích vì nó xuất phát từ sự uyên thâm và tế nhị nằm sâu trong tâm thức, trong khi kiến thức là sự thu nhặt các sự việc, sự kiện, so sánh và sắp đặt chúng theo một lý luận hay trật tự nào đó. Để cai trị quốc gia hữu hiệu, một hoàng đế có tài là chưa đủ, mà còn phải biết sử dụng tài năng đó một cách sáng suốt và minh triết. Ta không thể cai trị chỉ vối những kiến thức đã được thu góp từ xa xưa mà còn phải biết sử dụng sự minh triết để nền văn minh xứ sở chúng ta được trường tồn. Khi xưa, ta mơ nhìn Hy Lạp sẽ như mảnh đất chạy dài đến tận cùng thế giới nhưng nay ta đã biết phóng tầm mắt lên bầu trời bao la, và mong Hy Lạp sẽ trở thành trung tâm của sự hiểu biết và được điều hành theo những định luật vũ trụ. Do đó, ta muốn thay đổi Hy Lạp vối những tư tưởng mới mẻ này, xây dựng một xã hội khác khi xưa. Từ khi về đây, ta đã cho gọi các học giả, các hiền triết Hy Lạp và Ba Tư đến để tham khảo, đối chiếu với những điều mà các hiền triết Ấn Độ đã nói về các quy luật của vũ trụ. Tiếc rằng hai người mà ta tin tưởng là Timotheus và Hephaestion đã không còn nữa. Người là bạn của Timotheus, ta cũng muốn nghe ý kiến của người.

Tôi muốn nói cho Alexander về những điều đã chứng kiến trên chuyến hành trình từ Hy Lạp sang đây nhưng sợ nhà vua sẽ nổi giận. Tôi không lạ gì những trận lôi đình bất ngờ của vị Hoàng đế này. Như việc bắt giam nhiều thống đốc và xử tử hình một số trong đó đã gây hoang mang trong dân chúng. Việc người Hy Lạp kéo sang đây chiếm đoạt đất đai ruộng vườn của dân bản xứ có thể tạo ra những hậu quả khó lường sau này. Khi xưa, người Hy Lạp đã sống trong lo sợ trước thảm họa xâm lăng của Ba Tư thi hiện nay người Ba Tư lại sống trong sợ hãi

trước sự cai trị của Hy Lạp.

Khi xưa dân Ba Tư có lẽ đã tận hưởng những gì họ chiếm được từ Ai Cập, Babylon hay Assyria thì ngày nay dân Hy Lạp cũng đang tận hưởng những chiến lợi phẩm và phụ nữ mà mình chiếm được từ Ba Tư. Đế quốc Hy Lạp hiện nay, từ Athens đến Babylon, từ Ai Cập đến Bactria, đều chỉ lo vui chơi, ăn uống, hưởng thụ ngày đêm. Giai điệu Doria oai hùng đã biến mất từ lâu. Ngay cả giai điệu Lydia êm đềm cũng không còn nữa, thay vào đó là những điệu nhạc truy hoan, hưởng lạc của Babylon và Assyria đang thịnh hành. Các buổi tiệc trụy lạc với hàng chục nam nữ hành dâm tập thể kéo dài thâu đêm suốt sáng trở nên thịnh hành, mở đầu cho một thời kỳ suy thoái.*

** Thời kỳ mà các sử gia sau này gọi là thời kỳ Hy Lạp hóa (Hellenistic), chỉ một nền văn minh chỉ biết hưởng thụ, vui chơi trác táng.*

Những suy nghĩ ấy lũ lượt kéo đến trong đầu tôi nhưng tôi không biết nên nói ra như thế nào. Nhìn thấy tôi khó khăn lựa chọn cách diễn đạt suy nghĩ, Alexander mỉm cười:

- Thôi được rồi, người không cần nói, dù sao đây cũng không phải vấn đề người có thể suy nghĩ thấu đáo. Ta chỉ muốn tìm ai đó để nói chuyện thôi. Tuần này, chúng ta sẽ ăn mừng vì Hoàng hậu đã mang thai. Ta sẽ cho ban hành những biện pháp mới để chuẩn bị cho cuộc thay đổi lớn trong xã hội. Ta muốn người chuẩn bị cho đúc loại tiền mới để mừng cho đứa con sắp chào đời của ta. Nó sẽ cai trị một đế quốc rộng lớn an bình, không có chiến tranh.

Kiến thức, học vấn khác hẳn với minh triết. Người học nhiều bằng cấp, có kiến thức nhiều không hẳn đã tài giỏi uyên bác thông thái hơn người. Người càng ỷ lại, cho rằng mình học nhiều thì càng bám chặt lấy các ý tưởng giới hạn của mình và thường tỏ ra thiếu khoan dung, đồng cảm với suy nghĩ của người khác. Người giỏi lý luận thường thích tranh luận, cãi vã, bất đồng ý kiến với người khác theo suy nghĩ hơn là biết lắng nghe, khám phá và cảm thông.

Kiến thức giúp chúng ta tranh luận và thuyết phục bằng những lý lẽ xác đáng nhưng sẽ không thực sự cảm hóa được người khác, vì nó không thật sự thu phục được nhân tâm, không xâm nhập vào tâm hồn con người được. Chỉ có những gì đi từ trái tim mới đến được trái tim người khác.

***

Điều không ai ngờ là sau buổi tiệc mừng đó, Alexander đột nhiên lâm trọng bệnh. Thật khó tin, mới một vài tháng trước thôi ngài vẫn là vị Hoàng đế khỏe mạnh, dũng mãnh, oai phong, khiến mọi đối thủ phải khiếp sợ, nay lại bất ngờ gục ngã trên giường bệnh. Các y sĩ giỏi nhất từ khắp nơi được mời đến nhưng tất cả đều bó tay. Alexander nằm đó quằn quại đau đớn suốt mấy ngày đêm nhưng không một ai biết ngài bị chứng bệnh gì. Cơn đau dữ dội của ngài rất bất thường và nội bộ triều đình bắt đầu có những lời bàn tán rằng có vẻ như Đại đế đã bị đầu độc.

Tôi và các tướng lĩnh ngày đêm túc trực bên giường bệnh nhưng bệnh tình của Alexander ngày một nguy kịch. Trước sự việc quá bất ngờ này, dù rất đau buồn nhưng Hoàng hậu Roxana vẫn cố gắng bình tĩnh để hỏi nhà vua muốn tổ chức tang lễ như thế nào. Alexander trìu mến nhìn người phụ nữ mà ông yêu thương nhất và khẽ nói:

- Khi ta chết, quan tài của ta phải do những y sĩ giỏi nhất khiêng đi - vì y thuật không thể chiến thắng cái chết, vàng bạc trong kho phải mang lót trên đường khi di quan từ nội cung ra triều đình - vì khi chết không ai mang bất cứ của cải gì theo được. Quan tài của ta phải mở hai bên để hai cánh tay ta có thể dang ra ngoài - vì khi sinh ra ta chẳng có gì và khi ta chết cũng ra đi với hai bàn tay trắng mà thôi.

Tất cả triều thần đều sửng sốt với di lệnh này của Đại đế Alexander, người bất bại trong mọi cuộc chinh phạt. Đây là một Hoàng đế rất khác với hình dung quen thuộc của mọi người. Đây là cách mà *Vua của Á Châu*, chiến binh vĩ đại nhất lịch sử ra đi sao? Chỉ có Roxana, người luôn túc trực bên giường bệnh với đôi mắt đong đầy thương yêu, là người duy nhất thấu hiểu sâu sắc tâm tình của vị Hoàng đế và khiến ngài yên tâm rằng di ngôn của ngài sẽ được thực hiện.

Hôm sau, Alexander nằm im, hơi thở yếu dần. Người chỉ huy lúc đó là Perdicas ghé lại gần và hỏi:

- Xin hoàng đế ban chỉ thị, ai sẽ là người thay ngài cai trị xứ này?

Hoàng đế Alexander thở dốc, lẩm bẩm một câu ngắn bằng một thứ ngôn ngữ lạ

lùng rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Lúc đó, mọi người đều hỏi: "Hoàng đế nói gì vậy?", Perdicas không hiểu câu Alexander nói nên đành trả lời: "Trao quyền cho kẻ nào xứng đáng nhất".

Mãi về sau, khi tu tập ở Ấn Độ một thời gian, tôi mới hiểu câu nói của Alexander là: *"Sinh, Lão, Bệnh, Tử - Thành, Trụ, Hoại, Diệt."*

Vì Alexander vẫn chưa có con nối dõi và cũng không chỉ định ai thay thế nên người chỉ huy quân đội lúc đó là Perdicas đề nghị chia Đế quốc Hy Lạp ra làm năm vùng, mỗi vị tướng cai quản một vùng, chờ đứa con của Alexander còn đang nằm trong bụng của Roxana ra đời và khôn lớn để tiếp nhận ngôi vị. Perdicas chỉ huy triều đình tại Ba Tư và Syria; Ptolemy nắm giữ Ai Cập; Lysimachus nắm giữ Thrace; Antigonus nắm giữ Tiểu Á; và Antipater tiếp tục cai quản Hy Lạp.

Thái hậu Olympias ra lệnh mang di hài của Alexander về Pella để chôn cất đồng thời cũng đưa Hoàng hậu Roxana về Pella để bà có thể trông nom đứa cháu nối dõi sắp ra đời. Tuy nhiên, trên đường về Hy Lạp, quan tài của Alexander bị Ptolemy đánh cướp rồi đưa đi chôn tại Alexandria, Ai Cập. Điều này xác nhận âm mưu của Ptolemy muốn thay thế Alexander làm vua. Từ đó khởi đầu những năm tháng tranh giành chém giết kéo dài. Huynh đệ tương tàn, các tướng lĩnh giỏi nhất nắm binh quyền dưới thời Alexander đều khởi sự binh đao để tranh chấp ngôi vị hoàng đế. Antigonus cũng tự xưng vương, không chịu thần phục triều đình Babylon. Perdicas dẫn binh tấn công Antigonus nhưng rồi thua trận và bị Seleucus giết để đoạt binh quyền. Khi Antipater già yếu qua đời, Cassander cũng xưng làm vua Hy Lạp, cho quân giết chết Thái hậu Olympias, Hoàng hậu Roxana và đứa con của Alexander với Roxana để diệt trừ hậu họa. Từ đó, các tướng lĩnh đều xưng vương xưng hùng, đem quân gây chiến lẫn nhau, khiên Đế quốc Hy Lạp vừa thành lập đã rơi vào cảnh nội chiến điêu tàn, chia tách thành nhiều vùng miền.

Tôi tiếp tục trông nom việc tài chính tại Babylon nhưng cuộc tranh chấp kéo dài khiến tôi dần chán ngán. Việc thu thuế và kiểm soát quân lương cho các cuộc chiến giữa những người từng là bạn khi xưa thì có gì đáng để tôi dốc sức chứ. Tôi ngậm ngùi suy nghĩ về những gì vị hoàng đế đã nói với mình không lâu trước khi ngài qua đời. Phải chăng nếu Alexander sống được thêm ít lâu nữa thì xã hội và văn minh Hy Lạp có thể sẽ tiến bộ, đổi khác, không phải rơi vào cảnh loạn lạc như thế này?

Cho đến một buổi tối, một lái buôn Ba Tư bất ngờ tìm đến trao cho tôi lá thư,

nói là của Timotheus gửi. Tôi vừa kinh ngạc vừa mùng rỡ, không ngờ bạn mình vẫn còn sống. Trong lá thư đó, Timotheus chỉ viết vắn tắt:

“Hãy đến Bactria nếu cậu muốn gặp lại tôi."

Bactria nằm trong phạm vi kiểm soát của Seleucus nên tôi lấy cớ đi phát lương để lên đường ngay. Khi gặp Timotheus, tôi ngạc nhiên thấy cậu ta đã cạo trọc đầu, khoác một tấm áo rách. Tôi ôm chầm lấy cậu:

- Timotheus, tôi mừng quá, cậu vẫn còn sống. Nhưng tại sao... Tại sao cậu lại ra nông nỗi này?

Timotheus mỉm cười, giải thích:

- Chắc cậu đã biết kết quả của cuộc viễn chinh qua xứ Ấn Độ như thế nào rồi. Chúng ta không thu được vàng bạc hay chiếm được đất đai nào nhưng lại học được nhiều điều mới lạ, khác hẳn những điều chúng ta đã học từ hai bậc thầy Platon và Aristotle. Tôi là người say mê kiến thức nên muốn dành nhiều thời gian để học hỏi văn hóa xứ đó, nhưng Alexander đã ra lệnh rút quân, việc này không cho tôi cơ hội học thêm những kiến thức mà tôi đang vô cùng hứng thú, nên tôi tìm cách trốn khỏi doanh trại, ở lại nơi đó để thụ giáo với những hiền triết Ấn Độ. Sau một thời gian sống và học hỏi tại Hydaspes, tôi theo một số hiền giả lên dãy tuyết sơn tu tập. Khi đến vùng Bamyan xứ Bactria, các vị này dự định cho xây đạo viện để đưa sự minh triết đến với dân địa phương. Vùng này thuộc sự kiểm soát và cai quản của Hy Lạp nên tôi cần cậu giúp. Do đó, tôi mới viết thư nhờ những người lái buôn chuyển cho cậu.

Tôi hỏi tiếp:

- Vậy cậu đã học được gì? Tại sao lại chọn đời sống như kẻ hành khất thế này?

Timotheus trả lời:

- Cậu có nhớ trước đây cậu từng có những thắc mắc về thân phận con người nhưng tôi không thể trả lời được không? Những gì tôi học tại Hy Lạp không thể giải đáp được những thắc mắc đó. Hiện nay, tôi đã có câu trả lời cho cậu. Có một định luật gọi là tác động phản lực mà người xứ này gọi là *Karma* hay *Hành động*. Nó cũng hàm ý rằng lực tác động và phản lực không thể tách rời nhau.

Hôm đó, Timotheus đã giải thích về luật Nhân quả và Luân hồi cho tôi(*). Đó là những kiến thức lạ lùng mà tôi chưa từng nghe. Chúng tôi bàn luận suốt mấy ngày liền và Timotheus đã giúp cho tôi hiểu về mối liên quan của tôi với những người khác. Biết Timotheus sẽ sống trong một động đá trên núi, tôi đề nghị mang lương thực giúp bạn mình và cả những hiền giả Ấn Độ tu tập tại đó. Bactria là vùng thuộc sự cai quản của quân Hy Lạp và tôi là người quản lý quân lương nên không gặp khó khăn gì trong việc này.

(*) Về tác động và phản lực. Karma hay Hành động, xem Muôn Kiếp Nhân Sinh tập 1. (Bạn dùng máy tính tải về tập 1 tại đây: https://dgtraining.vn/review/muon-kiep-nhan-sinh*)*

Khi tôi dự định trả về Babylon thì nghe tin Seleucus đã xưng làm hoàng đế và đem quân đánh Ptolemy. Lúc đó Antigonus và Cassander cũng liên minh để tấn công Babylon nên tình hình ở đó không an toàn nữa. Cuộc chiến giữa những người bạn bè thân thiết khi xưa đã khiến tôi không còn hứng thú với cuộc sống quan trường, sống tại biên thùy xa xôi như Bactria lại tương đối thoải mái và an lành hơn. Tôi quyết định sống hẳn tại Bamyan, không trở về Hy Lạp nữa.

Từ đó, tôi theo Timotheus thực hành những phương pháp tu tập mà cậu ấy được những bậc hiền triết Ấn Độ hướng dẫn, chỉ dạy. Đó cũng là lúc hành trình của tôi thật sự bắt đầu.

***

Trong buổi nói chuyện với Thomas về tiền kiếp tại Hy Lạp, ông chỉ nói nhiều về mối tình của Leonidas và Melissa, về tình bạn của ông với Timotheus, cuộc đối thoại giữa ông và Alexander, và chuyện tình yêu đơn phương của ông với Isidora. Vì chi tiết tương đối rời rạc lại có liên quan đến nhiều nhân vật lịch sử nên tôi đã phải dựa vào tài liệu của các sử gia như Plutarch, Curtius và một số sử gia khác để viết thêm chi tiết theo thứ tự thời gian, cũng như "tiểu thuyết hóa" các tình tiết để tạo thành một câu chuyện mạch lạc cho những chương này.

Trong lúc duyệt lại những ghi chép này với Thomas, tôi có cho ông biết về sự bổ sung những chi tiết lịch sử để cuốn sách trở nên có trật tự hơn. Thomas đồng ý và nói rằng đây là cuốn sách của tôi và là tác giả, tôi có thể sửa đổi một số tình tiết cho dễ theo dõi và giúp độc giả hiểu biết thêm về lịch sử của thời đó.

Thomas không đồng ý với một số sử gia ghi chép rằng sau khi trở về từ Ấn Độ,

Alexander vẫn tiếp tục mang quân chinh phục một số nước nhỏ ở bán đảo Ả Rập. Ông nói, lúc đó hoàng đế đã thay đổi, không còn tham vọng như xưa và lời trăng trối với Roxana về việc cử hành tang lễ là bằng chứng rõ rệt nhất cho sự thay đổi này. Alexander đã bàn với các tướng lĩnh và các quan về dự định cải cách xã hội dựa theo những điều ngài đã học được từ Ấn Độ. Hiển nhiên, việc cải cách này sẽ gây thiệt hại quyền lợi của rất nhiều người, nhất là những tướng lĩnh và quan lại triều đình. Họ đã theo ngài chinh phục, mở mang bờ cõi Hy Lạp nên cho rằng mình có quyền được hưởng những quyền lợi khi chiến thắng. Theo Thomas, chính ý định cải cách này là nguyên nhân dẫn đến cái chết của Alexander, vị hoàng đế chết vì bị đầu độc chứ không phải vì bệnh tật như các sử gia đã viết. Hầu hết các tài liệu Hy Lạp đều ghi nhận Alexander chết vì bệnh khi chuẩn bị đem quân chinh phục các nước khác tại bán đảo Ả Rập. Thomas nói rằng các sử gia Hy Lạp cố ý lưu lại hình ảnh Alexander như một anh hùng vĩ đại trong lịch sử chứ không muốn nói đến kết quả cuộc viễn chinh gây nhiều thiệt hại mà không hề thu được chiến lợi phẩm gì tại Ấn Độ. Nếu Alexander mắc bệnh thì các y sĩ đã tìm ra nguyên nhân và có thể cứu chữa, vì lúc đó y thuật Hy Lạp đã tiến bộ rất cao.

Thomas còn nói rằng vì đã gây chiến và giết chóc quá nhiều nên dân Hy Lạp phải chịu cộng nghiệp qua những trận nội chiến thảm khốc giữa các tướng lĩnh trong suốt mấy chục năm, khiến Đế quốc Hy Lạp suy thoái, tao cơ hội cho người La Mã chinh phuc Hy Lap.

Sử liệu ghi nhận Alexander trở về Babylon vào mùa xuân năm 323 TCN và qua đời vào mùa hè năm đó. Thời gian đó quá ngắn, mà ngài còn phải chấn chỉnh lại triều đình tại Babylon, xử tử khá nhiều thống đốc về tội tham nhũng và chuẩn bị thay thế một số tướng lĩnh đã lạm quyền khi ngài vắng mặt. Quân đội cũng cần nghỉ ngơi, không thể chinh chiến ngay. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng thời gian này không đủ để nhà vua đem quân chinh phục các nước khác. Alexander làm vua được mười hai năm, gây dựng được một đế quốc hùng mạnh nhất thế giới. Tuy nhiên, vì ngài dẫn binh chinh chiến suốt thời gian đó nên người Hy Lạp không hề được hưởng thái bình, dẫu cho mong muốn của ngài là xây dựng một quốc gia vĩ đại để con cháu được hưởng lâu dài. Ngay khi Đại đế qua đời, đế quốc của ngài liền bị chia năm xẻ bảy, các tướng tranh chấp lẫn nhau, vợ con của ngài đều bị giết. Cuộc nội chiến kéo dài gây rất nhiều tổn hại, văn hóa Hy Lạp suy đồi, từ nền văn minh khai sáng của các triết gia chuyển qua nền văn minh hưởng thụ, rồi sụp đổ khi người La Mã chinh phục Hy Lạp.

Bài học lịch sử tiếp diễn qua nhiều thời đại với nhiều đế quốc khác nhau, lúc thành lúc hoại, lúc chiến thắng vinh quang, lúc sụp đổ nhục nhã. Từ Đế quốc Ai Cập, Babylon, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã, Mông cổ, Ả Rập đến Đế quốc Tây Ban Nha, Anh, Nga, Pháp, Nhật và tiếp tục đến nay, thời nào cũng có những lãnh đạo chỉ biết xâm lăng, chiếm đoạt, để xây dựng cho mình một đế quốc vĩ đại, để được ghi danh trong lịch sử. Trong cơn say máu vinh quang và lý tưởng, không mấy ai biết nhìn vào bài học thành và hoại của lịch sử hay quan tâm đến việc khi nắp quan tài của họ đóng lại, hậu thế sẽ định công luận tội họ ra sao.

Trong triều đại của Đế quốc La Mã, hầu hết các vị vua đều đến viếng mộ Alexander. Hoàng đế Julius Caesar đã đến viếng ngôi mộ, ngồi cạnh mộ gần nửa ngày và thì thầm gì không ai rõ. Hoàng đế Augustus khi chiến thắng Marcus Anthony cũng đến viếng ngôi mộ này và để lại câu nói: "*Ta đến để tỏ lòng kính trọng một hoàng đế chứ không phải một xác chết*". Hoàng đế Caligula cũng đến đây để tỏ lòng ngưỡng mộ vị vua mà ông gọi là "*Vua của tất cả các vua*". Hoàng đế Septimus Severus viếng mộ rồi ra lệnh đóng cửa mộ, cấm dân chúng vào làm mất vẻ tôn nghiêm. Ông nói chỉ có vua mới được đến thăm vua, dân chúng phải đứng bên ngoài. Trải qua nhiều thời đại, thành phố Alexandria bị thiên tai, động đất cũng như bị quân Ả Rập thiêu đốt nên hiện nay không ai biết ngôi mộ của Alexander nằm ở đâu.

Vị hoàng đế vĩ đại đã vĩnh viễn tan vào cát bụi thời gian, chỉ còn lại những câu chuyện huyền thoại được lưu truyền về cuộc đời và những chiến công của ông. Nếu Alexander là Achilles tái thế, như lời khẳng định mạnh mẽ của ngài tại phế tích thành Troy, thì "gót chân chí mạng" của Alexander phải chăng chính là *"sự thức tỉnh muộn màng"* hay là tham vọng bá chủ đã gây ra cái chết của biết bao con người? Khó ai có thể trả lời được câu hỏi này. Sau những cơn bão lửa chiến tranh khởi phát từ Alexander, Đế quốc Hy Lạp phải gánh chịu nội chiến tương tàn, chia năm xẻ bảy, còn bản thân Alexander cũng tuyệt tử, tuyệt tôn, âu có lẽ cũng là nghiệp báo của luật Nhân quả.

***

Thomas còn cho tôi biết thêm rằng Melissa chính là Cihone duyên dáng mà ông đã gặp trong tiền kiếp tại Ai Cập. Melissa và Cihone đều là những cô gái cao quý, có tâm hồn thánh thiện, giàu tình thương yêu. Mặc dù Thomas gặp lại cô trong kiếp sống ở Hy Lạp nhưng hai người không có duyên nợ gì nhiều nên chỉ là những người bạn để giúp đỡ nhau khi cần. Isidora cũng chính là thánh nữ Kor hồn nhiên, xinh đẹp từ kiếp song Atlantis, và ở kiếp sống tại Hy Lạp, Thomas đã

phải đau khổ vì cô, lại còn bị giam cầm trong hai năm, như một sự chuộc lỗi cho những gì ông từng gây ra với cô. Đó đều là nghiệp quả ông phải trả theo luật Nhân quả của vũ trụ.

***

Trong phần kết chương trước, từ khát vọng thống nhất thế giới bằng sức mạnh của Alexander, chúng tôi đã trao đổi và bỏ lửng câu hỏi "nếu thế giới không còn những ranh giới về sắc tộc, tôn giáo, chính trị thì liệu con người có chấm dứt sự chia rẽ, thù hằn, xâm chiếm và chém giết lẫn nhau hay không?". Tuy nhiên, sau câu chuyện của Thomas về Ấn Độ, với sự thức tỉnh của Alexander về minh triết và quy luật vũ trụ trong những ngày tháng cuối đời, cũng như quyết định rời bỏ quan trường để tu tập tại Ấn Độ của Kyros, tôi đã dần hiểu ra lý do tại sao Thomas muốn tôi ghi lại câu chuyện này. Thomas đã thức tỉnh trong kiếp sống hiện tại của thế kỷ 21. Chính nhân duyên Thomas theo Timotheus tu tập tại Ấn Độ hay việc Thomas gặp lại ông Kris để được dẫn đạo, thức tình trong kiếp sống này, là một vòng tròn lớn nhiệm màu của nhân quả luân hồi. Họ đều là những người có sứ mệnh và tương lai nhân loại vẫn còn cứu vãn được.

Tôi đã dần nhìn thấy ánh sáng của lời giải đáp cho những trăn trở của tôi về cơn đại họa của thế giới đang diễn ra và tương lai của con người trong vòng xoáy bất tận của vô lượng kiếp, của chu kỳ *Thành - Trụ - Hoại - Diệt*.

Phần mười

THỨC TỈNH TỪ CÕI CHẾT: CUỘC CÁCH MẠNG CHUYỂN ĐỔI TÂM THỨC

Tỷ phú Farnum xuất thân từ một gia đình người nhập cư đến từ Li Băng. Khi đến Mỹ, gia đình ông rất khó khăn, cha ông phải làm hai, ba công việc cùng lúc để nuôi gia đình và lo cho con cái được học hành. Không phụ sự vất vả của cha, Farnum luôn là học sinh xuất sắc nên được học bổng vào đại học. Tôi quen ông khi còn là sinh viên tại trường Đại học Harvard, cùng học chung trong lớp về luật đầu tư. Cũng như hầu hết các lớp học tại đây, sinh viên phải làm việc nhóm trong các dự án nghiên cứu do giáo sư đề xướng. Mỗi nhóm phải nghiên cứu cẩn thận và bảo vệ dự án trước lớp. Nhóm của tôi có bốn người, tôi là trưởng nhóm. Farnum được nhóm bầu lên để thuyết trình và bảo vệ dự án trước lớp. Các lớp học về luật thường có những màn tranh luận gay gắt và người phát biểu chịu trách nhiệm bảo vệ công trình nghiên cứu của nhóm. Trong mọi cuộc tranh luận, Famum ít khi để thua. Ông trình bày súc tích, rõ ràng, lý luận sắc bén, khiến các giáo sư đều khen và sinh viên trong lớp đều nể phục. Sau khi tốt nghiệp, chúng tôi mỗi người đi một ngả. Tôi làm việc ở New York, Farnum thì gây dựng sự nghiệp ở Chicago. Từ đó, chúng tôi cũng không còn liên lạc với nhau. Rất lâu sau, khi Farnum nổi tiếng là một trong những tỷ phú thành công lớn vì sớm đầu tư vào các công ty công nghệ Microsoft, Apple, Google, Amazon, Facebook, thì tôi mới nghe nói nhiều về ông.

Cho đến một hôm, tôi nhận được điện thoại từ luật sư riêng của Farnum, cho biết Farnum muốn gặp tôi để bàn về việc giao quỹ đầu tư tài chính của ông cho công ty tôi quản lý. Yêu cầu này khá bất ngờ với tôi, vì chúng tôi đã không liên lạc với nhau nhiều năm. Tôi hỏi thẳng vị luật sư kia:

- Tôi biết Chicago có nhiều công ty tài chính nổi tiếng. Tại sao các ông lại chọn công ty của tôi?

Vị luật sư cười, trả lời:

- Tôi cũng đã đưa ra danh sách nhiều công ty danh tiếng ở đó nhưng thân chủ tôi nhất định muốn giao công việc quan trọng này cho ông. Tôi nghĩ có lẽ vì hai

người đã thân quen từ trước.

Tôi hơi bất ngờ, liền trả lời:

- Đúng là tôi có biết Famum. Chúng tôi quen nhau khi còn là sinh viên. Nhưng chúng tôi chỉ học chung với nhau trong một khóa về luật, sau đó cũng không có qua lại gì. Mấy chục năm nay, chúng tôi cũng không hề liên lạc gì với nhau.

Đầu dây bên kia ngạc nhiên:

- Thế thì lạ thật đấy, tôi cứ nghĩ hai người phải biết nhau từ lâu.

Sau khi vị luật sư trình bày kỹ về chi tiết hợp đồng, thì tôi càng dè dặt. Ngay cả với một công ty đầu tư tầm cỡ như của tôi thì quỹ đầu tư hơn tám trăm triệu đô-la vẫn là một con số quá lớn. Tôi đề nghị:

- Chúng tôi có thể quản trị quỹ đầu tư này. Nhưng trước hết có lẽ tôi cần gặp Farnum để bàn thêm.

Vị luật sư nói:

- Dĩ nhiên là được. Thật ra thân chủ tôi có đề nghị gặp riêng ông để nói chuyện vào tuần tới.

Thay vì gặp nhau tại văn phòng luật sư như những cuộc thương thảo thông thường, Farnum đề nghị chúng tôi gặp nhau tại nhà riêng của ông. Chỉ hai chúng tôi, không cần luật sư đi cùng. Tôi khá ngạc nhiên trước đề nghị này, nhưng cũng tò mò muốn biết Farnum đang có dự tính gì nên tôi liền sắp xếp bay đến Chicago để gặp riêng ông. Farnum sống trên một tầng cao nhất của cao ốc trung tâm nằm giữa thành phố Chicago. Tại đây, chúng tôi có thể phóng tầm mắt nhìn thấy toàn cảnh thành phố tuyệt đẹp phía dưới. Chúng tôi chào hỏi nhau, hỏi thăm tình hình đôi bên và nhắc lại một vài kỷ niệm cũ. Khi không khí trò chuyện trở nên thân mật hơn, Farnum đi vào vấn đề:

- Chúng ta đã rất lâu không gặp nhau rồi, nên có lẽ anh đã tự hỏi vì sao tôi lại muốn giao cho anh quản trị quỹ đầu tư của mình, đúng không?

Tôi gật đầu:

- Đúng vậy, đúng là tôi đã thấy khó hiểu. Ngay cả việc anh yêu cầu gặp riêng tôi mà không cần sự có mặt của luật sư thế này cũng là chuyện hiếm thấy. Tôi nghĩ, chắc hẳn anh phải có lý do gì đó?

Farnum mỉm cười, gật đầu:

- Quả vậy. Nhưng trước khi chúng ta đi vào chi tiết, tôi muốn trao đổi với anh một chút về một số vấn đề tôi đang quan tâm, mong anh trả lời thẳng thắn. Tuy chúng ta đã lâu không gặp nhau, nhưng tôi vẫn luôn thán phục anh từ khi chúng ta còn học chung tại Harvard. Tôi đã nhiều lần chứng kiến cách anh xử lý vấn đề, anh là người có góc nhìn rộng mở và suy nghĩ có chiều sâu hơn những người bạn khác.

Chưa hiểu Farnum có ý gì, tôi ra hiệu cho ông cứ nói tiếp. Ông hỏi tôi:

- Anh nghĩ sao về tình hình thế giới ngày nay? Anh nghĩ gì về tương lai của nhân loại trong vòng năm mươi năm tới? Anh là người nhìn xa trông rộng, hẳn anh cũng đã có suy nghĩ về việc này?

Tôi vốn nghĩ Farnum sẽ trao đổi với tôi về thị trường tài chính hay chiến lược kinh doanh, nên câu hỏi với chủ đề bất ngờ này khiến tôi ngạc nhiên đến ngẩn người một thoáng. Trao đổi về tình hình thế giới và tương lai nhân loại hoàn toàn không phải là điều tôi chờ đợi từ cuộc gặp này. Tôi suy nghĩ một chút rồi trả lời chừng mực:

- Hiện nay tình hình thế giới vẫn tương đối ổn định. Thị trường chứng khoán vẫn có nhiều dấu hiệu lạc quan mặc dù cán cân kinh tế toàn cầu khó đoán định hơn do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Ngoài ra, tôi cho rằng cuộc chạy đua phát kiến công nghệ mới giữa các quốc gia, tập đoàn lớn có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro cho nhân loại. Tuy nhiên, đáng lo ngại nhất là biến đổi khí hậu ngày càng dữ dội, thiên tai và nguy cơ chiến tranh...

Farnum chợt ngắt lời tôi:

- Theo anh thì liệu có thay đổi lớn nào xảy ra trong tương lai không?

Tôi mỉm cười:

- Rất khó để trả lời câu hỏi này. Nhưng cứ nhìn ra thế giới, chúng ta có thể thấy

chỉ so với năm năm trước thôi mà mọi thứ đã khác biệt rất nhiều. Tôi chỉ biết rằng chúng ta đang bước vào giai đoạn rất thú vị, sẽ được chứng kiến những sự đổi thay lạ lùng.

Farnum gật đầu và nói:

- Tôi tin là cơn sóng thần của thời đại đang đến, nó sẽ sớm xảy ra thôi. Tôi cảm thấy hứng thú nên hỏi ngược lại Farnum:

- Tại sao anh nghĩ sẽ có thay đổi lớn xảy ra? Chắc hẳn anh đã biết điều gì hay có ý kiến gì về việc này? Anh có thể nói cho tôi rõ không?

Farnum bật cười:

- Anh vẫn giữ thói quen ứng biến như khi còn học tại Harvard, chuyển vấn đề lại cho người hỏi. Hiện nay, chúng ta đã bước vào thế kỷ thứ 21 và dĩ nhiên khi bước vào kỷ nguyên mới, chúng ta cần những giá trị mới. Mọi giá trị không thích hợp sẽ bị đào thải nhưng những giá trị mới này sẽ như thế nào? Đó là điều tôi đang muốn nói đến.

Tôi xin phép ngắt lời ông:

- Nhưng trước hết tôi muốn biết tại sao anh lại nói về những thay đổi lớn trong tương lai, điều mà chúng ta còn không biết cụ thể là gì?

Farnum trả lời điềm tĩnh:

- Hiện nay chúng ta đang bước vào giai đoạn vô cùng quan trọng của nhân loại, giai đoạn giao thời khi mọi giá trị đều thay đổi, sẽ gây xáo trộn lên mọi lĩnh vực, từ khoa học đến kinh tế, từ xã hội đến chính trị. Và biến động này không chỉ xảy ra tại nước Mỹ mà còn ảnh hưởng lên toàn thế giới. Tuy nhiên, đó chỉ là biểu hiện của một cuộc cách mạng đang thành hình...

Tôi càng lúc càng hứng thú với câu chuyện của Famum:

- Một cuộc cách mạng?

Farnum bật cười:

- Đúng vậy, nhưng nó không liên quan đến sự thay đổi chính thể hay quyền lực đâu. Tôi muốn nói đến cuộc cách mạng chuyển hóa tâm thức mọi người. Tất cả những xáo trộn gần đây, từ chính trị, xã hội đến dịch bệnh đang bùng phát khắp nơi... đều là những cơ hội, thúc đẩy nhân loại phải thay đổi tư duy, vì mọi giá trị căn bản hiện nay đã không còn đáp ứng được nhu cầu của con người nữa.

Farnum đang ngồi trước mặt tôi đây, người vừa nói ra những điều này, hoàn toàn khác với người tôi từng biết. Tôi bật cười:

- Famum, anh trở thành triết gia từ hồi nào vậy?

Farnum cũng cười theo nhưng ông nhanh chóng lấy lại vẻ nghiêm túc. Ông hỏi tôi:

- Anh có nhớ khi xưa chúng ta đã bàn luận về sự thay đổi và anh đã đưa ra một công thức mà tôi cho là rất hợp lý không?

Tôi cười:

- Tôi nhớ chứ. Nhưng chuyện lâu rồi, tôi không ngờ anh vẫn còn nhớ. Farnum lấy ra một tờ giấy và một cây bút, nói ngay:

- Tôi đã suy nghĩ về công thức này. Nó là chìa khóa cho sự thay đổi có thể xảy ra trong tương lai. Có lẽ anh còn nhớ công thức.

Ông ghi nhanh ra tờ giấy:

C = D x V x A > R

{C = Change, D = Dissatisfaction, V = Vision, A = Action, R= Resistance to Change}.

Vừa viết, Farnum vừa đọc to lên:

- Sự thay đổi là tích số của sự bất mãn, viễn cảnh tương lai, hành động, với điều kiện tích số này lớn hơn sự chống lại việc thay đổi.

Tôi nhớ lại chuyện xưa và nói:

- Tôi vẫn nhớ mình viết công thức này khi chúng ta thảo luận việc thay đổi trên thị trường đầu tư...

Farnum gật đầu:

- Đúng thế, anh viết công thức này cho sự thay đổi của thị trường nhằm xác định cơ hội đầu tư, nhưng nó cũng có thể áp dụng cho những thay đổi khác nữa. Nhiều năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ rõ thời điểm đó. Khóa học luật đầu tư là một khóa khó và được giải nhất trong lớp của giáo sư Crawford là một kỳ tích. Khi đó, các nhóm đều quyết phải giành phần thắng. Chúng ta đã mất nhiều tuần nghiên cứu và bàn luận về sự thay đổi có thể xảy ra trong thị trường. Khi anh đưa ra công thức này, tôi đã nói anh phải là người có tầm nhìn xa mới nghĩ được như thế. Chính nhờ công thức này mà nhóm chúng ta đã đoạt giải nhất. Không nhóm nào có thể tranh biện với nhóm chúng ta. Ngay giáo sư Crawford, người nổi tiếng là khó tính cũng phải gật gù khen ngợi.

Tôi bật cười, tán dương trí nhớ của Farnum nhưng không nói gì thêm vì vẫn chưa hiểu mục đích của ông là gì. Nhìn thấy thái độ dè dặt của tôi, Famum thong thả giải thích:

- Hôm đó, anh đã nói rằng sư thay đổi sở dĩ không xảy ra là vì giá trị không muốn thay đổi quá lớn. Trong ba yếu tố cần thiết để tạo ra sự thay đổi, nếu thiếu một yếu tố thì sự thay đổi sẽ không thể xảy ra, vì tích số của bất cứ số nào nhân với số không đều bị triệt tiêu.

Tôi xác nhận:

- Đúng thế. Nhưng công thức này có dính dáng gì đến cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà anh vừa nói đến?

Farnum mỉm cười, trả lời:

- Anh đưa ra ba yếu tố quan trọng là sự bất mãn, viễn cảnh tương lai và hành động để tạo ra thay đổi. Có lẽ anh cũng nhận thấy sự bất mãn của mọi người với đời sống hiện tại đã xuất hiện khắp nơi. Văn minh vật chất và tiến bộ của khoa học kỹ thuật của đời sống đã không đáp ứng được nhu cầu thật sự của con người. Hiện nay, với đà phát triển quá nhanh của công nghệ, phần đông mọi người sống trong xã hội đều chung sống với căng thẳng và những lo âu chưa từng có. Các mối lo ngại về những đe dọa đến từ chiến tranh, dịch bệnh, phá hoại

thiên nhiên đã khiến nhiều người bắt đầu đặt câu hỏi về căn bản giá trị của xã hội ngày nay.

Nếu để ý, anh có thể thấy rõ sự mệt mỏi, bất lực trong những ánh mắt nhiều người xung quanh. Rất nhiều người đang hoang mang, lạc lối, trầm cảm, bế tắc hoặc phát cuồng trong xã hội chạy theo các giá trị thực dụng này. Bất mãn, đó là yếu tố đầu tiên trong công thức về sự thay đổi.

Farnum ngừng lại nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Viễn cảnh về tương lai của nhân loại sẽ như thế nào? Đây không phải câu hỏi trừu tượng và đã đến lúc chúng ta cần nghĩ đến nó. Liệu các quốc gia lớn có thể chung sống hòa bình với nhau không? Liệu các nước có thể cùng hợp tác để giải quyết các vấn đề chung của trái đất không? Trái đất này là của chúng ta, nó không là sở hữu riêng của một quốc gia nào hay một nhóm thế lực nào. Do đó, việc quan trọng là phải dẹp bỏ sự chia rẽ để có một cơ cấu xã hội và kinh tế khác hẳn hiện tại. Muốn giải quyết các vấn đề phức tạp này, chúng ta cần vươn ra khỏi ảnh hưởng của các triết lý, ý thức hệ, hay lý thuyết đã quá lỗi thời, không còn giá trị thực tế nữa. Hiện giờ, một số quốc gia vẫn lấy các ý thức hệ đó làm bình phong đê tồn tại. Câu hỏi đặt ra là viễn cảnh này, quan niệm mới này như thế nào? Tôi vẫn kính phục anh là người có tầm nhìn xa và có khả năng phân tích sắc sảo, nên tôi rất muốn nghe nhận định của anh về tương lai. Anh thấy sao?

Tôi suy nghĩ một lúc rồi từ tốn trả lời:

- Đã có nhiều giả thuyết về tương lai của nhân loại, có người đưa ra hình ảnh rất lạc quan nhưng cũng có người cho rằng tương lai rất ảm đạm, nếu không muốn nói đến sự diệt vong của thế giới. Dĩ nhiên, ai cũng có lý lẽ riêng, tùy cách nhìn hay sự tưởng tượng của họ. Nhưng cho đến nay, chưa có ai đưa ra viễn cảnh nào thuyết phục được hầu hết số đông. Còn những cảnh báo nguy hiểm thì những nhà khoa học vẫn đưa ra mỗi năm.

Farnum gật đầu:

- Đúng thế, viễn cảnh là yếu tố quan trọng. Nó không thể chỉ là sự tưởng tượng mà phải là mô hình thực tế, một mô hình mọi người có thể chấp nhận và tin rằng nó có thể xảy ra. Chắc anh cũng đồng ý rằng khi sự bất mãn gia tăng đến cùng cực nó sẽ thúc đẩy con người hành động theo cách phản kháng, nhưng họ sẽ không thành công nếu chưa biết rõ tương lai mà họ muốn là như thế nào? Do đó,

nhiều người, nhiều quốc gia đang hành động bừa bãi theo tham vọng nhất thời, bất chấp việc đó có thể sẽ đưa nhân loại đến những viễn cảnh tồi tệ hơn. Những hành động ích kỷ, mưu mô ấy nằm trong tầm nhìn ngắn hạn, chứ nào phải hành xử vì tương lai dài lâu. Điều quan trọng nhất bây giờ là phải có mô hình, phương thức đúng đắn về một xã hội tương lai, vì chỉ khi nào con người có một mục đích rõ ràng đáng để dốc lòng theo đuổi thì họ mới kiên trì hành động và đạt được thành công.

Đến lúc này, buổi nói chuyện đã vượt ngoài khuôn khổ dự đoán của tôi. Tôi tiếp tục im lặng, chờ xem Famum muốn nhắm đến điều gì. Ông nói tiếp:

- Trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, hầu như sự thay đổi nào cũng diễn ra từ bên ngoài. Định luật "Mạnh được yếu thua" hay "Thắng làm vua - thua làm giặc" đã trở thành khuôn mẫu cho mọi cuộc cách mạng, vi các nhà lãnh đạo đều tin rằng quyền lực là yếu tố chính để tạo ra thay đổi. Nhưng bản chất của quyền lực là gì nếu không phải lòng tham? Hầu hết các học thuyết về chính trị, kinh tế chỉ là những hệ thống đặt ra để củng cố quyền lực và phục vụ cho quyền lợi của thiểu số. Bản chất của chúng không hề mang lại hạnh phúc, hay công bằng cho đa số. Trong lịch sử, người ta chứng kiến những sự thay bậc đổi ngôi, tranh chấp quyền lực diễn ra giữa một thiểu số người nhưng đa số phải gánh chịu những hậu quả không thể tưởng tượng.

Farnum ngừng lại nhìn tôi như chờ xem phản ứng, rồi tiếp tục:

- Tuy nhiên, điều tôi đang muốn nói là cuộc cách mạng sắp tới sẽ khác hẳn những cuộc cách mạng trước đây, vì nó sẽ là sự thay đổi diễn ra từ bên trong, một cuộc cách mạng để chuyển hóa nội tâm con người. Do đó, người ta không thể kỳ vọng một điều gì đó đến từ bên ngoài tạo tác động tốt để đáp ứng mong mỏi của họ nữa. Người ta buộc phải tìm cách thay đổi chính mình để có thể nhận ra và bắt kịp trào lưu tiến hóa mới này. Tôi muốn nói đến một cuộc cách mạng không bạo động, không đổ máu, không thay đổi quyền lực, một cuộc cách mạng nhân văn để xây dựng lại con người.

Trong trí nhớ của tôi, Farnum luôn là một người thực tế, vì vậy khi nghe ông nói những điều không ăn nhập gì đến đầu tư tài chính khiến tôi tương đối bất ngờ. Tôi mỉm cười:

- Farnum, tôi không nhớ anh cũng là một triết gia đấy. Hay có chuyện gì thực sự lớn đã xảy ra, khiến anh có những thay đổi trong suy nghĩ?

Farnum mỉm cười, rồi thong thả giải thích:

- Để tôi nói rõ cho anh biết lý do buổi gặp gỡ hôm nay. Cách đây hơn hai năm, tôi đang làm việc thì bất ngờ lên cơn đau tim và được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Vì di chuyển xa nên khi vào đến phòng cấp cứu, tim tôi đã ngừng đập, mạch cũng không còn và não bộ cũng không hoạt động nữa. Thật vậy, màn hình máy đo điện não đứng yên không có một xung nhịp nào hết. Đối với các bác sĩ, khi tim bệnh nhân ngừng đập và chết não thì bệnh nhân coi như thật sự đã chết rồi. Mọi phương pháp cấp cứu khẩn cấp đều trở nên vô hiệu. Nhưng lúc đó, tôi vẫn chưa chết hẳn mà rơi vào một trạng thái mà trước đó tôi đã nghe nói đến nhưng không mấy tin, là trạng thái nhà khoa học gọi là *trải nghiệm cận tử (Near Death Experience)*. Nghĩa là, khi đó linh hồn tôi đã rời khỏi thể xác. Đầu tiên, tôi thấy mình đang ở trong một luồng ánh sáng êm dịu, nhẹ nhàng, ấm áp không thể tả. Đó là một cảm giác lạ lùng, mọi sự dường như đều ngưng lại trong tĩnh lặng, thời gian như không tồn tại nữa. Tôi quá bối rối, còn chưa biết phải làm gì thì đã thấy một nhóm người ở đâu bước đến, trong đó có cha tôi. Cha tôi vốn là giáo sư đại học tại Li Băng nhưng khi di cư qua Mỹ, ông phải làm công việc lao động khuân vác và lái xe tải để lo cho anh em chúng tôi ăn học. Ông qua đời vì tai nạn trên đường cao tốc khi tôi còn là sinh viên nên tôi không có cơ hội báo đáp công ơn ông.

Gặp lại ông, tôi mừng khôn xiết. Cha tôi giới thiệu những người quanh đó, họ đều là những họ hàng đời trước mà tôi chưa từng gặp. Tôi hãnh diện kể cho cha nghe về những thành công của mình. Tôi kể lại hành trình từ con một người nhập cư nghèo trở thành một trong những người giàu có nhất Chicago. Kể xong, tôi háo hức nhìn cha, tôi nghĩ hẳn ông phải vui lắm nhưng bất ngờ ông nghiêm mặt lại, nói với tôi: *"Thế con có mang được những thứ đó qua đây không? Con đã mang theo được bao nhiêu tiền bạc, nhà cửa, xe cô xuống đây nào?".*

Tôi giật mình, đến thời điểm đó tôi mới nhận ra mình đã chết. Cũng ngay lúc đó, tôi ý thức được mọi danh vọng, tài sản vật chất mà tôi sở hữu chỉ là những thứ phù phiếm, hão huyền, vô ích. Cha tôi thở dài, nghiêm khắc nói: *"Ngày lẫn đêm, lúc nào con cũng chỉ lo kiếm tiền, con chỉ mong làm giàu cho bản thân chứ nào có làm được gì thật sự hữu ích cho mọi người, cho cộng đồng đâu mà khoe với cha".*

Tôi câm lặng, không biết phải nói gì. Cha tôi vốn là người rất nghiêm và giáo dục con cái rất kỹ và rõ ràng ông đang thể hiện sự thất vọng với con người tôi

đã trở thành. Lúc đó, một người lạ bước đến, ông khuyên giải cha tôi, rồi quay sang tôi nói với tôi về một số việc mà tôi có thể làm để giúp đỡ cộng đồng. Người đó chia sẻ với tôi khá nhiều điều về những việc sẽ xảy ra trong tương lai. Đột nhiên cha tôi nói: *"Thôi con về đi! Và đừng nhìn mặt cha nữa nếu phần đời còn lại của con không thể làm được việc gì hữu ích". Khi đó tôi không hiểu ý cha, tôi hỏi lại: "Thế cha muốn con đi đâu bây giờ?".*

Tôi chưa kịp nghe cha tôi trả lời thì người lạ mặt kia đã nói: "Đã đến lúc anh phải trở về rồi!". Không hiểu sao vào khoảnh khắc ấy, tôi lại bịn rịn không muốn rời nơi chốn thanh bình đó. Người kia nói: *"Nghe đây! Kế từ lúc này, tùy viêc anh làm mà chúng ta có thể gặp lại nhau hay không".*

Tôi không hiểu nên hỏi lại: *"Tại sao tôi không thể gặp lại cha tôi và các ông tại đây nữa?”.*

Người kia đáp: *"Chúng tôi ở nơi chỉ dành cho những người tâm thức cao cả, phát nguyên làm việc hữu ích mà thôi".*

Điều vừa nghe càng khiến tôi tò mò, tôi liền hỏi người kia: *"Phải chăng khi chết mọi người đều đến chỗ này?".*

Người kia lắc đầu: *"Không đâu, thế giới bên này có nhiều cõi giới khác nhau. Chúng tôi là những người đang được huấn luyện để nhận lãnh nhiệm vụ trong tương lai và đang sống ở nơi khác. Chúng tôi chỉ đến đây để nói cho anh biết những việc anh có thể làm để giúp nhân loại mà thôi".*

Lúc đó, cha tôi cũng lên tiếng: *"Thôi, đủ rồi, đã đến lúc nó phải trở về rồi. Một khi nó đã nghe, đã hiểu rồi thì tự nó quyết định tương lai của mình."*

Thế rồi linh hồn tôi bay trở lên nhập vào thể xác đang nằm bất động trên băng ca phòng cấp cứu. Các bác sĩ đang vây quanh tôi lúc đó sững sờ kinh ngạc khi thấy biểu đồ nhịp tim và não tôi bất ngờ bất đầu có nhịp sống trở lại sau vài chục phút tắt lịm.

Farnum ngừng lại một lát, nhìn vào mắt tôi như muốn quan sát thái độ của tôi, xem tôi có tin vào câu chuyện vừa nghe hay không. Dĩ nhiên chuyện này có thể khó tin với người thiên về khoa học, cần bằng chứng rõ rệt, nhưng đối với người đã có trải nghiệm về tiền kiếp và tu tập tâm linh như tôi, tôi hoàn toàn hiểu và đồng cảm những điều Farnum kể lúc đó. Đúng là đã có một sự kiện chấn

động và sâu sắc khiến người bạn có đầu óc thực tế này của tôi có sự thay đổi lớn đến vậy. Điều ông vừa kể cũng trùng hợp với điều ông Kris đã nói với tôi khi trước. Thế giới bên kia có nhiều cõi khác nhau, có cõi giới của ma quỷ và cũng có cõi của những người cao cả, những bậc thánh thần. Họ có lòng trắc ẩn to lớn, không muốn thấy thế giới này bị hủy diệt nên thường trở lại để hướng dẫn, giúp đỡ nhân loại.

Tôi gật đầu với Farnum để thể hiện sự tin tưởng và thấu hiểu. Thấy vậy, Farnum nói tiếp:

- Ngay lúc đó, tôi mở mắt tỉnh dậy trước sự kinh ngạc của tất cả các y bác sĩ. Họ vốn đã làm thủ tục để chuyển tôi xuống nhà xác. Trước giờ việc người có biểu hiện chết lâm sàng rồi sống lại không phải mới mẻ, nhưng các bác sĩ ngạc nhiên vì tôi đã ngừng tim chết não hơn nửa giờ, các cơ quan nội tạng cũng bắt đầu hư hoại mà tôi vẫn sống lại được. Dĩ nhiên, tôi phải điều trị thêm sáu tháng mới hồi phục hoàn toàn. Việc xảy ra ở thế giới bên kia thật khó quên và tôi càng không thể quên những dự báo về thế giới mà người lạ kia đã nói với tôi. Suốt sáu tháng sau đó ở bệnh viện, tôi đã suy ngẫm về trải nghiệm lạ lùng đó, nhất là về những điều ghê gớm sẽ xảy ra trong tương lai của thế giới này, như người lạ kia đã cảnh báo. Từ đó, tôi từng bước thay đổi mục đích sống lẫn ý nghĩa cuộc đời, tôi suy nghĩ rất nhiều về sự thay đổi và viễn cảnh của tương lai nhân loại. Tôi biết trong hành trình tiến hóa của nhân loại đã có những người đạt đến trình độ tâm linh cao cả như những người tôi gặp ở thế giới bên kia. Tôi cũng ý thức rằng chết không phải là hết mà còn có đời sống sau đó nữa. Và tùy theo ý thức, hành xử cá nhân ở cuộc đời này mà khi sang thế giới bên kia người ta sẽ sống ở cõi giới nào. Từ đó, tôi tìm đọc những sách vở, tài liệu liên quan đến vấn đề này, tiếp xúc với các triết gia, các học giả nghiên cứu về tương lai và cuộc đời của tôi đã hoàn toàn thay đổi.

Những điều Farnum nói hoàn toàn trùng khớp với những gì ông Kris đã nói với tôi về thế giới vô hình. Tôi gật đầu, lên tiếng:

- Tôi tin điều anh nói là sự thật. Tôi cũng tin có những người có tâm thức cao cả sống ở thế giới bên kia đang tìm cách giúp đỡ nhân loại, nhưng nếu đã biết về tương lai nhân loại thì tại sao lúc mới gặp nhau, anh lại hỏi tôi thay vì nói cho tôi biết?

Famum bật cười, giải thích:

- Chúng ta đã rất lâu không gặp nhau. Tôi không biết rõ về anh nên muốn hỏi ý kiến của anh như cách để đi vào câu chuyện. Biết đâu anh cũng có ý kiến gì đó về việc này. Tôi đã mời anh đến đây để thảo luận về việc này thì tôi cũng không giấu giếm gì. Người lạ kia đã nói rằng: *"Thế giới hiện nay là một ngôi nhà đang bốc cháy mà mọi người sống trong đó vẫn không ý thức được gì. Họ vẫn mải mê với việc tranh danh đoạt lợi, cướp bóc, chiếm đoạt lẫn nhau mà không biết ngày tàn và cái chết đã gần kề". Người đó còn nói rõ: "Hầu hết các tai họa xảy ra trong thời gian sắp tới đều bắt nguồn từ sự vô cảm, dối trá, tàn ác, giết chóc, tất cả những hành vi này sẽ dẫn đến những hậu quả không thể tránh khỏi"*. Nghe xong, tôi thầm nghĩ nếu đã biết mà không làm gì thì mình cũng chịu một phần trách nhiệm. Thánh Kinh cũng có nói về ngày tận thế và thời điểm ấy chắc không còn xa. Lúc đó, tôi hỏi người kia liệu nhân loại có thể tránh được sự tận diệt không? Người đó nói rằng mọi sự trong vũ trụ đều có thể thay đổi và luôn thay đổi, không có gì bất biến. Không phải Thánh Kinh nói có tận thế thì sẽ xảy ra đúng như thế. Nó có thể xảy ra và cũng có thể không xảy ra. Việc này tùy thuộc vào tâm thức chung của nhân loại. Tâm thức chung này lại phụ thuộc vào sự hiểu biết. Nếu nhân loại đủ hiểu biết để chuyển đổi tâm thức, để cùng nhau thay đổi thì may ra mối thoát được tai họa này.

Farnum dừng lại, suy tư một lúc rồi nói một cách chậm rãi:

- Tôi biết thời gian của tôi sống trên cõi đời này không còn nhiều. Biến cố kỳ lạ vừa qua giúp tôi hiểu rằng khi đã sống đến tuổi bảy mươi sáu thế này thì thời gian là cái không thể lãng phí được. Tôi biết là tôi có thể ra đi bất cứ lúc nào. Đã từng qua thế giới bên kia nên tôi không còn sợ chết nhưng tôi phải sống phần đời còn lại này thật có ý nghĩa để còn có thể gặp lại cha tôi ở cõi bên kia. Nếu tôi cứ tiếp tục sống với những ham muốn vị kỷ thì làm sao tôi được gặp lại cha tôi, người đang sống ở cõi giới của những tâm thức cao cả? Tôi không biết cha tôi và những người kia đã chuẩn bị gì cho tương lai của nhân loại, nhưng tôi muốn được đồng hành cùng ông. Do đó, tôi muốn làm thật nhiều việc hữu ích cho nhân loại trong thời gian hữu hạn còn lại này. Nếu giải pháp cho vấn đề hiện nay là chuyển đổi tâm thức con người thì tôi phải đầu tư vào việc này ngay. Từ đó, tôi cứ mãi suy nghĩ về việc làm sao tạo ra sự thay đổi và chợt nhớ đến công thức của anh. Do đó, tôi đã quyết định lập ra một ngân quỹ với tất cả tài sản của tôi, để hỗ trợ cho những người có thể tạo ra sự thay đổi tâm thức cho toàn thế giới. Đây không phải ngân quỹ từ thiện hay hỗ trợ nghiên cứu khoa học, càng không phải quỹ đầu tư tài chính, mà là một ngân quỹ hỗ trợ cho những giá trị mới, những giá trị giúp cho sự thay đổi đích thực có thể xảy ra. Tôi muốn anh thay mặt tôi quản lý quỹ tài trợ này để vận hành và tài trợ cho những người có

thể thực sự tạo nên viễn kiến tương lai hay hành động để chuyển đổi tâm thức, tạo nên khác biệt, nhằm thức tỉnh con người càng nhanh càng tốt.

Đến lúc này, tôi mới hiểu rõ thiện ý của Farnum và lý do tại sao ông muốn gặp tôi tại tư gia mà không có ai khác tham dự. Tôi thật sự xúc động trước những tâm tư của người bạn này. Tuy nhiên, tôi vẫn còn thắc mắc:

- Tại sao anh tin tôi? Tại sao anh không giao cho ai khác?

Farnum mỉm cười vẻ thần bí, rồi thong thả giải thích:

- Không phải vì chúng ta là bạn mà tôi tin anh đâu. Chính người lạ kia đã nói với tôi, trước khi tôi về cõi trần, rằng một người bạn cũ có thể giúp tôi làm việc này.

Tôi ngạc nhiên:

- Một người bạn cũ? Là tôi ư? Ông ấy nói vậy sao?

Farnum gật đầu:

- Lúc đó tôi không hề nghĩ đến anh nhưng rồi khi nhớ đến công thức của anh, nhớ lại những đức tính của anh, tôi đã cảm thấy ngay anh chính là người có thể giúp được việc này. Anh, chứ không phải một ai khác.

Tôi hỏi tiếp:

- Vậy người lạ kia còn nói gì nữa?

Farnum nói:

- Ông ấy nói rằng hiện nay thế giới đang ở trong giai đoạn hủy hoại và có thể sẽ bước vào giai đoạn tận diệt. Đây là thời đại mà những điều tốt diễn ra thì ít còn những điều xấu thì tràn lan khắp nơi. Con người ngày càng trở nên ích kỷ, tham lam, ham quyền lực và hung bạo hơn trước. Hiện nay, khắp nơi xảy ra thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, tất cả là để cảnh cáo về sự hủy diệt sắp xảy ra. Thế nhưng mọi người vẫn dửng dưng quan sát, bình luận một cách vô cảm, như thể đó không phải việc của mình, không can hệ gì đến mình. Nhưng vũ trụ luôn có nhân quả. Quả không thể trổ khi không có nhân từ con người sống trên hành tinh

này.

Tôi gật đầu, đồng tình với Farnum. Đúng là gần đây, những cơn bão xảy ra thường xuyên hơn, với cường độ ngày càng mạnh, chưa kể cháy rừng dữ dội ở Amazon, Australia, trong khi nhiều quốc gia khác thì xảy ra lụt lội, chết người vô số, lại còn nạn đói, hạn hán, chưa kể những dịch bệnh lạ liên tục xuất hiện...

Farnum nói tiếp:

- Người kia nói đúng, thế giới như căn nhà đang bùng cháy mà con người sống trong đó vẫn cảm thấy vô can. Người ta chỉ biết sợ khi tai họa xảy đến với chính mình. Hiện nay, đa số vẫn quy lỗi cho thiên nhiên, đất trời. Họ cho rằng bão tố, sóng thần, lụt lội, núi lửa phun trào, hạn hán, dịch bệnh lạ đều do tự nhiên tạo ra, không phải do con người. Không con người nào có thể tạo ra được động đất hay bão tố được. Logic của mọi người là thế. Họ không hiểu rằng tất cả mọi sự xảy ra trên trái đất này đều tương quan chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu nghĩ rằng con người không có trách nhiệm gì với những thiên tai đó thì chính là thiếu hiểu biết và vô cảm.

Theo lời kể của Farnum, những điều người lạ ở cõi bên kia nói cũng giống như điều ông Kris đã chia sẻ với tôi về mối tương quan giữa tư tưởng, tâm thức của con người và các biến chuyển vật chất. Các tư tưởng bạo lực, hận thù, ích kỷ có thể gây ra các trận cuồng phong, bão tố. Đây là điều mà chưa mấy ai hiểu và khoa học cũng chưa thể chấp nhận.

Farnum ngừng lại một lát rồi nói tiếp:

- Người đó còn nói, sắp tới, ngoài những thiên tai ghê gớm còn có những nhân tai - tai họa do chính con người gây ra nữa. Ngoài chiến tranh với vũ khí nguyên tử có sức hủy diệt hàng loạt, còn có dịch bệnh do chính con người gây ra bằng vũ khí sinh học, có sức tàn phá ghê gớm hơn nhiều. Không phải chỉ có một dịch bệnh rồi thôi, mà sẽ còn nhiều, hết dịch bệnh này sẽ đến dịch bệnh khác, nguy hiểm hơn bội phần. Khi băng tan ở Bắc cực và Nam cực thì sẽ giải phóng ra những mầm bệnh kinh khủng đã chôn vùi cả triệu năm, phát tán đi khắp địa cầu. Khi nghe đến đó, tôi nghĩ đến dịch bệnh SARS (*Severe Acute Respiratory Syndrome*) bùng phát vào năm 2002 tại Trung Quốc, lây lan ra toàn thế giới. Trong quá khứ đã có nhiều dịch bệnh xảy ra và các nhà khoa học có thể tìm ra cách chữa, nhưng theo người đó thì những dịch bệnh sắp tới sẽ ghê gớm hơn nhiều, phát xuất từ những chủng virus mới có thể đột biến liên tục và có khả

năng lây lan rất nhanh. Nó lan truyền trong không khí, đi khắp thế giới. Hết bệnh này sẽ có dịch bệnh khác, cái đến sau lại ghê gớm hơn cái trước. Không nơi chốn nào trên hành tinh này có thể né tránh được tai họa này. Nó sẽ phá hoại các cơ quan nội tạng của con người, cho nên dù không chết, bệnh nhân cũng sẽ phải chịu đựng những triệu chứng phụ nghiêm trọng, khổ sở suốt đời. Bệnh này tấn công cả người lớn lẫn trẻ con, ngay như trẻ sơ sinh hay thai nhi trong bụng mẹ cũng có thể mắc và khi sinh ra sẽ chịu khổ sở vì các triệu chứng lạ lùng. Sự hỗn loạn, bất an và xáo trộn sẽ tạo cơ hội cho những kẻ có sẵn tham vọng gây ra chiến tranh để đạt được mục đích. Con người tiếp tục xung đột, tranh giành quyền lực, giết hại lẫn nhau vì lòng tham lam và sân hận quá lớn, không thể dập tắt được. Nếu thiên tai không giết được loài người thì nhân tai cũng sẽ giết, rồi thì chiến tranh quy mô lớn cũng sẽ dự phần vào việc đó.

Tôi cũng chia sẻ với Farnum về chu kỳ "*Thành, Trụ, Hoại, Diệt*" rằng hiện nay con người đã đi quá xa trên phương diện phát triển tri thức hướng ra bên ngoài, chính điều đó khơi gợi lòng tham lam, sự ích kỷ, gây ra tranh giành, chiếm đoạt, hận thù và rồi dẫn đến chiến tranh. Do đó, nhân loại cần phải phát triển về phương diện thức tỉnh tâm linh để đảo chiều sự tiến bộ của tri thức, thay vì tri thức hướng ra ngoài, ta cần hướng vào bên trong, tìm lại sự quân bình năng lượng tâm thức, nếu không thì khó tránh được sự hủy diệt.

Farnum rất đồng tình với những chia sẻ của tôi. Ông trầm ngâm một chút rồi nói thêm:

- Tôi đã suy nghĩ rất kỹ trước khi đưa ra quyết định này. Tôi muốn đóng góp tất cả những gì mình có, mong có thể góp phần tạo ra cuộc cách mạng chuyển hóa tâm thức cho mọi người. Dĩ nhiên một cá nhân không thể làm được gì. Một nhóm người cũng không đủ lực để thay đổi những việc có thể xảy ra. Đây là việc chung của toàn thể nhân loại nhưng tôi sẵn sàng khởi xướng và tin rằng sẽ có nhiều người tiếp tục. Tôi biết đây là việc lớn, gần như không thể hoàn thành trong một sớm một chiều nhưng tôi vẫn quyết tâm làm, vì đây là việc khẩn cấp và nhân loại không còn nhiều thời gian. Anh có thể cho đây là một việc điên rồ, nhưng tôi hy vọng có thể góp phần sức lực nhỏ nhoi của mình để thay đổi chút gì đó trên trái đất này.

Tôi cầm chặt tay ông, nói ngay:

- Không đâu! Anh không phải là người duy nhất. Tôi hoàn toàn đồng ý với hướng anh đi và sẵn sàng hết lòng hỗ trợ anh trong việc này. Chúng ta sẽ hợp lực làm

việc với nhau. Tôi biết tương lai sẽ có nhiều biến động rất ghê gớm và thế giới có thể thoát được nguy cơ diệt vong không vẫn là một ẩn số.

Farnum gật đầu:

- Cảm ơn anh. Về việc nhân loại có thoát được nguy cơ diệt vong hay không, tôi cũng có hỏi người lạ mặt kia. Ông ấy chỉ nói ngắn gọn rằng: "thế giới tương lai chỉ dành cho những người có đức hạnh. Những kẻ hung ác, tàn bạo, ích kỷ sẽ bị loại bỏ. Nếu người lãnh tụ quốc gia có đức hạnh thì quốc gia sẽ tồn tại. Nếu đó là kẻ chuyên chế, bạo tàn, muốn thống lĩnh, muốn chiếm đoạt tất cả thì sớm muộn cũng sẽ mất tất cả, quốc gia đó sẽ bị chia rẽ thành nhiều vùng, bị xóa tên khỏi bản đồ hoặc bị thay thế bằng những quốc gia mới nhỏ hơn".

Những lời này khiến tôi nghĩ ngay đến những đế quốc từng hùng mạnh như Ai Cập, Babylon, Hy Lạp, La Mã mà nay chỉ còn hiện diện trong những trang sách sử. Tôi nghĩ về cuộc gặp gỡ với ông Kris và những bài học về luật Nhân quả, rồi không khỏi cảm thán rằng hiện nay không có mấy người hiểu được quy luật vũ trụ này. Không có mấy người hiểu rằng làm ác thì phải gặp quả báo, đã gieo nhân thì ắt gặt quả. Sở dĩ con người gặp hoạn nạn là vì trước đó đã tạo nghiệp ác và đã đến lúc phải trả nghiệp. Lịch sử cũng có ghi chép về những vị hoàng đế vô đạo, độc tài, tàn bạo mà chẳng có ai kéo dài quyền lực được lâu. Hitler lập kế hoạch trăm năm cho chế độ quốc xã của Đức thống trị Âu Châu, nhưng tung hoành chưa được mười năm đã sụp đổ tan tành. Alexander Đại đế dùng vũ lực tạo nên một Đế quốc Hy Lạp vĩ đại nhưng ngắn ngủi - ngay sau khi ông chết, Hy Lạp rơi vào cảnh nội chiến tương tàn, nền văn minh suy thoái.

Cả hai chúng tôi đều chìm đắm trong im lặng suy tưởng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng về tương lai nhân loại. Sau cùng tôi hỏi:

- Tôi rất thán phục anh về việc dùng tài sản của mình để tạo ra ngân quỹ giúp cho sự thay đổi tâm thức nhân loại. Tôi sẽ dốc sức thực hiện cùng anh. Anh muốn ngân quỹ này được đặt tên thế nào và hoạt động ra sao?

Farnum nói một cách chậm rãi:

- Hiện nay, người làm việc thiện cũng có năm bảy kiểu, có người làm việc thiện vì thật tâm hướng thiện nhưng cũng có người vì tham vọng cá nhân, muốn tạo danh tiếng, để tự huyễn hoặc về công lao, địa vị của mình. Tôi muốn tuyệt đối tránh những điều đó. Tôi đã qua thế giới bên kia, tôi đã hiểu sự vô thường của

tài sản vật chất và danh vọng hão huyền nên tôi không muốn đưa tên tôi vào ngân quỹ này. Nó phải là ngân quỹ vô danh, do công ty của anh quản lý và điều hành. Đó là lý do mà tôi muốn gặp riêng anh để bàn việc này. Chúng ta làm cùng nhau, ít lâu nữa, khi tôi ra đi, anh tiếp tục điều hành, khi thời gian của anh không còn thì anh hãy đảm bảo công ty của anh vẫn sẽ tiếp tục sứ mệnh này cho đến khi mục đích của nó được hoàn tất.

Đến lúc này, tôi đã thật sự khâm phục người bạn lâu ngày không gặp này. Có thể Famum không biết gì về Karma Yoga nhưng ông đã hành động đúng như thế.

Có thể Farnum cũng không hiểu biết nhiều về luật Nhân quả nhưng ông hành động như người hiểu rõ luật này, ông gieo những nhân tốt một cách khiêm tốn và vô tư lợi. Có thật một người thành đạt, giàu có như ông lại thay đổi hoàn toàn chỉ sau một trải nghiệm cận tử? Hay trong ông vốn dĩ đã luôn có mầm thiện và sự minh triết này?

Farnum nói tiếp:

- Chúng ta đều là những người làm việc liên quan đến tiền bạc. Có bao giờ anh đặt câu hỏi tại sao thế giới ngày nay bị chi phối quá nhiều bởi đồng tiền không? Mọi lý thuyết về kinh tế, chính trị, thương mại đều lấy tiền bạc làm trọng tâm, làm mục đích. Quan niệm đề cao đồng tiền đã ăn sâu vào đời sống con người trong thời buổi hiện tại. Từ người lớn đến trẻ nhỏ đều chỉ nghĩ đến kiếm tiền, rồi lòng tham trở nên quá độ lúc nào không hay. Cũng vì đồng tiền, có người sẵn sàng lừa gạt, hãm hại người khác, thậm chí giết người. Bên cạnh đó, sự phát triển quá nhanh của công nghệ, còn góp phần khiến con người ngày càng ít đi phần nhân tính. Đồng tiền có sức mạnh của nó, nếu biết sử dụng nó, điều khiển nó chứ không để nó điều khiển mình, thì chúng ta làm được nhiều điều hữu ích. Chúng ta đã có cơ duyên hiểu biết được nhiều hơn về tương lai, ta có thể sử dụng tiền để phục vụ nhân loại.

Farnum ngừng lại nhìn tôi rồi nói:

- Để đi bước đầu, tôi đã quyết định phải thay đổi chính mình trước. Nếu mọi người ham muốn gì thì tôi sẽ làm ngược lại, nghĩa là từ bỏ cái ham muốn đó. Nếu mọi người chỉ làm việc để có lợi cho bản thân thì tôi chỉ làm những gì có lợi cho người khác. Tôi sẽ làm những điều không ai muốn làm, chỉ nhận những gì không ai muốn nhận. Tôi đã soạn sẵn một di chúc để lại tất cả tài sản cho ngân quỹ tài trợ cho việc chuyển đổi tâm thức này và anh sẽ là người quản lý.

Những lời nói chân thành của Farnum khiến tôi ngạc nhiên và xúc động mạnh vì nó gợi lại ký ức về kiếp sống tại Atlantis. Khi đó, một vị tu sĩ trong đền thờ Thái Dương đã giảng giải cho tôi nghe những lời này. Nhưng lúc đó tôi không hiểu mà cho rằng đó là suy nghĩ ngu xuẩn, đời sống có bao nhiêu thứ đặc ân mà lại không chịu hưởng thụ. Tôi chăm chú nhìn Farnum và bỗng cảm thấy ở ông có nét gì đó quen thuộc. Tôi nghĩ đến điều ông Kris nói về những người Atlantis đã trở lại trong các kiếp sống khác để học lại những điều họ cần học và áp dụng vào đời sông để tiến hóa lên cảnh giới tâm thức cao hơn. Phải chăng Farnum chính là vị tu sĩ nọ?

Farnum tiếp tục:

- Tôi trăn trở rất nhiều về việc chuyển đổi tương lai nên trong hai năm qua tôi đã tiếp xúc với nhiều nhà triết học, nhà khoa học, nhà kinh tế học trên thế giới để học hỏi thêm. Dĩ nhiên, tôi không cho họ biết về mục đích của mình, nhưng tôi đã học hỏi và chuẩn bị cho sự thay đổi sang thế giới quan mới (*New Paradigm*). Anh có nhớ gì về danh từ này không?

Tôi bật cười:

- Dĩ nhiên tôi nhớ danh từ "*Paradigm*" bắt nguồn từ chữ "*Paradigma*" có nghĩa là một hệ thống, khuôn mẫu hay sự tập hợp của những ước lệ đã có sẵn thành quan niệm chung được mọi người chấp nhận. Chúng ta từng đã học về thuật ngữ này trong lớp học về luật đầu tư.

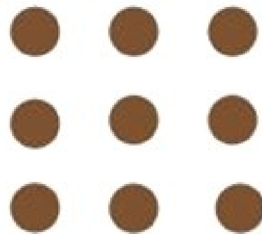
Farnum cũng bật cười theo rồi nói:

- Ngày nay, mọi người vẫn suy nghĩ theo những quan niệm hay thế giới quan đã được hệ thống hóa. Thật ra quan niệm chỉ là những "cặp kính màu" mà mọi người nhìn ra thế giới bên ngoài. Khi chúng ta chấp nhận quan niệm nào đó, chúng ta bị giới hạn bởi nó. Cái mà chúng ta cho là "Sự thật" thật ra chỉ mang tính tương đối, bởi ta đánh giá nó là sự thật thông qua cặp kính màu của một quan niệm nào đó mà thôi. Một khi chấp nhận quan niệm nào đó rồi, chúng ta không mấy khi đặt câu hỏi về giá trị của nó hay về những tác động nó tạo ra với nhân loại. Mọi người sống và tin tưởng theo quan niệm mà họ đã chấp nhận, những gì không phù hợp với quan niệm này sẽ bị coi là vô giá trị. Khi người ta được thoải mái trong một quan niệm nào đó thì họ không thể nhìn thấy gì khác. Ngày nay; nếu ai nói trái đất là trung tâm của vũ trụ và mặt trời, mặt trăng và mọi hành tinh

đều quay quanh trái đất thì chắc ai cũng bật cười vì khoa học đã chứng minh được quan niệm đó là hoàn toàn sai. Tuy nhiên, cách đây vài thế kỷ, bất cứ ai nói rằng mặt trời là trung tâm, còn trái đất và những hành tinh khác đều quay quanh mặt trời thì sẽ bị thiêu sống ngay. Copernicus và Galileo bị ghép tội là phù thủy, là kẻ dị giáo chỉ vì quan niệm của họ quá mới, thời đại của họ không chấp nhận được. Phải mất thời gian rất lâu, với các dữ kiện khoa học cụ thể, người ta mới thay đổi được quan niệm sai lầm kia. Khi quan niệm thay đổi thì con người cũng sẽ thay đổi. Cuộc cách mạng chuyển hóa là sự thay đổi quan niệm về những giá trị hiện tại dưới cái nhìn mới. Vậy cái nhìn mới là như thế nào?

Farnum mỉm cười, lấy ra một tờ giấy rồi vẽ lên đó một hình vuông, trong đó có chín điểm tròn rồi hỏi:

- Anh có thể vẽ bốn đường thẳng xuyên qua cả chín hình tròn mà không nhấc bút lên không?



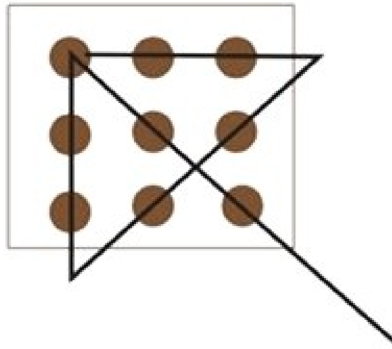
Câu hỏi thật thú vị. Tôi cầm tờ giấy lên quan sát và suy nghĩ, vẽ trong đầu một số cách thức đi bút nhưng vẫn để sót lại một hình tròn. Sau một lúc suy nghĩ, tôi lắc đầu, đặt tờ giấy xuống, mỉm cười:

- Câu đố thú vị quá. Tôi nghĩ đáp án cũng thú vị không kém. Rất tiếc tôi chưa nghĩ ra.

Farnum cũng cười, ông cầm bút lên, dùng đúng bốn đường thẳng xuyên qua chín hình tròn và không cần nhấc bút. Tôi ngạc nhiên vô cùng, vì đáp án quá đơn giản. Tôi bật cười:

- Ồ! Có thế mà tôi không nghĩ ra.

Farnum đã vẽ những đường thẳng như thế này:



Farnum mỉm cười:

- Trước đây, khi lần đầu gặp câu đố này, tôi cũng như anh, cứ tự động mặc định rằng những đường thẳng kia chỉ có thể nằm trong khung vuông bao quanh chín hình tròn thế là không giải được, cái khung này đã giới hạn suy nghĩ của chúng ta, nó tượng trưng cho quan niệm, cho thế giới quan của chúng ta hiện nay. Muốn giải quyết vấn đề, chúng ta phải thay đổi quan niệm bằng một góc nhìn mới, vượt lên trên những lý luận, giả thuyết cũ, những điều chúng ta cho rằng không thể xảy ra. Đó là sự chuyển hóa hay thay đổi quan niệm, chuyển đổi thế giới quan (*Paradigm Shift)*, mà nhà triết học khoa học Thomas Kuhn* đã nói đến. Tôi tin rằng giải pháp cho nhu cầu của nhân loại không phải điều gì phức tạp hay khó khăn như nhiều người vẫn nghĩ. Thực ra nó chỉ là sự giảm bớt các nhu cầu, đòi hỏi, lòng tham, ham muốn sở hữu và tiêu thụ, để cùng nhau giải quyết các việc chung của nhân loại như bảo vệ môi sinh, tiêu trừ bệnh tật. Nền kinh tế hiện nay vốn theo mô hình được đề xướng từ thế kỷ trước, chủ trương khuyến khích tiêu thụ, giúp các xưởng máy sản xuất vận hành và tạo ra việc làm cho mọi người. Mô hình này dựa trên nguyên tắc cung và cầu. Dựa vào nhu cầu tiêu thụ để xây dựng kinh tế và tạo ra việc làm. Mọi người càng tiêu thụ, xưởng sản xuất càng phát triển, tạo ra nhiều việc làm hơn. Dân chúng có việc làm, kiếm ra tiền thì sẽ tiêu thụ nhiều hơn và kinh tế theo đó phát triển lớn mạnh. Nhưng mô hình này đã gây ra nhiều hậu quả tai hại trong môi sinh và xã hội. Bất chấp sự phát triển kinh tế, sự bất mãn của con người với đời sống vật chất vẫn ngày càng tăng, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, trái đất thì ngày càng nóng lên, thiên tai cũng gia tăng cường độ, nỗi ám ảnh chiến tranh và vũ khí nguyên tử ngày một đe dọa nhân loại hơn. Trước đây chỉ có một số cường quốc có vũ khí nguyên tử, nhưng ngày nay các nước nhỏ cũng chạy đua vũ trang, nghiên cứu vũ khí nguyên tử, khiến nguy cơ chiến tranh ngày một lớn. Chỉ một biến cố nhỏ hay một lãnh tụ điên rồ, tùy hứng cũng có thể tận diệt cả thế giới. Do đó, người ta lại nghiên cứu một loại vũ khí khác, loại có thể tiêu diệt con người nhưng không

phá hủy thế giới, vậy là vũ khí sinh học được bí mật nghiên cứu. Chỉ một loại vi trùng được cấy ghép, thay đổi yếu tố di truyền để trở nên nguy hiểm và lây lan thật nhanh là có thể khuynh đảo thế giới. Đó là chiến tranh sinh học. Thế giới ngày nay đúng thật là ngôi nhà đang cháy mà con người trong đó vẫn vô tư không biết, không quan tâm lo lắng gì. Vì vậy, chúng ta cần một mô hình thực tế cho tương lai, hay viễn cảnh cho nhân loại. Khi số đông đã bất mãn với đời sống hiện tại và nhìn thấy viễn cảnh tương lai tốt đẹp hơn thì yếu tố duy nhất còn lại chỉ là hành động, công thức về sự thay đổi của anh có thể áp dụng được cho tương lai là vậy.

** Thomas Kuhn là người đầu tiên đề cập đến thuật ngữ "Paradigm shift" thuật ngữ này xuất hiện trong cuốn sách nổi tiếng The structure of Scientific Revolutions (cấu trúc của các cuộc cách mạng khoa học) của ông. Trong đó, Kuhn đã dẫn chứng hầu hết những tiến bộ vượt bậc trong khoa hoc đều bắt đầu với sự phá vỡ một truyền thống, một cách nghĩ cũ, hay nói cách khác, một thế giới quan cũ.*

Tôi trầm ngâm:

- Nhưng vấn đề chúng ta đang đề cập là vô cùng phức tạp, liệu một công thức quá đơn giản như vậy có giải quyết được không?

Farnum chậm rãi trả lời:

- Tôi đã đến gặp nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế học, cả các nhà lý luận để lấy thêm ý kiến về việc thay đổi quan niệm. Chắc anh cũng thấy trong mấy thế kỷ qua phần lớn những phát minh khoa học đều dựa vào quan niệm vật lý của Isaac Newton, rằng "Vũ trụ vận hành theo các định luật toán học", quan điểm được trình bày qua bộ sách kinh điển của ông: *Philosophiae Naturalis Principia Mathematica (Nguyên tắc toán học trong vạn vật)*. Newton khẳng định vũ trụ là một bộ máy hoàn hảo vận hành theo những định luật khoa học và mọi thứ đều có thể phân tích, chứng minh bằng lý luận của toán học. Từ quan niệm này mà nền khoa học thực nghiệm phát triển lớn mạnh, phát minh ra rất nhiều công cụ tối tân, phục vụ cho con người. Phần lớn các lý thuyết về chính trị, kinh tế, xã hội, thương mại ngày nay đều chịu ảnh hưởng của quan niệm duy lý này. Trong thế kỷ vừa qua, khoa học đã thống trị đời sống nhân loại. Tất cả những gì ngược với khoa học hay không thể chứng minh đều bị gọi là vô lý và được dán nhãn *phản khoa học*. Do đó, nhân loại lại chịu sự thống trị của quan niệm duy lý cũng không khác gì những quan niệm tôn giáo độc tôn trong thời Trung cổ.

Tuy nhiên, theo đà phát triển của khoa học, một số nhà khoa học bắt đầu nhận thấy có những hiện tượng xảy ra mà không thể giải thích bằng toán học được. Sau một thời gian tìm kiếm câu trả lời nhưng vô vọng, đa số nhà khoa học phủ nhận những hiện tượng này, vì cái gì không hợp với quan niệm chung thì không thể hiện hữu. Đầu thế kỷ 20, thuyết tương đối của Albert Einstein đã đưa ra quan niệm mới, một câu trả lời hợp lý cho những hiện tượng mà quan niệm của Newton không thể chứng minh. Chính Einstein đã nói: *"Chúng ta không thể giải quyết vấn đề bằng chính những tư duy đã tạo ra vấn đề đó"*. Chúng ta phải thoát ra khỏi cái hộp *(Thinking Out of the Box)*, suy nghĩ theo cách khác đi, vượt khỏi khuôn khổ, mới mong tìm ra được giải pháp.

Trong trí nhớ của tôi, Famum luôn là một người thông minh, học rộng hiểu nhiều, có điều tôi không biết ông nghiên cứu nhiều lĩnh vực như thế. Có thể sau trải nghiệm cận tử, ông đã học hỏi, đọc nhiều sách vở hơn để bổ túc cho kiến thức của mình. Tôi suy nghĩ một chút về những điều ông vừa nói, rồi trả lời:

- Ngày nay, người đưa ra quan niệm mới có thể không còn bị ghép tội là dị giáo hay phù thủy như xưa, nhưng cũng chỉ nhận được sự thờ ơ của quần chúng vì họ chưa hiểu hay chưa thể chấp nhận. Đây chính là yếu tố "R" trong công thức, là sự kháng cự, trở lực, không muốn thay đổi. Đó cũng là lý do Copernicus và Galileo từng bị lên án, xử tội. Những kẻ bảo thủ khi đó đã kháng cự sự thay đổi. Einstein là trường hợp ngoại lệ. Không những ông đưa ra quan niệm mới, mà chứng minh được nó rõ ràng, không ai có thể phản đối được, ông là người tiên phong trong việc thay đổi quan niệm rằng khoa học không phải là chân lý tuyệt đối. Ngày nay với sự tiến bộ thần tốc của công nghệ và máy điện toán, những giá trị mới, quan niệm mới cũng được số đông chấp nhận nhanh hơn so với thế kỷ trước.

Farnum gật đầu, nói tiếp:

- Đúng vậy. Có lẽ anh cũng đồng ý rằng sự thay đổi là điều hiển nhiên nhưng nó xảy ra như thế nào thì còn tùy thuộc vào viễn cảnh tương lai hay mô hình xã hội mà một số nhà khoa học, nhà nghiên cứu đang khởi xướng. Tương lai nhân loại không thể nằm trong tay một cá nhân, một chính thể hay quốc gia nào đó, tương lai phụ thuộc vào tất cả mọi người, vì tất cả chúng ta đều là thành phần trong đó. Thế giới tương lai sẽ không dựa trên lý thuyết về quốc gia, chủng tộc, giai cấp hay ý thức hệ nào, vì tất cả mọi sự đều liên quan chặt chẽ với nhau như một mạng lưới khổng lồ. Một sự thay đổi nhỏ ở chỗ này có thể ảnh hưởng đến tất

cả chỗ khác.

Điều Farnum vừa nói cũng tương tự như hiệu ứng cánh bướm mà khi xưa Hòa thượng Thánh Nghiêm đã đề cập. Một con bướm nhỏ đập cánh, tạo ra rung động mong manh cũng có thể cộng hưởng, gây ra một trận cuồng phong dữ dội. Lúc đó, tôi và phi hành gia Mitchell đã thảo luận tâm đắc về việc này, thật hay là bây giờ đã có nhiều người cũng có góc nhìn và niềm tin tương tự.

Farnum nói thêm:

- Lịch sử ghi nhận sự thay đổi thường bắt đầu với các anh hùng hay vĩ nhân mang lại trật tự cho xã hội. Tuy nhiên, tác giả Joel Barker khẳng định trong *Discovering the Future (Khám phá tương lai)* xuất bản năm 1988 rằng tương lai sẽ không còn các anh hùng cá nhân hay vĩ nhân tạo thời thế nữa. Thời của các anh hùng đã qua lâu rồi, tương lai sẽ có hàng triệu người có cùng quan niệm về đời sống mới. Họ sẽ đòi hỏi sự thay đổi và không chấp nhận những quan niệm lỗi thời, lạc hậu, không còn giá trị nữa.

Điều này cũng không khác điều trước đây ông Kris đã nói, rằng trong tương lai sẽ có rất nhiều người có trình độ hiểu biết xuất hiện giúp đỡ, chuyển đổi tâm thức cho nhân loại. Tôi thảo luận với Farnum về những thách thức của sứ mệnh này:

- Việc này nói thì dễ nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều vấn đề lắm. Sự chia rẽ và tinh thần quốc gia cực đoan vẫn rất mạnh, để cả triệu người có thể đồng chí hướng, chung một quan niệm thì phải trải qua một hành trình dài và chông gai.

Farnum mỉm cười nói:

- Anh nghĩ sao về suy nghĩ của Marshall McLuhan trong cuốn *Understanding Media (Tìm hiểu truyền thông)?* Ông ấy viết rằng tương lai sẽ không còn biên giới giữa các quốc gia nữa vì tất cả mọi nước đều được kết nối bởi hệ thống truyền thông. Mọi người có thể liên lạc, chia sẻ quan niệm riêng của họ với nhau, cho dù nó có thể khác những quan niệm đã được công nhận. Đây là một cuốn sách xuất bản năm 1964, khi máy điện toán còn rất thô sơ và Internet chưa ra đời.

Tôi lắc đầu:

- Tôi chưa đọc tác phẩm của McLuhan. Có thật là ông ấy đã tiên đoán như vậy không?

Farnum nói tiếp:

- Có những người tiên đoán khá chính xác về tương lai nhân loại. Họ không phải kiểu thầy bói nói bừa bằng tưởng tượng đâu. Họ là những giáo sư đại học danh tiếng, nghiên cứu tương lai dựa vào các dữ kiện khoa học. McLuhan nói rằng quan niệm về một tương lai như thế của nhân loại đã có từ lâu nhưng phải chờ đến khi khoa học kỹ thuật phát triển đến mức nào đó thì mới có thể biến nó thành sự thật, ông viết rằng trong tương lai, toàn thế giới sẽ được kết nối bởi mạng lưới truyền thông nên việc gì xảy ra ở nơi nào, dù hoang vu đến đâu, cũng được phổ biến ngay và truyền đi khắp thế giới. Con người sẽ không còn bị ngăn cách bởi không gian hay thành kiến nữa mà trở nên gần gũi với nhau hơn, vì sự chia sẻ đưa đến sự cảm thông và thấu hiểu. Theo thời gian, các mối thù hận, mưu mô, sợ hãi, bất đồng sinh phản kháng, sẽ dần phai nhạt, rồi triệt tiêu, đưa đến sự hợp tác để xây dựng một thế giới trong đó mọi người đều có thể chung sống hòa bình với nhau, thế giới mà ông đặt tên là “Ngôi làng thế giới” trong đó mọi “dân làng” đều sống hòa thuận, yên bình trong một trật tự chung. Trong tương lai đó, một nền giáo dục lan tỏa các giá trị này sẽ góp phần kết nối mọi người với nhau. Cần nhấn mạnh rằng McLuhan đã viết những điều này khi mà Internet còn chưa ra đời. Dĩ nhiên, thời điểm đó mọi người đều cho rằng McLuhan ngây thơ, lạc quan tếu. Một số người chỉ trích quan niệm này vì cho rằng đời sống văn minh phức tạp khi đó đã khiến con người trở nên ích kỷ, hung bạo, đa nghi, sợ hãi nhiều hơn. Họ không thể tin cậy lẫn nhau thì làm sao sống chung trong sự hòa hợp được. Viễn cảnh đó chỉ có thể nằm trong tưởng tượng. Người khác nói rằng con người đã quá quen thuộc với sự lừa bịp của các quảng cáo thương mại, hay thói bóp méo sự thật của truyền thông nên không thể tin tưởng nhau và xây dựng thế giới như thế được.

Tôi gật đầu:

- Truyền thông quả thật là con dao hai lưỡi. Tùy vào thế lực kiểm soát nó mà nó có thể đúng và cũng có thể sai, nó có thể phô bày sự thật cũng có thể tuyên truyền những điều giả dối.

Farnum nói thêm:

- Khi đó, McLuhan đã đáp trả những lời chỉ trích bằng một loạt bài viết mà đã

tạo nên một cuộc tranh luận khá gay gắt. Ông cho rằng suy nghĩ như thế là xem thường sự hiểu biết của con người. Con người của thế hệ tương lai sẽ biết nhận xét và có sự hiểu biết rộng rãi hơn rất nhiều. Không dễ gì lừa bịp hay kiểm soát họ được, ông đưa ra khái niệm về một hiện tượng gọi là “Bùng nổ thông tin nội chấn” *(Implosion of Information.)* vì qua mạng lưới kết nối triệu triệu người này, thế giới sẽ tràn ngập dữ kiện và các quan niệm mới lạ. Ông cho rằng, theo lẽ tự nhiên lúc đầu sẽ có dữ kiện đúng và cũng có dữ kiện sai, nhưng sau thời gian gạn lọc, những dữ liệu vô giá trị sẽ bị loại bỏ vì con người rất thông minh, sẽ biết lựa chọn, ông ấy còn tiên đoán trong tương lai sẽ có hàng triệu phát minh tân tiên xuất hiện, giúp mọi người tự do liên lạc với nhau. Tuy nhiên, ông cũng đặt câu hỏi khi có đầy đủ các tin tức và dữ kiện như thế, liệu con người có thể đi đến quyết định đúng đắn không? Liệu họ có đủ thông minh để tạo ra những nhận xét chính xác không? Hay phải chờ thêm thời gian nữa khi nhân loại trưởng thành và hiểu biết hơn? Dẫu thế nào, ông khẳng định, trước sau gì thì kỹ thuật truyền thông cũng giúp mọi người có thể "Tìm thấy nhau, gặp gỡ nhau, chia sẻ với nhau” và thế giới sẽ bừng lên một sức sống mạnh mẽ với nhiều tư tưởng mới lạ, khác hẳn khi trước.

Chúng ta có thể không phải là những người hùng nhưng chúng ta vẫn có khả năng góp phần vào công cuộc cứu lấy những người xung quanh ta, cứu lấy thế giới này. Tất cả chúng ta đều phải bắt đầu chuyển đổi tâm thức, chia sẻ, lan tỏa nhận thức mới, yêu thương, hàn gắn và chữa lành. Trong giai đoạn này, chỉ khi hết lòng hành thiện như vậy, nhân loại mới có thể có một tương lai tươi sáng.

Nghĩ tới lời ông Kris, tôi gật đầu:

- Một người bạn cũng từng chia sẻ với tôi rằng trong tương lai sẽ có rất đông người có trình độ hiểu biết thâm sâu xuất hiện giúp đỡ, chuyển đổi tâm thức cho nhân loại. Theo thời gian, số người này ngày càng đông, tạo ra được những động lực có thể thay đổi xã hội. Tuy nhiên, sự thay đổi xảy ra rất chậm vì nhiệm vụ của họ chỉ là thúc đẩy nhân loại chuyển đổi tâm thức để học hỏi và phát triển chứ không phải làm gì to lớn vĩ đại.

Farnum mỉm cười, gật đầu:

- Bạn anh nói đúng lắm. Tương lai mà McLuhan dự đoán mối chỉ xảy ra một phần. Lúc đó McLuhan tiên đoán rằng những quan niệm lỗi thời sẽ sụp đổ một cách nhanh chóng, vì tương lai cần một ý thức mới, một quan niệm mới để đem

lại hạnh phúc cho tất cả. Tuy nhiên, ngày nay đã có Internet, mọi người có thể liên lạc không giới hạn, nhưng con người lại thiếu liên kết hơn bao giờ hết. Và họ có thông cảm nhau không? Họ có biết gạn lọc những tin tức và dữ kiện để tìm ra một hướng đi chung hay không? Họ có thể cùng nhau hợp tác để xây dựng một "ngôi làng thế giới" như McLuhan tiên đoán không?

Tôi trầm ngâm:

- Đúng là xã hội ngày nay đã tiến bộ vượt bậc nhờ công nghệ, nhưng vẫn không đạt đến tương lai toàn mỹ kia được, có lẽ là vì mọi sự thay đổi phải bắt nguồn từ bên trong chứ không phải bên ngoài. Tiến bộ khoa học là sự thay đổi bên ngoài, nó không mang lại kết quả là vì trong tâm thức con người vẫn còn đầy những tham lam, ích kỷ, sân hận, thù oán, bạo động.

Famum chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Tôi biết tôi không tìm sai người để chia sẻ mà. Anh quả là có những hiểu biết sâu sắc về viễn cảnh tương lai, có một triết gia khác cũng đưa ra cái nhìn của mình, nhưng vối căn cứ khác. Năm 1963, trong cuốn *Island (Hải đảo)* của mình, triết gia, tiểu thuyết gia Aldous Huxley viết về một xã hội lý tưởng được xây dựng trên nền tảng "đại gia đình", nơi mà mọi người sống thân thiện, quây quần, giúp đỡ và hướng dẫn nhau như trong một gia đình. Đó là một xã hội mà trẻ con được giáo dục qua hành động chứ không phải chỉ bằng từ chương(*). Thay vì phải học theo hệ thống gò ép với quy luật chặt chẽ, thì trẻ sẽ được hướng dẫn để mở mang trí tưởng tượng phong phú, thuận theo tự nhiên. Trong xã hội này, thay vì chữa bệnh bằng công cụ khoa học thì người ta dùng sức mạnh của tư tưởng, bằng một sự phối hợp giữa tâm và thân. Xã hội tương lai này sẽ xây dựng trên tình thương khi sự áp chế bằng luật pháp bị thay thế bằng sự hiểu biết và trách nhiệm.

** (Từ cũ) Chỉ lối văn chương đẹp về hình thức nhưng sáo rỗng, không có giá trị trong đời sống thực tế.*

Tôi lên tiếng:

- Tôi có đọc vài quyển sách của Aldous Huxley, như cuốn *Brave New World (Thế giới mới tươi đẹp)* nhưng cuốn anh vừa nhắc thì tôi chưa biết đến.

Farnum gật đầu, nói:

- So với hơn năm chục cuốn sách đã tạo nên tên tuổi cho Aldous Huxley, từ *Brave New World đến The Doors of Perception (của vào nhận thức)* thì cuốn *Island* không nổi tiếng lắm, mặc dù đây là cuốn sách cuối cùng của Huxley. Tác giả đã dụng tâm mô tả một thế giới mà ông tin rằng sẽ xảy ra trong tương lai. Huxley lên án nền văn minh tiến bộ thiên về sự hưởng thụ của Tây phương đã đưa con người vào một đời sống bất công, với các thảm cảnh bóc lột tàn nhẫn và ông tin rằng giải pháp là truyền thông tâm linh của văn hóa Đông phương. Ông mượn lời nhân vật chính trong cuốn sách, bác sĩ MacPhail, để gửi gắm tâm sự: "Chúng ta phải gạn lọc lấy tinh hoa của cả hai nền văn hóa, Đông và Tây, của những gì cổ kính và những gì cấp tiến, của nhân văn và văn minh. Thế giới này tuy đã được tìm ra nhưng vẫn còn nhiều tiềm năng đang chờ đợi được khám phá".

Nếu để ý anh sẽ thấy trong thời gian gần đây, văn chương, âm nhạc, nghệ thuật đã bắt đầu thay đổi, vì người ta đã thấy sự ngông cuồng của khoa học kỹ thuật và các lý thuyết phi nhân đã đem lại hậu quả tai hại, khiến con người trở nên bơ vơ, lạc lõng, xa cách nhau. Một số người trẻ đã dần thay đổi thái độ sống. Thay vì bi quan hay chán nản với đời sống quay cuồng, họ tìm về cuộc sống thoải mái với thiên nhiên. Những người này chịu ảnh hưởng của Ralph Emerson, Henry Thoreau, Amos Bronson Alcott, hay Margaret Fuller. Nhà văn Jean-Francois Revel đã viết trong cuốn *Without Marx and Jesus (Khi không có Marx hay Jesus)* rằng thế hệ trẻ đang thay đổi cục diện thế giới bằng đường lối suy nghĩ khác hẳn những quan niệm trước đó. ông gọi đó là những con người mới (Homo Novus*). Những con người này cũng xuất hiện rải rác trong các tác phẩm của Hermann Hesse như những con người lý tưởng, biết tìm những giá trị vĩnh hằng cho tương lai bằng việc tự biết mình. Tư tưởng gia Marilyn Ferguson viết trong bài xã luận *The movement that has no name (Phong trào không tên)* vào năm 1976 về một phong trào được thành lập âm thầm bởi những cá nhân sống tại những quốc gia khác nhau nhưng chia sẻ một viễn cảnh chung. Họ tin rằng sự đổi thay bắt đầu bằng sự chuyển hóa nội tâm của chính họ, trước khi có thể thay đổi người khác. Thay vì đòi hỏi xã hội phải thay đổi thì họ tin rằng chính đời sống cá nhân của họ sẽ phản ánh sự đổi thay trong xã hội và theo thời gian sẽ biến đổi thế giới. Khi bị dư luận chỉ trích là không thực tế và viễn tưởng, tác giả trả lời trên một cuộc phỏng vấn truyền hình rằng: “người ta có thể bi quan hay lạc quan và chúng tôi chọn sự lạc quan vì đó là thái độ cần thiết để sống trong thời buổi đầy biến động này. Có thể có người đồng ý với tuyên bố của Albert Camus, rằng: “Chỉ có một vấn đề triết học thật sự nghiêm túc: đó là sự tự sát” để đánh giá cuộc đời đáng sống hay không đáng sống, còn chúng tôi, chúng

tôi luôn lựa chọn sự sống”.

** Thuật ngữ Homo Novus xuất hiện từ thời La Mã cổ đại, ban đầu được dùng với sắc thái khinh miệt (liên quan đến xuất thân chính trị), nhưng về sau được dùng để chỉ những người cấp tiến, tài giỏi, có tư tưởng mới, có thể tự tìm hướng đi cho cuộc sống của mình.*

Tôi gật gù khâm phục:

- Anh đọc nhiều sách thật đấy.

Farnum cười, thong thả nói:

- Trong hai năm qua tôi đã dành trọn thời giờ để đọc sách và nghiên cứu về sự thay đổi có thể xảy ra trong tương lai. Tôi nhận thấy những tác phẩm văn chương của thế kỷ 20 phần lớn đều đề cập đến sự tuyệt vọng, chán nản, bất mãn, đặc biệt là mất niềm tin. Dĩ nhiên làm sao người ta có thể lạc quan khi thế giới đang ở trong một lò lửa, khi súng đạn và bạo lực trở thành luật lệ, khi quyền lực và áp chế trở thành chính sách, khi xâm lược và chiếm đoạt là đường lối, khi tiền bạc là mục đích và thành công là đích đến, khi cạnh tranh, giành giật là lẽ tất nhiên. Tuy nhiên cũng có một tín hiệu đáng mừng. Theo thống kê gần đây của các nhà xuất bản lớn tại Hoa Kỳ thì khuynh hướng đọc sách của mọi người đã thay đổi. Nhiều người tìm đọc các loại sách về lịch sử, tôn giáo, nhất là sách về thiền hay về những điều thanh cao. Việc này cho thấy xu hướng bi quan, yếm thế của thế kỷ 20 đang bị đào thải. Khi con người thay đổi tâm hồn, họ sẽ thay đổi quan niệm và khi quan niệm thay đổi xã hội cũng sẽ thay đổi.

Tôi gật đầu:

- Thật trùng hợp, cách đây không lâu, một người bạn cũng chia sẻ với tôi rằng ông ấy nghĩ tương lai sẽ là thời của các văn sĩ, nghệ sĩ, những người có sức sáng tạo mạnh mẽ trong địa hạt văn chương, nghệ thuật. Những tác phẩm của họ sẽ phản ánh lòng từ ái, sự hiểu biết, sự sáng tạo, tôn vinh những cái đẹp của thiên nhiên và ảnh hưởng nhân loại trên bình diện tư tưởng và tình cảm. Tôi hoàn toàn đồng ý, điều gì phát sinh từ tâm thức thanh cao đều có sức cảm hóa mạnh mẽ, thâm nhập vào tâm hồn con người và tạo ra sự thay đổi.

Farnum gật đầu tỏ vẻ tâm đắc rồi nói thêm:

- Nhà tâm lý William James đã viết: “Trong các sinh vật, chỉ có con người là có thể thay đổi số phận của mình. Con người có sự tự do và cuộc cách mạng vĩ đại nhất mà họ có thể thực hiện chính là thay đổi tư duy bên trong, nhờ đó họ có thể thay đổi thái độ của mình với đời sống bên ngoài”. Do đó tôi hy vọng chúng ta có thể đem lại cho thế hệ sau những lý do chính đáng để tin tưởng vào tình người, để giải quyết vấn đề và khôi phục lại trái đất của chúng ta.

Thời gian còn lại của cuộc gặp mặt hôm đó, tôi và Farnum tiếp tục bàn về những gì quỹ tài trợ có thể làm được, những đối tượng nào cần đến chúng tôi và chúng tôi sẽ làm gì để giúp họ. Chuyển hóa tâm thức nhân loại là một hành trình dài và gian nan, cần đến rất nhiều người khởi xướng và lan tỏa. Chúng tôi tình nguyện đứng phía sau hỗ trợ cho mọi hoạt động của họ, để một thành mười, mười thành trăm, rồi triệu triệu con người có thể thay đổi, rồi tương lai, tự khắc cũng được thay đổi.

***

Trong mỗi trăn trở về tương lai nhân loại, tại một buổi nói chuyện để duyệt lại phần ghi chép của tôi, Thomas có hỏi ý kiến tôi về những người trẻ đang khởi nghiệp về công nghệ tại Thung lũng Silicon. Tôi cho ông biết, theo quan sát của tôi, chỉ một số rất ít người khởi nghiệp là vì muốn tạo ra sự khác biệt hay vì niềm đam mê sáng tạo, còn phần lớn là chỉ tìm cách kiếm được nhiều tiền. Nhiều người vẫn tin rằng có nhiều tiền là có hạnh phúc.

Thomas nói rằng ông rất hiểu, vì chính ông trước đây cũng tin rằng làm giàu là mục đích quan trọng của cuộc đời. Nhưng qua những trải nghiệm tiền kiếp và tiếp xúc với những người như ông Kris và Farnum, ông đã thay đổi quan niệm và coi mục đích phần đời còn lại là làm những việc giúp ích cho người khác. Ông nói rằng Farnum cũng thế. Thomas nhấn mạnh: *"Làm người ai rồi cũng sẽ chết, nhưng khi nào chết là điều không ai biết trước được. Do đó, chúng ta phải biết nhìn lại và điều chỉnh cách sống, sống như thế nào để không uổng phí một kiếp người. Cho dù có tiền rừng bạc biển, có công danh phú quý bao nhiêu thì sau cùng cũng chỉ là phù du, không ai mang theo những thứ đó được. Cái duy nhất sẽ đi theo chúng ta là những cái “**nhân**” cả tốt lẫn xấu, mà chúng ta đã gieo, đợi đến ngày gặt "**quả**" Trí thức Tây phương chúng ta trước giờ không nói đến việc này, nên ít ai ý thức được. Dù khoa học đã nói về “động lực” và “phản lực” nhưng cũng chỉ trong phạm vi vật lý chứ không phải trong cuộc sống. Do đó, vấn đề cần thiết là làm sao chỉ rõ và cảnh tỉnh cho mọi người về luật Nhân quả thì may ra thế giới mới có thể khác đi và*

tươi sáng hơn được".

Nói về tương lai nhân loại, Thomas cũng nhấn mạnh nỗi lo con người bị chia cắt, cô độc bởi công nghệ. Sự phát triển quá nhanh của công nghệ và sự lạm dụng sản phẩm công nghệ đã khiến con người bị mê hoặc, cô lập khỏi thế giới thật, mất đi sự kết nối giữa con người và con người. Chúng ta thấy trên đường, bên xe đầy những con người vừa di chuyển vừa dán mắt vào màn hình điện thoại, trong quán cà phê hay chốn công cộng, người ta chuyện trò với nhau thì ít mà tương tác với đồ chơi công nghệ thì nhiều. Trong những gia đình, vợ chồng, con cái có những lúc ngồi bên nhau nhưng mỗi người một chiếc điện thoại, chẳng buồn để tâm đến nhau và đánh mất những kết nối gia đình thiêng liêng. Công nghệ đã dựng lên những bức tường ngăn cách vô hình giữa con người, khiên sự kết nối nhân tính và thẩm mỹ, văn hóa đại chúng xuống dốc. Thời gian sống của chúng ta đã san sẻ cho chiếc màn hình bé nhỏ đó quá nhiều mà quên đi một thế giới rộng lớn đang hiện hữu. Chúng ta đã bỏ lỡ nhiều thứ, đánh mất nhiều thứ, trong đó đáng tiếc nhất chính là những cảm xúc tự nhiên, những kết nối yêu thương. Tình người là nền tảng cho văn minh nhân loại, nay đang dần mất đi trong mỗi con người...

Thomas cũng hỏi ý kiến của tôi về vai trò của trí thông minh nhân tạo (*Irtificial Intelligence*) trong tương lai. Đây là một chủ đề chúng tôi từng trao đổi sâu trước đây, nay ông muốn bổ sung thêm góc nhìn cho tương lai. Là giáo sư chuyên nghiên cứu và giảng dạy môn này, tôi có thể tiên đoán rằng khoảng mười năm nữa máy tính có thể tính nhanh gấp một tỷ lần đầu óc của con người, vào lúc đó, phần lớn xe hơi chạy trên đường đều là xe không người lái và hầu hết các dịch vụ buôn bán, thương mại và phục vụ con người sẽ do robot đảm đương. Ngay như tin tức truyền hình, báo chí, và thậm chí cả văn chương cũng sẽ được thực hiện bởi những máy điện toán siêu thông minh. Trong phòng thí nghiệm của tôi tại Đại học Carnegie Mellon, các chương trình điện toán thông minh đã nhận tin tức về bóng đá, bóng rổ rồi viết lại thành những bài phóng sự thể thao mà không hề có bàn tay khối óc người nào đụng đến. Một chương trình khác đã có thể làm thơ và khi tôi đưa bài thơ đó cho một giáo sư khá nổi tiếng về văn chương xem, ông đọc xong và không thể tin đó là bài thơ do robot viết ra.

Áp dụng công nghệ thông minh giúp các quốc gia phát triển nhanh hơn nhưng không mấy ai nhìn xa thấy được sự phát triển như vũ bão của công nghệ đã đẩy hàng triệu người vào cảnh thất nghiệp. Bên cạnh hào quang của những người khởi nghiệp thành công, là biết bao nhiêu người khởi nghiệp thất bại và bao nhiêu công nhân mất việc vì hãng xưởng của họ đã được tự động hóa. Suy cho

cùng, robot có thể thông minh Intelligence nhưng không thể có được trí tuệ uyên bác thực sự (Wisdom) - thông minh và trí tuệ khác nhau rất xa. Quá đề cao hay phụ thuộc vào robot sẽ khiến con người ngày càng kém phát triển.

Tôi không lên án công nghệ nhưng tôi muốn đưa ra một lời cảnh cáo rằng công nghệ không phải là giải pháp cho tất cả, chúng ta cần sử dụng công nghệ vối sự sáng suốt và tình nhân ái. Trong mọi sự tính toán cần có yếu tố nhân văn vì chúng ta là con người, chúng ta có tình thương yêu, biết tha thứ, biết bổn phận và trách nhiệm cũng như hàng trăm đức hạnh khác cần có của con người. Máy móc dù thông minh đến đâu cũng không thể làm việc đó được, cho nên, vấn đề không phải là công nghệ, mà là chúng ta áp dụng công nghệ như thế nào. Tại sao chúng ta lại để cho máy móc thay thế khả năng suy nghĩ, ứng xử của con người? Tại sao chúng ta lại để cho máy móc quyết định thay mình? Tại sao chúng ta để cho điện thoại thông minh và các ứng dụng kết nối con người thay vì gặp gỡ và thông cảm với nhau? Công nghệ thông minh có thể giúp con người liên lạc nhanh chóng nhưng trớ trêu thay, chính nó lại tạo ra sự xa cách, chưa kể đến yếu tố trục lợi, khai thác thông tin cá nhân người sử dụng.

Tỷ phú Elon Musk đã cảnh báo rằng sự phát triển quá đà của nền công nghệ trí thông minh nhân tạo đang "*mời gọi quỷ ma đến với loài người*" Nhà khoa học Stephen Hawking cũng cảnh cáo rằng trí thông minh nhân tạo có thể đưa đến sự diệt vong của nhân loại. Theo tôi, tất cả những kỹ thuật dù thông minh tới tận đâu cũng không thể giúp chúng ta có được trí tuệ thật sự được. Trí tuệ là sự chuyển hóa vô cùng tinh tế bên trong, thông qua quá trình công phu tu tập.

Thomas và tôi tiếp tục thảo luận về cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà nhân loại nhất định phải trải qua để cứu vãn sự sống của chính mình và của hành tinh này. Tôi chia sẻ với Thomas:

- Tôi nghĩ rằng mọi chuyện xảy ra với chúng ta đều không phải là ngẫu nhiên, từ cuộc gặp gỡ với Hòa thượng Thánh Nghiêm ở Đài Bắc, mối quan hệ nhân duyên của ông vối Kris, đến sự kết nối bất ngờ của ông với Famum và ngay cả việc tôi đang ngồi đây ghi chép lại những câu chuyện của ông, tất cả đều được sắp đặt vì một mục đích, sứ mệnh nào đó.

Thomas gật đầu, vẻ trầm tư như đang chìm đắm trong dòng suy tưởng, rồi nói tiếp:

- Tôi cũng nghĩ như anh, chúng ta đều có những sứ mệnh riêng trong sự sắp xếp

này. Trên đường trở về New York, tôi suy nghĩ rất nhiều về những điều Farnum nói, về trọng trách nặng nề mà ông ấy đã giao phó cho tôi. Chúng ta có thể không phải là những người hùng nhưng chúng ta vẫn có khả năng góp phần vào công cuộc cứu lấy những người xung quanh ta, cứu lấy thế giới này. Tất cả chúng ta đều phải bắt đầu chuyển đổi tâm thức, chia sẻ, lan tỏa nhận thức mới, yêu thương, hàn gắn và chữa lành. Trong giai đoạn biến động đặc biệt này, chỉ khi hết lòng hành thiện như vậy, nhân loại mới có thể có được một tương lai tươi sáng hơn.

Tôi bước tới cửa sổ và nhìn ra bầu trời đang chìm dần vào đêm tối với dòng suy nghĩ miên man. Liệu nhân loại có thể vượt qua được giai đoạn bão tố sắp tới không? Thế giới rồi sẽ ra sao, có thể cứu vãn được không? Thomas từng nói mỗi chúng ta đều có thể là những cánh bướm rung động mong manh, cùng tạo nên những trận cuồng phong mãnh liệt để thức tỉnh con người, vậy chúng tôi chỉ có thể làm hết sức mình để lan tỏa cuộc cách mạng chuyên hóa tâm thức này.

Tôi lặng người đi một hồi lâu trong suy tưởng, còn Thomas thì im lặng nhìn vào bức tranh Hy Lạp cổ đại đang tỏa sáng trên tường.

Tôi phá vỡ sự im lặng:

- Nếu như thế giới này đang đứng trước những hiểm họa lớn thì liệu cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức có còn kịp diễn ra không, khi mà những khủng hoảng dường như đang đồng loạt xảy ra ở khắp nơi, thiên tai ngày một khủng khiếp hơn, dịch bệnh đang trở thành bóng ma hủy diệt mạng sống con người, tàn phá nền kinh tế, chia rẽ con người?

Thomas quay lại nhìn tôi, giọng trầm xuống:

- Không cần phải là nhà tiên tri thì bất cứ ai cũng có thể thấy những tai ương đang ập đến hành tính này mỗi lúc một dồn dập hơn và thật khó lý giải. Sóng thần, động đất, bão tuyết, khô hạn, lũ lụt, cháy rừng, đại dương nhiễm độc, băng tan ở hai đầu cực, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, những chia rẽ, bạo lực, xung đột... ngày càng khốc liệt hơn. Cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà chúng ta hướng đến có diễn ra kịp hay không phụ thuộc vào sự lan tỏa từ những người biết thức tỉnh. Tôi không dám nói trước điều gì, tôi chỉ biết rằng chúng ta cần phải chia sẻ nhận thức, giảm biệt nghiệp của mỗi người và cộng nghiệp của quốc gia càng sớm càng tốt.

Trong quá trình trò chuyện và ghi chép, tôi như người thám hiểm bị hút vào không gian đa chiều của thời gian trong những kiếp sống của Thomas. Tôi lắng đọng, quan sát, đồng cảm chiêm nghiệm những thăng trầm kỳ lạ của bạn mình, cảm thấy thật may mắn được chứng kiến những lát cắt chu kỳ nhân loại.

Như ông Kris và Thomas chia sẻ, nhân quả và nghiệp lực dẫn lối cho tàng thức của chúng ta rèn qua nhiều kiếp của luân hồi, có lẽ, tôi và Thomas cũng từng có nhân duyên đặc biệt nên mới được gặp nhau và cùng nhau chia sẻ những câu chuyện, những phân tích, đúc kết và cả tầm nhìn về những điều lớn lao sắp đến qua những buổi trò chuyện có khi đến gần sáng này.

Thời gian trôi qua nhanh. Sau hơn mười ngày trao đổi, ghi chép kỹ lưỡng cuộc hành trình hiếm có của Thomas, tôi nóng lòng trở về để tập trung vào việc viết hoàn tất cuốn sách. Thomas im lặng cùng tôi thu dọn hành lý và sau cùng chỉ nói ngắn gọn:

- Tất cả mới chỉ bắt đầu. Sắp tới sẽ còn nhiều biến động bất ngờ nữa. Chúng ta cần phải hợp lực ngay từ bây giờ để có thể tạo nên sự thay đổi.

Thomas lái xe tiễn tôi ra sân bay John F. Kennedy để kịp chuyến bay tối. Nhìn khung cảnh vắng lặng hai bên đường lùi về phía sau qua cửa kính xe, trong tôi dằng lên một cảm xúc xáo trộn khó tả. New York chưa bao giờ im ắng đến vậy. Ánh hoàng hôn đỏ rực cuối trời len lỏi chiếu qua khe hở những đám mây in bóng lên những tòa cao ốc kỳ vĩ đang im lìm một cách dị thường - điều ít thấy tại một thành phố nổi tiếng luôn náo nhiệt không ngừng nghỉ.

Thomas tận tay gửi hành lý lấy thẻ lên máy bay và đưa tôi vào tận cửa kiểm soát an ninh, ông siết chặt tay nhìn vào mắt tôi, giọng xúc động:

- Chúng ta sẽ còn gặp nhau!

“Từ nơi xa xôi, điều sau cùng tôi muốn chia sẻ với bạn đọc Việt Nam: Hành tinh, thế giới này sẽ còn rất nhiều biển động, cầu mong những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với Việt Nam - đất nước quê hương chúng ta."

Để tải về MUÔN KIẾP NHÂN SINH TẬP 1, bạn nhấn vào các link dưới đây:

- Bản cho các thiết bị iOS, Android: https://bit.ly/3ibfMor
- Bản cho máy đọc sách Kindle: https://bit.ly/3fn5I9K

(Hãy chia sẻ link trên với những người bạn để họ cũng được đọc sách miễn phí như bạn!)

Table of Contents